

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG THIỀN HỌC BẮC TRUYỀN
THÍCH ĐẠT MA KHẾ ĐỊNH

OAI NGHI CON ĐƯỜNG CỦA SỰ TỈNH THỨC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

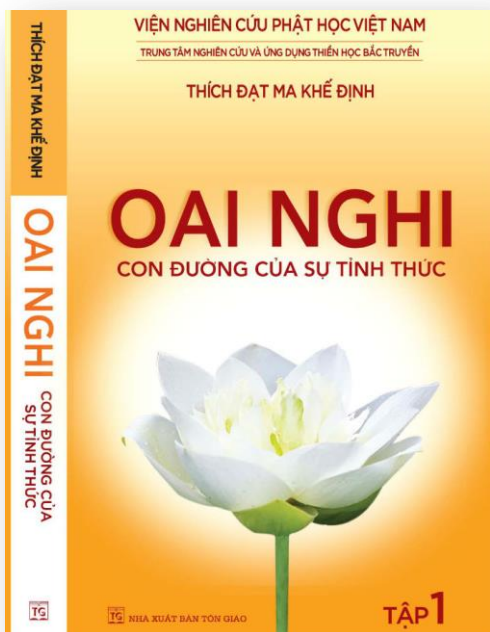
TẬP 1 & TẬP 2

Mục lục

- Lời Phi Lộ
- Dẫn Nhập
- 1. Kính Bậc Đại Sa Môn
- 2. Phép Thờ Thầy
- 3. Theo Thầy Ra Đi
- 4. Nhập Chúng
- 5. Tùy Chúng Thực
- 6. Phép Lễ Bái
- 7. Thính Pháp
- 8. Tập Học Kinh Điển
- 9. Vào Chùa Am
- 10. Vào Thiền Đường Phải Tùy Chúng
- 11. Giữ Làm Việc Chúng Tăng
- 12. Vào Nhà Tắm

Lời Phi Lộ

Bốn bộ luật tiểu Tỳ ni – Sa di – Oai nghi – Cảnh sách của Tổ Quy Sơn, Tổ Châu Hoằng,....Các Ngài là bậc long tượng trong thiền môn, vì thương hàng hậu học các Ngài chỉ thẳng phương pháp hóa giải tập khí của hàng xuất gia khi mới bước chân vào đạo, phải nói bốn bộ luật tiểu này được xem là khuôn vàng thước ngọc, là cẩm nang gối đầu giường của hành giả tu tập. Sách này không những là cơ sở cho giới cụ túc mà cũng là nền tảng cho giới Bồ-tát. Dung lượng của quyển sách này tuy khiêm tốn nhưng hiệu dụng của nó khi áp dụng hành trì thật lớn lao không ngần mé. Vì người mới bước chân vào đạo nếu không có sự tỉnh thức thì làm sao đạt đến con đường của Giới – Định – Tuệ. Nếu không nhờ oai nghi phép tắc trợ duyên thì làm sao bước vào con đường vô lậu được? Xét thấy quyển sách này có hiệu dụng như thế, nên sau khi được Thầy chúng



tôi cho xuất bản trong dịp đại giới đàn Pháp Loa. Chúng tôi cố gắng ghi lại từ bằng giảng trong bốn bộ luật tiểu có tên đề: “Oai nghi – Con đường của sự tỉnh thức”.

Việc làm này chắc chắn không sao tránh khỏi những điều sai sót. Chúng con thành kính các bậc trưởng thượng chỉ điểm thêm, chúng con vô cùng tri ân.

Cuối cùng với việc làm này chúng con hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh đồng phát Bồ-đề tâm, đồng thành Phật đạo.

*Viết tại TV. Trúc Lâm Chánh Thiện
Thích Đạt Ma Khế Định*

Dẫn Nhập

Bộ Sa Di Luật Nghi Yếu Lược nói *Oai Nghi Môn* có nghĩa là *cửa oai nghi*. *Môn* là cửa, nhưng Thiền sư Vô Môn hiệu Tuệ Khai nói:

“Phật dạy lấy tâm làm Tông, cửa Không là cửa Pháp, đã là không cửa làm sao thấu qua được?”

Học oai nghi tức là học về “cửa”, song “cửa” đó là gì? Nhà thiền thường nói là cửa Không, mà cửa Không làm sao thấu qua được? Cửa này ở đâu biểu hiện ra? Biểu hiện ra ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Theo tinh thần nhà Thiền hay theo tinh thần Giáo Tông, một người tu mà không có oai nghi phép tắc thì có còn ra người tu nữa không?

Thiền sư Lâm Tế khai thị:

“Trong thân chúng ta có một vô vị chân nhân thường ra vào nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chúng ta. Nói một cách khác, chúng ta khi thấy, khi nghe, khi nghĩ đều có cảm giác hoạt động mà không ai nhận biết. Hãy mở mắt tâm mà xem.”

Thiền sư Lâm Tế khai thị, trong thân mình có một vô vị chân nhân, nhưng làm sao nhận ra được? Nếu không nhận ra được thì sẽ như thế nào? Thì đi ra đường, mắt mình liếc ngó hai bên là không có chánh niệm, không phải thiền. Tay chân múa may, đi đứng không có chánh niệm bởi vì chưa nhận ra được vô vị chân nhân.

“Này các ông! Chỉ như người đang nghe pháp hiện nay, không phải là tứ đại của các ông mà hay sử dụng tứ đại của các ông. Nếu hay thấy được như thế mới là đi đứng tự do.”

Thiền sư Lâm Tế khai thị, người vô vị chân nhân chính là người đang nghe pháp hiện nay. Chẳng hạn như quý thầy lắng thần nghe là chính mình thấu tột được chỗ đó, thì lúc này mới gọi là đi đứng tự do. Một khi chuyển hóa thân tâm thì tự nhiên có một cách

thấy, cách sống khác. Chẳng hạn trong cuộc sống tu hành, giới luật mình phải giữ, nhưng quý thầy nhớ kỹ là đừng chấp vào việc giữ giới, vì chấp sẽ thành bệnh.

Bồ-tát Long Thọ khẳng định:

“Giới luật là da; thiền định là thịt; trí huệ là xương; ngộ, tức là nhận ra được tri kiến, là tủy.”

Người tu thiền cần đến chỗ này. Người thấy được chỗ này có cách sống khác hơn người cứ chăm chăm giữ giới, vì chăm chăm giữ giới nhiều khi trở nên chấp ngã. Chẳng hạn như quý thầy thấy mình giữ giới được thanh tịnh trang nghiêm, từ đó phát sinh sự chấp ngã, không có năng lực điều dụng bằng người ngộ được con người chân thật, con người đang nghe pháp. Người mà nhận ra con người chân thật rồi, mình thấy như là họ không có tu nhưng chính lúc đó họ tu đặc lực nhất, và sống rất bình ổn, an lạc. Khi đó mới là đi đứng được tự do. Nếu không mình sẽ bị trói buộc, trói buộc trong giới luật, trói buộc trong sự thấy mình đang giữ giới, và tự gò ép trong sự oai nghi nữa.

“Theo chỗ thấy của sơn tăng, không chán ghét pháp nào. Nếu ông mến Thánh thì Thánh chỉ là tên sông. Có một hạng người học, hướng trong Ngũ Đài Sơn tìm Văn Thù, sớm đã làm rồi. Trong Ngũ Đài Sơn không có Văn Thù. Ông muốn biết Văn Thù chăng? Chỉ là chỗ dùng trước mắt các ông trước sau không khác, chỗ chỗ không nghi, đó là Văn Thù sống.”

Nghĩa là mình không nghi được chỗ tinh thần, năng lực của thiền mà chư Tổ, mười phương chư Phật đã chỉ dạy. Một khi phát minh được tâm địa, ngộ được chỗ đó rồi, thì không nghi nữa, mà chính chỗ không nghi là *Căn Bản Trí*, đó là Văn Thù sống.

“Một tâm niệm sáng suốt không sai khác của ông, nơi nào cũng là chơn Phổ Hiền. Một tâm niệm tự hay mở trói tùy chỗ giải thoát của các ông, đó là pháp chánh định của Quán Thế Âm, hồ tương làm chủ, làm bạn, ra thì đồng thời ra, một tức là ba, ba tức là một. Hiểu được như thế mới nên cho xem kinh.”

Còn không hiểu thôi đừng xem kinh vô ích. Xem kinh mà chấp ngã: Chấp mình học nhiều, chấp thấy biết nhiều, rồi thấy người khác không học không tu gì hết, tự nhiên mình sanh tà kiến, không phải là tri kiến như thật nữa. Thấy được như thế, thì lúc này mở trói được tự tại, đây gọi là Quán Thế Âm Bồ-tát. Quán Thế Âm ra đời, ra từ đâu? Ra từ cửa lỗ tai.

“Đại đức tìm vật gì? Hiện nay đạo nhân không nương tựa, đang nghe pháp ở trước mắt rõ ràng phân minh, chưa từng thiếu thốn. Nếu ông muốn được cùng với Phật, Tổ không khác thì chỉ thấy như thế, chớ nên nghi ngờ.”

Nếu muốn cùng Phật, Tổ không khác thì mình phải thấu tốt được chỗ đó. Thấu tốt được: ngộ là phần tủy, còn phần da, phần thịt, phần xương chưa phải cứu cánh, chưa phải là chỗ tốt.

“Tâm tâm không khác gọi đó là Tổ sống. Tâm nếu có khác thì tánh, tướng khác nhau. Tâm nếu không khác thì tánh, tướng không riêng biệt.”

Khi ngài dạy đến chỗ này, thì có một vị tăng đứng ra thưa hỏi: *“Người chân thật không ngôi vị là gì?”* Tức là thế nào là vô vị chân nhân. Ngài nắm ông tăng lại và nói: *“Cần thi quyết!”* Tức là que chui phân. Ngài khẳng định như thế để quét sạch hết những tư tưởng đã học, đã biết, đã nghe. Nghĩa là mình giữ giới thanh tịnh, oai nghi phép tắc

hơn người khác, khi học tinh thần Lâm Tế là phải quét sạch hết không chấp trước. Chấp trước thì không phải là oai nghi phép tắc nữa.

Đây là phần mở đầu rất quan trọng. Chúng ta học tinh thần oai nghi là tự giữ chính mình. Chứ giữ giới trang nghiêm thanh tịnh mà thấy người khác không giữ, mình sanh tâm thì đâu phải là người giữ giới thanh tịnh. Cho nên thiền sư Lâm Tế quét sạch, không để một tư tưởng nào trong đầu.

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư ghi:

“Oai nghi là gì? Oai là lấy đức để hiển bày, chẳng phải là oai thế lực.”

Ngài dạy rất rõ, oai là lấy đức để hiển bày, chẳng phải là oai thế lực. Chẳng hạn như trụ trì, phó trụ trì, tri sự, tri khố, các trưởng ban, trưởng liên lấy đức để nhiếp người sau, chứ không phải là lấy oai lực.

Lấy đức để nhiếp chúng không phải chuyện đơn giản. Ngày xưa trong tông lâm các vị chức sự đều ngộ đạo, nên có uy lực nhiếp chúng. Các ngài đã nhận ra được vô vị chân nhân, uy lực hiển bày qua sáu cửa. Từ nơi sáu cửa, đại chúng nhận thấy năng lực vi diệu của các ngài, tự nhiên họ phục. Chẳng hạn như ngài Tuyết Phong Nghĩa Tồn chuyên làm tri khố, do ngài ngộ đạo rồi, nên đi đến đâu chúng đều phục.

Sau này, quý thầy đủ duyên làm trưởng liên hay trưởng ban, nếu phân công công tác mà chúng không làm, thì quý thầy phải ngẫm lại xem tại sao. Tại mình thiếu đức! Mà thiếu đức thì quý thầy phải thân hành làm, chẳng hạn quét dọn cầu tiêu hay lau nhà gì đó. Còn nếu mình dấy lên niệm ta người, thì mình bị tổn phước. Công việc này Thầy Tổ cắt đặt, mà mình chưa đủ đức làm. Biết mình chưa đủ đức, để người đó nghe lời. Mình cắt đặt nhưng họ không làm, thì phải đích thân mình ra làm. Ngay chỗ đó gọi là phiền não chướng, là chướng ngại trên đường tu. Phiền não chướng thì sanh vọng tình, chỉ cần mình thấu tốt được thì chuyển thành đại bi, có công dụng. Quý thầy tự thân làm thì không còn là vọng tưởng, vọng tình nữa. Vọng tình chuyển thành đại bi, còn vọng tưởng là sở tri chướng, thì chuyển thành đại trí, tức là trí tuệ Bát-nhã.

Ngay đây quý thầy chưa phải là có thần thông, nhưng mà tự mình thâm thấu tốt được nguyên nhân. Chẳng hạn như Trưởng liên Tăng đường 1 hoặc Trưởng liên Tăng đường 2, họ nói sao mà chúng nghe, còn mình Trưởng liên Tăng đường 3, nói chúng không nghe, mình biết thiếu gì? Thiếu đức! Đức mình chưa hiển bày ra được. Nên ở đây, Ngài nói là oai nghi chứ không phải mình lấy cái oai thế lực của người đời. Muốn được như thế phải làm gì?

Trong Hoàng Long Thực Lục ghi:

Tử Tâm Bảo Trạng Đường:

“Người học đạo nếu người nào có tài trí, trung tín, tiết nghĩa thì đó là hạng người ở trên, tức là bậc thượng. Còn người tuy tài năng không cao nhưng lại cẩn thận và có cái tâm độ lượng thì đó là hạng người ở bậc giữa, tức là bậc trung.”

Một người, chẳng hạn như Hòa Thượng đường đầu, hoặc dưới nữa là Thầy Trụ trì, nếu đúng là bậc thượng thì phải có tài trí, trung tín, tiết nghĩa. Nghĩa là từ oai nghi hiển bày ra năng lực bên ngoài. Còn người dở, không có tài năng nhưng cẩn mật và có tâm độ

lượng thì đó là bậc trung, những người này nếu được cất đặt làm trụ trì hay làm việc lớn, họ cũng làm được. Bởi vì tuy không có tài, không có đức nhưng họ làm việc gì chín chắn việc đó. Tuy họ điều khiển ông thầy này hoặc Tăng đường này không được, nhưng mà họ rất cẩn mật, nói ra lời gì cũng đều cẩn ngôn. Trong cẩn ngôn đó, họ có tâm độ lượng thì đó là bậc trung.

“Còn có hạng người tâm mang thói tà xem xét mong ngóng dư luận thiên hạ, tùy theo thời thế mà thay đổi, thì đó quả thật là kẻ tiểu nhân. Nếu đem hạng người đó mà đặt ở địa vị cao thì tất nhiên họ sẽ làm bại hoại từng lâm, và làm nhơ nhuốc chốn pháp môn vậy.”

Đây là hạng người bậc hạ. Những người mà đối với trên thì kính, dưới thì sẵn sàng chày đập là không đúng tinh thần oai nghi. Nếu được cất đặt ở địa vị cao, thì tất nhiên họ sẽ làm bại hoại từng lâm và làm nhơ nhuốc chốn pháp môn vậy.

Trong cuộc sống tu hành, nhiều khi mình nghĩ nếu không chỉ lỗi huynh đệ thì trong từng lâm làm sao yên ổn được. Nhưng quý thầy nhớ kỹ, chỉ lỗi chỉ có các vị chức sự, chẳng hạn tri khố, trưởng liêu, các trưởng ban đầu ngành. Nếu không chỉ, thì chúng làm sai, nhưng mà chỉ phải với tâm độ lượng, tâm thương xót thì mới đúng. Sau này quý thầy tu một thời gian mới thấy được, là ngày xưa mình chỉ lỗi huynh đệ không phải với tâm độ lượng mà là tâm ích kỷ, cho nên người ta không chịu nghe.

Trong Sơ Sơn Thực Lục, Thiền sư Thảo Đường nói:

“Người trụ trì không cần gì hơn mà chỉ cần răn giữ cẩn thận ở cái tệ nghe thiên lệch và tự chuyên. Đừng nên tự chủ ở lời nói vào tai trước tiên thì lời xiểm nịnh của kẻ tiểu nhân, lời gièm pha của kẻ đôn thời theo ý không thể làm mê hoặc được.”

Làm trụ trì là ở ngôi vị trên. Sau này quý thầy nếu đủ duyên làm trụ trì một phương nào đó thì không nghe theo tinh thần thiên lệch. Nghe theo tinh thần thiên lệch là mất oai nghi. Chẳng hạn như họ ghét người nào, họ nói ông thầy đó vậy vậy đó, nếu quý thầy nghe theo, thì tự mình mất đi chỗ đứng, đó là mất đi cái chỗ bậc thượng.

“Bởi lẽ tình của chúng nhân thì bất nhất, lời bàn chỉ công lại khó thấy nên phải thấu triệt những điều lợi hại, xét kỹ việc phải trái, rồi sau mới thực hành theo, như thế mới là được vậy.”

Tức là dùng tai mắt mà nghe khắp bốn phương, nghe như thế mới gọi là oai nghi trong nhà thiền.

“Nghỉ là dụng hạnh mà biểu thị, chẳng phải nghỉ giả vờ mà hiển bày.”

Oai tức là dùng đức hiển lộ ra, nghỉ là dụng hạnh mà biểu thị, chẳng phải nghỉ giả vờ mà hiển bày. Chẳng hạn như mình thấy chúng tăng hay là thấy Phật tử, thì giả bộ đi đứng rất nghiêm trang; nhưng không thấy người nào thì mình ca, múa, hát, nhảy,... thì đó là gì? Đó là giả vờ mà hiển bày ra, chứ hạnh đó không phải, không đúng.

Cho nên Lục Tổ dạy:

“Này thiện tri thức! Nếu ở tất cả chỗ, đi đứng, ngồi nằm rỗng một trực tâm không dòi khỏi đạo tràng liền thành tịnh độ, gọi là nhất hạnh tam muội.”

Không có người thấy, mình ở trong chánh định, mà có người thấy cũng ở trong chánh định, đó gọi là nhất hạnh. Mà rỗng một trực tâm đó gọi là *nghi*. Dùng hạnh mà biểu thị ra, nghĩa là do từ công phu của người tu, người nào nhìn thấy thì tự nhiên người ta phát tâm tu liền.

“Nên Như Lai xử thế thâm đạt cơ cảm. Phàm chỗ thực hành ắt lấy oai nghi làm chủ. Trong tâm chứa đức sư tử ngời, thân hiện oai tượng vương, trời người kính ngưỡng, long thần khâm phục. Thật là việc tinh yếu nhiếp vật lợi sanh vậy.”

Nghĩa là biết căn cơ của chúng sanh. Phật đi vào cuộc đời này phải dùng oai nghi phép tắc mới giáo hóa chúng sanh được. Kinh A Hàm có ghi, ba anh em Ca-diếp thờ thần lửa thấy tướng mạo tôn nghiêm của Thế Tôn liền đều kính phục và phát tâm xuất gia đầu Phật. Phật hàng phục độc long, rồi hàng phục voi say của vua A-xà-thế cũng đều lấy oai nghi mà nhiếp phục. Sử liệu có ghi thiên sư Mã Tổ đi như trâu, nhìn như cọp, đó là biểu hiện oai nghi phép tắc từ năng lực nhận ra được vô vị chân nhân, ứng tác ra bên ngoài.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Oai nghĩa là oai có thể sợ, nhiếp phục chúng sanh, đây là do nghiêm trì giới hạnh, các đức oai nghiêm nên khiến người có thể sợ.”

Sở dĩ, người ta nhìn mình mà họ kính, sợ, nhiếp phục chúng sanh được là do nghiêm trì giới luật. Mình dạy thì rất hay, nói chúng đừng ăn chiều, phải giữ giới không ăn phi thời mà mình lại ăn chiều, ăn một tô, hai tô, như vậy làm sao chúng nghe và giữ được. Mình nói một đường lại làm một nẻo, chúng đâu có sợ. Nhiếp phục chúng sanh được là do nghiêm trì giới hạnh. Các đức oai nghiêm nên khiến người ta phải sợ.

Quý thầy thấy có những người muốn lên xin Thầy trụ trì việc gì đó, họ rất sợ, bởi vì Thầy nói được, làm được. Chúng chỉ sợ, thứ nhất là do hiển bày giới hạnh thanh tịnh từ cái đức, thứ hai là ở trong chúng lâu năm và tuổi hạ lớn. Uy lực, uy đức nhiều năm nhiều tháng ở trong tùng lâm thì nhiếp phục chúng sanh mới được. Còn tuổi hạ ngang nhau, mình nói họ khó nghe. Tu một ngày, hai ngày, một năm thấy không ra gì hết, nhưng quý thầy tu chừng cỡ mười năm, hai chục năm thì thấy khác. Năng lực biểu hiện bên trong ứng tác ra bên ngoài, mình thấy khác liền. Cho nên chúng sanh sợ. Đây gọi là nghiêm trì giới hạnh.

Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng ngộ đạo nơi Lục Tổ Huệ Năng, rồi về ở đất Dĩnh làm người mô phạm. Tức là Ngài đã ngộ đạo, đã thông suốt, thấu triệt các pháp tướng, rồi về giáo hóa người trong làng đó, thì phải dùng đức mô phạm mới giáo hóa được. Chứ không phải như mình nghĩ, Thiền sư ngộ đạo rồi không cần giữ giới luật, oai nghi phép tắc gì hết.

Thiền sư Lâm Tế sau khi thông suốt Kinh – Luật – Luận, Ngài nghĩ đây là phương thuốc cứu đời chẳng phải là yếu chỉ giáo ngoại biệt truyền, liền đi du phương, trước tới hội của Thiền sư Hoàng Bá. Trần Tôn Túc, là thủ tọa, thấy oai nghi phép tắc, nghiêm chỉ đức hạnh chu toàn của thiền sư Lâm Tế, khen: *“Tuy là hậu sanh nhưng mà cùng chúng thì chẳng giống.”* Ngài ở trong chúng biểu hiện lên giống như con phụng ở trong bầy gà,

nhìn là biết người này có phép tắc, có oai nghi, có mô phạm. Cho nên Trần Tôn Túc đến thất của Hòa thượng thưa: *“Là người đến mà thưa hỏi đạo lý thật đúng là pháp. Nếu khi đến từ giả Hòa thượng thì dùng phương tiện tiếp, về sau đục đẽo sẽ thành một gốc đại thọ che mát người trong thiên hạ.”*

Bởi vì từ bên trong ứng tác ra mà thấy được. Các ngài thấy là biết, phải mài giũa người này để sau này trở thành bậc pháp khí. Đó là do oai nghi phép tắc, giới luật nghiêm minh. Cuộc sống tu hành là như thế.

Thiền sư Phật Nhãn Viễn nói:

“Cái dáng dấp tới chúng tất phải nghiêm nghị như ngày nhàn hạ, lời nói tiếp tân khách phải trang trọng như lúc riêng một mình. Đối với mọi người trong chốn thiền lâm, mỗi khi phát ngôn, làm việc, trừ biện, thi hành, tất phải tính toán suy nghĩ trước rồi sau mới thực hành, chớ có hấp tấp làm càn. Hoặc có việc tự mình không thể dự biết và quyết đoán được, phải nên thỉnh vấn ở hàng kỳ cựu, hỏi ý kiến ở bậc tiên hiền, để rộng phần thấy nghe, bỏ khuyết cho việc làm chưa thể tỏ rõ.”

Thiền sư Phật Nhãn nói cái dáng dấp tới chúng tất phải nghiêm nghị như ngày nhàn hạ có nghĩa là lúc làm việc phải nghiêm túc. Chẳng hạn như mình làm trưởng liên hoặc trong ban chức sự mà mình giỡn, cười thì chắc chắn chúng không nghe. Do đó, lúc còn là Sa-di quý thầy phải thực tập, mai này được cắt làm chức sự nếu quen tật hay giỡn, cười, vui đùa thì không làm được.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghỉ ngơi là có nghi, có thể kính, nhiếp thọ chúng sanh. Đây là do động tịnh hợp nhất, tán thoải an lành nên khiến người có thể kính. Nghỉ là thành tựu cái hạnh thanh tịnh là nhờ ở đạo nghi, thanh tịnh tròn đủ là nhờ ở giới phẩm.”

Tổ Tuyên Luật Sư nói nghi nghĩa là có nghi, có thể kính nhiếp tức là người giữ oai nghi phép tắc rồi, thì họ không cần dùng lời nói, ngôn giáo mà dùng hạnh giáo để nhiếp phục chúng sanh. Đây là vì do động tịnh hợp nhất, nghĩa là ở bên trong tịnh, dầu cho bên ngoài có động cách mấy cũng đều hợp nhất làm một, là một thể duy nhất, gọi là nhất hạnh tam muội. Mà thành tựu hạnh thanh tịnh này là nhờ đạo nghi, như chúng sanh nhìn Phật liền khiếp phục.

“Như Mã Thắng ung dung hành đạo mà cảm Tôn giả Xá-Lợi-Phất, do tín lạc mà xuất gia. Thu từ Xá-lợi-phất an lành đi khát thực nhiếp phục ngoại đạo từ tà mà trở về chánh. Nên nói oai nghi chính là lời dạy vô ngôn phát khởi tín tâm cho loài hữu tình.”

Trong sử ghi, sau khi thành tựu đạo nghiệp, Đức Phật độ cho năm anh em ông Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển. Trong năm anh em có một vị tôn giả tên là Mã Thắng. Sau khi năm anh em ông Kiều Trần Như ngộ đạo, tức là đã chứng quả vị A-la-hán rồi, Phật bảo mỗi người đi một phương để truyền bá Phật pháp. Mã Thắng đi đến một vùng rất xa và có nhiều ngoại đạo. Trên đường ngài đi khát thực, Xá-lợi-phất, lúc này chưa xuất gia, cũng còn là một vị ngoại đạo, trông thấy phong độ và tư thái của Mã Thắng thì cảm phục và nghĩ: *“Đây chắc chắn là một vị du sĩ đã đạt đạo rồi nên mới có phong thái uy nghi như thế này.”*

Ở Miến Điện có những người đạt đến những tầng thiên cao, dáng đi họ khác với người phàm. Mắt, tai, mũi, lưỡi họ đều thu thúc, gọi là tầm tứ. Họ bám sát vào đối tượng hay nói khác hơn là như lý tác ý vào đối tượng thì tự nhiên họ đi chiêm nghiệm chứ không phải liếc ngó trên trời trên mây. Quý thầy để ý xem một ông thầy tu đi ra đường mà nhìn cao, nhìn nhà lầu thì thấy kỳ không? Người có con mắt đạo, nhìn là biết người này không học oai nghi phép tắc trong nhà Phật. Còn dáng dấp người tu thì phải khác.

Sau khi thấy được đức tướng của tôn giả Mã Thắng, Xá-lợi-phất tha thiết xin ngài Mã Thắng chỉ dạy pháp yếu. Ngài Mã Thắng đọc bài kệ do Thế Tôn giảng:

*Muôn vật từ duyên sinh,
Lại từ duyên mà diệt.
Bậc giác ngộ Sa-môn,
Đã từng thuyết như vậy.*

Ngay tức khắc tôn giả Xá-lợi-phất kiến đạo, tức là bước vào dòng Thánh, được con mắt pháp nhãn thanh tịnh. Xá-lợi-phất về tìm Mục-kiền-liên nói lại bài kệ, Mục-Kiền-Liên cũng bừng sáng, ngay chỗ đó gọi là kiến đạo, thấy được pháp nhãn thanh tịnh. Sau đó hai tôn giả đều phát tâm xuất gia đầu Phật.

Tôn giả Mã Thắng không dùng lời nói mà dùng cái hạnh chơn chất, tức là oai nghi phép tắc đầy đủ.

“Lại nữa, oai nghi gọi là điều ngự, nghĩa là điều thân chẳng vọng động, miệng chẳng vọng ngôn, tâm chẳng vọng tưởng, như thị ba nghiệp đều thiện thì sáu căn tự nhiếp.”

Oai nghi rất là khó, đâu phải chuyện đơn giản. Ở đây, nêu ra để cùng nhau giữ, cùng nhau tu, chứ thật ra những bậc đã chứng quả vị vô sanh rồi, mới giữ được chỗ này. *Oai nghi gọi là điều ngự, nghĩa là điều thân chẳng vọng động, nghĩa là đi đứng có khuôn phép* chứ không phải đi lắc lắc, đi trườn, đi lết hay đi qua đi lại mất oai nghi. Tuy mình không chấp vào tướng, nhưng *điều thân chẳng vọng động* nằm trong nhân tướng học. Tôi làm nhà khách, tiếp xúc với những thanh niên ngoài đời, họ vừa nói chuyện vừa lắc lắc cái đầu vừa huýt gió, là biết tướng này ở đâu rồi.

Còn những người có nhân cách trong xã hội, phong thái họ, nhìn khác liền. Họ ngồi rất nghiêm trang, thân tướng không cử động, khi nói chuyện họ nhìn thẳng, mắt không liếc ngó hai bên, giống như người tu vậy. Theo tinh thần nhân duyên khởi của nhà Phật, trong quá khứ họ đã từng tu nên bây giờ mới được làm người như vậy.

Như thị ba nghiệp đều thiện thì sáu căn tự nhiếp. Như thị tức là đạt đến chỗ như thị. Các pháp đều như thị rồi, thì ba nghiệp đều thiện. Ba nghiệp thân, khẩu, ý đều thiện thì tự nhiên sáu căn thanh tịnh, dẫn đến lời nói, hành động, ý nghĩ đều thiện, sáu căn tự nhiếp phục.

Khi mới vào chùa, tại sao các ngài bắt buộc mình giống như khờ, như ngu, có mắt như mù, có tai như điếc? Bởi vì chỉ cần nhìn rõ một người hoặc thầy lớn hoặc thầy nhỏ, tự nhiên sáu căn mình không thanh tịnh, không được nhiếp phục. Chuyện này là chuyện của người lớn, của chư Phật, Tổ, còn chuyện của mình là tu. Mình tu, căn bản là tu cho mình, đi thẳng một đường thì ba nghiệp đều thiện, sáu căn tự nhiếp phục. Lo làm công

việc của mình thôi, ngoài ra không biết chuyện gì hết, bởi vì không phải bổn phận của mình. Được vậy thì quý thầy tu rất thanh thản, an ổn.

Sở dĩ, tôi dám nói mạnh là vì tôi mới thấy được điểm này khoảng hơn một tháng nay, thấy được rồi, tự nhiên rất thanh thản. Tu mười mấy năm trời mà mới thấy cách nay có hơn một tháng, không phải chuyện đơn giản. Có một lúc nào đó, mình chợt nhận ra được, cho nên tôi khẳng định: ngộ là tinh thần cuối cùng của Bát-nhã. Ngày xưa mình chăm bẵm giữ giới, chăm bẵm để đạt được thiền định, đạt được trí huệ, đó là phần phụ trợ duyên mà thôi. Chính cái thấy được, chuyển biến được, đó là phần cuối cùng. Thấy được rồi, quý thầy sống rất an ổn.

Người này, người kia phạm giới là chuyện của họ, chuyện của mình là phải thu thúc chính bản thân thì tu rất là nhẹ, mà cứ tưởng là tu khó. Khó là vì vừa thấy, tự nhiên mình tiếp xúc, xúc tác. Sanh tâm niệm khởi thì đau khổ. Người ta có đau khổ không, mình không biết, nhưng mình đau khổ trước: *“Trời! Ông thầy này sao vậy? Ông phải giữ giới như mình chứ!”*

Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên có ghi câu chuyện:

Thiền sư Ngưỡng Sơn đến Thiền sư Hồng Ân ở Trung Ấp Lãnh Châu hỏi:

– Làm sao thấy được nghĩa Phật tính?

Sư đáp:

– Ta vì ông, nói một thí dụ: Như một nhà có sáu cửa, trong đó có một con khỉ, ngoài có một con khỉ từ bên đông kêu ché ché, bên trong cũng kêu ché ché liền đáp, sáu cửa đều kêu đều đáp như thế.

Ngưỡng Sơn lễ tạ thưa:

– Vừa rồi nhờ Hòa Thượng thí dụ, con đều biết rõ. Lại có một việc, ví như con khỉ ở trong ngù, con khỉ ở ngoài muốn gặp phải làm sao?

Sư bước xuống giường thiền nắm tay Ngưỡng Sơn múa nói:

– Ché ché! Cùng ông thấy nhau rồi.

Sở dĩ, mình thấy chuyện này chuyện kia là vì con khỉ mình thức. Chẳng hạn mình xuống hành đường mình thấy việc đó nó sao sao đâu, là con khỉ mình thức. Nếu trong giờ phút thực tại đó, con khỉ ngủ rồi, thì thôi chuyện anh làm là chuyện nhân quả của anh giải bày. Mọi việc đều nhân quả giải quyết hết.

Mình rất nhớ ơn Hòa thượng. Người ta đến cúng dường thức ăn, thức uống, tuy nói rằng cúng Hòa thượng, nhưng Hòa thượng phải nuôi quý thầy. Quý thầy đến đây học đạo, tu đạo, nợ đàn-na tín thí, quý thầy phải giải quyết. Nhân quả quý thầy phải gánh chứ Hòa thượng không thể nào gánh giùm được. Như vậy để thấy rằng, trong cuộc sống tu hành, giữ giới, giữ oai nghi phép tắc là giữ cho mình. Mà muốn được như thế thì con khỉ ở trong phải ngủ chút ít, chứ còn nhìn ra ngoài quá, thì quý thầy rất khó tu.

Tôi kể để quý thầy kinh nghiệm. Ngày xưa ở đây có một người, người này đi đâu cũng phiền não, cũng thấy người ta làm trái ý mình. Mà ý mình phải là Thánh chưa? Chấp vào ý kiến của mình, thì tự nhiên thấy ý mình là chân lý, còn ý người khác không phải chân lý nên sống không được. Một thời gian sau, người này tu không được phiền não quá bỏ đi cất thất ở đâu đó. Bây giờ hỏi ra, thì một vợ hai đứa con!

Trong lúc thực tập đường hướng tâm linh, mình sẽ lãng phí thời gian rất nhiều, do phóng ra hai con mắt, không thu thúc lại chính mình. Chiều kiến gì đó chứ không chiều kiến ngũ uẩn giai không. Cho nên, tự mỗi người phải phấn đấu. Người nào phấn đấu không được thì để Thầy Tổ giải quyết, mình đừng đưng vô. Được như thế, con khi mình ngủ tề lẫm cũng được năm mươi phần trăm.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Bởi vì một thân oai nghi tức là tướng trạng của người xuất gia, trong làm khuôn phép cho Tăng đồ, ngoài làm lợi ích cho đàn-na. Đây là phương pháp tu trước thì tiến, sau là làm mẫu mực, chẳng phải chỉ có thọ giới thời mới tập học, cần yếu trọn đời phải hành trì mới gọi là bậc thiện.” Nghiên cứu kỹ, tôi thấy học phần Oai Nghi hay và hứng thú hơn phần Tỳ Ni và Mười Giới. Phần Oai Nghi này, nếu học kỹ, quý thầy sẽ thấy rất rõ, *bởi vì một thân oai nghi tức là tướng trạng của người xuất gia*, của bậc trưởng phu, chứ người đời không bao giờ làm được. Người đời họ mưu sinh, lo chuyện vợ con, nhà cửa, lo tất cả,... cho nên họ gần như không có cơ hội thu thúc tướng trạng oai nghi được. Còn mình được gì? Được túc duyên sâu dày, được đàn-na tín thí hỗ trợ cho mình tu, đi đứng chánh niệm, nói năng thu thúc được.

Trong thì làm khuôn phép cho Tăng đồ. Sau này quý thầy lớn lên, chúng nhỏ thấy quý thầy có đầy đủ oai nghi phép tắc thì tự nhiên họ theo, khỏi cần dạy. Mình làm được vậy là làm khuôn phép cho Tăng đồ, đức của mình được tăng trưởng. Quý thầy còn nhỏ mà cứ giỡn cười suốt, thì mấy đứa nhỏ sau vô chùa, nó hỏi: *“Thầy đi tu mấy năm rồi?”* Quý thầy gật gật đầu: *“Hai mươi lăm năm.”* *“Ừa, hai mươi lăm năm sao kỳ vậy thầy?”* Không sửa chút nào hết! Nhưng họ không dám nói ra. Không phải học oai nghi, là chỉ để nghe, rồi về muốn làm gì mình làm. Các ngài dạy: Học oai nghi không phải chỉ nghe suông, mà mình phải hành trì trọn đời.

Nên Luật nói:

“Sao gọi là oai nghi? Hạnh tùy thuận ấy gọi là oai nghi, chẳng tùy thuận phạm phi oai nghi. Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan nói: Phàm tất cả Phật pháp giữ gìn đức hạnh thì còn, bỏ thì mất. Song chẳng phải đạo đến với người mà chính là người đến với đạo.”

Không phải quý thầy ngồi đây, tự nhiên đạo chạy tới, mà chính mình đến với đạo. Đến như thế nào? Mình phải tập sự lúc đầu, đi đứng chánh niệm, nói năng như thế nào thì công đức lần lần được vun bồi, đạo tự nó thành hồi nào không hay. Oai nghi phép tắc là do mình thực tập, thực hành dung nghi đầy đủ.

Nhiều khi mình cười giỡn làm cho mấy đứa nhỏ vui, nhưng nó vui trước mặt, mà sau lưng khi để mình: *“Ông thầy đó lớn vậy mà ông giỡn cười, ca múa.”* Tôi đã từng chứng kiến, tôi để ý thấy nó cười vui, nhưng sau lưng ông thầy thì nói xấu. Mấy đứa nhỏ mới

vào, nó thấy đâu nói đó, thấy sao nói vậy. Nên nói *chẳng phải đạo đến với người mà chính người đến với đạo*.

Trong Sơn Đường Tiểu San có ghi:

Chơn Tịnh cử Quảng đạo giả làm Trụ trì chùa Ngũ Phong, dư luận cho rằng Quảng là người vụng về, không có tài ứng thế. Kịp tới lúc Quảng trụ trì thì tinh tấn để sửa mình, khoan hồng để xét chúng, chưa bao lâu mà hàng trăm việc đình trệ đều được tiến hành, kẻ nạp tử đi lại tấp nập, náo nhiệt tuyên truyền, thật là bậc thượng trong tông lâm.

Lúc chuẩn bị đề cử, thì trong chúng hoặc Phật tử nói, ông thầy không có tài, có đức gì hết mà ứng thế vụng về lắm. Nhưng kịp lúc làm trụ trì thì tinh tấn để sửa mình, khắc cốt ghi tâm lời Thầy Tổ dạy, sửa mình đi đứng thu thúc và khoan hồng để mà xét chúng. Chẳng hạn như chúng đó ăn cắp tiền thì ngài xét rất khoan hồng, tha thứ bao dung. Từ đó về sau nạp tử học rất đông, thành ra tông lâm hưng thịnh, chính là vì người đến với đạo chứ không phải đạo đến với người. Người đến với đạo là do cách mình sống, cư xử, hành động thì đạo từ từ đến.

Tôi nêu ra câu chuyện sau, để quý thầy thấy là mình đến với đạo, chứ đạo không đến với mình được:

Nhà bên cạnh có tiệc cưới rất lớn. Ông chủ sai người giúp việc đếm xem có bao nhiêu người đến dự tiệc. Người đầy tớ rất thông minh, đem khúc cây để trước cửa lúc trời tối, ai đi qua vấp phải đều chửi rửa. Cuối cùng có bà già đập khúc cây bị té, bà bèn lượm khúc cây để qua một bên. Về nhà ông chủ hỏi bữa tiệc có bao nhiêu người, anh đầy tớ nói dạ có một người. Hỏi sao tiệc đông mà nói có một người, đầy tớ trả lời: Con để một khúc cây trước ngưỡng cửa, ai đi qua vấp xiềng niềng cũng đều chửi rửa, chỉ có một bà già không chửi rửa gì hết, bà lấy khúc cây để qua một bên. Chỉ có con người mới làm được như vậy, chứ mấy người trước đâu khác gì con cừu con nai nên không làm được chỗ này.

Quý thầy nghiệm đúng không? Câu chuyện mình thấy tầm thường nhưng đối với nhà thiền rất là chí lý. Chỉ có bà già mới ý thức được, mình té thì người sau cũng té. Hành động có ý thức trách nhiệm đó chỉ có con người, chỉ có bậc đại quân tử mới làm được. Trong cuộc sống giữa đời thường này, nếu vấp ngã chỗ nào thì quý thầy đứng lên dọn dẹp chỗ đó, đừng đổ thừa cái này, cái kia.

Đại Sư Tiết Kiệm nói:

“Học đạo như lên núi, một bước chẳng có thể trụ. Đồi được giày cỏ, trước người qua đỉnh núi đi.”

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Hộ trì đầy đủ oai nghi, giáo pháp hay khiến Tam bảo chẳng đoạn.”

Kinh Hoa Nghiêm Phật dạy, hộ trì đầy đủ oai nghi giáo pháp thì khiến Tam bảo không đoạn dứt. Còn có người giữ giới luật, oai nghi thì Tam bảo dừng trụ rất lâu.

Trong Luật Thập Tụng có ghi:

“Siêng tu năm pháp thì chánh pháp chẳng đoạn:

1- Thứ nhất là tôn trọng chánh giáo. Nghĩa là các thầy Tỳ-kheo chỉ nương tựa chánh giáo tiền tu, xa lìa pháp tiểu thừa và các ngoại đạo nói tà lệch, tức là đoạn và thường, cho nên hay khiến chánh pháp chẳng đoạn diệt.”

Nghĩa là sau khi bước vào đạo, đừng trụ nơi từng lâm, tinh tấn tu pháp Đại thừa để chuyển vọng tình thành đại bi, chuyển vọng tưởng thành đại trí là những người căn cơ bậc thượng.

2- Thứ hai, chỉ tức sân ác, đừng nghĩ việc sân ác. Nghĩa là các thầy Tỳ-kheo thường hành nhẫn nhục, chẳng sanh tâm sân hận, xa nghe đức mà ca tụng khiến mọi người đều quý ngưỡng, cho nên hay khiến chánh pháp chẳng đoạn diệt.

Tức là thường tu pháp nhẫn nhục và tha thứ, thương xót những người khác thì người ta nghe cái đức. Người ta đến với mình.

3- Thứ ba là kính sự Thượng tọa. Nghĩa là các thầy Tỳ-kheo đối với chỗ ở của các bậc Đại đức, Thượng tọa cung kính thuận việc, cần cầu pháp yếu, cho nên hay khiến chánh pháp chẳng đoạn diệt.”

Các thầy Tỳ-kheo đối với chỗ của bậc Đại đức, Thượng tọa mình phải cung kính thuận việc, phải hầu hạ đúng phép thì chánh pháp không đoạn diệt. Còn trò mà khinh thầy, thì sau chánh pháp chắc chắn sẽ bị đoạn diệt, bởi vì trò không ra trò nữa.

4- Thứ tư, ái lạc chánh pháp, vui với chánh pháp. Nghĩa là các thầy Tỳ-kheo đối với điều Thượng tọa nghe nói chánh pháp tin sâu vui thích, hoan hỷ phụng hành, cho nên hay khiến chánh pháp chẳng đoạn diệt.

Chẳng hạn như quý thầy vào học giờ của Hòa thượng, tai thì nghe mà mắt thì coi quyển kinh khác là chánh pháp đoạn diệt. Bởi vì mình không kính lời của bậc trưởng thượng nói. Tai thì mình nghe, mà mắt thì mình coi sách, hay coi cái gì khác, nhiều khi coi sách không đúng với chánh pháp nữa. Tuy mình thấy rất là nhỏ, nhưng kiếp sau bảo đảm quý thầy không gặp vị trưởng thượng này, mà cũng không gặp chánh pháp. Vì vậy, muốn chánh pháp không đoạn diệt thì phải vui thích nghe những lời bậc trưởng thượng nói, rồi ghi nhớ sâu để thực hành.

5- Thứ năm, hiện nói sơ tập và khéo dạy bảo các hàng mới phát tâm. Nghĩa là các thầy Tỳ-kheo đối với pháp Đại thừa phương tiện diễn nói khiến người sơ tâm học tập có chỗ nương tựa để tiến tu đạo nghiệp, cho nên hay khiến chánh pháp chẳng đoạn diệt.”

Quý thầy nhỏ mới vào chùa, quý thầy nhờ ai? Nhờ Hòa thượng, nhờ Thầy Trụ trì dạy mình mới biết các pháp thực hành. Ráng học, tu tập để sau này dìu dắt người sau. Lớp trên đi rồi lớp sau sống lượn tiếp tục. Muốn được vậy, mình phải thực tập trước để sau này còn dạy đàn em.

“Phật dạy, Thầy Sa-di tuổi đủ hai mươi khi muốn thọ giới cụ túc, nếu ba thầy tức là Hòa thượng, Yết-ma, Giáo thọ hỏi phạm sự Sa-di không thể trả lời cho đủ, thời không cho thọ giới cụ túc.”

Sau này quý thầy nếu đi thọ giới cụ túc, các vị Hòa thượng, Yết-ma, Giáo thọ sẽ hỏi như hỏi bài vậy. Chẳng hạn các ngài hỏi: Thế nào là Khu ô Sa-di, thì quý thầy phải trả lời đúng.

Tôi kể câu chuyện vui mà có thật. Ngày xưa tôi đi thọ giới, Thầy tôi hỏi một vị thầy lớn tuổi, khoảng trên năm mươi:

– Tứ Diệu Đế là gì?

Ông thầy lết tới gần Thầy tôi nói:

– Thầy! Con ở với Thầy ba năm mà Thầy không biết con sao?

Nghĩa là vị này không bao giờ thuộc được Tứ Diệu Đế là gì! Quý thầy đi thọ giới là phải học. Hỏi Tứ Diệu Đế là gì quý thầy phải trả lời đầy đủ là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Có người còn cãi lại nữa. Hòa thượng hỏi:

– Y bảy là gì?

Thầy thọ giới trả lời:

– Uất-đầu-lam-phất!

Hòa thượng nói:

– Không phải, Uất-đầu-lam-phất là vị ngoại đạo dạy pháp đầu tiên cho Phật. Y bảy là Uất-đa-la-tăng.

Thầy thọ giới cãi:

– Thầy tôi dạy vậy mà, Thầy tôi dạy y bảy là Uất-đầu-lam-phất!

Hòa thượng liền rút ra quyển sách:

– Ông coi nè, Uất-đa-la-tăng.

Cho nên quý thầy thọ giới phải học, các vị Hòa thượng, Yết-ma, Giáo thọ hỏi rất là kỹ.

Bây giờ tôi hỏi một câu nữa, sau này quý thầy thọ giới sẽ gặp: Phật có con hay không? Có, mà là con trong Phật pháp, gọi là Pháp Vương Tử Đại Trí Văn-thù Sư-lợi Bồ-tát thì đúng. Quý thầy mà nói con là La-hầu-la thì trật. Các Hòa thượng hỏi nhiều chuyện rất ngặt nghèo, quý thầy không trả lời được thì cho về học lại kỳ sau thọ. Nên phải chuẩn bị.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phật dạy như trên, Sa-di tuổi đủ hai mươi nghĩa là niên hạn đã đủ, ấy là vị trưởng phu thì kham nhẫn khổ lạnh, rõ việc Tỳ-kheo thì mới cho thọ giới được.”

Mười tám tuổi cũng không thọ được mà phải đủ hai mươi. Ngày xưa lúc Phật thành đạo trở về, thì tôn giả La-hầu-la xuất gia. Sau khi tôn giả La-hầu-la xuất gia, vua Tịnh Phạn

sợ La-hầu-la ở một mình buồn, nên bắt buộc mỗi gia đình trong dòng họ Thích-ca phải cho một đứa con đi tu, để làm bạn với tôn giả. Trong kinh ghi rõ có năm trăm chú tiểu vào tu. Một buổi tối, Phật đang ngồi thiền, nghe tiếng trẻ con la khóc, Phật xả thiền ra hỏi tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi nghe kể, Phật thấy trẻ con không kham nhẫn được nóng lạnh và đói khát, cho nên Phật chế, bảo xin sữa, xin cháo lỏng cho mấy chú tiểu ăn buổi chiều. Nên tuổi đủ hai mươi, kham nhẫn được sự nóng lạnh mới cho thọ giới cụ túc.

Tuy tinh thần của luật nghi, của Phật pháp là tất cả chúng ta đều bình đẳng, nhưng Tỳ-kheo mới được gọi là sứ giả của Như Lai, đi làm Phật sự, đi chỗ này chỗ kia truyền bá giáo pháp. Lục Tổ Huệ Năng sau khi ngộ đạo phải thọ giới Tỳ-kheo, thọ giới Bồ-tát thì mới đi truyền bá Phật pháp được. Sa-di thì có một giới hạn nào đó thôi.

Quý thầy sau này muốn làm Phật sự lớn, muốn đi truyền pháp lợi sanh thì phải thọ giới Tỳ-kheo. Thầy Đức Trí muốn làm cựu Sa-di thì cũng được, nhưng làm Phật sự lớn không được. Cựu Sa-di sau này làm tri sự thì làm sao điều khiển hàng Tỳ-kheo được. Sa-di thì không có tư cách điều khiển, vì giới phẩm, hạ lạp mình không đủ mà điều khiển người đi trước là tổn phước. Mình chưa phải là bậc tái lai, cho nên phải thọ giới Tỳ-kheo để làm Phật sự, không thôi mình cứ ý lại, ở suốt trong Tùng lâm.

Đến các chùa Tịnh Độ, người ta hỏi quý thầy mấy hạ, vị nào ít tuổi hạ phải ngồi sau, chứ không đủ tư cách ngồi trước. Như vậy cũng có lý. Hai người xuất gia cách nhau ba năm nhưng cùng thọ giới một lúc, người nào thọ giới đàn trước thì người đó làm sư huynh. Chẳng hạn như tôi thọ giới đàn thứ ba, vị thầy kia xuất gia trước tôi ba năm mà thọ giới đàn thứ mười thì cũng là sư đệ tôi. Người nào tác pháp Yết-ma trước thì người đó làm sư huynh, rõ ràng như vậy.

Đó là do tích sau đây: Bảy vương tử xuất gia cùng một ngày trong đó có Đề-bà-đạt-đa, A-nậu-lâu-đà... Người nghèo khó nhất là thợ hớt tóc Ưu-ba-ly được đề nghị xuất gia trước làm sư huynh, để dẹp đi cái bản ngã huân tập vương tính còn trong dòng họ Thích. Cùng xuất gia trong một ngày, ai cạo tóc trước người đó là sư huynh, đủ tuổi thì thọ giới luôn, chứ không phải đợi hai ba năm như bây giờ.

“Cụ túc giới nghĩa là: Năm giới, tám giới, mười giới chưa phải là cụ túc, duy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni giới mới gọi là cụ túc. Đây nghĩa là người tán thọ để tâm tròn đủ mong cầu thiện pháp, ngay nơi tác pháp Yết-ma được tánh Tỳ-kheo.”

Túc tức là đủ. Cụ túc tức là tròn đủ hạnh nguyện. Mình xuất gia tu tập phải thọ giới cụ túc này. Ba lần tác pháp Yết-ma thì mới được gọi là tánh Tỳ-kheo: Tăng Tỳ-kheo hoặc Ni Tỳ-kheo thì mới tròn đủ tánh đức.

Trong Chuẩn Nhữ Định Luận có nói:

“Trong có bốn phần nghĩa nhiếp:

1- Thọ cụ túc: Nghĩa là người thọ giới được ban lời dạy bảo không làm nên gọi là chẳng quên. Tâm chẳng tương ưng, liên tưởng biến khắp, trước thọ mười giới nay cầu cụ giới, tai nghe Yết-ma, niệm chẳng biết thường.

2- Tỳ cụ túc: Nghĩa là trong 250 giới tướng đều không có hỷ mồi.

3- *Hộ tha tâm cụ túc: Nghĩa là trong bốn nghĩa cụ túc có một phần cụ túc oai nghi, hay làm tăng trưởng tín lạc cho người khác.*

Tức là trong đó có một phần, gọi là cụ túc oai nghi. Người mà thọ, đắc được pháp này thì tự nhiên thần tướng lộ ra khiến ai cũng khiếp phục. Có những người vừa thọ giới xong, thì Tăng tướng họ lộ ra liền, ngay cả lúc đang còn là Sa-di.

4- *Cụ túc thủ kỳ: Nghĩa là sau khi đắc giới rồi tận hình thọ trì trước sau không phạm. Có bốn nghĩa này nên nói là giới cụ túc. Phạm làm thầy nên phải hỏi cho tường tận. Gốc của Sa-di là thọ mười trì giới tướng, chính là hai mươi bốn cửa oai nghi có thể từng hiểu rõ, đọc tụng, hành trì chẳng? Như mờ mịt chẳng biết, lơ là chẳng học, chẳng có thể ứng đối thì chẳng có nên thọ trì. Vì sao? Nghĩa là Tăng bảo Tỳ-kheo tối tôn tối trọng, chẳng phải là cầu may có thể được.”*

Không phải như mình đi thi mà cầu may. Quý thầy đi thọ giới không có chuyện dứt lót tiền, hoặc nói mình thọ cầu may cũng không được. Sau này làm thầy, quý thầy phải hỏi cho tường tận: “Gốc của Sa-di là gì?”, “Tại sao ông đi tu?”, “Khu Ô Sa-di là gì?”, “Danh tự Sa-di là gì?”, “Ứng pháp Sa-di là gì?”, “Hình đồng Sa-di là gì?” Không phải mình khó nhưng phải hỏi cho kỹ, nhiều khi mấy người đi thọ cầu may chứ không học, không chịu hành trì. Trường hợp này cho rớt, phải khó như vậy mới được. Vì ngài nói: “Tăng bảo Tỳ-kheo tối tôn tối trọng, chẳng phải là cầu may có thể được.”

Chẳng hạn như quý thầy nếu không học, không tu, không hành trì mà khi đi một đoạn đường trên xe, gặp ngoại đạo hỏi về giáo lý Phật đà quý thầy trả lời không được thì bị mất gì? Nhà Phật nói mất hạt giống Bồ-đề của người ngoại đạo đó. Còn nếu mình nói thể nào, mà ngoại đạo tâm phục khẩu phục, thì mình cũng được tăng trưởng phước đức. Nên phải học, phải tu, phải hành trì. Nhiều khi họ thấy oai nghi, phép tắc của mình họ cũng kính nể.

Vào thời đức Phật, có thầy Tỳ-kheo đi đường mắc tiểu chạy vô bụi, không kịp ngồi mà đứng tiểu luôn. Lúc đó có ông cư sĩ đi ngang nói: “Ông Sa-môn này không có oai nghi phép tắc gì hết.” Tình cờ một người ngoại đạo lỡ thể đi ngang qua nghe vậy giật mình nghĩ: “Ông Tỳ-kheo này ổng chạy vô bụi đứng tiểu, có che lại mà cư sĩ còn chê, huống chi mình áo quần không mặc mà họ cũng không chê cười gì hết. Như vậy pháp của vị Sa-môn này chắc thù thắng, tối tôn, tối trọng, tối thượng lắm.” Từ đó vị ngoại đạo lỡ thể này phát tín tâm đến gặp Phật xuất gia. Quý thầy thấy không? Mắc tiểu cũng phải ráng đi từ từ, chứ nhảy xuống xe mà chạy, Phật tử thấy họ nói liền: “Thầy kỳ cục.”

“Phải dạy rằng: Người là Sa-di song những việc làm của Sa-di chính người không biết huống là bậc Sa-môn là việc lớn khó làm. Người phải trở về học cho thuộc, thầy đều nghe biết mới được thọ giới cụ túc.”

Tức là đuổi về học lại lần nữa thì mới cho thọ. Nên bây giờ quý thầy phải học trước, học thuộc bốn cuốn luật nữa.

Chú: Sa-Di Học Xứ ghi:

“Sa-di tuy là tiểu chúng đều có thể nối dòng Tam bảo, lợi ích quần sanh.”

“Lại như cha gọi con. Nghĩa là Sa-di là hậu duệ của Tỳ-kheo.”

Tức là mình phải kính trên, nhường dưới.

Có một vị tướng quốc gọi thiền sư Nhất Hưu:

– Ông Sa-di đầu trọc!

Ngài không trả lời, tướng quốc lại tiếp tục gọi như thế. Lúc này thiền sư Nhất Hưu lần lượt cầm hai củ cải đưa lên, một lớn, một nhỏ hỏi tướng quốc:

– Củ này là củ gì?

Tướng quốc đều đáp:

– Củ cải.

Thiền sư Nhất Hưu hỏi:

– Tại sao lớn cũng kêu củ cải mà nhỏ cũng kêu củ cải?

Có nghĩa Hòa Thượng là Tăng bảo mà tôi cũng là Tăng bảo. Ông kêu Sa-di đầu trọc đâu có được.

“Chẳng biết chỗ thực hành của Sa-di, nên nói: Con làm Sa-di còn chẳng am hiểu chỗ thực hành của Sa-di, lại mong mỗi hành trì luật Tỳ-kheo ư? Việc lớn Sa-môn khó làm nghĩa là giới pháp Tỳ-kheo luật chế nghiêm cẩn rất khó hành trì.

Nên Kinh Pháp Hoa nói: Lại thấy giới cụ túc oai nghi không có khiết tịnh như bảo châu để cầu Phật đạo. Chớ xem thường dễ duôi! Bằng nay ba thầy trao cho giới cụ túc rồi người ta bảo Phật pháp dễ hành, Sa-môn dễ được, vì thế nên phải hỏi trước.

Những phép tắc, chương điều dưới đây được rút ra từ các Kinh: Sa Di Oai Nghi, Thanh Qui Xưa, Sa Di Thành Phạm Thời Nay. Lại Bộ Hành, Bộ Luật Nghi của Tuyên Luật sư tuy là để dạy cho hàng Tân Tỳ-kheo nhưng có những điều học chung được nên cũng rút ra. Bởi con người thời mạt pháp phần nhiều biếng nhác, nghe nhiều thì chán, do đó bỏ bớt những chỗ rườm rà, chỉ dạy những điều chính yếu và chia loại ra để tiện đọc học. Trong bài có chỗ còn thiếu theo nghĩa thêm một đôi câu.”

1. Kính Bậc Đại Sa Môn

Sa-môn là gì? Có phải Sa-môn là các thầy mới thọ giới Tỳ-kheo?

Sa-môn là những vị Hòa thượng bốn mươi tuổi hạ, chẳng hạn như Hòa thượng Trụ trì Thường Chiếu. Các ngài có đức độ, có con mắt pháp nhãn, độ chúng sanh rất nhiều mới dám tự đề mình là Sa-môn. Còn mình thọ giới mới có năm năm thì đề là Tỳ-kheo. Nhiều người không hiểu, tưởng Sa-môn cũng như Tỳ-kheo, nên thọ giới năm hạ hay mười hạ cũng đề: *Dịch giả: Sa-môn... là thật!*

Trong Thiền Sư Trung Hoa có ghi:

Một hôm sau thời thuyết pháp của thiền sư Bách Trượng có một ông già không chịu về. Hỏi tại sao, ông nói:

– Con không phải là người thường, ngày trước con trụ ở núi này, có một người đến hỏi con: Bậc đại tu hành còn rơi vào nhân quả không? Con nói: Không! Cho nên con bị đọa làm chồn năm trăm kiếp! Nhờ thiền sư chuyển ngữ một lời cho con được giải thoát.

Bậc đại tu hành là gì? Là bậc đại Sa-môn, chứ không phải là Tỳ-kheo nữa. Bậc đại Sa-môn có năng lực tâm linh rất lớn, rất vi diệu để điều phục chúng sanh. Nói Tỳ-kheo là bậc đại Sa-môn là trật.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Kính là kính tín, nghĩa là tôn trọng, nghĩa là có nói ắt tin, có dạy ắt theo, chẳng dám khinh nhờn.”

Chẳng hạn như Hòa thượng dạy xuống điều gì, thà quý thầy không ở trong tùng lâm này, còn ở đây quý thầy phải tin chắc lời Hòa thượng dạy một trăm phần trăm thì quý thầy tu mới đúng, mới có lợi lạc. Nếu phỉ báng lời dạy của Hòa thượng, thì quý thầy đọa địa ngục chắc chắn luôn. *Kính là kính tín.* Mình tin điều Hòa thượng dạy, *nghĩa là tôn trọng, nghĩa là có nói ắt phải tin, có dạy ắt theo, chẳng dám khinh nhờn.* Nhiều khi Hòa thượng dạy quý thầy cười, các ngài nói khinh nhờn những lời dạy của bậc Sư trưởng. Như vậy kiếp sau ra đời không bao giờ gặp Phật pháp, mà sanh vào trong biên địa hạ tiện, không thấy nghe được Phật, Pháp, Tăng.

Người xưa có câu: *“Trọng Thầy mới được làm Thầy”*. Chính chúng tôi chứng kiến, mỗi lần thị giả Thầy Thường Chiếu được báo năm hoặc mười phút nữa Hòa thượng Trúc Lâm sẽ điện lại để gặp Thầy Trụ trì bàn một số công việc, Thầy mặc hậu tràng hoàng, nghe điện thoại reng ba tiếng, Thầy xá một cái rồi mới nhắc điện thoại lên. Thầy mặc hậu kính cần tràng hoàng giống như đối diện trước Hòa thượng vậy. Tôn kính bậc Sư trưởng như vậy, nên bây giờ Thầy mới được làm Thầy của gần ba trăm chúng.

Thầy Trụ trì Trúc Lâm cũng vậy, tôi đi theo thấy, Hòa thượng dạy sao làm vậy, không dám trái, nhiều khi chúng nói Thầy cứ làm đi, Thầy nói: *“Ông cụ còn sống, làm gì cũng phải thưa thỉnh.”* Chính vậy mới được làm Thầy. Còn mình nói một người cũng không chịu nghe, chứng tỏ mình khinh nhờn lời nói của Thầy mình.

Phật dạy:

“Lòng tin là gốc của đạo, là mẹ các công đức, nuôi lớn hết thảy các pháp lành, giúp trừ lưới nghi, ra khỏi dòng ái, mở bày đạo Vô thượng Niết-bàn.”

Mình tin lời của bậc đại Sa-môn thì chính đó là gốc của đạo, là đạo đức khi mình bước vào đạo. Mình phải tin, còn không tin thì đi chỗ khác, chứ ở đây mà phỉ báng pháp môn hoặc lời Thầy dạy là chết mình luôn. *Là mẹ của các công đức, nuôi lớn hết thảy các pháp lành, giúp trừ lưới nghi, ra khỏi dòng ái* là cũng nhờ bậc Sư trưởng dạy dỗ cho mình.

Lại nói:

“Lòng tin hay tăng trưởng trí, công đức. Lòng tin hay đưa người đến địa vị Như Lai. Kinh nói: Lòng tin hay dứt hẳn gốc phiền não. Lại bảo lòng tin có khả năng làm cho người mau chứng được môn giải thoát.”

Hòa thượng Cao Phong Diệu nói:

“Bậc thượng như Phật, như Tổ vượt lên bờ bên kia, chuyển bánh xe pháp lớn, nhiếp vật lợi sanh. Không có một vị nào chẳng do từ trong một chữ tin này mà ra.”

Chư Phật, Tổ đều tin lời Thầy mình dạy, tin như thế mới hành trì được. Hành trì được rồi, thì mới nhiếp phục oai nghi phép tắc, giới luật. Chẳng hạn như Thầy Trụ trì ở đây dạy mình chiều chỉ uống sữa ăn bột thôi, mình phải tin chắc vào thanh quy tế thẳng yết-ma thì mới được lợi ích. Còn mình nói: *Ôi! Thầy nói thì nói, mình ăn thì ăn, uống thì uống quyền của mình* thì không bao giờ mình gặt hái được đạo quả giải thoát, tu là tu cho vui qua ngày tháng thôi.

“Có Tỳ-kheo Thiện Tinh hầu Phật hai mươi năm chẳng rời, thế mà vì không có một chữ tin này chẳng thành Thánh đạo, lại bị rơi trong địa ngục.”

Không tin lời Phật dạy, chứng tứ thiền mà nói là đã chứng quả vị A-la-hán, sau khi hết phước không hiện ra tướng Niết-bàn. Phỉ báng Phật, nói là Phật dối, Phật không có thật, vừa nói vậy là đọa vào chốn địa ngục, đó là Thiện Tinh Tỳ-kheo.

Kinh Hoa Nghiêm có nói:

“Có tin mà không hiểu thì tăng trưởng vô minh.”

Nghĩa là mình rất tin, Thầy nói sao mình tin vậy, mà không hiểu gì hết. Chẳng hạn như Thầy mình đưa ra đường hướng, phép tắc gì đó mình đều tin, nhưng không hiểu thì cũng không có lợi ích gì. Hiểu thì mới có tâm hướng thượng, còn không hiểu thì tăng trưởng gốc vô minh mờ tối.

“Có hiểu mà không tin thì thêm lớn tà kiến.”

Hiểu mà không tin thì làm lệch, lệch theo ý của mình. Nhiều khi quý thầy hành trì chắc gì đúng phương pháp Hòa thượng dạy, *thêm lớn tà kiến.*

“Tin, hiểu, suốt thông mới là gốc của sự tu hành.”

Luận Trí Độ nói, Phật dạy:

“Nếu người có lòng tin thì có thể vào trong biển pháp lớn của ta, có thể được quả Sa-môn, không uống cạo tóc, nhuộm áo. Nếu người không có lòng tin thì không thể vào biển pháp lớn của ta, như cây khô chẳng sanh ra hoa quả, chẳng đắc quả Sa-môn. Dầu có cạo tóc, nhuộm áo, đọc các kinh điển, có khả năng hỏi, có khả năng đáp đi nữa, ở trong Phật pháp cũng chỉ vô ích, không được chi cả. Do vì nghĩa này nên trong Phật pháp trước hết phải khéo lấy lòng tin làm căn bản.”

Nghĩa là dầu cho mình cạo tóc, nhuộm áo, đọc các kinh điển, ai nói gì mình cũng biết hết mà mình không tin, mình nói chắc gì ông thầy nói đúng. Như vậy thì cũng vô ích, không gặt hái được đạo quả giải thoát.

Chú:

“Tiếng Phạn gọi là Sa-môn, đây gọi là công lao. Nghĩa là tu đạo có công lao nhiều, nghĩa là cần tu thiện pháp, hạnh hướng đến con đường Niết-bàn thì tiếng Phạn gọi là Sa-môn.”

Ở Trung Hoa gọi là công lao, tu đạo có công lao rất là nhiều. Chẳng hạn như quý thầy vào đây được một năm, ngoài tu học còn làm xây dựng nhà cửa, chẻ củi, nấu cơm, làm hết tất cả các việc thiện pháp, thì người vào sau phải thua quý thầy một năm. Huống

chi là bậc Đại Sa-môn, công lao các ngài rất nhiều, các ngài đã bỏ ra công sức nhiều đời nhiều kiếp. Tâm sức của các ngài đều hướng đến con đường Niết-bàn. Các ngài tu hành không những nhiều tháng, nhiều năm mà còn nhiều kiếp nữa. Nên nếu mình làm sai quấy, bị vị Hòa thượng nào đó quở nặng một tiếng là phước đức của mình bị tổn giảm và sẽ tu rất là khó.

Biện Chánh Luận nói:

“Hạnh xuyên thoát tục, tâm đạo ngoại trần gọi là Sa-môn,”

Nghĩa là hạnh thì ngoài thế tục, mà tâm thì đạo ngoại trần, tức là nhiếp phục chúng sanh, đi vào cuộc đời này để giáo hóa chúng sanh. Chẳng hạn như việc Hòa thượng lập rất nhiều thiền viện.

Trong Tương Ưng Bộ Kinh có ghi:

Lúc Đức Phật ở trong rừng Kỳ Đà, vườn ông Cấp Cô Độc thì một vị phi tử đến hỏi Phật:

– Phật có hoan hỉ không?

Phật nói:

– Nay hiền giả! Ta được gì mà ta hoan hỉ?

Ở đây muốn nói bậc Sa-môn thì vượt thoát hoan hỉ, khen chê, sầu muộn. Phật đạt đến chỗ đó rồi và Ngài dạy lại các Tỳ-kheo. Người đạt đến bậc Sa-môn cũng thành tựu pháp này. Mà thành tựu pháp này, thì con đường đi đến Phật quả rất gần.

“Không được gọi tên và pháp danh bậc Đại Sa-môn.”

Ví dụ, ai hỏi quý thầy Hòa thượng ở đây tên gì, mình trả lời là Hòa thượng Trúc Lâm. Vì quý kính nên mình không dám gọi tên hay pháp danh của Ngài. Cũng không nói Hòa thượng thượng Thanh hạ Từ, sợ tổn phước đức, mà gọi là Hòa thượng Trúc Lâm hoặc Ôn Trúc Lâm; Hòa thượng Thường Chiếu, Thầy Trụ trì Trúc Lâm...

Sa Di Học Xứ ghi:

“Sa-di nên lấy năm sanh làm thứ lớp. Nếu năm sanh bằng nhau nên lấy xuất gia làm thứ lớp.”

Chẳng hạn như quý thầy vào đây có nhiều độ tuổi khác nhau: mười bảy có, mười tám, mười chín, hai mươi cũng có. Nếu thọ giới Sa-di cùng một lúc, thì người lớn tuổi hơn là sư huynh.

“Nên luận về giới lập, Sa-di chưa vào tăng số, chỉ luận về năm sanh. Dầu cho Sa-di một trăm tuổi cũng nên lễ dưới chân tân Tỳ-kheo, nên trụ nơi cung kính, chẳng được ngã mạn cống cao, có thì trái với lời Phật dạy.”

Dầu cho quý thầy một trăm tuổi mà không chịu thọ giới Tỳ-kheo, hoặc dầu đáng cha, đáng ông mà mới xuất gia thì quý thầy cũng phải cung kính một tân Tỳ-kheo, không được cống cao ngã mạn cho là mình hiểu biết. Ngã mạn thì trái lời Phật dạy, không biết kính bậc đại Sa-môn.

Thiền sư Thừa Hạo ở Ngọc Tuyền khi đắc đạo được tam muội chánh định tự tại rồi, ngài viết các vị Tổ (33 vị Tổ) trên cái quần của ngài rồi mặc. Ngài nói rằng: “Chỉ có Văn Thù, Phổ Hiền mới so sánh chút ít.” Vì vậy trong tông lâm gọi sư là Hạo Bồ Côn tức là Hạo quần đùi vải. Trong chúng có một thầy nhỏ Sa-di mới xuất gia thấy vậy bắt chước, cũng viết vào quần mặc đi chơi cho vui. Bữa đó vị Hòa thượng thấy được nói: “Ông được cái gì mà ông dám làm cái này?” Bảy ngày sau ông Sa-di học máu chết.

Đức mình chưa đủ, mà bắt chước Thầy mình làm như thế, như thế... thì không được.

Thêm một điều quý thầy cũng cần phải kinh nghiệm: cái bực gỗ Hòa thượng hay Thầy Trụ trì lớn giảng mà quý thầy leo lên chơi hoặc ai mời quý thầy cũng leo lên giảng là tổn phước. Âm đức, năng lực không đủ, mà mình bước lên pháp tòa của các bậc trưởng thượng, giảng là chết. Mình phải kêu chúng chuyển xuống một bậc rồi mới giảng.

Hạnh khiêm cung của toát ra từ năng lực có học, có tu. Còn không tu không học thì không biết. Có nhiều người đi ngang ngang với Hòa thượng, lại còn chấp tay sau lưng, như vậy cũng trật luân. Phải học từng li từng tí mới được.

Tổ Tuyên Luật sư dạy:

“Người xưa thân cận Sư trưởng chẳng dám xưng danh cho nên trụ núi mà xưng tên, ấy gọi là tôn trọng, huống là Sa-di tiểu chúng ư?”

Chẳng hạn Hòa thượng ở đây gọi là Hòa thượng Phụng Hoàng hay Hòa thượng Trúc Lâm. Những vị gần Sư trưởng lâu năm lâu tháng còn chẳng dám xưng danh huống nữa mình là tiểu chúng. Nhiều khi quý thầy kêu trống tên của Hòa thượng hoặc Thầy Trụ trì là tổn đức của mình. Quý thầy sau này sẽ là bậc long tượng, là hàng pháp khí trong tông lâm nếu thực hành đúng oai nghi này. Cũng không khó, nếu hiểu và học thuộc, từ từ thâm hời nào không hay.

Luật nói:

“Tăng già cùng nhau tương kính, Tam bảo trụ thế lâu dài.”

Tăng già cùng nhau tương kính, có nghĩa tương kính những bậc đại Sa-môn thì Phật pháp trụ lâu đời.

Phật bảo các thầy Tỷ-kheo:

– Các thầy cùng nhau cung kính, vui mừng đón tiếp, thăm hỏi, nguồn gốc bắt đầu từ nơi đâu?

Các thầy bạch Phật:

– Mỗi thầy tự nói chí hướng của mình, hoặc nói dòng dõi cao sang, hoặc nói thần trí cao xa, hoặc nói dòng dõi thân thuộc với Phật, hoặc nói chứng đạo Thánh quả.

Sở dĩ vui mừng thấy nhau mà niềm nở vì gặp người dòng dõi cao quý hoặc thông minh trí huệ! Còn không phải vậy thì không quý kính, không thưa hỏi đón tiếp!

Phật bảo:

– Chỗ nói của các ông đều là tăng trưởng lòng ngã mạn, không có thể quán thấu. Phải thuận phép tắc lưu bố ở đời, đối với pháp luật của ta lại cùng nhau cung kính, Phật pháp có thể được

lưu truyền rộng rãi. Thế Tôn từ bi thương xót chỉ dạy khiến cho phép tắc được lưu thông. Lễ độ, tôn kính, nhún nhường chẳng có thiếu sót thì Tam bảo có thể trụ lâu ở đời được.

Mình ở ngoài đời mà ỷ dòng tộc cao sang, hoặc làm giám đốc, kỹ sư gì đó, thấy bậc đại Sa-môn mình cứ đi tự nhiên thì chánh pháp đoạn diệt.

Phật bảo:

– Ta sẽ chỉ dạy cho các ông bốn phương pháp. Thực hành bốn phương pháp này, lễ độ, tôn kính nhún nhường chẳng có thiếu sót thì Tam bảo có thể trụ lâu ở đời.

Kính lễ đạo chẳng lễ tục có bốn:

1- Thứ nhất là Tăng chẳng lễ Ni thì chánh pháp mới cửu trụ được.

Quý thầy gặp Ni mà xá xuống một xá, là chắc chắn chánh pháp hoại diệt. Đây là lời Phật dạy, Tăng chẳng được lễ Ni. Mai kia, quý thầy nếu ở chùa nghèo mà gặp vị Ni trưởng giàu có, quý thầy đến y chỉ sư, y chỉ sư là phải xá lạy, rồi làm đệ tử luôn thì chánh pháp hoại diệt. Người này phá kiến các Tăng Ni và các vị thất chúng. Hoặc đến đánh lễ để có tiền xây cất chùa chiền của quý thầy, như vậy gọi là không biết phép tắc oai nghi của nhà Phật. Phật dạy muốn chánh pháp cửu trụ lâu ở đời thì thứ nhất là Tăng chẳng được lễ Ni. Mình cứ đứng bình thường không có lỗi gì hết, không phải là ngã mạn.

Tuy nhiên Tăng không được lễ Ni là nói về những bậc Đại Tăng, còn Sa-di mới xuất gia chưa được gọi là sứ giả Như Lai thì vẫn lễ bình thường. Sau khi thọ giới, dù chỉ một ngày, tức là nằm trong bộ Tăng rồi thì không được lễ.

2- Thứ hai là người nghiêm trì giới luật chẳng được lễ người phạm giới luật.

Người giữ giới luật thanh tịnh xá người phạm giới, thì họ tổn phước. Mà tổn phước thì chánh pháp không cửu trụ ở đời.

3- Thứ ba là người thọ giới trước chẳng lễ người thọ giới sau.

Người thọ giới trước không được lễ người thọ giới sau thì chánh pháp mới cửu trụ lâu ở đời.

4- Thứ tư là từ hơn năm chúng còn mất và sai khác đều qui ước niên hạ, thứ lớp mà sắp đặt tôn kính.

Không phải người mới thọ hai tuổi hạ mà quý thầy sắp ngồi trước, mà phải sắp: năm hạ, bốn hạ, ba hạ, hai hạ, một hạ. Người ta nhìn vào là biết đạo tràng có oai nghi phép tắc, làm đúng lời Phật dạy, như vậy thì chánh pháp mới cửu trụ. Sau này quý thầy lớn lên sẽ thấy điều này.

Kính nói:

“Cung kính nơi tháp miếu, khiêm hạ các thầy Tỷ-kheo, xa lìa tâm ngạo mạn của chính mình, thường tư duy trí huệ. Lại nói nếu có trí huệ thì không có tham chấp. Nay tham sân ngạo mạn mà chấp theo thì cái ngu đó chẳng có thể tính kể.”

Cung kính nơi tháp miếu. Đến các tháp thờ xá lợi Phật quý thầy phải đi nhiễu, đánh lễ thật cung kính và phải khiêm hạ đối với các thầy Tỳ-kheo thì phước của quý thầy mới tăng trưởng. Còn mình lễ Phật sát đất, mà những vị đại Sa-môn, thầy Tỳ-kheo thọ giới trước, mình khinh dễ họ, cống cao ngã mạn thì lễ Phật vô ích.

Phật sống không chịu lễ, nhiều khi mình phải lễ lại chính mình, nghĩa là mình thấy được từng vận hành của tâm thức, thấy được tâm ngạo mạn của mình. Phải kiểm soát từng tâm niệm để chuyển hóa thì trí huệ tăng trưởng. Nếu chấp theo tình chấp của mình, thì cái ngu đó nhiều đời nhiều kiếp chẳng thể tính kể. Cái ngu ngày càng tăng trưởng thì không phát sinh trí huệ được. Thấy được tính chất đó, thì quý thầy sẽ không còn tham đắm nữa. Không tham đắm thì lúc này quý thầy khiêm hạ.

“Không được trộm nghe bậc đại Sa-môn thuyết đại giới.”

Theo tinh thần của kinh Nguyên thủy tức là tông phái Nam tông, bên Nguyên thủy cho cư sĩ hoặc Sa-di nghe luôn, nhưng bên Bắc tông lại không cho nghe. Nếu nghe là đồng với tội ngũ nghịch, tức là đồng với tội giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu, giết A-la-hán.

Trong Kinh Đại Bảo Tích ghi rõ, lúc đang thuyết giới có đứa bé bò vô gần cửa, thần Kim Cang dùng chày đánh nát đầu đứa bé chết tại chỗ. Tôn giả A-nan bất bình hỏi Phật:

– Tại sao thần Kim Cang hộ pháp mà không thương xót đứa bé, nó nghe đâu có biết gì?

Phật nói:

– Tuy rằng không biết nhưng từng lời nói đại giới ghi vào trong tạng thức. Cho nên giết một đời còn hơn để nhiều đời nó sa đọa trong ba đường ác.

Nhưng cuối cùng Phật nói:

– Đứa bé này do từ năng lực, thần lực của Như Lai ứng tác ra để răn các thầy Tỳ-kheo.

Thật ra đứa bé là do đức Phật hóa sanh để răn các thầy Tỳ-kheo không được trộm nghe đại giới của bậc đại Sa-môn.

Mỗi kỳ thỉnh nguyện, Hòa Thượng cho Sa-di, Tỳ-kheo thỉnh nguyện chung. Trong khi bên Nam tông Tỳ-kheo bố tát xong rồi mới đến phần Sa-di. Bởi vì Tỳ-kheo đâu phải là Thánh, Tỳ-kheo có lỗi ra sám hối thì Sa-di sẽ khinh dễ, mà khinh dễ thì sa đọa. Nên họ không cho Tỳ-kheo và Sa-di bố tát chung.

Tuy nhiên mỗi bên đều có cái hay riêng. Hòa Thượng cho thỉnh nguyện chung, nếu Tỳ-kheo có lỗi sẽ bị Sa-di khinh, nên Tỳ-kheo phải ráng thu thúc lục căn, ráng tu, ráng học, ráng vươn lên.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phật chế Sa-di chẳng lãnh thọ lắng nghe. Nếu riêng đến trộm nghe thì cùng như phạm vào tội ngũ nghịch còn gọi là người tặc trụ chẳng được thọ cụ túc giới.”

Giới cụ túc này chính là chư đại Tôn giả, đại quyền thừa Bồ-tát phá giới cho nên Phật mới chế ra. Giới pháp này nếu mình đến nghe trộm thì gọi là tặc trụ. Tặc là trộm cướp, tặc trụ là những ông thầy trộm cướp ở trong rừng lâm.

Người tặc trụ chẳng được thọ cụ túc giới. Nhiều khi mình tưởng vì nghe trộm giới nên không cho thọ cụ túc. Không phải vậy, bởi vì mình nghe được giới rồi, thấy thầy Tỳ-kheo phạm mình khinh dễ cho nên tổn phước. Vì tổn phước nên sanh ra những biến tướng, chẳng hạn bị xe đụng gãy chân, hoặc cây đâm vào mắt bị mù, hoặc té xe chấn thương sọ não lúc tỉnh lúc không tỉnh. Không đủ lực căn thì làm sao thọ cụ túc.

Vì thế cấm quý thầy không được coi đại giới là có lý do. Bên Bắc Tông cấm luôn, còn bên Nam Tông tôi thấy cho cư sĩ và Sa-di coi luôn.

Nhưng nhớ kỹ một điểm, chừng nào quý thầy qua bên Nam tông thì được phép, còn đã tác pháp yết-ma bên Bắc tông, chấp nhận vào ngôi nhà này rồi, thì quý thầy phải tuân hành. Chừng nào quý thầy mặc áo Nam tông, tác pháp yết-ma bên Nam tông, bên Nguyên thủy thì khác.

“Cụ túc này chính là chư đại Tôn giả, lại vì thị hiện thành Phật vì các thầy Tỳ-kheo mà chế giới. Song trong rừng chiên đàn từng không có gỗ tạp, trên hội Linh sơn há có phạm phu ư? Chỉ sợ người chưa thọ giới cụ túc mà nghe chẳng hiểu tâm từ bi của Phật, trở lại làm việc bất thiện mà phá đạo nội ngoại. Hoặc sợ giới pháp tinh nghiêm, hoặc khinh việc duyên khởi nhân đây mà thôi mất thiện tâm, như dùng kiếm bén mà chặt đứt tín căn, thì huệ mạng Phật chủng tương lai sẽ mất nên nói đồng như phạm tội ngũ nghịch. Rất là cẩn thận vậy!”

Nghĩa là sau khi coi rồi quý thầy thấy 250 giới khó quá nên thôi Bồ-đề tâm không dám thọ, nói thôi giữ giới Sa-di được rồi, chứ 250 giới rất khó giữ, tụng chuyện gì cũng phạm.

Nghe quý thầy kể lại, trong một thiền viện bên Miến Điện có cây xoài lớn có trái chín, một thầy Tỳ-kheo bên Việt Nam qua vừa đưa tay rờ trái xoài, thì vị thầy Nam tông nói:

– Ông phạm giới rồi.

Lần thứ hai, vị thầy Việt Nam thềm xoài quá rờ trái xoài lần nữa. Sáng hôm sau, vị trưởng lão Sư trưởng kêu hai cư sĩ đến chặt cây xoài, mà cây xoài đó rất quý, trồng mười mấy năm rồi mà đành chặt. Quý thầy Việt Nam đến hỏi tại sao chặt cây xoài, ông nói:

– Thà chặt cây xoài còn hơn để mấy ông phạm giới.

Vị thầy Việt Nam còn kể: Vào nhà cư sĩ, vừa kéo ghế ngồi thì vị cư sĩ nói:

– Thầy phạm giới rồi đó.

Thầy giựt mình:

– Sao phạm giới?

– Tôi chưa cho mà thầy ngồi là phạm giới. Nãy giờ thầy ngồi năm phút là phạm giới năm phút.

Đến giờ chiều thầy phải tác pháp yết-ma trước đại chúng sám hối: Ngồi cái ghế tín thí không cho năm phút. Thầy lại kể có một lần đến nhà một vị tín thí, thấy cây viết bút bị, lấy viết. Vừa viết xong, ông thầy kể bên nói:

– Thầy phạm giới rồi, thầy dùng cây viết của tín thí mà không xin là phạm tội trộm cắp.

Bên đó giữ giới luật tới mức độ như vậy. Cuối cùng thấy khó quá, nên thầy về Việt Nam. Bữa đó thầy lên Trúc Lâm nghỉ lại một đêm, kể chuyện rất là vui. Thầy nói, bên đó giới luật rất khó, đụng cái gì cũng phạm, ăn cái gì, làm cái gì cũng phải trình. Một hôm thầy bị táo bón, thầy ra sau vườn hái lá mát ăn. Vừa nhai thì tín thí đi ngang qua nói:

– Thầy phạm giới, thầy chưa xin ai hết mà thầy hái.

Thầy nói:

– Cỏ này mọc mà.

– Cỏ mọc cũng là pháp tự nhiên của pháp giới, thầy làm vậy là phạm giới.

Vào thời đức Phật có một thầy Tỳ-kheo bị cướp trói, nếu cựa quậy dây thừng sẽ đứt, thầy sẽ thoát được bọn cướp. Nhưng thầy nghĩ, nếu cựa quậy thì cổ nó đau rồi chết, nên thầy nằm im luôn cho cướp nó làm gì thì làm.

Bên đó, họ giữ giới giống như thời Phật, Tỳ-kheo mà giậm lên cỏ là phạm *giới giậm đạp lên cỏ non*. Còn bên Bắc Tông lại khác, nên quý thầy học phải biết.

Theo Kinh Du Hành Trường A Hàm 3, Luận Đại Tỳ Bà Sa, Sa-môn được chia làm bốn:

1- *Thắng Đạo Sa-môn*:

Những vị có khả năng tự giác như Phật, hoặc những vị ra đời không gặp Phật chỉ dạy, mà các ngài quán thấu suốt các nhân duyên hay nói khác hơn là các pháp duyên khởi, tự chứng được gọi là Độc giác Phật, cũng gọi là Sa-môn.

2- *Thị Đạo Sa-môn (còn gọi là Thuyết Đạo Sa-môn)*:

Chỉ cho người khéo giải nói đạo pháp, có khả năng thường theo Phật chuyển đại pháp luân như Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp cũng gọi là Đại Sa-môn.

3- *Mạng Đạo Sa-môn*:

Là những vị Sa-môn sinh hoạt theo đạo pháp, sống đúng với chánh pháp. Những vị này tuy còn ở địa vị hữu học nhưng đồng với địa vị vô học, học rộng nhớ dai, đầy đủ giới cấm thanh tịnh, truyền bá pháp thân huệ mạng của Phật cho đời như Ngài A-nan, thì cũng gọi là những vị Sa-môn lớn.

4- *Ô Đạo Sa-môn*:

Chỉ cho những Sa-môn làm những điều như uế ảnh hưởng đến đạo, tuy mang hình tướng Sa-môn nhưng tâm thì tà vọng, trộm cướp tài vật của người khác như Tỳ-kheo Mạc-thác-lạc-ca.

“Hoặc thấy bậc Đại Sa-môn hai, ba ngài đồng ở trong nhà nói nhỏ chẳng được xông vào. Bằng có việc gấp phải đàn chỉ có tiếng vậy sau mới vào. Vì sao? Bởi sợ tiết lộ việc thị phi của người mà chuốc lấy sự tội lỗi và tán loạn chánh niệm của mình.”

Chẳng hạn như mình đi ngang qua phòng có ba, bốn vị Sa-môn trong đó đang nói nhỏ. Nhiều khi các ngài đang nói chuyện riêng tư, mình xông vào nghe được nên loạn tâm chánh niệm, về nhà ngồi thiền không được. Nên trước khi vào mình phải đàn chỉ ba tiếng. Hoặc quý thầy có nhân duyên lên phòng Thầy Trụ trì phải gõ ba cái, để bên trong Thầy biết, rồi có người vào mình mới vào, chứ không được tự ý xông vào.

“Không được ghé tai nói lời bậy Đại Sa-môn.”

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư có ghi:

“Tỳ-kheo có lỗi tự có đại Tăng cử phạt, Sa-di chẳng được nói lên sau lưng kia tốt, xấu.”

Mình không được nói thầy này tốt, thầy kia xấu. Nhưng đừng nghe vậy, rồi mai kia khi quý thầy mới thọ giới, có người chỉ lỗi cho, quý thầy lại nói, tôi là bậc đại Sa-môn, nói như thế thì không được. Nếu có lỗi, huynh đệ thọ giới bằng mình, có thể nói lỗi của mình để chỉ cho biết mình tránh. Ở đây muốn nói cho những thầy Sa-di mới xuất gia, chỉ nên lo bốn phận của mình.

Ở nhà trưng bày có bán ba con khỉ, con khỉ thứ nhất bịt miệng lại. Bịt miệng không phải không cho nói, mà có nghĩa là đừng nói lỗi bậc đại Sa-môn. Con khỉ thứ hai bịt hai con mắt lại, ý nói mình như đui không thấy gì hết, chỉ lo bốn phận mình tu thôi. Con khỉ thứ ba bịt hai lỗ tai lại, nghĩa là ai nói chuyện thị phi là quyền của họ, nhân quả họ chịu, mình không dính dáng gì hết. Như vậy, tu rất là dễ.

Truyện Khổng Tử có ghi:

Ngài Tử Cống, là đệ tử lớn của Khổng Tử, hay chê người này khen người khác, nói người này tốt, người kia xấu. Một hôm Khổng Tử kêu lên dạy: *“Ông nên quán sát lại hành động của chính mình, đó là điều thứ nhất.”* Tức là nên luôn luôn phản quan tự kỷ. Cổ Đức thường nói, chuyện người ta thì sáng mà chuyện mình thì tối mù. Muốn chuyện của mình sáng, thì phải quán chiếu lại mới thấy rõ được.

Trong Khóa Hư Lục của Vua Trần Thái Tông có bài kệ Vô Thường:

*Ngày sáng mất rồi, đêm tối đến,
Đường đêm mờ mịt lại mịt mờ,
Uổng công đốt đuốc cho người khác,
Chẳng chịu mỗi đèn chính nhà mình.*

Chẳng hạn như huynh đệ ở bên cạnh trời tối chưa thắp đèn, bên mình cũng tối mà không chịu thắp đèn lên, lại chạy qua thắp đèn cho huynh đệ.

Cho nên trong Kinh Tam Bảo Giám có nói:

*Nhơn nhơn tự tẩy môn tiền tuyết,
Bất vị tha nhơn ốc thượng sương.*

Nghĩa là:

*Người người tự quét tuyết trước cửa,
Chẳng nghĩ sương đóng trên nhà người.*

Nghĩa là mình lo quét tuyết trước nhà, còn sương đóng trên nhà người thì đừng lo. Mình lo chuyện người ta, nhưng chuyện của mình thì rất là tối.

Kính bậc đại Sa-môn, nghĩa là các ngài có lỗi gì mặc kệ, đã có đại Tăng cử phạt. Các bậc đại Sa-môn có lỗi thì trên có Hòa thượng, trên nữa thì có chư Phật, chư Tổ. Trên nữa còn gì? Còn sự tự vận hành của nhân quả.

“Cũng chẳng được đến chỗ khuất mắt lên bậc đại Sa-môn, hay cười giỡn trước mặt, nhái tiếng nói, bắt chước hình tướng và bộ đi.”

Mỗi người đều có nghiệp, nghiệp đó chiêu cảm trong đời quá khứ. Chẳng hạn như trong rừng lâm, có những Thầy lớn có giọng nói hơi thanh, mình bắt chước nhái lại là không được. Hoặc tướng đi của Thầy không đúng kiểu bậc mô phạm, mình bắt chước nhái tướng đi, như vậy cũng không được.

Kinh Lăng Nghiêm có ghi:

Tỳ-kheo Kiều-phạm-ác-đề đã chứng quả vị A-la-hán nhưng khi ăn ngài nhai giống như trâu. Ngài sợ chúng sanh thấy rồi khởi niệm giỡn cười, mà giỡn cười bậc A-la-hán thì tội đọa địa ngục, nên ngài không sống ở cõi Ta-bà này mà lên cung trời thứ ba mươi ba ở và hành đạo trên đó. Ngài nói trong đời quá khứ ngài đã coi thường giỡn cợt các bậc đại Sa-môn nên đời đời kiếp kiếp mắc tật nhai lại như trâu, dù chứng quả vị A-la-hán rồi nhưng vẫn bị nghiệp quả đó.

Trong cuộc sống tu hành mình được phúc duyên tốt, tướng mạo sang trọng, rồi cười những người không được hảo tướng, coi chừng mình mắc nhân quả.

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác nói:

“Hoặc phải, hoặc quấy người chẳng biết. Nghịch hạnh, thuận hạnh trời chẳng lường, như Chí Công ăn chim bồ câu, La Thập nhai kim.”

Có những bậc đại Sa-môn trong rừng lâm sống kiểu nghịch hạnh mà mình không biết:

Thiền sư Chí Công thị hiện cho chúng đệ tử thấy ngài ăn chim bồ câu, các đệ tử nói ngài phá giới không chịu tu theo ngài nữa, ngài há miệng cho hai con chim bồ câu bay ra. Đó là nghịch hạnh của các ngài thị hiện để nhiếp phục chúng sanh.

La Thập được vua Diêu Tần rất kính nể nên cho mười tám cung nữ theo hầu, các đệ tử ngài thấy vậy cũng bắt chước. Bữa nọ ngài dọn ra bàn, mỗi đệ tử ba cây kim, ngài thì

một tô kim. Ngài ăn, nhai rất bình thường, còn đệ tử ba cây kim nuốt không nổi. Ngài nói: “Đó, mấy ông đâu có diệu dụng đâu mà bắt chước tôi.” Đó là những nghịch hạnh của các ngài.

“Chẳng có thể lấy cái thấy nhỏ hẹp mà thấu thoát đại dụng của các ngài.”

Trong nhà thiền, mình hay nghe các vị thiền sư nói: “Ông được đại cơ mà không được đại dụng.” Đại cơ là thấu thoát được bản tâm, tức là thấu thoát được từng cảnh giới vọng niệm, nhưng chưa có đại dụng thì làm việc Phật sự không được. Các ngài sở dĩ vào được quán rượu, lầu xanh, tửu điểm mà không động tâm, là vì các ngài đã đạt đến cảnh giới vừa đại cơ vừa đại dụng.

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Cảnh Hư ở Nhật Bản, một đêm nọ dắt một người con gái dáng rất đẹp về phòng. Được ba đêm, thì đệ tử thị giả của ngài là Mãn Không bực mình mở tung cửa phòng nói:

– Thầy là bậc mô phạm mà vậy đó. Thầy nói, Thầy là bậc mô phạm trời người mà bây giờ có người phụ nữ nằm trên giường.

Người phụ nữ quay mặt lại, Mãn Không mới biết người này bị hui. Sẵn dịp Thiền sư nói:

– Bây giờ đến lượt ông, ông xúc thuốc giùm.

Lúc này đệ tử mới quỳ xuống, xin sám hối.

Mật hạnh, nghịch hạnh của các ngài, mình không biết được. Căn cơ của bậc thượng căn, các ngài thị hiện trong cuộc đời này để điều dắt chúng sanh, mình không thể thấu thoát được.

Tướng quốc Bùi Hư có lần đến chùa Đại An thưa hỏi chúng Tăng rằng:

– Đức Phật có mười đại đệ tử, mỗi người đứng đầu một hạnh, La-hầu-la bậc nhất về hạnh gì?

Tất cả đều đáp:

– Lấy mật hạnh làm đệ nhất.

Mật hạnh là hạnh kín nhiệm bên trong, không biết được. Chẳng hạn như ở từng lâm có những vị Hòa thượng đầu đàn lớn thường hay xuống quét cầu tiêu, dọn dẹp nhà bếp..., mà toàn làm ban đêm, một, hai giờ đêm các ngài xuống dọn dẹp. Những vị này lấy mật hạnh làm đệ nhất.

Bùi Hư không vừa lòng câu trả lời này, nên hỏi:

– Ở đây có thiền sư không?

Lúc này thiền sư Long Nha Cư Đôn, đang trồng rau ở vườn sau thì được Tăng chúng mời ra. Bùi Hư hỏi thiền sư:

– La-hầu-la đệ nhất về hạnh gì?

Thiền sư Long Nha đáp:

– Không biết.

Lúc này Bùi Hư mới gật đầu nói:

– Đúng là thiền sư, còn mấy vị trước thì không phải.

Thấy mình còn mật hạnh, thì không phải là mật hạnh nữa. Còn ở đây không biết tức là vô tri. Bát-nhã nói:

“Bát-nhã vô tri nhi vô sở bất tri, Bát-nhã vô kiến nhi vô sở bất kiến.”

Nghĩa là Bát-nhã thì không biết nhưng không chỗ nào mà chẳng biết. Các ngài cái gì cũng biết nhưng mà giống như ngu như ngơ. Ai lỗi không thành vấn đề, mà các ngài lo cho chính bản thân mình.

Trong thiền thoại còn kể một câu chuyện:

Thiền sư Cảnh Sơn và thiền sư Vân Thanh là hai huynh đệ nhưng cách sống rất khác biệt. Một vị chuyên tu hạnh đầu đà, giới luật rất thanh tịnh, một vị thì chuyên uống rượu ăn thịt, hai huynh đệ sống chung với nhau mà khác nhau như thế. Một hôm thiền sư Vân Thanh mời thiền sư Cảnh Sơn uống rượu, thiền sư Cảnh Sơn nói:

– Sư huynh suốt ngày uống rượu ăn thịt, không lo tu hành gì hết.

Thiền sư Vân Thanh nói:

– Sư đệ đúng là không giống ...

Thiền sư Cảnh Sơn nổi sân:

– Không giống gì?

Thiền sư Vân Thanh:

– Sư đệ không giống người mà giống Phật.

Những vị tu về mặt hạnh hoặc tu nghịch hạnh, mà thấu thoát được tâm niệm thì các ngài không sân. Còn mình chấp giữ giới, làm việc này, việc kia, thanh tịnh, thì gặp những lúc nghịch, mình liền nổi sân.

Kinh Thiện Cung Kính nói:

“Báng Sư, hủy Sư là trong pháp đại ma.”

Chẳng hạn mình mắng chửi, hủy nhục Thầy mình đó là trong pháp đại ma.

Đại Luật nói:

“Người xuất gia có nói ra lời gì đều là lợi ích.”

Nghĩa là ẩn ác mà dương thiện. Chẳng hạn mình biết vị thầy này có lỗi gì đó, mình ẩn cái ác, xiển dương cái thiện của người đó lên thì đúng. Còn mình nói lỗi người này, người kia thì không được.

“Chẳng nên riêng giận và bàn luận việc của người. Luật nói: nếu đến nhà bạch y mà nói lỗi ác Tỳ-kheo, thời người thế gian kia đối trong Phật pháp đã không có tâm tín kính lại còn gây tội hủy báng, thêm gốc khổ cho họ.”

Chẳng hạn mình ghét vị thầy đó, chịu không được, mình đến nhà cư sĩ bạch y quen biết, kể ông thầy đó vậy đó, ông thầy đó mà tu cái gì... Tự nhiên người bạch y đó không còn kính tín Tam bảo nữa. Hoặc nếu quý thầy có đủ nhân duyên về thăm nhà, trong Luật có nói rất rõ mình về nhà gặp mẹ, mình ca ngợi chúng Tăng, ca ngợi Tam bảo để cho bà phát tín tâm, chứ không phải chuyện tốt xấu của Tăng chúng, mình kể ra hết làm cho mẹ mất tín tâm luôn, phá nát hạt giống Tam bảo của bà, tội lắm. Quý Thầy nhớ cho kỹ.

“Thà phá pháp, đốt tượng chứ không nên đến người thế gian nói tội lỗi của thầy Tỳ-kheo. Nếu ta nói lỗi thì hư hoại pháp thân ta vậy.”

Nếu nói lỗi các thầy Tỳ-kheo cho hàng bạch y nghe thì pháp thân bị hư, bị đốt cháy hết, công đức mất hết.

Kinh nói vào thời đức Phật có vị Tăng đến nhà đàn việt, nói xấu hai tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Phật bảo: *“Ông phải thành tâm sám hối.”* Vị này không chịu thành tâm sám hối, ba tháng sau trên người nổi ung nhọt lên rồi chết. Sau khi chết, thần thức cảm ở địa ngục A-tỳ. Phật nói: *“Do ông ấy đến nhà đàn việt, nói lời xấu ác các vị đại Sa-môn đại đệ tử của Phật.”*

“Không được ngồi thấy bậc Sa-môn đi qua chẳng đứng dậy, trừ có năm điều không đứng dậy không lỗi như là: Khi đọc Kinh, khi bệnh, khi cạo tóc, khi ăn cơm, khi làm việc cho chúng.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Bậc đại Sa-môn chính là hậu duệ của Phật Tổ, khinh mạn Sa-môn tức là khinh mạn Phật Tổ.”

Quý thầy mà coi thường Hòa thượng, thầy Trụ trì, nói khác hơn coi thường những thầy Tỳ-kheo lớn tuổi hạ, tức là khinh mạn Phật Tổ. Phật thì đã nhập Niết-bàn, còn giáo lý ai nói? Nghiên cứu kỹ trong những quyển Luận Đại thừa, Kinh Đại thừa, nếu không có những bậc đại Sa-môn khai pháp nhãn cho, thì mình không biết. Nên những bậc đại Sa-môn này chính là hậu duệ của Phật Tổ. Khinh mạn Sa-môn tức là khinh mạn Phật Tổ. Những vị đi tu học ngày xưa kể lại, bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám ngộ được tông chỉ rồi, trước khi dạy quý thầy, ngài đến đánh lễ mỗi người ba lạy.

“Song bình thường thấy tôn trưởng đi qua còn nên đứng dậy hỏi thăm chỗ ở, hướng nữa thấy đại Sa-môn đi qua há có thể ngồi yên chẳng đứng dậy.”

Chắc ở đây mình cũng bị lỗi. Bình thường mình thấy những bậc tôn trưởng, quý thầy lớn đi qua, mình phải đứng dậy chào, xá chứ không phải ngồi yên luôn. Những khi có các vị Thầy hay Hòa thượng đến Tùng lâm, quý thầy phải nhớ đến đánh lễ để thêm phước, tăng đức và tâm lực cho mình.

Kinh Đại Bi có nói:

“Nhu Lai trong thời quá khứ, lúc hành đạo Bồ-tát, phàm thấy Tam bảo, tháp tượng xá lợi, sư tăng, phụ mẫu, trưởng bối, thiện hữu thấy đều nghiêng người khiêm hạ nên cảm quả Phật vị lai. Núi rừng, người, thú đều cung kính, ngưỡng mộ, qui kính đối với Phật.”

Phật nói, sở dĩ ngày hôm nay tất cả chúng sanh đều qui kính Ngài, vì trong thời quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát, phàm thấy Tam bảo, tháp tượng, xá lợi, sư tăng, phụ mẫu, trưởng bối, thiện hữu ngài đều nghiêng người khiêm hạ đánh lễ.

Trong thời quá khứ, lúc Phật hành đạo Bồ-tát, Ngài đã trải thân cho Phật Nhiên Đăng đi qua, còn thiếu một chút thì ngài trải tóc. Rồi Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ngài đời vị lai sẽ thành Phật vào trong đời ngũ trước.

Bây giờ quý thầy tu, có nghĩ mình thành Phật không? Chắc chắn quý thầy tu sẽ thành Phật. Dù kiếp này không xong thì vô lượng kiếp cũng phải thành Phật. Phật rất là nhiều, đó là điều chắc chắn phải tin. Chứ chẳng lẽ thành ma? Mà dẫu cho thành ma, thì

sau cùng cũng thành Phật. Quý thầy lỡ phạm giới đọa địa ngục, đọa địa ngục lên, rồi cũng tu thành Phật.

Nói trải thân, trải tóc, quý thầy đừng hình dung là Phật trải thân lột đường cho Phật Nhiên Đăng đi qua, rồi Phật thọ ký. Ở đây ngầm một ý: Sâu trong tâm thức mỗi hành giả theo tinh thần Bồ-tát thừa, trải thân là làm hết tất cả các hạnh trong từng lâm. Trong cuộc sống tu hành nếu có sức khỏe thì mình trải thân, nghĩa là mình làm hết các hạnh trong từng lâm cho đại chúng: Nấu cơm, hành đường, trị nhật, tri khổ..., đó là trải thân lo cho đại chúng.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phật nói rất rõ, người nào tu các hạnh mà không phát Bồ-đề tâm là hạnh của ma. Ưu chỗ vắng lặng mà không phục vụ cho đại chúng, không phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh cũng là hạnh của ma.

Tại vì không có sức khỏe, thí dụ như đau thần kinh tọa... rồi cắt đặt việc gì hơi nặng mình làm không nổi. Như tôi làm tri khách sáu tháng là thấy muốn oải rồi, làm nữa không nổi. Nhưng nếu có sức khỏe và năng lực, mình làm thấy nó khác. Tinh thần Bồ-tát đạo là phải đi con đường này. Mình trải thân lo cho đại chúng yên tu là năng lực mình có, kiếp sau ra đời tự nhiên người khác lo cho mình.

Bộ Hành Hộ nói:

“Thấy phải đứng dậy, ngồi phải nhường chỗ, lúc đi đường tình cờ gặp thì phải đứng vững bên đường đợi ngài đi qua mình mới đi. Ngài có dạy những điều lợi ích thì phải vòng tay đứng nghe rồi lễ tạ ơn. Nếu mình có lỗi bị quở trách không nên trợn mắt mà ngó, phải dịu lời xin tội, đem lỗi về mình.”

Quý thầy thấy có khó không? Chẳng hạn như mình có lỗi, một vị thầy nói: “Ông làm vậy không được.” Mình trợn mắt lên: “Ông là cái gì?” Hoặc bữa nay xuống nhà bếp, thầy tri khổ nói lật rau phải lật bằng tay để biết cảm giác cái nào già hay non, nhưng mình không làm như vậy mà lấy dao rọc. Thầy tri khổ nói: “Ông làm vậy không được.” Mình trợn mắt lên nói: “Ông xuống ông làm đi.” Như vậy là mình trật.

Ngày xưa vào trị nhật ở Thường Chiếu, chúng tôi cũng làm kiểu đó cho lạ. Chẳng hạn cọng rau muống rọc xuống rột một cái là xong. Nhưng Thầy tôi dạy công phu rất hay, Thầy nói mình ngắt, để cảm xúc được nóng lạnh, đây chính là công phu. Tức là mình tiếp xúc vào pháp giới để biết đây là cái gì, non hay già. Trong lúc làm, có công phu trong đó. Từ đó về sau, chúng tôi lên đây làm trị nhật cũng đều làm y theo lời Thầy dạy.

Kinh Trang Nghiêm Bảo Vương nói:

“Nếu khinh dễ chúng Tăng, người ấy sẽ đọa sanh trong nhà bần tiện, tùy chỗ đầu thai, hình tướng sút mẻ, lưng còm, thấp bé. Khi bỏ thân này rồi sanh về chỗ nào nhiều bệnh, ốm gầy, tay chân co rút, máu chảy đầy cùng thân thịt rồi rã, tới trăm ngàn muôn năm chịu cái khổ báo này.”

Nếu khinh dễ chúng Tăng, khinh dễ bậc đại Sa-môn, hay nói khác hơn khinh dễ những bậc Thầy lớn thì khi chết mình sanh vào nhà bần tiện, nghèo cùng khổ, không biết Phật pháp là gì. Rồi sao nữa? Hình tướng sút mẻ, chẳng hạn sanh ra đời mà lé con

mắt, sút môi hoặc đi cà thọt, hoặc như cái còng làm sao đi tu, làm sao hoằng pháp lợi sinh được. Nhìn là người ta cười rồi, thì làm sao mình giảng pháp! Sở dĩ quý thầy Tăng tướng đầy đủ là nhiều đời nhiều kiếp quý thầy đã tán thán những bậc đại Sa-môn. Còn khinh dễ thì chắc chắn mình sẽ tái sanh vào những cảnh giới thấp, xấu.

– Tại sao khi đọc Kinh không cần đứng dậy?

Khi đang đọc Kinh mà quý thầy lớn đi qua mình cũng ngồi yên đọc.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Lấy pháp làm trọng. Nghĩa là đối trước kinh điển như đối diện trước Phật. Miệng đọc, tâm tư duy, thâm nhập nghĩa lý nên chẳng cần đứng dậy.”

Mình đọc Kinh giống như đang đối diện trước Phật, hình dung Phật đang giảng pháp cho mình. Miệng đọc, tâm thức tư duy vào nghĩa lý sâu kín Phật dạy, lúc này thâm nhập nghĩa lý, xuất thần rồi, đâu có biết Thầy đi qua đâu mà đứng dậy.

Giống như vua Trần Thái Tông, đọc Kinh Kim Cang đến câu: *“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*, Ngài để cuốn Kinh xuống ngẫm nghĩ, thâm nhập tư duy về nghĩa lý trong Kinh thì ngộ nhập.

Ngài Thiên Tâm đời Tống, đọc Kinh Lăng Nghiêm đến câu: *“Tri kiến lập tri tức vô minh bốn, tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn”*, ngài chấm phết như thế này: *Tri kiến lập*, ngài phẩy một cái, *tri tức vô minh bốn*; *tri kiến vô*, phẩy một cái, *kiến tư tức Niết-bàn*, ngài đốn ngộ luôn.

Ngài biết được là cái thấy nếu lập thì gốc vô minh, cái thấy biết mà Không thì đó là Niết-bàn. Ngài thâm nhập được, đốn ngộ luôn. Lúc đó mà mười đại Sa-môn đi qua, Ngài cũng không biết nên không cần đứng dậy chào.

Đại sư Trí Khải tụng Kinh Pháp Hoa đến câu: *“Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”*, Ngài nhập định luôn bảy ngày, rồi Ngài ra giảng chữ Diệu bảy ngày liên tục mà không hết nghĩa lý của chân kinh. Như vậy mới đúng là *đọc Kinh không cần đứng dậy*, vì lúc này đã thể nhập vào Kinh tạng rồi.

Còn mình đọc mà không thâm nhập nghĩa Kinh, thấy rõ ràng quý Thầy đi qua thì phải đứng dậy. Chớ nghe nói đang đọc Kinh không cần đứng dậy, mình thấy quý Thầy đi qua, mà ngồi ngình ngình là trật.

– Tại sao khi bệnh không cần đứng dậy?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là bốn đại chẳng điều hòa, thân khổ bệnh nặng nên chẳng cần đứng dậy.”

Có nghĩa là lúc này mình bệnh nặng, không thể đứng dậy chào được.

– Tại sao lúc cạo tóc không cần đứng dậy?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là thọ trì kệ chú, dao bén trên đầu, động thì sợ bị dao rạch nên chẳng cần đứng dậy.”

Trong lúc cạo tóc, mình đọc bài kệ chú, dao để trên đầu nếu động dậy thì rách đầu, nên không cần đứng dậy.

– Tại sao khi ăn cơm không cần đứng dậy?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là tam đề ngũ quán như pháp thọ thực nên chẳng cần đứng dậy. Lại nữa Phật chế nhất tọa nhất thực.”

Quý thầy đang ăn cơm mà ra chào, vào ăn lại là phi thời. Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư dạy: Phật chế *nhất tọa nhất thực*, một khi ngồi ăn mà đứng dậy là không đúng pháp Phật.

– Tại sao khi làm việc trong chúng không cần đứng dậy?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là lấy việc chánh thường trụ làm trọng, đứng dậy thì tổn hại công phu nên chẳng cần đứng dậy.”

Trong lúc nhổ cỏ lật rau, quý thầy dồn hết lực vào công phu, nếu đứng dậy thì nó mất. Việc chánh là trong lúc làm mình có chánh niệm tỉnh giác, nên không cần đứng dậy.

Bộ Hành Hộ nói:

“Năm hạ sắp lên tức là vị A-xà-lê, mười hạ sắp lên tức là vị Hòa thượng. Tuy việc của Tỳ-kheo nhưng Sa-di cũng cần giữ biết.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Hạ tức là hạ lap, nghĩa là sau khi thọ giới cụ túc rồi chuyên tinh giới luật tu trì, đã trải qua hạ lap như thế, giới phẩm kiên cố, khai giá rõ ràng, đảm nhiệm làm Thầy, tiếp vật lợi sanh.”

Quý thầy sau khi thọ giới Sa-di, đủ năm đủ tháng, Thầy Tổ cho mình đi thọ giới cụ túc. Thọ giới cụ túc là *giới phẩm kiên cố, khai giá rõ ràng, đảm nhiệm làm Thầy, tiếp vật lợi sanh.*

“Đại thể mà nói nếu chẳng am tường giới pháp như trên còn phải y chỉ đối với người, hướng nữa là có năng lực làm Thầy ư?”

Nghĩa là nếu có vị thầy được mười hạ mà giới luật không biết gì, giáo pháp cũng không biết, nhưng vị thầy này sống rất đạo đức thì quý thầy cũng cần nên y chỉ. Không được nói lỗi người đó, hướng nữa là vị thầy đó có năng lực, phải kính đến bậc nào. Chẳng hạn quý thầy mà xúc tác tâm ô nhiễm đến Hòa thượng hoặc Thầy Trụ trì, thì quý thầy bị nhân quả. Chính chúng tôi ở trong chúng chứng kiến, có những người hay đi nói xấu, nói những lỗi nhỏ của Thầy Trụ trì, sau này đều bị mắc nhân quả rất nặng, tu hành không được, dụng công cũng không được. Quý thầy để ý coi, lấy trái banh quăng vào vách tường, thì nó dội về đâu? Dội về mình chứ về đâu.

Trong đại chúng, có những người nói: Thầy mình vậy chứ so ra có người tài giỏi hơn. Sự thật mình thấy trong chúng có nhiều người có năng lực hơn Thầy, cái gì cũng giỏi,

cái gì cũng biết, nhưng tại sao họ lại đến xin quy y với Thầy hoặc xin quy y với Hòa thượng? Hòa thượng đâu có bằng tiến sĩ, mà tại sao có những vị tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ đến quy y thọ pháp với Hòa thượng, với Thầy Trụ trì? Quý thầy biết tại sao không?

Trong Không Tử truyện có ghi:

Không Tử được thiên hạ tôn làm Vạn Thế Sư Biểu, tức là vị Thầy của muôn đời. Ngài rất giỏi nên nhiều bậc lỗi lạc đến học với ngài. Có một người tên Tử Hạ, sau một thời gian nhập môn, ông ngạc nhiên, thắc mắc tại sao nhiều huynh đệ tài giỏi như rồng như phượng, biện tài vô ngại hơn hẳn Không Tử mà lại xin đến học với ngài. Một hôm, chịu hết nổi, ông quỳ trước Không Tử nói:

– Bạch Thầy! Thầy thấy Nhan Hồi thế nào?

Không Tử hiểu ý cười bảo:

– Y nhân nghĩa hơn ta.

– Tử Cống là người như thế nào?

– Y lạnh lẽo và biện tài hơn ta.

– Vậy Tử Lộ như thế nào?

– Y dũng cảm hơn ta.

– Còn Tử Trường?

– Y đối với người trân trọng hơn ta.

– Đó chính là chỗ con nghĩ mãi không thông, con thấy các sư huynh rõ ràng tài hơn Thầy mà vì sao họ phải theo học với Thầy?

Không Tử đáp:

– Nhan Hồi quả rất là nhân nghĩa nhưng y không biết quyền biến, uyển chuyển. Tử Cống có biện tài hùng biện hơn ta nhưng thiếu sự từ tốn và khiêm cung. Tử Lộ dũng cảm có thừa song chỉ biết tiến mà không biết lùi. Tử Trường đối với người trân trọng hơn ta nhưng lại sống không có hòa hợp. Những môn sinh này mỗi mỗi đều có sở trường riêng nhưng họ không biết và không nhận ra sở đoản của mình, nên buộc phải đến đây cầu ta chỉ cho những khuyết điểm đó để sửa lại cho thành người toàn bích.

Nhiều khi mình nghĩ, mình có tài hơn Thầy, nhưng nhìn lại có những khiếm khuyết mà Thầy chỉ cho mình, trong nhà thiền gọi là điểm phá. Chẳng hạn còn tật gì đó mà Thầy mình nhìn biết nên điểm phá cho mình, điểm phá một thời gian mới thành ngọc:

Ngọc bất trác bất thành khí,

Nhơn bất học bất tri lý.

Nghĩa là ngọc mà không mài giũa thì không dùng được. Người mình cũng giống như là ngọc, mà muốn được thành người pháp khí sau này phải đến Hòa thượng, đến Thầy Trụ trì để được mài giũa, một thời gian mới thành ngọc. Muốn mài được như vậy mất bao nhiêu năm? Mười năm, hai chục năm, ba chục năm, bốn chục năm, dài lắm, có khi kiếp này không xong, kiếp sau nữa.

Xá Lợi Phất Kinh nói:

“Phàm là người xuất gia bỏ nhà cha mẹ sanh tử vào trong cửa Phật, thọ pháp vì diệu vốn là nhờ sức của người Thầy nuôi lớn pháp thân, tăng trưởng tài bảo công đức, hun đúc cái pháp thân huệ mạng, công rất là lớn.”

Phàm là người xuất gia bỏ nhà cha mẹ sanh tử vào trong cửa Phật, thọ pháp vi diệu vốn là nhờ sức của Thầy. Nếu Thầy mô phạm, có năng lực lớn thì quý thầy học được cái hạnh từ Thầy mình rất là nhiều. Ở với vị Thầy có đạo đức, có năng lực thì tự nhiên khi đến với người khác, mình ở không được. Cuối cùng, mình cũng tìm lại chỗ vị Thầy ngày xưa đã nuôi nấng, hun đúc cho thành pháp khí, pháp vi diệu.

Vào trong cửa Phật, thọ pháp vi diệu vốn là nhờ sức của Thầy kèm kẹp. Nhờ sức của Thầy mài giũa kèm kẹp, mình mới thành người tài giỏi. Thủ thuật nhà thiền gọi là kiềm chùy, là móc, nhổ, kèm kẹp, đánh mình, la mắng mình. Chính đó, mới thành người giỏi, còn để mình xiu xiu thì không thành pháp khí.

Chẳng hạn Thầy ở đây nói, tối ngồi thiền không được đi ra bờ hồ, bị bắt gặp thì một là phải sám hối, hai là đuổi luôn. Mình nói, Thầy khó quá, mà thiệt ra đó là Thầy mài giũa cho mình. Muốn thành pháp thân huệ mạng, mà tối mình bỏ sám hối, ngồi thiền để ra bờ hồ nói chuyện thì đâu có đúng. Thầy khó thì sau này mình mới cảm ơn, chứ Thầy dễ là mình hư hết.

Thầy ở đây, bây giờ đã dễ cũng năm mươi phần trăm rồi, bởi vì Thầy ra tiếp xúc ngoài đời, nhận thấy mấy đứa nhỏ ở đây chịu yên như vậy là quá giỏi rồi, nên bây giờ Thầy nói. Chớ ngày xưa Thầy rất là khó, buổi chiều xả thiền rồi là không ai dám bước ra cửa. Chính nhờ cái khó hun đúc như thế, nên khi qua bên kia làm việc tôi không dám rong chơi, chỉ chuyên hoằng pháp lợi sanh và tu học thôi. Nhờ cái khó ở Trúc Lâm mài giũa mới thành được như vậy.

“A-xà-lê là gì? Tiếng Phạn gọi là A-già-lị-gia, đây nói là truyền thọ, nhà Đường gọi là Quỹ Phạm Sư, nghĩa là có năng lực làm khuôn phép cho người hậu học. Nam Sơn Sư Sở có nói: năng lực là uốn nắn chánh hạnh cho đệ tử.”

Người Thầy có năng lực nghĩa là uốn nắn chánh hạnh cho đệ tử để thành bậc pháp khí.

Đại Luận nói:

“Hòa thượng như cha, mà A-xà-lê thì như mẹ.”

Cha thì nghiêm nhưng mẹ thì từ ái, từ bi. Chẳng hạn Hòa thượng đưa lệnh xuống thì Thầy Trụ trì, quý Thầy lớn chỉ dạy cho mình.

“Do dứt bỏ cha mẹ thế tục, cầu cha mẹ xuất thế, nếu bỏ Hòa thượng, A-xà-lê tức gọi là xả giới.”

Nghĩa là quý thầy không cần cầu pháp học của Hòa thượng, của vị Thầy A-xà-lê, tự cho là mình đủ lực, đủ sức rồi, như vậy giống như mình bỏ giới, xả giới. Vì chưa thành tựu pháp thân huệ mạng, mà đã rời Hòa thượng đi, thì giống như người xả giới, bỏ pháp thân huệ mạng không thành tựu được, chứ không phải xả giới là hoàn tục.

“Lại nữa, trong Tứ Phần Luật nói rõ năm nghĩa A-xà-lê:

– Thứ nhất là thế độ nương Thầy được xuất gia, gọi là A-xà-lê.

Thầy cạo tóc, truyền mười giới, gọi là bậc A-xà-lê. Hòa thượng hoặc Thầy Trụ trì cũng gọi là bậc A-xà-lê.

– Thứ hai là thọ giới tác Yết-ma cũng gọi là A-xà-lê.

Quý thầy thọ 250 giới, có những vị gọi là Yết-ma A-xà-lê, Giáo thọ A-xà-lê thì cũng gọi là A-xà-lê.

– Thứ ba là Giáo thọ giáo giới oai nghi A-xà-lê.

Những vị này oai nghi mô phạm, mình thấy bắt chước được, thì cũng gọi là A-xà-lê.

– Thứ bốn là thọ Kinh, theo học Kinh, nếu nói nghĩa cho đến bốn câu kệ thì cũng gọi A-xà-lê.

Mình không hiểu, không biết bài pháp đó nói gì, đến nhờ một vị Thầy nói cho mình hiểu, vị đó gọi là A-xà-lê.

– Thứ năm là y chỉ cho đến y chỉ dùng trụ một đêm cũng gọi là bậc Thầy A-xà-lê.”

Thiền sư Huyền Giác đến nương Lục Tổ có một đêm gọi là nhất túc giác, một đêm cũng gọi là vị Thầy A-xà-lê nói pháp, truyền pháp cho mình.

Phẩm Pháp Cự Đà La Ni Pháp Sư nói:

“Phàm đã là vị Pháp sư, thường phải có lòng từ mẫn, lời nói nhu hòa và nhún nhường. Nếu ôm lòng ganh ghét, tâm còn hơn thua thì chuốc lấy tội báo rất là nặng. Bằng thuyết pháp với tâm từ bi thì được công đức rất là lớn và có thể tiêu hết các đồ cúng dường ở thế gian.”

Sau này, quý thầy mà đủ năng lực làm giáo thọ A-xà-lê, khi lên thuyết pháp, hướng dẫn cho Tăng chúng, mà có tâm tật đố, ganh ghét, hơn thua thì chuốc lấy tội báo rất nặng, đọa địa ngục luôn chớ không có lợi ích gì hết. Vì vậy, phải có tâm từ mẫn.

“Giả sử đem bảo tòa sư tử cao to, y phục vô giá dâng lên Pháp sư cũng chưa có đủ đền ơn. Mà vị Pháp sư kia tuy thọ nhận đồ cúng dường nên hết lòng hổ thẹn, chớ khởi lòng tham chấp và chẳng được ngã mạn.”

Quý thầy đem tất cả y phục, những tòa sư tử cao lớn dâng cúng Hòa thượng, Thầy Trụ trì cũng chưa đền được ơn lớn Hòa thượng, Thầy Trụ trì đã chỉ một bài pháp, để mình hiểu rõ được pháp tu tập mà mình chưa biết. Quý thầy sanh ra đời có biết học Phật pháp không? Không biết! Nhưng nhờ vào đây, nhờ Hòa thượng, nhờ Thầy Trụ trì chỉ cho mình biết phải tu như thế nào. Công đức này rất lớn, mình trả ơn không hết được.

2. Phép Thờ Thầy

Thờ thầy thì phải làm gì? Phải dậy sớm.

Thiền sư Đạo Giản núi Vân Cư ở Nam Khang, triều Tống, ban đầu tham kiến Thiền sư Đạo Ứng. Đạo Ứng đàm thoại với ngài ba ngày đã tán thán căn khí của ngài, bảo ngài nên khắc khổ nhẫn nại phục vụ đại chúng. Từ đó ngài gánh nước, bửa củi, giã gạo, nấu cơm, lo liệu các việc trong chùa mà trong chúng không ai hay biết.

Phép thờ thầy, trong đây ngầm ý sâu nữa là phép thờ đại chúng luôn. Ngài làm hết tất cả các hạnh, cả những lúc tham thiền luận đạo, bàn luận cổ kim, mọi người vẫn không ai biết ngài là một vị tăng tài kiệt xuất ẩn giấu trong rừng lâm. Ngài hầu hạ thầy rất cung kính.

“Muốn vào cửa, trước phải khảy móng tay ba lần. Bằng có lỗi, Thầy Hòa thượng, Thầy A-xà-lê dạy rắn đó chẳng được nói trả lại.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Người học có thầy cũng như cây mà có gốc.”

Chẳng hạn, quý thầy ra làm Phật sự, Phật tử hỏi: Hồi xưa thầy xuất gia ở đâu? Quý thầy nói tôi không xuất gia ở đâu hết! Như vậy là Sa-môn gì? Gọi là cư sĩ trọc hay cư sĩ chim chuột, nghĩa là hễ thấy chim thì xòe, gặp chuột thì úp cánh lại. Gọi ông thầy chim chuột là không có gốc, có ngọn gì hết.

Chỗ mình có vị Hòa thượng đàn đầu, ngài có năng lực lớn, có tâm hạnh Bồ-tát lớn. Ai hỏi mình xuất gia ở đâu, mình nói: Tôi xuất gia ở Trúc Lâm, thọ pháp với Hòa thượng. Lời mình nói người ta tin chừng hai mươi phần trăm thôi, nhưng nhờ ở với thầy, mà thầy mình có năng lực lớn thì người ta tin thêm tám mươi phần trăm nữa là đủ, mình nói người ta nghe. Chúng tôi làm Phật sự nên biết, có những người học có bằng cấp, nói rất hay nhưng hỏi ra không biết nguồn gốc ở đâu thì người ta cũng không tin nhiều.

Người học có thầy cũng như cây có gốc. Chẳng hạn như Hòa thượng truyền xuống Thầy Trụ trì, Thầy Trụ trì truyền xuống cho quý thầy, quý thầy truyền xuống cho đệ tử, đâu đó có lớp có lang, có tổ có tông. Có ai hỏi:

– Thầy xuất gia ở đâu?

Đáp:

– Tôi xuất gia ở... với Thầy...

– Ờ, Thầy đó giỏi, rắn dạy đệ tử rất kỹ, thầy ở đó rất là có phước.

“Song đại trí đã thành lại hay thành tựu tiểu trí, giống như cội cây sanh con, con lại sanh cội cây, chuyển chuyển cùng nhau mà sanh, chủng loại chẳng mất. Nên Tác Trì nói: Thầy dùng mở đường trở lại để mài giũa, pháp khí thế gian và xuất thế gian hoàn toàn trở lại nhờ Thầy, nên phải kính trọng.”

Nhờ Thầy, mình mới được thành tựu nên phải kính trọng thầy. Người xưa hay nói: *Nhứt tự chi sư, bán tự chi sư.* Một chữ là thầy mà nửa chữ cũng là thầy. Hay nói: *Nhứt nhứt vi sư, chung thân vi phụ.* Một ngày làm thầy thôi là trọn đời mình xem như cha mẹ vậy. Phải kính trọng Thầy như vậy mới đúng, mới không tổn phước. Bị thầy rầy mà trợn mắt lên hay là nói xấu, nói lỗi của Thầy là trật.

Kinh A Nan Văn Sự Phật Kiết Hung có nói:

“Chẳng nên có ác ý với thầy. Phật bảo: Này A-nan! Phàm làm người phải nên yêu thích đức độ của người khác, vui mừng điều lành của người khác, chẳng nên ganh tị.”

Chẳng hạn, Phật tử thỉnh quý thầy nói một bài pháp thoại. Lạ huynh đệ trong chúng không ai nói pháp được, hoặc quý thầy cử ra ai đó mà nói không trúng đường nào hết thì có phải Phật tử khinh dễ mình không? Còn nếu cử vị thầy nào mà họ nói đúng, có bài bản, lớp lang, khai thị cho người ta ngộ nhập được bài pháp thì cũng hãnh diện. Đối với người có đạo đức, có năng lực mà mình ganh tị là trật. Đây mới nói đạo làm người chứ chưa đến bậc Hiền, bậc Thánh. Mà tu là tu đến con đường Hiền, đến con đường Thánh. Cho nên, thấy trong chúng người nào có năng lực, điều lực, có sức sống mà nói về thiền thì quý thầy phải hoan hỉ. Như vậy bản thân mình tạo phước điền lớn lắm.

“Có ác ý đối với thầy, với người có đạo đức chẳng khác nào có ác ý đối với Phật.”

Ganh tị với người có đạo đức thì cũng giống như ganh tị với Phật. Chiều nào quý thầy cũng lên sám hối, lạy Phật. Lạy thì lạy mà ganh tị không bỏ cũng như không.

“Hãy thử lấy muôn hòn đá lấp vào nỏ bắn vào thân xem có đau không? Ngài A-nan đáp: Bạch Đức Thế Tôn, rất đau. Người mang ác ý đối với người có đạo đức, đối với Thầy của mình đau đớn kịch liệt như bị nỏ bắn vào thân.”

Phật đưa ví dụ nỏ bắn vào thân thì rất đau. Ganh tị với người có đạo đức, có ác ý với thầy thì cũng đau như vậy. Bây giờ, có những người ở với thầy lại đi ra nói xấu thầy. Phật nói những người này không có đạo đức.

“Phận làm đệ tử chẳng nên khinh mạn Thầy mình, chẳng nên có ác ý với người có đạo đức. Phải xem người có đạo đức như Phật, chẳng nên ganh ghét và chê bai.”

Kính Trường A Hàm ghi:

“Đệ tử kính thờ sư trưởng có năm điều:

1- Hầu hạ cung cấp đồ cần dùng.

Thầy cần gì, mình cung cấp cho đầy đủ. Nhiều khi thầy bệnh cần dùng món gì đó, mình nói: *Thầy tu mà không khổ hạnh gì hết.* Chẳng hạn bắt ăn muối không hay ăn xì dầu không, thì không được. Phải hầu hạ và cung cấp đồ cần dùng trong tinh thần lục hòa, gọi là *“Lợi hòa đồng quân.”* Nhưng nên nhớ, lợi hòa đồng quân trên tinh thần của lý nhân quả. Chẳng hạn, mình mới xuất gia, phước đức chưa có, năng lực, công đức cũng không. Lại chưa diu dắt người nào hết thì cái mừng hay cái mền mình dùng hơi cũ một chút cũng được. Bắt buộc phải lợi hòa đồng quân giống như Thầy Trụ trì thì không ổn. Các ngài tu nhiều năm, diu dắt không biết bao nhiêu người mà phải đồng như mình là trật rất xa.

Quý thầy có túc duyên, vừa thọ giới xong được học luật, học oai nghi liền nên tránh được những lỗi lớn. Nhiều vị lớn tuổi không chịu học, vào tu là thọ giới liền, không biết luật, không biết cái gì hết rất dễ bị sa đọa trong ba đường ác.

2- Lễ kính cúng dường.

3- Tôn trọng và chiêm ngưỡng.

4- Thầy có dạy bảo điều gì, kính thuận chẳng có trái.

Chẳng hạn mình không có năng lực làm tri khố, thầy bảo làm tri khố, nếu trái lời thầy dạy thì mất phép oai nghi và phạm luật. Ngày xưa, Thầy chúng tôi mới có ba mươi mấy

tuổi mà Hòa thượng cắt làm trụ trì ở Thiền viện Thường Chiếu là phải kính thuận, vâng lời làm tới bây giờ luôn. Cô Như Đức cũng vậy, mới hai mươi mấy tuổi bảo làm trụ trì Thiền viện Viên Chiếu là phải làm, không dám trái, không dám cãi. Hòa thượng cắt chúng tôi làm Phật sự tại nước ngoài, biết mình chưa đủ năng lực mà Hòa thượng cắt nên phải đi. Làm không được rồi về thì không có tội. Còn cãi lại nhất định không đi thì lại khác.

Hòa thượng Hư Vân đến từng lâm chùa Cao Môn, chùa cắt ngài làm tri sự, ngài không làm bị đánh tám chục hèo chảy máu miệng. Sau biết ngài bệnh nên tha không đánh nữa. Pháp từng lâm mạnh mẽ, chỉ xuống là phải làm liền. Không làm không được, tác pháp Yết-ma cử tội. Pháp từng lâm bây giờ hơi dễ. Hồi xưa trong từng lâm có bốn vị trưởng lão, dưới có bảy vị nữa. Năng lực đại chúng rất lớn, cắt cử mà không làm là tác pháp Yết-ma cử tội. Khó lắm chứ không phải dễ.

5- Theo Thầy nghe pháp ghi nhớ chẳng quên.

Này Thiện Sanh! Phận làm đệ tử phải thực hiện năm pháp này, phải kính thờ Sư trưởng thì Sư trưởng mới được an ổn.”

Chẳng hạn Thầy Trụ trì bị bệnh, Thầy cử người làm tri khố, tri khách hay thư ký... mà không ai chịu làm thì Thầy có an ổn được không? Còn nếu có người hy sinh chịu làm thì sư trưởng mới được an ổn, tự tại.

“Kính thờ sư trưởng thì sư trưởng được an ổn. Sư trưởng cũng phải thực hiện năm điều để chăm nom đệ tử:

1- Theo pháp mà điều phục, chế ngự.

Theo pháp mà điều phục, chế ngự là phải có thầy. Chiều lại mà thấy Thầy Trụ trì đi tăng đường, nhà bếp, đó là đi tuần liêu để kiểm soát chúng, là dùng pháp điều phục, chế ngự. Muốn làm cái gì đó mà nhìn thấy hình dáng sư trưởng là mình sợ. Đó là pháp điều phục từ năng lực của thầy.

2- Dạy điều đệ tử chưa biết.

Quý thầy nhỏ phải tu, phải học, phải có kinh nghiệm trong pháp hành, mai kia làm thầy mới dạy đệ tử được. Nhận đệ tử cho đông mà đệ tử hỏi mình không biết gì hết. Chẳng hạn hỏi:

– Thế nào là Phật?

– Mày nhỏ mày biết gì mà Phật, Phật! Đi!

Hoặc hỏi:

– Bạch thầy! Tại sao Tổ xách một chiếc dép?

– Mày biết cái gì? Tổ gì? Một chiếc dép gì? Còn một chiếc ống bỏ túi đó!

Đại khái vậy. Có người kể tôi nghe những trường hợp như vậy. Đệ tử hỏi mà ông thầy không biết gì hết. Không học, không biết làm sao chỉ dạy.

3-Tùy theo chỗ hỏi mà khéo giải nghĩa.

4- Chỉ cho bạn lành.

Thầy nhìn, biết người nào đệ tử không nên thân cận. Chỉ cho đệ tử biết bạn lành có học, có tu, nên đi theo để học hỏi.

5- Dạy hết những điều mình biết không chút xan tiếc.

Biết tới đâu dạy hết tới đó.

Này Thiện Sanh! Sư trưởng đối với đệ tử như thế thì đệ tử mới được an ổn, không có lo sợ.”

Kinh Tạng A Hàm ghi:

Phật trụ ở thành Vương Xá trong vườn trúc của ông Ca-lan-đà. Lúc bấy giờ có người chủ tុ lạc chuyên môn tập ngựa đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, lui qua ngòi một phía. Phật hỏi ông chủ rằng:

– Có bao nhiêu phương pháp điều phục ngựa?

– Bạch Cù Đàm! Có ba phương pháp: thứ nhất là dịu dàng, thứ hai là cứng rắn, thứ ba là vừa dịu dàng vừa cứng rắn.

Phật nói:

– Nếu áp dụng ba phương pháp này mà ngựa chẳng chịu khuất phục thì làm sao?

Người chủ ngựa nói:

– Giết nó đi.

Ông chủ này cũng lại hỏi Phật:

– Bạch Cù Đàm! Trong pháp của Phật dùng bao nhiêu pháp để điều phục?

Phật cũng nói:

– Ta cũng có ba phương pháp: thứ nhất là dịu dàng, thứ hai là cứng rắn, thứ ba là vừa dịu dàng vừa cứng rắn.

Ông chủ ngựa nói:

– Nếu dùng ba phương pháp này điều phục chúng sanh không được thì sao?

– Đem đi giết!

Ông chủ tុ lạc giết mình liền nói:

– Trong pháp của Cù Đàm chẳng cho sát sanh, sát sanh là bất tịnh, sao ngài lại nói không điều phục được thì giết đi?

Phật nói:

– Đúng như lời ông nói, trong pháp Như Lai sát sanh là bất tịnh, Như Lai chẳng nên sát sanh. Nay chủ tự lạc! Nhưng ta dùng ba pháp điều ngự trượng phu mà họ chẳng điều phục thì chẳng cùng họ nói chuyện, chẳng còn dạy bảo họ, chẳng răn nhắc họ nữa, không phải giết là gì?

Ở trong chúng thầy dụ dằn dạy bảo: “*Con đừng đi chơi game nữa nha, ráng tu, ráng ngồi thiền, tụng kinh.*” Không nghe, thầy cứng rắn: “*Kỳ này không nghe là thầy đem ra nhà khách đó.*” Mình sợ, mình tu khá khá chừng một tháng rồi xuống trở lại. Thầy thấy dạy không nghe nên bỏ không dạy nữa, muốn làm gì thì làm, như vậy cũng giống như giết mình rồi; đại chúng gặp mình bỏ đi chỗ khác không nói chuyện. Ở trong chúng mà bị Thầy Tổ, bạn bè bỏ rơi thì rất đau khổ.

Kinh Pháp Cú nói:

“*Người thực hành lễ phép thường kính bậc trưởng lão, bốn phước tự nhiên tăng: đẹp, mạnh, thọ và an.*”

Quý thầy mà thực hành lễ phép, kính dường bậc sư trưởng, kính dường Hòa thượng, Thầy Trụ trì, những bậc thầy lớn, đừng nói xấu gì hết thì bốn phước tự nhiên tăng trưởng hồi nào không hay.

– *Thứ nhất là đẹp*: Quý thầy kính dường Hòa thượng, các bậc Thầy lớn, đừng nói xấu gì hết, lâu ngày con người mình trở nên thanh thoát, thoát tục, người ta nhìn thấy khác liền.

– *Thứ hai là mạnh*: Mạnh ở đây không phải sức mạnh thân thể mà có sức mạnh về năng lực tiềm tàng bên trong.

– *Thứ ba là thọ*.

– *Thứ tư là an ổn*.

Phật kể câu chuyện đầu rắn và đuôi rắn:

Trong khu rừng nọ có một con rắn đang bò. Đuôi rắn suy nghĩ rồi nói với đầu rắn:

– Bữa nay anh phải cho tôi đi trước dẫn đường, lâu nay anh toàn đi trước.

Đầu rắn nói:

– Tôi phải đi trước. Anh không có mắt, có mũi, làm sao anh đi trước được.

Đuôi rắn không chịu bèn quấn vô gốc cây. Cái đầu không đi được, không đi được thì đói, đành phải nhường cho cái đuôi đi trước. Cái đuôi không thấy đường bò nên toàn thân rắn rớt xuống hố chết.

Phật nói mình cũng giống như vậy. Mình tưởng mình hay hơn thầy, nhưng lọt hầm lọt hố chết hồi nào không biết. Nhà thiền phân tích rất sâu: trong thế giới đang bình ổn, thanh tịnh, mình khởi niệm đây là đầu rắn, đây là đuôi rắn. Cũng như đang tu học an ổn, bình yên, tự nhiên mình khởi niệm: *Thầy này không đủ năng lực dạy dỗ mình nữa, thôi mình đi cát cứ, hoặc đi tu học ở đâu đó.* Chưa đủ năng lực, chưa đủ phước đức là rớt,

phạm giới ra đời hoàn tục. Có rất nhiều người bị như thế. Chính điểm đó giống câu chuyện đầu rắn và đuôi rắn.

Phật dạy:

“Đệ tử cũng vậy, nói Thầy già cả thường ở trước, tôi là người trẻ tuổi phải nên dẫn đầu. Người tuổi trẻ giới luật còn sơ sài, còn phạm nhiều lỗi, do đó kéo dắt nhau vào địa ngục.”

Trong kinh Bách Dụ Phật kể rất rõ. Đệ tử thấy thầy đã già, nghĩ mình phải dẫn đầu mới được: *Thầy già rồi thầy nghỉ đi, chuyện này phải tôi làm mới được.* Nhưng Phật nói người trẻ tuổi thì giới luật còn sơ sài và rất dễ phạm, phải nhờ rất nhiều vào kinh nghiệm của thầy. Tu một năm thì có kinh nghiệm một năm, tu hai năm có kinh nghiệm hai năm. Cho nên người càng nhiều tuổi đạo thì càng có nhiều kinh nghiệm. Tuy nhiên, có kinh nghiệm mà phải có tu, có học nữa.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Vả lại còn có tâm kiêu mạn thì một đời phước huệ tiêu diệt.”

Chẳng hạn mình có tâm ngã mạn, mình nghĩ: *Thầy này không có bằng cấp, không có học lực như mình.* Khởi tâm kiêu mạn thì một đời phước huệ tiêu hết. Phước và huệ không còn thì kiếp sau không gặp Phật pháp, không gặp thầy nữa. Cho nên phải răn nhắc như vậy:

“Như Thường Đề bán tim gan mà học Bát-nhã. Thế Tôn vì cầu nửa bài kệ mà buông xả toàn thân.”

Bồ-tát Thường Đề, tiếng phạn gọi là Bồ-đà Ba-lô, vì cầu đại pháp Bát-nhã nên khóc lóc suốt bảy ngày bảy đêm. Chư thiên hiện thân xuống hỏi Bồ-tát cần cầu cái gì. Bồ-tát nói muốn bán tim gan để cầu cầu học Bát-nhã.

Cho nên phải xả thân cầu pháp. Ý nghĩa sâu trong nhà thiền: Bồ-tát Thường Đề bán thân, bán tim gan, nghĩa là không còn chấp ngã thì mới học Bát-nhã được. Đến với thầy, mình phải kính trọng và buông cái ngã, còn ngã mạn cống cao thì không được.

Đức Phật khi còn làm Bồ-tát, vì cầu có hai câu kệ mà phải hy sinh thân. Lúc đó Bồ-tát ở trong một hang động trên núi, trời Đế Thích thấy cái ghế nóng lên, biết ngài phát nguyện lực lớn nên hiện ra thân hình quỷ dạ-xoa và đọc hai câu kệ:

*Chư hành vô thường
Thị sanh diệt pháp.*

Các hành là vô thường, là pháp sanh diệt, mọi pháp hữu vi đều sanh diệt. Bồ-tát ngồi trong động nghe thấy hay quá nên đi ra xem, gặp quỷ dạ-xoa ngài hỏi:

– Bài kệ vừa rồi có phải ngài đọc không?

Quỷ dạ-xoa nói:

– Phải, chính tôi.

Ngài nói:

– Bài kệ hay quá. Nhưng một bài kệ phải có bốn câu, xin ngài đọc tiếp hai câu sau, tôi sẽ cảm tạ.

Quý dạ-xoa nói:

– Tôi bị đói mấy ngày, bây giờ không có hơi để đọc.

Ngài hỏi:

– Ông ăn thức ăn gì?

– Ăn máu tươi, thịt sống. Nếu ông có thể hy sinh cho tôi ăn thì tôi đọc cho ông nghe.

Ngài nghĩ nếu hy sinh cho quý ăn thì làm sao nghe, nên nghĩ ra một cách và nói với quý dạ-xoa:

– Tôi sẽ lên tảng đá cao trên kia, ông ở dưới này viết trên đá hai câu kệ cuối. Tôi ở trên cao buông thân xuống. Như vậy ông được ăn, còn tôi cũng được đọc hai câu kệ.

Ý nghĩa ở đây là phải buông xả chấp ngã, không còn tâm kiêu mạn nữa thì mới học Phật pháp được. Hai câu kệ sau là:

Sanh diệt diệt dĩ,

Tịch diệt vi lạc.

Nghĩa là sanh diệt mà dứt hết rồi thì tịch diệt, lặng lẽ là vui nhất.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Phàm phu vô trí chấp trước nơi ngã, lại chấp ngã kiến, kiêu mạn cống cao, chẳng hổ thẹn không trí, vọng tưởng tự tôn tự đại.”

Có nghĩa là mình vọng tưởng mình hơn thầy chứ thiệt ra mình không hơn. Trang Tử nói: *Không thể nói về biển với ếch nằm ở đáy giếng.* Nhiều khi mình tự tôn tự đại, tự cho mình là hơn chứ thiệt ra mình giống như ếch nằm đáy giếng vậy. Từ một thời gian mình sẽ thấy Thầy hơn mình mọi mặt. Đức hạnh, giới pháp, giới phẩm Thầy đều hơn mình. *Không thể nói về tuyết với ve sầu.* Ve sầu đến mùa đông là chết hết. *Không thể nói về đạo với kẻ hẹp hòi, chấp ngã.* Những người cống cao ngã mạn không thể tiếp thu và thâm nhập được đạo lý vô thượng.

“Thấy thiện chẳng theo, che đậy răn nhắc, đối với bậc Hiền chẳng thân nên trái đạo rất xa. Luật nói: Đệ tử theo Hòa thượng phải đủ bốn tâm: thứ nhất là thân ái, thứ hai là kính thuận, thứ ba là sợ khó gặp, thứ bốn là tôn trọng.”

– Thứ nhất là thân ái.

– Thứ hai là kính thuận.

– Thứ ba là sợ khó gặp.

Kiếp này nếu mình không tu, xuất chúng rồi từng lâm thì làm sao gặp. Không gặp kiếp này, kiếp sau làm sao gặp. Hôm nay quý thầy được túc duyên gặp Hòa thượng, gặp bậc tôn trưởng thì phải tôn trọng, hầu hạ, cung dưỡng như việc quân thần, phụ tử. Nhà nho nói: *“Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung.”* Vua kêu chết cũng phải chết. Ngày xưa vua đã vậy, huống chi bậc tôn trưởng là bậc xuất thế gian, mình mà cãi thì bị tổn

phước. Phép thờ thầy rất khó, chẳng hạn thầy bảo mai đi nhận chùa là mình phải đi. Hoặc không biết làm thư ký, bảo ra làm thư ký cũng phải làm, làm không được tính sau. Như vậy thì đúng pháp từng lâm, đúng phép thờ thầy.

Mạc Đĩnh Chi được cử đi sứ sang Trung Quốc vào đời nhà Nguyên. Vua Nguyên ra câu đố, nếu trả lời được mới cho về nước: *“Thuyền chìm, trên thuyền có ba người: vua, cha và thầy. Trong ba người này cứu ai trước?”* Nếu cứu vua thì bất hiếu với cha và bất nghĩa với thầy. Cứu thầy thì bất trung với vua và bất hiếu với cha. Cứu cha thì bất trung và bất nghĩa. Mạc Đĩnh Chi trả lời: *“Khi bơi ra sông, thấy người nào trước thì cứu người đó trước.”* Đây là trong tinh thần quyền biến phương tiện. Thầy cắt làm việc mình biết làm không được nhưng mình vẫn nhận. Sau đó mình gặp thầy: *“Xin Thầy cho con sám hối, năng lực con không đủ, con làm thử nhưng không được.”* Đó là quyền biến phương tiện, như vậy không có lỗi.

“Coi thầy Hòa thượng và thầy A-xà-lê cũng như Phật.”

Năm hạ trở lên gọi là A-xà-lê.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Chư Phật đã quá khứ, vị lai còn chưa đến. Hiện tại nói pháp làm khuôn mẫu dạy chúng trong ba cõi, thay Phật diễn nói chánh pháp, sanh giới thân huệ mạng cho ta, nuôi huệ mạng cho ta chỉ có Hòa thượng và thầy A-xà-lê, nên ta kính trọng coi cũng như Phật.”

Phật đã quá khứ, nhập Niết-bàn rồi. Phật vị lai là Bồ-tát Di Lặc chưa ra đời. Người dạy giáo pháp của Phật, chỉ đường đi nước bước, khuôn mẫu cho mình chính là Hòa thượng và thầy A-xà-lê. Cho nên phải kính các ngài như kính Phật.

Sau này quý thầy lớn lên, được mười hay mười lăm hạ gì đó, chúng Sa-di làm trái, mình nói: Ông phải coi tôi giống như Phật vậy! Được không? Như vậy là mình ngã mạn rồi, giống ma chứ không phải Phật. Hòa thượng và A-xà-lê ở đây nói là những người có khuôn phép, giới hạnh tinh nghiêm. Còn không có, chúng xá mình phải tránh chứ không mặc tình ngồi yên cho xá là tổn phước. Cho nên học Phật pháp mình phải kỹ những điểm này.

Thiên Qui Kính chép:

“Nên biết sơ tâm của đàn hậu tiến hẳn phải nương tựa vào Sư trưởng và bạn lành. Nay phải nương tựa về Tam bảo, luôn thích gần gũi.”

Đại Trí Độ Luận chép:

“Nếu hàng Bồ-tát chưa vào được pháp vị, xa lìa chư Phật sẽ bị hư hoại các căn lành, đắm chìm trong phiền não. Mình không thể độ được thì đâu hay độ người.”

Có nghĩa là quý thầy nếu chưa kiến tính, kiến đạo thì khoan rời từng lâm. Ráng ở năm, mười, mười lăm hay hai chục năm. Kiến đạo rồi, thấy được chân thật từng tâm niệm của mình rồi thì quý thầy vào núi tu, nhập thất cũng được. Nếu chưa kiến đạo mà ra thì có khi hư nát hết các căn lành. Có những người, ra ở thất một thời gian tự nhiên nhiễm theo thế tục ăn thịt uống rượu giống như người thế tục vậy. Nói là đã thành tựu rồi,

bây giờ thống tay vào chợ. Đó là thống tay vào chảo chứ không phải thống tay vào chợ. Chảo gì? Chảo nước sôi! Nhờ đại chúng, làm gì sai đại chúng thấy nhắc nhở, cho nên pháp lành tăng trưởng không bị hư hoại.

“Vì thế không được xa lìa chư Phật, ví như con thơ không thể xa lìa cha mẹ, như người đi đường không thể thiếu lương thực, như gặp trời nóng không thể thiếu gió, như lúc trời rét không thể thiếu lò sưởi, như qua sông không thể lìa thuyền, như bệnh nặng không thể lìa thuốc.”

Lúc nào cũng phải nương tựa, qua sông phải cần thuyền. Nương sư trưởng, nương thầy cũng vậy.

“Bởi thế Bồ-tát thường không lìa xa chư Phật. Vì sao? Vì cha mẹ, thân hữu, người trời, vua chúa, các người ấy không thể đem lợi ích cho ta vượt khỏi biển khổ. Chỉ có chư Phật, Thế Tôn mới có thể khiến cho ta ra khỏi biển khổ sanh tử. Vì thế thường nghĩ không nên xa lìa chư Phật.”

Các bậc Hòa thượng, A-xà-lê cũng giống như Phật đã khai thị cho mình, nên phải luôn luôn gần gũi những bậc này. Vì sao? Cha mẹ, vua chúa không đem mình ra khỏi biển khổ sanh tử, mà chỉ có Hòa thượng, vị Thầy A-xà-lê mới dìu dắt mình ra khỏi biển khổ này, cho nên mình không được xa lìa.

Kinh Trung Tâm nói:

“Thành đạo mới biết ơn thầy. Thấy thầy liền hầu hạ, chẳng thấy thì nghĩ đến lời răn nhắc của thầy như đứa con chí hiếu nhớ cha mẹ.”

Sau này quý thầy thành tựu đạo nghiệp, ra làm Phật sự mà có được năng lực lớn, được người ta kính tín, lúc này mình mới biết ơn thầy. Nói khác hơn, ngộ đạo rồi mình mới nhớ ơn Thầy. Còn bây giờ thì chưa biết đâu. Nhiều thầy giận, xách gói đi không cần xin tiền, thậm chí không thưa trình gì hết, đó là chưa thành đạo. Thầy Trụ trì Thường Chiếu, thầy Trụ trì Trúc Lâm, rồi những vị thầy lớn luôn luôn kính thuận Hòa thượng vì các ngài đã thành tựu đạo nghiệp.

Như câu chuyện, Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, hỏi trăm đáp ngàn, nhưng Tổ Quy Sơn hỏi một câu không biết. Tổ hỏi: *“Giờ đây thử nói một câu khi cha mẹ chưa sanh xem?”* Ngài mờ mịt, không đáp được nên cầu xin Tổ Quy Sơn nói phá nhưng Tổ không nói. Sau khi ngộ đạo, ngài tắm gội, thắp hương, nhằm hướng núi Quy đánh lễ, ca tụng rằng: *“Hòa thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con mà nói thì làm gì có ngày hôm nay.”*

Người thấy được đạo rất kính Thầy. Trong luật, trong kinh nói, thờ thầy đúng mức thì tự có phép tắc, oai nghi, người ngoài nhìn là biết. Còn khinh dễ, kiêu mạn thì không đúng phép thờ thầy.

Trong Thiên Thành Phạm có nói:

“Sa-di ở với thầy thường có tâm kính sợ.”

Không có tâm kính sợ thì tu không tiến. Chẳng hạn tối nay mình mệt, muốn nghỉ sám hối nhưng vì có tâm kính sợ nên không dám nghỉ. Hoặc muốn bỏ ngồi thiền mà vì sợ thầy nên không dám bỏ.

Sa-di mới xuất gia xác định ai là bổn sư của mình? Hòa thượng hay thầy Trụ trì? Nhiều khi mình ỷ lại, nói Hòa thượng mới là bổn sư của mình, còn thầy Trụ trì không phải nên mình không có tâm kính sợ.

Năm 1994 Hòa thượng Trúc Lâm chưa nhận người vào tu, chỉ tuyển chọn các thầy ở Thường Chiếu hoặc các Chiếu gởi lên. Sau này có một số cư sĩ phát tâm công quả xin xuất gia, Hòa thượng nói người nào xuất gia ở đây, tuy để tôi là bổn sư nhưng đều là đệ tử của thầy Trụ trì hiện tại, là Thầy thượng Thông hạ Phương. Thầy luôn gần gũi, nhắc nhở và nâng đỡ mình. Coi Thầy như là bổn sư thì mình mới có tâm kính sợ, như vậy tu mới tiến.

“Thuận theo ý của thầy, thường biết xấu hổ, lo đền bốn ơn, cứu giúp ba cõi.”

Lo đền bốn ơn: Ơn thầy Tổ, ơn cha mẹ, ơn đàn-na tín thí, ơn tổ quốc. Rồi cứu giúp ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Thành tựu đạo nghiệp thì mới cứu giúp được. Thường biết xấu hổ thì mới lo đền bốn ơn, cứu giúp ba cõi.

Kinh nói:

“Nói xấu thầy, chê bai thầy, hủy nhục thầy, ghét hại thầy, tạt đổ với thầy, ấy là trong pháp đại ma, là hạt giống của địa ngục.”

Không thích thầy, mình đi chỗ khác nói xấu thầy, mình nói thầy không tu, thầy khó..., rồi chê bai, hủy nhục, ghét hại, tạt đổ với thầy, như vậy là mình gieo hạt giống địa ngục. Những chủng tử này nằm trong tàng thức, khi chết, những hạt giống này đẩy mình đến những cảnh giới xấu hoặc sanh nơi biên địa, hoặc sanh trong gia đình không biết Phật pháp.

Trong Quán Luật ghi:

“Tiết đường nói: Người học mà khí thắng chí là tiểu nhơn, chí thắng khí là đoan nhân chính sĩ, khí với chí ngang nhau là Hiền Thánh đặc đạo. Người cứng cỏi chẳng chịu tuân theo qui củ và lời can gián đó là bị khí nó sai khiến.”

Có nghĩa là phép tắc, nội qui, thanh qui trong tùng lâm không theo, ai dạy cũng không chịu nghe. Cứng cỏi, chẳng chịu tuân theo qui củ của thiền môn, đó là bị khí sai khiến.

“Kẻ sĩ đoan chánh dẫu có bị cưỡng bách làm việc bất thiện thì dẫu chết cũng chẳng hai lòng, đó là chí nó đưa đến như thế vậy.”

Kinh Hoa Nghiêm dạy:

“Coi thầy Hòa thượng, thầy A-xà-lê như thiện tri thức vậy. Cần cầu thiện tri thức thân tâm đừng sanh mệt mỏi.”

Thiện tri thức là gì? Chữ Hán thiện là khéo, nghĩa là người này khéo biết được tâm niệm và năng lực của mình. Người đó nhìn biết đường đi nước bước mình đến đâu, cho nên giúp ích mình, dạy dỗ mình, đưa mình đến con đường đạo. Vì vậy cần cầu thiện tri thức thân tâm đừng sanh mệt mỏi.

“Thấy thiện tri thức đừng sanh lòng nhàm chán.”

“Học hỏi với thiện tri thức đừng sợ khó nhọc, gần gũi thiện tri thức đừng thoái lui, cúng dường thiện tri thức đừng cho gián đoạn, tùy thuận theo lời dạy dỗ của thiện tri thức mà đừng có chống trái.”

Ngày xưa khi còn ở ngoài đời, quý thầy có xem kinh sách của Hòa thượng, đọc những lời dạy của Hòa thượng. Bây giờ vào đây tu, mình gặp Hòa thượng, gặp thầy Trụ trì, mình biết chắc đây là thiện tri thức. Các ngài dùng năng lực tháo đĩnh nhổ chốt cho mình, thì phải thuận theo lời dạy dỗ của thiện tri thức đừng có chống trái.

“Những công đức của thiện tri thức đừng sanh lòng nghi, khi thiện tri thức diễn nói phải quyết định mở cửa lòng ra mà nghe.”

Hòa thượng giảng, mình phải lắng lòng nghe. Chứ giảng ở trên mà dưới coi sách coi vở, hay coi gì đó là trật. Cần cầu thiện tri thức là như thế. Để mai này ra làm Phật sự, quý thầy giảng dạy người khác mới nghe. Nhân quả rất rõ.

“Nhân thấy thiện tri thức tùy thuận theo hạnh phiền não đừng sanh lòng hiềm quái.”

Thầy Trụ trì thấy quý thầy ngồi uống trà, nói chuyện thị phi nên sanh phiền não rầy la. Thấy vậy mình nói: *Thầy Trụ trì sao cũng còn phiền não!* Mà không biết đó là thiện tri thức tùy thuận theo hạnh phiền não. *Đừng sanh lòng hiềm quái*, nghĩa là đừng nghi kỵ. Đó là nộ về đạo để dui dắt chúng sanh, cho nên mới thị hiện ra phương pháp đó.

“Đối với thiện tri thức phải lòng tin vững chắc, đừng biến đổi. Tại sao? Vì Bồ-tát nhờ thiện tri thức mà được học hỏi các hạnh Bồ-tát, do đó mới được thành tựu tất cả công đức của Bồ-tát và được xuất sanh đại nguyện cùng là trí huệ quang minh rực rỡ. Nay thiện nam tử, Bồ-tát nhờ sự giúp đỡ của thiện tri thức mà chẳng sa đọa vào ác thú.”

Nhờ tu học mới biết sám hối, tọa thiền, biết làm các việc thiện pháp. Có năng lực lớn nên không sa đọa vào những ác thú, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó là nhờ bậc thiện tri thức chỉ dạy.

“Nương nhờ sự thành tựu của thiện tri thức mà được tự tại thọ sanh, nương nhờ sức mạnh của thiện tri thức mà phá tan nghiệp báo, nhờ mặc áo giáp nhẫn nhục của thiện tri thức mà chẳng bị một lời nói xấu ác, và nương nhờ sự sanh trưởng của thiện tri thức mà tiêu diệt được các tội lỗi kiêu mạn vậy.”

Quý thầy nghiên cứu kỹ kinh Hoa Nghiêm sẽ thấy rất rõ, trong kinh toàn nói về việc thiện tri thức nâng đỡ, giúp đỡ mình. Bởi các ngài có năng lực rất lớn, nhờ gần gũi thiện tri thức nên mình có sức nhẫn nhục lớn. Như Hòa thượng, nếu không có sức nhẫn nhục thì làm Phật sự không được. Noi theo công hạnh của các ngài, từ đó mình ra làm Phật sự mà có chướng ngại, nghịch cảnh đến thì theo gương đó quyết tiếp tục tu hành và làm các việc Phật sự lớn. Cho nên nói là *nương nhờ sự sanh trưởng của các thiện tri thức mà tiêu diệt được các tội lỗi kiêu mạn.*

“Hoặc thầy sai đồ đồ bất tịnh không được khạc nhổ, không được sân hận.”

Không hẳn là thầy Trụ trì bệnh rồi mình đổ đồ bất tịnh mà có khi, những vị thầy lớn hoặc huynh đệ bị bệnh nằm một chỗ không đi được, mình đến nuôi bệnh, đổ đồ đại tiện hoặc tiểu tiện thì đừng khạc nhổ, đừng khởi tâm sân hận. Tâm sân hận nổi lên thì mình không có phước nữa.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Thế nào là đồ bất tịnh? Đồ đại tiện, đồ tiểu tiện, óng nhỏ. Thế nào là không được khạc nhổ? Không nên sanh tâm nhờm gớm mà khạc đờm, nhổ nước miếng. Phải nghĩ rằng thân tứ đại này là một kho chứa các đồ dơ bẩn, dù thánh hay phàm, ta và người khác không ai là không khỏi có cái chỗ đó hết.”

Có nghĩa là chúng ta quán chiếu, tư duy (lúc này dùng quán chứ không dùng *chi* nữa) để nhớ rằng thân và thân của các vị thánh; của ta và người không ai là không có cái bất tịnh này. Quán chiếu tư duy sâu sắc như thế tự nhiên mình không còn nhờm gớm nữa.

“Trừ được cái bất tịnh này tức là trừ được chấp ngã, ba độc phiền não, có nghĩa là tham, sân và si. Nếu hay tư duy chắc thật như thế thì mình, người đều tịnh. Ấy là đồ bất tịnh mà sanh ra cái pháp chơn chánh vậy.”

Ngay chỗ bất tịnh đó tự nhiên chuyển hóa thành pháp chơn chánh. Như trường hợp Tế Công Hòa thượng, ai bệnh ngài khạc cục đờm, nhổ vô mặt tự nhiên hết bệnh. Ngay chỗ không khởi niệm, không dấy tâm mà thành pháp chơn chánh.

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Quang Đạo là bậc chơn tu đặc đạo, lập hạnh đầu đà, chuyên ở trong hang động. Một hôm có vị thiền khách tên là Tề Quân đến tham kiến. Hang động rất chật, lúc này Thiền sư đang nấu cháo. Cháo chín, nhìn qua nhìn lại không thấy tô chén gì hết, thấy cái sọ người, ngài múc cháo vào rồi đưa Tề Quân. Tề Quân đang chần chừ chẳng dám nhận thì ngài nói: *“Ông đem tâm nhơ sạch, thương ghét đến đây cầu đại pháp làm sao mà kham nhận được.”*

Đổ đồ bất tịnh mà không sanh tâm gớm ghiếc, sân hận thì ngay chỗ đó là chỗ công đức, phước điền cho người nuôi bệnh. Vừa khởi tâm thương ghét, có không, phải quấy thì lúc này cầu đại pháp không được. Mà chính trong giờ phút thực tại này đó là đại pháp, là chánh pháp, đó là chơn chánh của người xuất gia. Khó quá phải không? Phải quán chiếu tư duy rất sâu, những hạt giống thương ghét, có không, ta người, chủ khách không còn nữa mới được. Hiện tại, mình chưa chắc gì được đâu. Ở đây, mình học cho biết thế nào là: Không được khạc nhổ và sanh tâm sân hận.

“Nếu lễ bái, thầy tọa thiền không nên lễ, thầy kinh hành không nên lễ, thầy ăn cơm, thầy giảng kinh, thầy đánh răng, thầy tắm rửa, thầy ngủ nghỉ đều không nên lễ. Thầy đóng cửa không nên đứng ngoài lễ vào, muốn vào phòng để lễ nên gõ cửa ba tiếng, thầy không đáp nên lui.”

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư nói Tông Thiên Thai dạy như sau:

“Pháp tứ nghi thì gọi là lễ, thân nghiệp cung kính gọi là bái.”

Đứng xá một cái thì gọi là *lễ*, chứ không phải là *bái*. Thân nghiệp cung kính có nghĩa là đắp y, mặc hậu đánh lễ, năm vóc gieo xuống đất gọi là *bái*. Thân nghiệp không cung kính không gọi là *bái*.

Như câu chuyện trong kinh Pháp Bảo Đàn:

Tăng Pháp Đạt đến lễ Lục Tổ mà đầu không sát đất. Tổ nói:

– Ông lễ mà đầu không sát đất chỉ bằng dùng lễ. Như vậy trong tâm ông ắt chứa vật gì.

Nghĩa là lúc này thân nghiệp không cung kính. Mà thân nghiệp không cung kính là do ý nghiệp tác động đến. Lễ Phật mà đầu không sát đất, tâm không cung kính thì không có phước. Thân nghiệp phải cung kính thì mới gọi là *bái*. Cho nên Tổ quở:

– Lễ vốn chặt cờ ngã mạn, sao đầu không sát đất? Có ngã tội liền sanh, quên công thì phước vô tỉ.

Lúc này thiền sư Pháp Đạt nói tụng kinh 3.000 bộ!

Sở dĩ ông lễ mà không có thân cung kính tức là có cái gì bên trong. Hoặc đến lễ mà trong tâm mình chất chứa sự nghiệp lớn thì lễ là lễ vậy thôi chứ thân và tâm không cung kính.

– Tại sao thầy tọa thiền không nên lễ bái?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Sợ loạn công đức thiền định nên không lễ bái.”

Lễ bái sợ loạn tâm thầy nên không cần lễ, lễ cũng không có phước gì. Không chỉ thầy Tổ của mình mà huynh đệ ngồi thiền yên tịnh, có chuyện gì cũng không được kêu, sợ làm loạn tâm thiền định. Người ngồi thiền, tâm hướng về làm Phật nên mình không được phá. Chẳng hạn quý thầy làm tri sự, công việc nhiều quá mà chúng đang ngồi thiền ở thiền đường, quý thầy kêu là tổn phước. Phải chờ hết giờ, xả thiền xong mới được đến nhờ.

Thầy chúng tôi kể, Hòa thượng Trí Tịnh đi đâu xa về mà thấy chúng đang ngồi thiền, ngài bỏ cái đũa xuống, nhẹ nhàng ngồi kế bên, không dám động đại chúng. Đại chúng đang tọa thiền là đang làm Phật. Phá những người đang tọa thiền, đang chiêm nghiệm về thánh thái của Phật là pháp của ma, gọi là ma Ba Tuần.

Kinh A Hàm có ghi câu chuyện:

Sa-di Thông Trí theo thầy là tôn giả Xá-lợi-phất đi khất thực. Trên đường đi ngài thấy người ta vét mương để dẫn nước vào ruộng, rồi thấy người uốn cung tên, thấy thợ mộc đẽo những thanh gỗ để làm bánh xe. Ngài nghĩ những vật vô tri như nước, cung tên, gỗ mà người ta có thể uốn nắn để sử dụng theo người ta. Vậy tại sao mình không uốn nắn tâm mình để đến được con đường Niết-bàn.

Nghĩ như vậy ngài xin phép thầy về trước không đi khất thực nữa. Ngài quyết định trong ngày hôm nay phải chứng quả A-la-hán. Đức Phật biết được, sợ rằng nếu tôn giả Xá-lợi-phất khất thực về kêu chú Sa-di này ra mở cửa thì quả vị không đến được, nên

Đức Phật ra đón và hỏi chuyện, mục đích ngăn tôn giả Xá-lợi-phất vào phòng để không làm gián đoạn công phu của Sa-di Thông Trí.

– Tại sao thầy đi kinh hành không nên lễ?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Sợ trở ngại chánh niệm nên không lễ bái.”

Thầy đi kinh hành luôn luôn thu thúc sáu căn, chánh niệm. Nếu lễ bái thì thầy ngó lại, mất chánh niệm của Thầy cho nên không cần lễ bái.

Kinh A Hàm Phật dạy có năm lợi ích của việc đi kinh hành:

1- Người đi kinh hành sẽ có sức chịu đựng bền bỉ để đi đường xa.

Vào thời Đức Phật, các ngài vừa đi khất thực vừa đi kinh hành luôn. Hiện giờ có một vị sư ở Thiếu Lâm Tự, đã chín mươi lăm tuổi mà vẫn còn giống như bốn mươi tuổi vậy. Hỏi ra thì biết hằng ngày ngài đều đi kinh hành. Các vị khất sĩ lớn tuổi, có kinh nghiệm khi đi khất thực thường các ngài mang bình bát đi một đoạn đường, rồi cất bình bát vô đây. Đi một đoạn xa mới lấy bình bát ra. Đi kinh hành rất lợi ích, quý thầy muốn ít bệnh phải đi kinh hành.

2- Người đi kinh hành sẽ có sự chịu đựng bền bỉ trong khi hành thiền.

Đi kinh hành thường xuyên thì ngồi thiền dẻo dai hơn những người không đi kinh hành.

3- Sự quân bình giữa đi và ngồi, giúp có sức khỏe tốt.

4- Thiền hành cũng giúp cho sự tiêu hóa được dễ dàng.

Vừa ăn cơm xong mà nằm ngủ liền thì nguy hiểm, dễ sinh bệnh đau dạ dày. Nhiều người nói sao tu mà bệnh dữ vậy. Tìm hiểu nguyên nhân là do không chịu đi kinh hành, không chịu tập thể dục, dẫn đến sinh bệnh.

5- Kinh hành tạo nên sự định tâm bền vững.

Các thiền sư nói thân mình giống như chiếc xe, chuẩn bị chạy thì xe phải khởi động. Trước khi ngồi thiền, đi kinh hành một vòng để tâm an ổn rồi vào ngồi thiền rất dễ định tâm.

– Tại sao thầy ăn cơm không được lễ?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Sợ tạp loạn đối với pháp quán nên không có lễ.”

– Tại sao thầy nói kinh không được lễ?

“Sợ đoạn đứt pháp nghĩa nên không được lễ.”

Chẳng hạn thầy đang nói tinh cho Phật tử nghe, mình đến xá một cái, thầy phải xoay qua thì mất cái nghĩa lý trong lúc đang nói.

– Tại sao thầy đánh răng không nên lể?

“Sợ bỏ dở kệ chú nên không có lể”

Đang đánh răng thầy thầm đọc chú mà mình lể, thầy ngó lên nhiều khi quên mất chánh niệm.

– Tại sao thầy tắm rửa không nên lể?

“Sợ hình nghi không tề chỉnh nên không lể.”

Ngày xưa nhà tắm không kín như bây giờ, mà chỉ ngang nửa người, nhìn vào là thấy. Thầy đang tắm mà xá thì không lịch sự. Mình học để biết, chứ bây giờ nhà tắm kín, không phải như ngày xưa.

– Tại sao thầy ngủ nghỉ không nên lể?

“Sợ kinh động giấc nên không có lể.”

“Thầy cạo tóc, thầy rửa chân hoặc có việc không rảnh, thầy đóng cửa không nên đứng ngoài mà lể vào. Muốn vào phòng để lể nên gõ cửa ba tiếng.”

Chẳng hạn như Hòa thượng Trúc Lâm, ngài rất bận, hoặc có khi bệnh nên không cho vào. Có những vị, tôi nghĩ là không có học oai nghi, đứng ngoài lể vào. Theo tinh thần oai nghi, đứng ngoài cửa mà lể là không thành tâm cung kính. Nếu không vào được thì thôi, không được làm như thế. Cho nên học, biết oai nghi phép tắc rồi mình nhớ đem ra thực hành. Oai nghi rất cần cho người tu sĩ.

“Đem thức ăn cho thầy phải dâng hai tay. Thầy ăn xong thu dọn bát đĩa phải chậm rãi từ từ.”

Đây là cho những thầy thị giả.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Hầu hạ thầy ăn uống đồng như là cúng Phật.”

Thức ăn dâng Thầy không phân biệt ngon dở gì, rau luộc cũng được nhưng phải sạch sẽ, phải có tâm cung kính thì mới tăng trưởng phước đức. Còn làm cho có thì không được.

Bộ Thành Phạm nói:

“Nấu đồ ăn cho Thầy không luận ngon hay dở đều phải sạch sẽ và vừa ý Thầy. Phàm dâng nước trà chẳng được nhúng ngón tay vô trong chén. Phải hai tay co bốn ngón, dùng sáu ngón, bợ hông chén bằng phẳng cho Thầy. Thầy dùng xong như pháp trước mà rước lấy.”

Trong Kinh Chi Bộ có ghi:

Tôn giả Mục-kiền-liên một hôm du hành trên hư không thì thấy một con quỷ thân hình gầy ốm, lửa bốc lên ngùn ngụt. Hỏi nguyên nhân thì nó nói, ngày xưa vào thời Đức Phật Ca-diếp, nó làm thị giả cho một vị Hòa thượng, hầu Thầy mà ăn bớt thức ăn của Thầy, cho nên bây giờ tái sanh làm quỷ đói.

Nấu thức ăn hầu Thầy phải sạch sẽ và đúng như pháp. Đúng như pháp là không ăn hột của Thầy. Đem thức ăn cho Thầy thấy ngon quá bốc ăn trước, kiếp sau thành quỷ đói. Quỷ thầy làm trực nhật, hành đường cũng vậy, ăn trước cũng thành quỷ đói.

“Hầu Thầy không được đứng đối diện, không được đứng chỗ cao. Không được đứng quá xa để Thầy nói nhỏ nghe được, khỏi hao sức Thầy. Đứng đối diện, chỗ cao đều mất vẻ cung kính.”

Thiền Thành Phạm nói:

“Chẳng được đứng trong bóng thầy.”

Đi với thầy chẳng được đứng trong bóng thầy. Nhưng những vị thị giả phải đi kế bên để dìu Hòa thượng, nếu đi vào cạnh trúa thì chắc chắn bị đạp bóng thầy. Trường hợp đó mình phải làm sao?

“Chẳng được đứng trên gió.”

Tại sao chẳng được đứng trên gió? Nhiều khi chợt bụng đánh hơi thì tổn phước. Hoặc có khi hai, ba ngày chưa tắm, thân không được sạch sẽ, thanh tịnh.

“Chẳng được xoay mình, cúi đầu nói nhỏ, giỡn cười. Phải thân tâm nghiêm kính. Đứng bên thầy chẳng được đứng xui hai tay.”

Phải đứng cung thủ, cũng không đứng xui lơ.

“Ở trước mặt thầy không được cào, gãi đầu, chà mặt. Chẳng được mang giày, rửa chân trước thầy. Chẳng được hiện tướng mỗi một, cũng chẳng được như người tục rũ tay mà đứng. Ở trước mặt thầy chẳng được nói lời vô ích.”

Nói những lời có ích thì được chứ nói chuyện thể gian, chuyện hình sự... thì không được. Nói lời gì để thầy nhắc nhở cho sự tu hành của mình. Cho nên được hầu thầy rất có lợi. Chẳng hạn khi tôi đi gần Hòa thượng một đoạn đường, Hòa thượng chỉ dạy Phật pháp rất nhiều điều có ích. Nhưng nếu không hiểu, mình nói những lời vô ích, thầy hoặc Hòa thượng quở thì mình tổn phước. Những lời quở trách của một vị thầy, một vị Hòa thượng, hay vị A-xà-lê, của bậc thiện tri thức đều là những lời có ích. Các ngài thương mới rầy. Còn các ngài bỏ rồi là thôi, không nói tới nữa.

Thiền thoại có ghi:

Đại sư Ngô Tân, trụ trì chùa Vân Nham, hay lớn tiếng trách mắng người xuất gia đến chùa tham học. Do đó một số người tham học rất là nể sợ, thường kính nhi viễn chi. Kính mà xa không dám gần. Trong chúng có một vị thị giả là thiền sư Huệ Phương thấy thế nên nói:

– Làm một vị thiện tri thức thì phải hành đại đạo của Phật Tổ, hiệu lệnh đưa ra trời, người tuân theo. Đáng lý phải xem người học như con đồ, lấy tâm từ bi để mà cư xử với họ và phải thương an ủi, chứ đâu mà động một chút lại nổi giận chửi mắng giống như oán cừu đã chất chứa như biển sâu không khác.

Đại sư nghe xong nói:

– Kiến giải của ông như vậy thì tương lai, nếu hoằng pháp ở một phương sẽ chỉ mị để phụng sự những người có quyền thế. Cầu thả, dựa vào bọn cường hào mua bán đại pháp của Như Lai và dối gạt bọn phàm phu tục tử. Ta không nhìn nổi bọn người ngu si theo đời, không phát tâm đồng mãnh, không rõ Phật đạo này. Do đó phải dùng lời nặng nề để khích lệ họ cho họ biết liêm sỉ, tự mình sửa đổi lỗi lầm hầu mong làm sự phạm cho trời, người. Đây mới là tâm từ bi chân chánh, lo lắng và bảo bọc thương yêu chân chánh.

Thầy la mắng mình chính là mài giũa cho mình. Mài giũa tâm kiêu mạn, bản ngã chấp trước, thì tự nhiên mình có năng lực lớn. Sau này chúng ta ra làm Phật sự sẽ thấy rất rõ.

“Nếu thỉnh hỏi nhân duyên Phật pháp phải sửa y lễ bái, quỳ gối chấp tay. Thầy có dạy trăm lần nghe kỹ, nhớ in sâu vào.”

Lắng nghe gọi là văn huệ, tư duy là tư huệ, thâm nhập là tu huệ.

Khổng Tử nói:

“Có ba bậc nghe pháp: Dùng thần nghe pháp tức là bậc thượng. Dùng tâm nghe pháp gọi là bậc trung. Dùng tai nghe pháp là bậc hạ.”

Đến nghe pháp với tâm mệt mỏi, chán chường thì không có phước đức gì hết, mà cũng không biết thầy nói chuyện gì.

Lão Tử nói:

“Bậc thượng mà nghe pháp là thấm vào tứ chi, phổ ra hành động.”

Những lời thầy Tổ dạy thấm vào tứ chi là thấm vào thân thể, ngũ uẩn của mình rồi phổ ra hành động. Học oai nghi, phép tắc, học về đường hướng của thầy Tổ chỉ dạy mà làm đúng như vậy, đó gọi là bậc thượng.

“Bậc trung nghe pháp thì thoát nhớ, thoát quên.”

Nghe thì nghe chứ về nhà không biết thầy nói gì, đó là bậc trung.

“Bậc hạ nghe pháp thì cười to bỏ đi. Nếu không như thế thì đâu còn gọi là Đạo nữa.”

Bậc hạ nghe pháp cười to bỏ đi, là không cần nghe thầy dạy gì hết. Nếu không như thế thì đâu còn gọi là Đạo nữa, nghĩa là Đạo rất khó nghe, khó thâm nhập.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phàm muốn cầu pháp phải chiết phục tâm chấp ngã.”

Muốn cầu đại pháp phải bẻ gãy tâm chấp ngã, lúc đó đại pháp mới vào tâm thức được. Khi thâm nhập vào Phật pháp rồi thì những hạt giống phiền não, cù cặn trong tâm thức của mình cũng được chuyển hóa.

Bây giờ kinh sách, bằng giảng rất nhiều. Ngày xưa các ngài chỉ cần nghe một câu là tâm thức rung động, chuyển hóa ngay. Bởi các ngài nghe với tâm mong mỏi cầu pháp, chiết phục tâm chấp ngã. Thành ra quý thầy đừng nghĩ mình biết tiếng Anh, tiếng Pháp gì đó rồi mình có tâm ngã mạn. Tôi có người em đang tu học bên Ấn Độ, biết rất nhiều thứ tiếng: Anh, Pháp, Trung Quốc, Nhật, Ấn Độ. Tôi hỏi, tôi học một thứ tiếng không nổi sao ông học được nhiều vậy? Em tôi nói, học được tiếng Anh hay tiếng Pháp rồi thì mấy thứ tiếng khác học rất nhanh. Tại mình không đủ duyên để học chứ thực ra ai học cũng biết hết. Phải chiết phục tâm chấp ngã của mình. Tâm ngã mạn cống cao phải dẹp hết thì đại pháp mới rót vào tâm thức được.

“Tu duy thánh đạo, chịu bỏ cái khí tiết của mình. Thấp mình mà lễ, kính vị sư trưởng, nghĩa là tôn sư trọng đạo thì lúc này mới gọi là chân chính học đạo.”

Người chân chính học đạo phải thấp mình thưa hỏi, kính vị sư trưởng. Sư trưởng thời này, có những vị học không bao nhiêu mà ta kính các ngài là kính gì? Kính đạo đức, kính oai nghi phép tắc mô phạm. Một người tu sĩ mà có tâm ngã mạn các ngài nhìn biết liền. Đây tôi giấu tên, ngày xưa có một vị Ni sư học lấy được hai, ba cái bằng về khoe Hòa thượng, là Thầy của Ni sư ngày trước, Hòa thượng cầm cái bằng ném ra. Ngài biết vị Ni sư này có tâm ngã mạn. Vừa học vừa tu để dẹp tâm chấp ngã. Mà dẹp tâm chấp ngã thì đạo mới vào được.

Trong Pháp Uyển Châu Lâm, quyển thứ 24 ghi:

Có năm trường hợp hỏi mà không nên đáp:

1- *Hỏi thử: Do tâm kiêu mạn nên họ dùng sự hiểu biết để hỏi thử xem mình có biết hay không.*

Tôi làm nhà khách hay gặp trường hợp này. Hỏi xong là tôi biết liền, tôi cười không trả lời gì hết. Hỏi thử là do cái tâm kiêu mạn. Hỏi pháp mà khởi tâm kiêu mạn, quý thầy nhìn vào khuôn mặt họ là biết. Trong chúng cũng vậy, họ gặp mình hỏi giống như hỏi thử là không bao giờ đáp.

2- *Không thắc mắc mà hỏi.*

Cũng không trả lời. Phải rất là kính, phải chiết phục tâm ngã mạn thì mình mới trả lời.

3- *Không quỳ sám hối lỗi đã phạm mà hỏi.*

Tức là có phạm tội đối với giới luật mà không sanh tâm sám hối lại đặt ra câu hỏi. Phạm tội trộm cắp, rồi nói tôi ăn cắp mà ai thấy, ai biết, ai nghe? Đặt vấn đề, đưa ra nghi vấn mà chưa sám hối thì cũng không trả lời.

4- *Hỏi vắn.*

Đã biết không có khả năng trả lời mà cố tình cật vấn, hỏi tới, cũng không trả lời.

5- *Không để ý nghe mà hỏi. Đã nghe nói rồi mà không để ý lại hỏi nữa.*

Như trong giờ thầy Trụ trì giảng, họ nghe qua rồi quên hay gì đó, đứng lên hỏi thì cũng không trả lời.

“Phàm muốn cầu đại pháp phải chiết phục cái tâm chấp ngã, tư duy thánh đạo, chịu bỏ cái khí tiết của mình, thấp mình mà lễ.”

Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên có ghi:

Thiền sư Huệ Nam ở Hoàng Long, phủ Long Hưng. Sư họ Chương, quê ở Tín Châu, theo thiền sư Trùng tại Lạc Đàm chiêu đồ giáo hóa, tiếp độ chúng tăng. Ngài giáo hóa đồ chúng rất đông, tiếng tăm vang dội bốn phương. Nhưng khi gặp thiền sư Duyệt ở Vân Phong, thiền sư nói:

– Tuy ông hiểu vậy nhưng cái thiền đại pháp ông chưa chứng ngộ. Muốn chứng ngộ được thì nên đến tham vấn thiền sư Từ Minh.

Ngài đến gặp thiền sư Từ Minh, thiền sư biết Huệ Nam có tâm chấp ngã rất lớn vì đã từng đi giáo hóa, là pháp sư nổi tiếng, nên hỏi gì thiền sư cũng không trả lời. Huệ Nam khẩn cầu tha thiết, khóc lóc suốt ba, bốn ngày liên tục. Lúc này Từ Minh mới bảo:

– Thầy học thiền Vân Môn ắt khéo biết yếu chỉ của Vân Môn. Như nói tha Động Sơn ba gậy là có phần ăn gậy hay là không phần ăn gậy?

Sư đáp:

– Có phần ăn gậy.

Từ Minh nghiêm sắc mặt bảo:

– Từ sáng đến chiều ông nghe quạ kêu, chim hót đều nên ăn gậy.

Lúc này thiền sư Từ Minh mới chấp nhận cho lễ bái. Từ Minh lại hỏi:

– Triệu Châu thường nói bà già ở Đài Sơn bị ta khám phá. Hãy thử chỉ ra chỗ khám phá xem.

Sư mờ hồ xuất hạn không thể đáp lời nào. Hôm sau Sư lại đến thì bị Từ Minh mắng chửi. Sư nhìn đồ chúng hai bên và nói:

– Chính vì không hiểu nên mới cầu để giải quyết nghi. Còn mắng chửi thì đâu phải là quy củ từ bi thí pháp.

Ngài Từ Minh nói:

– Ông hiểu là mắng chửi ư?

Ngay câu ấy Sư liền đại ngộ.

Câu chuyện này cho thấy, tuy ngài Huệ Nam đi hoằng pháp lợi sanh rất nhiều, nhưng chưa ngộ nhập đại pháp của thiền nên phải đến khẩn cầu, lễ bái thiền sư Từ Minh. Từ Minh biết người này còn chấp trước sự nghiệp giảng pháp nên khi nêu ra chỗ ăn gậy hay không ăn gậy, ngay chỗ có và không thì Huệ Nam mắc kẹt.

Trong sử 33 vị Tổ, Thiền sư Thần Quang đến cầu pháp Tổ Bồ-đề Đạt-ma mà Tổ không xoay lại là có lý do. Bởi Thần Quang là một tay kiếm khách học rộng nghe nhiều, giỏi lý diệu huyền. Học, nhiều khi mình không hiểu, rồi chặt tay như ngài thì không được. Đứng trong tuyết lạnh mà chặt tay cầu đại pháp là chặt cái tay của tâm chấp ngã, tâm phiền não, tâm kiêu mạn, bởi vì học biết quá nhiều rồi.

Cho nên Đại sư Liên Trì nói:

“Tổ thứ hai được trao truyền tâm pháp là ngài tâm thành đến cực điểm, cơ duyên đã thành thực, giống như nam châm hút sắt, một cái là hợp, một điểm là không, không nhất định là phải chặt cánh tay đâu. Những người ngu si muốn bắt chước Thần Quang không biết học tinh thần ấy mà chỉ tính chuyện chặt tay. Ôi! Nếu truyền pháp mà cứ phải chặt tay thì các Tổ sư ai cũng cụt một tay hết! Muốn làm Phật mà phải thiêu mình vậy thì tiên, thánh, hậu, hiền không ai còn sống!”

Ngài bình rất là hay. Trong Kinh Pháp Hoa diễn tả hai vị Bồ-tát thiêu thân là Bồ-tát Dược Vương và Bồ-tát Dược Thượng. Hai vị thiêu mình là thiêu phần tướng ấm. Hòa thượng dạy rất rõ. Mà nghe nói chặt tay, thiêu mình rồi cũng chặt, cũng thiêu. Ngày xưa có một thầy định thiêu, nói để cúng dường chư Phật. Hòa thượng Trúc Lâm quở, làm vậy là không đúng.

Ngài bình tiếp:

“Chân thật chặt tay là chặt cánh tay phiền não.”

Bình rất là hay. Ngài nói muốn chặt tay là phải chặt cái phiền não chấp trước, ngu si, ngã mạn của mình. Chặt cái đó thì đúng, còn chặt cánh tay là không đúng.

“Thiêu thân là đốt cái thân vô minh của mình. Mong chư vị thiền giả phải lấy điểm này nhắc nhở nhau.”

Chẳng hạn như Hòa thượng Sư cổ (HT. Thiện Hoa), trên trán Sư cổ đâu có đốt liễu, mà ngài làm Phật sự hết mình. Từ khi xuất gia, hiểu đạo rồi ngài làm Phật sự suốt quãng đời của ngài. Rồi đến Hòa thượng Trúc Lâm, ngài có đốt liễu gì đâu mà làm Phật sự không ai bằng. Có những người thiêu thân, làm đủ thứ chuyện mà không hiểu điểm này. Có những trường hợp các ngài thiêu thân vì những mục đích khác thì không bàn đến, nhưng ở đây mình phải biết chặt tay, đốt thân là chặt tay phiền não, đốt thân vô minh. Đó là theo tinh thần của Đại sư Liên Trì, ngài giảng giải rất rõ.

Tại sao chúng ta cầu đại pháp với Sư trưởng lại tâm thành đến thế?

Trong Sa Di Học Xứ có ghi lời thiền sư Vĩnh Gia dạy:

“Chánh đạo lặng lẽ tuy có tu mà khó hội. Tà đồ ồn náo, tạp loạn chính là không tập mà dễ thành.”

Chánh pháp đại thừa rất khó thâm nhập. Phải cần cầu đại pháp, phải thành tâm cung kính thì mới thâm nhập được. Trong bài Sám Hối Sáu Căn, Nghiệp Căn Tai:

*Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà,
Mê mất gốc chơn, đuổi theo ngoại vọng.*

*Sáo đàn inh ỏi, bảo khúc long ngâm,
Văng vẳng mõ chuông, coi như ếch nhái.*

Nhiều vị tu lâu thì lâu chứ hôm nào xuống phố, đi trên xe có mở nhạc nghe vẫn thấy thích. Họ nói, pháp Hòa thượng nghe suốt, bây giờ đi tham quan phải mở băng cải lương hay ca nhạc gì đó thì mới vui.

Cho nên, chánh đạo yên tịnh rất khó thâm nhập, còn cái ồn náo, tạp loạn thì rất dễ. Lúc nào thử học bài Chứng Đạo Ca xem. Chắc cũng phải năm hoặc ba ngày mới thuộc. Còn bài hát nào hay, học chừng nửa tiếng là thuộc hết. Kinh điển hỏi thì ít ai nhớ, nhưng bài hát, hỏi bài nào cũng thuộc!

Đến sư trưởng cần cầu đại pháp là có mục đích, có lý do. Xa xôi, lặn lội lên cầu pháp của Hòa thượng thì phải cung kính, và phải bẻ gãy tâm ngã mạn của mình.

“Bằng hỏi việc thường trong chùa chẳng buộc lạy, quỳ. Chỉ đứng vững bên Thầy cứ thật tình mà thưa. Hoặc Thầy thân tâm mỗi mệt, dạy lui phải lui, chẳng nên tâm tình chẳng vui hiện bày sắc mặt.”

Chẳng hạn thầy tri khố hay thầy tri sự lên xin thầy tiền bạc, hoặc thưa trình việc gì, khỏi cần quỳ lạy, chỉ đứng thưa thật tình thì đúng pháp oai nghi. Nếu thầy nói thôi bây giờ tôi mệt quá, xuống đi, để mai tính. Nghe vậy rồi bực bội, sắc mặt thay đổi, hiện nét không vui là không đúng, là mình bị tổn phước.

Luật Ngũ Phần Thập Tụng ghi:

“Làm đệ tử thường mến đức của thầy, chớ nên soi mói lỗi nhỏ.”

Ở với thầy phải mến đức thầy mới ở được. Còn soi mói từng lỗi nhỏ thì lúc nào đó sẽ thấy lỗi của thầy. Có những lỗi không đáng cũng moi ra được, thầy chưa chứng quả vị A-la-hán mà. Làm vậy là bị chướng ngại rất nhiều và rất khó tu, gặp thầy ở đâu mình cũng tránh. Không thích thì sao mà ở được. Cho nên, đệ tử phải coi thầy giống như cha mẹ thì mới ở suốt đời được. Còn không mình ở chừng một, hai hay ba năm rồi cũng kiếm đường nhảy.

“Thuận theo thì được lợi ích, mà tìm lỗi thì vướng khổ đau.”

Rất là rõ. Thuận theo lời dạy của thầy thì được lợi ích, tìm lỗi thì vướng khổ đau. Vướng khổ đau về cho mình! Thầy không tổn gì hết mà mình tổn trước, tu không được, ngồi thiền không được. Lúc ngồi thiền, hình ảnh đó hiện ra, rất là khó tu, vậy là vướng khổ đau về cho mình!

Kinh Pháp Luật Tam Muội ghi:

“Người ngu si ở thế gian chỉ thấy người khác ác mà chẳng tự biết mình ác.”

Người ngu thấy người khác ác mà thấy mình lúc nào cũng thiện. Thấy lỗi người mà không thấy lỗi mình.

“Chỉ thấy mình thiện chẳng thấy người khác thiện. Kẻ tự xưng mình là người trí đều chẳng phải là trí, người tự cho mình sáng suốt là kẻ rất u mê. Người nói tôi biết Kinh cũng là làm vậy. Người nói tôi biết đại pháp mà chẳng phụng sự Sư trưởng thì chẳng thể tin được.”

Nói ngộ đạo, ngộ thiện gì không biết, mà đối với bậc sư trưởng, đối với bậc thầy có tâm khinh thường thì đó là nói dối.

“Trí Phật rộng lớn chẳng thể đo lường. Người thấy nghe được chút ít cho là đủ rồi sanh lòng cống cao, là người trí được ư?”

Kinh Xuất Diệu Phẩm Quán thứ 24 ghi:

“Khéo xét lỗi của mình, lỗi mình chẳng lộ ra; người khác tự có lỗi, như bụi nhỏ tung bay.”

Mình không có, mình lúc nào cũng thiện, cũng tốt hết. Còn lỗi người thì như bụi nhỏ tung bay, cũng thấy hết.

“Nếu tự xưng không lỗi, hai việc đều cùng đến, tức là chẳng thấy lỗi mình mà thấy lỗi người. Hễ thấy lỗi của người, hằng ôm lòng nghi hại, thấy xa chẳng thấy gần.”

Kinh Thiện Cung Kính Phật dạy:

“Đệ tử ở chỗ thầy chẳng dặng nói lời thô. Có lỗi, thầy quả trách chớ nên nói trả lại. Thầy không mở lời hỏi chẳng được vội nói. Phạm thầy sai khiến chớ nên trái mạng. Bềnh ở chỗ thầy không có tâm cung kính và nói tốt xấu của sư Tăng, người ngu thế đó phải y pháp trị tội. Hoặc thầy có lỗi còn không nên nói hướng chỉ thầy không có lỗi. Tuy không ở với thầy nhưng không cung kính cũng phải bị đọa làm thân bốn đầu trong địa ngục Trì phát, toàn thân phát ra lửa dữ, tựa như đồng lửa đốt mãi không ngừng. Ở nơi ngục ấy lại bị trùng độc nhỏ nhọn như móc câu thường mổ vào lưỡi. Ra khỏi địa ngục sinh làm súc sanh ăn phân cứt. Hết thân súc sanh, tuy được làm người nhưng sinh vào nơi biên địa, màu da đen, người chẳng giống người, luôn bị khinh dễ phỉ báng lăng nhục, xa Phật xa Pháp, mê ám ngu si. Sau khi mạng chung lại đọa địa ngục, chịu vô lượng vô biên khổ nạn.”

“Nếu lỡ phạm giới không được giấu diếm, mau đến trước thầy cầu xin sám hối. Thầy tha thứ rồi tha thiết phát lộ, chân thành hỏi cải, lại được thanh tịnh. Sám nói đủ là sám-ma nghĩa là nhẫn, tức là mong được người khác tha tội. Hối nghĩa là trung chỉ hối, hối quá, tức là hối hận tội ở quá khứ, tỏ bày lỗi lầm của mình trước Phật, Bồ-tát, Sư trưởng hay đại chúng với mục đích mong được diệt tội gọi là sám hối.”

Nếu lỡ phạm giới, bất cứ tội gì: trộm cướp, tà dâm, nói dối, vọng ngữ..., không được giấu diếm mà phải mau đến trước Thầy và đại chúng tha thiết cầu sám hối.

Theo Kinh Kim Quang Minh Văn Cú quyển ba, có ba loại sám hối:

1- Tác pháp sám hối:

Sám hối được thực hành theo tác pháp Phổ Luật Nghi. Chẳng hạn phạm giới Tăng tàn, nếu đã thọ giới Tỳ-kheo thì phải đến trước hai chục thầy Tỳ-kheo thanh tịnh sám hối thì tội mới hết. Hoặc phạm tội đột-kiết-la thì quý thầy phải đến trước bốn vị thầy thanh tịnh, gọi là tác pháp sám hối.

2- Thủ tướng sám hối:

Quý thầy phạm tội mà sợ quá không dám đến trước Thầy, cũng không dám đến trước đại chúng thì phải dùng pháp thủ tướng sám hối, là pháp quán tưởng tướng hảo của Phật để diệt tội. Nghĩa là quý thầy phải như lý tác ý vào hình tượng của Phật, 32 tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Như khi Hòa thượng hay quý Thầy lớn bệnh, quý thầy ngồi thiền để hồi hướng công đức. Phải như lý tác ý, lúc này không đoạn trừ vọng tưởng mà tâm thức duyên theo đối tượng, gọi là như lý tác ý vào đối tượng muốn hồi hướng công đức tu tập.

Ngày xưa bà Thanh Đề bị đọa địa ngục, các ngài phải dùng phương pháp như lý tác ý, dùng năng lực mà các vị đã chứng quả A-la-hán rồi tác động đến, thì lúc đó bà mới tỉnh ngộ chuyển hóa.

Phương pháp thủ tướng sám hối cũng vậy, mình như lý tác ý vào hình tượng Phật, tự nhiên thấy hình tượng Phật khác hơn ngày thường. Ngài hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp rõ ràng. Quý thầy quán chiếu thì những hạt giống phiền não, cù cặn rơi rụng hết gọi là đặc pháp nhãn, lúc này tội chướng mới trừ được.

Quý thầy phạm tội nhỏ, như làm bể ly, bể tách thì đến sám hối với Thầy. Còn phạm trọng tội, chẳng hạn như tội Tăng tàn, thì nhiều khi Thầy không đủ năng lực nên không dám chữa mình. Nhưng mình tha thiết được ở trong chúng, thành ra thực hành thủ tướng sám hối là biến khắp mười phương thế giới thì tội mới dứt, rồi phải nhớ là không được tái phạm.

Phương pháp thủ tướng sám hối rất thù thắng, nếu đủ duyên vào thất là quý thầy phải dùng phương pháp sám hối này. Quán tưởng về đức Phật, về công hạnh của các Ngài, sẽ thấy tại sao công đức của các Ngài lớn như thế, tâm hạnh và đại nguyện của các Ngài rộng như thế mà mình lại quá nhỏ bé, hẹp hòi. Lúc này tâm thức quý thầy sẽ phát triển rộng ra.

Tuy nhiên phương pháp sám hối này phải ngủ nằm mộng thấy hảo tướng của Phật, hoặc thấy Phật xoa đầu, thấy mười phương chư Phật, hoặc ngồi trên hoa sen, bay lên hư không, thấy điềm lành, điềm lạ thì mới hết tội, đây gọi là tội Ba-la-di.

Kinh Sám Hối Diệt Tội Trang Nghiêm Thành Phật có nói ai mà thành kính sám hối, tối nằm mộng thấy đi qua một cái cầu lớn là biết mình đã diệt tội một vạn kiếp. Đêm thứ hai, thấy trời mưa là cũng hết tội, rồi thấy được người cho trái cây ăn thì tu hành sẽ thành tựu đạo nghiệp. Rồi mộng thấy, đi vào hội chúng toàn là Bồ-tát thì lúc này mới biết chắc chắn mình được diệt tội.

Phân tích tinh thần sám hối, giống như ra khơi. Đi trên một chiếc thuyền không có buồm thì không đi được. Có buồm thì gió thổi thuyền chạy rất nhanh. Phương pháp sám hối này tiêu biểu cho cái buồm, muốn đi nhanh đến đích là phải cần sám hối.

Ngày xưa, thấy người ta sám hối tôi nói tu thiền cần gì sám hối. Sau này lớn lên, tu một thời gian, bệnh tật, nghịch cảnh, nghịch duyên đến thì thấy rất cần sám hối. Tôi làm

nhà khách, nghỉ một ngày, sám hối một ngày, cho nên tôi tranh thủ mười giờ rưỡi sáng lên thiền đường nhà khách sám hối nửa tiếng.

Có lúc đang sám hối tôi phát minh: cái thân ngũ uẩn của mình rất dơ, phiền não, sân si từ vô lượng kiếp, phải dùng nước sám hối súc thì nó mới sạch. Cũng như cái ly dơ phải rửa sạch thì mới rót nước uống được. Cái bình ngũ uẩn được súc sạch rồi thì chánh định, chánh thọ và đại định, đại pháp mới rót vào được. Tôi thấy vậy nên khuyên quý thầy phải cần sám hối. Sám hối rồi thân tâm nhẹ nhàng, an ổn. Tuy nhiên, phải biết phương pháp chứ không phải lên sám mà không biết gì. Phương pháp sám hối nó có tướng, nhưng từ tướng nó đi vào cái vô tướng chứ không phải như thiền định.

3- Vô sanh sám hối:

Là pháp sám hối bằng cách quán lý thật tướng, nhớ nghĩ tướng của tội là vô sanh:

*Tánh tội vốn không do tâm tạo,
Tâm nếu diệt rồi tội sạch trong.
Tội trong tâm diệt cả đều không,
Thế ấy mới là chơn sám hối.*

Tức là quán chiếu đến mức độ tánh tội đều là rỗng không thì tội dứt. Cần phải sám hối phương pháp này cho thuần thực. Mỗi ngày tụng kinh xong quý thầy nên bỏ ra khoảng 10 đến 15 phút thực tập phương pháp sám hối này. Quán chiếu sâu sắc “*Tánh tội vốn không do tâm tạo*” để khi hấp hối, những tội từ vô lượng kiếp không hiện ra, không tạo tác, không đưa quý thầy đến cảnh giới dữ, không堕 vào ba đường ác. Dù cho quá khứ chúng ta phạm giới mà nhờ phương pháp này, tương lai cũng được sạch tội, bởi vì tội nó vốn không, giống như đám mây vậy. Tuy nhiên phải nhớ, sám hối rồi không được tái phạm chứ sám, mà vẫn tạo là không được.

Trong Kinh Tịnh Nghiệp Chương có ghi:

Vào thời quá khứ rất xa xưa có một Tỳ-kheo tên Đồng Thi, vô tình phạm bốn trọng tội căn bản trong giới cấm của Phật là sát sanh, trộm cắp, dâm dục và nói dối. Ngài biết chắc chắn sẽ堕 địa ngục nên đem ba y treo lên tích trượng rồi kêu lên:

– Tôi phạm trọng tội, ai vì tôi mà sám hối?

Ngài xướng như thế nhưng không ai dám sám hối cho.

Mình đừng nghĩ, có tội gì cũng đứng trước thầy trình hết, để rồi thầy tha. Thầy nghe vậy hoảng luôn không dám chứa nữa. Người mà đứng ra sám hối cho mình toàn là những bậc đại Bồ-tát.

Ngài đến tình xá gặp một vị tôn giả tên là Tỳ-cúc-đa-la, tôn giả nói:

– Truy tìm tánh của tội trợn không thể được.

Tỳ-kheo Đồng Thi hoát nhiên suốt thân đại ngộ, liền qua thế giới phương Nam thành Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác hiệu là Bảo Nguyệt Như Lai cho đến mãi ngày hôm nay.

Tại sao ngài không sanh về phương Bắc, phương Tây, phương Đông mà lại về thế giới phương Nam? Phương Nam tiêu biểu cho cung Ly, Ly thuộc Hỏa, Hỏa thuộc về tâm, nhận ra được tâm thức thì xong. Sau khi ngộ được tâm thức của mình, tìm lại “*Ba thuở*

tìm tâm, tâm chẳng được; Tác lòng kiến vọng, vọng hoàn không” thì đúng. Tìm lại thì không thấy mà ngay lập tức ngộ đạo, chứ không phải bay về phương Nam thành Phật.

Thường xuyên sám hối như thế, khi cận tử nghiệp đến phải nhớ. Phạm bốn trọng tội mà khi ngộ được tâm thức, nhìn lại tìm nó không có, không có thì hết tội. Mà phải là người đại đồng mãnh, đại tinh tấn mới được.

Như câu chuyện Ngài Duy-ma-cật khai thị:

Có hai thầy Tỳ-kheo đi khát thực, một người vào rừng đang nằm ngủ thì bị cô gái đồn củi đi ngang thấy vậy đến hành dâm.

Ngày xưa, coi đến đoạn này tôi không tin. Sau này tôi có người em tu bên Khất sĩ biết, mặc cái y hạ mà giờ lên là thấy hết.

Thầy Tỳ-kheo bị cô gái đến hành dâm rồi giựt mình dậy thấy đồ bất tịnh dính trên người nên kể cho thầy Tỳ-kheo bạn vừa về nghe. Người này nghe xong bèn rượt theo cô gái, cô sợ quá rớt xuống hố chết. Hai thầy đến ngài Ưu-ba-ly trình thì Ưu-ba-ly nói:

– Một ông phạm tội dâm, một ông phạm tội sát, sẽ đọa địa ngục, tôi không dám sám hối.

Ngài Duy-ma-cật quán sát căn cơ hai Tỳ-kheo này tu tập đại thừa đã lâu, đâu đem nước biển cả mà đựng vào dấu chân trâu được, cho nên ngài khai thị:

– Xét cùng tội thì tánh của tội hoàn toàn không thể tìm được, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Mé trước chẳng đi, mé sau không lại, mé giữa không dừng, truy tìm trong ba khoảng thời gian hoàn toàn không thể được.

Ngay tức khắc hai vị Tỳ-kheo ngộ nhập được tri kiến Phật và phát tâm đại thừa dũng mãnh, sau này thành Phật.

Qua câu chuyện này, quý thầy thấy người ngủ như vậy có phạm tội không? Tại cô gái đồn củi đi ngang qua thấy, rồi vào chứ thầy Tỳ-kheo có rủ rê gì đâu. Rồi người rượt theo chỉ muốn hỏi cho ra sự tình chứ đâu có nói là rượt cho chết, không ngờ cô gái sảy chân chết. Theo tinh thần của Nguyên thủy thì chắc chắn một người phạm tội dâm và một người phạm tội sát, nhưng mà tìm tội cái tánh tội thì không có. Đây là phương pháp vô sanh sám hối.

Theo Tứ Phần Luật Yết Ma Sở, sám hối chia làm ba loại:

1- Chúng pháp sám hối:

Thực hành sám hối trước Tăng chúng từ bốn vị trở lên.

2- Đối thú sám hối:

Thực hành sám hối trước một vị Sư trưởng.

3- Tâm niệm sám hối:

Thực hành sám hối trước Bốn Tôn, tức là trước hình tượng Phật.

Theo Kinh Đại Thừa Lục Tình Sám Hối, Phật dạy:

“Sám hối trước hình tượng Phật phải niệm công đức chư Phật không thể nghĩ bàn, thường tư duy thật tướng thì tiêu trừ chướng nghiệp.”

Đến trước tượng Phật Thích-ca Mâu-ni phải niệm công đức chư Phật, người ta xin mắt cho mắt, xin đầu cho đầu, xin cái gì cho cái nấy. Tất cả công đức lành của chư Phật làm, quý thầy phải biết, phải nhớ. Lúc này quán chiếu công đức của chư Phật không thể nghĩ bàn. Rồi tư duy thật tướng của Phật, mà tư duy thật tướng thì thể nhập vô tướng, thể nhập vô tướng thì tiêu trừ chướng nghiệp.

“Quy mạng phổ khắp lục đạo chúng sanh không bờ mé, quy mạng mười phương vô lượng chư Phật. Chư Phật chẳng khác mà cũng chẳng một, một tức tất cả, tất cả tức là một.”

Có nghĩa là như lý tác ý, là quán tưởng một vị Phật, rồi thấy hắng hà sa số chư Phật trước mặt, trong hắng hà sa số mới nhập lại thành một. Đây là quán chiếu về sự.

“Tuy không có chỗ trụ mà thấy đều trụ, tuy không có chỗ làm mà thấy đều làm. Mỗi mỗi tướng hảo, mỗi mỗi lỗ chân lông biến khắp vô biên cõi tận đời vị lai, không chướng, không ngại, không có sai khác, giáo hóa chúng sanh không có dừng nghỉ.”

Quán chiếu từng lỗ chân lông của đức Phật, thấy những lỗ chân lông của Phật biến chiếu ra khắp tam thiên đại thiên thế giới.

“Vì có sao? Vì mười phương thế giới một trần một niệm, sanh tử Niết-bàn không hai không khác. Đại Bi, Bát-nhã chẳng thủ chẳng xả, được thì chẳng cùng pháp tương ưng. Nay đối với chỗ này là thế giới Hoa tạng, Phật Lô-xá-na ngồi trên đài Liên Hoa phóng vô biên ánh sáng, nhóm vô lượng chúng sanh, chuyển bánh xe pháp đại thừa mà không có chỗ chuyển, đại chúng Bồ-tát biến khắp mười phương cảm thọ vui thích chánh pháp đại thừa mà không có chỗ cảm thọ.”

Mình rung động, có một sự cảm thọ trong lúc sám hối mà không chấp vào đó thì đúng tinh thần thủ tướng sám hối.

“Các tội như thế chẳng có thể biết hết. Chư Phật, hiền thánh vì con chứng biết, các tội đã làm thật tâm sám hối, chỗ chưa làm lại không có dám làm. Các tội này thật không có chỗ có, các duyên hòa hợp giả danh làm nghiệp.”

Sau khi quán chiếu thật tướng về sám hối rồi, những tội mình đã làm bây giờ không tiếp tục tạo nữa, mới dứt hết tâm sám hối.

“Thầy nói chưa xong không được nói, nghĩa là thầy nói chưa xong không được cắt ngang để nói ý mình. Bởi ấy thầy không dạy nữa mình mất lợi ích, lại mất sự tôn kính. Cũng không được nói lý tranh hơn thua.”

Nghe qua thấy đơn giản, nhưng trong Kinh Tạp Thí Dụ Phật kể:

Trong Tăng Đoàn có một thầy Tỳ-kheo hay cướp lời các vị trưởng lão. Chẳng hạn trưởng lão Xá-lợi-phất, trưởng lão Mục-kiền-liên đang nói Phật pháp thì vị thầy đó cướp lời. Nhân đó Phật kể câu chuyện:

Ngày xưa ở vương quốc nọ, có một vị tể tướng hay cướp lời vua nên vua rất phiền lòng. Một hôm, vua đi vào rừng, gặp một chú bé bị liệt hai chân nhưng có tài búng sỏi rất chính xác. Vua thấy hay quá nên mời về cung. Vua sắp xếp một buổi họp quan trọng, bảo chú lấy phân dơi và dận:

– Khi nào Trẫm đang nói chuyện mà quan tể tướng chen vào, thì cho phép nhà người búng một cục phân dơi vào miệng vị tể tướng.

Quả tình, khi vua đang nói thì quan tể tướng cướp lời. Vừa mở miệng, chưa kịp nói thì bị chú bé núp sau cái màn, bí mật búng một cục phân dơi vào miệng. Vị tể tướng rất đỗi ngạc nhiên, sau buổi họp đến thưa với vua:

– Hôm nay không hiểu tại sao mỗi lần thần mở miệng định nói thì có một vật gì rất nhỏ bay vào họng.

Vua cười nói:

– Vì khanh hay nói hớt lời, nên ta mới bí mật làm như thế, như thế...

Người hay nói hớt lời người khác thì không được lợi ích như những người lắng thần nghe, giống như vị quan tể tướng, chẳng những không được lợi ích mà còn đau khổ. Có người nói chuyện mà mình lắng thần nghe, dù người ta nói hay, nói dở gì, tự mình cũng có một cái pháp an lạc riêng của mình.

Bữa nọ tôi dắt thầy Công Phúc đi mổ mắt, vào bệnh viện gặp một vị cư sĩ. Vị này nói về Phật giáo, về thiền rất hay, cũng có nghiên cứu sách của Hòa thượng. Như ngày xưa, họ vừa nói là tôi muốn nói theo, còn bây giờ tôi lắng thần chiêm nghiệm. Cho dù mình biết chắc rằng người đó công phu chưa có gì, nhưng họ nói về Phật pháp, về chánh pháp, về chỗ thấy của họ thì mình đừng chen vào, đừng nói gì hết, chỉ lắng thần nghe thì cũng được lợi ích trong cuộc sống tu hành. Còn hay tranh cãi là không lượm lặt được những pháp hành của người cư sĩ, không biết họ hành như thế nào để rút tĩa kinh nghiệm và truyền đạt cho người khác.

Nếu có người bạn đồng tu đến chia sẻ giáo pháp với mình, quý thầy cứ chịu khó lắng nghe. Gặp người có chiều sâu tâm thức, hoặc hay hơn, hoặc không hay hơn thì mình cũng chịu khó thực tập và sửa chữa. Còn người ta vừa nói, mình đã muốn cướp lời, về nhà họ phiền não, rồi mình cũng biết sai nên luôn bị trạo cử hồi hận. Cho nên lắng thần nghe thì mình được lợi lạc, hưởng chi là nghe thầy Tổ của mình.

Tinh thần của Bồ-tát Quán Thế Âm là tinh thần lắng nghe. Có người nào đó đến tâm sự, mình phải tập như Bồ-tát Quán Thế Âm, lắng nghe nỗi niềm đau khổ của chúng sanh. Quý thầy một khi làm trụ trì phải tập phương pháp này. Hoặc làm nhà khách mà không lắng nghe, không chia sẻ nỗi khổ của người khác thì không thể nào làm tròn được. Qua thời gian nhập thất, rồi làm Phật sự, làm nhà khách tiếp xúc rất nhiều người, bây giờ tôi có chỗ thấy khác hơn ngày xưa. Chịu chịu khó lắng thần nghe, và nghe trong chiều sâu thẳm của tâm thức, có cái chiếu diệu vào thì tu rất nhẹ nhàng, an ổn.

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Nam Lợi lúc còn là Sa-di, đến cầu thiền sư Mạc Lô chỉ về công án Tiếng Vỗ Một Bàn Tay. Đây là công án của thiền sư Bạch Ẩn, một vị thiền sư rất nổi tiếng. Bởi vì ngài thấy chư Tăng ngày nay học hỏi rất nhiều, chính cái học hỏi đó là kiến thức, là ý thức sanh diệt. Ý thức sanh diệt thì chia chẻ, phân biệt, là khái niệm, trừu tượng mà không đạt đến chỗ tâm thức của ngộ. Thiền đòi hỏi phải ngộ, phải thấu suốt chiều sâu tâm tức, hoặc thân, hoặc tâm hoặc pháp giới. Mà bây giờ học nhiều quá, đó là chướng ngại cho đường công phu. Cho nên ngài đưa ra công án Tiếng Vỗ Một Bàn Tay. Một bàn tay làm sao vỗ?

Vị Sa-di này tức là ngài Nam Lợi đến thỉnh thiền sư Mạc Lô:

– Bạch Hòa thượng! Cho con một công án.

Thiền sư Mạc Lô nói:

– Ông hãy về lắng thần nghe tiếng vỗ của một bàn tay.

Chú Sa-di mới mười ba, mười bốn tuổi nhưng có căn khí rất cao, lúc đang ngồi thiền chú phát hiện ra điều gì, vui mừng đến gặp thiền sư:

– Bạch Hòa thượng! Con đã nghe được tiếng vỗ của một bàn tay.

– Ông nghe cái gì?

– Bạch Hòa thượng! Con nghe tiếng nhạc khí diễn tấu.

– Không phải.

Chú Sa-di về công phu tiếp, ba tháng sau lại đến gặp thiền sư:

– Bạch Hòa thượng! Con biết rồi, con hiểu rồi.

– Ông hiểu như thế nào?

– Bạch Hòa thượng! Con nghe tiếng nước suối chảy.

Thiền sư cũng nói không phải. Sau đó chú Sa-di tiếp tục đến trình: nghe tiếng gió, tiếng dế, tiếng mèo gào..., nghe tiếng gì chú cũng đều cho là tiếng vỗ một bàn tay, gần ba năm liên tục như thế. Tất cả các tiếng thiền sư đều lắc đầu. Đến năm mười tám tuổi, chú Sa-di quyết định rời tất cả, rời Thầy Tổ, huynh đệ vào ẩn sâu trong núi tu. Một hôm chú siêu việt tất cả âm thanh và chợt nhiên đại ngộ. Ngài nói: *“Té ra âm thanh của thế gian đều là vô thường, chỉ có âm thanh mà không có tiếng mới thật là tiếng vỗ của một bàn tay.”*

Đến trình thì thiền sư gạt đầu:

– Đúng! Đó là tiếng vỗ của một bàn tay.

Té ra âm thanh của thế gian đều là vô thường. Lời của thầy, của huynh đệ mình nói ra, hoặc khen, hoặc chê, quý thầy nghiệm xem có đúng là vô thường không? Nhưng mà vừa khen hay chê là ý thức nắm bắt liền. Cái ý thức nắm bắt đó nó có tướng, chính cái

tướng đó làm chúng sanh chìm đắm trong ba cõi tham, sân và si. Đó là cảnh của Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Ở đây, ngài nghe được trong cái âm thanh đó, hoặc tiếng khen hoặc tiếng chê, tiếng suối chảy hoặc tiếng gió, tiếng dế, tiếng trùng... đều là vô thường. Chỉ có âm thanh không có tiếng mới thật là tiếng vỗ của một bàn tay. Một vị thiền sư người Nhật nói: *“Trong các thứ âm thanh, chỉ có âm thanh im lặng là vi diệu nhất.”*

Có lúc nào đó, quý thầy ngồi lắng thần chiêm nghiệm, cái nghe, cái bị nghe đồng thời có mặt trong giờ phút thực tại, là lúc mình cảm nghiệm: *“A! Trong thế giới này có một cái vi diệu vượt bậc”* thì đúng tinh thần thiền. Mình tu, mình tin chắc rằng có lúc nào đó chợt nhận ra được. Chư Phật chư Tổ chỉ cho mình biết là của nơi mình chứ không đâu khác hết, cho nên gọi là chợt nhận ra. Chợt nhận ra thì khác ngộ ra. Ngộ ra là cái gì bên ngoài, còn chợt nhận ra được, là nó có sẵn.

Không có vọng tưởng, không phân biệt gì hết thì cảnh giới rất an ổn. Chính cái yên lặng là vô niệm, mà vô niệm luôn luôn có sẵn. Đa niệm thì bên ngoài, là phóng tâm. Thiền nguyên thủy quán sát rất tường tận, khi đóng cửa biết đang đóng mạnh hay nhẹ, tâm thức duyên vào, quán chiếu, biết đang thực tập. Cửa mà đóng cái rầm thì trong giờ phút thực tại đó đang phóng niệm. Phóng niệm liên tục thì không bao giờ ngộ được chỗ tiếng vỗ của một bàn tay. Cho nên, công phu oai nghi thấy đơn giản, nhưng toàn bộ đều nằm trong cảnh giới thực tập quán niệm về thân, quán niệm về tâm.

“Chẳng được ngồi chơi chỗ thầy, cùng mặc áo mao của thầy.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Đệ tử thọ học phải tôn kính chỗ của thầy, hoặc dùng cái tâm đùa giỡn mà ngồi thì tội lỗi chẳng ít. Kính chỗ ngồi của thầy tức là kính thầy vậy. Phàm thân cận với sư trưởng phải ôm lòng tôn kính.”

Đây là chỗ thị giả cần phải học. Kính thầy, phải kính cả chỗ ngồi của thầy. Ghế của những vị tôn túc ngồi quý thầy dám ngồi lên không? Ghế hoặc võng của Hòa thượng, của thầy Trụ trì mình ngồi lên thì mất sự tôn kính. Hòa thượng đâu có quở mình, nhưng vì các ngài luôn luôn có những vị hộ pháp theo, trong những đó có ông thiện và ông ác. Ông thiện thì bỏ qua nhưng ông ác thì không chịu.

Chính chúng tôi chứng kiến, và để ý theo dõi, ngày xưa ở Thường Chiếu có một thầy đồ như thế này:

– Đố ai dám ngồi ghế Hòa thượng?

Một thầy khác nói:

- – Ngồi thì ngồi chứ sợ gì!

Nói rồi vị thầy này leo lên ngồi. Thấy rất đơn giản, nhưng trong giờ phút thực tại đó có cái gì chen vào? Có cái ngã! Nếu vô tình ngồi lên ghế thầy Trụ trì thì đâu có gì, nhưng nghe thách đố mà ngồi là có cái ngã mạn nằm trong đó. Chính cái ngã mạn nó chiêu cảm quả báo xấu. Một thời gian sau vị này tu không được phải ra đời. Ra đời rồi khổ

nên lại đến một ngôi chùa ở thành phố xin làm công quả để sau này xuất gia. Sân thượng của ngôi chùa này nhìn qua cái sân banh. Một hôm trong lúc xem đá banh trên sân thượng, vị cư sĩ này vỗ tay la lên rồi rút từ sân thượng xuống đất chết! Ba năm sau mới chiêu cảm quả khổ này, còn lúc mới làm thì không ai thấy hết.

Cho nên kính thầy là phải kính cả chỗ ngồi của thầy.

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Phật Quang khi thuyết pháp khai thị đồ chúng thường ngồi trên bảo tòa. Bảo tòa tượng trưng cho pháp, tiêu biểu cho ngộ, do đó bảo tòa còn gọi là pháp tòa. Một hôm Thiền sư đi vắng, pháp tòa trống trải không ai ngồi. Vị thị giả vào thấy thầy tri khách, thầy tri sự, thầy duy-na, thầy hương đăng, rồi thầy y bát, thầy điện chủ đến ngồi trên pháp tòa nói cười, đùa giỡn. Vị thị giả không vui nói:

– Tại sao các ngài vào đây ngồi?

Các vị này trả lời:

– Thiền sư vắng nhà thì ngồi chứ có gì đâu!

Thị giả nói:

– Thiền sư không có ở nhà, vậy thì các thầy thay mặt thiền sư làm Trụ trì, trước hết mời các thầy khai thị tiếp tâm cho tôi.

Lúc này các thầy không đáp được.

Qua câu chuyện này mình thấy: pháp tòa của một vị Hòa thượng đương đầu, của một vị Trụ trì, cho dù sau này đủ duyên tiếp tâm độ chúng, cũng không được lên pháp tòa ngồi cái ghế của các ngài, huống nữa là ngồi trên đó nói chuyện.

Áo mao của thầy cũng không được mặc, ly nước của Hòa thượng đương đầu cũng không được cầm uống. Cái bát, cái quạt, cái nón, cái khăn, bất cứ vật dụng nào của các ngài cũng đều tiêu biểu cho pháp, tiêu biểu cho ngộ, để mà thờ kính chứ không được dùng. Khi các vị thị giả đem cho đồ dùng của các vị Thầy lớn, chẳng hạn đôi giày hoặc cái y, cái áo của Hòa thượng... người nhận chỉ đem về thờ thôi chứ không dám mang, không dám mặc. Như vậy mới đúng là kính dường bậc sư trưởng. Mình không biết mình mặc, mình mang... đều bị tổn phước. Cho nên tinh thần Hai Mươi Bốn Oai Nghi, quý thầy làm thị giả cho những bậc tôn túc cần phải học kỹ.

“Thầy dạy đem thư tín chẳng được riêng mình mở coi, cũng chẳng được cho người khác coi. Đến khi có hỏi đáng trả lời thì cứ thật tình mà trả lời, không đáng trả lời thì khéo lời mà lui. Người cầm không được ở lại, phải một lòng nhớ Thầy mà trông về.”

Bây giờ thư bỏ bưu điện nên không có chuyện này. Nhưng ngày xưa toàn đi bộ, có khi phải đi cả năm. Thầy dạy đi đưa thư thì không được mở ra xem, điều này oai nghi không cho phép. Hoặc trên đường đi có người chặn lại hỏi, mình nói đem thư của thầy, người ta tò mò đòi xem, mà mở ra cho xem là không đúng. Các ngài đưa thư, có

trường hợp là nhờ đạo hữu khai thị cho đệ tử, hoặc xem người đệ tử đó đã ngộ nhập được chưa. Các ngài biết, nhưng muốn để người bạn mình khám phá nữa.

Trong Thiền Sư Trung Hoa Tập Một có ghi câu chuyện:

Khi Thiền sư Thanh Nguyên sai thiền sư Hy Thiên đem thơ sang thiền sư Hoài Nhượng, ngài dặn:

– Người giao thơ xong về thật nhanh, ta có một chiếc búa nhỏ để cho người ở núi.

Hy Thiên đến Thiền sư Hoài Nhượng, chưa trình thơ đã nói như thế này:

– Khi chẳng mộ chư Thánh, chẳng trọng tánh linh mình thì thế nào?

Thiền sư Hoài Nhượng đáp:

– Người hỏi tột cao xanh, sao không hỏi trở xuống?

Thiền sư Hy Thiên trả lời:

– Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân chứ chẳng mộ chư Thánh giải thoát.

Thiền sư Hoài Nhượng gật đầu, nói người này đã ngộ, được quyền ở núi.

Thiền sư Thanh Nguyên sai đem thơ là để Thiền sư Hoài Nhượng kiểm nghiệm đệ tử của mình. Qua câu chuyện đối đáp này, mình thấy đâu có gì mà sao nói ngộ? Thiền sư Hy Thiên nói: *“Khi chẳng mộ chư Thánh, chẳng trọng tánh linh mình thì thế nào?”* Nếu mình chưa phải là chủ, mà chỉ là khách tăng hay thiền khách, chưa ngộ thì mình sẽ trả lời như thế này như thế nọ. Nhưng Thiền sư Hoài Nhượng đã gài bẫy Thiền sư Hy Thiên: *“Người hỏi tột cao xanh, sao không hỏi trở xuống?”* Hỏi tột cao xanh là *cao*, sao không hỏi trở xuống là *thấp*. Nghĩa là giữa cái cao, cái thấp mình phải siêu việt, phải tột đến cảnh giới này. Thiền sư Hy Thiên trả lời: *“Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân chứ chẳng mộ chư Thánh giải thoát”* thì vượt thoát, mà vượt qua cảnh giới đó thì Thiền sư Hoài Nhượng gật đầu.

Thiền sư Hy Thiên về đến chùa, Thiền sư Thanh Nguyên hỏi:

– Người đi không lâu, đem thơ đến chẳng?

Thiền sư Hy Thiên đáp:

– Kinh cũng chẳng thông, mà thơ cũng chẳng có đến.

Ngài đưa thơ rồi mà nói như vậy, ở đây là cảnh giới gì? Là cảnh giới của Kim Cang Bát-nhã: *“Vô sở tùng lai diệt vô sở khứ cố danh Như Lai.”* Có nghĩa là chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, đó là người đem thơ chân chánh. Người được Thầy sai đưa thơ không phải tầm thường, mà thầy muốn người bạn gạn lại đệ tử của mình xem cái cảnh giới đó đệ tử đến như thế nào, tột như thế nào.

Hy Thiên thuật lại việc gặp Thiền sư Hoài Nhượng cho Thiền sư Thanh Nguyên nghe, và thưa:

– Khi đi nhờ Hòa thượng hứa cho chiếc búa, tiện đây xin nhận lấy.

Sư liền đuổi một chân, Hy Thiên lễ bái và từ đó từ giã về núi tu.

Thấy đuổi một chân mình ngạc nhiên: “*Con xin Thầy chiếc búa mà Thầy đuổi chân chi vậy?*” thì trật rồi. Nhưng ở đây vừa đuổi một chân lễ bái liền.

Qua câu chuyện này, nhớ chuyện lúc Thế Tôn nhập Niết-bàn rồi, tôn giả Ma-ha Đại-ca-diếp vừa đến lễ lạy thì Thế Tôn đuổi chân ra, đầu khác gì đưa cành hoa sen lên. Tức là cái thấy chiếu diệu vào trong cảnh giới Bát-nhã. Trong cảnh giới này cũng chính là tiếng vỗ của một bàn tay.

Vừa đuổi chân ra lễ bái liền, đó là công nhận ông ngộ rồi, có quyền ở núi. Bây giờ quý thầy mới tu chừng một, hai năm gì đó tự nhiên cất cốc ở núi rất là nguy hiểm. Ngày xưa ngộ nhập vào chỗ tri kiến Bát-nhã rồi, các ngài thấy tốt được rồi mới dám cho ở núi. Còn chưa ngộ mà ở núi thì sanh tâm sân hận và chìm đắm trong dục lạc.

Kinh Thập Giới nói:

“Phải đi ngay về thẳng, phải nhớ lời thầy dạy, và cũng phải nhớ lời người nói để về thưa lại với thầy.”

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Tông Nguyên được Thầy là Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo sai đi đưa thơ cho vị quan thượng thư. Ngài buồn không muốn đi và than:

– Tham học hai mươi năm chưa ngộ, bây giờ còn phải đi xa nữa.

Thiền sư Đạo Khiêm nói:

– Ông cứ đi đi, tôi sẽ đi theo ông. Trên đường đi nếu cần làm việc gì tôi sẽ làm thay, nhưng ngoại trừ năm điều tôi không làm thay được: thứ nhất là mặc áo, thứ hai là ăn cơm, thứ ba là đại tiện, thứ tư là tiểu tiện, thứ năm là bước đi. Ngay trong giờ phút đó thiền sư Tông Nguyên đại ngộ, ngài vui vẻ bình thản ra đi. Ngài đi đưa thơ năm tháng trở về, từ xa Thiền sư Tông Cảo Đại Huệ nhìn khuôn mặt người đệ tử biết là đã đại ngộ, đã trút được gánh nặng rồi.

Thiền sư Đạo Khiêm khai thị: *Tôi làm gì cũng được nhưng mặc áo anh phải tự mặc. Mặc áo biết đang mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, bước đi đều theo dõi tiến trình tâm niệm của tâm thì tu rất có kết quả.*

Ngày xưa, bên Trung Quốc, chiều lại người đệ tử vào thất Hòa thượng trình kiến giải một ngày tu tập. Thầy hoặc đánh, hoặc hét, khai thị thì mới ngộ được. Bây giờ, vào thất dù chỉ hai mươi một ngày cũng phải trình để cho thầy chỉ, mà trình công phu tức là có tu. Dầu cho công phu dở cách mấy cũng phải trình. Ngày xưa chúng tôi nhập thất ba tháng, mà nửa tháng phải ra trình Hòa thượng rồi: “*Công phu con đến giai đoạn này tự nhiên bế tắc, xin Hòa thượng chỉ giùm.*” Hòa thượng chỉ, rồi tu rất là tiến.

Năm 1998, lúc đó vào thất như phong trào vậy, người nào cũng hồ hởi. Vào thất là công phu hết cỡ chứ không phải vào mà ăn rồi ngủ. Ai vô thất rồi ra đều thấy mình được tu giống như mười năm, hai mươi năm, con người tự nhiên chuyển đổi. Tuy ở ngoài lảng xảng, lộn xộn, nhưng vào thất chuyển hóa được rất nhiều. Những niệm tham dục, sân hận, ích kỷ, tật đố... ở ngoài bận rộn không thấy nhưng vào thất ngồi yên lặng nên thấy rất rõ. Lúc đó mới đứng vững và chuyển hóa nội tâm của mình.

Có một thầy nhập thất ba tháng xong ra nói: *“Mình ngày xưa ở ngoài do không biết nên làm việc nhiều quá rồi đụng rất nhiều người. Bây giờ ra đây mình thấy ngày xưa mình sai rất nhiều.”* Bao nhiêu đó thôi là đã ngộ rồi. Ngộ ra được tình người, hoặc nói, ngộ ra được pháp giới tánh, nó phải là trong trạng thái như thị. Đó là ngộ rồi, đâu cần nhiều.

“Thầy nói chuyện với khách, ta đứng chỗ thường là hoặc bên thầy hoặc sau thầy, phải cho tai mắt tiếp nhau hầu thầy khi cần dùng.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Bình thường hầu thầy phải hết lòng cung kính để trọn hiếu đạo.”

Bộ Thành Phạm ghi:

“Phàm thấy khách đến phải sanh tâm cung kính, đừng sanh tâm biếng lười và khinh dễ. Phải lau ván, nấu trà và các việc.”

Các vị thị giả phải nhớ chỗ này.

Thiền sư Từ Thọ Thanh có ghi:

*Dưới hiên gặp Tăng cần hỏi thăm,
Trước cửa gặp khách mời gọi nhau,
Xuất gia hình thái nên khiêm nhượng,
Chớ học người ngu lễ số không.*

Quý thầy làm nhà khách, tri khách hoặc làm thị giả, nếu gặp một vị tăng hay vị khách nào đó đến Thiền viện, mình phải xá xuống hỏi: *“Thầy ở đâu đến? Đến đây cần chuyện gì? Thầy ăn cơm chưa?”* Tiếp đón niềm nở thì mình tăng trưởng công đức. Có một hôm khoảng mười hai giờ rưỡi trưa, tôi gặp bốn vị thầy ở Sài Gòn lên, tôi xá xuống hỏi quý thầy ở đâu đến, dùng cơm chưa. Quý thầy nói chưa, tôi lật đật dọn bốn phần cơm mời quý thầy. Hỏi ra mới biết quý thầy là những vị có năng lực lớn trong tăng đoàn hiện nay.

Mình tiếp duyên, mình ân cần thăm hỏi tự nhiên họ có cảm tình. Còn mình không tiếp đón niềm nở, thứ nhất mình tổn đức, thứ hai họ chê trách Thiền viện, cho là Hòa thượng hay Thầy Trụ Trì dạy thế nào mà quý thầy không có oai nghi phép tắc, lễ nghĩa gì hết.

Xuất gia hình thái nên khiêm nhượng. Không phải mình xá, mình hỏi thăm, mời cơm rồi người ta cúng dường. Đừng nghĩ như thế. Đem tâm khiêm nhường, tâm học hỏi, tâm vì lợi ích chung ra tiếp người thì trước hết mình có phước đức. Không phải một bữa cơm mà họ cúng dường, họ thấy tâm mình ân cần, niềm nở, khiêm nhường nên tự nhiên họ

có tâm với mình. Họ đến xin cúng dường tôi, tôi nói quý thầy lên cái chuông ở Tam bảo, cúng dường bao nhiêu tùy hỉ.

Chớ học người ngu lễ số không. Lễ Phật lễ Tổ thành kính lắm mà không chịu thực tập thì cũng như số không thôi, không được gì hết. Tu mới là quan trọng, rất quan trọng!

“Thầy có tật bệnh, mọi việc hết lòng nuôi dưỡng: phòng nhà, mền nệm, thuốc thang, các việc điều trị.”

Thầy có bệnh phải hết lòng săn sóc. Như lúc Hòa thượng bệnh, không chỉ Thiền viện Trúc Lâm mà tất cả các Thiền viện: Thường Chiếu, Viên Chiếu, Linh Chiếu, Phổ Chiếu... đều lo hết. Vì sao?

“Thầy chính là cha mẹ của pháp thân.”

Cha mẹ mình sanh ra thân này nhưng thầy Tổ sanh ra pháp thân.

“Con trẻ ở thế gian chẳng có thể một ngày mà không có cha mẹ.”

Thầy bệnh mình cũng rất lo, mình tưởng mình thương Thầy chứ thật ra mình thương chính mình. Mới xuất gia mà thầy ra đi thì ai nuôi mình? Chắc gì sư huynh nuôi mình bằng thầy. Người xưa nói mình chỉ ở được với thầy thôi, chứ đến tá túc với sư huynh, sư đệ không chắc được đâu, ở cho vui một hai năm rồi cũng ra đi. Còn với thầy ở cả đời cũng được. Bị bất cứ lỗi nhỏ nào, thầy cũng bỏ qua. Chẳng hạn mình ăn cắp, thầy kêu lên rầy rồi thôi, vì thầy có lòng thương, bây giờ đuổi nó biết đi đâu. Nhưng mà sư huynh thì không bỏ qua đâu. Mình ở với Hòa thượng, với thầy Trụ Trì được, nhưng nếu sư huynh hay sư đệ lên làm trụ trì thì có chắc mình ở được hay không. Chừng đó khó lắm, tôi kinh nghiệm bản thân rồi.

Ngày xưa trong chúng có một số người lớn tuổi, chùi cầu tiêu không được, quét sân không được, mà cũng không chịu học, không chịu tu. Tôi nói thầy ráng tu, ráng học đi, tuy không làm gì được nhưng kiến thức có, tu tập có, ngời thiền hai tiếng được, rồi thầy sẽ đôn lên. Lớn tuổi đời, năm mươi tuổi đạo rồi mà hỏi đạo pháp không biết, ngời thiền hai tiếng cũng ngời không nổi. Nhìn xuống đàn em mình ngời thiền hai tiếng khỏe re, hỏi Phật pháp, kiến giải gì nó cũng biết hết nên buồn tủi ra đi.

Cho nên *Thầy chính là cha mẹ của pháp thân. Con trẻ ở thế gian chẳng có thể một ngày mà không có cha mẹ.* Mình rất cần Thầy. Tôi làm nhà khách, người ta đến cúng dường lúc nào cũng cúng dường Hòa thượng hoặc thầy Trụ trì để nuôi chúng, chứ không bao giờ cúng dường cá nhân. Cho nên phải nhờ Thầy, mình mong Thầy sống lâu để mình nương cho tới trưởng thành.

“Mà con trẻ xuất thế chẳng có thể một ngày không có Pháp sư trưởng.”

Luôn luôn phải nhờ thầy nhắc nhở. Tôn kính thầy nên thầy nói mình mới nghe, còn sư huynh sư đệ nhắc nhở thì không nghe đâu.

“Nên kính thuận Pháp Sư trưởng như vị cha mẹ, nếu có bệnh tật phải dụng tâm điều trị. Hoặc trong lúc Thầy bệnh có trách mắng cũng phải vui vẻ mà nhận chịu. Thủy chung phụng sự chớ sanh chán bỏ. Phải niệm thân là gốc khổ, có thân thì phải khó thoát khỏi cái bệnh tật này. Phải quán niệm như thế thì mới hầu Thầy chu đáo.”

Ngài Liên Trì kể:

Pháp sư Trúc Pháp Quang ở núi Thế Thanh, nhà Tấn, người Hạ Bì, xuất gia với Pháp sư Đàm Ấn, có lần Thầy ngài mắc trọng bệnh thập tử nhất sinh, ngài thành tâm lễ bái liên tục bảy ngày đêm, sám hối ngời thiên hồi hướng công đức cho Thầy. Đến đêm thứ bảy Hòa thượng Đàm Ấn thấy tia sáng năm màu từ hư không phóng qua cửa phòng sáng rực, Hòa thượng cảm thấy nhẹ nhàng, an ổn, từ đó về sau hết bệnh. Tâm thành cảm đến mức độ như vậy.

Hôm hay tin Hòa thượng bệnh, tất cả các Chiếu đều ngời thiên. Ngời thiên hồi hướng có năng lực chứ không phải là không có. Trong lúc ngời thiên có năng lực, tự nhiên người thân của mình cũng cảm thấy được an ổn, nhẹ nhàng.

Trong “Gương Sáng Người Xuất Gia”, Đại sư Liên Trì kể:

Thiền sư Thiện Ngộ trụ trì chùa Vân Cư nhà Tống, mỗi khi nghe có người mắc trọng bệnh bị đưa đến Diên Thọ Đường là ngài lo lắng mãi giống như chính mình mắc bệnh. Sớm tối đến thăm hỏi, tự thân lo liệu ăn uống, sắc nấu thuốc thang. Khi nấu thuốc ngài luôn nếm trước, không có độc tính hoặc tác dụng phụ mới an tâm đưa cho người khác uống. Trời hơi lạnh ngài liền hỏi một cách âu yếm: Áo mặc có ít quá không? Trời nóng, quan sát sắc mặt hỏi: Có nóng quá không? Khi bệnh nhân chết, bất luận họ giàu hay nghèo, Tăng thường trụ hay Tăng thập phương đều lo liệu hậu sự cho thật là chu đáo.

Ở Thường Chiếu có thầy Tĩnh Căn, là sư huynh của tôi, mỗi lần sắc thuốc cho Thầy tôi xong là sư huynh uống trước một chút, ngồi một tiếng đồng hồ, thấy không có phản ứng gì mới đưa Thầy tôi uống. Sau đó rửa, cất kỹ để mai nấu tiếp. Mai nấu xong cũng uống thử, chờ một tiếng. Ngày nào cũng vậy, bất cứ thuốc gì cũng đều uống thử trước như thế. Sư huynh tôi không bao giờ đội nón, không mang dép, ngủ không mắc mùng, bỏ thí cho muối mà không bị bệnh gì hết; cảm, sổ mũi, nhức đầu cũng không có. Tôi rất phục. Hầu Thầy phải đúng như vậy sẽ cảm ứng.

Trong Truy Môn Cảnh Huấn nói:

“Trong các thứ khổ, chỉ có bệnh khổ là nặng hơn hết; và trong các thứ việc tác phúc, chỉ có việc chăm sóc bệnh nhân là quý hơn hết. Thế nên cố nhơn cho người có bệnh là thiện tri thức, và khuyên người lấy việc nuôi bệnh nhân là phúc điền.”

Huống chi người bệnh là thầy của mình. Thầy bệnh khó ăn, nếu ai nấu nướng riêng cho thầy thì phải tùy hỉ chứ đừng sanh tâm tật đố sao thầy không ăn chung với mình, như vậy mình tổn phước. Phải lo liệu, chăm sóc cho thầy khỏe thì mới đúng.

Trong Thiền Sư Nguyệt Đường có ghi:

Thiền sư Hoàng Long Huệ Nam lúc ở Tích Thúy bị bệnh rất nặng, ba tháng không bước ra đến cửa. Thiền sư Chân Tịnh Khắc Văn là người coi sóc viện, lo quá nên làm đủ mọi cách: ban đêm tha thiết cầu đảo, đốt đèn trên đỉnh đầu, đốt tay, ngửa mặt cầu cứu âm tượng, trì chú, tụng kinh... để cầu cho ân sư mình bớt bệnh.

Sau khi Hoàng Long Huệ Nam bớt bệnh, nghe như vậy ngài trách:

- *Sanh tử của ta hẳn nhiên là có phần, ông tham thiền mà chẳng được cái lý đó ư?*
- Thiền sư Chân Tịnh Khắc Văn đối trước mặt Hòa thượng nói:*
- *Tùng lâm có thể không có Khắc Văn, chẳng có thể không có Hòa thượng.*

Tùng lâm này mà thiếu Hòa thượng, thiếu Thầy trụ trì mình thấy sao?

Người xưa bảo hộ chánh pháp. Chẳng hạn, trong Thiếu Lâm Tự, các vị hộ pháp sẵn sàng chết để Hòa thượng sống. Hồi vào đạo tôi cũng có tư tưởng hộ pháp như thế. Mỗi lần Hòa thượng Tôn sư đi giảng xa, thầy Trụ trì Thường Chiếu kêu chúng tôi đi theo, ở gần pháp tòa Hòa thượng giảng. Tôi có tâm niệm nếu lỡ có chuyện gì mình phải sẵn sàng ra chết thế để Hòa thượng sống. Hòa thượng sống để làm lợi ích chúng sanh, chứ cái mạng của mình có lợi ích gì! Đi hộ pháp, hộ vệ cho những vị Hòa thượng lớn là mình phải có tư tưởng đó. Quý thầy đừng sợ, việc làm này đúng, bảo đảm chết tức khắc sanh về cảnh giới lành vì đây là người chơn chánh hộ pháp.

Lúc Thầy tôi mỗ thận, tôi đang nhập thất. Ở trong thất mà hay tin Thầy bệnh, phải thành tâm sám hối để hồi hướng công đức lành này cho Thầy. Ở đây quý thầy Trụ trì nào bệnh tôi cũng thường mua chim, cá về phóng sanh. Tuy đây là pháp thế gian nhưng nó trợ duyên cho người bệnh. Tôi cũng phóng sanh, hồi hướng phước lành đến Hòa thượng. Âm thầm làm thôi chứ không phổ biến.

Quý thầy ra làm Phật sự, phải sẵn sàng hy sinh bảo vệ tùng lâm để cho người khác tu. Chẳng hạn, chiều ai cũng ngồi thiền mà cắt quý thầy ra làm bảo vệ trật tự, cứ hy sinh bảo vệ trật tự đi, đó là lập hạnh đại nguyện Bồ-tát đi vào cuộc đời này. Khi đủ duyên vào thất, quý thầy tu hành có kết quả hơn một người trốn chui trốn nhủi không chịu làm gì hết. Người hy sinh cho đại chúng tu tập sẽ có năng lực lớn hơn, họ đi vào chiều sâu tâm thức nhanh hơn. Còn trốn không chịu làm gì hết, khi vào thất sẽ bị chướng ngại rất nhiều. Ở đây tôi nói những người lớn chứ không phải mới xuất gia. Mới xuất gia không làm Phật sự, phải ráng tu thôi.

Quý thầy lớn mà được cắt làm Phật sự, cứ hy sinh đi, tự nhiên có kết quả. Chẳng hạn một thầy được giao làm tri khố ba tháng hoặc sáu tháng, nghĩ làm nhiều vậy chắc tu không được. Nhưng do năng lực lúc làm việc tạo tác phước điền, nên khi vào thất tu có kết quả nhanh hơn, theo bản thân chúng tôi kinh nghiệm.

Nghe câu chuyện này, các bậc thức giả trong thiền môn chẳng những không chê trách mà nói rằng: “Thiền môn nói Chân Tịnh kính thầy, trọng pháp thành tâm chí thành như thế, ắt sau này phải thành bậc đại pháp khí.”

Quả thật sau khi ngài Hoàng Long tịch, ngài Chân Tịnh lên làm trụ trì, tùng lâm rất hưng thịnh, độ một ngàn mấy trăm chúng. Dưới trướng ngài năm mươi mấy người ngộ đạo. Ngài thành bậc đại pháp khí trong tùng lâm bởi vì ngài có tâm hạnh lớn, tâm hạnh Đại thừa Bồ-tát đạo đi vào cuộc đời.

Trong những bộ Đại Tạng, Phật kể những câu chuyện nhỏ, thấy rất đơn giản nhưng đều tạo công đức phước điền trong tùng lâm, tạo năng lực hạt giống cho mình sau này.

Chẳng hạn, buổi chiều cho chó, cho cá ăn, thấy rất đơn giản nhưng sau này nó lên làm đệ tử, nói gì nó cũng nghe. Còn mình không kết duyên nhiều khi nó cãi lại.

Bộ Thành Phạm nói:

“Sắp đặt nhà kín, kỵ gió, kỵ ẩm thấp. Giường nệm cho dày và êm. Coi nhan sắc thầy. Lúc ra lúc vào phải điều đồ đúng phép. Nêm canh, nấu cơm, sắc thuốc. Thầy có hơi bớt thì sanh tâm vui mừng. Thường đem tâm hiếu thảo và sắc mặt cho vui kính thờ thầy. Khách đến thăm viếng, khéo thể lời Thầy mà nói chứng bệnh, và bớt hay không cho khách biết khỏi phải bận rộn thầy. Cần nên nghiêm tịnh và yên lặng. Bằng thầy mệt, bệnh quá nặng, định tâm nghĩ đến Phật và tìm phương cứu chữa, chó nên khóc lóc. Rủi thầy viên tịch chó nên trái lời thầy dạy, trời trước khi. Phải mỗi mỗi y lời dạy mà vâng làm.”

Chẳng hạn như Lục Tổ nói:

– Các ông ở lại mà vui. Sau khi tôi diệt độ chó làm theo thế gian mà khóc lóc như mưa. Nhận lễ vật cúng dường, điều tang, thân mặc hiếu phục, chẳng phải là đệ tử của tôi, cũng không phải là chánh pháp.

Trước khi viên tịch ngài đã dặn, nhưng trong chúng ai cũng khóc, các ngài Pháp Hải, Pháp Đạt, Thạch Sư đều khóc. Chỉ có ngài Thần Hội không khóc. Lúc này Lục Tổ nói:

– Các ông ở trong núi hai, ba mươi năm mà thua tiểu sư đệ. Tiểu sư đệ thần tình bất động không than khóc gì hết.

Sư sai cạo tóc xong, đắp y bảo đánh chuông gõ từ chúng rồi ngồi yên mà tịch. Đại chúng khóc lóc mãi không dứt, Sư chợt mở mắt bảo:

– Người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật là tu hành chân chính, sống nhọc tức chết, thương xót có lợi ích gì. Mà mấy ông khóc là khóc cho ai? Nếu tôi không biết đường thì tôi không báo trước. Tôi biết trước tôi báo rõ ràng có nghĩa là tôi biết nhà cửa tôi ở đâu rồi tôi mới báo. Mấy ông khóc phải là khóc cho mấy ông hay không?

Nếu Thầy nói bây giờ Thầy không biết đi đâu, đường trước mờ mờ mịt mịt, thì mình khóc rõ ràng là thương Thầy. Còn Thầy báo ngày mấy, tháng mấy Thầy tịch là Thầy đã biết trước ở đâu rồi thì mình phải mừng. Mình khóc thì Phật, Tổ quở.

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Bảo Phước nói với đại chúng:

– Bây giờ tôi yếu rồi không còn khí lực nữa, tôi sắp lìa cõi đời này rồi.

Đại chúng khóc lóc, ai cũng muốn chết theo Thầy. Lúc này có một vị đệ tử nhỏ, mới Sa-di thôi, bước ra nói:

– Nếu thời hạn đã đến thì Thiền sư đi cũng tốt, ở lại cũng tốt. Mà đủ duyên thì đi!

Thiền sư cười lên ha hả nói:

– Lòng ta muốn nói mà không ngờ bị người trộm nghe hồi nào.

Nói xong bắt chân kiết già thị tịch. Trong tùng lâm có những bậc kỳ đặc như thế.

“Phàm hầu thầy, thầy chẳng dạy ngồi chẳng dám ngồi.”

Chẳng hạn, lên gặp Hòa thượng hoặc thầy Trụ trì, mình xá mình thưa chuyện mà thầy không nói gì hết thì mình phải đứng, chứ mình sà xuống ghế để Thầy mời khách ngồi là không đúng. Chừng nào Hòa thượng nói: “Thôi chú ngồi xuống” thì mình mới ngồi. Còn không nói gì hết thì đứng suốt luôn mới đúng phép hầu thầy.

“Thầy chẳng hỏi chẳng dám thưa, trừ mình có việc cần muốn thưa mới hỏi. Phàm đứng hầu chẳng nên nường vách, dựa ghế. Phải vững mình bằng chân, đứng một bên.”

Bộ Ngũ Thập Tụng có ghi:

“Chẳng nên ở trước thầy thân hiện tướng mỗi một, co ngón bẻ lóng tay kêu lách cách, dựa cột, tường vách, và không nên đập ngạch cửa, đứng dang tay.”

Kinh Bồ Tát Tùng Đầu Suất Há Sanh có ghi:

“Thị giả hầu Thầy phải cần đủ tám pháp:

1- Tín tâm kiên cố.

Phải tin Thầy, thương và kính Thầy lắm mới làm thị giả được.

2- Tâm tìm học tấn tu.

Hầu thầy chắc chắn gặp những vị khách Tăng đến thưa hỏi về đạo lý. Mình phải lắng thần nghe khách hỏi thế nào, Thầy giải thích thế nào. Ai đủ duyên, biết được làm thị giả lâu năm cần có cuốn sổ để ghi lại pháp ngữ, thiền ngữ của thầy. Tôi không làm thị giả nhưng mỗi lần đưa khách vào đánh lễ Hòa thượng, tôi đều ghi lại hết. Hồi xưa tôi ở Thường Chiếu, nhiều lúc khách đông, tôi đứng bảo vệ kể Hòa thượng. Có một người mới xuất gia hỏi:

– Bạch Hòa thượng, Hòa thượng chỉ con làm thế nào tu thành Phật nhanh trong một đời này.

Hòa thượng hỏi lại:

– Hằng ngày chú làm gì?

Bao nhiêu đó thôi, tự trả lời. Tôi ghi lại hết, người đó ở đâu, ngày mấy, tháng mấy. Ghi lại để sau này Hòa thượng tịch mình đồn lại thành một cuốn gọi là Pháp Ngữ Của Hòa Thượng. Lời Hòa thượng dạy rất là hay, mình bỏ qua không ghi lại rất uổng!

Bây giờ có sách học, đều là nhờ những vị thị giả ngày xưa ghi lại hết. Vào thời Đức Phật thì nhờ ngài A-nan, rồi thị giả của ngài Hám Sơn, Ngài Hư Vân đều ghi lại pháp ngữ của các ngài. Sau khi các Ngài tịch, pháp ngữ được in ra thành những quyển sách dày.

3- Thân không có các bệnh.

4- Phải tinh tấn.

5- *Đủ tâm thương Thầy.*

6- *Tâm không kiêu mạn.*

Ý mình làm thị giả cho Hòa thượng hoặc Thầy Trụ trì rồi coi quý thầy ở dưới không ra gì là sai, phải có tâm thương huynh đệ. Chẳng hạn như sáng Hòa thượng chống gậy ra nhà khách đi dạo, Hòa thượng hỏi: *“Chú thấy ông thầy đó sao?”* Mình phải nói: *“Dạ, thầy đó tốt lắm, siêng lắm”* thì cái phước mình nó tăng trưởng. Còn mình nói: *“Con thấy thầy đó trốn đi chơi, đi karaoke”* là chết người ta luôn. Chính cái tâm này nó giết mình. Học oai nghi phép tắc, rồi học trong luật mình thấy cần phải có tâm thương chúng, thương huynh đệ.

7- *Tâm bình tĩnh và định đoạt.*

8- *Có đủ trí mà nghe.*

“Phàm muốn kính lạy, bằng thầy bảo thôi nên nghe lời thầy chớ lạy. Phàm thầy cùng khách đàm luận câu chuyện liên quan đến đạo có ích thân tâm đều phải nhớ lấy.”

Trong Oai Nghi có nói rõ, muốn lạy, Thầy nói thôi đừng lạy mà quý thầy ráng lạy là không có đức, không có phước mà còn bị tổn. Đó là không kính lời Thầy dạy. Mình xá xuống, Hòa thượng nói thôi đừng có lạy thì đứng lên liền. Rồi phàm hầu Thầy mà có khách đàm luận về đạo có ích cho bản thân mình thì phải lắng thần nghe.

Thiền Thành Phạm nói:

“Hoặc thầy hỏi khách đáp, hoặc khách hỏi thầy trả lời, chớ nên nghe lời quái lạ kinh sợ, cũng chẳng được thấy mà cười.”

“Phải biết ý tứ câu nói và lời đúng tôn chỉ để tâm ngẫm nghĩ. Bằng có chỗ kiến giải hay, phải đến thưa thầy chứng nhận hoặc chỉ lại những chỗ sai lầm.”

Chẳng hạn, Hòa thượng nói chuyện với khách mà quý thầy nghe, phát minh được tâm địa thì phải trình Hòa thượng liền: *“Hồi nãy Hòa thượng nói với vị khách đó, con thấy tốt được chỗ này.”* Nếu Hòa thượng thấy chỗ đó sai, ngài sửa lại cho. Đúng thì Hòa thượng chứng nhận: *“À, cái pháp đó ông cứ đi đi, tiến đến sẽ tốt cho đường đạo của ông.”*

Cho nên khi có khách đến hỏi Hòa thượng về đạo pháp, quý thầy phải lắng thần nghe. Nhiều khi vị khách đó không ngộ mà chính bản thân mình ngộ.

Trong Sa Di Học Xứ ghi:

“Phàm thầy cùng khách đàm luận thầy đều là cơ duyên của Phật pháp. Muốn biết sự thâm diệu trong đó phải quán lời nói đạo lý tầm thường nhưt dụng hằng ngày, ấy là lời nói có đạo, tức là pháp ngữ. Song chấp lao phục dịch ấy là thêm lớn phúc điền. Nghe pháp ghi nhớ chính là tưới mát tâm địa, nên nói có ích cho thân tâm.”

Ở đây Tổ Tuyên Luật Sư nói hằng ngày làm trị nhật, hành đường là chỉ có phước điền thôi, Nghe pháp, ghi nhớ là thêm lớn cho thân tâm, là tưới mát cho tâm địa. Tâm mình tham dục, sân hận đầy đầy, bây giờ nghe pháp giống như là tưới nước lên vậy. Thầy cùng khách nói chuyện, có khi nói chuyện đời, nhưng chính đó là đạo lý.

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Viên Ngộ tham vấn Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn. Nhân có một vị quan đến bàn luận với Ngũ Tổ Pháp Diễn, Ngũ Tổ đọc hai câu thơ:

*Tần hô Tiểu Ngọc nguyên vô sự,
Chỉ yếu đàn lang nhận đắc thình.*

Nghĩa là:

*Luôn kêu Tiểu Ngọc nguyên không việc,
Chỉ cốt anh chàng nhận được tiếng.*

Ngay đó, Viên Ngộ ngộ được yếu chỉ của thiền.

Hai câu thơ trên trong tiểu thuyết Hồng Lô Mộng. Tần cô nương có tình ý với một chàng trai gần nhà. Một hôm chàng lân la đến nhà cô, ý muốn dò tìm xem phòng cô ở nơi nào, nhưng không biết nên đi lảng vảng bên ngoài. Cô tiểu thư ở trên gác nhìn thấy mà không dám kêu vì sợ bị lộ. Ngay lúc đó cô nhanh ý gọi người hầu tên Tiểu Ngọc: *“Tiểu Ngọc, đi lấy cái bình cho Cô.”* Nghe như vậy là anh chàng kia biết cô ở phòng nào rồi.

Tu thiền là vậy, kêu đây nhưng ý đằng kia, ngay chỗ đó ngộ được yếu chỉ của thiền, mà chỉ là chuyện sinh hoạt hằng ngày thôi chứ không có gì lạ hết.

Thiền sư Đức Thiệu tham vấn năm mươi bốn vị thiện tri thức mà pháp duyên chưa hợp nên ngài chán nản. Sau cùng ngài đến yết kiến ngài Pháp Nhãn. Do đi khắp Tùng lâm tham vấn mỗi một quá nên ngài không cùng chúng thưa hỏi nữa. Một hôm có một vị Tăng đến hỏi Thiền sư Pháp Nhãn:

– Thế nào là một giọt nước ở nguồn Tào?

Thiền sư Pháp Nhãn đáp:

– Là giọt nước ở nguồn Tào.

Vị Tăng ấy mờ mịt, nhưng ngay trong giờ phút đó, Thiền sư Đức Thiệu hoát nhiên đại ngộ, đến trình kiến giải với Thiền sư Pháp Nhãn.

Vị Tăng muốn hỏi thế nào là yếu chỉ tâm yếu của Lục Tổ Huệ Năng, Thiền sư đáp lại câu đó, ngài Đức Thiệu ngay tức khắc ngộ đạo. Có những câu chuyện mà giữa hai người đối đáp không dính dáng gì mình hết mà chính mình ngộ đạo.

“Thầy có sai khiến phải kịp thời làm xong, chớ nên trái trễ. Phàm ngũ nghĩ chớ nên trước thầy.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là ngồi trên sàn gọi là thù, nhắm mắt gọi là miên. Ngũ ám phiền não, đây là đệ nhất.”

“Phàm người hỏi tên húy của thầy phải nói trên chữ, dưới chữ. Phàm đệ tử phải lựa mình sự gần gũi thật lâu, chớ nên lìa thầy quá sớm. Bằng thầy không thật hiểu Phật pháp, phải rời riêng câu ông lương đạo.”

Chẳng hạn, ai đến hỏi thầy Trụ trì tên gì, hoặc ông là đệ tử của ai, mình phải nói Hòa thượng thượng Thanh hạ Từ hoặc thầy thượng Thông hạ Phương.

Xưa Thiền sư Đoan Nhai dạy chúng rằng: *“Ta thân cận Hòa thượng Cao Phong hai, ba mươi năm, thường thường đã chịu cốt nhục chưa từng khởi một tâm niệm xa lìa, người xưa tâm hạnh như thế.”* Thiền sư Đoan Nhai hầu Thiền sư Cao Phong hai, ba chục năm mà chưa từng khởi một niệm bỏ chúng ra đi, luôn luôn hầu thầy và học hỏi thầy.

Tuy nhiên, nếu thầy không thật hiểu Phật pháp thì không nên nấn ná, phải rời đi để hầu thầy khác có tâm đạo pháp, có con mắt pháp nhãn.

Trong Kinh A Hàm Phật dạy:

“Thân cận Sư trưởng có bốn thứ:

- 1- Có pháp, có thực gọi là vui mà trụ.*
- 2- Có pháp, không thực gọi là khổ mà trụ.*
- 3- Có thực, không pháp, sám hối mà đi.*
- 4- Không pháp, không thực, chẳng từ biệt mà ra đi.”*

Chẳng hạn, ăn uống đầy đủ, có Phật pháp thầy Tổ dạy nữa thì mình vui mình ở. Lỡ ở chỗ nào có pháp mà không có thức ăn thì khổ cũng phải ráng mà ở. Còn có ăn mà không có pháp thì phải đắp y sám hối thầy Trụ trì rồi ra đi chớ đừng có bỏ ngang, bởi vì thầy cũng lo lắng cho mình. Không pháp, mà cũng chẳng có thức ăn thì quý thầy tự động ra đi không có lỗi.

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư nói cổ đức dạy:

“Chim dừng ở ắt chọn rừng, người cầu đạo ắt lựa chọn thầy. Vì thầy là người mô phạm, mô phạm đoan chánh ắt sản sinh ra bậc pháp khí thượng thừa.”

Ngày còn là cư sĩ, nếu đọc được đoạn này chắc chúng tôi không phải đi lang thang, ba chìm bảy nổi rồi mới gặp được Hòa thượng, gặp được thầy Trụ trì Thường Chiếu. Đúng ra, cư sĩ mới phát tâm cầu đạo cũng cần được học Hai Mươi Bốn Oai Nghi chứ không phải chỉ chư Tăng mới cần.

Đệ tử phải lựa chọn minh sư, tức là vị thầy sáng mắt mà gần gũi cho thật lâu, chứ không phải mới xuất gia một hai năm gì đó rồi buồn buồn cất thất tu một mình.

Có một thầy xuất gia khoảng năm năm, nói rằng lớn tuổi rồi nên ra cất thất gần biển tu. Nhập thất hai tháng đầu rất là tinh tấn, đến tháng thứ ba đang ngồi thiền mới nửa tiếng xả ra, cho rằng ngồi cũng thiền, đi cũng thiền. Đi một hồi tự nhiên khởi niệm đi Sài Gòn chơi, rồi đi Sài Gòn thật. Rốt cuộc tu không được. Cuối cùng chịu không nổi, thầy phải xin ra Trúc Lâm Yên Tử nhập chúng tu học. Lớn tuổi cũng bị vọng tưởng nó lừa như thường.

Đừng nghĩ mình lớn tuổi, chán ngán việc đời rồi, thôi bây giờ cất thất tu. Muốn cất thất tu ở yên một mình, giống như Quốc sư Huệ Trung, là phải đạt đến trình độ kiến tính, tức là nhận ra được bản thể của mình. Các ngài ngồi thiền là luôn luôn ở trong cảnh giới tam muội, tức là ở trong cảnh giới chánh định. Các ngài lấy cảnh thiền duyệt làm

vui, là tự thân thọ dụng. Thọ dụng pháp chánh định thì các ngài ngồi yên mới được. Còn ở chúng mà có nhiều lúc còn bỏ ngồi thiền, hưởng chi là ở một mình trong thất!

Lựa thầy sáng mắt để mình gần gũi học hỏi, bắt chước cung cách và cuộc sống của thầy. Thầy mô phạm thì chắc chắn mai kia mình cũng trở thành mô phạm. Chẳng hạn, thầy Trụ trì giữ giới luật rất tinh nghiêm, mình muốn xin đi đâu cũng khó. Có như thế mình mới dồn hết năng lực vào việc tu hành, sau này mới thành bậc pháp khí. Bậc pháp khí là bậc làm lợi ích cho Tam bảo, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Lúc mới phát tâm tu hành, tự tức duyên của quý thầy thôi thúc phải lên Trúc Lâm gặp Hòa thượng xin tu? Nếu do quý thầy tự tìm đến chứng tỏ tức duyên quý thầy sâu lắm, rất tốt. Còn như chúng tôi, đi lang thang đâu đây nọ rồi có người giới thiệu thì chỉ là bậc hạ thôi, chưa phải bậc thượng. Quý thầy tu học rồi mà muốn kiếp sau gặp Hòa thượng nữa, gặp một vị thầy sáng mắt diu dặt cho mình thì phải tu hành như thế nào, chớ không phải có tức duyên tốt rồi tu xiu xiu thì chắc chắn kiếp sau cũng khó mà gặp được.

Nên Thiền sư Pháp Nhãn nói:

“Phàm là người tham học đã vào tùng lâm phải chọn lựa thiện tri thức, kế là phải gần gũi bạn lành. Bậc tri thức quan trọng là ở chỗ chỉ đường, bạn lành quý ở nơi mài giũa cho mình.”

Nếu mai kia không còn ở trong tùng lâm nữa, đi chỗ khác, mình phải chọn lựa thiện tri thức. Chọn lựa thiện tri thức chỉ là phần đầu, người mài giũa cho mình thành tựu bậc pháp khí là phải nhờ bạn. Chẳng hạn sáng, trưa, chiều, tối bạn rủ đi uống trà, đi ăn bánh ngọt rồi nói chuyện này chuyện kia thì làm sao thành bậc pháp khí? Bạn tốt họ chỉ mình: *“Nè, sư huynh! Sư huynh sáng không tu, rồi trưa, chiều, tất cả mọi thời sư huynh đều không tu, suốt ngày sư huynh uống trà nói dóc thì sao thành bậc pháp khí được?”*

Được bạn thẳng thắn mài giũa cho thì mới thành được bậc mô phạm, không thì chìm đắm mãi trong dục lạc. Cho nên nói, bạn lành quý là ở nơi mài giũa cho mình, mà thành tựu sau này cũng đều là nhờ nơi bạn.

“Chỉ muốn rảnh rang thân mình thì lấy gì mở mang cho hậu học, phát huy tông giáo, tiếp vật lợi sanh, ý để chỗ nào?”

Rảnh rang nghĩa là không chịu tu, không chịu học, không chịu mài giũa. Tối mình bỏ tụng kinh, bỏ ngồi thiền thì khỏe lắm, sướng cái thân lắm, nhưng như vậy lấy gì để chỉ cho người sau, cho đàn em của mình? Rồi lấy gì mà phát huy tông giáo, tiếp vật lợi sanh? Phải tu, phải học, phải mài giũa tập khí. Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói, chừng nào tập khí hết, trí huệ Bát-nhã vô lậu mới phát huy được. Còn không thì phải sám hối, tụng kinh, ngồi thiền, làm đủ hết.

Ở đây có câu chuyện xa Thầy quá sớm. Ngũ Đăng Hội Nguyên có ghi:

Hòa thượng Ngổ Quang ở Tuyên Châu lúc còn làm thị giả cho Thiền sư Đức Sơn, một hôm cùng Đức Sơn vào núi đốn củi. Thiền sư Đức Sơn bưng một chén nước đưa cho Sư, Sư tiếp lấy liền uống. Đức Sơn hỏi:

– Hội chăng?

Sư thừa:

– *Chẳng hội.*

Hôm nào đi với Hòa thượng mà Hòa thượng rót nước đưa mình uống là mình biết Thầy khai thị cho mình. Nhưng ở đây vị này chẳng hội.

Trong Thiền Sư Trung Hoa Tập 1 có câu chuyện:

Thiền sư Sùng Tín Long Đàm đến học với Thiền sư Đạo Ngộ ba năm mà không chỉ dạy gì hết. Một hôm, Thiền sư Sùng Tín Long Đàm đến thưa với Thầy:

– Con vào đây tu học, đinh ninh rằng thầy sẽ chỉ dạy tâm yếu cho con, nhưng đến giờ đã ba năm rồi mà chưa từng được chỉ dạy.

Thiền sư Đạo Ngộ nói:

– Người dâng trà lên, ta vì người mà tiếp. Người bưng cơm đến, ta vì người mà nhận. Người xá lui, ta vì người mà gạt đầu, chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu?

Ngay tức khắc Thiền sư Sùng Tín Long Đàm ngộ nhập được. Có nghĩa là đưa ra thì cái gì biết tiếp, biết nhận, biết gạt đầu nếu không có chỗ đó?

Thêm một câu chuyện nữa:

Thiền sư Hư Vân đi hành cước, lúc bị kiệt lực thì gặp Văn Cát, Văn Cát cho uống thuốc rồi đưa ly nước lên hỏi: “Hội Chăng?” Thiền sư Hư Vân mờ mịt. Sau khi ngộ đạo, ngài nói trong quyển Ngũ Lục: “Giá mà ngay trong giờ phút này thì ta đã bay ly nước.”

Tại sao đoạn đầu không đá mà đoạn này ngài dám đá? Có những giây phút nào đó tâm chúng ta tĩnh lặng, tự nhiên ngộ nhập được chỗ này. Có chỗ sống thực sự rồi thì đá cái ly là không nằm trên bình diện nhân quả. Bởi dùng tâm Phật tiếp tâm Phật, dùng tâm Không tiếp tâm Không, ngay trong thực tại dùng vô ngã tiếp cái vô ngã. Cho nên các ngài mới khẳng định rằng hạt cải chứa đựng núi Tu-di, núi Tu-di thì nhét trong hạt cải. Tâm Phật tiếp tâm Phật, tâm vô ngã tiếp vô ngã, dùng tâm Không tiếp tâm Không thì tội ở chỗ nào?

Câu chuyện tịnh bình của Thiền sư Bá trượng:

Thiền sư Bá Trượng đưa cái tịnh bình lên nói:

– Không được gọi là tịnh bình, vậy gọi là gì?

Thiền sư Hoa Lâm nói:

– Không thể gọi là cây lũng.

Tiếp đó Bá Trượng yêu cầu Linh Hựu trả lời. Linh Hựu không nói gì, lấy chân đá đổ tịnh bình rồi đi.

Thiền sư Bá Trượng dùng thuật ngữ “đây là cái gì”, “cái gì” đó thì còn nằm trong bình diện tâm hữu, tức là có cái tâm để phán xét. Nhưng Thiền sư Quy Sơn lấy chân đá đổ

tĩnh bình, ngay đó dùng tâm Không mà tiếp Tổ nên không bị nhân quả, mà được làm chủ núi Quy.

Đức Sơn lại đem một chén nước nữa đưa cho sư, sư tiếp lấy liền uống. Đức Sơn hỏi:

– Hội chăng?

Sư thưa:

– Chẳng hội.

Đức Sơn bảo:

– Sao không cởi bỏ mà thể nhận lấy cái chẳng hội đi?

Sư thưa:

– Chẳng hội lại cởi bỏ cái gì?

Đức Sơn bảo:

– Ông giống hệt cây cọc sắt.

Tức là nói sao y vậy chứ không phát huy được năng lực thiền bên trong.

Về sau, Sư trụ trì Tuyết Phong tìm đến thăm hỏi Sư Ngổ Quang về câu chuyện trong lúc uống trà. Tuyết Phong hỏi:

– Khi ấy ở tại Đức Sơn, nhân duyên đón củi ra sao?

Sư đáp:

– Tiên sư khi ấy chấp nhận cho tôi.

Qua câu chuyện quý thầy thấy có chấp nhận chưa? Chưa chấp nhận mà Sư ra trụ trì, nói là ngày xưa tôi đã ngộ bên ngài Đức Sơn rồi.

Thì Tuyết Phong nói:

– Hòa thượng xa Thầy quá sớm!

Tức là chưa ngộ nhập được tri kiến mà vội đi trụ trì rồi. Quý thầy thấy giống mình không? Tu mới có năm năm, ai thỉnh mình đi trụ trì, nhận cái chùa nào tốt tốt, đẹp đẹp là lên đường đi trụ trì.

Ngay lúc đó trước mắt chợt thấy một chén nước, Tuyết Phong bảo đem nước đến, Sư bèn đưa nước cho Tuyết Phong, Tuyết Phong nhận liền tạt đi. Ngay đó Sư cũng không khế nhập được.

Ở đây Thiền sư Tuyết Phong khai thị thêm một bước nữa mà Sư cũng không nhận được. Bởi vì ngày xưa lầm chấp đã ngộ nhập rồi thì bây giờ cũng lầm chấp ngay chỗ đó. Cho nên ngài Tuyết Phong mới nói “Hòa thượng xa Thầy quá sớm.”

Chúng ta học cũng vậy. Đến ở với Hòa thượng, với Thầy Trụ trì, tệ lắm cũng phải mười năm, hai chục năm, tốt nữa thì ba chục năm, đừng có đi sớm. Đi sớm nhiều khi mình tưởng rằng mình ngộ đạo rồi chứ thật ra chưa ngộ.

“Dẫu có lìa thầy nhưng cũng nhớ lời thầy dạy, chẳng nên luân tình tự ý theo người thể tục làm việc bất chánh.”

Chẳng hạn, ở trong chúng mà bị phiền não hay bức xúc với huynh đệ, mình bỏ đi qua tùng lâm khác. Cũng phải luôn luôn nhớ lời thầy dạy, chẳng nên luân tình tự ý theo người thể tục làm việc bất chánh.

Đại sư Liên Trì kể câu chuyện:

Pháp sư Pháp Ngộ ở chùa Trường Sa, Kinh Châu, triều Tấn, là học trò lớn của Pháp sư Đạo An, sau trụ trì chùa Trường Sa ở Giang Lăng. Đệ tử theo học với ngài rất đông, có đến hơn bốn trăm người. Một hôm trong chúng có một thầy uống rượu, ngài chỉ phạt nhẹ, không có đuổi đi. Thiền sư Đạo An ở xa nghe được, liền gửi đến cho ngài một cây roi bỏ trong ống tre. Pháp sư Pháp Ngộ mở ra thấy cây roi bèn nói: "Đây là do việc vị tăng uống rượu nên mới xảy ra việc này." Ngài gióng chuông tập họp đại chúng và mang cây roi để ngay trước mặt, đốt hương chí thành và nằm xuống khóc lóc rồi lệnh cho thầy duy-na cầm roi đánh ba roi vừa khóc vừa trách mình.

Quý thầy thấy không? Trụ trì một phương xa rồi nhưng vẫn kính lời của Thầy. Khi Thiền sư Đạo An gửi cây roi đến, ngài biết rằng Thầy trách mình đã không xử phạt nghiêm minh, nên nằm xuống sai thầy duy-na đánh ba roi, vừa khóc vừa tự trách mình. Người xưa tu hành kín nhiệm hơn mình nhiều lắm.

Câu chuyện thứ hai cũng do Đại sư Liên Trì kể:

Thiền sư Hoài Trí người Kim Hoa, triều nhà Tấn, thời trẻ học pháp giảng kinh hoằng dương chánh pháp. Nhờ sự kích phát của thiền giả, Thiền sư đã ngộ, bỏ việc giảng kinh rồi đi tứ phương tham thiền học đạo. Sau đến đạo tràng Động Sơn gặp được Thiền sư Chơn Tịnh mà ngộ đạo, theo hầu Thiền sư Chơn Tịnh khá lâu. Một hôm khi ngài sắp rời Thiền sư, Thiền sư bảo: "Thiền học của ông tuy là hơn đời nhưng ông không có nhân duyên độ chúng, nếu sau này ông miến cưỡng độ chúng, chỉ dẫn đến sự chửi mắng, ngược lại còn tạo nghiệp." Ngài vâng mạng bái biệt khắc ghi trong lòng.

Đừng nghĩ rằng ráng tu để mai kia trụ trì cái chùa lớn. Có những bậc thiền giả tu ở núi mà tôi từng tiếp xúc, cơ phong của các ngài, cái thấy biết, cái tri kiến, kiến giải của các ngài rất là sâu kín, nhưng các ngài nói rằng không có duyên độ chúng. Mà miến cưỡng ra độ chúng là chúng họ chửi.

Quý thầy có tin, chúng mà chửi thầy không? Có ông thầy hồi xưa cũng ở Trúc Lâm, sau này về Đồng Tháp nhận một cái chùa và hai đệ tử. Hai đệ tử bỏ thầy đi mà còn chửi thầy. Chửi mà thâu bằng gửi về cho ông thầy. Không có nhân duyên độ chúng mà miến cưỡng độ là chúng chửi. Chửi rồi tức, chửi lại thì tạo nghiệp xấu, thầy trò cùng đi xuống.

Trong Cao Tăng Truyện có kể:

Có một vị thiền tăng rất giỏi, được thầy dạy là sau khi thầy tịch thì muốn ở với sư chú, sư bác, sư huynh, sư đệ gì cũng được nhưng nhất định đừng nhận trụ trì. Sau khi thầy tịch, ngài ở với sư huynh. Cơ phong của ngài rất cao, kiến giải, thiền pháp của ngài cao vút. Sau khi sư huynh tịch, trong chúng đưa ngài lên làm trụ trì, ngài không chịu. Rồi đến sư cháu tịch mà ngài vẫn còn sống, nên đại chúng, kể cả các quan trong triều đều đề nghị ngài. Cuối cùng ngài phải bỏ pháp hội đó mà đi. Đến một tỉnh khác, vị thừa tướng ở đó quá mến mộ thiền phong của ngài nên cất chùa. Thỉnh ngài sáng ra làm lễ khánh thành, thì tối đó cái chùa cháy mất!

Đến Viên Châu, tín đồ mời ngài trụ trì chùa Dương Kỳ, ngài không làm nhưng không được. Sau du lịch đến Hồ Nam, dãy Cương Giang, Mục Dân Trạch Châu thỉnh ngài trụ trì chùa Thượng Phong hoặc chùa Hóa Thiền nhưng ngài đều cự tuyệt không nhận, bèn ở trong am tranh ở Hành Sơn hai mươi năm. Ngài có bài kệ rằng:

*Muôn sự tỏ rõ,
Muôn duyên buông bỏ,
Không tranh với người,
Ngơ ngáo ngáo ngáo.
Vui chơi trong rừng sâu,
Làm bạn cỏ cây, chim thú,
Áo không cần thay,
Tựa tay làm gối.*

Những năm cuối đời đại sư tham báỉ thiền sư Long An Chiếu. Thiền sư Chiếu sắp đặt ngài ở cung An Lạc trong chùa, sư y mệnh đó cho đến khi viên tịch.

Qua bài này, thấy người xưa luôn khắc ghi lời Thầy dạy.

Trong tông môn, Hòa thượng Phước Hảo cũng không có nhân duyên độ chúng. Ngài ở Huệ Nghiêm rồi lên Chơn Không. Đêm nọ, Thầy Đắc Pháp, Thầy Đắc Huyền, Thầy Trụ trì Thường Chiếu nói với Thầy Phước Hảo: *“Đại huynh chưa có đệ tử, mai này không biết ai mà nhờ, thôi nhận mấy đứa này đi.”* Tôi còn nhớ rõ, đó là năm 1984, năm cư sĩ, gồm có tôi và bốn người nữa chuẩn bị sáng mai được cạo tóc xuất gia thì tối đó người ta đuổi xuống hết không cho ở Chơn Không nữa! Rốt cuộc Thầy không có ai là đệ tử hết.

Túc duyên của Hòa thượng rất sâu, nên dưới trướng của ngài một ngàn mấy trăm đệ tử xuất gia. Hoặc như Thầy Trụ trì Thường Chiếu, bây giờ là ba trăm đệ tử, không phải chuyện đơn giản.

Đại sư Liên Trì nói:

“Người đệ tử thời xưa khi Thầy mất rồi niềm tin càng kiên định, càng không trái lời Thầy. Người đệ tử thời nay, Thầy vẫn còn đó, niềm tin đã lung lay, biến đổi. Nguyên nhân do đâu? Quả thật do khi mới xuất gia không thật sự muốn nương tựa bậc có chánh tri kiến để thoát ly sanh tử, mà chỉ nhất thời hay vô tình báỉ làm Thầy mà thôi.”

Ngài nói người xưa ở với Thầy, nếu Thầy mất thì vẫn luôn nhớ lời Thầy dạy. Còn đệ tử thời nay mặc dù Thầy còn đó mà niềm tin đã lung lay: *“Không biết ông thầy này ngộ đạo chưa mà ở?”* Rồi kiếm đường đi. Do đâu? Do nhất thời hay vô tình báỉ làm Thầy, cho nên thấy danh lợi hoặc gặp bạn xấu rủ rê, liền bỏ Thầy lập tức.

Chẳng hạn đang ở với Hòa thượng, với Thầy Trụ trì, có người rủ: *“Ông đi với tôi, ông làm phó trụ trì hay trụ trì cũng được, nghe đâu Phật tử đông lắm.”* Nếu trong giờ phút đó, mình không biết cách chận, không biết cách chuyển, thì niệm danh lợi sẽ phát khởi: *“Ở đây mình chỉ là chúng thường, ra đó làm phó trụ trì oai hơn.”*

“Hoặc sai trái điều gì Thầy trách cứ hay đánh đập, hận Thầy bỏ đi nơi khác.”

Bỏ ngồi thiền, bỏ tụng kinh hoặc làm điều gì đó mà giờ thỉnh nguyện, thầy trách một hai câu, chiều cuốn gói liền. Ở một thời gian mới thấy trong đại chúng có nhiều người như vậy. Thầy nói nhẹ thôi nhưng cũng hận mà bỏ Thầy ra đi.

“Thậm chí có kẻ không theo bạn lành, chơi theo bạn ác, giống như từ trên cao mà đi xuống vực vậy, càng đi càng xuống dốc. Cũng không được ở nơi ồn náo như chợ búa, giếng nước.”

Cổ đức nói bậc hạ tu chùa, bậc trung tu chợ, bậc thượng tu trong triều đình, làm quan, làm tướng. Nghe vậy, bỏ chúng ra chợ tu, được không? Báo Giác Ngộ số 398 trang 30, tác giả Đinh Tấn Phước kể: Trong một chương trình ca nhạc ở Sài Gòn, ông thấy cô ca sĩ mặc áo quần không kín đáo. Từ xa nhìn lên ông thấy bốn, năm người giành ngồi hàng ghế đầu, ông ngạc nhiên đến gần thì thấy bốn thầy Tỳ-kheo giành cái ghế đầu để ngồi gần sân khấu! Rồi ông kể trong một lần ông ra Đà Nẵng, ông thấy ba bốn thầy chơi bi da vào lúc mười một giờ đêm! Ông tự hỏi, ở chùa ba giờ rưỡi sáng phải dậy công phu, bây giờ mười một giờ đêm còn thụt bi da thì giờ nào mới dậy để công phu? Ông đem thắc mắc này đăng lên báo Giác Ngộ!

Đọc bài viết này mà thấy đau. Một vị tu sĩ tuy, không biết ở chùa nào nhưng có hành động như thế thì cũng ảnh hưởng đến mình. Người này gọi là phá kiến chúng sanh, tội nặng hơn phá giới, quý thầy nhớ điểm đó.

Cho nên quý thầy còn trẻ mà xuống thành phố tu một thời gian, nếu không có môi trường tốt mà gặp bạn ác nữa thì bảo đảm đi coi hát suốt ngày. Có những vị thầy tôi hay gặp, hễ đi học về tối cỡ chín giờ là đi hát karaoke. Môi trường ở thành phố khó tu lắm, phải là bậc trung căn, thượng căn mới dám ở. Còn tiểu căn, thôi ở rừng núi hay hơn.

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư nói:

“Ở trong chợ ồn náo tạp loạn nên gọi là chỗ huyên náo, nếu chẳng phải là bậc đại lực lượng thông tay mà vào, vào mà chẳng có trôi giạt thì mới được vào.”

Tổ Tuyên Luật Sư nói, chỗ ồn náo nếu chẳng phải là bậc đại lực lượng thông tay mà vào, gọi là thông tay vào chợ, thì bậc trung căn, tiểu căn không thể vào được.

Như câu chuyện của Đại Đăng Quốc sư, ngài đi đâu các đệ tử không ai biết. Tìm kiếm mười năm trời, vị trưởng tử mới phát hiện ngài sống dưới gầm cầu với những người ăn mày. Ở lại với Thầy, đêm đó người đệ tử phải cùng Thầy đào hố chôn người ăn mày bệnh hủi chết. Quốc sư Đại Đăng vẫn bình thản, nhưng vị đệ tử thì không chịu nổi. Sáng hôm sau người đệ tử đề nghị đi khất thực, Quốc sư nói có chén cháo còn dư của người ăn mày mới chết, hôm nay không cần đi kiếm ăn. Vị đệ tử không thể sống nổi như thế, nên từ giã Thầy ra đi.

Bậc đại lực lượng mới vào được. Sống dưới gầm cầu với những người ăn mày mười năm, ngài thử xem tâm mình còn dấy niệm phân biệt hay không. Tổ Huệ Khả thì vào quán rượu để thử lại tâm mình. Người xưa thử tới mức độ như vậy, còn mình thì thử không được.

Thiền sư Phổ Chiếu, dạy thử tâm bằng cách duyên theo một cảnh nào đó để xem còn niệm hay không. Chẳng hạn hôm nay muốn xuống núi, mình để hình ảnh một cô thiếu nữ trước mặt, rồi duyên thử xem tâm còn động niệm hay không. Nếu còn khởi dục niệm thì ráng ở núi tiếp năm năm nữa. Chừng nào không còn khởi gì thì hãy xuống núi, vì hạt giống tham ái đã. Hạt giống tham ái không còn thì vô công dụng hạnh, tức là ngay trong giờ phút nào cũng đều sống trong cảnh giới vô niệm.

Nhiều thầy đã thử như thế mà thấy vẫn còn niệm, nên không dám xuống núi. Nếu thấy đỡ đỡ rồi, quý thầy thử thêm một bước nữa là xuống Thiền viện Tuệ Quang, ở thử một tháng hay mười ngày xem sao. Gần Thiền viện họ hát karaoke, rồi mấy cô bán cà phê đi qua đi lại mà mình không thấy gì hết thì xuống được. Còn khởi niệm liên tục thì biết mình không phải là bậc đại lực lượng, phải chạy liền, chạy lên Trúc Lâm tu tiếp.

Ngày xưa, có một số thầy không muốn ở Trúc Lâm nữa, vì bệnh hay không chịu lạnh được. Tuy nhiên, không dám xin xuất chúng liền, mà xin đi trị bệnh một thời gian. Xuống núi một, hai tháng, đi chỗ này chỗ nọ thử tâm mình, thấy không xong thì chạy lên tu tiếp. Còn nếu xin xuất chúng rồi mà trở về thì Hòa thượng không nhận.

Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo dạy:

“Trần lao thế gian như lửa cháy hừng hực biết đến bao giờ mới tắt, phải ngay trong chỗ náo động mà chẳng quên việc trên ghế chúc bồ đoàn. Trước kia để tâm nơi chỗ tĩnh lặng thì nay ở chỗ náo động phải đem ra dùng. Nếu ở chỗ náo động chẳng đắc lực thì có khác nào chưa từng đã dụng công phu ở nơi tĩnh lặng.”

Ngài dạy trong lúc hạ thủ công phu, ngay chỗ tĩnh lặng mà được bao nhiêu thì ra chỗ náo động, phải đem hết năng lực mà dùng.

“Nếu cho rằng chỗ tĩnh lặng là phải, chỗ náo động là chẳng phải, ấy là hoại tướng thế gian mà cầu thật tướng.”

Chỗ tĩnh lặng mình nói tu được, chỗ náo động mình nói chẳng phải tu được thì hoại tướng thế gian. Theo tinh thần Thiền tông, Thiền Tổ sư là ngay tướng phải nhập vô tướng chứ không phải diệt cái tướng đó, ngay chỗ náo động phải tu, phải chuyển hóa.

Ngày xưa các ngài tu ở núi một thời gian thật lâu rồi các ngài mới xuống núi để thử tâm mình. Còn mình nói ngồi thiền yên tịnh rồi ra chỗ ồn náo nó dậy khởi mình tu không được thì trật, là mình hoại cái tướng thế gian. Tất cả các pháp đều nằm trong thân ngũ uẩn của mình, ngay chỗ tiểu vũ trụ đó là đại vũ trụ, mà ngay chỗ đại vũ trụ đó tức là tiểu vũ trụ.

Theo tinh thần Thiền Tổ sư, các ngài ngay chỗ tướng thế gian mà thể nhập cái vô tướng, cho nên các ngài không bỏ thế gian này. Nếu nói chỗ tĩnh lặng mới tu được, vậy hành đường, trực nhật ồn náo làm sao tu? Một ngày ngồi thiền bốn tiếng đồng hồ mình nói mình tu, còn bao nhiêu buông lung hết thì không được.

Quý thầy mới xuất gia không được ra nhà khách thường xuyên là đúng, nhưng tu năm năm, mười năm bắt buộc phải ra nhà khách thử lửa. Ra để nhìn lại tâm, coi thử cái tâm

mình tiếp xúc, chuyển hóa như thế nào. Các Thiền sư nói, ngay tuyệt mà thêm sương là trật, cho nên các ngài dạy phải luôn luôn nhìn lại tâm mình. Tâm mình vui mình biết, tâm mình buồn cũng biết, tâm mình khổ..., tất cả các thứ tâm chỉ có một cái tri kiến duy nhất để tìm cách mình chuyển hóa. Chẳng hạn, trong giờ phút thực tại, nhìn cảnh thấy mình còn thèm muốn, thì tối lên bồ đoàn quý thầy phải tìm cách chuyển hóa.

“Lúc thích tĩnh lặng, ghét náo động chính là lúc dụng công tốt nhất.”

Ngay chỗ trạo cử, lăng xăng, dục nhiễm, ngay chỗ tâm thức phát động thì dụng công rất đặc lực. Trải qua sáu tháng ở nhà khách, tôi thấy rất rõ, tại sao ở trong chúng không có mà ra đây lại có cái này? Biết chắc chắn những hạt giống tham ái này vẫn còn thì đừng nên rời Thiền viện. Phải tiếp tục công phu, tiếp tục chuyển hóa. Nhờ hoàn cảnh, nhờ môi trường mình thấy: “À, thì ra mình vẫn còn!” Mình tưởng hết rồi nhưng thiệt ra nó không hết, không hết thì tiếp tục mài giũa. Vào thất bốn mươi chín ngày hoặc ba tháng, quý thầy thấy tâm rất yên, mà tại sao ra đưng đại chúng, đưng huynh đệ? Như vậy, cần tìm cách cách chuyển hóa. Một thời gian, tự nhiên quý thầy thấy rất là nhẹ, thì lúc này công phu tiến.

“Bỗng nhiên ở trong chỗ náo động mà được cái đặc lực của lúc tĩnh lặng, sức mạnh ấy hơn lúc ngồi trên ghế chúc bồ đoàn gấp nghìn vạn lần. Hãy nghe lời tôi, chắc chắn không lừa gạt các ông đâu.”

Quý thầy ở trên bồ đoàn tĩnh lặng được một tiếng, nhưng ra làm việc mà tĩnh lặng được mười phút thôi, thì sức tĩnh lặng đó mạnh hơn gấp trăm gấp ngàn lần. Thiền sư Bạch Ẩn khẳng định, trong chỗ náo động mà dụng công được thì sức mạnh gấp nghìn, vạn lần lúc ngồi tĩnh lặng. Vừa làm việc cho chúng, vừa tu được thì công đức nó tác động, phát huy được năng lực. Tuy nhiên rất là khó, đòi hỏi mình phải từng ở lâu trong chúng.

Ngài dạy tiếp:

“Thường thường người lợi căn thượng trí được nó chẳng phí sức nên sanh tâm khinh dễ, chẳng chịu tu hành.”

Bậc thượng căn túc trí đối với thiền rất nhạy bén, nghe hiểu liền, tu được liền. Nhưng lại nghĩ: đi, đứng, nằm cũng tu được nên bỏ cái ngồi. Như vậy thì không được.

“Họ phần nhiều bị cảnh giới cướp đoạt đem đi, làm chủ không được. Lâu ngày chầy tháng mê muội không phản tỉnh, đạo lực không thắng được nghiệp lực.”

Thấy ở chỗ động mình tu cũng được nên không cần nhập thất, cũng không cần ngồi thiền. Lâu ngày chầy tháng mê muội, phản tỉnh lại không được. Nhiều người, ở trong chúng thì rất hay, nhưng đi ra làm trụ trì, phó trụ trì, hoặc đi làm Phật sự một thời gian lại nghe tin người đó ra đời hoặc phạm giới gì đó. Đó là do đạo lực không thắng được nghiệp lực.

Đạo lực là hiểu đạo, hiểu thiền và có công phu. Rồi nghiệp lực đến, chẳng hạn như Ngài A-nan gặp Ma-đăng-già. Vì nhiều đời nhiều kiếp đã có túc duyên là vợ chồng, nên

Ma-đăng-già nhìn thấy A-nan là thương liên. Đây là nghiệp lực. Trong vô số người khác phái, đâu biết được ai là người đã từng là vợ của mình trong kiếp trước. Có nhiều người rất đẹp nhưng nhìn vẫn đứng đưng, còn có người không đẹp, thậm chí xấu, tại sao mình lại thương? Vì có túc duyên nhiều đời nhiều kiếp, tự nhiên nhìn thấy là khởi niệm đó liền. Khởi niệm rồi về trần trọc ngủ không được, ăn cũng không được. Quý thầy ở trong đại chúng thì không có nhưng ra ngoài sẽ gặp.

Chẳng hạn, hằng ngày có người đó thường đến cúng dường, quý thầy không thấy gì. Nhưng mười ngày, hai mươi ngày người đó ở nhà không đến, quý thầy thấy có cái gì thiếu thiếu là biết mình có túc duyên gì đó, phải chạy liền, ở lại một thời gian là chết!

Đạo lực không thắng được nghiệp lực là chỗ đó. Mình hiểu hết, tu cũng có công phu, nhưng công phu ít, công phu không miên mật thì nghiệp lực đến là bó tay. Chỗ này phải lưu ý.

Như một vị Hòa thượng ở Khánh Hòa, hôm nào ngài giảng pháp mà có cô đó nghe thì ngài giảng rất hay. Một hôm nhìn xuống không thấy cô đó nữa, ngài quên đầu quên đuôi giảng không ra gì hết. Ngài biết rồi, bèn giải tán pháp hội vào núi tu liền.

Có một thầy ngày xưa tu ở Thường Chiếu, giỏi lắm mà rất đẹp người. Sau ra làm Phật sự, cuối cùng lấy một bà đã có bảy người con. Mà thầy là trai mới lớn! Phải là nghiệp lực không? Đạo lực thì hiểu rất rõ: “Vào đó là khổ!” Bây giờ thì chặt củi, đốt than nuôi bảy người con cho bà vợ này!

Nghiệp lực đó chuyển hóa như thế nào? Quý thầy nhớ rằng, không ai lừa dối được mình hết, chỉ có chính mình biết thôi. Như trên tôi nói, thấy động niệm một chút là chạy liền, bất cứ giá nào cũng phải bỏ của chạy lấy người, đừng có ham cái gì hết thì thắng. Đó là mình chuyển hóa nghiệp lực.

“Ma có cơ hội thuận tiện khuấy phá, nhất định họ bị ma nắm lấy sai khiến, đến lúc mạng chung cũng không có đắc lực. Lý thì đồn ngộ, nên vọng tưởng do nơi ngộ mà đều tiêu. Sự phải tiệt trừ, nên tập khí phải theo thứ lớp dần dần mới hết.”

Một người, sau khi ngộ nhập vào tri kiến Bát-nhã rồi thì vọng tưởng lắng. Vọng tưởng lắng, mà tưởng mình được rồi là thua. Sự phải tiệt trừ thì tập khí dần dần mới hết. Cần phải ở trong chúng mài giũa lâu năm thì những tập khí mới hết, tập khí hết rồi thì nghiệp tập, chủng tử cũng hết theo luôn. Khi đó, xuống núi không sợ ai theo nữa. Mà nếu họ có nghiệp lực chẳng nữa thì cũng chỉ đến hộ pháp thôi, chứ không có dùng năng lực, quyền lực hay cái gì đó quyến rũ quý thầy được nữa. Vậy là thầy trở thành bậc pháp khí thượng thừa trong tông môn, mà nhờ cái gì? Nhờ ở trong rừng lâm, ở lâu với thầy.

“Cũng chẳng được ở chỗ miếu ông thần.”

Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Thần là lấy rượu thịt làm cúng tế, thì Tăng Ni há dừng ở chỗ người khinh chê. Nên người xuất gia lúc Phật ở đời nương Phật mà trụ, sau khi Phật diệt độ thì nương nơi tượng Phật mà trụ.

Cho nên người trì giới chẳng nên lễ quý thần. Và lại quý thần thâm kín, nếu trụ ở miếu quý thần thì quý thần khinh mạn.”

Lúc xa thầy, cũng không được ở chỗ miếu quý thần. Ngài nói, phàm là người xuất gia, lúc Phật còn ở đời thì nương Phật mà trụ. Sau khi Phật diệt độ thì nương nơi tượng Phật mà trụ. Có nghĩa là đến từng lâm, ở chùa chiền hay ở nơi đâu đều phải thờ tượng Phật. Không được ở miếu, cũng không được đánh lễ những vị thần.

Cổ đức nói:

*Tăng ở thành đô Phật Tổ rầy,
Chư Hiền đều ẩn chốn am mây,
Non cao suối chảy về hạ thế,
Trong vất y nguyên hóa đục nhầy.*

Tăng ở thành đô Phật Tổ rầy, có nghĩa là mình ở chỗ ồn náo, ở chỗ miếu quý thần thì Phật, Tổ rất lo và rầy rảnh. *Chư Hiền đều ẩn chốn am mây*, là ở núi cao rừng thẳm. *Non cao suối chảy về hạ thế, trong vất y nguyên hóa đục nhầy*. Cái tâm chân thật của mình nếu ở chỗ tốt thì nó tốt, mà ở chỗ xấu một thời gian nó cũng đục, cũng nhơ.

“Chẳng được ở nhà dân, chẳng được ở chùa cô Ni.”

Kinh Pháp Cú kể chuyện ngài A-na-luật trên đường đi gặp lúc trời tối, ngài xin ở nhà tín thí. Cô này thấy ngài tướng hảo nên làm đủ cách để gạt gẫm, ngài phải dùng thần thông bay lên nóc nhà.

Ngay trong giờ phút, đó nếu không có thần thông thì quý thầy làm sao? Tông cửa? Cửa sắt khóa hết làm sao tông? Phật nói, đời hậu thế sau này không có thần thông như ngài A-na-luật thì sao?

Cho nên Phật chế giới không được ở nhà dân. Mà ngủ chỗ nào thì phải có hai thầy trở lên mới được. Tổ Tuyên Luật Sư dạy, thứ nhất là tiêm nhiễm tình sanh, thứ hai là khiến người đời chê bai. Đi trị bệnh mà không có bà con ở thành phố thì tìm đến chùa ngủ. Nếu có nhà người thân trong gia đình, ngủ ở phòng riêng biệt thì không sao.

Tôi kể thêm để quý thầy kinh nghiệm. Có vị thầy ở Sài gòn được một cô Phật tử thỉnh về nhà làm lễ an vị Phật, thầy cũng thiết tình đến. Vừa đến thì cô này khóa cửa lại hết. Thầy sợ quá nhưng cũng lạnh trí nói: “Khoan, mở cửa để thầy ăn sáng xong rồi tính.” Cô này vừa mở cửa là thầy bỏ xe, bỏ đồ chạy luôn. Lúc này phải dùng trí chứ đừng nói là tông cửa!

Người xưa nói “khôn ba năm, dại một giờ”. Trong lúc hạ thủ công phu thì nghiệp nó không đến, nhưng khi nó đến chỉ trong tích tắc. Nghiệp đến mà ở trong chúng thì mới chuyển hóa được. Chẳng hạn cái nghiệp mà ngày này, tháng này, năm này sẽ bị, nhưng nhờ duyên tốt đưa quý thầy vô thất. Trên thì có Hòa thượng, dưới có thầy Trụ trì, chung quanh là đại chúng, tất cả năng lực đó đều phóng ánh hào quang thì làm sao nghiệp đến được.

Tôi biết một vị thầy nhập thất mười hai năm, năm thứ mười ba mở cửa thất chạy xuống làng phạm giới. Tại sao nhập thất mười hai năm không bị mà đến năm thứ mười ba lại

bị? Năm thứ mười ba, tự nhiên thầy ngồi nhớ lại cô Phật tử dưới phố ngày xưa. Nhớ suốt chịu không nổi, phải mở cửa thất xuống làng, phạm giới rồi hoàn tục luôn. Đạo lực có nhưng chưa đủ nên không thắng nổi nghiệp lực!

Gặp trường hợp này phải chuyển hóa như thế nào? Phải nhờ huynh đệ, hoặc phải can đảm, lấy dây xích khóa cửa ba vòng, nhốt mình trong đó không cho thấy cảnh vật gì ở bên ngoài, chuyên tu thiền định. Ngồi thiền suốt, có một lúc cái nghiệp này nó lắng xuống thì vượt qua được, thường phải mất khoảng nửa tháng hoặc một tháng.

Tu mà có dụng công một thời gian sẽ trải qua cảnh giới này, nếu đang ở trong thất thì càng khủng khiếp. Phải tìm cách chuyển hóa chứ không được bước ra khỏi thất, bước ra gặp bất cứ tình huống nào cũng phạm được. Nghiệp lực nó đến, đạo lực không thắng được mà phải nhờ đại chúng, nhờ thầy Tổ. Ở trong thất hai mươi một ngày, bốn mươi chín ngày hoặc ba tháng mà được yên ổn là nhờ năng lực hộ niệm của Hòa thượng, của thầy Trụ trì và của đại chúng, rõ ràng như vậy. Chứ tu một mình, nghiệp nó đến chắc không qua được.

“Chẳng được cùng Thầy đồng ở mà làm tất cả các việc ác trong thế gian. Thứ nhất là vì lợi buôn bán, giao kết tới lui. Thứ hai là học tập nghề, hay hát xướng, đóng tuồng. Thứ ba là đi sứ bốn phương đều gọi là việc ác.”

Bài Phép Thờ Thầy cần học để biết phải tu tập và thờ thầy như thế nào cho đúng oai nghi, đúng phép.

3. Theo Thầy Ra Đi

“Chẳng được trải qua nhà người khác. Tức là phải đi chánh niệm, thu thúc sáu căn.”

Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Nghĩa là sư trưởng xuất hành, đệ tử phải đi theo chẳng được trải qua nhà người khác.”

Đi với Thầy mà mình tách ra đi thăm người khác thì không được.

“Nghĩa là chẳng được sư trưởng ở một nhà, đệ tử lại đi qua nhà người khác. Mất cái đạo tương trợ cùng đi.”

Tại sao thầy lại dắt đệ tử đi theo? Đệ tử coi ông thầy, ông thầy coi đệ tử chứ không có gì lạ. Chẳng được sư trưởng ở một nhà, đệ tử lại đi qua nhà khác. Phải ở hầu thầy, nhiều khi thầy đau bụng, trúng gió gì đó thì quý thầy cạo gió chứ nhờ ai? Rất nhiều trường hợp có thể xảy ra với Thầy, đệ tử cần phải ở cùng Thầy để chăm sóc.

Ngày trước, khi ở nước ngoài, đi giảng bất cứ nơi đâu, tôi đều nhờ một Phật tử nam thân tín đi theo. Một mình một ngựa mà đi là chết!

“Dẫn cho qua nhà cha mẹ, đàn việt, nếu thầy chẳng ghé cũng chẳng được vào.”

Thầy không cho, thầy nói ở với thầy đừng đi thì không được đi. Hôm nào đi theo thầy Trụ trì về Sài gòn, nhà quý thầy cũng ở Sài gòn. Quý thầy xin ghé về nhà thăm cha mẹ mà thầy nói không được, ở lại với thầy mà quý thầy đi là phạm giới.

Luật nói:

“Chẳng được đi xa khiến chẳng thấy nhau, phải cùng nhau mà đi như đuổi một cánh tay. Nếu trước có voi ác, trâu ngựa... phải hướng về thầy mà nói, trước tránh qua một bên.”

Đi như vậy, lúc nào cũng thấp, đi sau Thầy, đuổi cánh tay là gặp Thầy liền. Đi đường nhiều khi gặp trâu, ngựa... Thầy lớn tuổi mình phải dắt Thầy đi.

“Chẳng được đứng bên đường cùng người nói chuyện. Chẳng được liếc ngó hai bên, phải cúi đầu theo sau thầy.”

Thầy đi trước, quý thầy đi sau liếc ngó tùm lum, người ta nhìn vào nói: “Thầy dạy đệ tử kỳ vậy, mắt liếc tới liếc lui”. Cho nên lúc nào cũng thu thúc chánh niệm, đi sau Thầy.

Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Trong ba ngàn oai nghi, hạnh là đệ nhất. Tỳ-kheo giữ hai trăm năm mươi giới.”

Sa-di giữ mười giới và hai mươi bốn oai nghi, hạnh là đệ nhất tối thượng. Người ta quý kính mình cũng nhờ cái hạnh.

“Đến nhà người đàn việt phải đứng một bên thầy, thầy dạy ngồi mới ngồi. Đến chùa, am khác, thầy lễ Phật hoặc mình lễ, chẳng được tự nhiên đánh khánh, đánh chuông. Hoặc thầy đi núi phải đem đồ ngồi cho thầy.”

Đến chùa nào khác nếu tự động gõ khánh, gõ chuông là Thầy Trụ trì ở đó biết mình chưa học oai nghi phép tắc gì hết.

“Hoặc đi đường xa chẳng được cách thầy xa lắm. Hoặc lội nước phải cầm cây dò thử sâu hay cạn. Mang bình, cầm tích trượng, còn nhiều việc hầu thầy đủ như trong luật, vẫn nhiều nên ở đây không chép. Hoặc tình cờ chia ra đi, hẹn chỗ nào nhóm, chẳng được tới sau.”

Có nghĩa là phải luôn tới trước thầy.

Câu chuyện Trương Lương trả hận nước Hàn:

Nước Hàn bị nước Tần đánh, một hôm Trương Lương buồn đi lang thang, gặp một ông lão trên cầu Hạ Bì. Từ xa đi tới, ông lão cố ý làm rớt chiếc dép xuống dưới cầu, bảo Trương Lương nhặt lên. Trương Lương ngạc nhiên bởi giọng điệu khó nghe của ông lão, nhưng thấy ông đã lớn tuổi nên cũng lội xuống sông nhặt lên và xỏ dép vào chân cho ông. Sau đó ông lại làm rớt xuống lần nữa, Trương Lương lại nhặt lên, ba lần như thế, ông lão biết người này dạy được nên hẹn Trương Lương năm ngày sau vào lúc sáng sớm, quay lại chỗ này để gặp ông.

Năm ngày sau, trời vừa tờ mờ sáng, Trương Lương đã đến nơi hẹn, không ngờ ông lão đã có mặt ở đấy từ lúc nào. Ông lão đuổi Trương Lương về, hẹn năm ngày sau nữa. Qua năm ngày, lúc gà vừa gáy sáng, Trương Lương đã đến bên đầu cầu, nhưng ông lão cũng đã có mặt ở đó, ông lại đuổi Trương Lương về và nói năm ngày sau nữa hãy tới. Lần thứ ba thì Trương Lương không dám trễ nữa, nửa đêm canh ba đã đến bên cầu

đứng đợi. Ông lão thấy dạy được rồi nên mới trao cho Trương Lương bộ “Thái Công Binh Pháp.” Trương Lương đem về học, sau này phụ với Hán Cao Tổ.

Sách xưa ghi rất rõ, đệ tử phải luôn tới trước Thầy.

“Thầy chúng trai phải đứng hầu mà xuất sanh. Trai xong phải đứng hầu thầy mà cất của cúng. Xuất sanh gọi là niệm, xong cúng dường, phụng trì giáo huấn của Như Lai, trước xuất một phần ăn thí các quỷ thần, chúng sanh. Trong Viên Hương Khổng Ký Minh có nói, thí giả tống thực phải trước tịnh khí an ổn chỗ tịnh, trì chú và quán tưởng,”

Thầy chúng trai phải đứng hầu mà xuất sanh. Trong lúc cúng chim đại bàng phải thành tâm, chánh niệm thu thúc lục căn thì chim đại bàng mới đến. Vào thời đức Phật cũng vậy, những vị trì chú, quán tưởng thì có công đức lớn. Tâm thức không được yên ổn, nhớ đâu nghĩ đó thì chim đại bàng chạy mất.

Trai xong phải đứng hầu thầy mà cất của cúng, bỏ vào đĩa đem về chia cho huynh đệ ăn nữa, chứ không phải người ta cúng dường bánh trái rồi ra sau ăn hết.

“Ăn xong rửa bát nói một thời pháp. Tại gia thực hành tài thí, mà xuất gia thì thực hành pháp thí.”

Vào thời đức Phật, ăn xong dọn chén bát hết, rồi thuyết một bài pháp ngắn. Bây giờ cũng vậy, đến nhà Phật tử, sau khi ăn xong, người ta cúng dường, quý thầy phải nói một bài pháp ngắn, biết gì nói nấy, chẳng hạn nói: “Ở Thiền viện quý thầy sáng ba giờ rưỡi ngồi thiền, ngồi thiền rất là miên mật. Biết tại sao phải ngồi thiền không...,” cũng là một bài pháp trả nợ công ơn tín thí. Chứ ăn xong, quý thầy đứng dậy đi liền là không được, mình thì thiếu nợ mà tín thí không được lợi ích gì hết.

Vào thời đức Phật, có vị sư lớn tuổi, sau bữa ăn sư được tín thí mời giảng, sư khổ tâm vì không biết thuyết pháp nên than: “Mình ngu si thật là khổ!” Dưới pháp hội nghe vậy, tưởng sư dạy rằng kẻ nào ngu si là khổ nên chúng đạo hết.

4. Nhập Chúng

“Là chẳng được tranh chỗ ngồi, chẳng được ngồi chỗ cao xa, kêu nhau nói cười. Trong chúng có sơ thất oai nghi phải giấu kỹ, bày cái pháp lành.”

Trong chúng lỡ mất oai nghi, thì phải giấu kỹ, chứ không được nói cho cư sĩ biết. Chẳng hạn về nhà cư sĩ hay về nhà cha mẹ, quý thầy kể: “Ông thầy đó hay ngồi chồm hổm, ngồi rung đùi...” là không được, phải giấu. Ngồi chồm hổm là mất oai nghi, người ta coi thường.

Sa-di Học Xứ ghi:

“Phàm muốn vào chúng phải đầy đủ năm pháp: Thứ nhất là nên dùng từ tâm, thứ hai là tâm phải khiêm cung thấp mình xuống. Thứ ba là phải biết pháp tọa khởi, thứ tư là ở trong Tăng kia chẳng bị tạp loạn, thứ năm là nếu thấy trong Tăng có việc chẳng có thể nhẫn nên im lặng.”

1— Thứ nhất là nên dùng từ tâm.

Phải dùng từ tâm thương xót đại chúng.

2- Thứ hai là tâm phải khiêm cung thấp mình xuống.

Lục Tổ dạy:

“Trong tâm khiêm hạ là công, bên ngoài hành lễ phép là đức. Nếu người tu công đức, tâm tức không có khinh, thường hành khắp kính. Tâm thường khinh người, ngô ngã không dứt tức là không công, tự tánh hư vọng không thật tức là tự không đức. Vì ngô ngã tự đại thường khinh tất cả.”

Vào trong chúng luôn giữ tâm khiêm hạ, thấp mình thì ở chỗ nào cũng được.

Thiền thoại có ghi:

Học tăng trong thiền viện Long Hồ họa bức tranh rồng đấu với hổ mà vẽ mãi không thành. Tuy sửa đổi nhiều lần mà những chi tiết trong tranh vẫn chưa ổn. Chợt gặp Thiền sư Vô Đức từ ngoài vào, học tăng thỉnh ngài chỉ dạy. Thiền sư xem xong nói: *Rồng đang công kích tới trước, đầu phải thụt lùi ra sau, hổ muốn chồm lên thì đầu phải mọp xuống. Rồng thụt đầu ra sau thì cổ càng lớn, đầu hổ càng sát đất thì nhảy vọt càng cao.”*

Nhân cơ hội này Thiền sư Vô Đức chỉ dạy: *“Làm người xử sự với nhau và đạo lý tham thiền tu đạo cũng giống như thế, lùi lại một bước về sau thì khả năng tấn công về trước càng xa; phản tính khiêm hạ thì năng lực vươn lên lại càng cao.”*

Cũng như các thế võ Thiếu Lâm Tự, muốn đánh là phải lùi bước, lùi bước thì tấn đến mới nhanh. Càng thụt lùi thì đối phương càng sợ, vì không biết mình đang thủ cái thế gì. Đó là người có võ. Còn người không võ mà thụt lùi là chuẩn bị chạy. Trong ba mươi sáu thế, thế cuối cùng là bỏ dếp chạy!

Phương pháp tu đạo cũng vậy, phải khiêm nhường. Khiêm nhường là lúc đang tiến lên. Áp dụng như thế sẽ có năng lực làm Phật sự sau này. Ngày xưa, nếu tôi học kỹ chỗ này thì làm Phật sự không thất bại. Cưng quá thì tự nó gãy, đổ vỡ hết.

Ngài nói bài kệ:

*Tay cầm mạ non cấy xuống ruộng,
Cúi đầu nhìn thấy trời trong nước,
Thân tâm thanh tịnh mới là đạo,
Lùi bước chính là đang tiến lên.*

Cúi xuống nhìn mặt nước thấy bầu trời, thấy trăng sao, thấy đủ thứ hết. Cấy lúa phải đi lùi, nếu đi tới thì giẫm đạp lên lúa. Mà đi lùi thì thấy sanh trường, chỗ nào cũng màu xanh hết. Lùi bước chính là đang tiến lên.

Tại sao mình tu mà còn cống cao ngã mạn? Ngài Trí Chiêu Luật Sư có dạy:

“Tiếng Phạn gọi là bhiksu, Trung Hoa dịch là khát sĩ, tức có nghĩa là người xin ăn. Nghĩa là bên trong thì xin giáo pháp của mười phương chư Phật để trị tâm, bên ngoài thì xin cơm của đàn việt để nuôi thân. Cũng phải giữ từ, trước nhất là tóc râu, cái mà người đời quý trọng cũng phải cạo bỏ hết; giàu sang của bảy báu tràn đầy cũng vứt bỏ đồng như cỏ rác; tôn quý quyền uy nhất phẩm mà cũng xem đó khác gì mây khói. Chán ngấy thân vô thường, xét cùng tột đến gốc rễ nguyên chơn, muốn cho chí khí thanh cao hẳn phải dẹp thân giả tạm.”

Theo ngài, sở dĩ tu mà không khiêm nhường, lại còn cống cao ngã mạn là vì xét không thấu đáo cội nguồn. Phải nghiệm lại mình là ai. Là khất sĩ! Khất là xin, khất sĩ là người ăn xin thôi chứ gì đâu. Trên thì xin giáo pháp mười phương chư Phật, dưới xin của đàn-na tín thí để nuôi cái thân này. Là khất sĩ tại sao còn ngã mạn? Xét đi xét lại cho thấu tột cội nguồn thì tâm ngã mạn chìm xuống, tâm khiêm cung sẽ lặn át lên và có năng lực thù thắng.

“Cầm tích tượng giống như cầm gậy khô, kẻ ăn mày mang bình bát nào khác mang chén mẻ. Vai khoác cà-sa xem như mặc áo rách, tay mang túi đầy xem đồng như túi cối. Phải trong sạch nuôi mạng sống, giữ mình tắm nhuần trong tám Thánh đạo.”

Ngài nói rất rõ, phải xét cội nguồn coi mình như người ăn mày ăn xin. Coi được như thế thì vào trong chúng làm bất cứ chuyện gì cũng được, mà luôn luôn khiêm nhường. Ngài nói khiêm nhường là năng lực của đạo.

Kinh Tiểu Tập Thí Dụ quyển Hai có kể câu chuyện:

Ở nước nọ, có vị thầy chuyên tụng chú để cảm hóa rồng. Thầy tắm rửa sạch sẽ, đem bình đựng đầy nước đến bên ao rồng tụng chú. Khi ấy, rồng ở trong ao thấy lửa từ đáy ao phọt lên rồi lan ra khắp ao, chỗ nào cũng đều có lửa. Rồng quá sợ hãi, ngược đầu nhìn lên núi, lại thấy lửa lớn đốt cháy núi rừng. Không thấy chỗ nào để nương tựa, khắp nơi đều bị lửa đốt cháy, không có nơi nào làm đất dung thân, chỉ còn lại bình nước mát là nơi có thể vào đó tị nạn. Muốn vào bình nước mát đó, phải dẹp bỏ thân lớn biến thành thân hình nhỏ gọn mới có thể vào được.

Phật ví ao rồng như là cõi dục. Ngược nhìn lên núi ví như cõi sắc, cõi vô sắc, tức là ba cõi đều bị lửa dục thiêu đốt. Thầy tụng chú cảm hóa rồng ví như Bồ-tát. Dùng chú thuật ví như pháp phương tiện. Lửa lớn đốt cháy ví như hiện cảnh vô thường. Rồng có thân to ví như lòng kiêu mạn. Thân hình nhỏ ví như lòng khiêm tốn. Muốn đạt đến chỗ chánh định, chánh thọ, phải thu thúc, biến thành hình nhỏ thì mới vào được tam muội này.

Qua bài này, quý thầy thấy rằng ở trong chúng không được có tâm kiêu mạn. Muốn vào được nước chánh định, ngộ nhập được tri kiến Bát-nhã phải luôn có tâm khiêm hạ.

3- Thứ ba là phải biết pháp tọa khởi.

“Sa-di tiểu chúng thấy người thọ cụ túc giới trọn nên khởi đứng dậy.”

Thấy người thọ giới trước, thì đứng dậy xá chào.

“Nếu thấy thượng tọa chẳng nên ngồi yên.”

Chẳng hạn mình đang lật rau hay làm bất cứ công việc gì mà quý thầy lớn như thầy Trụ trì, Thầy cố vấn đi qua mình phải đứng dậy.

“Nếu thấy hạ tọa chẳng nên khởi đứng.”

Người nhỏ hơn mình, không đứng dậy không có lỗi.

4- Thứ tư là ở trong Tăng gia chẳng bị tạp loạn.

Tổ dạy, ở trong Tăng chúng chẳng theo người đàm tiếu việc đời. Trong tăng đường, người ở đơn kế bên nói chuyện, nhất là những chuyện ngoài đời, nếu không tỉnh giác, chánh niệm thì mình dễ chạy theo, dễ bị vọng tưởng dẫn.

5- Nếu thấy trong Tăng có việc chẳng có thể nhẫn nên im lặng.

Nghĩa là việc nào nhẫn được trong nói năng thì nhẫn trong nói năng, chẳng thể nhẫn trong nói năng thì nên nhẫn trong im lặng.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Đệ tử Phật Thánh trụ trong hòa hợp có hai thứ pháp: thứ nhất là nói năng như Hiền Thánh, thứ hai là im lặng như Hiền Thánh.”

Hồi xưa, tôi hiểu nói năng như Hiền Thánh là nói Phật pháp. Nói Phật pháp tức là nói về Kinh Phật. Nói về Kinh Phật mà như cãi lộn thì giống Hiền Thánh chưa? Chuyện này trong Tăng chúng hay vấp phải. Mới đầu thì cũng nói Phật pháp, nhưng sau đó thì tranh luận Phật pháp! Như trong bài Sám Hối sáu Căn: *“Kinh luận tranh giành, cùng nhau công kích.”* Như vậy không phải là Hiền Thánh nữa.

Sau này được Hòa thượng, rồi quý thầy lớn chỉ dạy, mới giật mình về điểm này. Nói Phật pháp mà giống như công kích, hơn thua với nhau, các ngài gọi là nói năng như La-sát, chứ không phải như Hiền Thánh. Rồi giận, mà không nói nữa, các ngài gọi là im lặng như A-tu-la! Vì im lặng mà bên trong bức bối!

Phật nói pháp là vì chúng sanh phá chấp. Chư Tổ cũng vậy. Chẳng hạn có người hỏi: *“Có định nghiệp hay bất định nghiệp không?”* Thì quý thầy nói có cũng được mà nói không cũng được. Có một vị Tăng đến hỏi Lục Tổ Huệ Năng: *“Phật tánh là thường hay vô thường?”* Rõ ràng Phật tánh là thường hằng, tất cả Kinh Phật đều nói thế nhưng Tổ nói vô thường, bởi phá cái chấp thôi. Vì chấp cái gì cũng là thường nên Tổ nói vô thường để phá.

Biết được như vậy rồi ai nói gì thì nói, mình im lặng, đó gọi là im lặng như Hiền Thánh. Lục Tổ nói rằng, nói với người đồng kiến, đồng hành để cho họ hiểu, tu là nói năng như Hiền Thánh, trong chúng cũng cần như thế.

Hiểu sâu hơn nữa, nói năng như Hiền Thánh không hẳn là chỉ nói chánh pháp. Lúc nào cũng đưa Phật pháp ra, nhiều khi người ta không thích mà còn giận mình nữa. Như vậy, nói cho đúng tinh thần là tùy theo hoàn cảnh mà nói lời nhu nhuyễn, thanh tịnh, cởi trói cho họ là nói năng như Hiền Thánh.

Còn có những trường hợp không nói gì mà dùng sự im lặng mở trói cho họ, thì đó là im lặng như Hiền Thánh. Điều đó mới quan trọng, chứ không phải tranh cãi, công kích, luận bàn, cho dù luận bàn Phật pháp thì cũng không đúng.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Chẳng được tranh chỗ ngồi. Nói chẳng có từ tốn, mà ngồi còn chẳng có thích nghi, huống nữa là tranh u? Song trong từng lâm, vị trí chỗ ngồi mỗi mỗi có thứ lớp. Sa-di lấy giới pháp thứ lớp mà ngồi. Nếu có tranh thì mất pháp độ từng lâm.”

Ngồi ăn cơm, ngồi thỉnh nguyện, bất cứ sự việc nào cũng đều lấy giới pháp làm trọng. Sa-di xuất gia cùng một lượt thì lấy tuổi đời làm mốc. Còn Sa-di xuất gia trước, cho dù một tháng, hai hay ba tháng cũng ngồi trước cho dù mình nhỏ tuổi hơn. Đây là Sa-di lấy giới pháp làm thứ lớp mà ngồi.

Trong Kinh A Hàm có câu chuyện:

Vào thời Đức Phật, một hôm Phật báo đại chúng là hôm nay đi du hành xa. Trong chúng lúc này có lục quần Tỳ-kheo đi theo. Họ tranh chỗ ngủ, để Tôn giả Xá-lợi-Phất ngủ ngoài hiên. Sáng hôm sau Phật biết được, ngài kể câu chuyện: Con voi, con khỉ và con kén chơi với nhau rất thân. Một hôm, chúng tìm hiểu thì biết được con kén lớn tuổi nhất, nên lúc nào cũng nhường kén đi trước.

Phật nói, pháp Phật bình đẳng về tánh Phật nhưng cũng phải có thứ lớp. Người thọ giới trước đi trước, thọ giới sau đi sau thì mới đúng pháp độ từng lâm. Chẳng hạn, có vị Tỳ-kheo nào đến, quý thầy phải hỏi vị đó được bao nhiêu hạ để sắp xếp chỗ ngồi hay ngủ nghỉ. Phải lấy pháp độ từng lâm làm chính.

“Chẳng được ngồi chỗ cao xa, kêu nhau nói cười.”

Người học oai nghi phép tắc, rồi chịu khó áp dụng một thời gian sẽ rất là thuần, cho dù tuổi nhỏ. Còn những người ỷ mình đã thọ giới cụ túc, hoặc nghĩ mình lớn rồi, không cần học oai nghi phép tắc thì người ta nhìn biết liền: “Thầy này tuy thọ giới Tỳ-kheo nhưng chắc không học oai nghi.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Đây như các Bà-la-môn tụ họp không khác, chẳng thành Tăng thể. Nếu có việc cần, phải đàn chỉ khiến biết, nói nhỏ khiến nghe. Nếu ở xa kêu nhau nói cười coi như không người, làm mất oai nghi động chúng, lỗi chẳng phải nhỏ.”

“Trong chúng có mất oai nghi phải ẩn ác, dương thiện, nghĩa là ẩn cái ác của người, nêu bày cái thiện của người. Ẩn ác thì tự thêm lớn công đức, dương thiện thì khiến chúng thêm xán lạn. Diễn Tổ nói: Người xưa vui cái nghe lỗi của mình, vui đối với việc làm thiện, thêm lớn đối với sự đùm bọc thân sơ, coi trọng đối với việc ẩn ác, lấy sự khiêm tốn giao hữu, lấy việc tinh cần giúp chúng, chẳng dùng hai tâm được mất, cho nên ánh sáng to lớn chiếu khắp huy hoàng xưa và nay.”

Trong chúng mà có mất oai nghi thì cũng đừng nêu cái xấu của chúng ra. Chẳng hạn có một thầy nào đó hay giỡn, hay cười làm mất oai nghi phép tắc thì cũng đừng có kể ra: “Thầy đó như thế, như thế...” Phải ca ngợi công đức của từng lâm cho cha mẹ, người thân biết để họ phát khởi tín tâm. Đó gọi là ẩn ác, dương thiện. Ẩn cái ác của người thì tự thêm lớn công đức, phát huy được tâm bao dung và tha thứ. Nêu cao cái thiện, từng lâm được cư sĩ Phật tử, người thân mình biết đến, nên khiến chúng thêm xán lạn.

Người xưa tu họ rất coi trọng chỗ này, tức là luôn luôn ẩn ác. Còn mình, mới nghi thôi chứ chưa thấy chính xác, đã đi đâu này đâu kia nói cho mọi người biết. Người tu bây giờ thấp hơn người xưa rất nhiều, cho nên đạo rất là xa. Nhiều khi nói, tu bây giờ sao

không ngộ đạo giống như người xưa. Sao mà ngộ được, không chịu ẩn ác dương thiện, tự tánh bị che lấp, ngày càng lu mờ nên không bằng người xưa.

Thiền sư Linh Nguyên nói:

“Phải khéo ở trong Phật pháp mà dụng tâm, ở trên trần cảnh mà dẹp tình. Dưới lớp áo cà-sa sợ mất thân người thật là khổ nên phải ẩn ác dương thiện.”

Muốn chắc chắn kiếp sau được làm người, mặc áo cà-sa nữa là luôn phải ẩn ác dương thiện.

“Chẳng được khoe sự nhọc để rõ công lao của mình. Phàm ở đâu ngủ không nên ngủ trước người, dậy không nên dậy sau người.”

Quý thầy làm việc cực nhọc, ban điện, ban nước hoặc ban gì đó mà đi chỗ nào cũng nói: “Không có tui thì không có điện nước xài, hoặc không có tui thì không có đậu hủ ăn...” Đi đâu cũng khoe sự nhọc thì không có công đức, cũng không có phước đức.

Nhiều khi mình tưởng làm những việc này là cho Hòa thượng, cho thầy Trụ trì, cho đại chúng, thật ra mình làm cho chính mình. Đi tu, ai cũng muốn thành tựu quả vị Phật, mà hành Bồ-tát đạo thì phải làm tất cả mọi việc mới thành tựu quả vị Phật được. Thấy được như thế thì từ việc lớn tới việc nhỏ, quý thầy đều làm hết sức mình, làm trong chánh niệm, trong an lạc thanh thoi chứ không phải làm mà gượng ép.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Không ngủ trước và dậy sau có hai việc: thứ nhất là mình khỏi giải đãi, thứ hai là khỏi động niệm chúng.”

Điều này quan trọng nhất. Chúng dậy hết rồi, súc miệng, rửa mặt chuẩn bị ngồi thiền mà mình vẫn còn ngủ, thí dụ trong Tăng đường có mười chín người, thì mười tám người khởi niệm. Mà khởi niệm thì khó tu. Hễ mình ngủ thì chắc chắn họ khởi niệm.

Nên thiền sư Kiến Nguyệt Lão Hòa thượng khai thị chúng rằng:

“Mình dậy sớm là được cái sức tinh tấn. Tinh tấn là bảo vật tu đạo. Phật Tổ do đây mà thành, phiền não nhân đây mà đoạn. Là Thích tử há có thể giải đãi ư?”

Thành Phật, tác Tổ là do sức tinh tấn mà thành. Phiền não nhân đây mà đoạn, tức là bệnh tật, phiền não chướng, sở tri chướng, những cái chướng nạn của mình nhân nhờ sự tinh tấn mà đoạn trừ.

Một hôm Phật bảo tôn giả A-nan đọc cho Phật nghe *Thất Bồ-đề Phần*, đến đoạn *Tinh Tấn Như Ý Túc*, Phật ngồi dậy liền dù ngài đã lớn tuổi và bị đau lưng. Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, tại sao đọc đến đoạn “*Tinh tấn như ý túc*”, Thế Tôn lại ngồi dậy?

Phật trả lời:

– Bài này không chỉ Như Lai nói mà mười phương chư Phật đều nói như vậy.

Kinh Di Giáo Phật dạy:

“Tỳ-kheo các ông nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc gì là khó. Thế nên các ông phải chuyên cần tinh tấn, thí như giọt nước chảy luôn có thể soi thủng phiến đá. Nếu như tâm của hành giả thường thường biếng nhác bỏ bê, chẳng khác nào kéo lửa chưa nóng mà ngưng, tuy muốn được lửa, lửa cũng khó được. Ấy là công đức tinh tấn.”

Phật dạy rất là rõ, ngày xưa không có hộp quẹt gas, muốn có lửa phải dùng hai cây tre cọ xát liên tục cho nóng thì lửa mới phụt lên. Còn ở đây quý thầy cọ cọ một lát rồi bỏ. Tại sao thời nay tu khó chứng đạo hơn ngày xưa? Nghiên cứu sử, tôi thấy các ngài chứng đạo nhanh hơn, vì các ngài luôn khắc khoải ưu tư về vấn đề sanh tử, việc sanh tử luôn đặt lên hàng đầu: Tại sao mình sanh ra trong cõi đời này? Mình có mặt trong cuộc đời này để làm gì? Chết đi về đâu? Sanh tử sự đại vô thường tấn tốc luôn thúc các ngài nên các ngài tu tiến.

Người tu bây giờ chấp nhận hoàn cảnh, hoàn cảnh sao cũng mặc kệ để y như vậy chứ không phấn đấu vươn lên. Sáng ngồi thiền cũng được, không thì trưa hay chiều, cái gì cũng được, cho nên tu không bao giờ tiến.

Có lỗi, bị quý thầy lớn rầy, mình buông hai câu: “Bất quá tôi cởi áo hoàn tục, ra đời là xong!” Tư tưởng như thế nên đạo rất xa. Quý thầy đừng để cái niệm đó xảy ra trong tâm thức của mình. Chắc gì ra đời rồi tu được nữa, hoặc kiếp sau chắc gì gặp Phật pháp nữa.

Cho nên trong Kinh Bội Sao Phật nói:

*Người muốn làm việc gì,
Như đào giếng lấy nước,
Phải đào mãi không thôi,
Chắc chắn sẽ được nước.*

Làm việc cũng giống như đào giếng. Đào xuống nửa chừng, gắp cục đá rồi bỏ, thì cái pháp tinh tấn nó không có nữa. Các ngài gặp bất cứ việc gì cũng đều gắng sức. Đi tu rồi thì trên đầu chỉ nhớ một chữ tu chớ đừng nghĩ gì khác. Đừng nghĩ phải ráng học để lấy bằng cấp, rồi mai kia không biết làm trụ trì ở đâu. Bỏ hết, chỉ nghĩ tu thôi. Tu mà thành tựu, đủ sức rồi thì tự nhiên có người mời, thậm chí thỉnh mình đi. Còn chưa đủ đức thì phải ráng tu cho được thành tựu.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phàm rửa mặt chớ nên hao nhiều nước, một là phòng ngừa người sau thiếu nước, hai là phải tích chứa phước mình.”

Tôi chứng kiến nhiều người trong chúng, mở hết cái vòi nước, kê mặt vô rửa, chà suốt. Mà phước mình bao nhiêu không biết. Người xưa không phải như vậy:

*Nhiệt thủy dụng nhưn thiêu,
Lãnh thủy dụng nhưn khiêu,
Nhược bát giải tu hành,*

Túng hữu hà sa phước diệt tiêu.

Nghĩa là:

*Nước nóng công người nấu,
Nước lạnh công người gánh,
Nếu không hiểu tu hành,
Hàng sa phước đức cũng tiêu tan.*

Ngày trước không có bình nước nóng như bây giờ mà phải nấu, tắm rửa cũng phải nấu. Bây giờ nước nóng dùng điện. Tiền điện hàng tháng, cũng là *nước nóng công người nấu*, cứ xả xài thoải mái luôn! Rồi gì nữa? *Nước lạnh công người gánh*, máy bơm, cũng tiền điện, tiền nước. Tiền của đàn-na tín thí. *Nếu không hiểu tu hành, hàng sa phước đức cũng tiêu tan.* Đó là Cổ đức nói.

Kinh Tạng Thí Dụ quyển Hai có ghi: A-nan bạch với Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, ngài sinh trong vương cung, xuất gia tìm đạo, sáu năm khổ hạnh, sau đó ngồi dưới gốc cây Bồ-đề mà được giác ngộ thành Phật. Như vậy quả Phật có phải là dễ được không? Thành tựu rất là dễ phải không?

Phật không trả lời mà kể câu chuyện:

– Ngày xưa, có vị trưởng giả giàu có biết rằng ở vùng biển phía Bắc có một giếng sò, nếu chúng ăn máu thì tiết ra một loại quý. Ông cùng nhiều người đến vùng biển đó, trích lấy máu trong thân, đựng trong túi đặt dưới đáy biển. Con sò nghe mùi máu tanh sẽ đến và tiết ra chất ngọc quý. Lựa chọn suốt ba năm mới được hạt ngọc bội châu. Trên đường về, một số người muốn giành hạt ngọc nên xô ông xuống giếng rồi lấp lại. Không ngờ, dưới giếng có một cái hang nên ông thoát được trở về. Về nhà, ông tố giác những người hại ông nên họ phải trả ngọc lại cho ông.

Một hôm, người con lớn hỏi:

– Ngọc châu này từ đâu mà có?

Đứa nhỏ trả lời:

– Nó sanh từ trong túi của em.

Đứa lớn nói:

– Không phải, nó được sanh và được cất giữ trong túi nhà mình.

Ông trưởng giả cười nói với vợ:

– Hai đứa nhỏ không biết gì hết.

Rồi ông kể cho hai con nghe, để có được viên ngọc này ông đã rất cực khổ, suýt nữa là mất mạng. Có được viên ngọc không phải là dễ.

Ông trưởng giả ví dụ cho Đức Phật, hai đứa nhỏ ví cho chúng sanh. Chúng sanh tưởng quả vị Phật dễ lắm, tu một thời gian là thành tựu.

Phật nói:

“Muốn thành tựu đạo quả, phải phát tâm tu theo lục độ vạn hạnh của Bồ-tát, tích chứa công đức trong nhiều kiếp, chớ chẳng phải chỉ làm một việc, tu một hạnh, xả bỏ một thân mà có thể thành tựu đạo quả.”

Phật trải qua vô lượng kiếp, tích chứa rất nhiều, làm tất cả các việc phước thiện và tu tất cả lục độ vạn hạnh của Bồ-tát thì mới thành tựu được. Cũng vậy, muốn tu thành tựu quả vị cuối cùng thì phải tích chứa phước. Quý thầy xài hết phước, một thời gian tu không được nữa phải ra đời rất là khổ.

Tôi chứng kiến, một người cùng tôi đi làm Phật sự mà xài nước rất phí. Mỗi lần rửa mặt, xả nước chừng nào xong mới vặn lại, nhiều khi quên, tôi phải vào tắt. Người này tu cũng tinh tấn, nhưng một thời gian hoàn tục ra đời, tu không được. Cho nên mình xài phước phải kỹ.

Trong số những người tu không được mà hoàn tục, cũng có người sung sướng chớ không phải ai cũng khổ. Nhưng tôi nghiệm kỹ, những người đó lúc còn ở trong chúng, họ xả thân làm việc phục vụ cho đại chúng. Họ tu không được nữa họ ra đời nhưng phước họ vẫn còn. Phát tâm xuất gia nhưng mình xài phước phung phí, làm hao tổn của Tam bảo, phá phách trong tông lâm, không kính những bậc trưởng thượng đi trước, bảo đảm những người này ra đời sẽ rất khổ. Quý thầy nhớ lưu ý điểm này mà gắng tu.

Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên có ghi:

Thiền sư Động Sơn xuống nhà bếp thấy tăng chúng làm đồ bún gạo, ngài khởi niệm quả trách thì lúc này thổ địa bước ra đánh lễ, nói là ba mươi năm tìm ngài suốt mà không gặp, hôm nay nhờ ngài khởi niệm quả đại chúng nên con mới thấy.

Đừng nghĩ các thiền sư ngày xưa hiểu thiền, hiểu đạo rồi không quý của Tam bảo, mà các ngài quý trọng từng hạt thóc, hạt gạo, hạt cơm của Tam bảo.

Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên ghi:

Thiền sư Khánh Chư đến pháp hội Qui Sơn làm tri khó, một hôm sư đang sàng gạo, Qui Sơn bảo:

– Vật của thí chủ chớ để rơi rớt.

Sư thưa:

– Chẳng dám rơi rớt.

Qui Sơn lượm ngay trên đất một hạt gạo lên hỏi:

– Ông nói chẳng rơi rớt, đây là cái gì?

Sư im lặng, Qui Sơn lại bảo:

– Chớ xem thường một hạt gạo này, trăm ngàn hạt đều từ một hạt này sanh.

Ở đây ngầm hai ý, một là Hòa thượng Qui Sơn khai thị, thứ hai là phải tiết kiệm của Tam bảo, tiết kiệm của tông lâm. *Chớ xem thường một hạt gạo này, trăm ngàn hạt đều từ một hạt này sanh.* Nghĩa là từ cái nhỏ nhiệm nhất, từ một niệm không ra gì nhưng từ nó

phát sinh vô số các niệm khác. Cũng vậy, một giọt nước, một điều nhỏ nhặt nhưng sau này không tu được, không thành tựu được là do cái ban đầu này.

Cho nên Hòa thượng Tôn sư hoặc Sư phụ Thường Chiếu đều rất kiệm phước. Hòa Thượng đi trên đường thấy một cây đinh, Ngài cũng kêu lượm đem xuống kho. Hòa thượng Thường Chiếu đi ngang chỗ nào thấy một chút rác, thôi ngài cũng cúi xuống lượm bỏ thùng rác để từng lâm được sạch sẽ. Các ngài kiệm phước lắm. Hòa thượng đi xuống nhà khách, thấy nước nhỏ giọt giọt là ngài kêu tắt. Nước nhỏ từng giọt một thời gian rồi cũng đầy tràn. Hòa thượng dạy phải tiết kiệm của Tam bảo, tiền này là của tín thí hùn góp lại.

Sư thưa:

– Trăm ngàn hạt từ một hạt này sanh, chưa biết hạt này từ đâu sanh?

Quý thầy biết hạt này từ đâu sanh không? Thôi để quý thầy tự giải đáp.

Qui Sơn cười to ha hả, trở về phương trượng. Đến chiều Qui Sơn thượng đường bảo đại chúng:

– Trong gạo có sâu, các người hãy tới xem.

Thiền thoại ghi:

“Nên khi xưa Hòa thượng Trạng Đường bình sanh lấy luật buộc ràng nơi thân. Tuy lãnh chúng hoằng pháp, chẳng khác ở trong tăng chúng. Sáng sớm sau khi thức dậy, múc một ít nước rửa mặt lại rửa chân, sau mới lấy nước tưới vào rau quả. Tích phước như thế chẳng dám phé bỏ.”

Hòa thượng Trạng Đường cơ phong cao vút, mà lúc ở trong chúng ngài lấy giới luật làm trọng. Sau này, ngài lãnh chúng, hoằng pháp lợi sanh nhưng ngài sống cũng giống như lúc còn ở trong chúng. Quý thầy thấy không, ra hoằng pháp lợi sanh rồi mà không dám xài nhiều.

“Xia rằng, nhỏ nước phải cúi đầu, đem nước xuống chẳng nên phun nước nhằm người. Chẳng nên hỉ mũi và khạc nhổ lớn tiếng. Chẳng được ở trong chùa, ở trên điện và tháp, cùng nhà sạch, đất sạch, trong nước sạch hỉ mũi, khạc nhổ. Phải hỉ, khạc nơi chỗ khuất.”

Quý thầy mà khạc, hỉ lớn tiếng là Hòa thượng sai thị giả xuống nói liền. Các ngài học luật rất kỹ.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Điện, Tháp là chỗ cúng dường tượng Phật, xá lợi. Nếu hỉ mũi, khạc nhổ thì thần Hộ Pháp giận.”

Quý thầy ở trên chánh điện, hoặc sáng sớm đi ngang qua, quét sân quét rác gì đó, tự nhiên có cục đờm nổi lên, chịu không nổi mình khạc trước chánh điện là bị tổn phước, thần Hộ Pháp giận lắm. Nói chung, đất sạch trong già lam là không được khạc nhổ, tiểu tiện.

“Nhà sạch, đất sạch, chỗ tọa thiền, kinh hành, nếu hỉ mũi, khạc nhổ thì mắc người chế giễu, động tâm người khác.”

Quý thầy lớn tuổi hoặc lớn tuổi hạ mà gặp đầu cũng khạc nhổ chứng tỏ chưa từng học oai nghi, tai hại lắm. Thứ nhất là tổn với già lam, Long thần Hộ pháp, kể là phá kiến cho người sau mất tín tâm Tam bảo. Mấy vị nhỏ tuổi có học luật, học oai nghi họ cười chế giễu: “Ông thầy lớn vào tụng lâm lâu mà không học luật, không học oai nghi phép tắc gì hết.” Quý thầy học, phải nhớ kỹ để làm gương cho người sau.

“Nước sạch để cúng đường, để dùng cúng Phật, cúng Tăng. Hỉ mũi, khạc nhổ làm ô uế, hao tổn phước đức, chuốc họa vào thân.”

Tổ Tuyên Luật Sư kể:

Xưa có một vị Tăng, ban đêm ngồi bên Tháp của Phật, tình cờ ông khởi niệm kinh thường: “Trong luật dạy vậy chứ chắc gì có.” Vừa khởi niệm ông khạc cục đờm, vừa khạc ra ông thấy dưới ánh đèn có một vị Hộ Pháp hiện thân lên đưa cánh tay hứng lấy cục đờm của ông. Vị Tăng kinh ngạc và sợ hãi, từ đó trọn đời thúc liễm thân tâm, ẩn náu chốn núi rừng sâu, không ra độ chúng.

Vị Tăng này có phước lực nên thần Hộ Pháp đưa tay đón lấy, còn mình không có phước lực, thần Hộ Pháp không hiện ra thì mình dính nhân quả.

Hồi tôi làm nhà khách, có người dắt một đứa nhỏ đến trước chánh điện, ngay chỗ cây tùng rồi xi cho bé đi cầu. Tôi lật đật đem cái xô nhựa nhỏ chạy ra kê bên dưới. Xong đầu đó rồi tôi khuyên họ lên lễ Phật sám hối. Phải thật thành tâm không thôi là bị nhân quả. Họ nói họ không biết, nhưng không biết thì bị cái trí si mê, không gặp được thiện tri thức chỉ dạy.

Quý thầy nhớ dạy hàng cư sĩ bạch y, đến chùa thì phải biết những gì không được làm. Ngày qua Canada, tôi cũng dạy một số cư sĩ, nhiều khi họ không biết, họ đi vòng vòng rồi họ tiểu, nam cũng có, nữ cũng có. Tôi kêu lại, tôi nói tiểu như vậy thì bị... Từ đó về sau họ rất sợ, đau tiểu thì phải vào nhà tiểu, không dám tiểu bậy ở trong già lam.

Ở trong già lam đất Phật đều có Long thần Hộ pháp. Những vị này toàn là những bậc quyền thừa Bồ-tát thị hiện. Phật thọ ký các ngài sau này phải thủ hộ già lam, chứ không thì già lam dễ gì yên ổn tu hành.

Kinh Tạng Bảo Tạng Viển Nam có ghi:

Cõi trời Đao Lợi có một vị thiên nữ đầu đội tràng hoa, ánh sáng rực rỡ hơn các vị tiên khác. Trời Đế Thích rất đỗi ngạc nhiên mới hỏi:

*Ngươi tạo phước nghiệp gì,
Thân sáng như vàng ròng,
Sắc sáng như hoa sen,
Lại có oai đức lớn,
Thân chiếu sáng vì diệu,
Mặt tươi như hoa nở,
Sắc vàng chiếu rực rỡ,
Do làm gì mà được,
Xin hãy nói ta nghe.*

Trong kinh diễn tả, phước nghiệp của chư thiên không phải ai cũng giống ai. Do ở dưới này cúng dường, tạo phước nghiệp như thế nào mà thác sanh lên cung trời được thân sắc tướng hơn những người khác. Thiên nữ đáp:

*Xưa tôi lấy vòng hoa,
Cúng tháp Phật Ca-diếp,
Đời này sanh cõi trời,
Được công đức vượt trội,
Sinh ở nơi giữa trời,
Quả báo thân kim sắc.*

Do nhân duyên đến trước tháp Phật Ca-diếp cúng dường chỉ một vòng hoa mà tái sanh lên cung trời Đao Lợi được thân sắc thù thắng. Hôm nào, đi ngang qua tháp của Đức Phật Thích-ca, quý thầy cúng dường vòng hoa hay cúng gì đi nữa mà tâm hoan hỷ, kính tín thì được phước quả thù thắng, phải tin tưởng như thế.

Thích Đề Hoàn Nhơn nói bài kệ tán thán:

*Lạ thay ruộng công đức,
Đã nhỏ hết cỏ xấu,
Hạt giống nhỏ như vậy,
Được quả báo thù thắng.*

Hạt giống rất nhỏ, có một vòng hoa mà được quả báo thù thắng.

*Ai mà không cúng dường,
Cung kính thân vàng tía,
Ai không cúng dường Phật,
Ruộng công đức vì diêu,
Mắt ngài thấy tất cả,
Giống như hoa sen xanh,
Ngươi nên đến cúng dường,
Bạc vô thượng thứ nhất,
Tạo một chút công đức,
Được nhan sắc như vậy.*

“Khi uống nước trà chẳng nên một tay tiếp người. Chẳng được hướng trước tháp xía răng và trước vị Hòa thượng, vị thầy A-xà-lê.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là tháp gồm có Thánh tượng, Hòa thượng, A-xà-lê, Trưởng lão, Thượng tọa và tôn khách. Song khoảng giữa xía răng có uế khí. Vả lại chẳng có thể đối với người thường, huống nữa là đối trước tháp Phật và Hòa thượng, thầy A-xà-lê ư?”

Tam Thiên Oai Nghi nói:

“Chẳng được hướng về Phật, cũng chớ xoay lưng về Phật. Chẳng được hướng về Hòa thượng, các thầy A-xà-lê, cũng chớ xoay lưng về phía Hòa thượng.”

Biết Hòa thượng đi trước, hoặc đi đằng sau, cũng không được xoay lưng mà xỉa răng, luật hay phép tắc oai nghi không cho phép.

“Phàm nghe tiếng chuông chấp tay thăm tưởng bài kệ rằng:

Nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ,

Trí huệ lớn, Bồ-đề sanh,

Lìa địa ngục, khỏi hầm lửa,

Cầu thành Phật độ chúng sanh.

Ăn dầm ra để da tá ha.”

Tổ Tuyên Luật Sư dạy, nghe tiếng chuông là phiền não lắng nhẹ.

Sau này, đến phần Học Tập Kinh Điển, quý thầy nhớ không được đem kinh sách Phật ra giỡn, nếu giỡn thì mất phước, sau khi chết đọa địa ngục, trong kinh dạy rất rõ. Sau khi đọa địa ngục lên làm người ngu đần không biết gì về Phật pháp, tái sanh ở phương nào cũng vào trong nhà tà kiến.

Nghe tiếng chuông phiền não nhẹ là Tổ dạy, là lời của Phật mà tôi thấy có người đọc: Nghe tiếng chuông phiền não nặng, rồi cười khà khà lên, rất tổn phước, kiếp sau ra đời không bao giờ gặp chánh pháp. Đây là lời của Phật, lời của Tổ, từ kim khẩu của các ngài chứng đắc tự thân chứ không phải là nói suông. Cho nên kinh điển mà đem ra giỡn cười là phạm giới. Giới này nhớ giữ kỹ.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghe tiếng chuông chấp tay là biểu thị thành kính, nghĩa là trong tâm đã thành, bên ngoài ắt kính.”

Đây là Tổ Tuyên Luật Sư dạy. Nghe tiếng chuông chấp tay lại, đứng im chánh niệm, phước lực nhiều lắm. Thỉnh chuông có phước lực rất nhiều, quý thầy học lần lần sẽ thấy. Phàm nghe tiếng chuông phải chấp tay chí thành tụng kệ chú.

Xưa Hòa thượng Chí Công giúp đạo nhân cho vua Lương Võ Đế. Vua thấy tướng khổ dưới địa ngục thì hỏi Hòa thượng:

– Khổ ấy làm sao mà dứt được?

Hòa thượng Chí Công đáp:

– Chỉ nghe được tiếng chuông, khổ kia tạm dứt.

Đế Vương liền chiếu chỉ cả trong thiên hạ, các chùa, am giống chuông tiếng ngân chậm rãi.

Dưới địa ngục họ đang tra tấn người nào đó mà nghe tiếng chuông thì sự tra tấn tạm dừng lại. Cho nên thỉnh chuông tâm mình phải rất thành kính mới được.

Kinh Phú Pháp Tạng ghi:

“Tiếng ngân cho thật lâu mới thỉnh tiếng khác.”

Tiếng chuông ngân xa rồi dứt thì mới đánh tiếng thứ hai. Chứ đánh liên tiếp thì không đúng.

Thiền thoại Tinh Vân ghi, Thiền sư Tinh Vân dạy chúng:

“Chuông là hiệu lệnh trong tông lâm Phật giáo. Tiếng chuông buổi sáng là trước nhanh, sau chậm để cảnh tỉnh đại chúng một đêm dài đã qua, chớ có buông lung mê ngủ. Tiếng chuông buổi tối là trước chậm sau nhanh để nhắc nhở đại chúng tỉnh giác con đường tối tăm mê muội.”

Đây là lời Hòa thượng Tinh Vân dạy chúng ở Phật Quang Sơn.

Một hôm, Thiền sư Dịch Thượng xả thiền xong thì nghe tiếng chuông ngân nga trầm bổng, ngài sai thị giả đến hỏi:

– Bữa nay ai thỉnh chuông mà sao khác hơn ngày thường?

Thị giả đáp:

– Bữa nay có một Sa-di từ xa đến tham học thỉnh tiếng chuông này.

Hòa thượng kêu vị Sa-di đó lên hỏi:

– Sáng nay ông dùng tâm nào thỉnh chuông?

Sa-di đáp:

– Bạch Thầy, không có tâm đặc biệt nào cả, con thỉnh chuông chỉ là biết thỉnh chuông mà thôi.

Hòa thượng nói:

– Không phải, khi thỉnh chuông nhất định tâm ông nghĩ về một điều gì vì hôm nay ta nghe âm thanh tiếng chuông vang dội rất là cao quý.

Sa-di suy nghĩ kỹ rồi thưa:

– Bạch Thầy, thật ra không có gì cả. Chỉ là khi con chưa xuất gia tham học, Thầy ở quê thường dạy con khi thỉnh chuông phải nghĩ chuông tức là Phật, cần phải chí thành trai giới, kính chuông như kính Phật, dùng như tâm thiền, như nhập định và dùng tâm lễ bái mà thỉnh chuông.

Nghe xong Thiền sư dạy:

– Kể từ ngày hôm nay, ông nên luôn dùng tâm này để làm tất cả mọi việc.

Sa-di nghe như vậy, từ đó nuôi thành một thói quen, làm việc gì cũng luôn dùng tâm thiền, tâm kính cẩn. Về sau, vị Sa-di này nổi pháp cho Hòa thượng. Ngài là vị Thiền sư nổi tiếng dùng tâm Phật thỉnh chuông, kính chuông như kính Phật.

Quý thầy làm việc cũng vậy, chẻ củi hay làm bất cứ việc gì cũng dùng tâm kính cẩn, chánh niệm thu thúc thì việc nào cũng là việc Phật, việc nào cũng là việc Pháp hết.

Kinh Tăng Nhất A Hàm ghi:

“Hoặc khi thỉnh chuông, nguyện tất cả khổ trong đường ác đều được đình dứt. Hoặc ai nghe tiếng chuông mà khen ngợi bài kệ trừ được năm trăm ức kiếp tội nặng trong sanh tử.”

Nghĩa là nghe tiếng chuông, mình ca ngợi, tán thán.

Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Nói nghe tiếng chuông đây là mượn sự để mà hiển bày lý.”

Oai Nghiêm Sớ nói:

“Nghĩa lớn của Bồ-tát cần yếu là ở trên sự mà tột lý. Sự lý viên dung mới thâm nhập vào sự sự vô ngại pháp giới.”

Các ngài dùng sự để hiển bày cái lý tuyệt đối. Chẳng hạn nói diệt trừ năm trăm ức kiếp tội nặng sanh tử, nghĩa là trong giờ phút này, tâm thức mà rung động thì chuyển được nghiệp.

Kinh Tạng Thí Dụ ghi:

*Văn chung ngọa bất khởi,
Hộ pháp thiện thần sân,
Hiện tại duyên phước bạc,
Lai thế thọ xà thân.*

Có nghĩa là:

*Nghe chuông nằm chẳng dậy,
Hộ pháp thiện thần sân,
Hiện đời phước quá ít,
Đời sau kiếp mạng xà.*

Chúng tôi thuộc nằm lòng bài kệ này, sợ lắm! Làm việc nhiều khi mệt, nằm mà nghe tiếng chuông là bật dậy liền. Mệt mỏi quá, chịu không nổi thì cũng phải ráng ngồi chờ một tiếng hoặc dứt tiếng chuông mới nằm. Không phải trực nhà, nghe tiếng chuông rồi mình nằm luôn. Nghe tiếng chuông nằm chẳng dậy thì Hộ pháp thiện thần sân. Các vị Hộ pháp ở trong chùa, thấy người tu không dậy họ bực lắm, chịu không được. Nhiều khi kiếp sau mình thành mạng xà, rất là sợ!

Phải tin lời của Phật, đây là lời từ kim khẩu Ngài nói ra. Các ngài nói đều ứng tác từ nơi tâm Phật, thấy bằng con mắt Phật, cho nên các ngài nói đâu là có đó.

“Nghe tiếng chuông phiền não nhẹ... Tông chỉ quán nói, phiền não là pháp tối tăm, là não loạn tâm thần chẳng có thể nghĩ phát Bồ-đề. Nay được nghe tiếng chuông, tụng kệ, thiện pháp tăng trưởng thù thắng nên được nhẹ.”

Đây là theo tinh thần của Ngài Trí Khải Đại Sư. Ngài dạy: Do mình bị phiền não che lấp, nghe tiếng chuông tâm thức rung động, thiện pháp tăng trưởng thì tức khắc được nhẹ nhàng và người mất cũng được siêu thoát.

“Trí huệ lớn, Bồ-đề sanh... Thấu tột lý gọi là trí, phân biệt gọi là huệ, Bồ-đề gọi là giác thể, nhân bị vô minh che lấp mà thành bất giác. Nay do phiền não nhẹ sạch, trí huệ tăng trưởng mà Bồ-đề lớn.”

“Nguyện thành Phật độ chúng sanh... Kinh A-hàm nói, chúng sanh nếu chẳng phát nguyện, trọn chẳng có thể thành Phật đạo được.”

Câu kệ thứ tư phát nguyện thành Phật. Làm việc gì trong đại chúng mình đều phải phát nguyện, phát nguyện thì mới thành tựu.

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói:

“Phát đại nguyện đó là nhân của vạn hạnh hay trưởng dưỡng lòng từ bi, chẳng đoạn mất hạt giống Phật. Đại sự thành tựu, việc làm trọn nên thành đạo làm lợi ích chúng sanh đều do nguyện lớn.”

Phát đại nguyện để thành tựu quả vị Phật, đó là nhân của vạn hạnh hay trưởng dưỡng lòng từ bi.

“Thế nên có hạnh mà không có nguyện, hạnh ấy ắt trơ trọi.”

Chẳng hạn mình lập hạnh bố thí, hạnh cúng dường hay hạnh làm việc cho đại chúng mà không có nguyện lực đi theo thì không trọn vẹn.

“Có nguyện mà không có hạnh, nguyện ấy trở thành nguyện suông.”

Chẳng hạn, phát nguyện từ đây trở đi con nhứt nhục, nhờ nhứt nhục này con thành Phật, mà ai nói gì quý thầy chửi lại thì nguyện đó là nguyện suông. Hoặc phát nguyện thành tựu quả vị Phật, phải phát tâm bố thí cúng dường, mà ai đến xin cuốn sách quý thầy cũng không cho thì nguyện ấy không thành tựu.

“Hạnh nguyện theo nhau, mình và người đều được lợi ích thì đúng.”

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Chẳng phát đại nguyện là việc làm của ma. Ưa ở nơi lặng lẽ đoạn trừ phiền não là việc làm của ma. Dứt hẳn sanh tử là việc làm của ma. Bỏ hạnh Bồ-tát là việc làm của ma. Chẳng giáo hóa chúng sanh là việc làm của ma.”

Kinh Hoa Nghiêm tiêu biểu cho Pháp giới Hoa tạng, từ nơi tự tánh của Bát-nhã. Chẳng phát đại nguyện là việc làm của ma, làm tất cả các việc mà không phát nguyện để sinh chấp ngã. Chẳng hạn, mình cho huynh đệ một cuốn sách, không nghĩ ngợi gì hết. Nhưng cái niệm sâu kín quý thầy không thấy được. Lúc nào đó, người huynh đệ này họ trở chứng, mình nói, tôi cho cuốn sách mà vậy đó. Bởi vì trong lúc cho, niệm tham thức của mình không có.

Đã phát nguyện cầu phúc lực để thành tựu quả vị Phật, thì dù người làm cho mình đau khổ mấy cũng bỏ qua được. Vì nguyện lực lớn lao, nguyện lực đi trước, còn mục đích bố thí cúng dường chỉ là để trợ duyên cho thành tựu quả vị Phật, chứ không phải cầu sanh thiên hay cái gì khác.

Chẳng hạn lúc nấu cơm, mình nguyện nhờ phước duyên trợ lực này, kiếp sau thành một vị đại trí huệ như ngài Xá-lợi-phất hay Bồ-tát Long Thọ... chắc chắn được thành tựu, bởi vì hạnh và nguyện đi đôi, thực sự mình có nấu cơm cho đại chúng. Hoặc khi chẻ củi, mình phát nguyện kiếp sau có tài biện luận để dìu dắt những người ngoại đạo tà kiến. Đang chẻ củi mà phát nguyện, hạnh và nguyện đi đôi thì sẽ thành tựu.

Ưa ở nơi lặng lẽ đoạn trừ phiền não là việc làm của ma. Dứt hẳn sanh tử là việc làm của ma. Tinh thần Pháp giới Hoa tạng luôn luôn khuyến khích mình đi về con đường Bồ-tát đạo, chứ không cho đi vào con đường khác.

Thiền sư Man An nói:

“Nếu hành giả muốn nhanh chóng liễu ngộ được chân lý và giải thoát khỏi mọi phiền não không gì hơn là quán tâm trong mỗi hành động.”

Muốn giải thoát và ngộ được chân lý giải thoát sâu kín, không gì hơn là làm việc gì cũng đều rõ tâm thức của mình.

“Cổ đức dạy rằng, kẻ đại trí cần thâm nhập đến chỗ vi diệu của đạo huyền từ chỗ lao xao biến động của thế giới trần tục.”

Có nghĩa là phải phát đại nguyện, và hạnh nguyện phải đi đôi.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Làm phước mà không có nguyện không thể dựng lập được gì.”

Làm tất cả việc nặng nhọc cho đại chúng, phải có nguyện lực đi theo thì làm mới không biết mệt.

“Nguyện là thầy dẫn đường có thể đạt được thành tựu. Lại nói, nếu có thể phát tâm một lần nói rằng: Nguyện tôi sẽ thành Phật diệt trừ đau khổ cho tất cả chúng sanh. Dù chưa dứt phiền não, chưa làm được việc khó, nhưng do tâm nguyện mạnh mẽ nên hơn tất cả chúng sanh.”

Hôm nào lên chánh điện phát nguyện thành Phật để độ tất cả chúng sanh, tuy mình chỉ là phàm phu chay nhưng cũng thành tựu. Dù chưa dứt phiền não, chưa làm gì hết nhưng hơn tất cả chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề này do năng lực phát nguyện của mình.

Luận Đại Trang Nghiêm nói:

“Thanh tịnh cõi Phật là việc lớn. Thực hành công đức của một hạnh không thể thành tựu, cần phải có nguyện lực. Ví như trâu có sức kéo xe nhưng cần phải có người đánh xe mới có thể đi đến nơi. Làm thanh tịnh cõi Phật do nguyện dẫn đến thành tựu. Bởi nguyện lực nên phước đức tăng trưởng. Vì chẳng mất chẳng hoại nên thường thấy Phật.”

Ví như trâu có sức kéo xe nhưng cần phải có người đánh xe mới có thể đi đến nơi. Cho dù trâu có mạnh cách mấy mà không có người điều khiển cũng không được. Dù cho cái hạnh tốt đến đâu mà không có nguyện lực đi theo thì quả vị Phật cũng không thành tựu.

Trong vô lượng kiếp hành Bồ-tát đạo, đức Phật đều phát nguyện thành tựu quả vị Phật để giáo hóa chúng sanh. Chỉ một nguyện lực thành tựu quả vị Phật, ngoài ra không quả vị nào khác. Bởi nguyện lực nên phước đức tăng trưởng, làm việc cũng hưng phấn. Nguyện lực này luôn đi theo mình, học Kinh sách cũng phải phát nguyện lực: “Tôi học bài Kinh này không phải để cãi lại huynh đệ hay để hơn thua, mà để mai kia tôi thành tựu quả vị Phật giáo hóa chúng sanh, giáo hóa những người đau khổ” thì phước đức tăng trưởng.

“Chẳng nên cười nhiều hoặc cười to cùng ợ ngáp, phải lấy tay áo che miệng.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Cười nhiều cười to chẳng phải si tức là cuồng, làm mất chánh niệm, phạm phi oai nghi, cùng ợ ngáp là cái tướng lười biếng, nghĩa là thần khí tản mát, chìm mất cái ý chí.”

Thầy chúng tôi nói, ngáp mà há miệng ra là tướng lười biếng. Người tu ngáp phải ngậm lại, ém, nuốt xuống chứ không há miệng ngáp. Người ngáp lớn tiếng, quý Thầy lớn nhìn thấy là biết người này làm không được việc. Ợ ngáp như vậy thần khí nó tản hết không còn tụ nữa. Khí tản là chìm mất ý chí. Tuy mình nói tinh-khí-thần nhưng khí làm chủ, không thở là chết liền. Khí tụ lại thì thấy tướng rất hùng dũng, như các vị võ tướng ngày xưa. Người tu còn hơn cả võ tướng.

“Xưa Thiền sư Pháp Vân bình thường ở chỗ dừng làm, nhìn thẳng chẳng nháy mắt. Ba mươi năm đến chưa từng khinh phát một tiếng cười.”

Coi trong sử, thấy mình tu không bằng người xưa. Các ngài nói chuyện là nhìn thẳng không nháy mắt. Ba mươi năm chưa từng khinh phát một tiếng cười. Nghe vậy, về tăng đường quý thầy im hết khỏi cười luôn. Cần cười thì cười chứ, nhưng đừng cười lớn, đừng cười như si, như cuồng.

“Phạm chỗ ở thấy có Thánh tượng liền đứng chẳng có ngồi.”

Kinh Tỳ Ni Mầu nói:

“Có hai thứ hơi, một là hơi trên, hai là hơi dưới. Hơi trên khi muốn ra đừng ngay trước người há miệng cho ra. Hơi dưới khi muốn ra chờ cho ra trong chúng.”

Thở ra giống như hoa sen thì được, còn đằng này mình thở ra miệng, người ta chạy hết. Đừng thở ra ngay trước mặt người ta, phải xoay mặt đến chỗ không người.

Ngày xưa mỗi lần vào thiền đường, tôi để ý một thầy ngồi bồ đoàn phía trước, mỗi lần thầy nhồm lên khỏi bồ đoàn là vị ngồi sau né qua một bên. Lần sau tôi đổi chỗ ngồi thử, thầy phía trước vừa nhồm lên là hơi dưới ra dính vô mặt tụi tôi hết. Tởn phước lắm. Quý thầy coi trong Kỷ Yếu 5 Năm, thầy Thông Quang viết bài “Một tiếng rầm trong thiền đường”, đó là câu chuyện này.

Tôi có nghe một thầy ở nhà khách kể lại, thầy lên thiền đường nhà khách có những lúc phải đeo khẩu trang, vì một số vị trong đó, buổi chiều uống sữa đậu nành hay ăn cái gì không biết mà hạ phong rất nhiều, tự tiện thoải mái luôn. Bởi vì thọ cụ túc giới quá sớm mà chưa từng học oai nghi.

“Cho nên hơi dưới ra chẳng nên ở trong chúng mà ra. Phải tìm phương chước ra ngoài tới chỗ không có ai thì mới cho ra. Vậy sau mới vào, đừng để chúng chê ghét và nhòm góm.”

Nhất là trong thiền đường, có người đánh rắm rồi cười ha hả nữa, tởn phước lắm chứ không phải chuyện đơn giản.

“Khi vào điện, tháp, chẳng nên cho ra hơi dưới, nhất là trong chánh điện.”

Ráng nín, nếu chịu không nổi quý thầy xá một cái đi ra.

“Chẳng những điện, tháp mà trước vị Hòa thượng, vị Đại đức, vị Thượng tọa cũng chẳng nên cho ra hơi dưới có tiếng. Bằng trong ruột có bệnh gút phải ra ngoài cho ra, đừng để người sanh tâm nhòm góm.”

Học oai nghi mình thấy hay từng chút, từng chút vậy. Nếu chịu khó thực tập, học một thời gian thấm ròi, mình giữ được.

Đại Luật nói:

“Bằng hơi dưới mà gấp rút cũng phải ngăn lại. Bằng nín không được phải chực bên đường dưới gió cho ra chứ đừng có đứng trước gió.”

Mình tránh xa rồi đánh rằm, gió nó bay vô mặt người ta cũng vậy thôi, cho nên đừng đứng trước gió. Học kỹ luật thấy rất hay. Giữ đúng oai nghi phép tắc thì có phước chứ không bị tổn.

“Hoặc ở trong nhà thiền khi nhảy mũi chẳng được tự do nhảy mũi lớn tiếng. Hoặc khi sắp nhảy mũi phải nín, lấy tay đè sống mũi mà nhảy, đừng cho mũi dãi tuôn ra.”

Từng chút, từng chút vậy đó.

“Chẳng được đi mau. Chẳng được đem đèn bàn Phật riêng để mình dùng. Hoặc thấp đèn lúc đương cháy phải lấy lông chụp lại đừng để tròng vướng ngã vào.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phàm chỗ động tịnh phải phòng hộ oai nghi, lúc giờ chân phải coi dưới đất chớ hại trùng kiến. Người xưa nói, đi nhanh thì bước đi không tốt, oai nghi trọn chẳng trông lại, thức giả ở hai bên nhìn xem làm sanh sợ hãi.”

Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Đèn Phật tức là vật Phật trong giới cấm thứ hai. Đã là vật Phật, chẳng được dùng riêng, nếu lìa trước Phật tức thành nghiệp trộm.”

Tổ Tuyên Luật Sư dẫn chứng trong Trí Độ Luận nói:

“Trộm dầu trước đèn Phật phải đọa trong địa ngục hắc ám, sau làm người mù. Xưa A-na-luật-đà thời quá khứ trộm đồ cúng khí cụ. Trước Phật, nhân đèn mờ tối, trước ánh đèn phát phơ thấy Phật oai nghiêm tướng hảo, tâm trộm liền dứt, sám hối mà đi. Do công đức này cảm được quả báo được thiên nhãn đệ nhất.”

Tôi tra cứu rất nhiều nhưng không thấy tích này. Đọc quyển Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư trích đoạn này, dịch ra tôi mới biết. Trong thời quá khứ, tôn giả A-na-luật vào chánh điện trộm đồ cúng khí cụ. Trước Phật, nhân đèn mờ tối, Phật hiện ra tướng hảo oai nghi rực rỡ, ngài sụp xuống sám hối, tâm trộm liền dứt. Do công đức sám hối này, vô lượng kiếp về sau ngài ra đời gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Bị Phật quở vì ngủ gục trong lúc Phật thuyết pháp, từ đó ngài thệ nguyện thức luôn không ngủ nữa, cho nên bị mù mắt. Được Phật dạy phương pháp Kim Cang chiếu minh tam muội, ngài tu một thời gian được thiên nhãn đệ nhất.

Kinh Lục Độ Tập quyển Sáu có ghi:

Xưa có một vị Sa-môn tu hành rất kỹ, giữ giới hạnh rất tinh nghiêm mà không thông văn học. Một số người cho ngài là không có trí, nghiêng về kính lễ, thiếu trước hụt sau, đi xin dầu mè để cúng dường Phật.

Một vị Tỳ-kheo cúi đầu lễ dưới chân Phật thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, vị Tỳ-kheo già đó tuy ít trí huệ nhưng giới đủ hạnh cao, thấp đèn cúng dường Phật, về sau được phước đức như thế nào?

Phật Ca-diếp nói:

– Lành thay lời hỏi của ông, vị Tỳ-kheo già đó trải qua vô số kiếp sẽ thành bậc Như Lai Vô Sở Chánh Đăng Chánh Giác, cổ có hai vàng hào quang, sẽ dắt dẫn ba cõi chúng sanh được độ không kể xiết, Phật hiệu là Định Oai Như Lai.

Vị Tỳ-kheo này không biết kinh điển nhiều, không giảng pháp nhưng giới hạnh tinh nghiêm, nhờ đi xin dầu thắp trước tượng Phật mà được thành tựu quả vị Phật.

Kinh Tạp Bảo Tạng quyển Năm có ghi: Thiên Đế Thích dùng kệ hỏi một vị thiên tử:

*Xưa người tạo nghiệp gì
Thân như khối vàng ròng
Lại có đại oai đức
Dùng mạo thật quang minh?*

Thiên tử đáp:

*Bậc cứu tế tam giới,
Đèn lớn soi ba cõi,
Trí tâm mắt Phật quán,
Bậc tối thắng của pháp,
Vì ngài đốt đèn sáng,
Đèn sáng diệt tối tăm.
Đèn Phật trừ các ác,
Thấy đèn như trời sáng,
Sinh lòng tin chân thật,
Thấy đèn sáng rực rỡ,
Vui mừng đánh lễ Phật.*

Vị thiên tử có thân sắc vàng ròng nhờ cúng dầu thắp đèn trước Phật. Không có tiền thì thôi chớ dùng trộm đèn dầu cúng Phật, sẽ bị quả báo xấu đến với mình.

“Bông cúng Phật lựa bông nở tròn đủ, tươi đẹp, chẳng được ngửi trước. Bỏ bông héo phải cúng bông tươi. Bông héo chẳng nên bỏ dưới đất giẫm đạp, phải để chỗ vắng.”

Tổ Tuyên Luật Sư dạy là bông nở tròn thì tinh thần no đủ, sắc diện rõ ràng. Chẳng được ngửi trước là biểu thị cái chí thành kính. Mua bông về cúng Phật, không được ngửi trước.

Kinh Yếu Dụng Tối có ghi:

“Mùi ngửi vị hương, do bớt cái mùi thơm của hương, không có phước đức, mắc đọa trong địa ngục Ba-đầu-ma đời đời đồ mũi, không biết mùi hương.”

Chư Kinh Tập Yếu có ghi:

“Tán hoa cúng Phật chẳng được giảm đạp. Phật bảo Văn Thù: Hoa này nếu bốn chúng hay kính tín tu hành, nên phải sáng sớm thức dậy súc miệng tắm rửa sạch sẽ, niệm công đức Phật, cung kính hoa này chẳng lấy chân giẫm đạp, chẳng nhảy trên hoa, như pháp chấp thủ an trí tịnh khí, trị mọi thứ bệnh.”

Tán hoa cúng Phật phải thành tâm để cúng. Hoa đó không được bỏ thùng rác mà phải bỏ dưới gốc cây, quý vị làm hương đăng chắc biết rồi.

“Kinh nói nếu có chúng sanh phụng thí hương hoa được mười thứ công đức.”

Tức là cung kính cúng dường Phật hương hoa. Bây giờ Phật nhập Niết-bàn rồi thì còn tượng Phật. Cúng dường hoa được mười thứ công đức:

1- *Chỗ ở như hoa.*

Sanh nơi nào cũng rực rỡ hoa thơm cỏ lạ.

2- *Thân không hôi thúi.*

Ai nói không có tiền mua hoa? Bữa nào thấy thầy hương đăng cắm hoa, mình tùy hỉ theo là coi như có tiền mua hoa rồi.

3- *Phước hương, giới hương biến khắp các phương.*

4- *Tùy chỗ sanh, các tỷ căn chẳng hoại.*

5- *Siêu việt thế gian, đại chúng qui ngưỡng.*

Sanh ra được thân tướng sáng rực, mọi người qui ngưỡng, kính tín.

6- *Thân thường thơm mùi thanh khiết.*

7- *Vui thích chánh pháp, thọ trì, đọc tụng.*

Nghĩa là thích chánh pháp, thích Kinh điển Đại thừa nhờ cúng dường hoa cho Phật. Người tu sĩ hay sợ làm phước nhiều rồi quên tu, nhưng thật ra mình biết Phật pháp, biết nhân quả rồi thì làm phước lực thù thắng hơn cư sĩ. Bởi vì mình biết làm gì thì được phước gì, phải tu tập như thế nào, điều gì nên tránh, nên bỏ...

8- *Đầy đủ đại phước báu.*

9- *Mạng chung sanh thiên.*

10- *Mau chứng Niết-bàn.*

Ấy gọi là phụng thí hương hoa được mười thứ công đức.

“Chẳng được nghe thầy kêu không đáp. Phàm nghe kêu đều phải đáp câu ‘Mô Phật’ thế lời. Phàm lượm của rơi liền phải đưa cho thầy tri sự cất.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phải niệm Phật mà ứng chính là chẳng quên gốc.”

Chẳng hạn, thầy Trụ trì hay bất cứ thầy nào kêu mình, mình không “Dạ” như người thế tục mà phải đáp “Mô Phật”. Tại sao? Bởi vì khi “Mô Phật” thì hạt giống Phật đó ghi trong tàng thức của mình.

“Lại khác, đối với người tục nghĩa là cha mẹ sanh thân chẳng có thể khiến ta ra khỏi biển khổ sanh tử. Chỉ có Đức Phật đại từ bi độ cho ta xuất gia được thành Tăng tướng. Cho nên thời thời khắc cốt ghi tâm, niệm ân đức của Phật.”

Hằng ngày quý thầy Mô Phật biết bao nhiêu lần, ăn cơm niệm Phật, tụng kinh, xả thiền, tất cả mọi nơi, mọi thời đều nhớ Phật, tưởng niệm công đức của Phật. Thầy lớn kêu mình cũng Mô Phật. Hạt giống này đều ghi vào tàng thức, mai kia sanh ra đời tự nhiên gặp bậc thiện tri thức dẫn dắt.

Trong Đại Trang Nghiêm Kinh Luận quyển Mười có ghi:

Thuở xưa, có một vị Bà-la-môn dòng Phạm Chí đến Tinh xá Kỳ Hoàn xin Phật xuất gia, nhưng hôm đó Phật đi vắng. Ông nghĩ Phật đi vắng thì chỉ có đại tướng chánh pháp là ngài Xá-lợi-phất mới có đủ năng lực độ ông xuất gia, nên ông đến xin xuất gia với tôn giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất nhập định để xem ông có căn lành không. Quán sát một đời không thấy, nhập định nữa quán trăm ngàn đời cũng không thấy ông có gieo chút căn lành nào hết. Ông buồn khóc đến xin ngài Mục-kiền-liên. Ngài nhập định cũng không thấy ông có căn lành gì hết. Cuối cùng ông đến xin ngài A-nan. Ngài A-nan nói hai vị kia là đàn anh của tôi, là thầy thuốc giỏi mà người ta bỏ thì tôi làm được gì, thôi ông về đi.

Ông buồn quá, ra đến cổng ông nói bài kệ:

*Giống như nước trong sạch,
Tất cả đều uống được.
Dù cho chim Đà-la,
Cũng đều được xuất gia.
Trong Phật pháp như thế,
Không chịu thọ nhận tôi.
Tôi không được toại nguyện,
Vậy còn sống làm gì?*

Ông cầm dao định đâm vào tim để tự tử thì Phật xuất hiện, ngài nói:

– Này Xá-lợi-phất, vì sao ông không cho ông Bà-la-môn này xuất gia?

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con quán sát nhân duyên một trăm ngàn kiếp về trước mà không thấy ông có căn lành nào hết.

Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất, thầy chớ nói như thế.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

*Ta thấy các căn lành,
Thật rất là nhỏ nhiệm,
Như cát đá trong núi,
Nung chảy cho ra vàng.
Thiên định và trí huệ,
Như ống bể lò rèn,
Ta dùng công đức thối,
Ất sanh ra vàng ròng.
Người này cũng như vậy,
Lành nhỏ như vàng kia.*

Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất sửa y, bạch xin Phật cho biết nguyên nhân Phật thấy như thế nào. Tôn giả nói kệ:

*Bạc hơn hết trong luận,
Cúi xin nói con nghe,
Ngọn đèn trí huệ lớn,
Xua tan các bóng tối.
Trong bao lâu người kia,
Trông được căn lành này,
Làm được ruộng phước nào,
Nảy mầm rất mau chóng?*

Phật bảo, nhân này rất nhỏ nhiệm, không phải cảnh giới mà hàng Bích Chi Phật có thể thấy được, huống chi các ông là A-la-hán. Chỉ có Như Lai mới thấy được.

Rồi Phật kể, thuở xưa vị Bà-la-môn này là một người nghèo khổ vào núi đốn củi. Bị cọp rượt, ông sợ quá niệm ba lần “Mô Phật”. Tiếng Mô Phật đó đã ghi trong chủng tử tạng thức. Phật nói, tôn giả Xá-lợi-phất chỉ nhập đại định tới một trăm ngàn kiếp là dừng nên không thấy. Cái nhân nhỏ nhiệm này hàng Bích Chi Phật cũng không thấy được huống chi là A-la-hán. Phật quán tiếp kiếp kể nữa, thì thấy ông này nhờ niệm Phật mà được nhân giải thoát. Rồi Phật nói kệ:

*Chỉ thấy họ xưng Phật,
Cho đó là nhỏ nhiệm,
Nhờ đó giúp mé khổ,
Như thế là tốt lành.
Dốc lòng qui mạng Phật,
Chắc chắn được giải thoát,
Được quả giống như vậy,
Thật không có ai bằng.*

Phật độ cho vị Bà-la-môn đó xuất gia, đích thân ngài giáo hóa, đúng ba tháng sau người này khai ngộ, chứng quả vị A-la-hán.

Vị Bà-la-môn này một trăm ngàn kiếp không gieo căn lành gì khác, chỉ nhờ ba câu niệm Phật mà được nhân giải thoát. Huống chi bây giờ quý thầy chẻ củi, hành đường, trì nhật đều niệm Phật, nhớ công đức Phật suốt ngày thì chắc chắn quả vị Phật sẽ thành tựu.

“Chẳng được ba y khiếm thiếu. Chẳng nên sắm nhiều y phục, bằng có dư nên cho. Chẳng được sắm dây lưng tốt đẹp và đồ chơi, trang điểm giống như giang hồ làm trò cười cho người thức giả. Chẳng được mặc đồ ngũ sắc và y phục giống người thế tục. Chẳng được tay không sạch mà đắp y.”

Đây là nói về hàng Tỳ-kheo, ba y là y ngũ điều, thất điều, cửu điều. *Chẳng nên sắm nhiều y phục*, có ba bộ là vừa rồi, có nhiều hơn thì nên san sẻ cho những người khác. *Chẳng được sắm dây lưng tốt đẹp và đồ chơi, trang điểm giống như giang hồ*. Quý thầy có dịp đi thành phố sẽ thấy, có những thầy mặc đồ giống như cư sĩ vậy.

Kinh Pháp Diệt Tận có ghi lời Phật:

“Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, khi giáo pháp bắt đầu suy yếu, trong đời ngũ trước ác thế ma đạo sẽ rất thịnh hành. Ma quỷ biến thành Sa-môn, nó sẽ xuyên tạc và phá hoại giáo pháp của ta, nó mặc y phục của hàng cư sĩ, ưa thích y phục đẹp đẽ và giới y thì may bằng loại vải có màu sắc sỡ.”

Tôi làm nhà khách tôi thấy, có những thầy mặc áo màu trắng như cư sĩ, hoặc áo màu sắc sỡ và mỏng, thấy đồ bên trong hết. Là hiện tượng đã có rồi!

“Nó uống rượu, ăn thịt, giết hại các sinh vật khác, hoặc tham đắm thọ hưởng cao lương mỹ vị. Nó không có lòng từ bi và thường mang lòng sân hận, đố kỵ lẫn nhau.”

Bởi vì không có tu! Sống trong chúng mà có một niệm sân hận hoặc đố kỵ với huynh đệ thì biết chính là ma. Một tâm niệm xấu ác, tật đố, rồi ích kỷ, đó là ma, phải chuyển hóa liền.

“Phàm lên chánh điện phải buộc ống quần, chẳng được lung ý tự tiện.”

Không biết hình thức này, bên Ấn Độ thời Đức Phật có chưa hay qua Trung Hoa mới có. Nên học đoạn này cho kỹ.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là chỗ đại diện chính là Thánh Hiền vân tập, phải chỉnh y thúc dấy mà lên. Phải buộc là sợ hạ thân có vật dơ rơi sót trên đất.”

Tổ Tuyên Luật Sư dạy, chỗ đại diện chính là Thánh Hiền vân tập. Mắt thường chỉ thấy có chư tăng không thôi nhưng mà có Long thần, Hộ pháp, Bồ-tát rất nhiều.

“Phàm chỗ có Phật, Bồ-tát đều nên buộc ống quần, nếu phóng ý tự tiện thì không có tâm kính sợ. Song Tây quốc có cái quần không khó nên quần trở thành nội y. Nay vẫn nói ra chính là thuận nghi đất này.”

Nay vẫn nói ra chính là thuận nghi đất này, có nghĩa là không phải Ấn Độ mà qua Trung Hoa mới có hình thức này. Mặc cái y như quý sư bên Nam tông, nếu lên chánh điện buộc ống quần thì làm sao lạy.

Nhưng trong Sa Di Học Xứ có một đoạn dẫn chứng Kinh A Hàm:

“Kinh A Hàm nói: Một Tỳ-kheo chẳng mặc y hạ, âm mao rơi xuống đất, thần Hộ pháp đòi đi ngoài bốn mươi dặm, có thể chẳng thận trọng ư?”

Luật nói trong Kinh A Hàm nhưng lục tìm trong Kinh A Hàm thì không thấy.

Ngày xưa tôi làm hương đăng thiền đường, cứ ba ngày tôi hút bụi một lần, xong rồi xổ ra âm mao rất nhiều, quý thầy phải cẩn thận.

“Chẳng được đi chơi, chẳng được nói nhiều.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Chẳng được đi chơi là sợ ngăn ngại thiền định và tụng kinh. Người xưa trải qua năm tháng rất quý thời gian. Người xuất gia thọ của đàn việt cúng dường nên phải nỗ lực hành đạo, thời khắc miên mật, chẳng có thể phóng túng, há có thể để ngày tháng trôi sông ư? Phật pháp như biển lớn, học một phần có một phần thọ dụng.”

Chư Tổ khuyến khích và nhắc nhở mình, thời gian trôi qua rất nhanh mà Phật pháp thì như biển lớn. Có những lúc, mình đọc kinh điển thấy không nhớ gì nhưng nó đều ghi trong tàng thức. Chúng tôi làm nhà khách, có những mẫu chuyện tự nhiên mình nhớ rồi giải thích rõ ràng cho người thức giả. Không phải cái gì cũng nói tôi tu, mà phải có kiến giải chân chánh. Trích dẫn ở đâu, xuất phát từ nơi nào khách họ mới tin. Cho nên học một phần thì có một phần thọ dụng.

“Huống nữa Sa-di còn là bậc sơ cơ, đạo nghiệp chưa thành, ngày tháng như nước chảy, như vậy có công phu đi chơi ư?”

Tổ dạy rất là rõ.

“Chẳng được ngồi ngó đại chúng làm việc nhọc mà trốn lánh trộm yên. Phật dạy công việc của chúng tăng phải tận lực mà làm. Cho nên chư Phật, Bồ-tát từ ở trong cửa hạnh mà ra. Song chỗ ăn đã chia đều, chỗ làm cũng phải chia đều.”

Quý Thầy lớn kể lại, Hòa thượng Tôn sư không phải chỉ học rồi tu, rồi giáo hóa, mà lúc lên Chân Không ngài phải bầy đá, rồi bưng những bụi tre rất cực. Hòa thượng Thường Chiếu cũng làm việc rất nhiều. Còn có những vị thầy, đời này thấy không làm nhiều nhưng biết đâu trong thời quá khứ các ngài đã làm rồi. Chẳng hạn như thầy Trụ trì Trúc Lâm, chỗ nào xây dựng đâu đó hết rồi thỉnh thầy về Trụ trì, mà Thầy đi đến đâu chúng yên ở đó, chúng tỏ thời quá khứ Thầy đã từng xây dựng, từng làm rồi. Còn đời này thì chưa có gì mình phải tận lực mà làm.

Song chỗ ăn đã chia đều, chỗ làm cũng phải chia đều. Lên bàn thấy bốn miếng đậu hủ chia đều bốn người, có mình nữa mà. Chẳng lẽ mình trộm, trốn không chịu làm?

Cho nên Thiền sư Bách Trượng lúc bảy, tám mươi tuổi vẫn làm việc. Các đệ tử lớn thương ngài, đem giấu dụng cụ không cho làm thì hôm đó ngài nhịn đói. Ngài nói một câu nổi tiếng trong tông lâm: *“Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”*, tức là một ngày không làm một ngày không ăn.

“Ngồi ngó thì không biết hổ thẹn, trốn lánh thì tổn phước mắc tội.”

Nếu bệnh thật, mình báo với thầy Tri sự thì không bị tổn phước. Còn mình dối bệnh để không làm thì tổn phước.

Thiền sư Dương Kỳ nói:

“Trên dưới trộm an là pháp môn đại hoạn.”

Có nghĩa là trên thì thầy lớn không muốn làm, mà ở dưới thầy nhỏ cũng không làm luôn thì một thời gian, từng lâm giải thể.

Cao Tăng Truyện có ghi:

Pháp sư Đạo An rất giỏi, lúc còn là chú tiểu, một ngày ngài thuộc một vạn câu kệ. Cơ phong ngài rất cao, nhìn liền biết đây là bậc pháp khí thượng thừa. Một hôm ngài nằm mộng thấy một vị Thánh tăng nói với ngài: Ông đối với sự hiểu biết và tu hành không ai bằng, nhưng phước ông rất ít. Nếu ông có thể phụng sự chúng Tăng, sở nguyện ắt được thành tựu. Từ đó ngài làm việc rất nhiều, đích thân ngài hành đường, trị nhật. Ngài còn nhận đồ chúng và nuôi chúng, giảng pháp, hoằng pháp lợi sinh.

Trong Phó Pháp Viện có ghi:

Sa-môn Cầu Đa quán sát, một người trong đại chúng không có phước nên không thể đắc đạo. Ngài khuyên, cần phải đi giáo hóa, cúng dường chư tăng, phụng sự Tam bảo. Quả tình người đó vâng làm một thời gian thì đắc quả A-la-hán.

Người hy sinh làm việc cho đại chúng họ có một năng lực riêng. Từ năng lực, từ cái phước đó họ vượt qua được nghịch cảnh và tu hành dễ hơn. Còn trốn việc, không muốn làm gì hết thì tu dễ bị chướng ngại. Có đủ năng lực làm việc, phục vụ cho đại chúng thì phước lực nhiều hơn tu ở am cốc, ở chùa tư.

Kinh Đại Báo Ân nói:

“Nếu chúng sanh dùng tâm thanh tịnh cúng dường chúng tăng, quét tháp Như Lai, lúc mạng chung sanh về cõi trời Ý Lạc. Tư duy nghĩa lý sâu xa của các pháp, ưa thích tu tập pháp lành, cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, những bậc có đức hạnh. Nếu đi trên đường gặp tháp Phật, phòng tăng như, sỏi đá, gai góc ngổn ngang thì liền dọn dẹp, do nhân duyên ấy mà được một tướng lông xoay về bên phải trong ba mươi hai tướng tốt của đức Phật.”

“Cho đến thăm bệnh, cúng dường phương tiện cho chư tăng tắm rửa, đào giếng, dựng nhà xí công cộng, giúp nguy, cứu gấp, cứu tế kịp thời đều là tâm đại Bồ-tát, trở thành hạnh chẳng thể nghĩ bàn. Đã làm lợi ích rộng rãi mọi người thì được quả báo rộng lớn, hoặc mãi thọ thân hình kiên cố bất hoại, hoặc thường được thân thể tướng hảo thanh tịnh.”

Trong huynh đệ, có ai bị bệnh mà quý thầy chịu khó nấu một nồi cháo hay một nồi nước xông thì đây là tâm đại Bồ-tát. Vì tâm đại Bồ-tát, phát xuất từ những hạt giống trong vô lượng kiếp, bây giờ nó ứng tác, mà trở thành cái hạnh chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ có mười phương chư Phật mới thấy chỗ này, chỉ lại cho mình.

Trong Đại Trang Nghiêm Kinh Luận có kể câu chuyện:

Ngày xưa, ở một nơi xa xôi có vị thầy thuốc rất giỏi được mời trị bệnh cho nhà vua. Sau khi lành bệnh, vua cho người đến nơi ở của ông thầy thuốc, cất một biệt thự lớn, và cấp cho ông một đàn voi, một đàn trâu và một đàn ngựa. Tuy nhiên trước khi về, vua chỉ ban cho ông một con ngựa gầy ốm. Ông bực mình, cho rằng thưởng như vậy không xứng với công khó ông trị bệnh cho vua.

Trên đường về, thấy người lừa một đàn ngựa, hỏi thăm mới biết đàn ngựa đó là vua thưởng công cho ông. Về đến nhà ông càng bất ngờ hơn khi thấy nhà cửa, kho báu, voi, trâu... Lúc đó ông mới biết vua thưởng cho ông rất nhiều.

Phật ví như người biết bố thí, cúng dường, biết phụng sự Tam bảo thì công việc tuy ít nhưng quả phước mai sau rất thù thắng. Trong cuộc sống tu hành cũng vậy, phải phụng sự Tam bảo. Khi chướng duyên nghịch cảnh đến, mới biết rằng nhờ làm việc cho Tam bảo, phụng sự chúng tăng mà quý thầy vượt qua được những cảnh giới này.

Chúng tôi kinh nghiệm, ở trong chúng có những người tu hành rất miên mật, nhưng đối với việc làm nhỏ nhặt thì lại bỏ qua, hoặc xài phí của Tam bảo. Một thời gian tu không được do không kiem được phước. Kiem phước là hay phụng sự Tam bảo, giúp ích chúng tăng.

“Chẳng được riêng lấy của chiêu đề như tre, cây, hoa quả, rau cải, tất cả đồ ẩm thực và tất cả đồ đạc. Chú: Chiêu đề Trung Hoa gọi là vật tứ phương tăng chẳng phải một thứ. Nghĩa là một tre, một cây, một hoa, một quả và rau cải ẩm thực đều là vật của đại chúng. Nếu lấy riêng tức là phạm tội trộm. Nếu muốn lấy phải bạch với thầy tri sự hoặc thầy tri khố thì không có tội.”

Muốn lấy bất cứ cái gì trong nhà kho thì phải xin.

Trong Luật có kể:

Thiền sư Tăng Chiếu là một bậc khổ hạnh đệ nhất. Ngài tụng kinh Pháp Hoa và hành Pháp Hoa Tam Muội, cảm được Bồ-tát Quán Thế Âm đến thuyết pháp cho nghe, được vô ngại biện tài. Lại thấy Bồ-tát Phổ Hiền cỡi bạch tượng phóng quang chứng minh.

Nhưng trước, ngài có lấy của chúng tăng một nắm muối làm trai phạn mà không báo cho thầy tri sự hay thầy tri khố gì hết, vì cho rằng không có bao nhiêu nên không để tâm. Sau ngài hành Phương Đăng Sám Pháp bỗng thấy tướng muối hiện lên, sau ba nắm muối tăng đến mấy chục đấu. Ngài bèn cấp tốc bán y mua muối trả lại, lúc ấy tướng muối mới hết.

Quý thầy thấy không, một chút xíu vậy thôi. Cho nên học kỹ oai nghi lợi ích rất nhiều.

Kinh Tạp Bảo Tạng có ghi:

Phật và tôn giả Mục-kiền-liên du hành trên hư không, thì Tôn giả nhìn thấy một con ngựa quý toàn thân bị lửa bốc cháy và trong thân nuốt bảy hòn sắt nóng. Mục-kiền-liên hỏi Phật, nguyên nhân nào ngựa quý này phải chịu khổ như vậy. Phật bảo Mục-kiền-liên họp đại chúng lại rồi ngài kể: Vào thời Phật Ca-diếp, trong mùa đói kém có một tín thí đem một thúng đậu cúng dường chúng tăng. Vị tri khố chia đậu mà có tâm riêng tư,

chia cho thầy tế độ mình hơn chúng tăng bảy hạt đậu mà bây giờ phải chịu quả báo nuốt bảy hòn sắt nóng!

Đây là lời Phật nói. Tại sao chỉ có bảy hạt đậu mà bị quả báo? Chỗ này hơi sâu. Quả báo là do có tâm riêng tư, tâm ái ngã, đây là thầy của tôi, thầy tế độ của tôi, hoặc thầy mà tôi làm thị giả... thì phải hơn chúng tăng. Dính liền, quý thầy nhớ kỹ điểm đó.

Quý thầy thị giả nên nhớ, làm cái gì cũng phải xin thầy tri khố, chẳng hạn: hôm nay tôi xay trái cây này cho thầy Phó hay thầy Cố vấn gì đó... Phải xin, chớ quý thầy tự động làm là mắc quả báo liền. Một trái thanh long chắc phải nuốt một khối sắt! Vì có tâm riêng tư. Học luật, mình thấy rất sợ, từ đó về sau mình có cái tâm khác hơn ngày xưa. Học một thời gian, rồi khéo giữ giới nên tu rất dễ vào chánh định.

Trong Thích Môn Tự Cảnh Lục có ghi:

Hệ Môn họ Cố lúc bé xuất gia chẳng tu hạnh nghiệp, chỉ giỏi việc mua bán. Từng đảm nhận quản lý kho nhà trù của chúng tăng, riêng tự lấy ăn dùng. Sau khi bệnh mất thác sanh vào bụng trâu. Trâu sanh ra tướng to khỏe rất đẹp. Thiền sư Song Nam, một bậc kỳ đặc, người ở Miên Châu, một hôm trên đường đi ngài thấy một con trâu kéo xe cực khổ, mồ hôi, nước mắt chảy ra rất nhiều. Nhìn là ngài biết con trâu thác sanh từ đâu đến. Thiền sư đến lắc sừng con trâu nói: “Sao giống Môn Công đền nợ khổ sở quá vậy?” Con trâu nó khóc, ngài biết đây là Môn Công thác sanh vào bụng trâu để kéo cày trả nợ. Ngài đến ngôi chùa Môn Công ở ngày xưa báo để chuộc trâu về. Mấy ngày sau con trâu chết.

Sau này nếu quý thầy làm tri khố, tri sự hay làm bất cứ việc gì trong tùng lâm mà dính líu của tùng lâm, của Tam bảo đều mắc quả báo hết.

“Chẳng được nói việc chánh, đức, thất trong triều đình, chốn công phủ và việc hơn thua tốt xấu của thế gian.”

Chuyện thế gian ai cũng thích nghe hơn Phật pháp, bởi vì những hạt giống đó chưa chết. Cho nên Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Dài, ngắn, tốt, xấu chính là việc thị phi của người tục, nói đều làm loạn đạo tâm, cũng chuốc lấy cái tai họa nên chẳng được nói.”

Ở trong chúng, mình đâu biết ai là người tu hành chân chánh. Nói chuyện chính trị, nhiều khi họ bắt quý thầy nữa, khổ không?

“Song miệng giương như cây cung, lời nói phát ra như mũi tên, thốt nhiên miệng cộp tổn thương mới biết tường vách có tai, pháp khiến không gần. Nên kinh nói chẳng được luận bàn chuyện chính trị quốc gia, bình luận về ưu liệt, ra quân hành sự, vậy đánh hơn thua.”

Đức Phật cấm không cho bàn chuyện thế sự, tuy nhiên trong chúng thường mắc phải. Trong vô lượng kiếp, biết đâu quý thầy là vua hay là tướng gì đó, bây giờ nhắc lại là nhớ liền. Bởi vì ai cũng có những hạt giống thế gian, những hạt giống đó chưa chết, nó gợi lại.

Đại sư Liên Trì kể:

Thiền sư An trụ trì chùa Thanh Thái năm Quang Hiếu nhà Tống, một hôm nhập định, trong định ngài thấy hai vị Tăng dựa lan can nói chuyện. Lúc đầu ngài thấy thiên thần cầm hai tích trượng lớn, đứng hai bên bảo vệ. Một lúc sau, ngài nghe tiếng hai con quỷ chửi mắng và nhổ nước miếng vào mặt hai vị Tăng. Sau khi xuất định, ngài hỏi hai vị Tăng nói chuyện gì, mới biết ban đầu hai thầy nói chuyện Phật pháp, tiếp theo nói chuyện gia đình, rồi nói chuyện lợi dưỡng. Từ đó về sau Thiền sư An phát nguyện không bao giờ nói chuyện thế sự, chính trị quốc gia nữa.

Ai cũng bị trường hợp này hết. Mới đầu nói chuyện Phật pháp, nói chuyện Kinh điển như Kinh Bảo Tích hay Niết Bàn gì đó thì thiên thần đến nghe và bảo vệ. Kế đó nói chuyện gia đình: sư huynh là con thứ mấy? Cha mẹ còn không? Cha mẹ bao nhiêu tuổi? Rồi nói thôi anh ráng tu đi mai này làm trụ trì đem cha mẹ về nuôi. Lợi dưỡng kể bên, quỷ nó nghe nó khinh thường! Những người có gia đình thì kể ngày xưa tôi ở đâu, làm việc gì, bây giờ con tôi làm gì... kể một dọc ra luôn!

“Phàm mình xưng phải xưng hai chữ pháp danh, chẳng được xưng ta hay là tiểu tăng.”

Quý thầy phải xưng pháp danh là Đức Trí hay gì đó, chứ xưng “ta” hay “tiểu tăng” thì trong luật không cho phép.

“Phần trước là nghe gọi ứng đáp.”

Ai gọi thì mình “Mô Phật”.

“Thì đây chính là tự xưng pháp danh nghĩa là thân là con Pháp vương. Tên là nói giềng tổ gia tông phải nên gọi là pháp danh. Xưng pháp danh ấy là Thích tử chẳng phải tục sĩ. Nhưng xưng ta thời mình khinh mình, nếu nói tiểu tăng thời khinh toàn thể chúng tăng. Song Tăng là huệ mạng của Phật Tổ, là phước điền của trời, người, sao gọi là tiểu u?”

Cặp mắt của người giác ngộ sáng suốt, thấy chư tăng là ruộng phước của trời, người. Luật không cho phép xưng “ta” hay “tiểu tăng”, vì như thế là khinh thường chúng tăng.

“Nhấn đến đối với vương hầu cũng xưng pháp danh là vậy.”

Chẳng hạn Tống thống hay Thủ tướng đến hỏi quý thầy tên gì, quý thầy xưng pháp danh chứ không được xưng con hay ta hay tiểu tăng.

Ngũ lục Thiền sư Triệu Châu có ghi:

Vua Triệu hỏi Thiền sư Triệu Châu quân vương quý hay Pháp vương là quý. Thiền sư đáp: Nơi quân vương, quân vương là quý; mà nơi Pháp vương, Pháp vương là tôn quý.

Sau khi học luật, hiểu tường tận, mình nói không sợ tổn phước.

“Chẳng được nhen việc nhỏ tranh đua. Bằng việc lớn khó nhẫn cũng phải tâm bình khí hòa. Lấy lý luận biện, chẳng được thời từ từ mà lui. Nổi giận thốt lời thô tức là không phải bậc hảo tăng vậy.”

Trong chúng, trong huynh đệ không được tranh hơn thua. Chuyện khó nhẫn quá thì từ từ mình rút.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Tăng cư lục hòa, nhẫn nhục là đệ nhất. Giả sử có sự hiểu lầm phải quyền biến tạm thời, khoan thai nhẫn nhịn, lâu ngày tự rõ.”

Huynh đệ mà hiểu lầm, nói mình làm chuyện này chuyện kia thì phải nhẫn nhịn, lâu ngày tự nhiên huynh đệ hiểu.

“Cho nên chẳng lấy phải trái biện luận làm chỗ giải thoát. Đạo trời lấy sự bất tranh làm thiện pháp thù thắng.”

Thiền sư Vĩnh Gia nói:

*Tòng tha báng, nhiệm tha phi,
Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì.
Ngã văn khắp tự ẩm cam lộ,
Tiêu dung đón nhập bất tư nghi.*

Dịch:

*Mặc ai biếm, mặc ai gièm,
Châm lửa đốt trời nhọc xác thêm.
Ta nghe như uống cam lồ vậy,
Tan hết vào trong chẳng nghĩ bàn.*

Quý thầy làm được không? Chẳng hạn người ta biếm, người ta gièm mình: “Ông thầy này tôi thấy có tu gì đâu, tối ngày đi chơi không hà.” Thì sao? *Ta nghe như uống cam lồ vậy, tan hết vào trong chẳng nghĩ bàn.* Đây là nói về bậc thượng căn, bậc đại lực lượng.

Còn mình thì làm chưa được. Nguyễn Công Trứ nói:

*Ăn ở sao cho trái sự đời,
Vừa lòng cũng khó há răng chơi.
Nghe như chọc ruột, tai làm điếc,
Giận dẫu cắn gan miệng mỉm cười.*

Giận lắm, nhưng miệng mỉm cười, tuy không nói lời thô mà không đúng tinh thần nhà Phật. Tu làm sao phải biết cách chuyển hóa. Mới đi tu, Phật ví dụ như nắm muối bỏ trong ly nước, uống không được. Tu một thời gian, Phật ví như nắm muối bỏ dưới sông, dưới hồ, nước không bị mặn, uống được. Tu một thời gian có công phu thiền định, có sám hối, tự nhiên tâm càng ngày càng mở rộng, bao dung được lời nói của huynh đệ. Tuy biết đây là lời thị phi, hơn thua, oan ức cho mình, nhưng bây giờ tâm rộng quá nên dung nhiếp được. Còn mới tu thì chưa.

Trong Kinh Tăng Chi Bộ, Phật dạy:

*“Có ba loại sức mạnh có mặt ở đời. Thế nào là ba?
1- Sức mạnh của phụ nữ là sắc đẹp.*

Có nghĩa là phụ nữ dùng sắc đẹp mà quyến rũ người khác phái.

2- *Sức mạnh của trẻ con là tiếng khóc.*

Trẻ con, một khi khóc lên thì đòi gì cũng được.

3- *Sức mạnh của Sa-môn, bậc tu đạo là đức nhẫn.*

Nhẫn là trên hết. Trong Kinh Di Giáo, Phật dạy:

“Nhẫn là cái đức mà tri giới khổ hạnh không thể bì kịp. Người hay thực hành đức nhẫn mới có thể gọi là người có sức mạnh to lớn.”

Người có đức nhẫn thì công đức, phước đức nhiều hơn người bố thí cúng dường. Tri giới khổ hạnh không bì kịp. Trong cuộc sống tu hành, khi chướng duyên, nghịch cảnh đến mà nhẫn được không phải chuyện đơn giản. Chúng tôi tụng chuyện rồi, nhẫn được không dễ. Tồi về phải ngồi thiền nhiều hơn, sám hối nhiều hơn mới chuyển hóa được. Tổ nói bậc đại lực lượng mới nhẫn được. Mà phải là thật nhẫn, chứ lằm rằm trong miệng là không đúng. Trong bụng sục sục cũng không được, nhẫn như vậy là thua rồi. Tuy nhiên cũng tạm vì không thốt ra lời ác.

Trong Truyện Cổ Việt Nam có câu chuyện:

Có ông phú hộ đi trên đường, vấp cục đá liền nổi sân. Ông suy nghĩ: “mình tự vấp cục đá mà còn nổi sân huống chi người khác đụng mình. Như vậy nhẫn thật khó.” Về nhà ông tuyên bố, ai làm ông nổi giận ông sẽ chia nửa gia tài và gả con gái cho. Nếu ba lần không làm ông tức giận thì ông đánh ba trăm roi rồi đuổi về.

Một hôm, có anh học trò thông minh đến xin thử. Ngày đầu tiên, ông phú hộ bảo anh học trò giả làm chó còn ông làm thợ săn. Săn được con thỏ đem về nấu nướng xong, ông phú hộ sai anh học trò đi mua rượu. Anh học trò nói:

– Chó làm sao biết mua rượu. Ông là người ông phải đi chứ.

Ông phú hộ đi mua rượu về thấy anh học trò ăn hết con thỏ. Ông trừng mắt hỏi:

– Sao mày cả gan ăn hết con thỏ?

– Ông không nghe người ta nói chó treo mèo đập sao? Ông để dưới này thì con ăn.

Ăn xong anh học trò hỏi ông phú hộ có giận không, ông nói không giận.

Ngày thứ hai ông phú hộ giả làm chó, anh học trò làm thợ săn, vô rừng cũng săn được con thỏ. Lần này anh học trò đi mua rượu, nhưng trước khi đi, anh trối ông phú hộ lại. Ông nói:

– Tại sao mày trối tao?

– Không trối ông ở nhà ăn hết con thỏ sao.

Sau khi mua rượu về, anh học trò ngồi trên bàn, ăn thịt uống rượu, liệng xương xuống cho “chó” rồi hỏi ông phú hộ có giận không. Ông phú hộ bực lắm nhưng ráng nhịn.

Ngày thứ ba, anh học trò bắt ông phú hộ gánh hai cái thúng đi mua đồ. Ông không biết nó ngồi sẵn trong thúng, gánh nặng quá, mở ra mới thấy. Ông tìm cách ngồi vô thúng rồi bắt học trò gánh lại. Học trò giả đồ la “có voi tới” rồi quăng thúng, gánh xuống sông làm ông uống nước gần chết.

Lần cuối cùng, anh học trò ra bờ ruộng thấy bãi phân trâu, nó lấy thúng úp lên rồi chạy về báo:

– Ông ơi, con mới bắt được con phụng hoàng đất lớn và quý lắm, ông mà đem bán cho vua sẽ thành tỵ phú.

Ông mừng quá chạy ra ôm cái thúng. Học trò dặn:

– Ông không được mở thúng ra coi chừng nó bay, đợi con về lấy lưới.

Vừa lúc đó đằng xa có tiếng trống kèn của vua đi đến, vua hỏi tại sao đứng chặn đường của vua. Ông nói có con phụng hoàng đất, sợ giở thúng ra nó bay mất. Ông vua cũng thích con phụng hoàng, tò mò thọc tay vô thúng trúng bãi phân trâu. Vua tức quá, sai quân nọc ông phú hộ ra đánh ba trăm roi rồi ra lệnh xử trảm vì tội khi quân. Anh học trò chạy ra hỏi ông có giận con không, ông phú hộ nói:

– Tao không giận nhưng mà tao muốn giết mày.

Cố gắng nhịn lắm nhưng cuối cùng cũng nổi giận, có nghĩa là nội kết không biết cách chuyển hóa. Đây là chuyện thế gian. Còn chuyện xuất thế gian của mình thì sao? Ai cũng có niệm giận, học Phật pháp, những hạt giống niệm mình phải biết cách chuyển hóa từ trong trứng nước, chuyển hóa lần lần. Rất khó, cho nên Tổ nói bậc đại lực lượng mới chuyển hóa được những hạt giống này.

Trong Kinh A Hàm, Phạm Chí Bà-la-môn hỏi Phật về việc sát sanh. Phạm Chí hỏi:

*Giết gì được an ổn,
Giết gì được an vui,
Giết gì tâm không hối?
Gì là gốc các độc,
Gì là gốc khổ đau?*

Phật dạy:

*Giết sân được an ổn,
Giết sân được an vui,
Giết sân tâm không hối.
Sân là gốc độc hại,
Sân là gốc khổ đau.*

Tu hành mà hết niệm sân thì rất là nhẹ và an ổn. Hết cái thô thô cũng là nhẹ rồi. Còn không thì hay đem sự thô bạo đến cho người khác.

Kinh A Hàm ghi:

Một ni cô nước Sa Ca La gặp một vị Bà-la-môn tu khổ hạnh dùng năm loại lửa nướng thân mình. Đầu tóc khô giòn, môi miệng nứt nẻ, người đời gọi ông là La-hạt-chít tức là cây vải bông nướng. Một hôm cô nói với ông:

– Cái đáng thiêu ông không thiêu, lại lầm lẫn thiêu cái không đáng thiêu, sao mà si mê quá vậy?

Vị Bà-la-môn giận dữ:

– Đồ con lừa, người nói cái gì mới đáng thiêu?

Sư cô nói:

– Cái đáng thiêu chính là tâm nóng giận của ông. Nếu ông thiêu cháy được cái tâm đó thì mới là thiêu thật sự. Giống như trâu không đi thì đánh trâu ai lại đánh xe. Cũng vậy, phải đánh thức cái tâm kia, thiêu cháy cái tâm đó thì thân hết bị giày vò đau khổ.

Nghe xong vị Bà-la-môn thức tỉnh.

Những vị tu khổ hạnh bên phái lửa thể họ hay dùng phương pháp này. Họ nướng thân, đứng giữa trưa nắng. Sư cô nói cái đáng thiêu chính là tâm nóng giận của ông, ông phải tìm cách chuyển hóa.

Mình tu hành cũng vậy, phương pháp rất nhiều nhưng đòi hỏi phải tu tập như thế nào, để chuyển hóa sân hận. Quý thầy biết tu tập cái gì không? Lòng từ. Ai nóng giận nhiều thì phương pháp duy nhất là rải lòng từ. Lòng từ tăng trưởng nhiều chừng nào, thì lòng sân hận bớt chừng nấy. Chuẩn bị ngồi thiền, mình nhiếp niệm năm, mười phút rải lòng từ ra. Giống như ngài Đạt Lai Lạt Ma, ngài nói ngài luôn rải tâm từ đến đối tượng làm cho ngài đau khổ.

Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Nếu lấy việc nhỏ mà chấp chặt tranh luận thì việc nhỏ cũng thành to.”

Có những chuyện nhỏ, quý thầy không biết cách chuyển hóa mà chấp chặt vào, rồi tranh luận hơn thua thì nó thành chuyện lớn. Từ đó về sau tự nhiên có nội kết. Từ cái nội kết này, không khéo là đưa đến con đường sát sanh. Chuyện này trong tông lâm có rồi.

Có lần theo Hòa thượng về miền Tây, tôi nghe kể có hai huynh đệ mới đầu cãi nhau, chuyện rất là nhỏ nhưng chấp chặt tranh luận, cãi một hồi thành chuyện to, thầy sư huynh đánh thầy sư đệ chết. Bữa nọ tôi hỏi thăm biết thầy sư huynh vẫn tiếp tục ở tù rất là khổ sở, mỗi ngày phải đi bắt cho được hai ký cá, không có thì bị đánh! Cho nên phải cẩn thận.

Trong Nghệ Thuật Sống kể:

Hai vợ chồng mới cưới đang ngồi ăn cơm với nhau thì thấy con chuột chạy ngang. Chồng nói chuột chạy xuống giường, vợ nói chuột chạy trên bàn thờ. Chỉ vậy thôi mà cãi qua cãi lại rồi không nhìn mặt nhau nữa. Sau đó người chồng làm lành, chấp nhận vợ đúng. Ngay chỗ đó đáng lẽ yên rồi, nhưng người vợ nói “Ông đúng là mắt đui, tôi đã thấy là chuột chạy trên bàn thờ!” Lại tiếp tục cãi nữa.

Cuộc sống tu hành, đôi khi cũng vấp phải tương tự. Có những huynh đệ họ xuống nước họ nói “Bây giờ tôi chịu thua anh đó”, thì mình lại nói: “Đúng rồi, ông kiến chấp dữ lắm. Tôi nói cái đó đúng.” Cãi tiếp tục! Trong chúng có chuyện này rồi.

Tôi chứng kiến, hai người cùng nội kết, chấp chặt kiến giải. Một người giộng tay vào gốc thông chảy máu rồi nói: “Đó, bây giờ ông coi cái tay tôi, ông không chạy thì coi chừng cái mặt ông!” Người kia bỏ chạy.

Sư huynh của ngài An Thế Cao thuyết pháp rất giỏi, kiến giải rất sâu sắc nhưng có tật hay giận. Ngài An Thế Cao biết mai này sư huynh chết chắc chắn sẽ đầu thai kiếp măng xà khổ sở. Niệm sân hận thác sanh về những cảnh giới xấu ác. Chỉ cần khởi niệm sân hận lên là tự nhiên nó đi bậy liến.

“Nếu việc lớn mà có thể nhẫn thì việc lớn cũng thành nhỏ. Nói việc lớn chẳng qua là bị người ta vu khống chê bai thôi.”

Quý thầy nhớ câu chuyện mà việc lớn biến thành nhỏ không? Câu chuyện Thiền sư Bạch Ẩn, quý thầy đều nghe hết rồi:

Có người ẵm con đến Thiền sư Bạch Ẩn, nói là con của ngài. Ngài nói: “Thế à!” Một thời gian sau hồi hận, cô gái đến xin con lại, nói không phải con ngài, ngài cũng nói: “Thế à!”

Chuyện lớn, nếu nhẫn thì biến thành nhỏ.

“Song một chữ nhẫn này nói thì rất dễ mà hành thì rất khó.”

Nói thì rất dễ, quý thầy nhớ câu chuyện nào không?

Một vị tướng quốc đến Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo xin xuất gia, Thiền sư nói:

– Ngoài đời ông đủ thứ việc mà xin xuất gia gì, thôi để từ từ.

– Bây giờ gia đình, của cải, vợ con gì con đều buông xuống hết rồi. Xin cho con được xuất gia.

Thiền sư nói:

– Sao ông đi lễ Phật sớm vậy?

Ông đáp:

– Vì trừ lửa trong tâm, dậy sớm lễ Sư trưởng.

Thiền sư nói:

– Dậy sớm như thế ấy, chẳng sợ vợ ngủ người.

Ông trợn mắt liền:

– Ông già này ăn nói gì vậy?

Lúc này Thiền sư nói:

*Nhè nhẹ phẩy chiếc quạt,
Tánh lửa đã nóng bùng.
Tánh lửa nóng như thế,
Làm sao buông xuống xong!*

Nói thì dễ nhưng hành thì rất khó. Chính bản thân chúng tôi ra làm việc Phật sự, gặp chuyện vu khống rất nhiều. Có những chuyện mình không làm mà họ gán cho, thì nói ai nghe, ai hiểu. Ngày xưa tôi làm việc bên Canada, đi giảng bằng tàu lửa từ Montreal, tự nhiên nước mắt nó trào ra, đi đoạn đường xe lửa một ngàn cây số là khóc hết một ngàn cây số luôn. Mình không biết tâm sự với ai, cuối cùng chỉ có khóc thôi chứ không có cách nào khác hết.

Còn một câu chuyện nói thì dễ mà hành rất khó:

Tô Đông Pha gửi lá thư cho Thiền sư Phật Ấn:

*Đánh lễ thiên trung thiên,
Hào quang chiếu đại thiên.
Tám gió thổi không động,
Hoa sen tím ngời yên.*

Thiền sư Phật Ấn không nói gì, chỉ ghi mấy chữ “Cục cút, cục cút” gửi qua.

Tô Đông Pha chèo đò qua liền, mặt hầm hầm:

– Tôi với thầy tình nghĩa thân thiết, tôi có làm gì thầy đâu mà thầy ghi “cục cút” vậy?

Thiền sư nói:

– Ông nói “tám gió thổi không động”, mà bây giờ “cục cút vượt sang sông!”

Cũng như câu chuyện, ông thiền tăng đến chùa Tướng Quốc nói cái gì cũng không, nhà không, chúng sanh không, ba thời đều không, hiện tượng không, pháp giới cũng không. Thiền sư sẵn cái dùi chuông gõ vào đầu ông, ông liền la lên:

– Sao thầy đánh tôi?

Thiền sư nói:

– Cái gì ông cũng nói không sao bây giờ đầu sưng ông lại nói có?

Cho nên Tổ Tuyên Luật Sư khẳng định:

“Phải là người có đại lực lượng mới có thể hàng phục tâm này. Nếu lực lượng yếu kém thì liền bị trôi giạt vào nước quỷ La-sát.”

Trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên kể:

Tướng công Vu Định đến Thiền sư Đạo Thông hỏi:

– Thế nào là “hắc phong xuy kỳ thuyền phưởng phiêu đọa La-sát quỷ quốc.”

Đạo Thông đáp:

– Kẻ khách Vu Định hỏi việc ấy làm gì?

Vu Định đỏ mặt, Thiền sư chỉ nói:

– Cái đó chính là phiêu đọa La-sát quỷ quốc.

Lúc này ông tướng khách hỏi:

– Thế nào là Phật?

Thiền sư gọi:

– Tướng công!

– Dạ!

Sư bảo:

– Lại chớ tìm cái gì khác.

Có nghĩa là trở về con người của mình nhưng ở đây nói phải là bậc đại lực lượng mới làm được.

Thiền thoại có ghi:

Có một vị cư sĩ đến thưa với Thiền sư Bàn Khuê:

– Con rất hay sân giận, nói chuyện một chút là con sân lên rồi. Ai nói gì không phải con cũng nổi sân.

Thiền sư bảo:

– Ông đem sân ra ta trị cho.

– Thưa Thầy, khi gặp chuyện mới có, còn bây giờ không thấy.

Câu này đơn giản mà rất hay, cái sân hận ngay trong thực tại thì không có, mà đụng chuyện thì ở đâu nó chạy ra.

Lúc này Thiền sư khai thị:

– Ông hãy nhớ cha mẹ sanh ra ông chỉ có tâm Phật chứ không có tâm sân hận. Nhớ là chỉ có tâm Phật thôi.

Chỉ có một tánh biết duy nhất thôi. Ngoài ra, hằng ngày có buồn, vui, có lúc sân, có lúc không sân, những cái này đắp đổi sanh diệt mà cái gì thấy được chỗ đó? Thiền sư Bàn

Khuê nói, cha mẹ sanh ra chỉ có tâm Phật thôi, còn ngoài ra đều là vọng tưởng, điên đảo hết.

Sao gọi là tâm bình, khí hòa?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Thiền sư Tuyết Đường nói: Khí thắng trí gọi là tiểu nhơn, trí thắng khí gọi là quân tử, trí cùng khí quân bình gọi là đắc đạo thánh hiền.”

Trong Đại Luật có ghi:

“Người tu không nhẫn nhục có năm điều lỗi:

1- Hung ác càng thêm.

Người không biết nhẫn nhục, không biết chuyển hóa, gặp chuyện gì cũng sân thì khuôn mặt nhìn khác người hay nhẫn nhục. Ngồi gần những người hay sân mình cũng cảm thấy bất ổn.

2- Sự rồi thì hối hận.

3- Nhiều người không ưa.

4- Tiếng dữ đồn khắp.

5- Chết đọa trong đường ác.”

Có vị thi sĩ làm bốn câu thơ:

Có khi nhẫn để yêu thương,

Có khi nhẫn để tìm đường lo toan,

Có khi nhẫn để vẹn toàn,

Có khi nhẫn để tránh tàn sát nhau.

Ở trong chúng, bắt buộc phải nhẫn. Nhẫn không phải vì sợ mà vì thương huynh đệ. Họ cùng mục đích với mình đến tu hành. Ở ngoài đời, gặp chuyện gì thì anh em ruột bênh vực, nhưng huynh đệ còn hơn anh em ruột vì cùng mục đích, cùng chí hướng với mình.

Thiền sư Văn Hỷ đến chùa Kim Cương, sau khi không ngộ nhập được tri kiến Phật thì xin Đồng Tử tức hiện thân Bồ-tát Văn Thù một bài kệ. Bồ-tát Văn Thù đọc bài kệ:

Diện thượng vô sân cúng dường cụ,

Khẩu lý vô sân phổ diệu hương,

Tâm lý vô sân thị trân bảo,

Vô cấu vô nhiễm thị chơn thường.

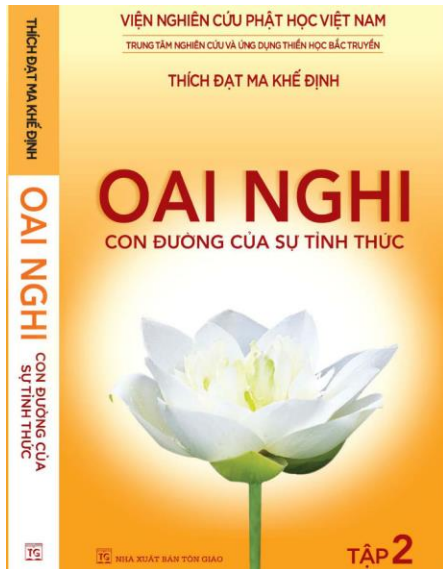
Tức là:

Trên mặt không sân đồ cúng dường,

Trong miệng không sân xuất diệu hương,

Trong tâm không sân là trân bảo,

Không nhơ, không nhiễm là chơn thường.



5. Tùy Chúng Thực

“Nghe tiếng kiểem chùy phải sửa sang y phục”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Tùy chúng nghĩa là người xuất gia nên phải mỗi mỗi theo chúng. Cổ Đức nói: Tùy chúng được giải thoát, mà có tám giải thoát.”

Nếu không ở trong chúng thì không biết việc tùy chúng. Tiếng kiểem chùy tức là tiếng bả đánh “cốc, cốc”. Phải sửa sang y phục, chuẩn bị lên ăn cơm chứ không phải ngồi ở tầng đường nói chuyện nữa. Tổ nói, nếu theo chúng thì được tám pháp giải thoát. Quý thầy ở thất riêng thì không được tám pháp này, chỉ ở trong

tùng lâm lớn mới được.

1- Nghe tiếng bả liền đến, chẳng có giải đãi.

Nghe tiếng bả quý thầy đi lên liền, tức là tâm mình không giải đãi. Đó là pháp giải thoát thứ nhất.

Ngũ Đăng Hội Nguyên có ghi:

Trong hội của Thiền sư Qui Sơn, buổi trưa nọ khi nghe ba tiếng bả bồng có một vị tăng vỗ tay cười lớn. Thiền sư Qui Sơn ngồi trong Pháp đường nghe tiếng vỗ tay ngài nói: “Hôm nay trong chúng có sự việc xảy ra như thế sao?”

Bởi nghe tiếng bả vỗ tay là biết “nhĩ căn viên thông”, ngộ nhập rồi.

Ngài mừng lắm, sai thị giả xuống kêu vị tăng vỗ tay lên gặp ngài. Ngài hỏi vị tăng:

– *Hồi nãy vừa nghe tiếng bả ông vỗ tay liền, ông nghe gì mà ông vỗ tay?*

– *Bạch Hòa thượng, sáng con ăn cháo đói quá giờ nghe tiếng bả con mừng con vỗ tay chứ không có gì hết.*

Ngài Qui Sơn thôi không nói gì.

Quý thầy thấy thiền ngữ trong đó chưa? Ở đây ngẫm cái gì trong này? Quý thầy đừng chấp trên văn tự. Người xưa nghe tiếng bả hay bất cứ tiếng gì, các ngài đều trở về phản quan lại tự tánh của các ngài, tức là trở về chỗ tri kiến như thật, chỉ trong những chuyện hằng ngày, chuyện bình thường nhất. Ta đừng nghĩ thành Phật, tác Tổ là ở trên trời, trên non, hay dưới biển mà toàn là trong việc ăn cháo, ăn cơm, uống nước, ngoài ra không có gì khác. Sáng ăn cháo, trưa ăn cơm, ngay trong giờ phút thực tại đó mà thấu tốt được thì thành Phật, tác Tổ. Cho nên Qui Sơn liền thôi. Nếu ngay đó Tổ Qui Sơn có cái gì để nói nữa là thêm. Các ngài nói là ngay gắm thêm hoa, ngay tuyết thêm sương, ngay đầu mà thêm đầu. Trật! Vị tăng nói vậy, ngay đó là chấm dứt, ngay chỗ đó là thiền.

Cũng trong Ngũ Đăng Hội Nguyên:

Tăng hỏi Thiền sư Vân Môn:

– Xin Thầy chỉ cho con một con đường ngộ nhập.

Thiền sư Vân Môn nói:

– Ăn cơm, ăn cháo đi.

Đó là con đường ngộ nhập, là bí yếu của thiền. Các ngài chỉ ra, mình thấy dễ quá rồi bỏ qua chỗ này. Trong lúc ăn cơm, uống nước quý thầy chịu khó nghiền ngẫm thì chính chỗ đó là đạo lý.

2- Cúng dường hiện thành được tỉnh lực.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Thành tựu ngay trong hiện tại tức chân lý tuyệt đối tự nhiên hiện bày. Tỉnh lực, năng lực của thiền định, năng lực này có công năng đoạn trừ các phiền não.”

Trong lúc quý thầy lên cùng ăn cơm với đại chúng, thì sự cúng dường nó hiện thành được tỉnh lực, được sức mạnh. Người xưa nói trong lúc ăn cơm quả đường, công phu miên mật hơn ngồi thiền hai tiếng đồng hồ. Bởi vì bữa nào có thức ăn ngon, tự nhiên quý thầy khởi niệm thèm, trong giờ phút thực tại đó, nếu biết cách chuyển cái tâm niệm thèm muốn này, thì chính chỗ đó là công phu đặc lực nhất.

Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên có ghi:

Thiền sư Chơn Tịnh ở trong thất hỏi vị tăng:

– Xong hay chưa?

Tăng thưa:

– Chưa xong.

Thiền sư hỏi tiếp:

– Ông ăn cháo hay chưa?

– Bạch Hòa thượng, ăn xong rồi.

Thì Thiền sư nói:

– Sao nói chưa xong?

Trong lúc ăn cháo ông rõ ràng biết. Nếu ông là người chết, sao ông ăn? Ăn cháo, ăn cơm ông rõ biết, sao nói chưa xong?

Thiền sư lại hỏi:

– Ngoài cửa có tiếng gì?

– Tiếng mưa rơi.

Thiền sư nói:

– Sao nói chưa xong? Trước mặt là cái gì?

– Bình phong.

Thiền sư nói tiếp:

– Sao nói chưa xong?

Sư lại hỏi:

– Hiểu chưa?

Tăng nói:

– Chưa hiểu!

Sư đọc một bài kệ:

*Tùy duyên sự sự liễu,
Nhật dụng hà khiếm thiếu.
Nhất thiết đản tâm thường,
Tự nhiên bất điên đảo.*

Có nghĩa là:

*Theo duyên mọi việc xong,
Hằng ngày dùng đâu thiếu.
Tất cả đều tâm thường,
Tự nhiên dứt điên đảo.*

Tất cả là việc bình thường hằng ngày, ăn cháo, ăn cơm, mặc áo, đi tiểu tiện... mà rõ biết hết, đó là dứt điên đảo.

3- Tác quán bình đẳng không có nhân, ngã.

Khi ăn uống chung trong chúng, chẳng hạn người ta cúng dường bốn trái cam thì chia đều bốn người. Lúc đó quý thầy không khởi niệm ai cúng hay ở đâu có. Còn ở thất riêng, người ta đến cúng là quý thầy khởi niệm người này cúng tôi, người khác cúng tôi, có nhân ngã. Pháp giải thoát thứ ba là tác quán bình đẳng không có nhân, ngã.

4- Dứt các hý luận, luôn giữ chánh niệm.

Chỉ từng lâm lớn mới có. Tôi đến chùa khác, chẳng hạn chùa quê tôi, không có mặc áo hậu ăn cơm như mình mà mặc áo ngắn ăn cơm. Rồi nói chuyện thời sự, nói đủ thứ chuyện, không phải như các thiền viện của Hòa thượng, tụng kinh rồi ăn uống im lặng giữ chánh niệm.

Cho nên Kinh Di Giáo Phật dạy:

“Tỳ-kheo các ông, các thứ hý luận làm cho tâm mình mờ tối, dù đã xuất gia vẫn chưa được giải thoát. Thế nên Tỳ-kheo phải mau dứt bỏ loạn tâm hý luận.”

Có câu chuyện:

Hai vợ chồng ngồi ăn cơm, người chồng luôn im lặng giữ chánh niệm. Bữa nọ người vợ chịu hết nổi:

– Ông này ăn mà im lặng không biết lo xa nghĩ ngợi gì hết.

Hôm sau người chồng ngồi ăn cơm vừa nói:

– Không biết bên Mỹ mưa hay bão gì đó.

Người vợ nói:

– Ông có khủng không? Ngồi đây mà nghĩ bên Mỹ làm chi.

– Bà bảo tôi lo xa thì tôi lo xa chứ sao.

Câu chuyện đơn giản, nhưng không khéo mình đang ăn cơm mà nghĩ chuyện bên Mỹ, bên Pháp, bên Tàu là trật, là không giữ trong chánh niệm. Cho nên các thiền sư dặn mình trong lúc ăn, uống, làm việc đều luôn giữ trong chánh niệm, đó là pháp giải thoát thứ tư.

Trong Đại Thừa Huyền Luận quyển Hai có nói:

“Hý luận là tên giả mượn để thí dụ, đối với đạo không có lợi ích, như đứa bé nói đùa mà thôi.”

Kinh Tối Thắng Vương quyển Một nói:

“Tánh thật tế không có hý luận. Chỉ riêng Đức Phật chứng được hý luận hằng dứt gọi là Niết-bàn.”

Chỉ có Phật mới chứng được chỗ này thôi, mình dứt không được. Chẳng hạn mình lên quả đường ăn thì im lặng chứ ăn giữa buổi thì không im lặng được. Phải nói chuyện gì đó cho vui, chuyện dưới rầy, chuyện ở đâu, ở đâu... Đức Phật chứng được chỗ này thì hý luận mới dứt được. Chỉ có Đức Phật thôi. Rất là khó.

Trong Luận Du Già Sư Địa quyển Chín mươi một ghi:

“Những lời nói dẫn đến sự tư duy phân biệt gọi là hý luận. Vì sao? Vì những lời nói ấy không thể làm tăng thêm chút pháp lành nào và cũng không thể làm giảm đi pháp ác.”

Có nghĩa là điều ác luôn tăng trưởng mà pháp lành thì mất.

Luận Phật Tánh quyển Ba ghi:

“Hý luận có ba, một là tham ái, hai là ngã mạn, ba là kiến chấp.”

Nếu chúng ta hý luận thường xuyên thì sanh ra thứ nhất là tham ái, thứ hai ngã mạn, thứ ba là kiến chấp.

Kinh Trung Bộ Tập Một Phật dạy:

“Này các Tỷ-kheo! Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo! Ở đây Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.”

Đây là tinh thần của Tứ Niệm Xứ, không phải tinh thần Tổ Sư Thiền. Tuy nhiên quý thầy thực tập cũng có lợi ích. Chẳng hạn đi quý thầy rõ biết, hơi thở ra vào đều rõ biết, ăn uống cũng luôn luôn tỉnh giác chế ngự cái tham, sầu khổ, nóng giận, đều tỉnh giác. Chứ không thôi quý thầy nói bây giờ tôi tu tới giai đoạn trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật. Nhưng chưa được pháp này mà lại đi đến con đường hý luận khác. Còn ở đây Phật đưa xuống một cấp độ là luôn luôn chánh niệm, quán thân trên thân.

“Sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Tỷ-kheo khi bước

tới, bước lui biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Tăng-già-lê, mang bình bát, mang y biết rõ việc mình đang làm; khi ăn uống, nhai nếm biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện biết rõ việc mình đang làm; khi đi đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng biết rõ việc mình đang làm. Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân.”

Nghĩa là làm việc gì biết rõ việc đó, mà rõ biết được như thế thì quý thầy vào thất có một sự đột biến lớn trong thân tâm. Quý thầy dờ cách mấy mà biết rõ ràng mình có mặt trong giờ phút thực tại này, thì cái tâm lang bang vọng tưởng ngay tức khắc không có mặt nữa, mà luôn luôn an trú trong giờ phút thực tại đó. Như vậy thì những lúc quý thầy vào thất mới gọi là đột biến thân tâm, chứ thiền không phải để nhảy vô đâu.

Người mà giỡn cười suốt ngày, không có chánh niệm tỉnh giác, thu thúc sáu căn mà nói ngộ đạo thì Thiền sư nói, đây là Di-lặc trời sanh, Thích-ca tự nhiên. Quý thầy hiểu chỗ này không? Có ai mà Di-lặc trời sanh không? Xem trong sử, Di-lặc tu bao nhiêu kiếp, bây giờ tới kiếp cuối cùng mới thành Phật. Như vậy là các ngài cũng luôn luôn nhiệt tâm tỉnh giác, cuối cùng mới thành Phật. Rồi có Phật Thích-ca nào mà tự nhiên đâu, ngài cũng phải tu vô lượng kiếp, cũng tỉnh giác, chánh niệm, rồi cuối cùng bốn mươi chín ngày đêm mới thành Phật. Không bao giờ hô biến tự nhiên nói ông này ngộ đạo, mà toàn giỡn cười, đi chơi, ngắm trăng, ngắm sao rồi thành Phật. Không bao giờ có chuyện đó!

Cho nên Khổng Tử nói:

“Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị.”

Nếu tâm không ở trong cảnh giới thực tại này thì nhìn sẽ không thấy, tai nghe mà không rõ, miệng ăn mà không biết mùi vị.

Ăn mà biết mùi vị thì thiền sư nói đó là phàm phu, không biết thì là gỗ đá. Nghe vậy mình làm sao? Mình phải thực tập công phu chứ. Các ngài dạy, uống ngọt biết ngọt, ngay đây chấm dứt không thêm cái gì nữa hết. Chứ uống ly nước lợ lợ, quý thầy bực trong bụng: Ông này pha ly nước sao kỳ quá, không ngọt bằng hôm qua. Đem quá khứ đến! Trật! Ngọt biết ngọt, ngon biết ngon mà ngay trong giờ phút thực tại này chấm dứt, dừng! Dừng trong giờ phút thực tại này, cái đó mới khó, nhà thiền mình đòi hỏi vậy.

Muốn được như vậy, quý thầy phải dùng phương pháp *nhất tọa nhất thực*, tức là một khi ngồi, ăn xong bước xuống thì dừng, không bỏ gì vô miệng nữa, rất là đơn giản, chính chúng tôi làm được và cảm thấy rất an lạc.

Làm được điều đó thì đối với thức ăn, quý thầy coi như không, chuyện ăn uống không dính dáng gì đến quý thầy nữa, ăn cũng được, nhịn cũng được. Người ta đến cúng dường, chẳng hạn một bịch bánh, quý thầy cũng biết ơn tín thí nhưng không khởi niệm gì hết. Ai đến cúng dường bánh là tôi đem cho, không ăn được, vì ăn là trật cái *“nhất tọa nhất thực”* rồi. Quý thầy mà sống được chỗ đó một thời gian, thì ăn uống đều nằm trong cảnh giới thực tại, không còn thèm muốn gì nữa. Một lúc nào đó, quý thầy được ở yên nhập thất sẽ có kết quả rất lớn.

5- Như pháp quán tưởng nên thâm nhập nghĩa lý.

Quý thầy quán tam đề ngũ quán, thâm nhập rồi thì tự nhiên khế hợp chân lý.

6- Chẳng ăn mịch chúng nên dứt tiệt nghi báng.

Ăn mịch chúng là sao? Chẳng hạn chúng ăn hai cái bánh ít, quý thầy ăn bốn cái! Ăn trên quả đường, tri khổ dọn mỗi người một cái, làm sao mịch? Quý thầy ăn ở đâu đó, chúng họ nghi, mà nghi thì cái đức mình bị tổn, không được pháp giải thoát.

7- Cam khổ đồng thọ, không có kén chọn.

Hôm nào có cúng, có giỗ thì đồng hưởng, mai đây một đĩa rau muống luộc, một chén nước tương thì cùng thọ. Cam khổ đồng thọ thì pháp giải thoát thứ bảy có mặt.

8- Đi đứng oai nghi nên chẳng phóng dật.

Nếu chẳng theo chúng thì tám pháp giải thoát, chẳng có thể thành tựu được. Cho nên cần phải ở trong chúng lâu là vậy.

Mới đây có một thầy chưa học oai nghi phép tắc mà nhất định đi, tôi nói ráng ở năm, ba năm rồi về cất cốc cũng được. Đi rồi bây giờ hối hận, điện thoại lên xin nhập chúng tu lại, chứ về không ai chứa. Đau bệnh hay bất cứ chuyện gì mà còn nằm trong chúng thì ai cũng giúp đỡ, nuôi bệnh, ai cũng muốn tìm cách cúng dường để quý thầy trị bệnh. Nhưng một khi quý thầy ra khỏi đây thì không ai ngó ngàng tới. Mình ở trong chúng lâu năm, tích chứa công đức, thành tựu Phật pháp, trang bị Phật pháp cho nhiều thì đi đến đâu người ta cũng thỉnh, cũng mời. Cho nên, Tổ Tuyên Luật Sư nói ở trong chúng mới được tám pháp giải thoát. Không ở trong chúng thì tám pháp giải thoát này, chẳng có thể thành tựu được. Vì vậy, khuyến khích mình ở trong chúng là có lý do.

“Nghe tiếng kiêu chùy phải sửa sang y phục.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Đây chính là phương pháp vân tập đại chúng, chẳng đợi nói mà tự đi.”

Đến giờ ăn cơm, vị hành đường gõ ba tiếng bảng, không mời mà quý thầy cũng tự đi. Nếu gõ bảng mình không đi, hoặc nghe tiếng kiêu chuẩn bị ngồi thiền hay tụng kinh mà cứ ngồi nói chuyện đông, chuyện tây, tức là mình không tùy thuận pháp hạnh trong đại chúng, trong tùng lâm. Nghe tiếng kiêu, tiếng bảng mình tùy thuận đi tọa thiền, tụng kinh hoặc đến trai đường, thì những hạt giống đó đều được ghi trong tàng thức. Có những người lúc ở ngoài đời, nghe tiếng chuông, tiếng trống tự nhiên họ được đánh thức, là biết trong thời quá khứ, họ đã từng có những hạt giống này ghi trong tàng thức.

Cho nên Kinh Phật nói:

“Người xuất gia tu học chỉ cần ở trong tùng lâm một ngày, một đêm bằng ở ngoài đời một trăm năm.”

Ngày xưa, đọc đến đây tôi không hiểu, tôi nghĩ rằng mình ở trong rừng sâu được thời gian tu học nhiều hơn cư sĩ tại gia, nên thời gian được tính dài ra. Nhưng hồi hôm lúc ngồi thiền, tôi thấy có một số cư sĩ đến làm công quả, những vị này đi đạo tràng cũng mười mấy năm rồi và có tu tập pháp môn thiền, nhưng họ khạc, họ nhổ trước chánh điện, họ hỉ mũi, họ làm đủ thứ. Nghĩa là pháp hành chánh niệm oai nghi họ không có, bởi vì họ chưa từng học qua.

Cho nên bài Oai Nghi này tôi lấy tựa đề: **“Oai Nghi – Con Đường Của Sự Tỉnh Thức”**. Sở dĩ chúng ta tu một ngày, mà hơn người đời một trăm năm là bởi mình có pháp trợ đạo. Pháp trợ duyên này là Oai Nghi, là mình luôn sống trong tỉnh thức.

Còn người không có oai nghi phép tắc, sống buông thả phóng túng, hoặc khạc nhổ, hạ phong trong thiền đường, thì người này tuy cũng đầu tròn áo vuông, xuất gia như những người khác nhưng trong luật các vị Tổ nói, họ không khác gì người đời, tức là xuất gia uống. Bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ hết tất cả vào đây mà mình không có sự oai nghi, phép tắc, không có giới luật để câu thúc tâm của mình lại thì chư Tổ nói người này giống như người thế tục.

Cho nên học luật, học oai nghi, là hơn người đời chỗ đó. Người đời tuy họ tu tập nhiều pháp môn nhưng họ chưa từng kinh qua con đường oai nghi này. Họ không biết pháp đến chùa phải như thế nào cho nên họ vẫn khạc nhổ, hạ phong... mà không biết tội phước ra sao. Còn ở Rừng sâu, chúng ta học pháp oai nghi này, là pháp duyên trợ đạo thù thắng nhất.

Ở đây Tổ Tuyên Luật Sư nói: *phương pháp vân tập đại chúng chẳng đợi nói mà tự đi*, có nghĩa là quý thầy nghe tiếng kiêu chùy, những hạt giống này ghi trong tàng thức nó không mất, mà đợi đủ nhân. Đủ duyên nó tác động, có những lúc chúng ta đột biến thân tâm và con đường ngộ nhập cũng đi từ con đường này.

Thanh qui Tổ Bách Trượng dạy, nghe tiếng kiêu chùy, mình chấp tay lại thầm tưởng niệm:

*Phật sanh Ca-tỳ-la,
Thành đạo Ma-kiệt-đà,
Thuyết pháp Ba-la-nại,
Nhập diệt Câu-thi-na.*

Phật sanh Ca-tỳ-la... Ngài là một vị Đông cung Thái tử, khi trưởng thành ngài thấy cuộc đời là vô thường, ảo mộng nên buông bỏ hết tất cả để vào rừng tu. Chấp tay tưởng niệm công đức của ngài để tăng trưởng những niệm thù thắng, nhờ năng lực này mà giữ được oai nghi phép tắc. *Thành đạo Ma-kiệt-đà, thuyết pháp Ba-la-nại...* Mình tưởng niệm giờ phút Phật thuyết pháp cho năm anh em ông Kiều Trần Như. *Nhập diệt Câu-thi-na*, nghĩa là dù Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thì cũng đến ngày vô thường, đến ngày hoại diệt, huống chi là cái thân của mình, cho nên thúc đẩy mình nỗ lực tinh tấn tu.

Luận Kiền Độ nói:

“Nghe tiếng kiêu chùy liền phải đáp y, mang bát giống như nhận đi.”

Chim nhận bay rất có thứ tự, một con dẫn đầu, rồi con kế tiếp, kế tiếp...

“Đi đến trai đường theo thứ tự mà ngồi, chớ khiến lộn xộn chẳng đúng như pháp.”

Ngũ Đăng Hội Nguyên có ghi:

Thiền sư Thạch Thê một hôm hỏi thị giả:

– Ông đi đâu?

Thị giả thưa:

– Con đi lên trai đường.

Thiền sư bảo:

– Ta đâu không biết ông đi lên trai đường.

Thị giả thưa:

– Ngoài việc này ra, riêng nói cái gì?

Thiền sư bảo:

– Ta chỉ hỏi việc bốn phận của ông thôi.

Thị giả thưa:

– Nếu hỏi việc bốn phận của con thì thật là con đi lên trai đường.

Sư bảo:

– Ông quả thật là thị giả của ta.

Các vị thiền sư một khi khai thị cho đệ tử thì không ngoài việc: *“Bốn phận của ông là gì?”*

Hôm trước, có phái đoàn mười nước gồm Lào, Mã Lai, Indonesia, Singapore, Campuchia, Thái Lan... đến thăm thiền viện. Trong đó có một vị người Singapore hỏi Hòa thượng một câu mà ông cho rằng rất trừu tượng: *“Mục đích của con người là gì?”* Câu này cũng không khác gì câu hỏi: *“Việc bốn phận của ông là gì?”* Tôi đã từng tiếp một phái đoàn mười giáo sư miền Bắc và hai linh mục nhà thờ cũng hỏi chúng tôi như vậy. Các tôn giáo bạn như Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo cũng luôn luôn tìm hiểu mục đích của con người là gì.

Thật ra câu hỏi này không trừu tượng, bởi mục đích của con người thì chư Phật, chư Tổ đã làm rồi. Mục đích mà con người muốn hướng đến không phải tài, sắc, danh, thực, thù mà là chuyển hóa thân tâm. Đời này chưa xong thì đời kế tiếp, hoặc năm này không xong thì năm kế tiếp nữa. Mục đích này không nằm trong trạng thái biện luận hay lý giải trừu tượng, không bằng cách học trung cấp, cao đẳng rồi tiến sĩ. Dầu cho quý thầy có mười cái bằng tiến sĩ, cũng không khám phá mục đích này được.

Hòa thượng nói, trả lời câu hỏi này phải nói rất dài, ở đây Hòa thượng chỉ nói vắn tắt, mục đích là đi đến con đường của Giới – Định – Tuệ, Giác ngộ và Giải thoát. Hay nói ngắn gọn hơn, mục đích của con người là nhận ra được con người bất tử.

Sau khi Thái tử Sĩ-đạt-đa nhận chân được mục đích con người là gì, tại sao mình sanh ra cõi đời này, sau khi già chết mình sẽ đi về đâu, mình sống ở đời để làm gì, ngài buông hết tất cả. Năm năm tầm đạo, sáu năm khổ hạnh; cuối cùng, bốn mươi chín ngày đêm mới khám phá ra được mục đích của con người là gì.

Một vị Đạt-lai Lạt-ma nói: Người sống mà không có mục đích, không biết chuyển hóa thân tâm thì giống như sống say, chết mộng. Sống say ở đâu? Sống say trong ngũ dục, trong tham ái. Chết thì trong mộng mị. Quý thầy tuy xuất gia vào đây gặp Hòa thượng rồi, được Hòa thượng dạy phương pháp thù thắng mà tu lơ là ngày tháng, không chịu sám hối, tọa thiền, suốt ngày đi chơi, tán dóc... thì đây cũng là người sống không có mục đích.

Trong Bảo Cảnh Tam Muội có ghi:

*Như thị chi pháp,
Phật Tổ mật phó,
Nhữ kim đẳng chi,
Như thiện bảo hộ.*

Nghĩa:

*Pháp ấy như thị,
Phật Tổ thâm trao,
Nay ông được đó,
Nên khéo giữ gìn.*

Trong lúc đi lên trai đường, thiền đường, chúng ta luôn tỉnh giác, luôn ý thức để chuyển hóa toàn vẹn thân tâm. Đó chính là mục đích của con người. Chư Phật, chư Tổ đã làm được, các Thiên sư đã làm được, bây giờ đến phiên chúng ta cũng phải làm. Nên mục đích của con người là khám phá ra con người bất tử, ngoài ra không có gì khác hết.

“Đến khi ăn, chú nguyện đều phải cung kính.”

Sa Di Học Xứ ghi:

Trong Đại Luật có ghi lại, vào thời Đức Phật, có một số cư sĩ thỉnh chư Tăng đến thọ trai cúng dường. Các ngài đến im lặng ăn, ăn xong rồi đi cũng im lặng, không có chú nguyện. Các vị cư sĩ cơ hiềm, bạch Phật:

– Các Thầy Tỳ-kheo ăn chẳng biết tốt xấu, cùng chẳng biết ít nhiều.

Phật dạy:

– Từ nay trở đi, lúc ăn nên biểu hiện ý thí. Trước khi ăn là niệm tưởng cúng dường, xướng Tăng bạt rồi sau mới ăn. Tụng kệ, chú nguyện, chỗ pháp hành đều phải khởi

tâm cung kính, chẳng được tán tâm phóng túng khinh thường, tổn đức còn chiêu cảm quả khổ.

Xướng Tăng bạt là nêu lên cái pháp bình đẳng. Trong tích có ghi:

Ông Thi-lợi-cù-đa nghi Phật không có nhất thiết chủng trí, nên làm cơm độc rồi thỉnh Phật và chư Tăng đến. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, ông thức tỉnh nên đề nghị đổ bỏ hết cơm và thức ăn. Phật nói cơm này muốn ăn mà không độc thì phải xướng Tăng bạt, chú nguyện rồi mới ăn.

Khi bưng bát cơm lên, mình đừng có khinh thường, phóng túng mà tổn đức, còn chiêu cảm quả khổ. Ở thiền viện nọ, ngày xưa tôi chứng kiến một thầy rất hảo tướng mà mới chừng hai mươi mấy tuổi thôi. Thầy bưng chén cơm lên mà nói chuyện phi pháp, thầy nói để coi có nhân quả hay không! Quả tình bốn năm sau thầy ra đời, hiện giờ rất khổ, chạy cơm, chạy nước, làm đầy tớ cho người ta. Nghe nói thầy lấy vợ, một hai năm sau thì người vợ qua đời.

Ở trong rừng lâm mình đừng có khinh thường, nói coi thử có nhân quả không là bảo đảm chiêu cảm quả khổ liền. Lúc xướng Tăng bạt rồi, ăn phải cung kính, thành tâm, không khởi một ý niệm khinh thường nào hết thì phước đức tăng trưởng.

“Cơm xuất sanh chẳng quá bảy hột, bún chẳng quá một tấc, bánh man dầu cỡ chừng một móng tay, không nên nhiều, không nên ít. Vì sao vậy? Nhiều thì là tham, ít thì là sên. Ngoài ra các món như là rau, cải, đậu, mè không được xuất sanh.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phàm đồ ăn những thức bột gạo làm ra mới xuất sanh được, còn như rau cải là những vật quý thần không ăn, nếu xuất sanh trở thành vật bỏ. Còn xuất sanh bảy hột rất ít quý thần làm sao no đủ? Bởi nhờ sức chú nguyện hay khiến quý thần no đủ.”

Bảy hột làm sao quý thần no đủ được, nhưng trong kinh diễn tả: Nhờ sức chú nguyện nên lúc này, bảy hột cơm biến khắp hằng sa cõi nước thì chúng quý thần đều no đủ. Muốn sức chú nguyện có năng lực thù thắng, thì quý thầy phải giữ giới luật thanh tịnh.

Luận Đại Trí Độ ghi:

“Phàm lúc thọ thực trước phải cúng Tam bảo, kể là đến đại chúng, sau mới thí bốn loài. Để yên nơi tay trái, tay phải hướng trên tịnh vật, mặc niệm kệ chú: ‘Nhữ đẳng quý thần chúng, ngã kim thí nhữ chúng.’ Nghĩa là nương sức chú Phật triệu thỉnh tên đó mà thí pháp thực. Thức ăn này biến khắp mười phương, tất cả quý thần cùng chung hưởng. Nghĩa là các chúng quý thần mỗi mỗi tán ra mười phương mà chú thực này cũng biến khắp mười phương, khiến các quý thần kia cùng hưởng pháp vị đều được no đủ, dùng cái tâm Phật mà thấy bình đẳng.”

Quý thầy đừng ỷ lại. Chẳng hạn, sau này trụ trì một phương nào đó, rồi quý thầy nghi, nói thôi bây giờ mình khỏi cần chú nguyện hay cúng thí thực gì hết. Được không?

Một thầy ở Vũng Tàu kể lại, hồi còn là Sa-di, thấy các chùa Tịnh Độ thờ vong rất nhiều, thầy nghĩ: “Cúng vậy ai ăn.” Cho nên khi Bốn sư thầy đi vắng, thầy bỏ không cúng ba

ngày. Đến ngày thứ tư, sau khi tụng kinh tối, thầy thấy toàn là vong linh, người cụt tay, cụt chân, người đui mắt... Sợ quá thầy lết ra khỏi chánh điện. Thầy trình lại với Thầy Bốn sư, Thầy Bốn sư dạy là có những cõi vô hình họ đến thọ thực. Từ đó về sau, thầy rất cung kính phượng pháp chú nguyện này. Kinh Xuất Diệu ghi, nhờ sức chú nguyện của mình, quỷ thần mới được ăn no đủ, trong đó có dòng họ bà con, có khi có cha mẹ mình nhiều đời nhiều kiếp nữa.

Kinh Xuất Diệu ghi:

Tôn giả Mãn Nguyên, đến giờ đắp y ôm bát vào thành Ca-la khất thực thì thấy một con quỷ đứng dựa cửa. Quỷ nói:

– Chồng con vào thành đến giờ vẫn chưa thấy ra, con đứng đây đợi.

Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Chồng ngươi vào thành để làm gì?

Quỷ nói:

– Trong thành này có một vị trưởng giả mắc bệnh ung thư lâu ngày, bữa nay ung nhọt nó vỡ, mủ máu chảy đầm đìa, chồng con dắt theo hai ngựa quỷ con, đến đó ăn uống máu mủ mà sống.

Thầy Tỳ-kheo lại hỏi:

– Chồng ngươi đến thành này bao lâu rồi?

– Bảy lần xây lên, bảy lần đổ xuống.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng có ghi: Nghiệp quỷ rất là khổ. Chẳng hạn rồng phun nước làm mưa, nước rơi lên chư thiên thì thành bảy báu, rơi lên người thì thành nước mát, còn rơi lên mình ngựa quỷ thì thành lửa đốt cháy rất đau đớn, khổ sở. Loài ngựa quỷ lại chuyên ăn máu mủ của người bệnh. Cảm thương các loài quỷ này, Phật chế ra pháp thù thắng, dạy Thầy Tỳ-kheo ở nơi nào đều phải cúng thí thực, để cho loài ngựa quỷ được thọ hưởng.

Bộ Căn Bản Bốn Luật có ghi:

“Mẹ con loài quỷ theo Phật thọ bát sát. Phật dạy trong châu Nam Thiệm Bộ này, chỗ nào có đệ tử Phật, mỗi khi bữa ăn thí cho các loài ăn. Vậy ở sau chỗ chúng Tăng ngồi ăn phải lập một bàn xuất sanh, kê tên quỷ mẹ và năm trăm quỷ con cho ăn no đủ. Và chúng sanh hiện tại như loài ở suối, ở sông, ở núi, ở biển, tất cả quỷ thần đều đem lòng thương xót và cho ăn no đủ. Phàm cơm xuất sanh để trong lòng bàn tay bên trái, tụng niệm bài kệ rằng: Các người chúng quỷ thần, ta nay cúng thí cho người cơm này khắp đủ mười phương, tất cả chúng quỷ thần đều chung hưởng.”

Phàm tới bữa ăn phải tụng năm phép quán, tức là tam đề ngũ quán. Nếu trong giờ phút thực tại này, phép tụng tam đề ngũ quán mà thù thắng thì tự nhiên có năng lực

lớn. Chính năng lực này hay đi đến con đường thiền định. Vào thời đức Phật, có những thầy Tỳ-kheo lúc thọ thực cúng dường của tín thí mà tưởng mạnh, là chứng đạo luôn.

Trong Kinh Tạp Thí Dụ có ghi:

Thuở xưa, trên bờ biển ở Nam Thiên Trúc có một nước tên là Tư-ha-khiết, có một bà lão tên là A Long. Bà rất nghèo, nhưng khi hay tin sáng nay có sáu mươi thầy Tỳ-kheo đến vùng của bà ở để khất thực, bà nghĩ: “Mình sẽ bán thân để có tiền cúng dường.” Bà làm nô lệ được một số tiền, bà đến đánh lễ và cúng dường các thầy Tỳ-kheo.

Biết được bà lão này bán thân để cúng dường một bữa trai tăng, chúng tăng nói với nhau: *“Chúng ta cũng là thân năm ấm đi khất thực, nhưng bữa thọ trai hôm nay chính là ăn thịt người. Vậy nên phải định ý để đền đáp công đức cúng dường của bà lão này.”*

Để đền đáp công đức cúng dường, các ngài nhất tâm định ý nhập vào thiền định. Nhập tám bối xả, tinh tấn cảm ứng vượt qua định và con đường sắc giới, đắc được siêu hình, thần túc oai linh. Nhờ quán tưởng sâu sắc và định tâm, sáu mươi thầy Tỳ-kheo đều chứng quả vị A-la-hán. Lúc đó cả khu vực của các ngài đều chấn động. Vua đang ngồi trên ngai vàng, ngạc nhiên thấy đất trời rung chuyển. Sau khi tìm hiểu biết được nguyên nhân, nhà vua tôn bà lão làm quốc sư. Kinh nói, bà lão này chính là tiền thân của Đức Phật.

Có những người bán máu lấy tiền cúng dường. Hoặc có người rất nghèo, cúng dường chỉ nửa ký gạo, nhưng theo tinh thần nhà Phật, nửa ký gạo đó mà họ thành tâm cúng dường, thì cũng bằng một tấn gạo của thí chủ giàu có. Bởi vì nửa ký gạo đó là rút từ máu, thịt của người nghèo khổ. Cho nên Phật dạy, khi ăn phải quán tưởng sâu sắc chớ không được phóng túng. Vì vậy, phương pháp thọ thực là phương pháp thù thắng nhất để kiểm lại tâm của mình.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Ăn là gốc của sự hành đạo.”

Hàng A-la-hán, trong giờ phút thực tại, họ làm việc họ tu không được. Cho nên họ phải ẩn vào trong A-lan-nhã, núi sâu, rừng thẳm để tu. Nhưng đặc biệt, hàng Bồ-tát trong lúc làm việc, trong lúc ăn uống, các ngài đều tu tập được, mà tu tập rất có kết quả. Sở dĩ tôi nói quý thầy phải học chữ Hán, vì chữ Hán rất hay. Chẳng hạn chữ hạnh, trong chữ Hán, chữ hạnh có thêm một âm khác là hành, nghĩa là hạnh nguyện chính, là con đường hành đạo của hàng Bồ-tát. Còn những vị, trong thời quá khứ đã từng đi vào con đường A-la-hán, nếu phải làm tri khố, tri khách, làm thư ký, làm trụ trì, phó trụ trì... thì các ngài tu không được. Ngược lại, những người trong thời quá khứ đã từng gieo hạt giống Bồ-tát đạo lớn, thì ngay chỗ hạnh nguyện đó tức là hành đạo.

Ăn là gốc của sự hành đạo, Luận Đại Trí Độ nói về tinh thần trí tuệ của Bát-nhã. Đại Trí Độ Luận là trí tuệ lớn mà chỉ có hàng Bồ-tát mới đảm nhận được. Tinh thần ở đây muốn nói, chính khi thọ thực phải phát ba lời nguyện lớn, đó là đi trên con đường Bồ-tát đạo, chứ không còn đi trên con đường Thanh Văn đạo nữa. Mà Bồ-tát đạo này là gì?

“Muống thứ nhất nguyện dứt tất cả ác.”

Trong Sa Di Học Xứ, ngài khẳng định, *nguyện dứt tất cả ác* là không điều dữ nào mà chẳng dứt, tức là mình buông xả hết. Đây là nguyện thứ nhất. Nguyện này đi trên lộ trình Bồ-tát đạo. Ngài Thiên Thai Trí Giả nói:

“Có cái ác trong giới, cái ác ngoài giới là các làm kiến tư, trần sa, vô minh. Khi mới để muống thứ nhất xuống, hãy phát nguyện đời này có những ba nghiệp thân, khẩu, ý và tất cả pháp chẳng lành, đều khiến dứt hết.”

Ở đây ngài nói *làm kiến* tức là cái thấy mê lầm, *làm tư* là cái suy nghĩ mê lầm, rồi trần sa hoặc, vô minh hoặc. Lúc ăn muống thứ nhất, mình phải phát nguyện ba nghiệp thân, khẩu, ý và tất cả các pháp chẳng lành đều khiến dứt hết. Mình ráng cố gắng, vậy là đi trên con đường Bồ-tát đạo.

“Muống thứ hai nguyện tu tất cả thiện.”

“Không điều lành nào chẳng tu. Khi để muống xuống, hãy nguyện đời này bao nhiêu pháp lành đều được chăm tu, tức là những pháp do Như Lai nói ra như ba học Giới, Định, Tuệ và ba mươi bảy phẩm trợ đạo, cho đến trăm nghìn tam muội vô lượng diệu nghĩa pháp môn đều tu, đều học hết.”

Đây là nguyện thứ hai.

Trong mười tám pháp bất cộng của Đức Phật, có một điều gọi là “*dục vô giảm*”, là lòng mong muốn làm các điều lành, không bao giờ giảm. Dù đã thành tựu quả vị Phật rồi, nhưng Phật nói, ta trong vô lượng kiếp đều gom góp tất cả các việc thiện pháp. Chẳng hạn việc Phật giúp Ngài A-na-luật xỏ kim. Tôn giả A-na-luật nói, Phật đã thành tựu mười tám pháp bất cộng, tứ vô sở ý, thành tựu trăm ngàn diệu nghĩa pháp môn rồi, bây giờ đâu cần làm công đức nữa. Phật nói, Như Lai thành tựu quả vị Phật nhanh hơn các vị Bồ-tát khác là nhờ Như Lai gom góp tất cả các việc thiện pháp.

Cho nên quý thầy đừng ý lại. Mình nói bây giờ mình chỉ chuyên tu rồi học thôi, không làm gì hết. Ai làm gì mặc kệ, ta cứ tu, ta cứ học. Nghĩ như thế thì phải nhìn lại, trong đời này quý thầy thấy có những người họ không làm, nhưng việc gì cũng thành tựu. Hoặc huynh đệ tu một lượt với mình mà họ thành tựu, còn mình không được gì hết. Quý thầy đừng chấp trước, là vì trong vô lượng kiếp họ đã từng làm, còn mình thì chưa, cho nên bây giờ mình phải gom góp hết tất cả, việc lành nào mình cũng làm, mà việc ác thì buông.

Lúc mới xuất gia ở Thường Chiếu chúng tôi làm hết tất cả việc, rồi lên Trúc Lâm cũng làm rất nhiều việc. Phải làm thôi chứ mình đừng nói buông xả hết. Nhờ việc làm này, nhờ năng lực này, nhờ thành tựu tri kiến này thì tùy thuận các pháp lành, mà quý thầy tu có kết quả.

Cho nên “nguyện tu tất cả thiện” là không điều thiện nào mà chẳng tu. Tu tức là hành, hành tức là cái hạnh đi đến, hạnh này chỉ có Bồ-tát đạo mới làm được. Những vị đi trên con đường A-la-hán đạo, sau này ra làm Phật sự không có ai trợ duyên, giúp đỡ, bởi vì vị ấy đã gieo những hạt giống này. Còn những người gieo hạt giống Bồ-tát đạo, họ ra làm Phật sự thì được mọi người ủng hộ.

Chẳng hạn như Hòa thượng, đời đời kiếp kiếp ngài đã tu lộ trình Bồ-tát đạo này, nên Hòa thượng cần gì là chúng đệ tử làm hết, Hòa thượng chỉ đạo, cố vấn thôi. Quý thầy cứ thui thủi tu một mình cũng tốt, nhưng chỉ nhập diệt vào cảnh giới Niết-bàn thôi, ra làm Phật sự thì không ai trợ duyên giúp đỡ cho mình hết.

Có vị thầy ngày trước tu ở Chơn Không, Hòa thượng cắt làm tri sự thầy nhất định không làm, thầy xuất chúng về cốc tu. Bây giờ thầy kể thầy ra làm Phật sự không ai trợ duyên cho, chỉ có một mình thui thủi. Các đệ tử mà thầy nhận xuất gia bỏ đi gần hết. Đến nỗi bây giờ lớn tuổi thầy phải tự giặt áo, nấu cơm. Hiện thầy có bốn đệ tử mà sáng thầy phải dậy sớm, nấu cơm cho họ ăn. Chính thầy lên nhà khách kể lại với chúng tôi, nói ngày xưa thầy không chịu làm, ai kêu làm thì giả cũng không chịu. Bây giờ thầy nói đúng là nhân quả, thị giả không có, làm cái gì cũng không suôn sẻ.

Sở dĩ Thầy Trụ trì ở đây cần cái gì cũng có thị giả, ai cũng muốn làm thị giả cho Thầy vì ngày xưa Thầy làm thị giả cho Hòa thượng rất là tôn trọng và cung kính, việc gì làm ra việc đó nên bây giờ được nhân quả thù thắng. Bồ-tát đạo đi trên con đường Phật quả là phải như thế, phải phát nguyện kết duyên tất cả các việc thiện pháp trong đại chúng, thì đúng là thành tựu. Mình đừng nghĩ tu một đời là xong, có nhiều khi đời này xả thân cho đại chúng thì đời sau người ta giúp mình lại.

“Muống thứ ba thệ độ tất cả chúng sanh.”

Không một chúng sanh nào mà chẳng độ, như Tôn giả A-nan phát nguyện: *“Nhu một chúng sanh nào chưa thành Phật, trọn chẳng ở đây chứng Niết-bàn.”*

Về sự là phải thệ độ tất cả chúng sanh. Tu một thời gian mà có năng lực lớn, không những quý thầy độ loài hữu hình mà loài vô hình như rồng, hay ma quỷ gì cũng độ hết. Như Hòa thượng Tuyên Hóa, ngài độ rồng, quỷ thần, thần núi, thần cây, thần sông, tà ma, quỷ quái gì đều độ và cho quy y hết. Chẳng những phải có năng lực lớn, mà còn phải có duyên với những cảnh giới đó thì mới độ được. Muốn thành tựu con đường Bồ-tát đạo này, thì sau khi vượt thoát ba cõi rồi, phải quay trở lại chớ không thể bỏ. Mà trở lại ba cõi là lúc đó đã thành tựu, đã tự tại rồi nên không còn ngán ngại, không còn dính mắc nữa.

“Khi để muống xuống, hãy phát nguyện những căn lành tu trong đời này, đều thí cho tất cả chúng sanh cùng nên Phật đạo. Hai muống trước là tự lợi, muống thứ ba là lợi tha, tức là bốn thệ nguyện lớn vậy.”

Chỉ cần một bữa ăn thôi, là mình đã thành tựu con đường Bồ-tát đạo. Hai muống trước là tự lợi, là dứt các điều ác, làm các việc lành, muống thứ ba phát nguyện độ hết chúng sanh là lợi tha.

Khi ăn, ai cũng đều phát nguyện, đó là con đường tự lợi và lợi tha thành tựu. Thành tựu trong tư tưởng chứ không phải thành tựu về thân, vì mình chưa giáo hóa được ai. Nhưng trong giờ phút thực tại này, mình thành tựu trong tư tưởng, thành tựu được chủng trí Bát-nhã, thấy được đúng như thật rồi, thì tự nhiên các việc đến quý thầy không còn ngán ngại nữa. Mình làm, xả thân cho đại chúng mình thấy rất vui, rất an

ồn. Vừa làm vừa tu được, thì quý thầy đã có nhiều đời nhiều kiếp gieo trồng thiện căn, đi trên con đường Bồ-tát đạo.

Luận Khởi Tín nói:

“Một là trực tâm niệm pháp chân như, hai là thanh tâm ưa nhóm các hạnh lành, ba là bi tâm muốn nhổ cái gốc khổ cho chúng sanh, cũng tức là ba phương tiện.”

Bồ-tát Mã Minh nói, muốn thứ nhất là *trực tâm niệm pháp chân như*. Theo tinh thần thiền tông, niệm pháp chân như là trở về pháp chân như, không phóng niệm ra mà trở về, là đoạn tất cả điều ác. Tư tưởng quý thầy có các điều ác tạt đổ, điều ác ích kỷ nào đến cho huynh đệ là phải phát nguyện nhổ gốc đó liền, tức là trở về pháp chân như, không phóng niệm ra nữa. Quý thầy thấy, thiền tông rất siêu đẳng nhưng làm rất khó, đúng không? Hai là *thanh tâm ưa nhóm các hạnh lành*, ba là *bi tâm muốn nhổ cái gốc khổ cho chúng sanh*, cũng tức là ba phương tiện đi vào cuộc đời hành đạo này.

“Phương tiện hay dứt, dứt tất cả các pháp ác. Phương tiện phát khởi, phát tất cả căn lành. Phương tiện nguyện lớn, nguyện độ tất cả chúng sanh. Cổ đức nói, ba tâm chưa tròn thì giọt nước cũng khó mà tiêu.”

Cổ đức nói, ba tâm chưa thấu thoát thì giọt nước cũng không tiêu, hưởng chi sáng quý thầy dùng hủ tíu, trưa cà ri bánh mì. Ở đây nói *phương tiện hay dứt, dứt tất cả pháp ác*, chẳng hạn một niệm khởi tạt đổ huynh đệ, quý thầy chuyển hóa liền, thì ngay trong giờ phút thực tại này quý thầy tiêu một ngàn lượng vàng chư Tổ nói cũng xong. Ngay trong giờ phút đó mình phóng niệm, mà cứ theo niệm rồi tạo tác, hành động, thì người này chắc chắn bị đọa ba đường ác. Học luật, học oai nghi, mình thấy phương pháp hành trì tuy khó nhưng thật ra không khó, bởi vì kiểm tâm từng giờ từng phút.

Tưởng năm phép quán:

1- Kế công đa thiểu lượng bỉ lai xứ: Xét xem thức ăn này từ đâu đến, công lao của người nhiều hay ít.

Phép quán thứ nhất, bưng bát cơm ngang ngực, thành kính quán thức ăn này từ đâu đến, công lao người nhiều hay ít. Đúng pháp là bát cơm bưng ngang ngực, không cao mà cũng không thấp. Để thấp xuống dưới, người xưa gọi người này là “mục hạ vô nhơn”, tức là biểu hiện tính cống cao ngã mạn, dưới con mắt mình không ai ra gì hết.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Chánh niệm tư duy tức là chiếu tột vào nghĩa lý đó.”

Trong giờ phút thực tại này, quý thầy phóng niệm chân như vào pháp quán thứ nhất, nghĩa là một tâm niệm chiếu tột năm pháp, khiến chánh niệm thọ thực. Một là quán một bát cơm đây, đều là mồ hôi, máu và nước mắt của hành nhơn, tức là cư sĩ. Nên nói *kế công đa thiểu, lượng bỉ lai xứ*, có nghĩa là công lao này rất nhiều chứ không phải đơn giản. Bát cơm này mình ăn là mồ hôi, máu và nước mắt của cư sĩ. Phải quán kỹ như vậy.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Tuồng cơm trong một bát này chẳng phải là dễ. Xét gốc có ra từ gieo cấy, gặt hái. Nhà nông dãi nắng dầm mưa, trời hạn, nước lụt, cuốc, cày, bừa, trực cho đến vo nấu. Người làm mồ hôi như xối, cơm ít mồ hôi nhiều, công nặng như thế.”

Cổ Đức nói:

*Cuốc ruộng lúc đang ngo,
Mồ hôi nhỏ xuống mạ,
Ai biết cơm trên mâm,
Mỗi hạt đều cay khổ.*

Cuốc ruộng lúc đang ngo... nghĩa là mười hai giờ trưa, có những nông dân vẫn cuốc, vẫn cày mồ hôi dầm dề. Mồ hôi nhỏ xuống mạ... Từng giọt mồ hôi nhỏ xuống. Bây giờ khoa học chứng minh, chẳng hạn mười giọt mồ hôi là ba, bốn giọt máu kết tụ lại. Ai biết cơm trên mâm, mỗi hạt đều cay khổ. Cơm trên mâm sáng mình ăn, trưa mình ăn đều là cay khổ, tủi nhục của chúng sanh.

Nên Thiền sư Lợi Am nói:

*Tăng vật mười phương nặng núi non,
Nghìn đời muôn kiếp khó hoàn toàn,
Miệng vàng nói rõ người chưa tỉnh,
Thành sắc ngày kia khó phóng buông.*

Thiền sư Lợi Am cảm khái chỗ này quá, nên ngài nói *Tăng vật mười phương nặng núi non...* Rất là nặng. Trong Kinh A Hàm, vì muốn thị hiện nên Phật bảo Tôn giả A-nan giặt y. Làm cách gì y cũng không chìm, kể cả bỏ bốn cục đá to lên trên. Tôn giả trình với Phật, Phật bảo lấy bốn hạt cơm bỏ bốn góc, quả thật y chìm xuống. Lúc này Phật nói kệ:

*“Hạt cơm của tín thí,
Nặng như núi Tu-di,
Nếu người không liễu hội,
Mang lông, đội sừng trả.”*

Nghe đến chỗ này, Tôn giả La-hầu-la xin hoàn tục. Tu khó mà còn đọa địa ngục nữa, xin ra đời cho rồi, làm vua, làm chúa sung sướng. Phật quở: *“Ông bệnh nặng ông phải cần thuốc. Nếu không thọ hưởng của tín thí làm sao tu đạo được.”* Phật nói giống như mình đang đi trên sa mạc, khát nước quá mà tìm nước không có, tính nằm luôn chịu chết, nhưng thấy đằng xa có con cọp chạy tới. Phật hỏi, mình có chạy không, phải chạy thôi! Phật nói mình ăn hạt cơm của tín thí cũng giống như đi trên sa mạc mà bị cọp rượt vậy. Tín thí cúng nhiều chường nào, mình phải ráng tu nhiều chường đó, chứ không có nói chuyện, nói nhảm mà thành tựu đạo nghiệp.

Nghìn đời muôn kiếp khó hoàn toàn, miệng vàng nói rõ người chưa tỉnh, thành sắc ngày kia khó phóng buông. Quý thầy học đạo, thành tựu được tri kiến như thật. Sau này đi giảng pháp độ sanh mà có nhân duyên với tín thí, thì quý thầy cũng trả được phần nào cơm áo ngày xưa mình mượn lúc còn là Sa-di. Bây giờ mình đang mượn, mình phải ráng tu, ráng học mai kia mới trả được nợ. Chẳng hạn như Phật tử ở đâu xa thật xa, họ nghe một, hai cái đĩa của chúng tôi, họ về đây gặp, mình có căn duyên với họ, họ kể cả gia đình họ được chuyển hóa. Hoặc có những người uống rượu, chích xì ke không biết cách

gì để chuyển hóa, tự nhiên nghe được đĩa quý thầy giảng, họ lại chuyển hóa hết. Đó là mình đang trả nợ cho tín thí. Có khi đi trên một đoạn xe, một chuyến đò, quý thầy dìu dắt được một, hai người thì cũng là trả ơn cho tín thí. Nhờ năng lực mà lúc còn Sa-di quý thầy học, tu, rồi kết duyên với tất cả việc thiện pháp nữa thì lúc này quý thầy mới trả duyên.

Kinh Tỳ-Ni Mẫu nói:

“Nếu không ngồi thiền, tụng kinh, không lo việc của Tam bảo mà nhận vật của người đem đức tín hiến cúng là bị đồ cúng dường ấy làm cho đọa lạc trong ba đường ác.”

Phải ngồi thiền, tụng kinh, phải lo việc cho đại chúng thì mới tiêu được của cúng dường.

2- Thôn kỹ đức hạnh toàn khuyết ứng cúng: Nghĩ kỹ đức hạnh mình đủ hay thiếu mà nhận sự cúng dường này.

Ngài Trí Khải nói:

“Không luận của khát thực hay ăn của chúng Tăng, đều phải tương phép quán. Nếu không quán tương thời mắc quả báo trong đường sanh tử.”

Có vị Lạt-ma (không phải Đạt-lai Lạt-ma, vì bên đó có rất nhiều chi nhánh) đã chứng thần thông, lúc đang ngồi thiền, tự nhiên ngài chạy xuống núi, gặp cô thiếu nữ đang ngồi giặt đồ, ngài dè xuống hăm hiếp. Cô gái sợ quá, xô ngài té xuống sông. Về nhà cô kể với người mẹ, mẹ cô nghe tả hình dáng thì biết đó là vị Lạt-ma đã tu chứng đạo. Bà nghĩ không có lý nào, chắc phải có nguyên nhân gì đó.

Bà đến gặp vị Lạt-ma để hỏi sự tình. Ngài kể, trong lúc đang ngồi thiền ngài thấy đệ tử của ngài chết. Thần thức vừa ra khỏi thân thì chuẩn bị gá sanh vào bụng con lừa, vì lúc đó con lừa đang giao hợp. Ngài liền chạy nhanh xuống núi, định hăm hiếp cô gái cho xẹt ra lừa âm dương để thần thức người đệ tử chui vào, nhưng vì nghiệp của người đệ tử nặng quá, nên ngài không thực hiện được ý định.

Vị Lạt-ma này kể lại, do người đệ tử từ ngày lên làm trụ trì thì buông lung tâm ý, ăn cơm không có tam đề ngũ quán, cho nên thần thức vừa ra khỏi thân là đi thọ thai. Ngài thấy rất là rõ, nên chạy xuống núi liền nhưng không kịp.

3- Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông: Đề phòng tâm ý, lìa sự lỗi lầm mà tham, sân, si là chủ yếu.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Tất cả phiền não đều tham, sân, si mà khởi. Ta ở trong ấy, chẳng nên sanh tâm nhiễm trước, nên nói: Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông.”

Tức là khi ăn phải đề phòng sự tham đắm, sự lỗi lầm từ miếng ăn này.

Đại Luật nói:

“Một hạt gạo, trăm công lao vào miệng liền thành bất tịnh, chốc lát biến thành đại tiện gớm không muốn thấy. Ta nếu tham đắm phải đọa địa ngục nuốt hoàn sắt nóng, ra rồi làm loài súc sanh đền nợ trước cho người. Xét tướng như vậy, tâm sanh nhàm chán mới nên thọ thực.”

Chẳng hạn, thấy trên bàn ăn bốn người mà hành đường quên, chỉ dọn hai miếng đậu hủ, hay chỉ có hai hũ sữa chua, mà quý thầy khởi niệm hoặc tham, hoặc sân, hoặc si gì đó thì trong giờ phút thực tại đó mình đọa lạc trong ba đường ác. Còn nếu mình quán tưởng: *“A! Huynh đệ quên, thôi thì ăn rồi cũng mát, vào bụng rồi nó cũng thành đồ bất tịnh”* thì công đức tăng trưởng và pháp lành hiện khởi. Trong Đại Luật ghi rất rõ.

4- Chánh sự lương được, vị liệu hình khô: Chính vì lấy thức ăn làm thuốc tốt để trị liệu cái thân hình gây yếu này.

Ăn là để trị bệnh thôi.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nếu chẳng nhờ thức ăn này thì khí lực khô kiệt, nên nói: Chánh sự lương được, vị liệu hình khô.”

Nghĩa là, ăn uống đầy đủ chỉ để trị bệnh đói khát để tu đạo.

Trong Minh Liễu Luận Sớ có nói, ăn có ba trường hợp:

+ *Với đồ ăn ngon thì nổi tham, nên lìa bốn việc:*

Chẳng hạn bữa nào đám giỗ, đám cúng, thức ăn nhiều, quý thầy khởi lòng tham thì mắc nhân quả. Cho nên ở đây nói: *Với đồ ăn ngon thì nổi tham, nên lìa bốn việc:*

– *Thứ nhất: Lìa lỗi hóa hỷ lạc, tham trước hương vị, thân tâm ưa thích phóng túng theo sở thích của mình.*

Có nghĩa là trong giờ phút thực tại này mình ăn uống, phóng túng theo đồ ăn thôi chứ không có tu tập.

– *Thứ hai: Lìa lỗi ăn no say, vì ăn rồi thân tâm có sức mạnh, không thể kể đến người khác.*

Vì ăn uống no say rồi thì thân tâm có sức mạnh, bị kích dục rồi, tự nhiên mình tạo những nhân duyên khác. Cho nên, đây nói ăn uống cầm chừng thôi chứ không được no đủ nhiều. Ăn sung sướng quá, hoặc ăn những chất kích thích thì không tốt, giới luật dạy rất rõ, nghiên cứu kỹ quý thầy sẽ thấy.

– *Thứ ba: Lìa lỗi cầu nhan sắc đẹp, ăn rồi vui hơn sự vui trong sáng lúc thường, không nên có tâm này.*

Không ăn thì khuôn mặt sầu khổ, mà ăn rồi thì hớn hờ vui cười, nói chuyện tào lao. Như thế không được, phải lìa cái lỗi thứ ba này.

– *Thứ tư: Lìa lỗi mong trang sức cho thân vì người ăn thích được sung mãn, béo tròn.*

Ăn vừa đủ thôi không tẩm bổ nhiều.

+ *Với đồ ăn dở lại sanh tâm hiềm giận, phần nhiều rơi vào ngã quý vĩnh viễn không thấy thức ăn.*

Chẳng hạn, bữa nay dọn trên bàn ăn quý thầy chỉ thấy rau luộc, nước tương mà khởi niệm sân hận thì rơi vào chốn ngạ quỷ.

Sư huynh ngài An Thế Cao hôm nào đi khất thực mà đồ ăn dở là ông nổi giận. Ngài An Thế Cao nói: *“Sư huynh thuyết pháp rất hay, dịch kinh rất giỏi, biện luận rất cao siêu, nhưng thức ăn dở mà sư huynh nổi sân là chắc chắn đọa vào con đường súc sanh hoặc ngạ quỷ.”* Cho nên lỡ hôm nào huynh đệ nấu cơm nhão hoặc cơm sống, cơm khô thì quý thầy ráng, chớ mà khởi niệm giận lên là rớt vào trong loài ngạ quỷ liền, vĩnh viễn không thấy thức ăn.

+ Với đồ ăn vị trung bình thì không muốn ngó tới, phần nhiều nổi si bỏ đi, khi chết đọa trong loài súc sanh, làm những loài trùng thích ăn phân.

Đối với đồ ăn bình thường, chẳng hạn sáng quý thầy thấy nấu cháo lòng: “Dở quá mà ăn gì!” rồi bỏ về Tăng đường nằm, chắc chắn kiếp sau rơi vào loài súc sanh thích ăn phân.

Kinh Đại Bảo Tích, Phật dạy Tỳ-kheo Kiên Lao nói kệ:

*Sinh tử không đoạn tuyệt,
Vị ham thích tham dục.
Nuôi oán vào gò trũng,
Chịu nhiều sự đắng cay.
Thân thúi như cây chết,
Chín lỗ chảy đồ dơ,
Như trùng cầu thích phân,
Ngu tham thân không khác.
Nhớ tưởng vọng phân biệt,
Tức là gốc năm dục,
Người trí không phân biệt,
Năm dục thì đoạn diệt.
Tà niệm sanh tham đắm,
Tham đắm sanh phiền não,
Chính niệm không tham đắm,
Phiền não khác cũng hết.*

Người không lo tu tập, không thu thúc lục căn, không giữ chánh niệm, suốt ngày cứ lo ăn uống thì sẽ bị sanh tử lôi kéo. Tôi thấy, người nào chạy theo thức ăn nhiều thì không bao giờ ở trong từng lâm lâu, không sớm thì muộn, giỏi lắm được mười năm, dở thì năm bảy năm cũng ra đời hoàn tục. Thứ nhất là hết phước, thứ hai là bị kích dục. Trong sự tu hành, phải thâm nhập đạo lý vô thượng thì mới chán ghét thức ăn. Còn không lo tu tập mà chỉ lo ăn uống, mặc, ngủ nghỉ, bao nhiêu đó thôi thì làm sao hành đạo. Người này nếu không hoàn tục, ở trong đạo thì cũng chạy theo lợi dưỡng. Từ cái danh dự lợi dưỡng nó sanh ra những chuyện khác.

Còn là Sa-di, mình phải tìm cách chuyển hóa những hạt giống này. Nếu không chuyển hóa được, mai kia không ai ở được với mình hết. Thầy Trụ trì Trúc Lâm ăn uống rất đơn

giản, trang nghiêm thanh tịnh, không bao giờ đắm nhiễm vào thức ăn, thức uống. Vì vậy Thầy ở đâu, chúng quy tụ đến đó.

Vì còn nhỏ, thân quý thầy đòi hỏi thức ăn, điều này đúng, mình không ép nó; nhưng mà phải cẩn thận, vừa chừng thôi không nên quá. Ăn uống có chừng mực, có tiết độ thì đạo mới đến. Còn đắm nhiễm vào thức ăn để nuôi lớn sắc thân, mình nghĩ là tẩm bổ cho khỏe để tu nhưng mà ngược lại, tu không được. Chẳng hạn chiều nay quý thầy ăn một gói rưỡi mì, thêm vài cọng bo rô, quý thầy tu được không? Những hạt giống tham dục tiềm ẩn bắt đầu khởi dậy, làm sao tu? Mà ngồi thiền không bao giờ vô chánh định được.

Nếu không tham đắm thì phiền não dần dần nó hết. Ăn uống có tiết độ thì tu lại tiến, rất dễ vào thiền định. Chính tôi kinh nghiệm, làm nhà khách bề bộn công việc nhưng tu có kết quả, ngồi thiền yên hơn ngày xưa tôi ăn ngày ba bữa, mà ăn tạp nhạp, tuy ở yên trong chúng nhưng lại tu không được. Nghiệm lại, Phật nói, ăn uống, ngủ nghỉ nên cẩn trọng, vì liên hệ ảnh hưởng rất nhiều đến con đường đạo.

5- Vị thành đạo nghiệp ưng thọ thử thực: Vì thành tựu đạo nghiệp nên mới nhận thức ăn này.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Vì tu chánh nhân tam thừa mới thọ thức ăn này, nên nói: Vị thành đạo cố phương thọ thử thực.”

Trong Ma Đắc Lặc Già Luận có nói:

“Nếu lúc được ăn, mỗi miếng tác niệm. Nếu chẳng như thế ấy gọi là rỗng tiêu của tín thí.”

Lúc ăn, mình phải quán niệm thật kỹ.

Sách Hành Sự Sao có nói:

“Vì trừ bệnh tật, vì sự đói khát không trị thì e phước bỏ đạo nghiệp. Vì không để sinh bệnh mới nên ăn uống có tiết độ và không ăn buổi chiều tối.”

Kệ Tập Bảo Tạng có nói:

*Thân này như xe,
Tốt, xấu không chọn.
Dầu thơm, mỡ hôi,
Trơn nhờn như nhau.*

Ngon, dở gì cũng như nhau, chỉ nuôi cái thân ghẻ lở này.

Sách Hành Sự Sao có nói:

Quán nghiệp thành đạo có ba loại:

– Thứ nhất: Vì muốn cho thân trụ lâu ở đời, nên phải mượn đoàn thực là thức ăn của cõi dục, nếu không thì không được trụ lâu ở đời, và đạo duyên không có chỗ nương nhờ.

Vì muốn dừ dặt chúng sanh nên phải mượn đoàn thực là thức ăn của cõi dục như bún, cơm, cháo,...

– Thứ hai: Vì thọ mạng tương tục nên mượn thân mệnh này tạm để thành tựu pháp thân huệ mạng.

Nếu không ăn thì dứt thân, mạng làm sao tu, và đạo nghiệp sẽ không thành tựu cho nên phải mượn thức ăn này.

– Thứ ba: Vì tu Giới – Định – Tuệ, hàng phục, diệt trừ phiền não nên mượn thức ăn này.

Nhờ thức ăn này mới tu Giới, tu Định, tu Tuệ được. Chớ nhịn ăn hết thì tu không được, mà cũng không thành tựu được Giới – Định – Tuệ, không thành tựu được huệ mạng pháp thân.

Kinh Tăng Nhất A Hàm Phật dạy:

*Ăn nhiều sanh bệnh khổ,
Ăn ít khí lực suy.
Hãy ăn uống vừa phải,
Như cân không cao thấp.*

Sách Tư Trì Ký có nói:

“Cái họa hoạn của miệng, bụng làm hại rất là sâu; thích ý nửa giờ chiêu tai ương nhiều kiếp. Nên biết tam độc tức là tam đồ, nên đối với mọi việc phải đề phòng tâm ý, chẳng phải đến chỗ có vực sâu chân mới đạp nhẹ.”

Phật dạy cái họa của miệng, bụng làm hại rất là sâu. Học luật, mình phải nghiêm, chẳng hạn trong giới luật nói chiêu dưng ăn phi thời. Hoặc canh tối chín, mười giờ là không được ăn, giờ đó là giờ của ngạ quỷ, Phật nói mình ăn vô giống như mình giết bà con dòng họ của mình. Nhưng cái miệng thèm quá chịu không nổi, bỏ hai, ba hột đậu phộng vô nhai, thấy có gì đâu, nhai xuống tới bụng thì sa đọa trong ba đường ác. Chính cái miệng, cái bụng của mình nó hại mình, phải không?

Rồi thích ý nửa giờ chiêu tai ương nhiều kiếp, chẳng hạn khi Thầy Trụ trì đi vắng, chín, mười giờ tối quý thầy tụng năm, tụng bảy ăn vài cái bánh hay một, hai gói mì, huynh đệ chơi vui nửa giờ thôi chứ đâu có nhiều, nhưng mà chiêu tai ương nhiều kiếp, ra đời rất khó gặp Tam bảo nữa. Phật dạy mình phải tin, quý thầy học giới luật một thời gian, sẽ thấy Phật dạy rất là rõ. Mà Phật dạy là dạy từ Phật nhãn, Phật thấy chứ không phải Phật hý luận, trừu tượng.

Nên biết tam độc tức là tam đồ, nên đối với mọi việc phải đề phòng tâm ý, chẳng phải đến chỗ có vực sâu chân mới đạp nhẹ. Phật nói, ăn uống như vậy sẽ bị sa đọa, nhưng mình lại nghĩ: Chẳng gì sa đọa! Phật dạy mình phải cẩn thận, phải phòng hộ trước.

Sách Nghiệp Sở có nói:

“Bậc đại trượng phu đã không tạo lỗi lớn há vì một miếng ăn mà tự đưa mình vào chỗ chìm đắm ư?”

Phật dạy rất kỹ. Bậc đại trượng phu, đã không tạo lỗi lớn như không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu,... mà há vì một miếng ăn mà tự đưa mình vào chỗ chìm đắm?

Sách Tư Trì Ký có nói:

“Quán khi ăn tuy có năm nhưng gom chung lại là ba: Thứ nhất là quán thức ăn, thứ hai là quán thân, thứ ba là quán tâm.”

Nói tuy nhiều nhưng chỉ có ba phần.

“Chớ chê đồ ăn ngon, dở. Chẳng được lấy đồ ăn chung cho riêng, hoặc quăng cho chó.”

Chẳng hạn, quý thầy đang ngồi ăn thấy con Mến hay con Mực đi ngang ngoe nguẩy đuôi. Quý thầy thấy tội, bẻ miếng bánh đang ăn cho nó. Mình thấy đâu là gì, nhưng trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư nói, mình phạm giới rồi.

Tổ Tuyên Luật Sư nói:

“Chê đồ ăn ngon, dở nghĩa là trong lúc thọ thực hiềm hận thô tế. Song khen ngon thì sanh tham, chê dở thì sanh sân, đều thuộc nghiệp si. Nghĩa là ba tâm chưa trọn, giọt nước khó tiêu nên phải ngăn dừng.”

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư trích một đoạn trong kinh Tạp Thí Dụ, kể rằng:

Xưa có một vị Sa-di, trên đường đi khất thực đến một dòng sông, nơi này vị Sa-di hay bị trượt té, thì thấy sóng cuộn lên. Vị Sa-di này về trình lại Thầy, là một vị A-la-hán ở trong núi tu đạo hạnh. Vị Thầy nói không phải sóng cuộn, mà do Long vương mến dung mạo dễ thương của Sa-di nên giỡn vậy thôi. Con rồng tức là Long vương có thần thông nghe được, một hôm rồng biến thành người lên thỉnh vị Thầy về dưới biển để thọ thực cúng dường. Vị La-hán dùng xong, đưa bình bát cho thị giả rửa. Thị giả khi rửa thấy còn dính vài hạt cơm rất là thơm, nên sanh tâm tham đắm.

Một hôm, Thầy đang ngồi thiền, vị Sa-di biết Thầy ngồi thiền xong sẽ xuống Long cung thọ thực nên đi theo Thầy. Sau khi thọ thực, Thầy dạy vị Sa-di: Đồ ăn trăm vị của loài rồng, khi ăn vào miệng liền hóa thành cóc nhái. Nếu họ khởi ác ý liền mưa ra rồi phải ăn lại, đó là nỗi khổ thứ nhất của con rồng. Nỗi khổ thứ hai, tuy Long Nữ đoan chánh không ai sánh bằng, nhưng khi dục tâm sanh khởi liền phải biến thành hai con rắn giao nhau chứ không có gì đẹp đẽ. Nỗi khổ thứ ba là loài rồng có vảy mọc ngược, cát đá nằm ở trong đó, đau nhức thấu tâm can. Cho nên ông đừng tham đắm.

Nhưng ông Sa-di nhất định muốn thành rồng ở Long cung để hưởng thụ, bất chấp lời dạy bảo của Thầy, vì ông thấy cung tần mỹ nữ nơi đó đẹp quá. Cuối cùng, không biết ông tu tập pháp gì mà xuống được Long cung, giết Long vương để chiếm ngôi. Sau khi chiếm ngôi, ông sống một thời gian thì đọa vào đường ác.

Thiền thoại cũng có ghi câu chuyện một vị Sa-di, tâm thường ưa thích váng sữa, sau khi mạng chung đọa làm con trùng trong bình sữa. Thầy của vị Sa-di này đã chứng quả

vị A-la-hán, sau khi chú nguyện nói rằng: Con trùng này chính là đệ tử thị giả của tôi, nó thềm váng sữa nên đầu thai vào đây.

Nên Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Người xưa y xấu che lạnh, ăn gạo xấu đỡ đói vì cần cầu học đạo. Nếu phải lúc đại chúng thọ thực chê đồ ăn ngon, dở thì tổn phước chẳng ít. Hoặc gặp duyên bệnh chẳng có thể ăn gạo thô xấu cũng phải giữ im lặng.”

Nói hôm nay tôi bệnh, sao mà gạo cứng quá, xấu quá. Nói như thế thì tổn phước của mình.

“Chẳng được lấy đồ ăn chung cho riêng. Nghĩa là vật thực thuộc Tăng già ăn không có thiên đẳng. Nếu thuận tình cho riêng thì cùng đồng với tội trộm.”

Tức là cho người thân của mình.

“Hoặc quăng cho chó nghĩa là trong lúc thọ thực phải chánh giới tác quán khiến người cúng dường sanh tâm cung kính. Đại chúng ăn chưa xong mà quăng cho chó ấy là việc làm phi pháp, là mắc tội.”

Đang ăn mà thấy con Mực, con Phèn hay con Nghiệp... quý thầy bẻ cái bánh liệng xuống là không được.

Trong Đại Luật có ghi, xưa có một vị đàn việt rất là thành kính, thiết trai cúng dường Phật và chư Tăng. Có một con chó vẫy đuôi, hình dạng rất là đói khát, một thầy Tỳ-kheo thương xót lấy phần ăn của mình cho con chó đói ăn. Vị cư sĩ không vui, đến bạch Phật: “Con cúng dường Phật và chư Tăng rất thành kính, Phật và chúng Tăng đang ăn, thầy Tỳ-kheo này cũng đang ăn mà ông lấy thức ăn đem cho chó.” Cho nên Phật mới chế luật là từ đây trở đi, Tỳ-kheo hoặc Sa-di không được lấy thức ăn đem cho chó lúc đang thọ thực.

Ngày xưa tôi cũng không biết điều này. Chẳng hạn bữa nay ăn bánh mì, mình thấy con chó vẫy đuôi thương quá. Thức ăn của mình thì mình cho chó chứ có gì đâu, nhưng tín thí họ làm khổ cực, họ đến cúng dường cho mình chớ không phải đem cho con chó ăn. Chừng nào, quý thầy ăn xong dọn xuống còn dư thì cho chó ăn không có lỗi. Đang ăn trên quả đường thì trong Luật dạy không được quăng cho chó.

“Đem thêm đồ ăn chẳng nên nói không dùng. Như no rồi phải lấy tay nhường xá mà lui.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nói không dùng là mất phép khiêm nhường, thốt lời lại động niệm đại chúng. Khiêm nhường đó thời được cung kính mà đúng pháp.”

Ở đây mình hay mắc phải. Chẳng hạn quý thầy ăn hết tô canh rồi, huynh đệ bưng tô canh khác đến, quý thầy nói “không cần” là sanh tâm ngã mạn, người ta mất vui. Không ăn mình cũng im lặng xá một cái, ăn không hết thì lát nữa dọn xuống. Cái này rất là hay, mà nằm trong oai nghi phép tắc của Tổ Tuyên Luật Sư dạy. Chớ nói không

dùng là mất phép khiêm nhường, động niệm đại chúng, mà làm mất tín tâm của người đem đồ ăn lên, làm cho họ mất vui.

“Đang ăn chẳng được gãi đầu khiến bay bụi trong bát của người gần.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Ăn một mình còn không được gãi đầu huống nữa ăn cùng với đại chúng. Thứ nhất là động niệm đại chúng, thứ hai là mất oai nghi, thứ ba là nhơ tay, nhơ bát mắc tội.”

Thứ nhất là động niệm đại chúng: “Ông này chắc không học oai nghi phép tắc gì hết, tôi thấy ông ba, bốn ngày chưa tắm bây giờ gãi, gàu, đất, bụi... bay vào bát tôi.” Người ta khởi niệm gớm không muốn ăn. Thứ hai là mất oai nghi, thứ ba là nhơ tay, nhơ bát.

“Chẳng được vừa ngậm cơm vừa nói chuyện.”

Trên quả đường thì không có, nhưng không phải giờ ăn quả đường thì có không? Chẳng hạn đang trị nhật hành đường mà nhai nhai, huynh đệ hỏi: “Sáng nay ông làm gì?” Mình vừa nhai vừa trả lời: “Lặt rau.” Kỳ lắm, mất oai nghi! Quý thầy ở trong chúng không thấy gì, nhưng khi đến chùa khác, thầy ở đó nói: “Trời! ông thầy này chắc không học oai nghi phép tắc gì hết!” Hỏi ra quý thầy mười tuổi hạ, mười lăm, hai mươi tuổi hạ. Chết luôn!

“Thứ nhất là lời nói chẳng rõ ràng.”

Ngậm cơm làm sao nói?

“Thứ hai là phạm phi oai nghi. Dầu có người hỏi cũng chẳng trả lời, phải nuốt miếng cơm rồi mới đáp.”

Nuốt cơm rồi đáp thì không mắc lỗi.

“Như ngậm cơm mà nói ấy là tán tâm. Vả lại nhà nho có lời giáo huấn chẳng trong lảng tâm mà ăn, huống nữa là Thích tử ư?”

Nhà Nho còn kỵ chuyện này, huống nữa mình là Thích tử.

“Chẳng được nói cười bậy bạ.”

Sa Di Học Xứ ghi Tổ Qui Sơn dạy:

“Chẳng biết nghĩ của ấy từ đâu đem lại, lại còn bảo phép phải như thế. Ăn rồi dụi đầu bàn phím, chỉ nói chuyện tạp thế gian. Nếu tâm giữ năm pháp quán thì không có cái lỗi ấy.”

Tổ Qui Sơn dạy, vừa ăn vừa cười nói bậy bạ thì không đúng pháp. Trên quả đường thì không có, nhưng ngặt một điểm là quý thầy ăn giữa buổi. Ăn giữa buổi, hoặc ăn dưới trai đường hay bị trường hợp này, vừa ăn vừa nói chuyện Iraq, Afghanistan... Nói một hồi chạy theo mất luôn. Không còn biết mình đang ăn gì, mùi vị ra sao, cũng không biết thức ăn này từ đâu đến. Nếu có người hỏi “Sao ông ăn mà nói chuyện vậy?” Có khi còn trả lời “Ăn mà nói chuyện mới tiêu!”

Bây giờ học oai nghi phép tắc rồi, các thầy ở nơi khác đến sẽ không ngờ Thiền viện Trúc Lâm cũng học Luật Oai Nghi. Xưa người ta đồn, tu thiền không cần cái này, nhưng con đường của sự tỉnh thức để đi đến giác ngộ giải thoát là cũng nhờ con đường oai nghi phép tắc. Có phước nhiều lắm, quý thầy học kỹ một thời gian sẽ thấy.

“Chẳng được nhai cơm có tiếng, phàm nhai cơm phải mím môi lại. Bánh trái cũng phải cắt nhỏ mà ăn. Cũng chẳng được húp canh húp cháo có tiếng rột rột.”

Có thầy Tỳ-kheo mười lăm tuổi hạ rồi mà nhìn thầy ăn, húp rột rột là biết thầy chưa từng học oai nghi. Mỗi lần thầy ăn canh là đại chúng nhìn sững. Tôi nói, “Thầy ơi! Thầy kỹ lại, húp cháo kêu rột rột, Sa-di họ nhìn.” Bánh trái cũng phải cắt nhỏ. Quý thầy ra miền Trung, lên quả đường, chẳng hạn ăn chuối phải bẻ ra làm hai, lấy muỗng xắn từng miếng ăn, chứ không phải lột ra rồi cắn ăn là mấy vị Hòa thượng miền Trung không cho phép.

“Như muốn xia răng lấy tay áo mà che miệng lại.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Theo chúng thọ thực chẳng có thể phô bày cái răng, đợi ăn xong đến chỗ vắng mà phô bày cái răng. Nếu gặp muốn phô bày nên dùng y mà che miệng lại, việc ô uế chẳng hướng đến người. Như chẳng có che lại, một thì tự mất oai nghi, hai thì khiến người khác khởi cái tâm chán ghét. Dầu ở trước mặt đệ tử mình cũng phải gìn giữ.”

Ý là thầy rồi mình xia răng mà không che lại thì kỳ lắm, đệ tử nghĩ thầy kỳ quá, dạy một đường làm một nẻo. Cho nên trước mặt huynh đệ hay đệ tử mình cũng phải giữ gìn.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Trong cơm hoặc có sâu bọ phải kín che giấu, đừng để người ngồi gần thấy mà sanh lòng nghi ăn không được. Phàm hành nhơn tạo thức ăn uống, thầy đều muốn dùng sự tinh khiết mà cúng phụng. Khoảng giữa đồ hoặc có trùng, sâu vào trong thức ăn, người thấy phải kín che giấu, nếu khiến người kia thấy họ sanh tâm nghi ngại đến nỗi bữa, ới không ăn được nữa, thì đàn việt chẳng có thể có phước như ý được.”

Chẳng hạn, trong đại chúng năm chục hay tám chục người, mà bữa đó một người nhờm gớm ới bữa thì tín thí không tròn phước được. Cho nên phải giấu mấy con đó không cho người kế bên thấy.

“Phải ngồi một chỗ mà ăn. Chẳng được ăn rồi, khỏi chỗ ngồi lại ngồi ăn nữa.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là rửa bát đứng dậy, sợ lúc ăn qua rồi có việc chánh thì khai.”

Ăn trên quả đường xong, xuống nhà bếp hoặc ra nhà tròn ăn một lần nữa là không được. Tuy nhiên, quý thầy có công việc chẳng hạn như quay phim; hoặc thầy tri sự có việc cần, đang ăn nửa chừng có công việc, ngồi lại ăn lần thứ hai thì được. Ở đây nói có việc chánh thì khai.

“Chẳng được ăn rồi lấy ngón tay vết trong chén bát mà ăn.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là lấy ngón tay vết trong chén bát thì đồng như ngạ quỷ, chẳng phải đạo phẩm của người xuất gia. Cũng chẳng được lấy lưỡi mà liếm.”

Ăn xong còn chất đường hay chất gì dính trong bát, quý thầy lấy ngón tay vết lên liếm là không được, ở đây nói đồng như ngạ quỷ, chẳng phải đạo phẩm của người xuất gia.

“Như đồ cơm trên bàn phải lượm bỏ vào bát rồi mới ăn.”

Hột cơm rớt trên bàn, lượm bỏ vô miệng thì không đúng pháp, phải bỏ vào bát của mình rồi mới tiếp tục ăn.

“Phàm ăn chẳng được ăn mau lắm, mà cũng chẳng được ăn lâu lắm.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Mau thì lỗi phép tắc, mà lâu thì động chúng.”

Ăn mau cũng không được mà ăn lâu quá thì động chúng. Nhiều khi chúng ăn hết rồi, còn có một mình mình. Mọi người đều nhìn đồng hồ, rồi nhìn mình, kỳ lắm!

“Đem đồ ăn chưa đến chẳng được sanh phiền não.”

Đang ăn, cơm hết hoặc thức ăn hết mà hành đường trị nhật chưa kịp đem đến, mình sanh tâm phiền não là không đúng.

Sa-Di Học Xứ ghi:

“Người hành đường tức là luôn luôn làm lợi ích cho người ăn.”

Quý thầy hành đường làm món gì, cũng luôn luôn mong mọi đại chúng ăn hết. Bữa nào ăn không hết thì bốn thầy hành đường đều buồn.

“Nếu tâm giữ đúng năm pháp quán, thường sanh lòng hổ thẹn thì phiền não tự nhiên chẳng sanh. Nếu một người phiền não thì bốn người ngồi chẳng an, trai đường biến thành nhà phiền não.”

Trong mâm bốn người ngồi, mà có một người phiền não thì ba người kia cũng không an ổn.

Nên Cổ Đức nói:

*Ngai ngai tứ cố khởi tham sân,
Niệm thực, thôn tâm, khái thấu tần.
Lục chúc, xiển canh bao mãn khẩu,
Khai đơn, chuyển bát, hướng như long.*

Nghĩa:

*Ngó trông bốn phía khởi tham sân,
Nghĩ ăn, nuốt miếng, ho khạc rần.*

*Húp cháo, lua canh đầy tràn miệng,
Mở đôn, khua bát, tiếng vang rân.*

Chẳng hạn đang ăn, canh hết, đồ xào hết, cơm nhiều khi cũng thiếu. Ngó qua ngó lại, khởi tham sân liền: "Ông hành đường đi đâu mà giờ này chưa đem cơm canh lên cho mình." Cho nên ở đây nói: *Ngó trông bốn phía khởi tham sân.* Ngày xưa, chúng tôi đã mắc phải. Ai vào đây tu mà chưa học oai nghi phép tắc đều dính hết.

Có một thầy nói rằng ngày xưa thầy ở chùa quê, chưa từng học qua giới luật, oai nghi. Bây giờ đủ duyên lên Thiền viện Trúc Lâm, được học oai nghi, thầy mới thấy rằng ngày xưa làm chuyện phi pháp rất nhiều. Có những trường hợp, sanh tâm phiền não mà mình tưởng là đúng, học oai nghi rồi bây giờ mới biết mình sai!

Trong quyển Sư Tử Tuyết Bờm Xanh có kể chuyện:

Thầy Geshé Ben cùng đi với một số thầy đến nhà tín thí thọ trai. Khi chủ nhà rót sữa, đến phiên thầy thì sữa hết, nên thầy khởi niệm sân. Khi tín thí tiếp tục đem sữa lên rót cho thầy thì thầy nói đã uống rồi. Tín thí ngạc nhiên thì thầy giải thích: Khi thầy khởi lên ý niệm tham, sân, si thì trong giờ phút đó thầy đã uống sữa rồi!

Nghĩ ăn, nuốt miếng, ho khạc rân. Rồi mình bắt đầu tăng hăng, cốt ý cho huynh đệ nghe. Tăng hăng mà không ai nghe thì buồn.

Hồi nầy chúng tôi có tiếp một người Úc theo Thiên Chúa giáo nhưng rất thích Phật giáo và thích tìm hiểu về con đường thiền. Ông nói không những ông mà người nước ngoài như người Mỹ, Pháp, Úc rất thích tìm hiểu và nghiên cứu đạo Phật. Theo ông, đạo Phật hay ở tinh thần quán chiếu. Chẳng hạn, mình đang sống sung sướng nhưng không chấp thủ vào cảnh giới sung sướng đó, mà quán chiếu là có những người khác đang đau khổ. Ông thấy đạo Phật vi diệu, cao siêu nên ông tìm hiểu. Bây giờ, thế giới nói chung và những đạo giáo khác mà có thiện tâm, họ cũng tìm đến con đường thiền. Con đường thiền là con đường quán chiếu. Chẳng hạn, bữa nay mình ăn cơm có canh, có rau đầy đủ, nếu quán chiếu những sự khổ đau của chúng sanh khác, thì có thiếu hụt tự nhiên mình không còn sanh tâm phiền não nữa, bởi vì có tinh thần quán chiếu đó.

Cho nên Đại sư Ấn Quang dạy:

*Cơm rau đỡ dạ đói,
Nhà cỏ che gió sương.
Người đời nếu biết đủ,
Phiền não chẳng còn vương.*

Bốn câu này, hãy đơn giản mà tu cả đời chưa được. Ví như có dịp, quý thầy đi đâu đó trên một chiếc xe đồ, mà người ta cho một ổ bánh mì nguội, quý thầy ăn bình thản thì phiền não không dính. Còn mình khởi nghĩ, ở tùng lâm ăn đầy đủ mà hôm nay sao phải ăn khổ cực thế này, thì phiền não đến.

Bồ-tát Long Thọ nói, trong giờ phút thực tại đó, nếu chúng ta chánh niệm là tăng trưởng công đức. Nhớ chánh niệm là nhớ sự quán chiếu. Ở đây quý thầy đừng nghĩ, nhớ chánh niệm là đi, đứng, nằm, ngồi, thu thúc lục căn mà phải quán chiếu sự khổ, có

những người khổ hơn mình rất nhiều. Sáu tỉnh miền Trung bị bão lụt liên tục, người dân phải ăn mì gói sống, không có nước để uống. Dầu bữa nay ăn dở hơn ngày thường nhưng nếu dùng tâm quán chiếu, ngay trong giờ phút thực tại đó, mình ăn mà biết đủ thì phiền não dứt mà công đức tăng trưởng. Còn mình quên chánh niệm, không thấy được đúng như sự thật thì thêm lớn vô minh.

Bồ-tát Long Thọ nói, sau khi chết mình không thể nương tựa ai kể cả cha mẹ, Thầy Tổ, bạn bè. Mà trong giờ phút thực tại đó, chỉ một cái duy nhất nương tựa được, đó là con đường thánh thiện, con đường của Giới – Định – Tuệ, con đường của chánh niệm. Con đường này không nhờ ai được hết mà phải tự lực vươn lên. Muốn được như thế thì trong cuộc sống tu tập, quý thầy phải tăng trưởng con đường thiện pháp, con đường thánh thiện.

Bữa trước có một Phật tử hỏi:

– Bạch Thầy, con xem Kinh Áo Nghĩa Thư có nói, chơn thường của ngoại đạo, vậy chơn thường của ngoại đạo khác với chơn thường của đức Phật như thế nào?

Trong Áo Nghĩa Thư họ cũng nói con đường thánh thiện, vĩnh cửu, con đường Niết-bàn. Theo tinh thần kinh Lăng Già, tôi trả lời thế này:

– Chơn thường của ngoại đạo là có một đấng Thượng đế ở bên ngoài, họ chấp thủ, nghĩ mình là tiểu ngã, còn Thượng đế là đại ngã. Sau khi chết thể nhập vào cái chơn thường đại ngã này.

– Chơn thường của Đức Phật là tự giác thánh trí, là chuyển từ Như Lai Tàng. Trong Như Lai Tàng chứa thiện ác, phải quấy, những tật xấu ích kỷ, tật đổ..., bây giờ một phen chuyển hóa hết. Là một phen phải chuyển hóa nội tâm. Theo tinh thần nhà Phật, đến như hàng Thanh Văn, bậc Duyên Giác cũng chưa thấy được chỗ này, chỉ có những người đi theo đúng lộ trình của Bồ-tát đạo, hoặc nói khác hơn là lộ trình của Thiền tông mới thấy được điểm này. Muốn chuyển hóa, trở về tự tánh Như Lai Tàng, trở về cái tự giác thánh trí của chư Phật là chúng ta đói thì ăn, khát vẫn uống nhưng đều nằm trong bình diện Giới – Định – Tuệ. Bồ-tát Long Thọ nói, chúng ta đi trên con đường hoàn thiện này, thì phải luôn luôn chánh niệm để tăng trưởng công đức. Trong giờ phút thực tại, chúng ta nhớ chánh niệm để tăng trưởng công đức đó, là chuyển hóa trong Như Lai Tàng, là dừng vọng tưởng điên đảo.

“Hoặc có cần dùng, yên lặng chỉ trao đùng nên cao tiếng nói lớn đại chúng động niệm. Chẳng được khua chén bát thành tiếng.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nếu đầy đủ oai nghi thọ thực, cầm bát tự nhiên không có tiếng. Cầm bát mà có tiếng vì nhân thô tháo. Một người thô tháo đã chẳng chịu nghe, nhiều người lại như vậy mà trai pháp song chẳng chấp hành.”

Ăn mà khua chén bát thì phước đức của tín thí cúng dường buổi trai phạn ấy không thành tựu được.

“Chẳng được ăn rồi đứng dậy trước.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Vào trai đường thọ trai cần yếu là từ đầu chí cuối ăn xong đứng dậy. Có đầu mà không đuôi thì trái lời Phật dạy, khinh mạn đại chúng, trừ có công việc thì khai.”

Đang ăn nửa chừng đứng dậy đi ra ngoài, là khinh mạn đại chúng, coi thường Phật, Tổ, trái lời dạy của Phật Tổ. Trừ có công việc thì khai ra cho phép đi.

Trong Đại Luật có ghi:

Vào thời Đức Phật có một thầy Tỳ-kheo, sau khi thọ thực im lặng mà đi. Các đàn việt nói: “Chẳng biết thầy Tỳ-kheo kia ăn đủ hay chẳng đủ.” Phật dạy: *“Từ nay nên vì đàn việt nói một câu kệ rồi mới đi.”*

Chẳng hạn có dịp nào về thành phố, tín thí mời quý thầy đến nhà thọ trai. Sau khi thọ trai xong, quý thầy phải nói một bài pháp ngắn hay một câu kệ ngắn, rồi chúc phúc cho họ thêm lớn công đức này, thì tín thí họ tăng trưởng niềm tin với Tam bảo.

“Hoặc có lỗi, chúng Tăng nghe tiếng bạch chùy chẳng được kinh chống chẳng chịu.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Bạch chùy là gì? Là phép cử tội. Hoặc mình không chịu, sanh sân trái phép lục hòa tức chẳng phải là bậc hảo tăng.”

Ngày xưa, chốn Tùng lâm rất nghiêm khắc. Chẳng hạn, sáng nay có thầy Tỳ-kheo nào phạm tội thì vị duy-na, hay quản chúng đánh kiểng chùy lớn tiếng, giống như đánh ba hồi trống Bát-nhã, vân tập đại chúng lại để cử tội vị Tỳ-kheo phạm tội. Những vị làm chức tri sự hay quản chúng đều là những người có tài có đức, đa số là tướng trong triều đình, mà võ tướng rất nhiều, như ngài Huệ Minh dưới hội của Ngũ Tổ, là tướng tứ phẩm.

Một hôm, ngài Tiệm Nguyên đánh ngài Đạo Ngộ, ngài Đạo Ngộ nói: “Thôi ông đi đi, đừng về, ông tri sự hay được thì mệt.” Thiền sư thì không sân nhưng tri sự chưa chứng đạo thì sân, sân thì đánh. Ngày xưa có những chùa, chẳng hạn cử quý thầy làm tri khổ mà quý thầy không làm, là tri sự nọc xuống (bắt nằm sấp) đánh vào hông trước đại chúng. Quý thầy coi hành trạng của Thiền sư Hư Vân, được cử chức tri sự mà không làm là bị đánh mấy trăm roi.

Tri sự ngày xưa có uy lắm, người có tài có đức, được cử làm tri sự là nắm hết, gồm thâu hết cả đại chúng. Một bài báo kể: Bên Tây Tạng, có trường gồm hai ngàn năm trăm sáu chục vị Tăng, có một chú Sa-di phạm lỗi bị tri sự bắt nằm sấp xuống đánh vào hông, máu, da thịt dính liền theo cái roi. Bởi vì đông quá, không nghiêm thì chúng loạn.

Cho nên, ở đây nói bạch chùy là phép cử tội, nếu mình không chịu ra, mà nổi sân thì không phải là bậc hảo tăng. Người xưa các ngài ra liền.

“Cổ Đức nghe nói lời thiện thì bái, có chỉ lỗi thì vui, ấy là khí tượng của bậc Hiền Thánh, sao ta không bắt chước?”

Cổ Đức mà nghe chỉ lỗi thì rất là vui. Thời nay không có bạch kiếm chùy, mà có thỉnh nguyện mỗi tháng. Mình có lỗi gì, quý Thầy lớn hoặc huynh đệ nêu ra, mình bước ra nhận lỗi rồi sám hối. Sám hối rồi, là khí tượng của bậc Hiền Thánh chứ không phải dở. Trên đời này ai cũng có lỗi, biết sám hối, biết cải đổi thì là người tốt. Vậy nói sao ta không bắt chước?

“Trong cơm có thóc lột vỏ mà ăn.”

Sa Di Học Xứ ghi:

Thiền sư Chí Phùng, một hôm ngồi ngời yên trong tịnh thất thì có một vị thần quỳ trước mặt. Sư hỏi ai thì thần đáp:

– Con là thần hộ giới.

Thiền sư nói:

– Ta lo tội phước chưa xong, người có biết ư?

Thần nói:

– Sư không có tội gì hết, chỉ có một lỗi nhỏ.

– Lỗi gì?

Thần nói:

– Phàm là nước tráng bát cũng là vật người thí chủ, Sư thường hắt đổ, chẳng phải phép như vậy.

Nói rồi ẩn mất. Sư từ đó đều uống hết.

Hồi mới chùa chưa học qua pháp này, ăn xong tôi tráng rồi súc miệng ra ngoài. Thầy tôi đánh tôi một bạt tai chúi nhủi. Các Thầy ở miền Trung rất là khó, đánh chứ không nói chuyện như mình. Đánh xong Thầy chỉ tại chỗ, nói là tráng bát xong nước đó phải uống, không được bỏ.

Tổ Tuyên Luật Sư nói: *“Mạng nhờ ăn uống mà sống, đạo do ăn mà còn, cho nên phải yêu tiếc, chớ nên khinh bỏ.”*

“Chẳng được thấy món ngon sanh lòng tham luôn miệng mà ăn. Chẳng được ăn mịch chúng.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Chẳng cùng chúng mà ăn, nghĩa là mười phương tập hợp cơm cháo đồng ăn, hoặc tặng mịch chúng định giá thành tội. Ăn mịch chúng là người không biết hổ thẹn. Tặng chưa ăn chẳng được hưởng trước, trừ người làm việc ăn không có lỗi.”

Chẳng hạn quý thầy có công việc phải đi, đáng lẽ mười một giờ rưỡi ăn, mà quý thầy xuống ăn trước thì không có lỗi. Còn đang hành đường, trị nhật, mà xắt cái gì ngon ngon bỏ vô miệng ăn thì định giá thành tội trộm. Ăn như thế gọi là mịch chúng, là người không biết hổ thẹn. *Tặng chưa ăn chẳng được hưởng trước*, đây mình hưởng trước Phật luôn.

6. Phép Lễ Bái

Theo Thích Môn Qui Kính có ghi:

“Đầu mà tiếp xúc với chân Phật là nghi thức chính của lễ bái. ‘Đầu diện lễ túc’ hoặc ‘đánh lễ Phật túc’ có nghĩa là cái đầu mình lễ dưới chân Phật. Vì chỗ cao nhất trong thân thể ta là đỉnh đầu, chỗ thấp nhất trong thân thể của người là chân, cho nên đem chỗ cao nhất của ta tôn kính chỗ thấp nhất của người để biểu thị sự lễ kính cao tột.”

Ngày xưa bên Ấn Độ, người ta rất tôn kính Đức Phật. Khi đánh lễ họ cúi xuống ôm hai chân Phật, rồi họ hôn chân Phật để tỏ lòng cung kính.

Phép lạy của mình thì úp hai bàn tay xuống. Theo tinh thần nhà thiền, trong giờ phút thực tại đó, quý thầy phải dùng tâm quán chiếu, tưởng như có một vị Phật đang đứng trước mặt mình.

Theo Đại Đường Tây Vực Ký, ở Ấn Độ có chín cách lễ bái gọi là “Thiên Trúc Cửu Nghi”:

- 1- Dùng lời thăm hỏi
- 2- Cúi đầu tỏ vẻ cung kính.

Mình gặp quý thầy lớn hơn chút xíu, mình cúi xuống cũng là lễ bái.

- 3- Giơ tay cung kính vái chào.
- 4- Chắp tay ngang ngực.
- 5- Co đầu gối.
- 6- Quỳ thẳng.
- 7- Hai tay và hai đầu gối đều sát đất.
- 8- Năm luân, hai khuỷu tay, hai ống quyển, trán đều co lại.
- 9- Năm vóc như trên gieo sát xuống đất.

Học Kinh Viên Giác, có đoạn “Hồ quỳ hiệp chưởng” nhiều khi mình dịch là quỳ gối chắp tay. Nhưng tôi tra trong tự điển Huệ Quang, Hồ là người Ấn Độ. “Hồ quỳ hiệp chưởng” nghĩa là: Người Ấn Độ quỳ xuống đánh lễ Đức Phật.

Người Tây Tạng lạy không phải như mình, họ lạy toàn thân nằm xuống sát đất. Rồi làm một cái mạn-đà-la lớn bằng cát trong mười ngày, làm xong họ xóa bỏ hết. Hồi còn ở Canada, tôi có hỏi một vị thầy Tây Tạng, tại sao làm mười ngày rất cực mà sau đó lại xóa hết, thầy nói đó là biểu thị cho sự vô thường, khổ, không, vô ngã. Còn lạy nằm sát đất là buông xả toàn thân, hướng về một bậc giác ngộ tối thắng.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, số Hai mươi bảy, ngài Trường Quán nói về Tam lễ:

“Thứ nhất là Đại bi lễ, thứ hai là Tổng nhiếp lễ, thứ ba là Vô tận lễ.”

Đại bi lễ là lễ với tâm đại bi thù thắng từ trong chơn tâm ra. Vô tận lễ là lễ vô tận khắp mười phương. Có người nói tu thiền không cần lễ lạy, lễ chỉ cho có lễ thôi, nói vậy quý thầy thấy đúng không?

Thiền thoại có ghi:

Đời nhà Đường, Hoàng đế Tuyên Tông lúc chưa lên ngôi, vì lánh nạn nên ẩn cư chốn rừng lâm làm thư ký cho Thiền sư Diêm Quang. Bấy giờ có một vị Thiền sư rất nổi tiếng là Thiền sư Hoàng Bá, ngài đảm nhiệm chức thủ tọa trong chùa, sáng nào ngài cũng dậy sớm hơn chúng tăng, đánh lễ trước Phật rất thành kính và tha thiết. Một hôm Hoàng đế Tuyên Tông thấy Thiền sư Hoàng Bá lễ Phật liền hỏi:

– Lúc trước Thầy dạy trong chúng không chấp Phật để cầu, không chấp Pháp để cầu, không chấp Tăng để cầu. Bây giờ Thầy lại chí thành lễ bái như thế, vậy Thầy mong cầu cái gì?

Thiền sư Hoàng Bá khai thị:

– Không chấp Phật để cầu, không chấp Pháp để cầu, không chấp Tăng để cầu, cần phải như thế mà cầu, ông có hiểu chăng?

Lễ mà không chấp trước, lễ mà không mong cầu. Chính không có chỗ chấp trước, ngay chỗ tam luân không tịch đó thì mới gọi là lễ Phật chơn chánh. Lễ Phật, lễ Pháp, lễ Tăng là chí thành đánh lễ, đạt đến chỗ vô tận mà lễ.

Tuyên Tông nghe xong nói:

– Đã như thế Thiền sư lễ bái có tác dụng gì?

Thiền sư Hoàng Bá nghe xong dùng sức tát vô mặt Tuyên Tông thật mạnh. Tuyên Tông nói:

– Thầy là người tu đạo, sao thô bạo như thế?

Thiền sư Hoàng Bá nói:

– Cho ông một tát nữa mới được, ngay chỗ này mà ông nói thô với tể.

Ngay chỗ này ông nói thô với tể là ông còn mắc kẹt rồi. Về sau vị này lên làm Hoàng đế, cho mời ngài Hoàng Bá đến khen thưởng, rằng ngày xưa nhờ ngài khai thị hai bạt tai mà tôi tỉnh ngộ.

Một câu chuyện khác ngược lại câu chuyện trên:

Thiền sư Triệu Châu thấy thị giả là Văn Viễn đang lễ Phật, ngài dùng gậy đánh lên lưng một cái, hỏi:

– Ông đang làm gì?

– Đang lễ Phật.

Triệu Châu quở:

-Phật cũng cần lễ sao?

Văn Viễn thưa:

– Lễ Phật cũng là việc tốt.

Triệu Châu nói:

– Việc tốt không bằng vô sự.

Phật đã giác rồi, chúng ta ngồi thiền mà tìm lại cái giác ngộ nữa, là tìm cái vọng tưởng. Vọng tưởng mà tìm lại thành ra vọng. Ngay trong giờ phút thực tại đó, vọng lên, vọng

xuống biết rõ hết, là đang trong cảnh giới vô sự, không thêm, không bớt gì nữa. Ở đây ngầm chỉ cái vi diệu hơn, việc tốt không bằng vô sự, chớ không phải bác sự lễ bái.

Kinh Tăng Nhất A Hàm quyển Hai mươi bốn ghi:

“Người cung kính lễ bái Như Lai do thấy tướng hảo, rồi phát tâm vui mừng sinh lòng khát ngưỡng, xưng niệm danh hiệu, tán hoa, đốt đèn, bố thí, cúng dường thì đời sau được năm thứ công đức thù thắng:

1- Xinh đẹp

Thường lễ bái Đức Phật mà quán tưởng sâu sắc thì kiếp sau tướng hảo, ai nhìn thấy cũng phát Bồ-đề tâm.

2- Giọng nói hay

Người có giọng nói sang sảng là người rất hào hiệp. Người có giọng ấm, giọng như chuông thì tề lắm cũng làm quan, làm tướng. Còn nói không ra hơi là cái tâm thức, cái khí của người đó không ổn.

Kinh Tạp Bảo Tạng có ghi:

Vua Ba-tư-nặc đi ngang một tinh xá, nghe một vị Tỳ-kheo tụng Kinh giọng du dương trầm bổng nên phát tâm cúng dường. Ông thưa với Phật ông muốn thỉnh vị Tỳ-kheo này ra để ông đánh lễ và cúng dường mười ngàn lượng vàng. Phật bảo đưa Phật giữ trước rồi Phật mới kêu vị Tỳ-kheo này ra. Vì Phật biết nếu vua gặp mặt thầy Tỳ-kheo thì sẽ không phát tâm nữa. Vua Ba-tư-nặc rất ngạc nhiên nhưng cũng gửi cúng. Sau khi gặp Thầy Tỳ-kheo, vua nghĩ phải chi hồi nãy đừng cúng! Vua hỏi Phật tại sao một thầy Tỳ-kheo có giọng nói hay như thế mà khi thấy mặt thì không phát tâm được.

Phật kể, vào thời Phật Ca-diếp, vị này là quan đại thần, sau khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, thiêu có rất nhiều xá lợi, người ta xây tháp để cúng dường, mọi người đều hoan hỷ, riêng quan đại thần này nổi niệm sân: “Mất rồi mà còn phải bỏ tiền của ra làm chi”. Do nghiệp sân đó nên bây giờ khuôn mặt ông ai nhìn cũng thấy sợ. Tuy nhiên sau khi tháp xây xong, ông thấy trang nghiêm thanh tịnh nên phát khởi tín tâm, đến trước tháp sám hối, rồi treo lên tháp một cái linh cúng dường. Nhờ cúng dường linh nên bây giờ ông có giọng nói hay, và nhờ thành tâm sám hối nên gặp Phật tu chứng đạo, nhưng gương mặt xấu xí vì khởi niệm sân với một bậc toàn giác. Cho nên phải khiêm cung đầy đủ hết. Quý thầy siêng lễ Phật, siêng tụng kinh mà đưng một chút nổi sân, nổi phiền não lên thì trật hết.

3- Nhiều của báu

4- Sinh vào nhà quý tộc

5- Sinh về cảnh giới an lành.”

Kinh Bản Duyên nói:

*Nếu với tâm tin sâu,
Kính lễ dưới chân Phật,
Người này đời sinh tử,*

*Chẳng còn vương lâu nữa.
Cúng dường tạo nhân duyên,
Ắt được quả báo lớn.
Với tâm kính tin dù
Cúng đất vào bát Phật,
Cũng được có quả báo.*

Vào thời Đức Phật, có một chú bé, tiền thân của vua A Dục, cúng dường một chút cát thôi mà Phật thọ ký sau này sẽ là vị Chuyển Luân Thánh Vương.

“Lễ bái chẳng được đứng chính giữa chùa, ấy là để nhường cho vị trụ trì vậy.”

Trước tượng Phật, quý thầy đứng một bên lễ, chính giữa để nhường cho vị trụ trì.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Sao gọi là trụ trì? Nghĩa là động tịnh chẳng dời gọi là trụ, xưa nay chẳng trái gọi là trì, chính là người hoằng dương chánh pháp, tức là thiện tri thức vậy. Song Phật pháp phương Đông thâm nhuần bốn trăm năm có hơn, mà Đạt-ma Tổ sư mới đến lại truyền tám đời mới đến Thiền sư Bách Trượng. Ở trước chỉ lấy tướng đạo giáo thọ, chỗ ở núi non, hang cốc, chưa có tên trụ trì. Thiền sư Bách Trượng nhân người tu xưa nay xếp hàng vân tập hỏi đạo, chẳng phải vị trí tôn kính thì Pháp sư chẳng tôn, mà tên trụ trì từ đây mới bắt đầu.”

Trụ trì là do thanh qui Thiền sư Bách Trượng đưa ra chớ xưa thì không có.

“Lại nữa, trụ trì là tu Giới, Định, Tuệ. Vì dùng tư chất trì pháp nắm giữ đức hạnh chúng Tăng, là vì đầy đủ trì pháp, tư chất đầy đủ điều thiện, khả dĩ trì mà trụ.”

Thiền sư Mật Am nói:

*“Trụ trì có ba cái không:
– Thứ nhất là việc rắc rối đến chẳng có kinh sợ.*

Quý thầy sau này muốn ra làm trụ trì phải nhớ câu này. Việc rắc rối đến, người ta quây, phá, phải bình thản, không được kinh sợ. Hoặc trong chúng có chuyện gì cũng không động tâm thì mới làm trụ trì được. Cho nên làm trụ trì rất khó, không phải dễ.

*– Thứ hai là vô sự không tìm.
– Thứ ba là thị phi không biện.”*

Đạt ba không này mới có thể gọi là trụ trì được.

Thiền Lâm Bảo Huấn ghi:

Đời nhà Tống, Thiền sư Phật Quả sắp đi trụ trì chùa Thái Bình. Thiền sư Pháp Diễn, Sư phụ của ngài tặng cho ngài bốn câu răn nhắc, gọi là Pháp Diễn tứ giới:

1- Có thể lực không nên sử dụng hết.

Làm trụ trì, làm người lớn là mình có thể lực ở trên rồi, không nên sử dụng hết. Mười phần, sử dụng năm hoặc ba thôi chớ xài hết thì tổn âm đức của mình. Trong chúng có những người làm trái thanh qui, nhiều khi chúng phụ tá Thầy Trụ trì không chịu được,

mà tại sao có những lúc Thầy Trụ trì bỏ qua, là có thể lực không nên sử dụng hết, dụng một nửa thôi, dụng hết thì chúng ở không được.

2- Có phước không nên hưởng hết.

Làm trụ trì, người ta cúng dường nhiều mà bỏ túi đi chơi, ăn uống hay làm chuyện gì đó thì tổn phước. Người ta cúng dường mình phải chia đều cho đại chúng.

3- Qui củ không nên hành hết.

4- Lời nói hay không nên nói hết.

“Có người lễ Phật ta chẳng được đứng gần và đi ngang qua trước đầu người lay. Thứ nhất là mất vẻ tôn kính, thứ hai là loạn phép quán của người. Đụng đầu mặt người khiến kia sanh tâm phiền não, mắc tội thật không phải là nhẹ.”

Có người đang lễ Phật thì không được đi ngang qua, đụng đầu mặt người ta, lại mất vẻ tôn kính.

“Phạm chấp tay chẳng được mười ngón so le, chẳng được bọng chính giữa, chẳng được nhét ngón tay trong mũi. Phải bằng ngực, cao thấp vừa chừng.”

Chấp tay ngang ngực là đúng. Tôi thấy có những vị chấp tay không bằng ngực, hoặc bọng chính giữa, hoặc đụng vô lỗ mũi, thậm chí cạy mũi! Có người còn nhịp theo tiếng tụng Bát-nhã nữa. Các vị thầy ở miền Trung khó lắm, thường khi tụng kinh, các thầy cầm cây thước đi ngang, ai làm sai là bị gõ thẳng vô mười ngón tay luôn. Người ta nhìn quý thầy tụng kinh là biết có học oai nghi phép tắc hay không.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Chấp tay là biểu thị một về tất cả, tất cả về một, chứ không có hai.”

“Chẳng được lễ bái phi thời, bằng muốn lễ phi thời thì phải chờ khi người vắng. Thầy lay Phật chẳng được cùng Thầy đồng lay, phải theo sau xa Thầy mà lay. Thầy xá người, không phép đồng Thầy cùng xá. Ở trước Thầy chẳng được cùng người đồng bậc lay nhau. Ở trước Thầy chẳng được chịu cho người lay mình. Tay cầm kinh, tượng chẳng được vì người mà xá.”

Chẳng được lễ bái phi thời. Ở Chánh điện mình lễ phi thời không được. Chẳng hạn chín giờ mà quý thầy đắp y, hậu ra chánh điện lễ là sai. Trên thiên đường, lễ lúc chín, mười giờ thì cho phép, vì chỉ có một mình mình, không có Phật tử, cũng không có chúng lễ.

Thầy lay Phật chẳng được cùng Thầy đồng lay. Khi đi với Thầy Trụ trì hoặc quý Thầy lớn, Thầy lễ Phật trước rồi quý thầy lễ sau, chứ không phải Thầy lễ rồi cùng lễ theo là không đúng pháp.

Ở trước Thầy chẳng được chịu cho người lay mình. Quý thầy thị giả phải kinh nghiệm chuyện này. Người ta đến lay Hòa thượng, quý thầy đang đứng kế bên Hòa thượng thì phải tránh qua một bên, mình đâu được hưởng cái lay đó, tổn phước mình.

Tay cầm kinh, tượng chẳng được vì người mà xá. Cầm kinh, tượng mà xá là trật pháp. Dầu cho là Hòa thượng hay Thầy Trụ trì, mình cũng không cầm kinh tượng mà xá các ngài. Bởi vì sao?

Sa Di Học Xứ ghi:

“Kính, tượng chính người, trời còn phải tôn kính. Tay cầm kính, tượng tức là Phật ở trong tay. Phàm gặp tôn trưởng, lão túc đều chẳng có lễ bái, chỉ nói kính, tượng ở trên tay chẳng dám lễ bái. Nếu cầm mà lễ bái, ấy là người điên đảo.”

Quý thầy đang đi trên đường, tay cầm quyển kinh hoặc tượng Đức Phật, gặp Hòa thượng thì cũng không lễ, mà phải nói: “Bạch Hòa thượng, trên tay con cầm kính, cầm tượng không lễ bái được.” Hoặc quý thầy gặt đầu một cái thôi chứ cầm cuốn kinh xá xuống là trật. *Kính, tượng trời, người đều phải tôn kính. Tay cầm kính, tượng tức là Phật ở trong tay.* Nhiều người không biết phép cầm kính nên có khi kẹp nách, làm trái oai nghi, tổn phước.

Thiền thoại có ghi:

Mẹ của vua Tuyên Tông sau khi mất về báo mộng muốn thỉnh Thánh tăng độ cho bà siêu thoát, còn mách bảo muốn chọn Thánh tăng thì chôn quyển Kinh Kim Cang dưới cổng chùa. Vua đến một ngôi chùa có gần một ngàn chúng Tỳ-kheo, gần hết các vị tăng trong chùa ai cũng bước qua cổng chùa mà không biết dưới cổng chùa có chôn quyển kinh. Chỉ có vị Tăng mà trong chùa ai cũng coi thường, bắt phải gánh đồ làm thị giả cho đại chúng là không dám bước qua mà lộn nhào lên hư không, nói: *“Không dám giẫm đạp lên Đức Như Lai”*. Vua biết đây là Thánh tăng.

“Phàm kính lễ phải tin thành quán tưởng. Kính có dạy bảy phép lạy, chẳng khá chẳng biết.”

Chú: Bảy phép lạy là gì? Sa Di Học Xứ ghi:

“Thứ nhất là lạy ngã mạn, thứ hai là lạy câu danh, thứ ba là thân tâm cung kính mà lễ.”

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói:

“Nếu có người vì lạy Phật một lạy thì từ đầu gối xuống đến lớp kim cương, một hạt bụi là một ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương, được mười loại công đức:

Chỉ cần lạy một lạy, kiếp sau quý thầy làm một vị Chuyển Luân Thánh Vương. Mà một ngày quý thầy lạy bao nhiêu lạy? Có những vị vào thất chuyên sám hối, lạy Phật, rất là tốt. Ngày xưa chúng tôi vào thất, ở Thường Chiếu rất nóng mà sám hối một ngày bốn lần, chuyên lạy Phật, lạy Tổ.

1- Được sắc thân vi diệu.

2- Lời nói được người tin tưởng.

3- Ở trong đại chúng không có sợ sệt.

Nghĩa là đứng trước đại chúng, đứng trước số đông mà tâm rất bình tĩnh, không run sợ. Ai hỏi gì, quý thầy rõ hết người đó muốn nói. Phải lễ Phật thành kính mới được cái pháp thù thắng này. Có những người kể rằng, họ học pháp giảng sư nhưng đứng trước Phật tử số đông họ rất sợ. Vì sao? Vì họ không thực tập phương pháp này.

Ở Phú Khánh có một thầy viết văn rất hay, nhưng mỗi lần lên giảng thầy run lắm. Một vị Hòa thượng nói, thầy run thì cầm râu chuối vừa lần vừa giảng. Bữa nọ thầy đang lần thì râu chuối đứt dây xà xuống. Thầy nói, thôi từ đây viết sách chứ không bao giờ giảng nữa.

Được cái pháp thù thắng, đứng trước đại chúng không sợ sệt là do mình thành tâm lễ Phật. Năng lực thù thắng này phát xuất từ bên trong chứ không phải ở đâu hết.

4- Được chư Phật bảo hộ ghi nhớ.

5- Đầy đủ oai nghi lớn.

6- Mọi người thân cận và nương tựa.

Quý thầy lễ Phật một thời gian sẽ thấy. Nhờ phép lễ Phật này, tự nhiên người ta thích gần gũi với mình, nói gì họ cũng nghe. Sau ra làm Phật sự, nhiều người muốn nương tựa. Nương tựa đây là họ đến học pháp, mình chia sẻ đường đi nước bước, hoặc san sẻ những nghịch cảnh trong cuộc đời, để họ chiêm nghiệm thực hành thì quý thầy được phước, mà người ta cũng bớt khổ. Còn nương tựa về chuyện khác là trật.

7- Được chư thiên kính mến.

8- Đầy đủ phước báu lớn.

9- Lúc mạng chung sanh về cõi Phật.

10- Mau chóng chứng đắc Niết-bàn.”

7. Thính Pháp

Sa Di Học Xứ ghi:

“Pháp có năng lực trợ đạo nên cần phải nghe. Tâm tông của chư Phật đầy khắp trong Pháp tạng, dù tự tánh vốn thông ắt cần phải nhờ thầy truyền dạy. Cho nên lúc giảng pháp, giảng Tỳ-ni ắt cần phải lắng nghe và tư duy nghĩa lý mới có thể khai phát tâm địa được.”

Trong bài Thính Pháp này, Tổ Tuyên Luật Sư dạy: *Pháp có năng lực trợ đạo nên cần phải nghe.* Nếu nghĩ mình thông minh, trí huệ đầy đủ rồi không cần nghe pháp nữa thì trật.

Có những người đọc kinh, nghe pháp tự nhiên xúc động họ khóc. Hòa thượng Trúc Lâm khi coi đến chỗ “thất xứ chơn tâm”, bảy lần Phật gạn tâm cho tôn giả A-nan thì ngài xúc động khóc. Như vậy biểu thị điều gì? Giống như người xa nhà đã lâu, một hôm về quê gặp lại cha mẹ thì rất xúc động. Người đọc kinh Phật xúc động mà khóc, là chủng duyên người này rất sâu. Nhớ lại ngày xưa mình đã xem qua đoạn này, bây giờ nó tác động lại những hạt giống từ vô lượng kiếp làm cho nẩy mầm và trưởng thành. Nhờ năng lực này, quý thầy ở trong đạo không bao giờ khởi niệm ra đời. Cho nên nói, *Pháp có năng lực trợ đạo, nên cần phải nghe pháp, học hỏi Phật pháp.*

Tâm tông của chư Phật đầy khắp trong pháp tạng. Có những lúc, tu mà tự nhiên thấy buồn buồn, thấy thiếu thiếu cái gì đó, quý thầy lật quyển kinh ra xem thì bớt phiền não. Hoặc có người gặp phiền não, khổ đau, vượt qua không được, nhưng khi đem kinh Phật ra xem, thì họ lại vượt qua được những nghịch cảnh khổ khổ đó.

“Dù tự tánh vốn thông ắt cần yếu phải nhờ thầy truyền dạy. Cho nên lúc giảng pháp, giảng Tỳ-ni ắt cần phải lắng nghe và tư duy nghĩa lý mới có thể khai phát tâm địa được.”

Kinh Hoa Nghiêm Phật dạy:

“Thí như âm trung bảo,

*Vô đẳng bất khả kiến,
Phật pháp vô nhân thuyết,
Tuy huệ mạt năng liễu.”*

Nghĩa:

*“Nhu viên ngọc quý giữa đêm dày,
Không đèn soi sáng có ai hay,
Cũng vậy, Phật pháp không người nói,
Thông minh cũng khó hiểu nghĩa này”*

Hồi còn ở ngoài đời đâu biết vô thường, khổ, vô ngã, Thập nhị nhân duyên là gì. Vào đây nhờ Hòa thượng, nhờ Thầy Trụ trì giảng, mình hiểu phải tu thế nào, phải giữ giới, thực hành ra sao, đều nhờ người Thầy truyền lại.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ-tát Văn Thù chọn nhĩ căn viên thông, ngài nói kệ:

*Tôi nay bạch Thế Tôn,
Phật xuất cõi Ta-bà,
Phương này, chơn giáo thể,
Thanh tịnh tại nghe thanh.
Muốn vào Tam-ma-đề,
Thật do cái nghe nhập.*

Nhiều khi quý thầy nghe, tư duy nghĩa lý tự nhiên thâm nhập vào cảnh giới thiền định. Thâm nhập vào cảnh giới thực tại đó là nhờ nghe pháp. Bồ-tát Long Thọ nói, có mười tám điều kiện thuận lợi, cần thiết cho việc thực hành nghe pháp, mà chỉ có loài người mới có đầy đủ các điều kiện thù thắng này. Mười tám pháp đó là gì, mà ngài dạy phải luôn quán chiếu thật sâu sắc, thì nghe pháp không có nhàm chán?

1- Thoát khỏi cõi địa ngục.

Đời này, mình may mắn thoát khỏi cõi địa ngục. Cảnh giới địa ngục rất đau khổ, nghe pháp không được, không bao giờ hiểu được nghĩa lý của một câu kinh.

2- Thoát khỏi cõi quỷ đói.

Trong kinh diễn tả quỷ đói nhìn đâu cũng đều thấy khô cạn hoặc lửa cháy. Chẳng hạn cây hồng, cây bơ đầy trái, nhưng quỷ nhìn không thấy có trái nào hết, nhìn xuống dòng nước thì cạn khô, rất đói khát. Kêu niệm Phật cũng niệm không được hưởng gì nghe kinh. Bồ-tát Long Thọ dạy, phải nương Giới – Định – Tuệ của mình. Dầu cho có tu, mà còn tâm niệm keo kiệt, ích kỷ và tật đố, khi chết cũng đọa làm quỷ đói rất khổ.

Quý thầy được trị nhật, hành đường, nghe pháp, tụng kinh, sám hối, phải nói là có cái duyên thù thắng. Quý thầy vào thiền viện thấy có đầy đủ Phật pháp, thấy ai cũng tu nên nghĩ rằng bây giờ tu nhiều, học chánh pháp nhiều, nhưng thật ra người hiểu và thực hành thánh pháp được rất ít. Thực hành pháp ở đây là gì? Là quán chiếu sâu sắc mình được thoát khỏi cõi quỷ đói. Mình nghe pháp nhiều quá thấy nhàm, chứ Phật tử khao khát giống như đất khô hạn mà gặp mưa vậy.

3- Thoát khỏi cõi thú vật.

May mắn thoát khỏi cảnh giới súc sinh, không bị làm thân trâu, bò, heo, chó...

4- Thoát khỏi cõi chư thiên sống lâu.

Trong kinh điển tả, chư thiên khi sắp mất thì họ thấy năm tướng suy:

- Hoa trên đầu héo.
- Mồ hôi chảy nách.
- Không thích ngồi chỗ ngồi của chính họ nữa.
- Quần áo dính bụi.
- Hào quang tắt hết.

Khi thấy những tướng suy này, họ quán chiếu để biết sanh về đâu. Nếu thấy rớt vào cõi địa ngục thì họ đau khổ gấp nghìn lần so với người ở cảnh giới Ta-bà chết vào địa ngục. Đang ở cảnh giới sung sướng mà rơi vào cảnh giới xấu nên rất khủng hoảng, lo sợ.

Mình may mắn thoát khỏi cõi chư thiên sống lâu, được làm người, được nghe Phật pháp. Trong kinh điển tả, vào đời mạt pháp người nào được nghe, tin tưởng vào pháp Thiên tông, thì chủng tử người đó rất sâu dày, nên bây giờ mới biết con đường này tu tập, hành pháp. Nếu không có căn duyên về thiền nhiều, khi nghe rồi không tin mà còn phỉ báng.

Quý thầy nghe Hòa thượng hoặc Thầy Trụ trì giảng mà cảm thấy rung động, có một cái gì đó tác động vào là biết mình có căn duyên nhiều kiếp về thiền, con đường thiền này mình phải đi.

5- Thoát khỏi làm một người tà đạo.

Các vị thiền sư nói, thà ngàn năm không ngộ còn hơn một ngày đi lệch đường. Những người tà đạo không có chánh kiến. Họ chấp thường, chấp đoạn, chấp vào những chỗ thấy. Như những người hiện bây giờ chết vì đạo mà niệm si, niệm sân, niệm tham có đủ hết, thì làm sao tái sanh vào cảnh giới an lành được. Chỉ có con đường từ bi, hỉ xả, tình thương, và hiểu biết, thì mới tái sanh vào cảnh giới lành. Quý thầy được phúc duyên thoát khỏi làm một người tà đạo, biết Phật pháp, biết tu pháp môn thiền.

6- Thoát khỏi làm một người hoang dã.

Là người sống nơi biên địa. Có những người sống trong rừng, không mặc quần áo, họ cầm gậy, mác đi săn. Những người này làm sao biết Phật pháp, biết chuyển hóa? Rớt vào cảnh giới này rất là khổ, không có cuộc cách mạng nào chuyển hóa nội tâm họ được. Không có thiện tri thức gần bên làm sao chuyển hóa?

7- Thoát khỏi làm một người ngu đần.

Tôi thấy quý thầy, ai cũng mặt mũi sáng láng, thông minh, trí tuệ là có phúc duyên rồi.

8- Ở nơi không có giáo pháp của một Đức Phật.

Quý thầy ở đây là đã có giáo pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni để lại, có lịch sử, có chứng tích, có bài bản rõ ràng, thì mình rất có phước.

9- Tái sanh làm người.

10- Tái sanh ở vùng trung tâm, nơi có Tăng chúng ở.

Quý thầy sanh ra trong cuộc đời này gặp chư Tăng, tuy nhiên có nhiều nơi không có chư Tăng.

11- Có những cơ quan lành lặn.

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều lành lặn.

12- Thoát khỏi những hành động xung đột về pháp.

Vào thiền viện Trúc Lâm, tin tưởng pháp của Hòa thượng dạy, con đường này là con đường chuyển hóa nội tâm mình phải đi, tin tưởng thì tu mới có kết quả và không có xung đột về pháp. Nghĩa là quý thầy đã có túc duyên sâu mới tin tưởng vào Thầy của mình.

Thiền sư Đại An, ba mươi năm ở núi Qui, ăn cơm núi Qui, uống nước núi Qui, làm cái gì cũng núi Qui, mà chỉ chăn con trâu. Còn quý thầy vào đây, ăn cơm Trúc Lâm, uống nước Trúc Lâm mà hành pháp khác, không tin tưởng pháp này mà vào chốn này, thì xung đột về pháp. Vào đây mà đi theo con đường khác là không đúng, kiếp sau không gặp được pháp này nữa.

13- Có lòng tin vào thánh pháp.

14- Có sự dẫn sanh của một Đức Phật trong thế giới.

15- Có giáo pháp của một tôn giáo thanh tịnh.

16- Có sự tồn tại và vững chắc của một tôn giáo thanh tịnh.

17- Là người tin và theo lời dạy của Đức Phật.

Mình tin lời Phật dạy là đúng, là thù thắng.

18- Có lòng từ bi với những người khác.

Có lòng thương đến người khác là biết mình được mười tám pháp mà Bồ-tát Long Thọ chỉ.

Kinh Phó Pháp Tạng Phật dạy:

“Tất cả chúng sanh muốn ra khỏi biển khổ sanh tử ắt phải mượn con thuyền thánh pháp mới được độ thoát. Pháp là nước mát trừ lửa dục phiền não. Pháp là thuốc hay có năng lực trừ các thứ bệnh.”

Nghe pháp, học pháp, tu pháp thì vượt thoát sanh tử. Mượn con thuyền thánh pháp này thì mới được độ thoát. *Pháp là nước mát trừ lửa dục phiền não.* Bữa nào quý thầy phiền não, về lật quyển kinh ra xem, Phật nói phiền não bị gì, sân hận bị gì, thì nhờ

pháp mà chuyển hóa được. *Pháp là thuốc hay có năng lực trừ các thứ bệnh.* Chẳng hạn bệnh tham thì dùng thuốc *bố thí*, sân dùng thuốc *từ bi*. Bệnh hay khởi niệm dục, thèm muốn đủ thứ chuyện thì dùng thuốc *bất tịnh*.

Trong kinh Tăng Chi Bộ quyển 2, chương 4, phẩm Các Căn Phòng Bệnh, trang 86, Phật dạy:

Một thời Thế Tôn trú ở Sa-va-thi tại vườn ông cấp Cô Độc, gọi các Tỷ-kheo:

“Này các Tỷ-kheo! Có hai loại bệnh. Thế nào là hai? Bệnh về thân và bệnh về tâm. Này các Tỷ-kheo! Chúng ta thấy có chúng sanh tự nhận mình không có bệnh về thân được một năm, được năm năm, được mười năm, được năm chục năm cho đến một trăm năm. Nhưng này các Tỷ-kheo! Rất khó tìm được ở đời là những chúng sanh tự nhận mình không có bệnh về tâm dù chỉ trong một khoảnh khắc, trừ những bậc Thánh đã đoạn trừ các lậu hoặc.”

Chiều ngồi thiền, quý thầy nghiệm đi. Có khoảnh khắc nào, mình không phiền não – khổ đau – phiền muộn – tật đổ – ích kỷ, không có một niệm nào khởi lên, chỉ trong một tích tắc thôi, có không? Thiền sư Đạo Nguyên nói, một người chỉ cần trong tích tắc, không có những thứ bệnh trên, thì người này là đệ nhất tối thượng giữa loài người. Dẫu có người bố thí, cúng dường đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, thì công đức cũng không bằng. Phật khẳng định, có một kho báu vô giá, mà chỉ có người tu thiền mới chiêm nghiệm được chỗ này.

Có một Thiền sư nói, sáng sớm ngài bước từ cái ghế này qua cái ghế kia ngài thấy hai mươi bảy niệm, tức là từ cái khoảnh khắc này qua cái khoảnh khắc kia ngài thấy hai mươi bảy cái niệm nhỏ vi tế. Mình thì cho đi luôn, không thấy gì hết. Bởi vậy mới nói dứt trừ lậu hoặc không phải chuyện dễ, đến mức độ Phật nói chừng nào chứng quả vị A-la-hán rồi thì mới tin tâm mình. Ở đây nói rất rõ là bệnh về tâm ai cũng có, muốn dứt bệnh này phải uống thuốc nghe pháp.

“Pháp là chơn thiện tri thức của chúng sanh, làm lợi ích lớn cứu giúp các khổ não. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh trí tánh không có cố định, theo chỗ tập nhiễm, gần thiện thì thiện, gần ác thì ác. Nếu gần bạn ác liền tạo nghiệp ác, lưu chuyển trong sanh tử không có bờ mé. Nếu gần bạn lành khởi tâm cung kính, nghe nhận diệu pháp ắt có năng lực khiến xa lìa tam đồ khổ não. Do đó công đức thọ cái vui tối thắng thù diệu trong cuộc đời này tức là nghe pháp.”

Quý thầy vào thiền viện Trúc Lâm, ai cũng mang tâm niệm thiện, phát tâm tu, nhưng mà trí tánh chưa ổn định, nếu gặp bạn ác thì bị dẫn dắt theo chỗ tập nhiễm. Những chúng tử ác chuẩn bị ngủ rồi, nhưng có người rủ tối đi chơi, nhớ lại ngày xưa tối thường đi ngắm trăng, ngắm sao nên đồng ý đi liền. Ở đây Phật dạy, nếu gần bạn ác thì liền tạo nghiệp ác lưu chuyển trong sanh tử không có bờ mé. Còn gần thiện thì tự nhiên thiện, gần bạn lành là khởi tâm cung kính. Nhờ thầy tốt, bạn lành nhắc nhở, mình bỏ dần những tập nhiễm, biết bố thí, cúng dường, sám hối, ngồi thiền, tụng kinh, từ đó phước đức tăng trưởng. Mai kia có chết, công đức thiện pháp này cứu mình, nhờ năng lực thiện pháp này đưa đến cảnh giới lành.

Như câu chuyện, mẹ Mạnh Tử ba lần chuyển nhà dạy con. Lần đầu ở gần nhà giết heo, bà thấy con về cũng chơi trò thọc huyết, làm heo. Bà sợ quá dọn nhà đến gần nghĩa

địa, thì thấy con chơi làm đám ma, cúng kiến, thối kèn. Lần thứ ba bà dọn nhà đến gần trường học, thấy con bắt chước khuôn mẫu lễ giáo, học hành chăm chỉ. Bà nói đây mới là chỗ ở cho con ta.

“Nghe diệu pháp ắt có năng lực khiến xa lìa tam đồ khổ não.”

Nghe diệu pháp thôi là có thể chuyển được trong kiếp này. Pháp Hòa thượng Trúc Lâm dạy là pháp thù thắng tối thượng, quý thầy nghe, tin nhận là không phải chuyện đơn giản.

Thành Phạm nói:

“Phàm tâm học đạo của Sa-di phải như đất hạn ao hồ cạn hết, chẳng nhàm chán nghe nhiều.”

Tâm học đạo của Sa-di phải như đất hạn, nghe nhiều cũng không nhàm chán, như ao hồ khô cạn, rót bao nhiêu cũng được.

“Chẳng để thì giờ trôi sông. Nếu gặp pháp sư trên pháp tòa giảng nói kinh luận, Thánh pháp liễu nghĩa, phải để tâm rỗng không mà lắng nghe. Đối với người nói pháp tưởng như cha mẹ, thầy, tổ. Đối với chỗ nghe pháp như đói mà được nhận thức ăn, tưởng như chết khát mà gặp được nước.”

Gặp người giảng nói kinh luận, Thánh pháp liễu nghĩa thì phải để tâm rỗng không lắng nghe đón nhận những lời pháp, không suy nghĩ một niệm nào hết, thì được tăng trưởng công đức. Đến pháp đường cung kính pháp, thì sau này quý thầy ra làm Phật sự hướng dẫn người sẽ được lại quả báo. Còn nghe mà có tâm khinh nhờn thì bị nhân quả.

Khổng Tử nói: *“Sáng nghe đạo lý, chiều chết cũng cam.”* Sáng quý thầy nghe pháp rồi chiều trúng gió chết hoặc đi ngang bụi cây, bụi cỏ bị con rắn nhảy ra cắn chết thì đừng sợ. Nghe diệu pháp rót vào chũng tử tàng thức rồi, thì chết sanh về cõi lành liền. Bởi vì trong giờ phút thực tại đó không có niệm thứ hai.

Chư Phật, chư Tổ nói cho chúng ta biết muốn đạt đến chỗ giác ngộ giải thoát, đến quả vị cuối cùng (quả vị Phật), thì trước chúng ta phải tạo phước. Kể đến là tu huệ. Cổ đức nói: *“Phước huệ lưỡng toàn phương tác Phật.”* Nghĩa là phước huệ song toàn thì mới thành Phật, tác Tổ được. Để có phước thường mình nghĩ là phải bố thí cúng dường, nhưng những người không có tiền thì làm sao bố thí cúng dường? Như vậy có tạo phước được không? Hoặc những người bị bệnh về thân, không làm trị nhật, hành đường hay công tác cho chúng được, thì có tạo phước được không?

Theo tinh thần của thiền, Bồ-tát Long Thọ dạy, nghe pháp mà lắng thần nghe với tâm lành thì được phước đức. Nghe xong về chúng ta hành, đó gọi là công đức.

Có một vị Tăng hỏi một Thiền sư:

– Bạch Hòa thượng, trong kinh thường diễn tả chúng ta tu hành như thế nào để giống như chim đại bàng. Nhưng con chim đại bàng sải cánh một ngày bay ngàn dặm, mà mình không có khả năng như thế.

Thiền sư nói:

– Nhưng con chim không bay qua được bến bờ sanh tử, chỉ có những người nghe pháp, hành pháp, thì mới bay qua được bến bờ sanh tử.

Chúng tôi làm nhà khách, có lần tiếp bốn cô sinh viên Đại học Đà Lạt. Họ thưa rằng, trước đây rất tin vào đạo Phật, nhưng một thời gian thì những người trong gia đình thường hay xung đột, sống không hòa thuận. Mỗi lần xung đột, đến chùa xin Phật cứu khổ, cứu nạn nhưng xung đột trong gia đình vẫn không chấm dứt, từ đó họ không tin đạo Phật nữa.

Bây giờ mình phải trả lời thế nào để những người này có niềm tin với chánh pháp? Tôi nói, ví dụ mấy cô có cây viết, dùng hai tay bẻ gãy không? Bẻ gãy. Nếu dùng một tay bẻ gãy không? Họ nói không thể nào bẻ gãy được. Tôi nói, cũng vậy, ở đây pháp Phật chỉ rất rõ, chẳng hạn chị cô chửi cô, cô chửi lại thì có xung đột. Còn chị cô chửi hay nói nặng lời mà cô im lặng không trả lời thì không còn xung đột, như vậy rõ ràng là Phật cứu khổ. Sau đó, họ về thực hành, rồi công nhận đạo Phật thật là vi diệu.

Quý thầy ở đây là đệ tử của Hòa thượng Tôn sư, hoặc Hòa thượng Thường Chiếu hay là đệ tử của Thầy Trụ trì Trúc Lâm, nhưng thật ra đều là đệ tử Phật. Phật đã nhập Niết-bàn, giáo lý truyền đạt lại cho chư tăng là đại diện. Phật tử đến thưa hỏi, mình nói pháp cho họ nghe thì trong giờ phút thực tại đó họ tăng trưởng được phước đức thù thắng. Về nhà, trong cuộc sống giữa đời thường, họ thực hành có kết quả là họ được công đức.

Trong kinh diễn tả, Tôn giả A-nan nhờ chuyên huân tập những hạt giống về pháp, được Phật thọ ký: *“Tôn giả A-nan giáo hóa hai mươi ngàn vạn ức hằng hà sa Bồ-tát mà chỉ dùng đại pháp nhiếp hóa thuần nhất không có pha tạp.”* Nghĩa là sau này tôn giả A-nan thành Phật không dùng pháp nào khác, chỉ thuần nhất truyền tải pháp âm vi diệu của Phật.

“Quốc Độ tên là Thường Lập Thắng Phan thường dùng chánh pháp phá bỏ tà kiến, kiếp tên là Diệu Âm Biến Mãn. Pháp âm cảm xúc lòng người, thọ mạng không thể tính đếm. Chánh pháp ở đời còn lâu hơn thọ mạng, tức là phù hợp với pháp tánh thường trụ.”

Phật thọ ký tôn giả A-nan là đệ nhất đa văn, chỉ nghe ròng về pháp thôi. Cho nên sau này Tôn giả A-nan thành Phật rồi nói pháp thì cảm xúc lòng người, tác động đến người nghe rất mạnh. Nhờ vô lượng kiếp nghe pháp, thực hành về pháp nên người nào phiền não, sầu khổ chỉ cần nghe ngài nói một câu thì bớt sầu khổ. Tỳ-kheo hoặc các vị Sa-di mới xuất gia mà buồn bực không muốn tu hành nữa, một khi nghe pháp âm của Tôn giả A-nan thì tự nhiên phấn chấn trên đường tu. Mà vào thời Đức Phật, Tôn giả A-nan chỉ mới kiến đạo thôi, chưa chứng Thánh. Phật nói trong vô lượng kiếp, Tôn giả A-nan rất thích thú về pháp và rất thích thú đi nghe pháp.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ Phật dạy:

“Nếu người có thể dùng tâm lành nghe pháp, đây là phước đức đệ nhất.”

Đến Pháp đường, lắng tâm nghe với tâm thiện chứ không phải tâm ác, thì đây là phúc đức đệ nhất.

“Vì mục đích đi nghe pháp, dù chỉ bước một bước, phước báu có thể sanh lên cõi trời Phạm Thiên.”

Vào thời Đức Phật, những vị tu mà muốn đạt đến tầng trời Phạm Thiên thì tu Tứ Vô Lượng Tâm, là đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả.

“Người nghe pháp do thân, khẩu, ý đều tạo nghiệp lành nên sanh trong cõi trời, cõi người được hưởng phước báu hạnh phúc bậc nhất, mạng sống lâu dài, cuối cùng được Niết-bàn. Tất cả những công đức lớn này đều chỉ nhờ nghe pháp mới có được. Cho nên nghe pháp là an ổn bậc nhất.”

Nghe pháp là thân làm lành, không tạo nghiệp sát sanh, trộm cướp, dâm dục. Miệng không nói lời ác, ý luôn được thanh tịnh, cho nên trong giờ phút thực tại đó, chúng ta đều tạo nghiệp lành. Kinh Chánh Pháp Xứ Phật dạy rất rõ, nghe pháp rồi thực hành pháp là phước đức bậc nhất. Nhờ năng lực phước đức này, nhờ những hạt giống này, cuộc sống rất an ổn.

Theo tinh thần Duy Thức, trong vô lượng kiếp chúng ta tạo ác rất nhiều, mà những nghiệp ác này không mất. Theo lý, nó như bóng, như huyễn, nhưng về sự thì nó hình thành trong tàng thức rất nhiều. Bình thường mình không sân, mà đưng chuyện tự nhiên sân xuất hiện. Nghĩa là những hạt giống sân hay tham đã nằm trong tàng thức rồi, đưng chuyện thì nó nảy mầm, phát tác lên. Nhờ nghe pháp, những lời pháp tác động đến, từ từ những hạt giống ác không còn nảy mầm được nữa, và chết dần dần. Duy thức diễn tả giống như xe không đổ xăng, thì xe không chạy được. Hạt giống pháp đánh bật những hạt giống phiền não, xấu ác. Chúng ta có túc duyên sâu, nên mới chịu lắng tâm nghe pháp. Có những người không chịu nghe pháp, hoặc chỉ ngồi ngủ gục không nghe được gì.

Trong kinh Bản Duyên, quyển thứ Năm có kể câu chuyện:

Vào thời Đức Phật còn tại thế, một hôm có bốn thương gia giàu có đến thưa với Ngài A-nan rằng, muốn nghe, học hiểu và thực hành về pháp. Tôn giả A-nan bạch Phật, Phật gọi bốn vị thương gia vào thuyết pháp cho họ nghe. Sau khi Phật thuyết pháp xong, Tôn giả A-nan thưa với Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, bài pháp Thế Tôn nói hôm nay thật là mầu nhiệm, vi diệu. Nếu hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Sa-di, Sa-di Ni hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di được nghe bài pháp này, con chắc rằng trong pháp hội sẽ có người chứng quả. Vậy mà trong lúc Thế Tôn nói pháp, con nhìn thấy một người ngó lên trời không nghe pháp, một người thì ngồi gõ ngón tay, người thứ ba thì ngủ gục. Chỉ có một người chăm chú nghe bài pháp.

Phật nói:

– Trí của ông thì không thấy tốt được. Với Phật trí của ta, ta thấy người mà ngó lên trời, năm trăm kiếp quá khứ làm nhà chiêm tinh chuyên nhìn trời, nhìn sao. Hạt giống đó bây giờ vẫn còn, nên ta nói pháp mà người đó cứ nhìn lên trời. Người thứ hai, ta nói pháp mà gõ ngón tay, năm trăm kiếp trong thời quá khứ làm con chim gõ kiến. Người ngủ gục thì thời quá khứ đã làm rắn năm trăm kiếp. Còn người chăm chú nghe pháp thì năm trăm kiếp họ làm chú thuật, chuyên đọc những bài chú nên bây giờ có tâm thành kính về pháp, mới lắng thân nghe pháp được.

Phật nói pháp mà người nghe còn như thế, huống chi mình. Khi nào quý thầy có đủ túc duyên ra hướng dẫn Phật tử, mà thấy người ta ngủ lên ngủ xuống, hoặc khi quý thầy đang giảng, có người cười rồi đứng dậy bỏ đi không chịu nghe thì cũng đừng buồn.

Cho nên Thiền sư Vĩnh Minh nói:

“Chẳng cần của báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, chỉ nguyện ưa nghe một câu Phật pháp chưa từng được nghe.”

Bây giờ quý thầy nghe nhiều quá, thấy thường. Nhưng vào thời Đức Phật, Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ nghe hai câu kệ mà chứng quả, kiến đạo, pháp nhãn thanh tịnh liền được mở.

*“Các pháp từ duyên sanh,
Cũng từ duyên mà diệt.”*

Tôn giả Xá-lợi-phất theo đạo Bà-la-môn, chấp có một tự ngã. Nhưng với Phật trí, Phật thấy được các pháp do duyên sanh, cũng từ duyên mà diệt. Một câu Phật pháp ngài chưa từng nghe, nhưng nghe hai câu này, ngay tức khắc ngài chứng được quả vị Tu-đà-hoàn, tức là bước vào dòng Thánh.

Đối với thiền sư, mình đến hỏi Phật pháp các ngài không nói nhiều, chỉ giải thích ngắn gọn.

*Thiền sư Thiện Hội ở với thầy ba năm, mà thầy không dạy gì. Một hôm ngài đến thưa với thầy:
– Bạch Hòa thượng, con ở với Hòa thượng lâu mà Hòa thượng không chỉ dạy gì hết, suốt ngày bắt con nấu cơm, chẻ củi. Thôi bây giờ con xin đi hành cước, học Phật pháp chỗ khác.*

Vị thầy nói:

– Trước khi ông lên đường tôi cũng có một câu Phật pháp tặng ông. Ông lại gần đây tôi nói nhỏ.

Thiền sư Thiện Hội đến gần, vị thầy nói:

– Trời lạnh! Ông đi đường vui vẻ.

Ngay tức khắc Thiện Hội ngộ đạo.

Một câu Phật pháp chưa từng được nghe, “*Trời lạnh! Ông đi đường vui vẻ*” thì liền ngộ đạo. Thấy không có gì, nhưng ở đây ngầm ý rất sâu, tự quý thầy về chiêm nghiệm chỗ này, thiền mà giải thích mất hay. Mình đừng tưởng ngộ đạo dễ, trong ba năm đó ngài luôn chánh niệm, thu thúc sáu căn, thì trong giờ phút thực tại này, pháp mẫu nhiệm của vị Thầy có năng lực lớn nó tác động đến.

Quý thầy nghe Hòa thượng hoặc Thầy Trụ trì giảng pháp dễ thâm nhập hơn, còn người tuổi đạo nhỏ, không có năng lực thù thắng thì không tác động mạnh bằng những người có năng lực lớn. Các ngài có năng lực lớn, các ngài phổ vào mình, tự nhiên mình rung động.

Cho nên kinh Pháp Cú, Phật dạy:

*Ai sống một trăm năm
Không thấy pháp tối thượng,
Tốt hơn, sống một ngày*

Thấy được pháp tối thượng.

Ở Thiền viện, mình được học hỏi Phật pháp nhiều, nên thấy dư. Ngày xưa, nghe được một câu Phật pháp rất quý. Vì vậy, người xưa học Phật pháp là luôn luôn chăm chú về pháp, thực hành về pháp nên mới thành tựu đạo quả được. Do đó Bàn Long Uẩn nói:

*Người đời quý trân bảo,
Ta quý sát-na tịnh.
Báu nhiều loạn lòng người,
Tịnh nhiều thấy Phật tánh.*

Với cặp mắt thiền, ông Bàn Long Uẩn thấy người đời thích tiền, của, thích làm cho có tiền. Còn đối với ông, một khoảng sát-na thanh tịnh thì quý báu hơn. Của báu nhiều làm tâm thức con người bị loạn, ví như câu chuyện trong thiền thoại:

Có anh nông dân ra ruộng cuốc cỏ tình cờ đào lên được một tượng A-la-hán. Về nhà, anh buồn khổ mất ăn, mất ngủ. Bà vợ ngạc nhiên nói:

– Ngày xưa ông nghèo cho nên ông buồn khổ không ngủ được đã đành, bây giờ ông được tượng A-la-hán rất quý, bán được rất nhiều tiền mà sao ông lại buồn?

Anh nông dân nói:

– Không biết mười bảy tượng La-hán kia bây giờ nằm ở đâu?!

Hòa thượng, quý Thầy lớn không cho mình giữ tiền là có lý. Nếu trong túi có mười triệu, thế nào cũng suy nghĩ: Không biết mình mua gì, hay là cúng dường đại chúng cái gì. Suy nghĩ nhiều làm loạn tâm. Cho nên trong thiền viện, Hòa thượng không cho giữ tiền, ai đau bệnh hay cần gì, thì lên xin tiền Thầy Trụ trì.

Luận Khởi Tín nói:

“Phật pháp có nhân, có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như tánh lửa ở trong cây là chánh nhân của lửa, nếu không có người biết chắt nhờ phương tiện mà có thể tự thiêu đốt cây thì thật không có điều đó. Chúng sanh cũng thế, tuy có sức huân tập của chánh nhân nhưng nếu chẳng gặp chư Phật, Bồ-tát, thiện tri thức để làm duyên mà có thể tự mình đoạn dứt phiền não, vào nơi Niết-bàn thì thật không có điều đó.”

Thiền sử hay kinh Pháp Hoa nói, tất cả chúng sanh đều có tri kiến Phật, ai cũng có Phật tánh. Nhưng ở đây, nếu không nhờ sức huân tập của pháp, không nhờ chánh nhân của pháp, hay nói khác hơn, nếu không gặp Phật, Bồ-tát, thiện tri thức giáo hóa thì không bao giờ mình dứt được phiền não.

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói:

“Nghe một câu kinh ngấm vào lòng, trải qua nhiều kiếp vẫn không tiêu mất. Một điều lành nhập tâm, muôn đời cũng chẳng quên.”

Như Lục Tổ Huệ Năng, Ngài đã từng học về pháp, tu về pháp, hành về pháp, cho nên một hôm chỉ cần nghe đoạn kinh: *“Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm”* thì chứng đạo. Ở Tây Tạng có nhiều vị tái sanh, mới hai tuổi mà cầm quyển kinh đọc. Chứng tỏ quá khứ đã từng biết, từng đọc.

Cho nên nghe một câu Kinh ngấm vào lòng, trải qua nhiều kiếp vẫn không mất, vẫn còn nằm trong tiềm thức. Trong lúc nghe kinh, học pháp, đủ nhân đủ duyên tác động, tự nhiên ngộ đạo. Những hạt giống pháp nằm trong tàng thức rồi, muốn làm ác cũng không làm được.

Nhà tôi có năm anh em trai, một người anh hay làm việc bất thiện. Ngược lại, một người em cũng xuất gia như tôi. Tôi nhớ hồi còn nhỏ, người em này không bao giờ làm việc ác, mà biết bố thí, cúng dường, biết tạo những việc phước điền, tuy lúc đó chưa biết Phật pháp gì hết. Bây giờ mình mới hiểu rằng, người có chủng duyên về Phật pháp, từng biết, từng tu Phật pháp thì bây giờ tuy chưa biết Phật pháp, nhưng chủng duyên đó đã sống dậy trong tiềm thức của mình. Cho nên nghe Phật pháp rất lợi ích.

Kinh Pháp Cú Phật dạy rất rõ:

*Ai sống một trăm năm
Ác giới không thiện định,
Tốt hơn, sống một ngày
Trì giới tu thiện định.*

Phật nói, người cúng dường bảy báu đầy khắp tam thiên, đại thiên thế giới không bằng người giữ giới thanh tịnh chỉ một ngày. Huống chi quý thầy vào đây phát nguyện giữ giới thanh tịnh trọn đời, mà thực hành về pháp nữa thì phước đức rất thù thắng. Cho nên năng lực đại chúng rất sung mãn. Trong Kinh Phật dạy, những bậc căn cao đức lớn cũng không được khinh dễ đại chúng.

Có chú bé mỗi ngày gia đình cho năm ngàn ăn sáng, chú ăn ba ngàn thôi, còn hai ngàn chú bỏ ống heo. Khi con heo đầy tiền, chú đem cúng dường Hòa thượng ở Thường Chiếu. Hòa thượng nói, tôi không gánh nổi, đem xuống đại chúng chứng minh. Như vậy chúng ta thấy phước chúng như hải, chính là nhờ quý thầy chẳng những học về pháp, hành về pháp, mà còn giữ giới luật thanh tịnh. Phật nói kể cả năng lực của Phật cũng không cứu được mẹ ngài Mục-kiền-liên (bà Thanh-đề), mà phải thỉnh các vị A-la-hán. Đại chúng huân tập, năng lực huân tập này tác động đến làm bà thức tỉnh.

“Phàm gặp bằng treo trên nhà giảng đường phải sớm lên nhà giảng đường, chớ đợi trống pháp đánh reo mới đến.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Trên giảng đường nói pháp chính là việc pháp môn tối tôn tối thắng. Nghe pháp, người cũng sanh cái duyên cực đại.”

Ở thiền viện gõ ba tiếng kiểng, còn ngày xưa trong Thanh qui Bách Trượng có ghi, chư Tổ các ngài đánh trống pháp rất lớn để vận tập đại chúng lên pháp đường. Trên giảng đường nói pháp chính là việc pháp môn tối tôn tối thắng, chứ không phải chuyện đơn giản. Người nghe pháp cũng sanh cái duyên cực đại, có duyên lắm mới được nghe pháp. Có một lúc nào đó, hai lỗ tai mình không nghe được, hai con mắt không còn nhìn thấy, khi đó hết học pháp luôn!

Kinh Nhật Ma Ni Bảo có nói:

“Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: Ta quán sát chúng sanh, tuy họ trải qua mấy ngàn muôn ức kiếp vẫn ở trong ái dục, bị tội ác che đậy. Nếu nghe kinh Phật vừa xoay đầu lại phát khởi niệm lành, thì tất cả tội ác đều tiêu diệt.”

Luận Đại Trí Độ nói:

“Khi Như Lai thành đạo, có mười cách mỉm cười mà quán sát thế gian. Có nhân nhỏ quả lớn, duyên nhỏ báo lớn như câu Phật dạy, tán thán một bài kệ, xưng một câu Nam-mô Phật, dâng một nén hương ắt đều thành Phật.”

Phật đến pháp hội, thường không cười, nhưng khi Phật mỉm cười là do có nhân duyên gì đó.

Một hôm, thấy Phật mỉm cười, A-nan đến hỏi:

– Bạch Đức Thế Tôn, nguyên nhân nào mà hôm nay Thế Tôn cười?

Phật nói:

– Hôm nay trong pháp hội này có một người nghe Thế Tôn giảng pháp tán thán bài kệ, Như Lai biết chắc chắn người này sẽ thành Phật.

“Huống gì nghe biết thật tướng của các pháp không sanh không diệt, chẳng phải không sanh, chẳng phải không diệt, mà nhân duyên hạnh nghiệp cũng không thiếu, vì thế nên Đức Phật mỉm cười.”

Chỉ cần tán thán một bài kệ, xưng một câu Nam-mô Phật, hoặc dâng một nén hương lên Đức Phật, Phật cũng thọ ký cho thành Phật. Huống nữa có những người nghe, biết thật tướng của các pháp, mà thật tướng của các pháp là từ nơi tự tâm. Như tôi đã nói, quý thầy nghe pháp thì được phước đức, rồi thực hành pháp thì được công đức, huống nữa quý thầy biết thật tướng của các pháp không sanh không diệt thì thành Phật rất mau.

Tổ Tuyên Luật Sư nói:

“Bảng treo ấy là thanh qui lệnh bảo đại chúng, người học phải biết, phải sanh tâm vui mừng, quán tưởng nhân duyên khó gặp.”

Chẳng hạn, sáng nay đi hành đường, trì nhật, nhìn lên bảng thấy ghi chiều nay học kinh Viên Giác do Thầy Trụ trì giảng, quý thầy cảm thấy chiều nay giống như mình được ăn một bữa rất ngon. Nói khác hơn như đang đói gặp thức ăn, đang khát được uống nước, thì ngay trong giờ phút đó, lỡ quý thầy chết sanh về cõi trời liền. Chứ còn nhiều khi đi qua nhìn thấy bình thường, chiều lên ngồi cũng vậy thôi, thì không sanh tâm gì hết.

Vào năm 1998, nửa tháng Hòa thượng dạy một lần. Tối ngày Hòa thượng giảng pháp chúng tôi rất háo hức, chẳng hạn sáng mai Hòa thượng giảng, thì tối hôm trước có nhiều thầy vui ngủ không được luôn. Hoặc khi Thầy Trụ trì, hồi xưa là Thầy Quản chúng, giảng pháp chúng tôi rất vui mừng. Ở đây nói, người học phải nên sanh tâm vui mừng, quán tưởng nhân duyên này rất thù thắng, rất khó gặp.

Trong kinh Tuyên Táp Thí Dụ kể câu chuyện:

Vua A Dục nhờ cúng dường Phật cát nhuyển nên được phước đức thù thắng làm Chuyển Luân Thánh Vương. Ông cho xây một cung điện lớn rất đẹp, sai các quan cận thần đi khắp Ấn Độ tuyển họa sĩ vẽ về cảnh thật để trang trí cung điện. Có một vị họa sĩ từ Nam Ấn Độ đến, trên đường đi, ngang qua một hồ sen, ông thấy một cô thiếu nữ rất đẹp đang hái sen, nên ông vẽ hình cô gái hái sen này trang trí cung điện. Nhìn cô thiếu nữ đẹp như tiên giáng trần, vua A Dục sửng sốt, hỏi họa sĩ người và cảnh này có thật hay tưởng tượng. Biết là người thật, vua sai quân thân đi tìm về để đưa lên làm chánh cung hoàng hậu.

Gặp cha cô gái, biết là cô đã có chồng, quân lính tìm đến nhà người chồng. Chồng cô là một vị Ưu-bà-tắc, biết Phật pháp, đã quy y Tam bảo, ông quán tưởng thế gian vô thường, thân mình còn không thật huống chi vợ mình, nên ông nhường vợ mình cho vua A Dục.

Trong cung vua, một hôm, người vợ đang cầm một lọ hoa rất thơm thì lọ hoa rớt bể, mùi hương bay lên sục nức. Cô ôm mặt khóc, vua hỏi tại sao, cô nói mùi thơm làm cô nhớ đến chồng, chồng cô ngày xưa thân thể lúc nào cũng tỏa mùi hương trầm rất thơm. Vua nghe vậy rất bực tức, nói, nếu sự thật chồng cũ cô không có mùi thơm như vậy thì hai người sẽ bị giết. Vua sai người tìm người chồng đem về cung điện.

Sau khi nhường vợ cho vua A Dục, vị cư sĩ này chán ngán cuộc đời phát tâm xuất gia. Trái qua nghịch cảnh cuộc đời nên ông cố gắng tu tập, sau ba tháng chứng quả vị A-la-hán. Chứng quả rồi thì mùi thơm còn nhiều hơn ngày xưa. Bị bắt về đến cung điện, vua bắt ông phải tắm nước nóng để tẩy cho hết mùi thơm, nhưng càng tắm mùi thơm càng xông khắp cung điện. Vua thắc mắc về hiện tượng này, vị A-la-hán nói bây giờ ông có thể nhìn xa tám mươi bốn vạn kiếp về trước. Trong một kiếp nọ, khi đi ngang qua một cái thành, ông nghe một thầy Tỳ-kheo giảng pháp với tâm kính tín sung mãn nên ông muốn cúng dường. Ông ra chợ mua một miếng trầm đốt lên cúng dường vị pháp sư. Do nhân duyên đó mà trái qua chín mươi một kiếp, kiếp nào cũng được mùi hương thanh tịnh.

“Sửa sang y phục, nhìn ngay, thẳng tới. Ngồi phải đoan nghiêm chẳng được nói bậy.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Khẩu nghiệp không có sai lầm, hướng nữa trong Pháp đường chính là trời, người tu tập, phạm thánh qua lại tham kiến thời chẳng phải là chỗ nói bậy.”

Quý thầy đừng nghĩ ngồi nghe pháp trong giảng đường chỉ có ba, bốn chục người, mà còn có Long thần, Hộ pháp.

Trong Cao Tăng Di Truyền kể:

Có vị Tăng một hôm đi trên núi lạc vào một ngôi chùa, thấy trong chánh điện chư Tăng ngồi hội họp rất đông. Một lát lại thấy một vị đến sau cùng, các vị đến trước trách là hẹn sáng nay chín giờ họp mà sao bây giờ mới đến. Vị Tăng đến sau nói, ngài đi ngang một ngôi chùa, nghe vắng bên tai một bài pháp nên đến Pháp đường đó để nghe, thì thấy một Tỳ-kheo rất trẻ nhưng biện (tức là gián trá) về chỗ tánh không Bát-nhã nên lắng tai nghe vị phạm nhân này giảng pháp, vì thế quên đường về.

Lúc này vị Tăng đi lạc mới biết đây là chư vị Bồ-tát. Ông nghỉ ở chùa một lát rồi xuống núi. Ba ngày sau lên núi tìm lại ngôi chùa đó thì không thấy. Hỏi thăm thì dân làng nói người nào có duyên lắm thì ngôi chùa mới xuất hiện, chùa đó toàn là những bậc Thánh lui tới.

Quý thầy thấy không? Đã là Bồ-tát mà nghe có người nói về tướng không của Bát-nhã liền dừng lại để lắng thần nghe.

Ngoài ra còn những cõi vô hình, chẳng hạn loài ngạ quỷ, súc sanh chết nhưng có duyên về pháp cũng đến nghe. Cho nên, *pháp đường chính là trời, người tu tập, phạm thánh qua lại tham kiến, chẳng phải là chỗ nói bậy*. Lên pháp đường mà nói bậy là tổn phước. Thiền viện mình không có, nhưng quý thầy khác kể lại, có những chỗ khác đến dạy rất nản, vì chúng tăng ngồi ở dưới nói chuyện gì đâu đâu không, nói xe, nói cộ, nói hồi hôm đi đâu...

“*Chẳng được ho khan lớn tiếng. Thứ nhất là động chúng, thứ hai là nhớ đất, thứ ba là mắc tội không phải nhớ.*”

“*Phàm nghe pháp, phải nghe mà nhớ, nhớ mà tu.*”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nếu nghe mà không nhớ như cây ruộng không xuống hạt giống. Nhớ mà không tu như có giống nhưng không tưới nước và làm cỏ.”

Trong kinh Tương Ưng Bộ, Phật nói, có ba thứ trí huệ:

1- Trí huệ lộn ngược:

Phật nói có những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Sa-di, Sa-di Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến nghe Phật nói pháp, vừa ra khỏi pháp đường là quên hết, không biết hồi nãy Thế Tôn nói gì.

2- Trí huệ bấp vế:

Phật nói, có những người đến nghe Phật nói pháp, về nửa đoạn đường thì quên. Phật ví như người ăn bánh để trên bấp vế, đứng dậy là rớt hết.

Có vị Sa-di đọc bài kệ như thế này:

*Ai sống một trăm năm
Mà không thấy con cò,
Tốt hơn, sống một ngày
Mà được thấy con cò!*

Tôn giả A-nan đi ngang qua nghe được, ngài nói vị Sa-di đọc sai rồi. Vị Sa-di cãi lại nói, thầy tôi dạy như vậy. Về bạch lại với thầy, hồi nãy con đọc bài kệ thầy dạy, Tôn giả A-nan đi ngang qua nói con đọc sai. Thầy của vị Sa-di nói, ngày xưa tôi nghe rất là rõ, Phật dạy rõ ràng!

Nhớ lời pháp không phải để biện luận, lý thuyết, nhưng cần phải nhớ. Bữa nào mà quý thầy nghe như thế, Phật tử đến hỏi mình giải thích như thế, là trí huệ lộn ngược, trí huệ bấp vế. Còn ở đây Phật dạy mình sao?

3- Trí huệ của hàng Sa-môn, hàng Tỳ-kheo:

Là trí huệ rộng lớn, nghe đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối về suy nghiệm, tu tập thì có công đức lớn.

Kinh Tạp Bảo Tạng, quyển 3 có ghi:

Có một vị trời đến đánh lễ Đức Phật, Phật hỏi:

– Người thọ thân trời được vui vẻ, an lạc chăng?

Vị trời bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, tuy con sanh ở trời nhưng trong tâm thường sầu não.

– Vì sao vậy?

– Con nhớ vào thời quá khứ, tuy con đối với cha mẹ, sư trưởng, sa-môn, bà-la-môn có tâm trung hiếu, cung kính lễ bái, cũng có cúng dường tọa cụ, thức ăn uống đầy đủ nhưng mà con không chịu đi nghe pháp. Bây giờ lên cõi trời nhưng phước không bằng các vị trời khác.

Không phải vị trời nào cũng giống nhau. Những vị trời có cúng dường, chịu nghe pháp thì phước đức thù thắng hơn những vị trời khác.

Vị trời thứ hai có nhan sắc thù diệu hơn, Phật hỏi:

– Người thọ thân trời được vui vẻ, an lạc chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, tuy con sanh ở trời nhưng trong tâm thường sầu não. Con nhớ trong thời quá khứ, tuy con cúng dường cha mẹ, sư trưởng, sa-môn, bà-la-môn cung kính lễ bái, nhưng nghe pháp mà không hiểu nghĩa Phật pháp, cho nên lên đây nhưng con rất buồn khổ, bởi vì cái phước không được thù thắng như các vị trời khác.

Phật hỏi vị trời thứ ba:

– Người thọ thân trời được vui thích, an lạc chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, ngày hôm nay con sanh lên cõi trời được cái vui thù tột, được cái vui sung mãn, tự vui sướng với ngũ dục, cần vật gì nghĩ đến liền có, hết sức khoái lạc, không có các khổ não.

– Vì sao vậy?

– Vì đời trước lúc tu nhân, con cúng dường đầy đủ, nghe pháp hiểu nghĩa, y lời dạy mà tu hành, cho nên bây giờ rất là đầy đủ, sung mãn.

Tuy chưa giải thoát, mà sanh về cõi nào cũng được nhân duyên thù thắng.

“Chẳng được chuyên nhớ lời hay để giúp câu văn lý luận.”

Có nghĩa là học kinh cho nhiều, rồi chuyên nhớ lời hay, để lý luận, hoặc là đem ra biện bác.

Vào thời Đức Phật, có hai thầy Tỳ-kheo, thầy Tỳ-kheo lớn tuổi đã đắc quả vị A-la-hán, cho nên không cần học nhiều. Thầy Tỳ-kheo trẻ học rất nhiều nhưng chưa đắc quả vị. Một hôm có một cư sĩ đến hỏi vị Tỳ-kheo già:

– Thế nào là muối?

Thầy trả lời:

– Muối.

Ông cư sĩ không hài lòng, đem câu hỏi đó đến hỏi thầy Tỳ-kheo trẻ. Vị thầy này giải thích, lý luận rất nhiều. Ông cư sĩ khen hay, đến thưa với Phật thầy trẻ chắc chứng đạo, còn thầy Tỳ-kheo già chưa chứng đạo. Phật nói:

– Tuy nhiên vị Tỳ-kheo già đắc quả vị A-la-hán rồi.

Hể mà nói muối là muối thôi, chứ còn dài dòng chi nữa. Tinh thần thiền nằm trong này rõ ràng, nhưng thầy Tỳ-kheo trẻ chưa đắc quả thì nói trên trời dưới biển đủ thứ. Trong đại chúng có những vị nói pháp rất hay, biện bác rất giỏi, chia sẻ đủ hết, nhưng nghe xong mình không biết tu pháp gì, thực hành pháp gì. Còn như Hòa thượng hay quý

Thầy lớn trong Tông môn nói ra là người ta biết tu ra sao, phải tránh con đường nào, phải đi con đường nào.

Cho nên Phật dạy:

*Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp.
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp.*

Kinh Pháp Luật Tam Muội nói, người học Phật có bốn việc phải đọa lạc:

1- Học không biết quyền hay chước khéo, khinh dễ thầy bạn, không có nhứt tâm, ý hay dòi dỏ.

Tức là bị sa đọa. Nghĩa là y mình học giỏi rồi khinh dễ thầy bạn, không có nhứt tâm.

2- Học chỗ hầu thầy không chịu khổ, vừa được kha khá, bươn bả cống cao.

Học với thầy, thấy mình hiểu, tưởng giỏi hơn thầy nên bươn bả, cống cao ngã mạn, không chịu khổ, chịu khổ.

3- Học văn chải chuốt, không có thực hành, chỉ ham danh dự, trông người kính trọng.

Ham nói để người ta kính trọng, thì cũng bị đọa lạc.

4- Ưa học sách ngoại đạo, lại đem nghề lạ sánh với kinh cao của Phật, nói ngoại đạo đồng bậc. Những ác kiến như đây lắm hơn thuốc độc, có hại cho pháp thân huệ mạng.

“Chẳng được chưa tỏ ngộ nói mình tỏ ngộ, vào tai ra miệng. Ông Sa-di tuổi nhỏ giữ giới chưa chắc lại phải học luật, chớ nên sớm tối trường giảng kinh luận.”

Tổ dạy rất rõ, chưa ngộ đạo mà vỗ ngực xưng là: Tôi ngộ đạo rồi thì không đúng.

8. Tập Học Kinh Điển

Sa Di Học Xứ ghi:

“Thời gìn giữ chẳng mất gọi là tập. Thọ pháp chuyên tinh gọi là học.”

Nghe, hiểu, nhớ gọi là tập. Thọ pháp chuyên tinh gọi là học.

Trong Truy Môn Cảnh Huấn ghi bài văn của Từ Học Lão khuyên tiểu sư học:

“Ngọc chẳng mài giữa chẳng thành khí cụ, người chẳng học chẳng biết đạo lý.”

Những vị Phật tử nghiên cứu và thực hành pháp của Hòa thượng, họ rất quý kính quý thầy tu theo pháp môn của Hòa thượng, nhất là quý thầy đã được học giới luật, oai nghi phép tắc. Con mắt cư sĩ bây giờ tinh lắm, nhìn là biết mình có học Phật pháp, có nghiên cứu và thực hành về pháp hay không. Người mô phạm về giới luật, oai nghi

phép tắc, họ rất kính tín, quý thầy ngồi yên tu mười năm, hai chục năm họ cũng sẵn sàng hộ trì để quý thầy tu. Cho nên phải học, phải tu.

“Người xuất gia may được thân lìa lưới trần, ở chốn cửa cao nhà rộng chớ có nên vì ầm no mà tự coi là đã thỏa chí mình.”

Người xuất gia được túc duyên thân lìa lưới trần, có nghĩa là xa cha mẹ, anh chị em, xa hết tất cả. Rồi vào thiền viện nhờ công đức Hòa thượng, nên bây giờ mình ở chốn cửa cao nhà rộng. Lại được ầm no thì chớ nên vì ầm no mà đã tự coi là đã thỏa chí mình.

“Lúc còn trẻ trung khỏe mạnh nếu chẳng siêng học hỏi, chẳng suy nghĩa lý, chẳng hấp thụ đúng thì trước Thánh làm sao mà có thể tiên bạch được.”

Tức là bắt buộc mình phải học. Nghiên cứu kỹ những bộ Kinh lớn, quý thầy thấy kinh Hoa Nghiêm chỉ về Pháp giới Hoa tạng, Kinh Pháp Hoa chỉ về Tri kiến Phật, Kinh Niết-bàn chỉ về Phật tánh. Những bộ kinh Phật đều chỉ về chỗ đó hết, thành ra mình nghĩ xem đi xem lại cũng bấy nhiêu thôi, thì coi chi nữa, đúng không?

Trong thiền Sư Trung Hoa Tập Một có ghi:

Thiền sư Mã Tổ một hôm hỏi Thiền sư Trí Tạng:

– Sao con chẳng xem Kinh?

Sư thưa:

– Kinh đâu có khác.

– Tuy nhiên như thế song con về sau vì người mà cần phải xem.

Chẳng hạn như đậu hủ, chiên cũng vậy, xào cũng vậy, bây giờ trộn lên mỗi người một chén, ăn vô trong bụng cũng vậy thôi, quý thầy chịu được không? Sao mà ăn được. Mai kia quý thầy đủ duyên đứng trước Phật tử nói pháp, người ta nói bạch Thầy, con khổ đau quá! Quý thầy bảo: Buông vọng tưởng! Không biết buông cái gì, ai mà buông cho được. Quý thầy phải dùng phương tiện trong kinh điển mà giáo hóa người.

Một vị giáo sư ở miền Bắc, nghiên cứu Phật pháp rất nhiều nói với tôi rằng, ông xem lịch sử thấy cùng thời Đức Phật Thích-ca nhưng trước ngài đã có hai vị Phật. Ông nói hai vị Phật này chỉ dạy pháp tu cho Phật. Tôi giải thích rõ, đúng là hai vị này chỉ dạy pháp tu cho Phật, nhưng đó là hai vị tiên, vị tiên thứ nhất là Ca-ma-la, vị tiên thứ hai là Uất-đầu-lam-phất. Học với hai vị này Phật không thỏa mãn, nên Ngài đến ngồi dưới gốc cây Bồ-đề bốn mươi chín ngày đêm thành tựu quả vị Phật.

Nếu mình chỉ lo tu, mà không xem lịch sử thì vị này nói hai vị Phật mình cũng gặt đầu. Rồi câu chuyện đồn ra người ta nói mình không học, không tu gì hết. Cho nên ở đây nói: *Tuy nhiên như thế song con về sau vì người mà cần phải xem.*

Mình học không phải để biện luận. Nhưng có những lúc, như lúc tôi còn ở Canada, một hôm trong buổi giảng có một Phật tử viết giấy hỏi: “Bạch Thầy, thiền sử có ghi Lục Hoàn Công bỏ con mèo trong cái bình, đúng không?” May là tôi có xem đoạn này. Tôi nói con ngỗng, không phải con mèo. Lục Hoàn Công bỏ con ngỗng trong cái bình đến hỏi Thiền sư Nam Tuyền: *“Con nuôi con ngỗng trong bình, bây giờ nó lớn rồi làm sao đem nó*

ra mà cái bình không bể?” Con ngỗng mà họ nói con mèo, quý thầy nghe vậy kêu meo meo cho nó ra là thua rồi! Cho nên phải học.

Thiền sư Trí Tạng nói:

– Con bệnh, cần phải trị dưỡng, đâu dám vì người.

Mã Tổ nói:

– Con lúc lớn tuổi sẽ làm hưng thịnh Phật pháp ở đời hơn ta.

Quả tình Thiền sư Trí Tạng sau này làm Quốc sư. Quốc sư là người không những thông về Kinh, Luật, Luận mà phải có công phu tu chứng. Cho nên Tổ thấy trước, Tổ dạy ngài phải ráng học, ráng tu, mai này sẽ làm Phật pháp hưng thịnh.

Mai kia đâu biết, có những vị thầy nhiều khi còn hơn những vị lớn đi trước. Tới chừng người ta thỉnh đi làm trụ trì mới học thì học không vô. Có những vị thầy đến tâm sự với tôi, hỏi tôi mượn tài liệu, tôi nói thôi trễ rồi, hỏi đó ở chung với tôi, tôi nói ráng học, ráng tu mà không chịu. Bây giờ Phật tử thỉnh lên để cúng dường, xin thầy tác bạch, thầy nói thôi Phật tử lạy ba lạy đứng lên. Làm mất niềm tin hết! Mà có nhiều thầy như vậy. Rồi giảng mà không soạn bài, chẳng hạn bài pháp phải nói một tiếng rưỡi, mới nửa tiếng đã nói hết, không biết nói chuyện gì nữa.

Các Thiền sư nói mưa lâu ngày mới thấm đất, quý thầy đọc thấy như không nhớ gì, nhưng mà thấm dần, thấm dần. Rồi mình tu nữa, đủ nhân đủ duyên quý thầy ra hướng dẫn thì Phật tử có niềm tin. Quý thầy đâu có ở đây suốt đời, có lúc quý thầy phải ra đi. Ra đi mà không biết Phật pháp, nhiều khi mình chỉ sai cho người ta, rất là tai hại.

Thiền Lâm Bảo Huấn ghi, Thiền sư Minh Giáo nói:

“Cái học của thánh hiền cố nhiên chẳng phải một ngày mà đủ. Ngày chẳng đủ thì kế học đêm, rồi chứa góp hằng ngày, hằng tháng, hằng năm thì tự nhiên sẽ thành tựu.”

Phải chứa góp hằng ngày, hằng tháng, hằng năm, chứ không phải hô biến cái gì cũng biết.

“Nên nói: Học để tu tập, hỏi để biện minh. Câu nói này có nghĩa là học mà không biện vấn thì không do đâu mà phát minh. Đời nay ít có những người học thường nêu ra câu hỏi để vấn biện với người như vậy, không biết đem cái gì để giúp ích cho tính biện trở thành cái lợi ích để đổi mới ngày càng sâu vậy.”

Học là để tu tập, mà hỏi tức là để biện minh. Quý thầy tu, học thắc mắc gì phải hỏi Thầy Trụ trì liền. Nhiều khi không hiểu nhưng cho qua luôn, mà cho qua thì trí của mình không sáng. Quý thầy có điều gì chiêm nghiệm hoặc thắc mắc đem ra hỏi, mai kia quý thầy ra làm việc không có hối hận.

Khi Hòa thượng qua Mỹ giảng pháp, có vị thầy ngày xưa ở Thường Chiếu đến hỏi Hòa thượng: “Bạch Hòa thượng, có một số Phật tử đến hỏi con Thiền Lâm Tế và Thiền Tào Động khác nhau như thế nào? Nhờ Hòa thượng chỉ lại.” Hòa thượng nói: “Giờ này mà chỉ gì nữa!”

Bữa nọ có một thầy ở nước ngoài, Phật tử thắc mắc đến hỏi nhiều câu mà trả lời không được, điện về xin Thầy Trụ trì giải đáp những câu hỏi này. Quý thầy thấy hối hận không?

Thiền thoại có ghi:

Một vị Tăng đến hỏi Thiền sư Vân Cư:

– *Đệ tử mỗi khi làm việc gì xong đều rất hối hận, xin hỏi Thầy vì sao con hối hận nhiều như vậy?*

Thiền sư Vân Cư nói:

– *Trước hết ông hãy nghe ta nói mười điều hối hận của ông như sau:*

- 1- *Gặp Thầy không học.*
- 2- *Gặp người hiền không kết giao.*
- 3- *Thờ cha mẹ không hiếu.*
- 4- *Đối với chủ không trung thành.*
- 5- *Thấy việc nghĩa không làm.*
- 6- *Thấy nguy hiểm không cứu.*
- 7- *Cố của cải không bố thí.*
- 8- *Ái quốc không trinh sạch.*
- 9- *Nhân quả không tin.*
- 10- *Phật đạo không tu.*

Vị Tăng nghe xong thưa:

– *Mười điều Thầy nêu ra đúng là bệnh của con.*

Thiền sư nói:

– *Trong mười điều hối hận trên, ông đổi chữ “không” thành chữ “phải”:*

- 1- *Gặp Thầy phải học.*

Quý thầy đến đây được gặp Hòa thượng, gặp Thầy Trụ trì, phải siêng tu, siêng học. Hòa thượng nuôi dưỡng quý thầy chừng mười, mười lăm năm, có đủ duyên thì đưa quý thầy đến trụ xứ một chỗ khác. Hiện nay rất nhiều nơi họ cúng dường đất, thiền viện xây dựng khắp nơi mà không đủ người. Hòa thượng, Thầy Trụ trì ráng đào tạo quý thầy có năng lực, có chỗ sống rồi thì đưa quý thầy ra làm việc chứ đâu phải ở đây hoài. Cho nên ở đây nói gặp Thầy thì phải học.

- 2- *Gặp người hiền phải kết giao.*

Mình gặp người hiền, người mà có pháp thì phải kết giao làm bạn. Mai kia khi ra trụ xứ một nơi nào đó phải cần những người này hỗ trợ cho mình.

- 3- *Thờ cha mẹ thì phải hiếu.*

- 4- *Đối với chủ phải trung thành.*

Nghĩa là đối với Hòa thượng, đối với Thầy Tổ mình phải trung thành. Trung thành với pháp của Thầy mình dạy. Mình học pháp Hòa thượng, ở với Hòa thượng, ăn cơm Hòa thượng thì phải trung thành với pháp này. Chứ không phải mình học, mình nghe rồi mình tu pháp khác thì không đúng, người như vậy là không trung thành. Mình thấy đơn giản nhưng đều nằm trong nhân quả hết.

- 5- *Thấy việc nghĩa phải làm.*

Việc nghĩa đây là việc gì? Thấy người nào làm việc trung nghĩa hay nói khác hơn thấy người nào lo lắng cho đại chúng, mình phải bắt chước làm theo, chứ không được phỉ báng: “Ông đó làm vậy chứ ông mà tu hành gì.”

6- Thấy nguy hiểm phải cứu.

7- Có của cải phải bố thí.

8- Ái quốc phải trình sạch.

9- Nhân quả phải tin.

Người tu mà không tin nhân quả đa số làm bậy hết. Không tin nhân quả, mình nói tôi trộm một trái cam, trái chuối, trái ổi gì đó thử xem có nhân quả không thì người này không phải là người tu.

10- Phật đạo phải tu.

Mười điều trên đây mình học rồi mình áp dụng thì không còn hối hận nữa.

“Trước phải học Luật, sau học các bộ Kinh, chớ nên vượt bậc.”

Trong Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận có kể:

Vào thời Đức Phật, có một đoàn lái buôn, trong đó có một số thầy Tỳ-kheo quá giang, đi qua một khúc biển lớn, đến giữa biển thì sóng đánh thuyền vỡ tan rồi chìm xuống. Trên thuyền có một sa-di và một vị thượng tọa lớn. Sa-di nắm được miếng ván thuyền. Vị Thượng tọa kể bên, quá đuối sức vì không có gì để bám, quay sang hỏi sa-di:

– Ông học luật chưa?

– Dạ con đã học bốn bộ luật rất kỹ.

– Ông học luật trong phần 24 oai nghi ông nhớ gì không?

– Dạ con nhớ, vật gì ngon hay phần sung sướng thì phải nhường cho thượng tọa, sa-di thì nhận món dở hơn hoặc những việc cực khổ hơn.

– Vậy ông phải nhường miếng ván cho tôi mới đúng.

Vị Sa-di suy nghĩ: “Mình mới vào đạo, mới học bốn bộ Luật, chưa biết đạo gì hết, lỡ chết chắc chắn bị đọa. Còn vị Thượng tọa này dù sao cũng tu lâu năm hơn mình.”

Rồi thầy suy nghĩ lại: “Giáo pháp của Phật thì quá cao siêu vi diệu, lời Phật dạy chắc chắn đúng, cái gì cũng phải nhường cho thượng tọa. Thôi thà mình chịu chết cái thân mạng này còn hơn là trái lời Phật dạy.”

Sau khi nhường tấm ván, tự nhiên cung điện Long vương rung động. Thần biển quán sát biết được vị Sa-di sẵn sàng bỏ thân mạng để nhường tấm ván cho vị Thượng tọa nên dùng năng lực đưa vị Sa-di vô bờ. Sau đó thần biển sụp xuống lấy vị Sa-di:

– Từ xưa đến nay con chưa từng thấy một vị thánh giả nào thà bỏ thân mạng mà giữ giới luật, thà chết chứ không trái lời Phật dạy. Con xin quỳ xuống đánh lễ thầy, và xin thầy cho con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Cũng may là vị thượng tọa hỏi vị sa-di có học luật chưa. Nếu chưa học luật thì đâu biết mà nhường, ông chết mặc ông, tôi chỉ biết thế nào là thiện, thực tại là thiện thôi!

Quý thầy thấy năng lực giữ giới không phải là chuyện đơn giản. Chẳng hạn trong gia đình có người mất, mình cung thỉnh những vị giữ giới thanh tịnh, có năng lực tu

hành về khai thị hay chú nguyện thì năng lực thanh tịnh này tác động đến làm cho tâm thức người mất chuyển đổi.

Cho nên trên đường tu dù gặp nghịch cảnh, thà chết chứ không bao giờ phạm giới của Phật thì mới đúng. Ví dụ như có người nữ nào nói, thầy mà không ra đời với em thì em tự tử chết. Quý thầy nói thôi tôi hành Bồ-tát đạo, thầy thương quá, là chết quý thầy liền. Thà mình chịu chết cái thân mạng này một kiếp còn hơn chết vì chuyện đó.

Quý thầy đâu phải là đại Bồ-tát, mà thương chúng sanh kiểu như vậy. Mình chưa phải Bồ-tát, trước tiên phải học về giới, thực hành về giới. Mà thực hành về giới thì quý thầy là thánh giả về giới luật.

Tuy mình xuất gia nhưng nhiều khi ít chú trọng về luật. Cư sĩ cũng vậy, nhiều người hiểu thiền rất sâu nhưng nói về giới họ lại lơ là. Bữa trước ở nhà khách tôi có tiếp một sư cô, tu đã mười bảy năm. Cô nói tình cờ nghe bộ Tỳ Ni chúng tôi dạy ở đây, cô giật mình vì lâu nay cô chỉ chú trọng về Kinh, Luận của các vị Tổ mà không nghiên cứu về Luật. Sau khi nghe bộ Tỳ Ni, cô nói mười mấy năm trời tu coi như bỏ không, vì phạm vào những điều giới rất là nhiều. Sau khi nghiên ngẫm kỹ bộ Tỳ Ni, cô phát tâm chỉ ăn ngày hai bữa, sáng và trưa, như vậy cô cảm thấy ngày hôm nay mới gọi là thật tu.

Ở đây nói *trước phải học luật, sau học các bộ kinh, chớ nên vượt bậc*. Đố quý thầy Tổ nói hay Phật nói? Mình tưởng Tổ nói chứ thật ra bậc đẳng giác cũng không có quyền nói về luật, chỉ có Phật nói.

Người đời họ luôn sống trong ảo giác. Các thiền sư nói nếu chúng ta không chịu chuyển hóa tâm thức của mình, chưa một lần phát minh được tâm địa thì chúng ta luôn sống trong ảo giác.

Tổ Tuyên Luật Sư dạy, giới luật là pháp điều phục thân và tâm. Các ngài nói mình xuất gia mà không nghiên cứu kỹ về giới luật thì giống như một con trâu hoang đi vào cuộc đời này mà không có dây ngoàm móc vào để kéo lại.

Trong kinh Cựu Tập Thí Dụ quyền Thượng có nói về công đức của người giữ giới.

Vào thời Đức Phật, có bốn dòng tộc rất giàu có thường thỉnh Phật và các thầy Tỳ-kheo đến thọ trai cúng dường. Lúc bấy giờ, có anh nông dân chuyên bán sữa bò đi ngang qua khu nhà của bốn dòng tộc đó, những người này mời anh vào nhà cùng tu tập một ngày, tức là thọ Bát Quan Trai giới được Phật và chư Tỳ-kheo chứng minh. Thời Đức Phật, những người thọ Bát Quan Trai giới chỉ được ăn một bữa Ngọ duy nhất. Chiều anh nông dân có duyên sự về nhà, người vợ buộc anh phải ăn buổi chiều, nói mãi anh buộc lòng chiều ý vợ, phá mất ý muốn giữ trai giới trong một ngày. Tuy vậy anh cũng được bảy lần sanh cõi trời, bảy lần trở lại nhân gian mà được phước rất thù thắng.

Phật dạy:

“Một ngày giữ gìn trai giới, tức là không ăn phi thời sẽ được sáu mươi vạn năm thường no đủ, được năm thứ phước đức thù thắng.”

Nếu mình có túc duyên được vào thất hai mươi một ngày, sáng uống ly bột, trưa ăn một buổi nữa là đủ, chiều không ăn thì hai mươi một ngày đó phước đức rất thù thắng. Mình để ý người nào vào thất mà giữ gìn ngọc trai giới, khi ra thất nhìn khuôn mặt khác hơn người ăn ba buổi. Ăn ba buổi thì con mắt nó sưng, khuôn mặt nặng nề không sáng bằng người chỉ ăn một bữa. Một ngày giữ gìn trai giới sẽ được sáu mươi vạn năm thường no đủ, được năm thứ phước đức thù thắng:

1- Ít bệnh tật:

Có những người bệnh rất nhiều, nhưng từ khi chịu khó chiêm nghiệm về giới luật, ăn uống có chừng mực thì bệnh càng ngày càng giảm.

2- Thân được an ổn:

Buổi chiều không ăn uống nhiều thì bảo đảm quý thầy ngồi thiền có chánh định hiện tiền, bởi vì cơ thể không còn nặng nề nữa. Những cuốn sách nói về sức khỏe gia đình cũng khuyên chỉ nên ăn ngày hai bữa. Người đời hiện nay họ thực tập rất nhiều, họ nói chỉ ăn nhẹ buổi chiều thì thân rất được an ổn và được sung mãn về con đường thiền định.

3- Ít nghĩ về dâm dục:

Dâm dục giảm rất là nhiều. Một phóng viên nhà báo viết về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, họ đến thiền viện nêu thắc mắc là những tu sĩ trẻ vào thiền viện tu làm thế nào vượt qua những cảnh giới tham ái, tham dục? Tôi nói, sở dĩ các thầy Tỳ-kheo hoặc các Sa-di vượt qua được cảnh giới tham dục này là do ít ăn uống, ít ngủ nghỉ và có giới luật câu thúc. Ngoài ra còn có pháp hành, tức là con đường thiền. Nhờ con đường thiền, mà những hạt giống xấu ác được chuyển hóa rất nhiều. Hạt giống xấu ác được chuyển hóa thì tự nhiên dục giảm.

4- Ít ngủ nghỉ:

Chiều ăn no, tối ngồi thiền dễ hôn trầm.

5- Được sanh lên cõi trời, biết được việc làm của mình trong đời trước.

Người này sau khi tắt hơi thở mà chưa được giải thoát, chưa được sanh về những cảnh giới cao hơn thì tệ lắm cũng sanh về cung trời Đao Lợi hoặc cung trời Đâu Suất. Do bản nguyện lúc thực hành về pháp, được phước thù thắng sanh về cõi trời.

Bộ Hành Tông chép:

“Trong cõi Đại thiên, Phật là bậc Pháp vương. Luật là lời dạy của Phật chứ không phải của Tổ.”

Những bài chúng ta học, chẳng hạn Tỳ Ni, Mười Giới, Hai Mươi Bốn Oai Nghi là rút tĩa từ những bộ Kinh lớn, chẳng hạn bộ Sa Di Thập Giới.

“Chỉ Phật mới được chế lập, từ Bồ-tát trở xuống chỉ nên làm theo. Bởi do Đức Như Lai hạnh quả tròn đầy, thấu suốt hết nghiệp tánh khinh trọng của chúng sanh.”

Từ Bồ-tát trở xuống chỉ nên làm theo, thực hành thôi chứ không được quyền chế ra giới luật. Chư Tổ vị nào có đức hạnh cao thì chỉ lập thanh qui thôi chứ không được chế giới luật. Bởi do Đức Như Lai hạnh quả tròn đầy, thấu suốt hết nghiệp tánh khinh trọng của chúng sanh. Phật biết giữ được giới đó thì được phước thù thắng như thế nào, nên Phật nói ra. Không phải Phật ước thuyết mà bằng kinh nghiệm thực chứng của Ngài, cho nên Phật nói ra rất chính xác.

“Từ bậc Đẳng Giác trở xuống cũng không kham nổi việc ấy huống là các tiểu thánh khác lại toan dám nghĩ bàn ư? Trước học luật như xuống hạt giống để vun bồi gốc ấy. Xong sau học kinh như tưới nước vào mạ làm cho cội gốc sung mãn, cành nhánh tốt tươi thì thánh quả có kỳ hạn.”

Chúng ta học giới rồi chúng ta học kinh để hướng đến con đường thánh quả.

Như Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Như người học bắn, trước chân phải đứng yên, sau mới tập pháp bắn. Cũng như có nền nhà nương cây mà có nguồn cấp nước. Nếu trước học kinh như không có hạt giống mà tưới nước, hạt giống đã không thời chỗ nào mà thật cầu. Cho nên cần phải thử lớp biết chỗ trước sau thì gần đạo vậy.”

Nghĩa là trước chúng ta không lo học giới, giữ giới mà học những bộ kinh cao thì trong này Phật nói giống như mình không gieo hạt giống nào hết. Mà không gieo hạt giống thì tưới nước bao giờ nó nảy mầm? Cho nên người chịu khó nghiên cứu về giới rồi học kinh nữa thì tự nhiên họ có năng lực riêng. Quý thầy mà giữ giới luật thanh tịnh, nếu có dịp người ta thỉnh đến khai thị cho người mất hoặc chia sẻ tâm hạnh tu hành của mình thì người nghe họ thâm nhập và nắm bắt được.

Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy:

“Giới luật hay khai phát tâm Bồ-đề, tu học là yếu tố trưởng dưỡng công đức. Nếu thường trì giới và tu học ắt được tất cả Như Lai khen ngợi.”

Mới vào tu mà nói ngộ thiền, ngộ đạo thì rất hiếm. Những bậc thượng căn, chẳng hạn như Lục Tổ Huệ Năng hoặc các bậc thiền sư khác, nghe là ngộ liền thì đời này rất hiếm. Chư Phật, chư Tổ thương xót hàng hậu học nên nói về giới rất nhiều. *Giới luật hay khai phát tâm Bồ-đề*, có nghĩa là nếu chúng ta giữ giới luật được thanh tịnh, trang nghiêm, thu thúc được ba nghiệp thì tự nhiên hạt giống Bồ-đề càng tăng trưởng. Từ đó lúc nào mình cũng thích tu về đạo chứ không bao giờ có ý tưởng hoàn tục. *Tu học là yếu tố trưởng dưỡng công đức*, nghĩa là chúng ta chỉ trì giới mà không tu học cũng không được. Trì giới rồi phải tu, tu theo con đường Bát-nhã.

Thiền sư U Pandita nói:

“Không món trang sức nào quý báu hơn giới đức, không chỗ ẩn trú nào an toàn hơn giới đức, không một nơi nào thuận lợi hơn để cho trí huệ nở hoa bằng khu đất giới đức. Giới đức không phải là sự đẹp đẽ tô trát bên ngoài, như lớp tường vôi bao phủ những viên gạch tàn ỉn bên trong, nhưng những đức tính cao quý phát xuất từ phần sâu kín trong tâm hồn, chiếu sáng toàn thể con người đều là do giới đức hết.”

Chúng ta trang sức đủ sang, đẹp cách mấy mà không giữ gìn giới đức thì cũng không bằng một người nghèo khổ, áo quần bình thường nhưng giữ giới được thanh

tịnh. Không chỗ ẩn trú nào an toàn hơn giới đức, không một nơi nào thuận lợi hơn để cho trí huệ nở hoa bằng khu đất giới đức, có nghĩa là chúng ta phát minh được tâm địa, thấy được như thật con người mình thì cũng nhờ giữ giới. Giữ giới một thời gian tự nhiên vào chánh định.

“Tuy thế, dù cho giới luật thể hiện qua hành động và lời nói có được tốt đẹp đến đâu nữa cũng không đủ khả năng để đào luyện tâm. Phương cách cần thiết để giúp cho tâm trưởng thành, thấy rõ bản chất thật sự của cuộc sống, và đưa tâm đến một mức tri kiến thâm sâu chẳng có gì khác hơn là sự hành thiền.”

Chúng ta giữ giới mà không thiền định, không tọa thiền thì cũng không được. Giữ giới được thanh tịnh rồi, thì phải thiền tập. Ở đây nói giới luật thể hiện qua hành động thân, khẩu, ý nhưng để đào sâu về tri kiến Bát-nhã thì không gì bằng con đường tọa thiền.

Cho nên quốc sư Thánh Nhất nói:

“Tọa thiền tông môn là đại giải thoát. Các pháp đều nương đây mà lưu xuất, muôn hạnh đều nương đây mà thông đạt, trí huệ thần thông diệu dụng đều nương đây mà sanh, tánh mạng trời đất cũng đều nương đây mà phát.”

Một người đạt đến chỗ thiền định thâm sâu, thì các pháp từ đây lưu xuất. Chẳng hạn trong Lục Độ Ba-la-mật gồm bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ. Chỉ cần chúng ta thiền định sâu, phát minh được tri kiến thì tự nhiên thực hành bố thí rất đơn giản. Có những người tâm sự với tôi, mỗi khi phát tâm bố thí họ cắn rứt khó chịu lắm, phải suy nghĩ hai, ba ngày mới thực hiện được. Đừng nghĩ có tiền thì dễ phát tâm cúng dường, bố thí. Không phải dễ. Phải đạt đến chỗ tri kiến thâm sâu xuất phát từ nơi tự tâm. Để được như vậy là nhờ phương pháp tọa thiền, *muôn hạnh đều nương đây mà thông đạt*.

Những người giữ giới luật một thời gian tự nhiên cử chỉ, oai nghi, phép tắc có mức độ dừng lại. Hồi xưa, họ bước chân đi rất nôn nóng như có cái gì phía trước họ muốn đi đến, bây giờ thì đi bình thường thôi, đi mà không cầu muốn đến. Nhiều khi muốn giỡn cũng không được, muốn vừa đi vừa chạy cũng không được.

Trí huệ thần thông diệu dụng đều nương đây mà sanh... Chẳng hạn có người hỏi một câu gì đó, tự nhiên quý thầy biết được tiếp theo họ muốn nói gì, biết được cái niệm tiếp tục sanh khởi như thế nào. Biết được như thế thì mình hóa giải rất dễ. Tu thiền định một thời gian thì có diệu dụng đặc biệt. Nhà thiền nói đại cơ phải có đại dụng, tu một thời gian quý thầy sẽ thấy rất rõ.

Trong Bạt Đội Giả Danh Pháp Ngữ có ghi:

“Nếu muốn khỏi cái khổ sanh tử luân hồi thì phải sạch tình thức. Muốn sạch tình thức thì phải tỏ ngộ tâm. Muốn tỏ ngộ tâm thì phải tọa thiền.”

Tuy giữ giới luật được phước nhưng công đức thù thắng chưa có, cho nên chúng ta giữ giới luật mà phải tọa thiền nữa.

Chúng tôi làm nhà khách thường tiếp những người thuộc tôn giáo bạn. Có lần, tôi có tiếp một người gốc đạo Thiên Chúa ở Canada về, đến tìm hiểu về con đường thiền. Anh

nói giới trẻ bây giờ tìm hiểu về thiền rất nhiều. Sau một ngày làm việc căng thẳng, họ ngồi lại nửa tiếng, mười lăm phút cảm thấy rất an ổn, nhẹ nhàng. Ngày xưa qua Canada, chúng tôi thấy bên đó rất thiếu người hướng dẫn về con đường thiền tập. Chúng ta được túc duyên rất sâu, được giữ giới, được tu tập thiền định. Người nào tu tập thiền định một thời gian mới thấy được lòng khát ngưỡng của nhân loại, ngày hôm nay họ luôn hướng đến con đường thiền tập. Chỉ có con đường thiền tập này mới hướng đến tâm linh, chuyển hóa nội tâm, chuyển hóa những hạt giống tạt đổ, ích kỷ, tham sân.

Chúng ta nếu không chịu thực tập về con đường thiền định này, nhiều khi ngồi thiền mình không biết cách chuyển hóa thì cũng vô ích. Chúng ta phải học hiểu pháp cho kỹ nữa. Chẳng hạn lên ngồi thiền, tự nhiên một vọng tưởng tạt đổ huynh đệ nào đó hiện lên, tồn tại, hoại diệt. Nhưng cái gì thấy được chỗ tri kiến, cái gì thấy được những hạt giống đó, thì chúng ta biết cách chuyển hóa.

Cho nên Tổ Lâm Tế nói:

“Người ngồi thiền mà trợ trợ không biết gì, giống như người đó bị chìm sâu trong định mà không phát khởi được chỗ tri kiến thì cũng vô ích.”

Tổ Lâm Tế nói rất rõ. Chúng ta làm cách nào để chuyển hóa những hạt giống này. Quý thầy tu phương pháp thiền thì thấy rất rõ những hạt giống đó. Ví dụ chiều nay mình muốn đi dạo bờ hồ, vọng niệm khởi lên là thấy liền. Nhưng vừa khởi lên mình nói thôi không được, dù Thầy đi vắng mình cũng phải ở nhà tu học. Khởi như vậy, tự nhiên cái niệm đi chơi bật mất. Lâu ngày chầy tháng thì những hạt giống xấu ác đó tự nhiên thưa dần rồi hết. Giống như cái kho luôn bỏ đồ vào thì càng ngày càng đầy, bây giờ rút ra hết không chứa những hạt giống xấu ác nữa, thì một thời gian nó trở thành Không Như Lai Tàng. Thành Không Như Lai Tàng rồi thì sạch tình thức, sạch tình thức thì tâm tự nhiên thấu suốt được hết. Phương pháp này đã có những người thực tập có kết quả.

Tại sao có lúc mình toàn nghĩ thiện, có lúc toàn nghĩ ác? Có lúc chúng ta rất thương, thông cảm và muốn giúp đỡ huynh đệ. Nhưng cũng có những lúc chúng ta luôn khởi niệm tạt đổ, ích kỷ, xan tham, thấy huynh đệ nào làm được việc mình cũng không thích.

Chư Phật nói, mình mang thân này gọi là tổng báo, còn chư Phật mang ứng hóa thân vào cuộc đời này. Trong thời quá khứ, có lúc chúng ta gieo những hạt giống thiện pháp, bây giờ trổ ra. Cũng có lúc chúng ta làm ác, thì bây giờ những hạt giống xấu ác nảy mầm. Nhờ thực tập về phương pháp thiền, chúng ta biết cách chuyển hóa, biết cách sám hối, biết làm tất cả việc thiện pháp để hồi hướng những nghiệp xấu ác ngày xưa. Có những người ngồi thiền rất nhiều nhưng nếu không biết cách chuyển hóa thì cũng còn sân nhiều, những hạt giống xấu ác cứ khởi lên hoài. Biết cách chuyển hóa, thì dần dần những nghiệp xấu ác này không còn nữa, tàng thức sạch, lúc này tỏ ngộ được chơn tâm, gọi là người chơn chánh tu thiền. Đó là tinh thần thiền tập.

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói:

“Nếu chưa thông suốt trí Bát-nhã thì đối với chơn tâm vẫn còn mờ昧.”

“Cần phải nương về nhất thể Tam bảo, sám hối tội lỗi trong ba đời, dùng giới luật kiểm điểm lỗi lầm.”

Chúng ta chưa ngộ được tri kiến Bát-nhã như các vị Tổ thì chúng ta phải nương Tam bảo, sám hối tội lỗi trong ba đời. Sám hối rồi dùng giới luật để kiểm điểm lại lỗi lầm của mình. Chẳng hạn hôm nào thầy tri khố đi vắng, mình muốn vào kho lấy trái Ổi hay trái chuối gì thôi, nhưng mà cái gì thấy được? Giới luật! Giới luật ngăn mình lại, không được trộm cắp của Thường trụ.

“Ngăn ngừa sai quấy, dùng thiền định diệt trừ hôn trầm, thâm nhiếp tán loạn. Gần gũi bạn lành, tán thán đọc tụng kinh điển Đại thừa, dùng muôn điều lành để sửa trị. Nghe nhiều để ứng dụng tu tập hỗ trợ hiển bày chân tánh, tiến thẳng đến Bồ-đề.”

Tức là luôn luôn chúng ta phải gần gũi bạn lành, gần gũi những bậc thiện tri thức, những người có tâm tu học.

“Nghệp chương hết, thiền định vi diệu tự tỏa sáng.”

Có một thầy ở thất riêng tu tập, đến trình bày với tôi, là thầy đã từng muốn chết. Ban đầu thầy định uống thuốc độc, sau đó thầy quyết định nhịn đói để chết. Tám ngày, tám đêm thầy không ăn không uống gì mà không chết. Đến ngày thứ chín vẫn chưa chết nhưng chịu hết nổi, thầy ráng bò xuống lấy gạo nấu nước cháo uống. Thầy hỏi tôi tại sao, thầy nhịn đói để dứt mạng căn mà không dứt được, không vượt qua được ngũ uẩn này. Còn các thiền sư tại sao ngồi nhắm mắt là đi?

Như ngày xưa tôi trả lời không được, nhưng bây giờ may là nghiên cứu chỗ “*nghệp chương hết, thiền định vi diệu tự tỏa sáng*” thì tôi sáng ra được chỗ này. Tôi nói, nghiệp chương chưa hết, hạt giống tham ái còn, thiền định chưa phát khởi thì bút cái thân này không được. Mình nhịn đói mười ngày, hai chục ngày mà không thể nào vượt qua sắc uẩn này, bởi vì còn tâm tham muốn, tâm thèm ăn, thèm uống, thèm ngủ, thèm nghỉ, thèm tất cả mọi thứ, những hạt giống này vẫn còn. Còn các thiền sư bút một cái là ra đi liền, bởi vì cái nghiệp của các ngài sạch hết rồi, không còn bám víu ở trần gian này nữa. Cái ăn, cái mặc các ngài cũng không dính mắc.

Vị thầy này kể lại, nhịn đến ngày thứ bảy thì thấy trên bàn hiện ra toàn đồ ăn, mà không phải đồ chay tịnh lạc. Lúc còn ở tại gia, quý thầy thèm món gì nhất thì tự nhiên ứng hiện ra. Quý thầy nhớ kỹ, tu một mình không thầy hướng dẫn, không bạn đồng tu rất là nguy hiểm.

Có một sư cô gặp tôi nói rằng, sau khi nghe xong bộ Tỳ Ni, tuy có làm việc nhọc nhưng cô quyết định chỉ ăn buổi sáng và trưa chứ không ăn buổi chiều. Cô kể, ngày xưa cô không màng đến bánh trái, thức ăn, thức uống gì cả, nhưng từ khi phát tâm không ăn buổi chiều thì thèm khủng khiếp. Cô chiến đấu với cái thèm đó một tháng, bây giờ mới được yên ổn. Chư Phật thấy nghiệp chúng sanh nên mới đưa ra phương pháp này, dần dần một thời gian quý thầy không còn thèm khát về ăn nữa, kế tiếp chúng ta học tập về phương pháp mặc, rồi đến ngủ. Dứt được cái này rồi thì nghiệp chương, những hạt giống xấu ác không còn tác động trong tâm thức mình nữa.

Ở Tây Tạng có câu chuyện hay và ý nghĩa:

Có một vị Ban-thiền Lạt-ma hỏi Phật tử ai muốn lên Tây phương cõi Phật, thì ngài sẽ đưa lên. Chỉ cần ngài đặt tay lên thân của người nào thì thần thức người đó sẽ xuất ra, tái sinh về cõi Phật liền. Mọi người ai cũng nói muốn, nhưng khi ngài đến hỏi từng người thì người nào cũng có việc bận chưa thể lên cõi Phật được; người thì lo cho con, người thì phải lo heo, bò... Chỉ có một cậu bé không cha, không mẹ, không của cải, lang thang đi xin ăn là đồng ý đi ngay.

Ý nghĩa câu chuyện thật là hay, có nghĩa là phải buông sạch hết. Bất cứ phương pháp nào, Thiền tông, Mật tông hay Tịnh độ tông đều phải dứt sạch tình thức, còn lợn cợn thì lên không được.

Tôi có đọc một quyển sách, trong đó có đoạn phỏng vấn những người từng sử dụng ma túy nay đã cai nghiện. Họ kể rằng chỉ tích tắc sau khi chích hoặc hút, liền sống trong ảo giác. Ví dụ, thấy tiên nữ hoặc là thiếu nữ trẻ đẹp đi đến làm họ mê mẩn, nhưng thật ra đó là chiếc xe chạy tới tông vào họ.

Ở đây theo tinh thần của thiền, nếu chúng ta chưa dứt sạch được nghiệp chướng, chưa đi sâu vào thiền định, chưa giác ngộ, chưa thâm nhập được tri kiến Bát-nhã, thì cũng giống như người chích xì ke luôn luôn sống trong ảo giác. Cho nên chư Tổ bắt mình phải giữ giới luật, rồi tu tập thiền định, sám hối để chuyển hóa những hạt giống này.

“Trí huệ phát sanh thì chơn tâm thanh tịnh. Đã hay lợi ích chính mình lại còn thương xót những người chưa nghe, chưa biết. Do đó làm mọi nhân phước rộng rãi, thực hành đầy đủ lục độ, tiếp nối gia nghiệp của Phật Tổ.”

Nghiệp chướng dần dần hết rồi, thì lợi chính bản thân mình trước, rồi giúp ích những người nghèo, không phải nghèo vật chất mà nghèo đói về tâm linh. Người giữ giới luật thanh tịnh trang nghiêm, tỏ sáng được chơn tâm rồi thì làm lợi ích rất nhiều. Không phải một đời tỏ sáng chơn tâm liền mà đời tiếp, đời tiếp,... Nếu không lấy đời này làm nền tảng thì đời sau bảo đảm quý thầy không có phần. Cho nên chư Phật, chư Tổ bắt buộc mình đời này phải nhận chân ra được, phải lập thành đường hướng đi, thì đời sau quý thầy chắc chắn ra đời giáo hóa chúng sanh.

Ngài Milarepa là du tăng hành cước ở Tây Tạng, không ở chỗ nào nhất định. Bữa nọ ngài đến một tu viện lớn. Ở Tây Tạng rau cải rất hiếm, nên vị tri sự định sáng hôm sau xé thịt con trâu cho đại chúng dùng, phần còn lại đem bán lấy tiền lo cho đại chúng. Ông tính bán cái đầu ở chợ này, bán bốn cái chân ở chợ khác, còn cái đuôi tính hoài mà không biết bán ở đâu, tính suốt cả đêm không ngủ được. Sáng ra ông thấy ngài Milarepa còn ngủ không dậy ngồi thiền, ông đến đá ngài một cái và nói:

– Ông tu hành kiểu gì vậy, suốt ngày ăn ngủ ngủ.

Ngài Milarepa nói:

– Tại vì đêm qua tôi thức.

– Thức làm gì?

– Tôi thức tôi tính xem con trâu bán cái đầu ở đâu, bốn cái chân bán ở đâu, còn cái đuôi tính hoài mà không biết bán cho ai.

Vị tri sự nghe vậy liền sụp lạy.

Người đã tỏ ngộ chơn tâm thấy được đường đi nước bước của niệm, cho nên họ khai thị liền tức khắc, như ngài Milarepa giáo hóa khuyên dạy vị tri sự. Người sạch nghiệp chướng rồi thì thiên định vi diệu tự phát, năng lực thù thắng tác động đến người nghe khiến họ về tu tập được. Cho nên ngày xưa Đức Phật nói một thời pháp có rất nhiều người nghe ngộ đạo. Nghiệp chướng hết rồi thì giáo hóa rộng rãi, làm nhiều lợi ích và lục độ vạn hạnh đều thành tựu.

“Phàm học một bộ kinh, trước phải thưa thầy kinh đó, rồi lại bạch học kinh khác nữa.”

Ngày xưa ở những vùng quê xa, chùa cổ, học xong một bộ kinh phải lên trình thầy, con học hết rồi, thầy cho con xin bộ khác, học kinh gì phải thầy cho mới được. Cạo tóc cũng vậy, muốn cạo tóc phải đến xin “Bạch thầy, xin thầy cho con sáng nay cạo tóc.” Chứ không phải tùy mình muốn cạo ngày mười hai, mười ba, hay mười bốn gì cũng được. Phải xin thầy.

Ngài Đạo An tướng mạo rất xấu, thầy bắt làm ruộng chứ không cho xem kinh. Ở với thầy ba năm, một hôm ngài năn nỉ được xem kinh thì thầy cho kinh Biện Ý năm ngàn chữ. Sáng ra ruộng, chiều về ngài trả lại quyển kinh, xin thầy cho mượn bộ khác. Thầy ngạc nhiên nhưng cũng cho mượn bộ kinh Kim Quang Minh, một vạn chữ, chiều về ngài cũng trả lại. Thầy bảo ngài đọc cho thầy nghe, ngài đọc thuộc lòng hết quyển kinh một vạn chữ. Biết đây là bậc pháp khí, thầy bảo ngài đi về phương nam tầm sư học đạo.

Người xưa thấy đệ tử giỏi là khuyên đi cầu pháp chỗ khác liền, bởi vì biết sức mình không đủ. Người thời nay không bằng người xưa chỗ đó. Sau này quý thầy có đủ túc duyên trụ trì rồi, đệ tử lên trình pháp, diễn tả tâm thức đã đi vào chiều sâu, nếu thấy mình chưa đến chỗ đó thì phải hướng dẫn đệ tử đi nơi khác để sau này làm pháp khí, vì nhiều khi đó là bậc tái lai. Chẳng hạn sau này Hòa thượng theo Phật rồi, thì cũng trở lại tìm con cháu đệ tử để làm đệ tử. Những vị này họ vừa nói là mình biết đây là bậc tái lai liền.

Quả tình ngài Đạo An về hướng nam thì gặp ngài Phật Đò Trìng. Vừa thấy là ngài biết đây là bậc tái lai, bậc pháp khí phi thường ra đời để đui dắt loài hữu tình, cho nên ngài nhận làm đệ tử liền. Sau này ngài Đạo An trở thành bậc pháp khí rất thù thắng. Ngày nay tất cả chư Tăng đều mang họ Thích, đó là do công ngài Đạo An. Kinh sách được chế tác lại rất nhiều cũng do công sức của ngài.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Sa-di Phật pháp chưa nhiều, thấy biết chưa rộng, chẳng biết sự sâu cạn của Phật pháp, thứ lớp mà học, bạch thầy sau mới học, thì ôn cũ biết mới, mỗi ngày tiến đến sự lợi ích.”

Tổ Tuyên Luật Sư dạy, mình mới học Phật pháp, thấy biết chưa rộng, cho nên học gì phải để thầy chỉ dạy cho mình.

Đại Luật ghi:

“Phật dạy Sa-di có hai phép học: 1- Tụng kinh và hiểu nghĩa. 2- Tham thiền và quán tưởng. Kinh Bát-nhã nói: thứ nhất học tham thiền gọi là mở trí, thứ hai học kinh gọi là rộng trí.”

Sau này quý thầy dìu dắt người khác phải nhờ học kinh để dùng làm phương tiện.

“Chẳng được miệng thổi bụi trên kinh.”

Quý thầy có làm vậy không? Chẳng hạn quý thầy mượn cuốn kinh, để trên bàn một thời gian mình quên coi thì bụi bám. Nếu chúng ta chưa học luật, chưa học oai nghi phép tắc thì chúng ta thường dùng miệng thổi.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Kinh điển tức như Phật. Trên kinh có bụi nên dùng phất trần sạch mà phui. Nếu dùng miệng mà thổi có hai lỗi: thứ nhất là hơi hôi trong miệng, thứ hai là mất tâm tôn kính.”

Ngày xưa các ngài nhìn quyển kinh giống như Phật còn tại thế, bụi dơ là các ngài dùng phất trần phui sạch chớ không dùng miệng thổi, vì hơi hôi trong miệng mình thổi ra mất thanh tịnh và mất vẻ tôn kính. Có những vị Hòa thượng lớn dịch kinh, các ngài hít một hơi vô rồi nín hơi, dịch một hàng xong thở ra một bên rồi nín hơi dịch tiếp. Các ngài quý kinh tới mức độ như vậy. Như Thiền sư Pháp Diễn lạy kinh Pháp Hoa từng chữ, từng chữ. Các ngài tôn trọng kinh lắm, chớ không phải như mình.

Kinh Văn Thù Văn nói:

“Sắm sửa đồ cúng dường mà lấy miệng thổi sạch bụi trên đồ cúng đó đọa trong địa ngục Ưu-bát-la, mắc quả báo làm ông thần gió.”

“Chẳng được trên ghế kinh để gói trà cùng các vật lật vật. Người coi kinh, ta chẳng được đứng gần và đi trước ghế kinh người coi.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phàm xem kinh ắt phải lắng tâm mà tư duy, nếu đi nhiều trước mặt thì có hai lỗi: thứ nhất là mình mất vẻ cung kính, thứ hai là loạn tâm niệm của người coi kinh.”

Đại chúng mình có bị không? Trên giá xem kinh mình để trà, để bánh, để đủ thứ hết. Còn người ngồi coi kinh, mình đi ngang trước mặt mình nhìn vào, làm loạn tâm khiến người ta không tư duy được mà còn mất vẻ cung kính. Cho nên học oai nghi rất hay, phương pháp này giúp mình kiềm thúc tâm vọng động.

“Phàm kinh sách hư phải mau bồi sửa.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Kinh điển chính là huyết mạch của thánh hiền, cũng nói là cha mẹ của người, nếu có hư hại phải gấp mà tu bổ. Vì sao? Kinh ví như cha mẹ, cha mẹ có bệnh há chẳng mau trị ư?”

Kinh sách quyển nào hư, quý thầy phải sửa sang liền. Nếu không nhờ tôn giả A-nan trùng tuyên lại, thì chắc gì mình được những bộ kinh này, cho nên nói kinh điển chính

là huyết mạch của thánh hiền, là tâm tông của Phật Tổ. Nhờ kinh điển mới biết đường hướng giữ giới luật, đường hướng tu tập chuyển hóa nội tâm.

“Bổn nghiệp Sa-di chưa rồi chẳng được tập đọc sách ngoài, như sách tử sử và những sách trị đời.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Bổn nghiệp tức là việc bổn phận như mười giới luật chưa nhuần, hai mươi bốn oai nghi chưa đủ nên chẳng tập đọc pháp khác. Thứ nhất là Bách Gia Chư Tử, thứ hai là Tứ Thư, sách Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Ngũ Kinh là kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Dịch, kinh Xuân Thu.”

Những bộ sách đó chúng ta không học. Bởi vì trí lực mình chưa đủ, nên Phật cấm mình không được học sách ngoại đạo.

“Phải tập đọc kinh nội điển, nghĩa là Tam Thừa Thánh Giáo, khiến dạy tịnh tâm trừ hoặc, thấy tự bốn tánh đều là pháp xuất thế nên gọi là nội điển.”

Nội điển là những quyển kinh chúng ta hiện đang học, chẳng hạn kinh Viên Giác mà Thầy đang dạy, hoặc kinh Pháp Cú... Những bộ kinh đó chúng ta nên học và nghiền ngẫm. Học những bộ kinh lớn là mình gieo những hạt giống thù thắng, pháp xuất thế gian. Những hạt giống pháp xuất thế gian đó vào trong tàng thức rồi, thì nó đánh bật những hạt giống xấu ác. Khi lên ngôi thiền, phần nhiều mình nghĩ chuyện gì đâu chứ ít khi nào nghĩ về kinh điển, chứng tỏ hạt giống xấu ác trong tàng thức mình rất nhiều. Cho nên ở đây nói Tam thừa Thánh giáo khiến dạy tịnh tâm trừ hoặc, thấy tự bốn tánh đều là pháp xuất thế nên gọi là nội điển. Mình xem những bộ kinh đó để tâm được lóng lạng, tức là trừ hoặc cấu.

Kinh Phật Tạng nói:

“Tương lai Tỳ-kheo thích tụng đọc kinh ngoài, đối lúc nói pháp, nghiêm sửa văn từ khiến người hoan hỷ. Ấy là các người là ma mê hoặc, che lấp con mắt trí huệ, tham nặng lợi dưỡng, giống như người mù vì chỗ cúng dối.”

Chẳng hạn dẫn trích những văn từ bóng bẩy ở đâu đó chứ không nằm trong kinh điển, Phật nói đây là ma mê hoặc chúng sanh, che con mắt trí huệ của chúng sanh. Bởi vì sao? Tham nặng lợi dưỡng, giống như người mù vì chỗ cúng dối. Mình thích người ta cúng dường nên nói chuyện gì đâu đâu để người ta thích. Khi về thì họ sanh đủ thứ tâm, mà không biết đường hướng tu gì hết.

Bộ Phụ Hành có nói:

“Nếu muốn đọc sách ngoại thư, theo trong kinh giáo Tiểu thừa, vì muốn dẹp bỏ ngoại đạo nên mỗi ngày trong mười hai giờ cho một giờ học sách ngoại thư.”

Quý thầy Sa-di sau này thọ giới Tỳ-kheo rồi, tu được mười mấy hai chục năm, thì trong mười hai giờ được một giờ xem sách ngoại đạo. Vì sao? Chẳng hạn làm nhà khách, có những người họ đến hỏi trong Áo Nghĩa Thư nói gì, quý thầy không xem sao biết. Như hôm trước tôi đã nói, Áo Nghĩa Thư cũng nói về sự vĩnh cửu, về Niết-bàn thanh tịnh,

chơn tâm... nhưng bị kẹt, bởi vì họ chấp một cái tự ngã, còn chấp về đoạn, còn chấp về thường, chưa phải con đường rốt ráo của chư Phật.

“Chẳng được lựa kinh ứng phó đạo tràng mà tập học.”

Vào thời Đức Phật, Sa-di hoặc Tỳ-kheo chỉ có hai con đường, thứ nhất là tự tu cho mình, thứ hai là độ tất cả chúng sanh. Nếu chưa đủ duyên ra giáo hóa chúng sanh, thì chúng ta chuyên về con đường thiền tập để giải thoát chính mình, rồi kiếp sau tiếp tục đi theo hạnh thứ hai là giáo hóa chúng sanh. Chỉ có hai con đường đó thôi, không có con đường thứ ba.

Trong đại tùng lâm, quý Thầy cắt mình làm tri khố, tri sự hay làm tri khách, thư ký là tạm thôi, chứ con đường đó không phải con đường thánh đệ tử đi, nhớ kỹ điểm đó. Ngày xưa không có những việc đó. Sau này thanh qui Tổ BáchTrượng ra đời, mới chia ban này, ban nọ, ban vườn, ban rẫy... Mình tu tập thời này, chứ đúng vào thời Phật thì chỉ có hai con đường. Đến mức độ xây tháp thờ xá lợi của Phật, Phật dạy để hàng cư sĩ bạch y làm, Tỳ-kheo cũng không được làm.

Như tiểu sử ngài Lai Quả:

Bữa đó trong kho hết gạo, có một ông quan có người thân mất đến thỉnh ngài tụng một thời kinh được bốn mươi vạn quan tiền, vị tri sự thấy nhiều tiền nên vào thỉnh ngài:

– Hòa thượng đi tụng đi, có gì đâu.

– Chiều nay ông nấu cháo, hết cháo cho uống nước lạnh, lên thiền đường ngồi.

Ở đây mình nêu ra cho biết, chứ bây giờ có những trường hợp, chẳng hạn thân nhân Phật tử mất đến thỉnh, thiền viện mình cũng có đi.

Chẳng được lựa kinh ứng phó đạo tràng mà tập học, ý muốn nói mình đừng lựa những bộ kinh để học cho thuộc, tập tụng cho hay, đánh trống thổi kèn tụng đám thì ở đây không cho phép. Chỉ có hai con đường là tự lợi và lợi tha mà thôi.

Bản thân chúng tôi nghiệm, người tu thật ra không tốn bao nhiêu, sáng uống một ly bột, trưa ăn một, hai chén cơm, áo quần cũng không cần nhiều, có tiền cũng không biết làm gì. Quý thầy nghĩ có tiền làm cái gì? Hưởng thụ nhiều thì phạm vào giới luật của Phật.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là chỗ Như Lai nói trong Kinh điển thật là sâu xa kín nhiệm, cần yếu là người thọ trì tập đọc, tự lợi, lợi tha. Sa-di bốn nghiệp chưa thành, sợ tập khí hiện tiền, vì lợi mà quên mất giới phẩm.”

Có những thầy Sa-di hoặc Tỳ-kheo ở thành phố tâm sự với tôi, đến nhà tín thí tụng rồi được cúng dường, riết rồi quen, bữa nào không đi thấy buồn buồn, thiếu thiếu. Tập khí hiện tiền thì tự nhiên quên mất giới phẩm, đi vào con đường lợi dưỡng. Từ con đường lợi dưỡng đó, tự nhiên nghĩ đến chuyện khác.

“Chẳng được tập đọc kinh điển nguy tạo.”

Sa-Di Học Xứ ghi:

“Nghĩa là dùng lời nói hoang đường nói bậy là lời của Phật để lừa dối kẻ ngu, như kinh Huyết Bồn, kinh Diệu Sa, kinh Phân Châu, kinh Cứu Khổ, kinh Bắc Đẩu, kinh Huỳnh Đình đều chẳng phải là Phật nói.”

Những bộ kinh này quý thầy không nên đọc. Ở đây có ai biết kinh Cứu Khổ không? Quyển kinh nhỏ và mỏng có in hình Đại Sĩ Quan Thế Âm Bồ-tát đứng cầm nhánh dương liễu đó. Hồi nhỏ tôi cũng tưởng là kinh Phật tôi đọc thuộc lòng: “tu li tu li ma ha tu li tu li ta bà ha”. Họ nói kinh của Phật nhưng mà không phải, các vị Tổ nói rất rõ.

Trong luật có ghi, muốn biết đây là chánh, đây là tà, đây có đúng kinh Phật nói hay không thì phải dùng phương pháp: Thứ nhất là Tứ pháp ấn, thứ hai là Tam pháp ấn, thứ ba là Đệ nhất pháp ấn. Tứ pháp ấn là Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Tam pháp ấn là Chư hành Vô thường, Chư pháp Vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh. Còn muốn phá các hàng ngoại đạo, chúng ta phải dùng cái ấn duy nhất. Tinh thần của Bồ-tát Long Thọ chính là Đệ nhất pháp ấn, là đến chỗ tột, phải có tư duy sâu sắc. Vào con đường thiền định rồi, thì tự nhiên có năng lực.

Kinh Bách Duyên có kể:

Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có việc đến một nơi nọ, nghỉ lại một đêm. Một cô gái thấy tướng mạo hai ngài thanh tịnh trang nghiêm nên đi theo và khởi lên niệm dục. Một người Bà-la-môn có thuật xem tướng tên Cù-dà-li, nhìn thấy niệm bất tịnh trên khuôn mặt người phụ nữ, nên phỉ báng hai tôn giả đã làm hạnh bất tịnh với cô. Ông đến trình với Phật, Phật bảo hai người này đã chứng thánh quả, đừng phỉ báng mang tội. Ông không nghe, cứ khẳng khẳng là mình đúng. Ngày thứ nhất trên người ông nổi lên một mụn nhỏ. Ngày thứ hai ông tiếp tục khẳng định với Đức Thế Tôn là hai tôn giả đã phạm giới bất tịnh, thì cái mụn của ông to lên bằng trái ớt. Ngày thứ ba mụn to bằng trái cóc rồi vỡ ra, ông chết đọa địa ngục.

Lúc này các thầy Tỳ-kheo đến hỏi Phật tại sao Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã chứng quả vị A-la-hán mà còn bị nghiệp này. Phật nói vào thời quá khứ lâu xa, thời Đức Phật Ca-diếp, có vị Bích-chi Phật tu trong rừng, một cô gái chặn trâu cũng vào khu rừng đó. Lúc đó, hai vị nông dân là tiền thân của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nhìn thấy hai người từ trong rừng đi ra nên phỉ báng vị Bích-chi Phật là đã phạm giới bất tịnh với cô gái chặn trâu. Hai nông dân sau đó chết đọa địa ngục vô lượng kiếp, rồi sanh làm người trải qua vô lượng kiếp bây giờ mới được gặp Phật. Phật nói bởi nhân duyên đó nên bây giờ bị phỉ báng lại.

Các vị đệ tử lại hỏi tại sao hai tôn giả chứng quả vị A-la-hán rồi, mà không thị hiện cho Cù-dà-li thấy để ông ta khỏi phạm tội. Phật nói, người tu phương pháp Tứ pháp ấn và Tam pháp ấn không có năng lực thù thắng đó. Chỉ người nào thâm nhập vào Đệ nhất pháp ấn mới có được năng lực này.

Phật kể tiếp một câu chuyện khác. Vào thời xa xưa có vị tiên nhân tu trong núi tên Định Quang. Một hôm ông vào rừng, năm trăm đệ tử của ông thấy một cô gái chăn trâu trong rừng đi ra, nên nghi thầy mình đã phạm giới bất tịnh. Ông nghĩ nếu không dùng thần lực, thì các đệ tử này đọa địa ngục hết, nên ông dùng thần lực bay lên hư không biến hiện mười tám pháp thần thông. Các đệ tử sụp xuống lạy và xin sám hối. Phật nói tiên nhân Định Quang chính là tiền thân của Đức Phật, còn năm trăm đệ tử là năm trăm thầy Tỳ-kheo này.

Cho nên Phật khuyên các đệ tử phải thực hành Bồ-tát đạo, đi vào con đường Đệ nhất pháp ấn. Đệ nhất pháp ấn là tâm không, cảnh vắng, tâm cảnh nhất như. Đạt chỗ đó rồi, thì có thần thông diệu dụng, mới làm được nhiều lợi ích cho chúng sanh. Nên Phật dạy:

“Trong đời tương lai có nhiều ác quỷ thọ sanh trong nhân gian thường ôm lòng ác thời khởi tranh luận, mỗi mỗi cầu ở danh xưng, lợi dưỡng. Ngươi tạo kinh thư và các phù chú, tự tán thán hủy hoại người khác, khiến người tu học chẳng biết chỗ nào, làm mù con mắt chánh, mất đi chánh tri kiến vậy.”

Quý thầy phải nương những bộ kinh Đức Phật nói, ngoài ra đừng tập đọc cái gì khác, làm mất đi con mắt trí huệ của mình.

“Chẳng được tập học sách coi số, chẳng được học tập sách coi tướng.”

Cái này Phật cấm. Hồi nhỏ tôi cũng đi coi bói, thầy bói nói hai mươi sáu tuổi tôi sẽ giàu không thể tưởng tượng, nhưng hai mươi bốn tuổi tôi vào Thường Chiếu làm công quả mất rồi.

Phật cũng cấm không cho đọc sách coi tướng. Coi tướng đúng chỗ không phải không đúng, nhưng nhà Phật nói tướng không cố định, không nằm trong định nghiệp. Ngài Trí Khải Đại Sư kể:

Bát tiên Trương Lão Quả nhìn sắc mặt ông Trần Châm nói ông ba tháng nữa chết. Sợ quá ông về nhà cầu cứu người em là Trí Khải Đại Sư. Ngài Trí Khải khuyên ông ngồi thiền sổ tức. Ba tháng sau Trương Lão Quả nhìn ông Trần Châm giựt mình, biết ông nhờ tu nên đã chuyển nghiệp.

Huống nữa bây giờ tu phương pháp tri vọng, Diêm vương nào bắt quý thầy.

Gần chín mươi tuổi Trần Châm mới chết, bữa nọ nằm mộng thấy trên cung trời Đao Lợi có một cung điện lớn, nói đây là cung điện của Trần Châm.

Câu chuyện thứ hai:

Vua Càn Long là một vị vua sống rất thọ, tám mươi chín tuổi mới chết. Ông thích học cung kiếm, võ thuật nên rất khỏe mạnh. Ông hay giả thường dân đi kinh lý. Bữa nọ trên đường đi, vua gặp một người gọi là Ma Y Thần Tướng, người này nhìn vua nói: “Ông này số ăn mày.” Vua nghe vậy cười. Ông thầy tướng sụp xuống nói: “Người này chính là Hoàng đế.” Vua Càn Long hỏi:

– Hồi nãy ông nói tôi là ăn mày, bây giờ ông nói tôi là Hoàng đế. Ông căn cứ vào điểm nào?

– Tướng ông rất xấu, nhưng khi cười, giữa hàm răng có một chiếc răng bằng ngọc, nên biết đây là Hoàng đế.

Nghĩa là tướng không cố định. Nhiều khi nhìn người ta mình khi dễ, nhưng mà ẩn tướng tốt trong đó sao mình biết. Rồi người ta làm việc thiện, tu tập chuyển hóa nữa. Cho nên Phật dạy không được đọc sách coi tướng. Khi chấp vào rồi mê cái đó không lo tu tập, suốt ngày nhìn tướng lông mi, lông mày... hết tu được luôn. Quý thầy làm nhà khách dễ bị lừa. Khách vào mình nhìn một hồi, mà phải nhìn, nhiều người giả đồ vào xin tiền, riết thành bệnh. Làm nhà khách dễ bị cái bệnh đó.

Trong quyển Truy Môn Sùng Hạnh Lục có ghi:

Thời Nam Bắc Triều có một vị Sa-môn hiệu là Trí Tạng ở chùa Khai Thiện, Trung sơn. Năm ngài hai mươi chín tuổi, một hôm trên đường đi gặp ông thầy tướng nói ba mươi một tuổi chết. Ngài về tụng kinh Kim Cang, lễ Phật sám hối, qua ba mươi một tuổi vẫn còn sống. Thầy tướng gặp lại giục mình hỏi ngài làm phước đức gì mà tướng thay đổi hết, ngài nói tôi chuyên tụng kinh Kim Cang, lễ Phật sám hối. Thầy tướng nói Phật pháp thật là vi diệu.

Trong quyển Sơn Am Tập Lục ghi:

Hòa thượng Kính Sơn người nhỏ bé, răng hô, miệng túm, ngài thành kính đảnh lễ Đại sĩ Quán Thế Âm Bồ-tát suốt hai mươi năm, tu tập tất cả thiện pháp. Hai mươi năm sau thầy tướng gặp lại ngạc nhiên, thấy tướng ngài đã chuyển, không còn như ngày xưa.

Đức Phật ra đời ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là vô lượng kiếp ngài tạo phước đức thù thắng. Mình lỡ tạo nghiệp xấu thời quá khứ thì bây giờ ráng sám hối, tu tập để chuyển hóa.

Trong Qui Sơn Cảnh Sách, ngài Qui Sơn có nói: *“Đường đường Tăng tướng, dung mạo khả quan, là nhờ túc duyên đời trước các ông đã tạo nên được tướng thù thắng, bây giờ các ông phải ráng tu tập tiếp.”*

Còn nếu đường đường Tăng tướng mà dung mạo khả nghi thì mình ráng chuyển hóa.

Như vậy chúng ta thấy rằng, tướng không cố định. Cho nên Phật cấm không cho coi số, coi tướng là để chúng ta ráng tu tập, ráng chuyển hóa. Có những người phước đức thù thắng nhưng ỷ lại, cống cao ngã mạn thì tướng tốt chuyển thành xấu.

“Chẳng được tập học làm thi. Chẳng được viết chữ lỏng, viết chữ hay, miễn viết nét ngay thẳng là đủ.”

Thiền thoại có ghi, một vị thiền tăng đời Tống, bảy tuổi đã vào chùa, xuất gia lúc còn nhỏ, mười bốn tuổi làm văn rất hay. Ngài gởi một đoạn văn về cho mẹ, người mẹ nói con đi tu mà làm văn hay thì sau này con chỉ trở thành văn sĩ chứ không phải thiền sư. Ngài bỏ làm văn mà làm thơ, người mẹ nói dẫu con làm thơ thật hay thì sau này cũng

chỉ thành thi sĩ. Ngài không làm thơ nữa mà làm họa sĩ, vẽ rất đẹp. Người mẹ cũng khuyên, con vẽ đẹp cách gì thì cũng chỉ là họa sĩ nổi tiếng thôi, chứ không giải quyết gì cho chính mình và cho người khác. Nghe lời khuyên của mẹ ngài buông hết, vào núi chuyên tâm tu đạo, sau trở thành một bậc pháp khí thượng thừa trong tông môn.

“Chẳng được tay nhớ cầm nắm quyền kinh.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Kinh điển chính là chỗ nói thanh tịnh diệu pháp của Như Lai, ắt phải ba nghiệp thanh tịnh mới kham thọ trì.”

Quý thầy đi tiểu tiện hoặc đi đại tiện xong phải nhớ rửa tay. Hòa thượng Trúc Lâm tuy lớn tuổi, nhiều hôm cảm nặng nhưng đi vệ sinh xong ngài cũng rửa tay. Tay không sạch cầm cuốn kinh coi, bị tổn phước.

Truyện Hoa Nghiêm Kinh của ngài Pháp Tạng có ghi: Ở Tây Vực những vị sư rửa tay trước khi tụng kinh Hoa Nghiêm, trùng kiến nhờ thấm ướt nước rửa tay mà sau khi chết được sanh về cảnh giới lành.

Ngài Pháp Tạng có kể, vào năm Văn Minh thứ nhất tức là 684, Ngài Tam Tạng pháp sư Nhật Chiêu người Trung Ấn Độ, phiên dịch kinh Hoa Nghiêm tại chùa Thái Nguyên, Ngụy Quốc, Tây tự ở kinh đô Trung Quốc, có kể câu chuyện:

Ở trong thành của nước Chiêm Ba, Nam Ấn Độ, có chùa Tỳ-Sắc-Nô, tăng chúng ở đó học pháp Tiểu thừa và tu hạnh đầu đà, bài bác kinh điển Đại thừa như kinh Hoa Nghiêm, kinh Đại Bát Niết Bàn, cho những quyển kinh này không phải Phật nói.

Một hôm có một vị tăng Ấn Độ đem quyển kinh Hoa Nghiêm để trong phòng của một vị trưởng lão. Vị này vào phòng thấy quyển kinh Hoa Nghiêm thì không vui nên đem vắt xuống giếng. Tối đó, tăng chúng trong chùa thấy năm luồng ánh sáng đỏ rực từ giếng chiếu sáng khắp vùng. Các thầy Tỳ-kheo ngạc nhiên nhìn xuống giếng thì thấy quyển kinh Hoa Nghiêm phát ra năm luồng hào quang. Lại một điều quyển kinh không ướn.

Vị trưởng lão lúc này mới tin kinh này đúng là kinh Phật nói, bèn kêu các vị Sa-di xuống giếng đem kinh lên. Tuy nhiên, vị này cho rằng kinh này cũng không bằng bốn bộ kinh A-hàm nên để quyển kinh Hoa Nghiêm xuống dưới cùng. Sáng ra thì thấy quyển kinh Hoa Nghiêm nằm ở trên. Trưởng lão rầy các vị Sa-di vì tưởng các thầy để lên trên nhưng các thầy khẳng định không làm như vậy. Vị này lại thử một lần nữa, kết quả cũng thế, quyển kinh Hoa Nghiêm cũng ở trên cùng. Từ đó về sau tăng chúng chùa Tỳ-Sắc-Nô và dân trong vùng ai cũng tụng kinh Hoa Nghiêm.

Quý thầy nghe vậy rồi đem kinh Hoa Nghiêm bỏ xuống giếng để thử xem có chiếu không, hoặc để bốn bộ A-hàm ở trên, kinh Hoa Nghiêm ở dưới, đổ quý thầy, kinh có bay lên nằm bên trên không? Phật Tổ, các ngài khai thị chúng, chỗ nào mê thì các ngài thị hiện thần lực. Còn quý thầy có niềm tin về Đại thừa, có lòng tin Tam bảo thì các ngài không thị hiện ra các năng lực khác.

Vua Tôn Hạo không tin Phật pháp, ông đem tượng Phật để ngay cầu tiêu, sáng nào cũng tiểu lên, hai ngày sau dương vật ông sưng lên không tiểu được! Quý thầy cố lòng tin thì không có chuyện gì, nhưng mà có tâm ngạo mạn hay tâm gì khác, thì tự nhiên có chuyện ứng ra đến với quý thầy liền. Chẳng hạn quý thầy nói, giới luật này răn chúng vậy thôi chứ mình phá ai mà biết. Phật nói cho vui thôi, thì quý thầy phải coi chừng, không phải chuyện đơn giản.

Hồi xưa ở Thường Chiếu có một thầy, khi vào thất thầy đem tượng Phật bỏ vô tủ khóa lại, thầy nói: “Tu mà còn thờ Phật.” Một thời gian sau mắt thầy mờ không còn nhìn thấy gì, không nhìn thấy tượng Phật được nữa.

Thiền thoại ghi:

Có một vị tăng chuyên hầm đầu heo ăn, bữa nọ ông thấy không phải đầu heo mà là đầu người trông rất dữ tợn. Người khác thì thấy đầu heo, chỉ mình ông thấy đầu người. Đó là do các vị Thánh ứng hiện cho thấy như vậy.

Sách Khê Đường Tạp Lục ghi:

Niên hiệu Nguyên Hựu có vị pháp sư người ở đất Thục, hiệu là Trí Siêu từng tụng kinh Hoa Nghiêm. Một hôm có vị đồng tử ở Ngũ Đài Sơn đến nói với ngài: *“Thầy tụng kinh rất hay nhưng mắc lỗi là lúc lên nhà xí tẩy tịnh, nước dơ thấm vào tay rửa không sạch rồi nắm kinh điển, tôi tới để nói cho thầy biết.”*

Đồng tử này là ứng thân của Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Cho nên mình phải học để biết.

Kinh Nhân Quả ghi:

“Tay nơ cầm kinh thời mắc nhân quả làm con trùng trong nhà xí.”

“Đối với kinh điển như đối với Phật, chẳng được giỡn cười.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Kinh là lời của Phật, ba đời Như Lai đều cúng dường. Cho nên đối với kinh như đối với Phật, một câu kinh, một bài kệ nghìn kiếp khó gặp, vạn kiếp khó tìm.”

Cho nên đừng đem kinh ra giỡn.

Bà Võ Hậu Tắc Thiên không hiểu kinh Hoa Nghiêm, bà mời ngài Pháp Tạng đến giảng, đến phần thí dụ một con sư tử lông vàng biến hiện ra vô số sư tử gọi là trùng trùng duyên khởi, bà hoát nhiên đại ngộ. Bà làm bài kệ:

*Pháp Phật sâu mầu chẳng gì hơn,
Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp,
Nay con nghe thấy vâng gìn giữ,
Nguyện hiệu Như Lai nghĩa thiết chơn.*

Bài kệ này tối nào mình cũng tụng, chính là của bà Võ Tắc Thiên sau khi bà ngộ kinh Hoa Nghiêm.

“Một câu kinh, một bài kệ nghìn kiếp khó gặp, vạn kiếp khó tìm. Dầu tụng đọc chẳng có thể hiểu nghĩa nhưng tụng đọc đó cũng gieo căn lành cho nên phải hết lòng cung kính, sao lại giỡn cười ư?”

Dầu mình tụng đọc mà không hiểu nhưng cũng gieo căn lành, gieo vào trong tâm thức những hạt giống Phật pháp rất lợi ích, sau này ra đời gặp nữa.

Kinh Đại Trang Nghiêm quyển Sáu ghi:

Thuở xưa có một thầy Tỳ-kheo học rộng nhớ nhiều, ở chỗ vắng vẻ. Có một quả phụ thường hay lui tới để nghe thầy nói pháp. Dần dà thầy Tỳ-kheo sinh tâm đắm nhiễm bà quả phụ. Vì có tâm đắm nhiễm nên các pháp lành dần dần yếu kém.

Tức là học rộng mà không có tu. Pháp lành yếu kém, thì cổng giới hở ra. Quý thầy nhớ kỹ điểm đó. Sở dĩ, quý thầy giữ giới được thanh tịnh là trong suốt quá trình tu, từ nhỏ đến khi nhập diệt, pháp lành phải luôn luôn tăng trưởng thì cổng giới đóng lại. Các vị thiền sư, các vị giới sư giải thích, quý thầy phải công quả, chẳng hạn hành đường, trì nhật, làm tất cả các pháp lành thì cổng giới của quý thầy lúc nào cũng đóng kín. Chỉ cần ác pháp tăng trưởng là cổng giới mở ra để nuôi lớn những pháp bất thiện, chắc chắn sẽ phạm giới.

Thầy Tỳ-kheo mê đắm bà quả phụ và phạm giới. Rồi thầy hoàn tục lấy bà quả phụ. Thầy tu mà hoàn tục thì sống rất khổ. Vì không có nghề nghiệp gì, nên ông làm nghề đồ tể, mổ dê mướn.

Như vậy ban đầu ông phạm giới dâm, hoàn tục rồi phạm thêm giới sát.

Một hôm có người bạn đồng tu, biết căn cơ ông sắp chín muồi nên tìm để cứu. Vị này biết bạn mình ngày xưa siêng tu, học giỏi, giữ gìn giới cấm nhưng không hiểu sao bây giờ lại làm việc này, cho nên nói bài kệ:

*Nếu không điều ngự ý,
Buông lung gây điều ác,
Tại sao không hổ thẹn?
Là bỏ pháp điều phục,
Oai nghi và cử chỉ,
Làm người thích ngắm nhìn,
Chim muông và cầm thú,
Nhìn thấy cũng kinh sợ.
Bước đi sợ giẫm kiến,
Tâm từ thương chúng sanh,
Tâm từ bi như thế,
Bây giờ bỏ đâu rồi?*

Bài kệ nói, ngày xưa vị Tỳ-kheo này giữ giới thanh tịnh lắm, bước đi còn sợ giẫm chết kiến, vậy mà hôm nay một ngày giết không biết bao nhiêu con dê, tâm từ bỏ đâu rồi?

Nghe thế vị đồ tể nghĩ: “Đây là bậc hiền trí, sư huynh đến cứu mình”, tự nhiên trong tâm thức ông nhớ lại đoạn kinh ngày xưa đã đọc: “Khổ nhóm do lỗi của dục, vị của dục.” Nghĩ vậy ông liền ném cái cân ra xa rơi xuống đất, sinh tâm nhàm chán đối với sanh tử, rồi xin vị sư huynh

này cho xuất gia. Sau khi xuất gia ông ráng phần đầu tu tập, ba tháng sau chứng quả vị A-la-hán.

Các vị Tỳ-kheo đến thưa với Đức Phật rằng tại sao thầy Tỳ-kheo này phạm giới rồi mà tu nhanh như vậy. Phật nói: “Nếu có người tụng đọc kinh điển, tuy đã hủy giới hạnh nhưng nhờ năng lực tụng đọc kinh điển nên có thể đắc đạo. Vì ý nghĩa này cho nên Như Lai nói hãy siêng năng tụng đọc kinh điển.”

Tụng đọc kinh điển tuy chưa chứng đạo nhưng những hạt giống thiện pháp được gieo trong tâm thức, một lúc nào đó năng lực thiện pháp này nẩy mầm, lớn mạnh, thúc đẩy mình đi đến con đường đạo quả rất nhanh. Cho nên ở đây nói siêng năng tụng đọc kinh điển để dứt bỏ những nghiệp ác.

Trong Đại Luật ghi:

“Cẩn thận chớ nằm đọc kinh. Nếu vừa biết mình một sanh tâm biếng nhác liền phải nhớ tưởng mạng người trong hơi thở, như cứu lửa cháy đầu, có thì giờ nào rảnh đâu mà hòng trễ nãi biếng lười ư?”

Tôi thấy có những người nằm đọc kinh điển một lúc, rút cuốn kinh trên bụng, ngủ một giấc luôn. Ngủ này gọi là ngủ phi thời. Quý thầy thấy đơn giản, nhưng trong giới nói ngủ phi thời rất là tổn phước, thiện thần hộ pháp không vui. Đa số người phá giới ngủ phi thời sau này đạo nghiệp hư hết. Cẩn thận chớ nằm đọc kinh điển. Có những người kỹ, ngồi đọc kinh cũng mặc áo hậu. Ngồi thì ít chứ nằm đọc rất dễ ngủ. Quý thầy rút kinh nghiệm.

“Chẳng nên trên ghế so quyển lộn xộn. Chẳng được lớn tiếng động chúng.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nếu theo chúng tụng kinh tiếng phải cho đều và chẳng nên ý mình tiếng cao giọng tốt. Bằng mình tụng đọc tiếng phải nhỏ nhỏ chớ động niệm đại chúng.”

Thiền sư Mã Tổ ghi:

Cử Phật âm thanh mạn thủy lưu,
Phúng kinh hành đạo nhận hành du.
Chiêm tiền cổ hậu khinh di bộ,
Tả hữu hồi toàn bán chuyển mâu.
So thủ đương hung như phùng thủy,
Lập thân đỉnh thượng tợ an dâu.
Oai nghi động tịnh thường như thử,
Bất uổng nhơn gian tác Tỳ-kheo.

Tạm dịch:

Âm thanh tụng Phật nước tràn đầy,
Đọc kinh hành đạo nhận tụng bay.
Ngoảnh trước nhìn sau nhẹ dời bước,
Phải trái xoay về nửa mắt thôi.
Chấp tay ngang ngực như bưng nước,

Lập thân trên đỉnh tợ yên dầu.

Oai nghi động tịnh thường như thế,

Chẳng uống ở đời hạnh Tỳ-kheo.

Âm thanh tụng Phật nước tràn đầy. Thiền sư Mã Tổ dạy mình tụng kinh phải thanh thoát, đều đều chớ không phải lúc lớn lúc nhỏ. Đọc kinh hành đạo nhận tụng bay. Con nhận lúc nào cũng đi một hàng dài, mình đi như lúc đi ăn cơm, đi tụng kinh là rất tốt. Ngoảnh trước nhìn sau nhẹ dời bước, phải trái xoay về nửa mắt thôi. Muốn nhìn phải, nhìn trái thì chỉ cần đưa mắt qua, hoặc nhìn trước, nhìn sau thì xoay từ từ nhẹ nhàng chứ không phải quay nhanh nhìn thì trật oai nghi phép tắc. Chắp tay ngang ngực như bưng nước. Ngày xưa ở những chùa quê, các vị thầy kỹ, bắt đệ tử bưng ly nước phải ngang ngực để quen, sau này chắp tay là ngay ngắn ngang ngực, không được lên, không được xuống, như bưng nước vậy.

Trong kinh A-hàm, có kể chuyện người tử tù bưng chén dầu bước đi mà không được làm đổ dù chỉ một giọt, nếu đổ liền bị chém đầu, trong khi xung quanh là những trò vui chơi ca hát. Ở đây nói lập thân trên đỉnh tợ yên dầu có nghĩa là mình đi phải thẳng, đứng phải thẳng, oai nghi phép tắc như vậy người ta mới kính. Oai nghi động tịnh thường như thế, chẳng uống ở đời hạnh Tỳ-kheo. Hạnh Tỳ-kheo, ai thấy oai nghi phép tắc cũng thích, cũng muốn học pháp, học đạo với mình. Quý thầy nhớ đừng có vừa đi vừa chạy, hoặc vừa đi vừa cười, mất hết phép tắc oai nghi của người tu.

Khi thỉnh chuông, hô chuông quý thầy nhớ đừng hô ráng. Đây cũng nằm trong oai nghi. Hô ráng nghe kỳ lắm, còn làm người nghe dễ động niệm: “Trời, hô lớn giống như đi đánh giặc vậy, nghe xót ruột quá!” Ngày xưa ai mà hô ráng như vậy là sáng hôm sau Hòa thượng chống gậy xuống hỏi: “Hồi hôm chú nào thỉnh chuông?” Hô nhỏ Hòa thượng cũng rầy, hô ráng Hòa thượng cũng rầy. Nên hô đều đều, đừng nhỏ cũng đừng ráng.

“Chẳng được mượn kinh người coi không trả và không có tâm yêu tiếc đến nỗi hư rách.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Kinh pháp là cha mẹ của bậc tam thừa, thánh nhân đồng sanh tâm kính trọng. Đừng có khinh ta khinh người, bằng không kính trọng để cho hư rách thời mắc cái tội khinh pháp. Mượn mà cố tâm không trả thời mắc cái tội ăn trộm.”

Mượn kinh xem xong nhớ trả liền. Nếu thích quyển kinh quá thì đến xin sư huynh hay sư đệ gì đó. Chừng nào người ta nói cho, thì mình mới giữ lấy. Mượn mà cố tâm không trả thì mắc tội trộm.

Kinh Thập Giới ghi:

“Hoặc mượn, hoặc lấy, hoặc cho ắt phải phân minh, chớ trái lời hẹn, mất tín tâm của người khác.”

Mượn kinh coi xong phải trả đúng hẹn.

9. Vào Chùa Am

“Phàm vào cửa chùa chẳng được đi chính giữa, phải theo hai bên mà đi. Theo bên trái chân trái bước trước, theo bên phải chân phải bước trước. Trong Tây Quốc Tự Đồ có ghi: Trong khi ra vào đều dạy mặt ngó Phật hoặc kính lạy Tam bảo, thường tưởng Tam bảo chỉ đồng một thể.”

Không đi chính giữa mà đi hai bên. Mình học oai nghi mình đi người ta nhìn là biết.

Hôm nọ có một số người đến đây mượn chỗ thi ngồi thiền. Lúc đó Hòa thượng và Thầy Trụ trì đều đi vắng, họ đến gặp tôi nói khi ngồi thiền mặt sẽ ngó ra hồ, lưng xây lại tượng Phật. Tôi không đồng ý, tôi nói tất cả những người muốn đến đây mượn chỗ học ngồi thiền thì mặt phải hướng về Phật. Thứ nhất là mình tôn kính Đức Phật, thứ hai là những hình ảnh này đưa lên phim, người xem sẽ biết đây là Thiền Viện Trúc Lâm. Họ nhất định không chịu, nói Ban Giám Khảo đã quyết định như vậy. Tôi nói thẳng anh đến đây anh là khách, tại tôi là chủ, nếu anh không chấp nhận thì anh ra đi, chứ ở đây không cho phép. Cuối cùng họ phải chấp nhận. Cho nên sau này quý thầy ra làm trụ trì mình phải có lập trường, có chỗ đứng của mình. Ở ngoài anh là quân vương, nhưng đến đây Pháp vương là tôn quý.

Vua Triệu hỏi thiền sư Triệu Châu:

– Quân vương quý hay Pháp vương là quý?

Thiền sư Triệu Châu nói:

– Ở quân vương thì quân vương quý. Ở Pháp vương thì Pháp vương là tôn quý.

Người ta đến chùa mình, mình phải nêu ra cho người ta hiểu vấn đề đó.

Theo Đại Thừa Nghĩa Chương quyển Mười:

– Thứ nhất là **Biệt tướng Tam bảo**: Nghĩa là Phật, Pháp, Tăng mỗi mỗi đều khác nhau. Đầu tiên Phật thành đạo ở cội bồ đề chỉ thị hiện thân tượng sáu, và lúc nói kinh Hoa Nghiêm đặc biệt hiện thân Lô-xá-na Phật nên gọi là Phật bảo. Các kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa được Phật nói trong năm thời gọi là Pháp bảo. Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát lãnh thọ giáo pháp của Phật tu nhân đắc quả thì gọi là Tăng bảo.

Hướng về Tam bảo, mình chỉ nhớ Tam bảo đồng một thể thôi. Ở đây chia ra, thứ nhất là Biệt tướng Tam bảo: Phật thành đạo là Phật bảo, những quyển kinh Phật nói ra là Pháp bảo, và các thầy Tỳ-kheo tu chứng quả là Tăng bảo.

– Thứ hai là **Nhất thể Tam bảo**: Tam bảo Phật, Pháp, Tăng tuy có ba tên nhưng thể tính chỉ là một, chỉ là một thể tính linh giác của Đức Phật thôi.

– Thứ ba là **Trụ trì Tam bảo**: Tức là tượng Phật, Kinh Phật và Tăng già.

Đại Luật ghi:

“Chẳng nên nhổ nước miếng nơi đất chúng Tăng. Hoặc thấy cỏ rác, đồ dơ bất tịnh mau phải dọn dẹp.”

Quý thầy có khi nào khạc nhổ nước miếng trên đất chúng tăng không? Không khạc đờm đã đành nhưng ở đây không cho mình khạc nhổ nước miếng lên đất chúng tăng luôn. Nếu không học oai nghi phép tắc chúng ta dễ phạm lắm.

Kinh Bộ Bản Di có ghi:

Xưa tại thành Xá Vệ có một cô gái thân tướng rất trang nghiêm nhưng lại làm kỹ nữ. Tôn giả A-nan đến thưa với Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, cô gái này thân tướng rất đẹp, đúng ra làm Hoàng hậu, nhưng tại sao làm kỹ nữ?

Phật kể:

– Vào thời Phật Ca-diếp, có một số cô gái đi vào một ngôi Tinh xá, một cô trong số đó thấy một bãi phân chó nên hốt dọn, trong khi các bạn không phụ gì cả. Cô mệt nên nổi sân nói: “Mấy con kỹ nữ này sao không hốt giùm.” Nhờ hốt dọn phân trước Tinh xá nên cô được tướng tốt đẹp, nhưng cái khẩu nói bạn mình là mấy con kỹ nữ, chỉ bao nhiêu đó thôi mà qua kiếp sau cô thành kỹ nữ.

Quý thầy thấy không? Cái miệng của mình nguy hiểm lắm, quý thầy làm việc tốt nhưng hay cảm râm, nói ra nói vô gì đó thì cũng bị nhân quả.

Trong kinh “Năm Trăm Vị Đại Đệ Tử Của Phật”, Phật nói về bốn khởi có nghĩa là nói về nguyên nhân của việc gì đó.

Có một thầy Tỳ-kheo đã chứng quả vị A-la-hán, thân tướng thanh tịnh và trong suốt như lưu ly. Phật hỏi nguyên nhân nào thân tướng con được đẹp đẽ như vậy. Thầy Tỳ-kheo nhìn về thời quá khứ rồi nói bài kệ:

*Xưa con đi đến chùa,
Thấy đất chùa không sạch,
Bèn cầm lấy chổi quét,
Dọn sạch các rác nhơ.
Xong thấy chùa thanh tịnh,
Trong lòng rất sướng vui.
Nguyên lòng không trần cấu,
Trong sạch như chùa này.*

Ngài nhớ ngài kể lại, vào thời Đức Phật Ca-diếp, ngài đến một ngôi Tinh xá, thấy đất chùa không sạch ngài cầm chổi quét. Quét xong ngài phát nguyện lòng được trong sạch, cho nên trải qua vô số kiếp đều được thân tướng như vậy.

Có một số quý thầy không chịu quét sân, kiếp sau mang thân tướng xấu rồi đổ thừa cha mẹ. Chúng tôi làm nhà khách không quét sân cũng được, không ai bắt buộc, công việc quét sân tuy nhỏ nhưng được phước đức thù thắng.

*Bởi nhờ công đức này,
Bất cứ sanh ở đâu,*

Sắc mặt luôn hòa ái,
Đoan chánh không ai bằng.
Con nhờ phước dư đó,
Ở thân mạng sau cùng,
Được cha mẹ yêu quý,
Đặt tên là Tịnh Trừ.
Con ở trong thân tộc,
Lúc sống cũng trong lành,
Mọi người đều kính yêu,
Ngắm mãi không nhàm chán.
Nhờ gặp Bạc Chánh giác,
Bạc Đạo Sư tối thượng,
Nên thành A-la-hán.

Ngài sanh ra nơi nào sắc mặt cũng đẹp, mọi người ngắm ngài không chán. Trong kinh kể lại, người nào ngắm ngài thì tự nhiên phát tâm Bồ-đề, phát tâm xuất gia liễn. Còn người ta ngắm mình mà chạy luôn, là mình tự biết nghiệp rất xấu.

Thanh lương mà diệt độ,
Chính nhờ chí nguyện ấy,
Khiến lòng con vắng lặng,
Chứng La-hán vô cầu,
Hành nghiệp đều vô lậu.
Giả sử quét dọn hết,
Khiến thế gian trong sạch,
Không bằng lìa dục ái.
Quét dọn chỗ kinh hành,
Như quét sạch thiên hạ,
Và nơi đi kinh hành,
Không bằng tại Tinh xá.

Quý thầy quét ngoài đường, quét cho hết cả thiên hạ luôn không bằng một cây chổi quý thầy quét Tinh xá, quét chùa, quét Thiền viện. Ngài nói quét sạch hết luôn cũng không bằng quét tại Tinh xá mình. Ở đây có hai nghĩa, cái gì quý thầy cũng biết hết không bằng một niệm quý thầy phải sạch hết những trần cấu, quét sạch ngôi đất tâm của mình.

Giả sử quét dọn sạch,
Tinh xá khắp thế gian,
Không bằng tại Phật đường,
Quét sạch một tác đất.

Có nghĩa là không bằng mình quét ngôi già lam của mình.

Tự thân đã tạo phước,
Nhờ đó biết diệu kỳ,
Ngay khi quét nền chùa,
Trong lòng rất hân hoan,

Theo đó nên biết rõ,
Đức của Phật cao thâm,
Nên cúng thờ chùa Phật,
Được vô lượng phước đức.
Nay con tự nhớ lại,
Việc thiện xưa đã làm,
Quả ấy đều viên thành,
Phật khả ý an lạc.
Cho nên với chùa Phật,
Tịnh tâm vui hiến cúng,
Nhân giả đó đệ nhất,
Phước điền không ai bằng.
Quá khứ hay cúng dường,
Nay an ổn vô lượng,
Phá trừ sạch hoàn toàn,
Dâm nô si ngã mạn.

Có nghĩa là mình phải luôn luôn cung kính quét chùa, quét đất tháp. Quý thầy được cắt lên bảng quét chùa mà không quét thì ngày đó tổn một ít phước. Cho nên nói:

*Cần tảo già lam địa,
Thời thời phước huệ sanh.*

Mình quét chùa nhưng phải nhớ quét đất tâm của mình nữa.

“Chẳng được vô cớ lên chôn đại điện dạo chơi. Chẳng được vô cớ lên tháp.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Tháp là tướng tròng phan của trời người. Không có tượng, xá lợi Phật còn chẳng nên lên hướng nữa là có ư? Nếu chẳng vì cúng dường hoa quả, hương đàn mà vào điện tháp đều đắc tội khinh thường.”

Chẳng được lên tháp của Phật hay là lên chánh điện dạo chơi.

“Vào điện tháp phải quanh bên hữu, chẳng được quanh bên tả.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Lễ tháp Phật phải quanh bên hữu như mặt trời, trăng sao quanh bên hữu núi Tu-di, chẳng được chuyển bên tả. Như Lai giáng sanh du hành bảy bước cũng từ bên Nam qua bên Tây, cho nên vào điện tháp phải từ bên nam mà qua bên Tây, từ Tây qua bên Đông. Lại nữa, người mà nhiều bên hữu là biểu thị cho cái trí vâng thuận. Phàm là việc vâng thuận thì tất cả thấy đều thành tựu.”

Quý thầy đi nhiều phải biết, phải nhớ.

“Đi nhiều tháp hoặc ba vòng, bảy vòng nhẫn đến mười vòng, một trăm vòng, phải biết số mấy vòng.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Ba vòng là biểu thị cho thanh tịnh ba nghiệp.”

Đi một vòng là biểu thị thân nghiệp, vòng thứ hai là khẩu nghiệp, vòng thứ ba là ý nghiệp. Nhiều tháp ba vòng là tiêu biểu thanh tịnh ba nghiệp được trong sạch, được vắng lặng.

“Ba vòng là biểu thị cho cúng dường Tam bảo, tức là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.”

Ba vòng, tất cả đều tiêu biểu cho đức tướng của Đức Phật. Sau này nếu đủ túc duyên quý thầy được cư sĩ mời đi Ấn Độ quý thầy phải nhớ, đi nhiều trật người ta nói rước ông thầy này đi uống tiền. Mình bắt Phật tử đi nhiều ba vòng, Phật tử hỏi đi ba vòng có ý nghĩa gì mình nói không biết là không được. Sẵn dịp mình thuyết một bài pháp luôn, ba vòng tiêu biểu cho thân, khẩu, ý...

“Chẳng được hỉ, khạc trong điện hoặc tháp.”

Kinh Thí Dụ có ghi:

Thuở xưa có một vị quốc vương rất quý về đạo đức, thường kinh hành nhiều tháp Phật. Hôm ấy, trong lúc ông đi kinh hành chưa đủ một trăm vòng, một vị vua nước láng giềng nghe tin ông đi nhiều tháp thì bất ngờ đem binh đến đánh để chiếm đoạt nước. Các quan cận thần vô cùng hoảng sợ, báo lại và xin quốc vương tạm thời dừng nhiều tháp, lễ kính để tiện chế ngự cường địch. Quốc vương đáp: “Cứ để cho chúng đánh sang, ta quyết không dừng nhiều tháp.” Do tâm ý kiên định, nhà vua không dừng nhiều tháp, kết quả quân địch tự tan rã.

Qua câu chuyện này quý thầy thấy có ý nghĩa gì? Về sự, mình thấy năng lực mười phương chư Phật là bất khả tư nghì. Về lý, trong lúc đi nhiều tháp tâm ta luôn chánh niệm, luôn thu thúc lục căn thì giấc tan rã. Giấc ở đây là giấc tham dục, giấc sân hận, giấc tật đố, ích kỷ, nếu chúng ta chánh niệm liên tục thì tự nhiên nó tan rã.

Trong Kinh Đề-Vi, một vị trưởng giả bạch với Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Rải hoa, đốt hương, thắp đèn, lễ Phật ấy là cúng dường được phước phải rồi, còn nhiều Phật được phước như thế nào?

Phật dạy nhiều tháp có năm phước đức thù thắng:

1- Đời sau được thân tướng đoan chánh.

Người có tâm kiên định nhiều tháp đời sau sinh ra được tướng thù thắng, được người kính tín.

2- Được tiếng tốt đồn khắp.

3- Được sanh lên cõi trời.

4- Được sanh trong nhà vương hầu.

Được sanh trong nhà quý tộc và được gặp Phật pháp.

5- Được đạo Niết-bàn.

Sử sách ghi lại những vị Tổ phần nhiều thị hiện vô nhà vương hầu, do năng lực thù thắng, do nghiệp cảm duyên khởi. Còn thị hiện vào nhà nghèo rất ít. Sanh trong nhà vương hầu được thiện pháp thù thắng cho nên các ngài tu đạo chứng quả nhanh hơn người nghèo khổ. Đồng ý rằng Phật tánh là bình đẳng, nhưng những người sanh trong nhà quý tộc, vương hầu đa phần thiện pháp thù thắng hơn những người bình thường. Còn mình sanh trong gia đình nghèo khổ là mình biết nghiệp duyên mình cũng hơi xấu, thì mình vào đây công quả, làm tất cả các việc thiện pháp để những chướng duyên trên đường tu mình ít gặp.

“Chẳng được lấy nón, gậy các món dựng vào vách chùa.”

Chẳng hạn mùa mưa, đi tụng kinh quý thầy cầm cây dù, quý thầy dựng vách hay là bỏ xuống đất?

Cách đây hai tuần có một đoàn nhà báo đến vào một buổi chiều trời hơi mưa, tôi vào thỉnh Thầy Trụ trì ra Chánh điện để họ phỏng vấn. Thầy cầm cây dù để xuống đất. Tôi để ý nhiều lần như thế, không bao giờ Thầy dựng bên vách chùa. Tuy mình thấy những vị lớn ít nghiêng cứu về oai nghi, giới luật nhưng khi vào chùa các ngài đã thực hành từ lúc nhỏ rồi, đã thâm nhập vào tàng thức rồi cho nên các ngài hành động ra là có oai nghi phép tắc.

Trong Sử 33 Vị Tổ, Tổ thứ 20, Tổ Xà-dạ-đa trong kiếp quá khứ được Thầy Bốn sư nói không bao lâu nữa ông chứng quả Tư-đà-hàm. Nhưng Tổ nghe có Bồ-tát Quang Minh ra đời nên đi đánh lễ Bồ-tát. Khi về thì Thầy Nguyệt Tịnh nhìn khuôn mặt Tổ nói rằng:

– Ông mất quả vị của ông rồi.

Tổ hỏi tại sao thì Thầy nói:

– Ông khinh cha trọng con.

Khinh cha là sao? Khinh cha là khinh Đức Phật mà trọng con là trọng Bồ-tát. Bồ-tát dù sao đi nữa cũng là con của Phật. Bồ-tát hiện thân ra đời bằng sắc thân ngũ uẩn này nhưng cũng thua hình tượng của Đức Thế Tôn. Khi ngài đến đánh lễ Bồ-tát, ngài dựng cây gậy bên vách chùa có thờ hình tượng Đức Thế Tôn, tức là dựng gậy vào mặt Phật cho nên ngài mất quả vị.

Kinh Bửu Vương có ghi:

Một vị hiền giả trên mặt tự nhiên xuất hiện chữ quốc vương. Một người giỏi coi tướng nhìn thấy định gả con gái cho vị hiền giả này. Vị này nói trước khi cưới vợ ông phải đến chùa lễ Phật. Khi đến chùa ông dựng gậy vào vách già lam. Vì sanh tâm kiêu mạn nên mất chữ quốc vương mà còn đọa trong địa ngục lớn.

Những câu chuyện này nhắc nhở chúng ta điều gì? Chúng ta học oai nghi phép tắc của nhà Phật phải kinh nghiệm chỗ này. Nhiều khi mình nghĩ luật nói vậy chứ chắc gì có. Quý thầy có dám về dựng thử gậy không? Khi vừa khởi niệm như vậy là có tâm kiêu mạn, mà trong giờ phút thực tại khởi tâm kiêu mạn đó thì cửa ngõ ác đạo sẽ mở ra cho

mình, nên trên bước đường tu mình gặp chướng duyên rất nhiều. Mà những cảnh giới này gọi là bất khả tư nghì, hàng phàm phu mình không biết được. Kinh Hoa Nghiêm Phật nói chỉ có Phật mới biết thôi.

Qua bài Vào Chùa Am, quý thầy thấy được rằng nếu chúng ta chịu khó học oai nghi phép tắc thì việc tu hành rất mau tiến.

10. Vào Thiền Đường Phải Tùy Chúng

Trong hai mươi bốn bài oai nghi có những bài dạy về phép tắc oai nghi, nhưng bài thứ mười này chỉ thẳng vào phương pháp thiền chốn ngọa, để quý thầy lưu ý vào thiền đường mình phải làm gì.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Nhiếp tâm mà chẳng phân tán gọi là thiền. Chỗ mài giữa của bậc anh hiền gọi là đường.”

Nhiếp tâm chẳng loạn gọi là *thiền*. Chỗ mài giữa của các bậc hiền đức, chỗ mài giữa thành Phật tác Tổ gọi là *đường*. Quý thầy vào trong đó mài giữa những gì? Mài giữa những tính chất cù cặn trong tâm thức của mình như tham, sân, si, tật đố, ích kỷ. Quý thầy lên thiền đường với tâm niệm như vậy thì tu rất tiến. Lên thiền đường mình có tâm niệm đây không phải là chỗ đơn giản, chỗ mình giỡn cười mà là chỗ thành Phật tác Tổ mai này.

Thiền sư Phương Tụ Thành Trứ nói về Mười Bảy Pháp Tham Thiền:

Một:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Cần nhất đừng lựa chọn,
Chẳng rơi vào Thánh, phàm,
Đâu chia chúng sanh, Phật.*

Tham thiền không hẳn là ngồi thiền, tham thiền ở đây chính là đi, đứng, ngồi, nằm. Pháp tham thiền quá thù thắng, không pháp nào thù thắng bằng. Mười phương chư Phật nhờ công phu thiền định nên mới thành Phật tác Tổ, cho nên ngài nói *pháp tham thiền bậc nhất*. Mà cần nhất là gì? *Cần nhất đừng lựa chọn, chẳng rơi vào Thánh, phàm*. Ở đây mình học qua phần chốn giáo. Tại sao nói chẳng rơi vào Thánh, phàm? Thánh là gì? Mà phàm là gì? Mình đừng nghĩ người chứng quả vị, đạt đến quả A-la-hán gọi là Thánh, còn mình chưa chứng quả gọi là phàm. Trong pháp tham thiền này không phải như thế.

Có những lúc quý thầy ngồi yên tịnh, tâm lặng thông suốt, mình cho là rơi vào chỗ tịch lặng, đó là Thánh. Còn ngồi mà luôn dấy niệm tật đố, ích kỷ, xan tham thì cho là phàm. Nghĩ như thế là rớt vào Thánh hoặc rớt vào phàm.

Thiền sư Triệu Châu nói: *“Chỗ không Phật phải mau chạy qua, chỗ có Phật cũng đừng lưu luyến.”* Chỗ không Phật có nghĩa là chúng ta khởi niệm dấy động liên tục, mình phải mau chạy qua, phải mau buông bỏ. Nhưng mà chỗ yên tịnh thì sao? Thì cũng đừng lưu luyến. Một người vợ rất đẹp và thùy mị ở ngoài đời mình có thể bỏ được, nhưng một người bước vào sơ thiền thì rất khó bỏ. Bởi vì cảnh giới tịch lặng quá, yên ổn quá cho

nên mình lưu luyện, mình đảm chấp. Vì thế vào cảnh giới thiền tông thì các ngài nói: “*Chỗ có Phật cũng đừng lưu luyện.*”

Trong Pháp Ngữ Thiền Sư Hư Vân có dạy:

“*Giả sử tám muôn bốn ngàn tạp niệm sanh diệt, người nào không thủ, không xả thì niệm niệm đều thành ánh sáng trí tuệ Bát-nhã.*”

Có nghĩa là giả sử trăm ngàn muôn cảnh đến cùng một lúc nhưng chúng ta không thủ không xả thì niệm niệm đều thành ánh sáng trí tuệ Bát-nhã.

Qua phần này quý thầy thấy phương pháp tri vọng của Hòa thượng rất là khế hợp với đường hướng của các vị Thiền sư ngày xưa. Giả sử tám muôn bốn ngàn tạp niệm sanh diệt đến cùng một lúc thì cái gì thấy được những tâm niệm đó? Mình không thủ, có nghĩa là không giữ lại; không xả, có nghĩa đừng giống như khi bị một áp lực đè nén xuống mình phải buông xả, thì niệm niệm đều thành ánh sáng trí tuệ Bát-nhã.

Theo phương pháp tri vọng của Hòa thượng, quý thầy ngồi thiền khi có vọng, khi không vọng đều biết hết. Trong khi biết, người nào lanh trí biết công phu, không có tác ý trên vọng thì không có đối đãi. Không có đối đãi thì *chẳng rơi vào Thánh phàm, đâu chia chúng sanh, Phật*. Bao nhiêu vọng niệm sanh diệt đều không thoát khỏi cái biết, đều nằm trong ánh sáng trí tuệ Bát-nhã. Cho nên nằm bắt được phương pháp Hòa thượng dạy thì tu hành rất là tiến, công phu một thời gian quý thầy thấy có một điểm dừng, ăn uống ngủ nghỉ tự nhiên nó nhàm chán.

Thiền sư Mã Tổ hỏi Thiền sư Thạch Củng:

– *Một mũi tên ông bắn được bao nhiêu?*

Ngài Thạch Củng đáp:

– *Một mũi tên tôi bắn được một con.*

Thiền sư Mã Tổ:

– *Ông bắn thua tôi rồi, một mũi tên tôi bắn một bầy.*

Đây là chỗ công phu của mình. Chỉ cần một cái biết thôi là mình bắn hết một bầy, bao nhiêu niệm sanh diệt không ngoài vòng kiểm soát của tri kiến Bát-nhã. Chẳng hạn quý thầy ngồi thiền, niệm có, niệm không, niệm phải, niệm quấy, niệm gì cũng biết nhưng không ngoài ánh sáng Bát-nhã, thì như vậy một mũi tên bắn được một bầy. Còn Thiền sư Thạch Củng thì sao? Niệm vừa dấy lên ngài tĩa rớt xuống, bắn có một con, như vậy rất mệt. Cho nên người ngồi thiền mà biết công phu thì họ tu rất nhàn, rất an ổn; đi đứng, ngồi nằm, nói năng, động tịnh họ công phu được hết. Chứ quý thầy bắn tia từng con thì rất là nhọc.

Nhưng nhớ kỹ một điểm là đừng có hôn trầm. Nghe bắn một bầy quý thầy cho một bầy nó đến luôn thì dung túng vọng, mà dung túng vọng là đồng với phàm phu. Đây tôi dẫn chứng một câu chuyện nữa:

Có một vị tăng hỏi Thiền sư Lâm Tế:

– *Chỉ như hành giả trong nhà đá đập cối giã gạo mà quên giờ chân thì nhằm chỗ nào mà đi?*

Người xưa hay lắm, nói không giống như mình, chẳng hạn đến nhà trù, nhà bếp, họ nói cái gì cũng ra đạo lý hết. Mà ông thầy phải biết. Chẳng hạn họ hỏi câu trên thì quý thầy

trả lời sao? Trong nhà đá giã gạo là sao? *Chỉ như hành giả trong nhà đá là vào thiền đường tham thiền, đập cối giã gạo tức là đang công phu. Giã gạo mà quên giờ chân thì nhầm chỗ nào mà đi?* Quý thầy đập xuống thì cái cần nó nhong lên, mà quên giờ chân, cái cần nó không hạ xuống thì gạo làm sao giã trắng được?

Thiền sư Lâm Tế đáp:

– Chìm dưới suối sâu.

Có nghĩa là đạt đến chỗ lặng quá nên chìm luôn, mơ mơ màng màng không biết gì hết, niệm có niệm không quý thầy cũng không biết, trong giờ phút thực tại này không có tri kiến Bát-nhã chiếu rọi vào cái niệm đó cho nên ngài nói là *Chìm dưới suối sâu*. Quý thầy nhớ là chỗ đó không được, phải vươn lên, phải vượt thoát lên thì lần lần quý thầy thấy pháp tham thiền này rất là thù thắng.

Cho nên chiều nay chúng ta học qua phần công phu này để nắm bắt được phương pháp thiền của Hòa thượng. Tôi hay rằng có một số quý thầy ở đây nắm bắt phương pháp thiền của Hòa thượng không được, cho nên bây giờ tu mù mờ rồi tu đủ thứ pháp hết. Chính đó là xung đột về pháp. Xung đột về pháp rồi mai kia quý thầy ra hướng dẫn Phật tử không được. Phật tử bây giờ họ tu rất có kết quả, cho nên quý thầy phải nắm bắt cho kỹ.

Sư nói tiếp:

Chỉ có người đến mà không thiếu sót y, đều biết chỗ đến của y thì đúng.

Có nghĩa là cho quý thầy chìm vào chỗ lặng lẽ yên ổn, không có vọng khởi nhưng không thiếu sót y. Đến chỗ đó lúc nào cũng có y. Y là gì? Là cái chánh tri kiến Bát-nhã, là cái biết. Cái biết này là chơn trí của Bát-nhã. *Đều biết chỗ đến của y* tức là niệm có, niệm không, niệm phải, niệm quấy, tất cả mọi thứ niệm đều biết rõ hết, Tổ nói như vậy mới là đúng. Trước sau gì mình cũng phải đến chỗ này. Thiền đốn giáo của Hòa thượng chỉ dạy, các ngài khẳng định luôn là toàn tướng, là toàn tánh. Ngay chỗ đương niệm là chơn, tức là vọng vừa khởi quý thầy biết được đó là chơn. Đó là pháp tham thiền thù thắng nhất các bậc Tổ sư để lại.

Hai:

Pháp tham thiền bậc nhất,

Đâu nhớ tháng năm gì,

Đến bí lối, cùng đường,

Thẻ chẳng ngộ chẳng nghĩ.

Vào thiền đường là như vậy đó. Người tu đến giai đoạn quyết liệt thì ngày tháng, giờ giấc các ngài ít để ý đến.

Một hôm vua Lý Thái Tông hỏi Thiền Lão Thiền sư:

– Thầy trụ núi này bao lâu rồi?

Ngài nói:

– Chỉ biết ngày tháng này, ai hay xuân thu trước.

Tức là tu quyết liệt!

Ba:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Cần phải sớm ra sức,
Sanh tử gấp đến nơi,
Ăn năn e chẳng kịp.*

Pháp tham thiền thứ ba ngài nói *Cần phải sớm ra sức*, phải dụng công miên mật, tức là chánh niệm không xen hở. Ngài sợ gì? *Sanh tử gấp đến nơi, ăn năn e chẳng kịp*. Quý thầy thấy, chỉ là bệnh cảm hơi nặng một chút tu cũng không được nữa, nằm mà rên thôi chứ đừng nói sanh tử đến! Sanh tử đến các ngài nói mình giống như con cua bò trong chảo nước sôi vậy, tay chân co rút lại hết. Tùy theo nghiệp, năng lực nghiệp nó đẩy mình đến cảnh giới xấu ác, thọ thân lục đạo. Đừng tưởng tu rồi chắc chắn là tái sanh về cảnh giới lành.

Cho nên phải công phu miên mật. Công phu một thời gian những tâm niệm tham ái tự nhiên rơi rụng. Chẳng hạn ngày xưa quý thầy thương huynh đệ nhưng có niệm luyến ái trong đó. Tu một thời gian mình cũng thương, cũng quý nhưng không còn luyến ái như ngày xưa nữa, thì mình biết rằng những hạt giống tham ái rơi rụng lần lần. Rồi ăn, quý thầy có gì ăn cũng được chứ không phải thèm muốn như ngày xưa, hạt giống thèm ăn cũng rơi dần dần. Uống cũng vậy, có gì uống cũng được, chiều nay có sữa uống cũng được mà không có sữa thì cũng vui. Những hạt giống tham ái rớt dần dần hết thì sanh tử làm sao đưa quý thầy đến những cảnh giới đó. Trong kinh diễn tả, người khát ái về ăn, khát ái về uống, vừa tắt thở thì nghiệp nó đẩy đến những cảnh giới đói khát chẳng hạn ở châu Phi, Afghanistan...

Tôi xem Kinh Hoa Nghiêm, tức là cảnh giới viên dung vô ngại pháp giới của chư Phật, các ngài nói là những pháp giới mầu nhiệm trùng trùng duyên khởi. Như Trời Để Thích, Phật không thể nào làm ra. Mười phương chư Phật cũng không tác động ra, mà do nghiệp lực, nghiệp chủng của chúng sanh. Nghiệp lực tức là sức mạnh từ nghiệp của chúng sanh đẩy đến thì tự nhiên nó biến hiện ra cảnh giới. Chẳng hạn có những nơi không bao giờ bị bão lụt, có những nơi thì bão lụt liên tục. Đó là do nghiệp lực của chúng sanh tạo ra chứ không phải trời đất nào tạo ra hết. Đốn cây, đốn rừng, rồi đào vàng, đào mỏ. Đào quá nhiều bây giờ trái đất nó bọng, nó sụp xuống, rồi sóng thần cuộn lên. Do nghiệp lực của chúng sanh tạo ra, quý thầy thấy rất là rõ. Cho nên ở đây nói sanh tử gấp đến rồi thì ăn năn hối hận không kịp. Chi bằng bây giờ mình ra sức mình tu, mình tham thiền.

Tổ Lâm Tế dạy:

“Này Đại đức, ba cõi không an giống như nhà lửa, đây chẳng phải là chỗ dừng ở lâu dài. Quý vô thường giết người chỉ trong chớp mắt, chẳng lựa sang hèn, già trẻ. Ông muốn cùng với Phật Tổ không khác thì chỉ đừng tìm cầu bên ngoài.”

Ngài dạy ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới cũng không an ổn gì, cũng luân hồi, cũng đau khổ. Cho nên phải nhảy cho gấp, đây chẳng phải là chỗ dừng ở lâu dài được. Muốn cùng với Phật Tổ không khác thì chỉ đừng tìm cầu bên ngoài thôi.

“Ngay một tâm niệm sáng suốt thanh tịnh là Phật pháp thân trong nhà của các ông”

Có nghĩa là mình ngồi thiền mà yên ổn đó là Phật pháp thân.

“Ngay một tâm niệm sáng suốt không phân biệt là Phật báo thân trong nhà của các ông. Ngay một tâm niệm sáng suốt không sai khác là Phật hóa thân trong nhà của các ông. Ba thứ thân này chính là người đang nghe pháp ở trước mặt của các ông.”

Chứ không có ở đâu hết, đừng tìm cầu ở đâu hết. Chính trong giờ phút đang nghe pháp này, với cái tâm thuần nhất thanh tịnh thì ba thân tự đầy đủ.

“Chỉ vì không hướng bên ngoài tìm cầu nên có được công dụng như thế.”

Tức là luôn luôn phản tỉnh, thu thúc sáu căn thì tự nhiên ba thân ứng hiện chứ không tìm ở đâu hết.

Bốn:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Chẳng hoãn cũng chẳng gấp,
Chánh niệm chẳng hờ thua,
Công phu phải miên mật.*

Chánh niệm của các ngài tức là vô niệm. Công phu theo tinh thần của thiền sư Lai Quà là mình không dính dáng gì hết, đầu cho muôn pháp cùng một lúc đến thì cũng không dính dáng gì. Người xưa công phu như mèo rình chuột, như gà ấp trứng vậy. Mèo rình chuột, con mắt nó lúc nào cũng nhắm con chuột. Các ngài dạy mình phải công phu đến giai đoạn đó, tức là luôn luôn phải chánh niệm miên mật. Như gà ấp trứng, con gà ấp trứng chẳng hạn ba ngày nở, mới hai ngày nó bước xuống thì gà con chết, không nở được. Cũng vậy, có lúc quý thầy siêng năng ngồi thiền ngày đêm, rồi có lúc bỏ ngồi thiền đắp mền ngủ. Ở đây ngài dạy *chánh niệm chẳng hờ thua, công phu phải miên mật.*

Năm:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Cảnh duyên không dính mắc,
Khoảng chớp mắt tình sanh,
Liền khiến cho trí cách.*

Cái này cũng rất là khó. Đừng nói gì cao xa, chẳng hạn quý thầy xuống nhà bếp gắp trái táo để trên bàn, nhìn qua nhìn lại không có ai thì tình nó sanh chưa? Tình sanh liền! Nhưng nếu trong giờ phút thực tại này mà mình có tâm chánh niệm, có tâm giới luật miên mật, có tâm tầm quý thì tự nhiên tình không sanh mà trí tuệ Bát-nhã xuất hiện. Còn lấy trái táo bỏ vô túi thì tình sanh mà trí thì cách!

Cho nên Tổ Lâm Tế nói:

“Chỉ trong tất cả thời dừng cho gián đoạn, chạm mắc đều là phải. Chỉ vì tình sanh, trí cách, tưởng dấy nên thể bị sai khác cho nên luân hồi trong ba cõi, chịu các thứ khổ. Nếu theo chỗ thấy của sơn tăng thì không có gì là không thâm sâu, không có gì là không giải thoát.”

Bây giờ chúng ta học qua công phu của chư Tổ để có sự khích lệ trên đường tu. Ngài nói *chỉ trong tất cả thời dừng cho gián đoạn*, bản thân tôi kinh nghiệm, sở dĩ chúng ta hay phạm giới điều của Phật vì mình hay cho nó gián đoạn. Còn mình luôn tâm niệm vào đây tu tức là dứt bỏ hết: bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ người thân quyến thuộc. Vào chùa rồi thì

tiền đâu mà nuôi cha mẹ, không nuôi được thì chỉ nhờ công đức tu hành của mình thôi. Mai kia đủ nhân đủ duyên quý thầy có một ngôi chùa lớn hay nhỏ gì cũng được, rước cha mẹ về nuôi, hướng dẫn tu tập sám hối thì cũng trả được cái ơn.

Đừng cho chạm mắc đều là phải. Đừng chạm mắc cái gì thì cũng đều là phải. Chỉ vì tình sanh, trí cách, vừa dấy niệm là tưởng nó dấy lên rồi. Cái thể nó sai khác cho nên luân hồi trong ba cõi chịu các thứ khổ não. Nếu theo chỗ thấy của sơn tăng thì không có gì là không thâm sâu, đều là Phật pháp, đều giải thoát hết. Không phải mình lên ngồi thiền mới là tu, xuống nhà bếp quý thầy lật rau, không dấy niệm mà chỉ biết lật rau, chỉ biết làm thôi thì giải thoát rồi, là thâm sâu Phật pháp rồi.

Sáu:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Nhướng mày mở mắt to,
Chẳng phải do người tìm,
Ngộ chính nơi tự kỷ.*

Tức là ngộ ở nơi mình chứ không ở đâu hết. Bồ-tát Long Thọ nói người tu thiền cần nhất chỗ này, ngài khẳng định giới luật là da, định là thịt, trí tuệ là xương, ngộ ra diệu tâm của chính mình đó gọi là tủy.

Bảy:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Lấy ngộ làm chuẩn tắc,
Múa mở cùng khua môi,
Có gì là dánh đáp?*

Học giáo lý suông thì không dánh đáp gì hết. Cho nên ở đây nói: “*Pháp tham thiền bậc nhất, lấy ngộ làm chuẩn tắc.*” Ngộ là ngộ cái gì? Quý thầy vào thất có ngộ cái gì không? Ở đây mình đừng nói đại ngộ như các ngài, nói tiểu ngộ thôi. Chẳng hạn ở ngoài đời quý thầy quý cái thân này lắm, sợ làm, ghét làm, mà bây giờ vào đây xả thân vì đại chúng thì quý thầy ngộ ra thân này không có thật, thân này vô ngã, nó không phải là mình. Là ngộ rồi. *Lấy ngộ làm chuẩn tắc* là từ cái ngộ đó quý thầy bước vào công phu rất là yên, tức là ngộ đến chỗ vô ngã.

Có ông người Mỹ đang tu ở Thiền viện, ngồi thiền rất giỏi, ngồi như pho tượng, lưng thẳng đứng. Thầy Tĩnh Đàm hỏi:

– Ông ngồi thiền hai tiếng có đau không?

Ông nói:

– Đau lắm chứ. Nhưng khi đau tôi tự hỏi ai đau, hỏi vậy tự nhiên hết đau.

Nghĩa là cũng có phương pháp. Ông nói ông ngồi đến một tiếng rưỡi, đau nhức chịu không nổi thì ông phản quan lại: Ai đau? Cái gì đau? Tự nhiên một hồi hết đau.

Thiền sư Trung Phong nói:

“Chưa ngộ phải thường lo niệm.”

Ngài nói mình chưa thật sự ngộ, trong tích tắc, trong một khoảng sát-na mình chưa nhận diện ra được đạo, thì *chưa ngộ phải thường lo niệm*. Tức là phải luôn tha thiết nghĩ về đạo, luôn nghĩ mình vào đây tu để làm gì.

Ngài nói tiếp:

“Đã ngộ càng phải giữ gìn như bưng đĩa nước, như giữ tròng con mắt, như đi trong chỗ nguy hiểm, như cầm vật báu, như đối trước vua, trước Thầy, đây là giữ gìn đạo vậy. Giữ gìn tức là tu, phải thấy đạo rồi mới tu, chẳng thấy đạo làm sao mà tu?”

Đây là vị thiền sư nổi tiếng nhất đời nhà Tống, là đệ tử của thiền sư Cao Phong rất nổi tiếng về pháp môn đốn giáo.

Ngài nói *chưa ngộ phải thường lo niệm, đã ngộ càng phải giữ gìn...* Có những vị hành giả sơ ý chỗ này, chẳng hạn có một lúc nào đó quý thầy thấy được chỗ đến đó rồi thì ỷ lại xông pha, tức là “thống tay vào chảo” luôn, phỏng mình phỏng mấy hết. Ngộ rồi *như giữ tròng con mắt*, phải luôn luôn chánh niệm thu thúc, đừng nghĩ mình biết chút ít về đạo rồi thì buông thả tự do, tự đại. *Thấy đạo rồi mới tu, chẳng thấy đạo làm sao mà tu?* Quý thầy có đủ nhân duyên được Thầy Trụ trì cho vào thất bốn mươi chín ngày, hoặc hai mươi một ngày phải ráng cố gắng tu để thấy một điểm. Một điểm là tôi tạm nói, chứ quý thầy tìm một điểm là trật. Nghĩa là có niềm tin về đạo rồi thì quý thầy mới ở suốt đời trong từng lâm được. Nếu không còn đủ duyên ở đây, mà đi chỗ khác thì suốt cuộc đời quý thầy cũng cạo đầu nửa tháng một lần. Còn không thấy đạo, tu một thời gian quý thầy sẽ thấy chán. Tu chừng mười năm trở lên mà không thấy đạo thì tu cũng cứ lờ lờ, rất dễ muốn hoàn tục.

Có người hỏi ngài: *“Đã ngộ rồi đâu cần phải tu.”* Ngài đáp: *“Tập khí do nhiều kiếp huân tập, không thể nhất thời mà sạch hết nên cần phải tu, tu đến vô tu, sau đó mới đồng với chư Phật, vì thế cái tu này là một điều rất khó.”*

Ngài nói rất là rõ. Có những hành giả ra trình kiến giải với Hòa thượng, với Thầy Trụ trì thì đồng như chư Phật vậy, nhưng rồi đến hỏi Hòa thượng sao có lúc cũng còn tham, cũng còn sân? Họ không biết tập khí mình vẫn còn. Phật nói giống như giấy gói con cá, bỏ con cá ra giấy cũng còn tanh. Rồi một bó hương gói lại, bỏ bó hương ra giấy cũng còn thơm. Tập là nhóm họp, khí là hơi hám. Hơi hám nhóm họp vô lượng kiếp rồi bây giờ gạt lần lần ra. Tu chỉ bấy nhiêu thôi, chỉ là gạt lọc vọng tưởng chứ không cần gì nữa hết. Tu đến chỗ vô tu rồi thì đồng với chư Phật, tức là giữ giới mà không thấy giữ giới nữa. Lúc nào quý thầy cũng ở trong cảnh giới mô phạm của mười phương chư Phật, thì lúc đó giới cũng không cần, oai nghi phép tắc cũng bỏ hết.

Tám:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Vốn không bày hình thức,
Mỗi duyên ngộ khác nhau,
Chẳng câu nệ kiểu cách.*

Pháp tham thiền rất thù diệu, đặc sắc. Thiền ở Ấn Độ là thiền Ấn Độ, nhưng qua Trung Quốc là thiền của Trung Quốc, qua Nhật Bản là thiền của Nhật Bản, đến Việt Nam là thiền Việt Nam, thiền của Sơ Tổ Trúc Lâm Đại Đầu-đà.

Chỗ này rất là đặc biệt, *vốn không bày hình thức*, chẳng hạn chiều lại quý thầy đi yên tịnh lim dim cặp mắt mà vọng tưởng quá chừng cũng không được. *Không bày hình thức mà mỗi duyên ngộ khác nhau*. Đức Phật thấy sao mai ngộ, nhưng Lục Tổ nghe câu kinh “*Bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm, ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*”, ngài ngộ ra và tìm đến Ngũ Tổ.

Đừng nghĩ rằng Lục Tổ nghe kinh ngộ, mình cũng phải làm cách gì đó đọc kinh cho ngộ, mỗi duyên nó khác. Mỗi hình thức, mỗi địa phương, mỗi sự tu tập, hành pháp của mỗi người thì mỗi duyên ngộ nó không đồng. Thiền sư Linh Vân thấy hoa đào nở mà ngộ đạo:

*Tam thập niên lai tầm kiếm khách,
Kỷ hồi lạc diệp kỷ trưu chi,
Tự tùng nhất kiến đào hoa hậu,
Trực đáo như kim bất cánh nghi.*

Ba mươi năm qua tầm kiếm khách tức là tìm ông chủ. Những sanh diệt vô thường của muôn pháp đến ngài cũng chưa ngộ, chỉ khi thấy hoa đào ngài mới ngộ. Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn nghe tiếng sỏi ngộ đạo. Thiền sư Lâm Tế thì bị ngài Hoàng Bá đánh ba gậy. Hôm nào quý thầy xuống nhà bếp làm việc chậm bị thầy tri khổ mắng mà tâm thức quý thầy rỗng rang không có niệm thứ hai thì đó là ngộ rồi.

Năm 1998 chúng tôi lên đây, khí thế tu thiền ở đây giống như thời Tổ Lâm Tế, thời Tổ Hoàng Bá vậy. Quý thầy lớn ở đây tu là phải ngộ đạo. Cũng có những vị ngộ đạo nhưng ra làm việc sớm quá cho nên bị mất mình. Ngộ rồi còn phải trưởng dưỡng nữa.

Chín:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Tâm không quên tự kỷ,
Nếu núi ngã mạn cao,
Không có ngày liễu thoát.*

Cái này rất khó. Cổ Đức nói, trong các thứ chướng nạn của sự tu, ngã mạn là chướng đạo nhất. Chẳng hạn quý thầy học luật, Phật dạy người phạm giới trộm cắp trong rừng lâm sẽ bị đọa địa ngục hay đọa lạc những cảnh giới xấu ác, quý thầy liền khởi niệm: “Để tôi thử coi, tôi vô kho lấy đồ thử xem có bị đọa địa ngục không.” Đó là đại chướng đạo, chắc chắn trong giờ phút thực tại đó, quý thầy đã che lấp đi cái tự tánh thanh tịnh của mình, mà các cửa độc hại nhất sẽ mở ra đón nhận sự độc hại đó. Cho nên ở đây nói: *Nếu núi ngã mạn cao, không có ngày liễu thoát*.

Thiền sư Đạo Nguyên nói:

“Học Phật là học quên chính mình, học chính mình tức là quên chính mình.”

Quên ở đây nghĩa là cái núi ngã mạn của mình càng ngày càng thấp xuống, phải kính trên, nhường dưới, ai nhờ việc gì cũng làm: nấu cháo cảm, nấu cá cho chó ăn, quét thiền đường, bữa củi, nấu cơm... Nếu mình có sức, sẵn sàng làm tất cả việc mà chúng nhờ thì tự nhiên cửa giải thoát sẽ mở ra. Không phải mình lên thiền đường mới giải thoát. Lên thiền đường ngồi hai tiếng mà ngủ một tiếng rưỡi làm sao giải thoát? Chi bằng vừa làm vừa tu.

Tôi cũng nói thẳng điều này, chẳng hạn quý thầy được phân công làm việc, quý thầy không bệnh nhưng lại báo là có bệnh để khỏi làm thì bị nhân quả liền. Tôi kinh nghiệm điều này: Ở Thường Chiếu từng có những thầy sau này nói rằng rất hối hận, nhưng hối hận thì đã muộn. Nếu báo bệnh mà bệnh thật thì không sao, chứ quý thầy báo dối là bảo đảm dính nhân quả.

Mười:

Pháp tham thiền bậc nhất,

Là con đường thẳng tắp,

Đập vỡ nát Lao quan,

Đáng là trang tuấn kiệt.

Chỗ này hơi cao một chút, chưa làm được nhưng phải học. Quý thầy học qua tinh thần của Thiền sư Lai Quả rồi thì bảo đảm từ đó về sau không ai dám bắt bớ nữa. Xem ngữ lục của ngài thì có nước lo tu chứ không dám nói gì hết. *Pháp tham thiền bậc nhất* tức là *thù thẳng lăm, là con đường thẳng tắp*, là đi máy bay chứ không phải đi xe lửa.

Lao quan là gì? Quan là cửa. Trong Ngữ Lục của Thiền sư Lai Quả có chia ra ba cửa cho người học: *Sơ quan, Trùng quan, Lao quan*.

1- Sơ quan:

Hằng ngày đối với muôn pháp quý thầy tỉnh ráo không dấy niệm, nhưng tối ngủ mơ thì lại phạm giới. Chẳng hạn người xuất gia có ai đưa đùi gà thì không bao giờ ăn, nhưng tối ngủ mơ, có người kể lại mơ thấy ăn đùi gà, thậm chí uống rượu luôn. Có người còn mơ thấy ăn thịt chó là mơ... Có người nói bốn năm đầu đều nằm mơ thấy ăn mặn, năm thứ năm mới dứt. Đó là *Sơ quan*, cửa thứ nhất bước qua không nổi.

2- Trùng quan:

Qua cửa thứ hai này quý thầy thức ngủ như nhau. Nhưng ngài nói cũng chỉ là bờ mé của ý thức sinh tử.

3- Lao quan:

Qua cửa thứ ba này phàm Thánh đều buông hết, tức là không một niệm nào, không dấy niệm là mình ngộ đạo. Cho nên Lục Tổ nói: *"Tỉnh còn một niệm ngộ, sao lụy kiếp mê xưa."*

Cửa này khó nhất gọi là núi bạc, vách sắt. Các vị Thiền sư giải thích núi đó dựng đứng, quý thầy bám vào đi lên, gần tới đích tự nhiên tuột tay rớt xuống tan thân, nát mạng. Các ngài nói là tuyệt hậu tái tô thì một phen mới sống dậy. Đó là bước vào con đường thứ ba tức là cửa *Lao quan*. Khó như vậy cho nên mình chỉ có nước tu thôi chớ hết dám "bắn bồng", nói thiền nói đạo không dính dáng gì các ngài hết. Cho nên ở đây nói *đập vỡ nát Lao quan, đáng là trang tuấn kiệt*.

Một hôm, Thiền sư Đam Nguyên hỏi Ma Cốc:

– Quan Âm mười hai mặt là phàm hay là Thánh?

– Là Thánh.

Đam Nguyên bèn đánh Sư một cái, bảo:

– Biết ông chẳng đến cảnh giới ấy.

Có nghĩa là phàm thì bước qua được rồi, ngay chỗ thức ngủ như nhau rồi mà một niệm chưa bước qua cửa Lao quan. Hỏi, là phàm hay Thánh? Thánh! Rớt trong cảnh giới Thánh liền. Cho nên Thiền sư Đam Nguyên đánh Thiền sư Ma Cốc một cái, nói biết ông chẳng đến cảnh giới ấy, tức là còn chưa bước qua cảnh giới niệm duyên phân biệt đó. Cho nên cái cửa Lao quan của ngài Lai Quả khó có người bước qua được.

Cửa thứ hai, thức ngủ như nhau mà còn chưa được. Chẳng hạn như tôi, tôi phát tâm bất cứ giá nào cũng giữ giới không ăn phi thời. Một thời gian, tôi nằm mộng thấy buổi chiều khoảng sáu giờ người ta bưng cho tôi một tô canh bún. Nằm mơ mà y như thật vậy, tôi ăn, ăn rồi tôi hối hận nói mình hứa mà phạm rồi. Giật mình dậy biết là ngủ mơ. Ban ngày giữ được mà tối lại thấy mình ăn một tô bún, giữ không được. Lần thứ hai sau đó một tháng, tôi nằm mộng thấy người ta bưng vô một ổ bánh cuốn, tôi ăn ngon lành, ăn rồi cũng hối hận. Đến lần thứ ba thì mới hơi tỉnh tỉnh, vừa bưng vô tôi nói thôi không dám ăn nữa đâu. Giật mình dậy biết mình nằm mộng. Quý thầy thấy khó lắm chứ không phải đơn giản. Mà chuyện ăn là chuyện dễ nhất, huống chi chuyện tình cảm ngày xưa quý thầy quen biết ở ngoài đời.

Cho nên ngày xưa chúng tôi nhập thất ra là Hòa thượng dạy pháp này. Hòa thượng kể câu chuyện:

Có ông Tăng đến thất của Thiền sư Mã Tổ ngủ. Tối nghe Thiền sư Mã Tổ ngáy, sáng ra ông nói:
– Hòa thượng nói Hòa thượng là bậc thầy của tám mươi bốn vị thiện tri thức mà sao ngủ Hòa thượng lại ngáy?

Thiền sư Mã Tổ nói:

– Ông biết lúc đó tôi ngủ hay thức?

Các ngài đạt đến cảnh giới thức ngủ như nhau, ngáy vậy chứ cảnh đến các ngài biết liền, các ngài làm chủ được.

Thiền sư Ngưỡng Sơn nằm mộng thấy lên cung trời Đâu Suất, bước lên tòa thứ ba, là tòa giảng ngày hôm đó, đánh trống, nói pháp. Đến trình ngài Qui Sơn, ngài nói: “Ông bước vào dòng Thánh rồi, ngủ mà ông còn làm chủ được như vậy huống chi ông thức.” Bước vào dòng Thánh, có nghĩa là thức ngủ giống như nhau.

Mười một:

Pháp tham thiền bậc nhất,

Đầy đủ đại oai lực,

Quét ngoại đạo thiên ma,

Không còn chút dấu vết.

Mười hai:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Sạch trọi trơn mới sạch.
Vừa khởi niệm mây may,
Đã tự chịu tủi nhục.*

Mười ba:

*Pháp tham thiền bậc nhất,
Như sấm nổ điện chớp.
Đập bể nát hư không,
Quét sạch trần sa kiếp.*

Pháp tham thiền này rất thù thắng, ngộ thì ngộ ngay tức khắc, như sấm nổ điện chớp. Không ngộ thì tủi nhục cả đời.

Thiền thoại có ghi:

Có một vị Tăng không đọc kinh sách mà ngồi thiền suốt ngày, vị Tạng chủ nói:

– Sao không xem kinh sách mà ngồi thiền không vậy?

Vị Tăng nói:

– Tôi không biết chữ.

– Ông không biết chữ thì ông phải tìm người dạy để đọc sách Phật, xem kinh Phật, xem các ngữ lục của Thiền sư để lại chữ.

– Tôi không biết hỏi ai để chỉ cho tôi.

Vị Tạng chủ nói:

– Ông cần biết chữ tôi dạy cho ông.

Ngày xưa người nào giỏi lắm mới làm Tạng chủ.

Vị Tăng thộp ngực ông Tạng chủ hỏi:

– Chữ này là chữ gì?

Vị Tạng chủ không trả lời được.

Cho nên ở đây nói là như sấm nổ điện chớp, chớp mắt là các ngài ra thủ thuật liền.

Có dịp nào quý thầy ra nhà khách, gặp những người hiểu giáo lý rất nhiều nhưng quý thầy nhớ đừng chạy theo. Bữa nọ tôi tiếp một người ở Pháp về, ông này rất giỏi giáo lý, pháp môn nào cũng biết, nhưng ông ấy gọi Thầy tôi bằng tên, Sư Bác Sơn Thắng ông cũng gọi bằng tên, tôi nói:

– Ông tu ra đời phải không?

Ông giựt mình hỏi:

– Sao thầy biết?

Tôi nói:

– Mấy vị lớn mà ông chỉ gọi bằng tên nên tôi biết ông tu ra đời.

Quả thật hồi xưa ông xuất gia ở Huệ Nghiêm, bây giờ ra đời. Tôi nói với ông cái hiểu của ông chưa dính dáng gì đâu, coi chừng ông tổn phước. Tuy rằng ngày xưa các ngài

tu cùng lượt với ông nhưng người ta tu suốt cả cuộc đời ba, bốn chục năm rồi. Ông tu có mười mấy năm ông hoàn tục mà bây giờ ông tưởng các ngài cũng là huynh đệ với ông. Nói một chập thì ông hiểu. Tôi nói ông học trên ý thức sanh diệt, thật ra một chữ thiền ông chưa biết, tôi khẳng định như thế. Cho nên ở đây nói: *Như sấm nổ điện chớp.*

Cho nên Lục Tổ thị hiện không biết chữ để tiêu biểu cho pháp này. Pháp này không phải thông minh trí tuệ mà nhận biết được, chỉ những người căn cơ ứng hợp với thiền thì khả dĩ mới nhận được. Tổ Đạt-ma sau khi thọ ký cho Tổ Huệ Khả làm Tổ, ngài trao bốn quyển kinh Lăng Già cho Tổ Huệ Khả và nói: *“Đời mạt pháp chúng sanh sống trên tướng danh tự rất nhiều, chia chẻ học thức nhưng một chữ thiền cũng không nắm bắt được.”*

Quý thầy thấy rất rõ, đời này học bằng cấp rất nhiều nhưng nói về công phu thì bế tắc. Quý thầy có túc duyên được Hòa thượng hướng dẫn, rồi có môi trường tốt được ở trong nội viện tu, gia công tu tập thì có chỗ đứng. Có chỗ đứng trong nhà thiền rồi thì giống như sấm nổ điện chớp, ai nói mặc ai, không ai làm gì được quý thầy hết. Nhưng mà phải có công phu. Có công phu thì quý thầy rất tự tin. Mai kia có đủ duyên người ta mời qua Mỹ, qua Pháp mượn hội trường giảng đông nghẹt, quý thầy cũng bình thường. Bởi vì sao? Nói lại cũng bao nhiêu đó thôi mà do công phu năng lực của mình.

Như Lục Tổ Huệ Năng thị hiện, ngài có năng lực rất lớn. Khi Ni sư Vô Tận Tạng cầm quyển Kinh Niết Bàn hỏi chữ, ngài nói:

– Chữ thì không biết nhưng nghĩa thì tôi biết.

Ni Sư nói:

– Chữ còn chẳng biết sao hiểu được nghĩa?

Ngài nói:

– Lý màu nhiệm của chư Phật chẳng quan hệ gì với văn tự.

Mười bốn:

Pháp tham thiền bậc nhất,

Tốt hơn tự quyết trạch,

Việc Nam Tuyền chém mèo,

Việc Bách Trượng cuốn chiếu.

Tốt hơn tự quyết trạch có nghĩa là tự phản quan lại, chứ không phải suốt ngày thắc mắc: *“Nam Tuyền chém mèo là sao? Tại sao chém? Ngài Bách Trượng cuốn chiếu chi vậy?”* Mất mình luôn! Ở đây muốn nói luôn luôn phải phản quan lại mình thì mới đúng.

Mười lăm:

Pháp tham thiền bậc nhất,

Đâu phải ở tại ngoài,

Mỗi vật mỗi phân minh,

Thấu suốt khó đối gạt.

Ở đây ứng hợp với thiền, tức là không phải ở ngoài mà đi, đứng, nằm, ngồi mỗi cái mình phân minh, thấu suốt rõ ràng thì không ai đối gạt được hết.

Mười sáu:

*Pháp tham thiên bạc nhất,
Đèn tâm soi sáng rực,
Phóng ra vô lượng quang,
Phá đêm dài tối mịt.*

Thời Đức Phật, vua Ba-tư-nặc cúng đèn dầu cho Phật rất nhiều nhưng cây đèn dầu của một bà lão cúng dường, tôn giả Mục-kiền-liên dùng hết năng lực thần thông thối không tắt.

Phần nhiều mọi người nói là do bà lão quá nghèo nên bà cắt tóc bán lấy tiền mua dầu, của thì ít nhưng do tâm thành cho nên ngài Mục-kiền-liên thối cách mấy cũng không tắt. Đây là theo tinh thần nói về phương pháp bố thí, cúng dường. Nhưng tôi nói kiến giải của tôi cho quý thầy thông cảm, bà lão thắp cái đèn này từ nơi tự tâm của bà, từ tâm Phật của bà ứng tác ra thì không có gì làm tắt được. Cho nên ở đây nói *đèn tâm soi sáng* rồi thì *phóng ra vô lượng quang phá đêm dài tối mịt*. Tức là đêm dài vô minh, tật đố, ích kỷ, xan tham, ngay trong giờ phút thực tại đó tự nhiên nó tan biến hết, mà phải từ nơi năng lực đèn tâm soi sáng của chính mình.

Mười bảy:

*Pháp tham thiên bạc nhất,
Không có gì kỳ đặc,
Lúc đói thì ăn ngay,
Mệt, ngủ liền một giấc.*

Không có gì kỳ đặc, đói xuống ăn cơm, mệt thì ngủ khỏi ngồi thiền đúng không? Quý thầy nhớ câu “đói thì ăn, mệt thì ngủ” ở đâu không? Đa phần mình nói trong bài “Cư Trần Lạc Đạo” của Sơ Tổ Trúc Lâm:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xan hề, khổn tắc miên,
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.*

Nhưng đến giai đoạn này là trong tinh thần Tứ Liệu Giản của Tổ Lâm Tế.

*Một hôm Tổ thượng đường dạy chúng:
Có khi đoạt nhơn không đoạt cảnh,
Có khi đoạt cảnh không đoạt nhơn,
Có khi đoạt nhơn và cảnh,
Có khi người, cảnh đều chẳng đoạt.
Có vị Tăng bước ra hỏi:
– Thế nào là “đoạt người không đoạt cảnh?”*

Tổ đáp:

*Bình minh lộ dạng bày đất gấm,
Trẻ thơ xoa tóc trắng như tơ.*

Có những lúc quý thầy phải kiểm soát cái tâm miên mật, ngoại cảnh không dính dáng gì hết, cho nên ở đây nói *bình minh lộ dạng bày đất gấm*, có nghĩa là vạn pháp bày ra muôn cảnh, muôn hình vạn trạng thì cũng không dính gì đến mình. *Trẻ thơ xoa tóc trắng*

như tơ là luôn luôn phản chiếu lại mình, công phu chính mình thì đó gọi là đoạt nhơn mà không đoạt cảnh.

– Thế nào là đoạt cảnh không đoạt người?

Tổ đọc kệ:

Lệnh vua đã ban khắp thiên hạ,
Tướng quân ngoài ải dứt bụi mù.

Đoạt cảnh là gì? Quý thầy tránh duyên vào đây tu lo tham thiền, sám hối, luôn luôn sợ cảnh.

– Thế nào là đoạt cả người, cảnh?

Tổ nói:

Tịnh phần bật tin,
Ở riêng một chỗ.

Tịnh phần là nói về chỗ quê hương. Đoạt cả người và cảnh là bật tin tức, ở riêng một chỗ.

– Thế nào là người, cảnh đều chẳng đoạt?

Tổ nói:

Vua lên điện báu,
Lão quê ngợi ca.

Đạt đến chỗ này rất khó. Vua lên điện báu, lão quê ngợi ca tức là thiên hạ thái bình rồi thì mọi người đều ca hát, không còn chiến tranh tức là không còn vọng tưởng điên đảo gì nữa. Chỗ này tâm cảnh nhất như thì đồng với “Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền.”

Qua phần này quý thầy thấy tinh thần Tứ Liệu Giản của Tổ Lâm Tế không phải chuyện đơn giản. Nghe nói đói thì ăn, quý thầy đói lúc nào ăn lúc đó thì trật. Rồi một lúc nào cũng ngủ hết thì không đúng, trái thanh qui của Thiền viện.

Hòa thượng Tiểu Ân nói:

Cháo xong lễ bái sau uống trà,
Phóng tham diệt sạch chớ xướng ồn,
Vào đường ra cửa thanh qui hợp,
Mới thấy tùng lâm có tác gia.

Vào thiền đường tu tập đúng với thanh qui rồi thì bảo đảm trong tùng lâm có bậc tác gia kiệt xuất, cơ dụng thông minh.

“Trên đơn chẳng được giữ áo mền nổi tiếng, bụi bay khiến người gần đơn động niệm.”

Mình ngủ trên đơn với đại chúng không được giữ áo mền, thứ nhất là thô tháo, thứ hai là bụi bay như người, thứ ba là khiến người động niệm.

“Phàm vào nhà thiền phải đủ năm pháp: 1-Tâm phải yêu kính, tôn trọng mọi người. 2- Phải thấp mình khiêm tốn như khăn lau bụi. 3- Phải biết khi ngồi, khi dậy, khi cúi, khi ngược phải thời. 4- Ở trong Tăng chúng chẳng được nói bậy. 5- Những việc không thể nhẫn cũng phải im lặng.”

1- *Tâm phải yêu kính, tôn trọng mọi người*: Vào thiền đường cũng gọi là vào Tăng đường, phải có đủ năm pháp, thứ nhất là phải yêu kính tôn trọng người khác. Chẳng hạn người ta đang học, đang tu mình đừng có giỡn cười. Có tâm tôn trọng như thế mai kia ra đời mới gặp Phật pháp tiếp.

2- *Phải thấp mình khiêm tốn như khăn lau bụi*: Thấp mình với đại chúng chớ đứng cống cao ngã mạn.

3- *Phải biết khi ngồi, khi dậy, khi cúi, khi ngược phải thời*: Chứ không phải bạ đâu cũng ngồi, cũng đứng, cũng dậy, lằng xằng lộn xộn trong Tăng đường thì không được.

4- *Ở trong Tăng chúng chẳng được nói bậy*: Tức là nói chuyện đời, chuyện này chuyện kia.

5- *Những việc không thể nhẫn cũng phải im lặng*: Thầy tôi dạy những việc không nhẫn được thì mình phải im lặng tránh chỗ khác. Ngài ví dụ, như một chiếc thuyền chuẩn bị ra khơi mà giông tố ào ạt nổi lên quý thầy dám giông thuyền ra không hay là tránh vào bờ? Việc ở trong chúng cũng vậy, nếu không nhẫn được thì im lặng mà rút liền chớ đừng đứng đó, sợ có lúc mình sanh tâm không tốt.

Đó là những phương pháp người xưa dạy cho mình.

Khi xuống đơn thăm tường bài kệ:

***“Từ sớm giờ Dần thẳng đến tối,
Tất cả chúng sanh lánh giữ mình,
Bằng ở dưới chân tan thân hình,
Cầu người bấy giờ sanh Tịnh Độ.”***

Sa Di Học Xứ ghi:

“Người cùng với chúng sanh hình thể tuy có khác mà tánh thật không khác. Người hoạt động, chúng sanh cũng hoạt động; người thở, chúng sanh cũng thở. Song ta tuy không có tâm tổn hại mà cũng thiết yếu chính mình trước phải giữ mình, nếu ở dưới chân mà có tan thân mất mạng thì nguyện các chúng sanh này cũng sanh nơi cõi Phật.”

Tinh thần đạo Phật luôn lấy từ bi làm gốc. Mình phải phát nguyện lữ đạ chúng sanh nào, con trùng, con kiến, con ốc gì đó thì đều hồi hướng chúng được sanh về cõi Phật. Mình có căn duyên phúc đức cho nên gặp được Phật pháp minh tu, chứ tu theo phương pháp nào không biết mà dính vào con đường ăn mặn thì cái khí ngày càng trệ, càng chìm xuống.

Kinh Phân Biệt Công Đức ghi:

“Thứ nhất quán niệm Phật là việc gì? Thân Phật là Kim cang, không bị rớt phiền não vào. Khi Đức Phật đi, chân cách mặt đất bốn tấc, lành tương ngàn châu hiện dấu nơi đất, các loài trùng dưới chân bấy ngày được an ổn, nếu nó mạng chung đều được sanh về cõi trời.”

Mình phải quán được năng lực thù thắng của Đức Phật, ngài đi đến đâu thì lành tương ngàn bánh xe hiện ra, các loài trùng kiến được bấy ngày an ổn, nếu mạng chung được sanh về cõi trời Đao Lợi. Cho nên trong từng bước đi mình phải chánh niệm. Một vị Thiền sư nói, đang đi kinh hành mà thất niệm thì giống như giết hại một con trùng chớ không cần phải đạp mới là giết hại. Các ngài miên mật đến mức độ như vậy. Có nghĩa

là mỗi một niệm mà chúng ta không tỉnh giác, không chánh niệm là giết hại một con trùng.

Phương pháp kinh Kim Cang dạy rất rõ.

Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề nên làm sao trụ, làm sao hàng phục được tâm?

Đức Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Tu-bồ-đề, đúng như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát.

Trong kinh Kim Cang, trở về thật tướng là Đức Phật sáng cũng đắp y mang bình bát vào thành khất thực, về cũng rửa chân. Nhưng tại sao có những kinh Đại thừa nói Đức Phật đi cách mặt đất bốn tấc, Kinh Kim Cang thì nói Đức Phật đi khất thực về rửa chân rồi mới thọ trai? Ở đây ngầm ý Đức Phật đi là luôn luôn sống trong giờ phút thực tại, **ngay tại đây và bây giờ**. Cho nên nói *khéo hộ niệm các vị Bồ-tát*, có nghĩa là thấy được thân tướng, năng lực của Đức Phật đi thì các Thầy Tỳ-kheo tự nhiên thu thúc sáu căn đi chánh niệm như Đức Phật.

Có một lần tôn giả La-hầu-la đi theo Đức Phật khất thực bị mấy đứa con nít chọc ghẹo, quậy phá, tôn giả dấy niệm hoàn tục để về làm vua rồi trở lại xứ này giết sạch hết. Vừa khởi niệm Đức Phật thấy liền, Ngài nói: “*Này La-hầu-la! Ông phải thu thúc sáu căn của ông lại, chánh niệm tỉnh giác.*” Rồi đến gốc cây, Phật dạy về phương pháp quán niệm hơi thở. Trong khi quán niệm hơi thở, tôn giả La-hầu-la kiến đạo, đi vào dòng Thánh.

Thu thúc sáu căn, quán niệm trong giờ phút thực tại đó, ở đây nói là *Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát*, có nghĩa là trong bốn oai nghi Đức Phật đều:

Hành như phong.

Lập như tùng.

Ngọa như cung.

Tọa như chung.

1- Hành như phong:

Nghe nói hành như phong, quý thầy đi vút vút như gió là trật, không có oai nghi. Hành như phong có nghĩa đi rất chậm, rất nhẹ, đi lúc nào cũng nhẹ nhàng như gió thoảng, không kéo lê đôi dép gây ra tiếng động.

2- Lập như tùng:

Đứng thẳng giống như cây tùng. Những người mô phạm họ đứng, họ đi phải khác người thường.

3- Ngọa như cung:

Nằm kiết tường, không thẳng mà cũng không cong quá.

4 – Tọa như chung:

Ngồi vững như chuông.

“Chẳng được cao tiếng nói lớn.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Thiền đường chính là chỗ khám nghiệm rỗng, rảnh. Phàm vào trong Thiền đường, tất cả căn yếu phải nương vào qui củ. Nếu cao tiếng nói lớn tựa như không có người khác, thái độ như cuồng, hướng nữa một người lớn tiếng mọi người đồng theo thì Thiền đường ồn náo làm trở ngại công phu của người kia thì tội chẳng phải là lớn ư? Phàm làm Sa-môn buông lời nói, nói phải kính dè, tiếng phải dịu hòa mới xứng hợp oai nghi dòng họ Thích.”

Tổ Tuyên Luật Sư dạy Thiền đường chính là chỗ khám nghiệm rỗng, rảnh. Có nghĩa là vào Thiền đường mình biết đây là rỗng con, còn đây là rảnh mà là rảnh già, lớn tiếng ồn ào mất oai nghi phép tắc.

Hồi xưa ở Thường Chiếu có một thầy vào Thiền đường chừng năm, mười phút là ngã lăn nằm dài ra ngủ, chúng nói không nghe ai hết. Thầy giáo thọ Sư Bác đắp y tề chỉnh lên lay ba lay, ngày hôm sau thầy đó hoàn tục ra đời luôn. Người lớn dạy mình hết nổi rồi thì có nước người ta đắp y lay mình. Bây giờ nói một người không nghe, mà các ngài độ một lần ba, bốn trăm chúng, cái đức rất lớn, năng lực tu của các ngài nhiều kiếp nữa, mà các ngài bữa nào đắp y kêu quý thầy lên: *“Thôi bây giờ cho con đánh lễ các ngài!”* Bảo đảm quý thầy chết liền!

Ngày xưa chúng tôi bảo vệ trật tự ở Thường Chiếu, mặc hậu đàn hoàng đi ra bảo vệ. Lúc đó người ta buôn bán đông lắm, canh hoài họ cũng cứ nhào vô, buôn bán như vậy ồn náo Hòa thượng giảng không được. Chúng tôi mặc hậu vô lay, họ bỏ thúng bánh chạy mất mảy tái mét chứ không còn cãi nữa. Còn quý thầy nói chừng nào họ càng làm dữ chừng nấy, chỉ còn cách lay họ thôi chứ không làm gì họ hết.

Hồi đó ở Trúc Lâm cũng có một thầy nói ngộ đạo, đang ngồi thiền bật ngửa ra nằm, Hòa thượng chỉ quở một tiếng là đi luôn. Người lớn mà quở thì rất tổn đức, cho nên mình phải kiêng dè đừng ý lại. Các ngài thương mình nên không dám quở nặng. Hòa thượng nói: *“Tôi không dám quở nặng mấy chú, sợ mấy chú buồn tu không được.”* Thật ra là mình tổn phước, tu không được.

“Nhẹ tay thả sáo phải đỡ tay sau, chẳng được kéo dây có tiếng. Chẳng được ho khạc có tiếng lớn. Chẳng được gằn đờn dục đầu kê tai luận nói chuyện đời. Có ba nghĩa, tức là mất oai nghi, sợ hiềm nghi, mất chánh niệm.”

“Hoặc có bạn học, tình quen thăm nhau, trong nhà thiền chẳng được nói lâu. Đem nhau dưới rừng, bên suối mới có thể hết lòng luận mà nói.”

Ở đây có nhà khách mình nói chuyện, chớ ngày xưa không được nói trong Tăng đường mà xuống rừng cây, suối vắng nói chuyện.

Tổ Tuyên Luật Sư nói:

“Bạn học, tình quen thăm nhau vốn là thiên tính, trí hậu, không có lỗi đối với cha mẹ. Nay đã từ thân học đạo phải lấy đạo bạn làm thân, hết lòng đàm luận. Phải là cố nhơn thì mới có thể tận tâm giáo lược tức là xét nghiệm, so sánh về sự tu học đó.”

Có những lúc bạn bè đến thăm thì quý thầy nói chuyện không có cấm. Nhưng không được nói chuyện trong Tăng đường mà chỉ nói ở nhà khách.

“Nếu đàm luận việc đời chẳng những ô nhiễm môi mép mà cũng sợ ô uế suối rừng.”

Quý thầy thấy khó không? Có nghĩa mình gặp bạn ngoài đời chỉ nói chuyện tu học thôi chứ không nói chuyện đời. Người xưa nói:

*Cao sơn lưu thủy thâm thâm ý,
Tự cổ tri âm chiếu điểm đầu.*

Nghĩa:

*Núi cao nước chảy ý sâu kín,
Tự cổ tri âm mỉm gật đầu.*

Bạn thân gặp nhau chỉ nói về đạo lý thôi. Chẳng hạn có một số thầy ở đây xuất chúng, sau này nếu có duyên gặp lại thì quý thầy chỉ hỏi bây giờ tu học ở đâu hoặc cất cốc tu thế nào chứ đừng hỏi những chuyện như mua xe gì... Quý thầy để ý, chuyện đời mình thích nói hơn là chuyện đạo lý, cho nên rất khó cho sự tu học.

“Hoặc xem kinh phải vững mình, lóng thần ngằm xét, chẳng được ra tiếng.”

Ở trong Tăng đường xem kinh không đọc lớn tiếng làm người kế bên dễ sanh tâm phiền não. Nhưng sâu hơn nữa, trong Sa Di Học Xứ Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Trong Tăng đường xem kinh phải im lặng mà biết, tức là tốt, tâm chẳng tán loạn.”

Lúc xem kinh nếu chưa hiểu thì mình ít nói, xem kinh mà hiểu chút ít rồi thì mình mắc phải bệnh thích nói kinh điển. Ngày xưa chúng tôi cũng mắc phải bệnh này. Gặp đâu cũng nói, có những người thích nghe, nhưng cũng có những người không thích. Bệnh thứ hai là đem kinh ra cãi. Trong Tăng đường mà cãi lý về thiền tức là tâm tán loạn rất nhiều. Cho nên chư Tổ dạy xem kinh điều cần yếu là phải thấu tốt nghĩa lý trong kinh rồi hành chớ không phải đem kinh ra cãi.

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo là đệ tử của Thiền sư Viên Ngộ. Khi mới xuất gia, chưa ngộ đạo nhưng hiểu biết chút ít, ngài thường ở trong Tăng đường nói chuyện đạo. Một hôm Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo đến trước Thiền sư Viên Ngộ nói Phật, nói pháp, Thiền sư Viên Ngộ xoay đi chỗ khác không nhìn Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo. Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo ngạc nhiên nói:

– Bạch Thầy! Con hay nói thiền, nói đạo mà con để ý thấy Thầy không vui.

Thiền sư Viên Ngộ nhân đó chỉ dạy:

– Ta biết ông thiếu thốn rất nhiều, người nào thiếu cái gì thì hay nhắc cái đó.

Ngay trong giờ phút thực tại đó Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo sức tỉnh.

Sau khi ngài Đại Huệ Tông Cảo ngộ đạo, ngài thương người hậu học, học hiểu rồi nói chớ không có hành, cho nên ngài đốt bộ Bích Nham Lục. Học hiểu rồi nói, rồi cãi mà không chịu tu, cũng giống như người nghèo khổ đi đâu cũng nhắc tới tiền, còn nhà tỷ phú thì không khi nào nói về tiền bạc.

Theo tinh thần Thiền tông trực chỉ, các vị Thiền sư thường đánh, dẹp các đệ tử hay nói về cảnh giới ngộ. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, có một vị Bồ-tát bước vào sơ địa, tức là hoát nhiên chợt nhận ra được pháp giới Hoa tạng, có tư tưởng là sự chứng đắc, trí tuệ của mình Phật không bằng. Cho nên chư Tổ sợ hàng hậu học, sợ đệ tử của mình xem kinh hiểu, hoặc tu hơi được một chút rồi nhiều khi nghĩ chắc gì Hòa thượng hay Thầy mình bằng mình. Có những người như vậy đó.

Quý thầy nghiệm lại, người mới học đàn cũng chơi đàn được, nhưng so với người chơi đàn hai ba chục năm thì hai bản nhạc hay hai bản hòa tấu khác nhau rất xa. Hoặc như người mới học võ thì tay chân ngứa ngáy thích đánh nhau, nhưng lên cỡ thần đai nhất đẳng, nhị đẳng rồi thì sợ không dám đánh ai hết. Bởi vì thấy có người giỏi hơn mình, năng lực lớn hơn mình nên chùn lại.

Cũng vậy, người có công phu tu tập thì họ ít dám nói về Phật pháp, còn người mới vào Thiền viện hoặc mới biết chút ít về Phật pháp thì hay cãi về Phật pháp. Ngày xưa chúng tôi ở Tăng đường một, ngồi thiền xong về Tăng đường toàn nói chuyện thiền, chuyện đạo, nói mà cãi chớ không phải chia sẻ. Cho nên ở đây nói: *“Phải im lặng mà biết, tức là tột, tâm chẳng tán loạn.”*

Trong Cổ Học Tinh Hoa có câu chuyện:

Vua Tuyên Tông sai Kỳ Sánh nuôi một con gà, được mười hôm vua hỏi:

– Con gà đó đem chọi được chưa?

Kỳ Sánh thưa:

– Chưa được, gà còn hăng lắm, chưa thấy gà khác là đã muốn chọi rồi.

Giống như người mới học đạo vậy, mở miệng ra là nói thiền, nói đạo. Chẳng hạn hỏi: “Bông này là bông gì?” Trả lời: “Bông là bông thôi.” Nhưng hỏi tới thì không biết gì hết.

Cách mười hôm sau vua lại hỏi:

– Gà đã đem chọi được chưa?

Kỳ Sánh thưa:

– Chưa được, gà còn hơi hăng, trông thấy gà khác là đã muốn chọi rồi.

Mười hôm sau nữa vua lại hỏi:

– Gà đã đem chọi được chưa?

Kỳ Sánh thưa:

– Được rồi, gà bây giờ trông thấy tựa như gà gỗ mà đủ các ngón hay, gà khác coi thấy là đủ sợ, phải lùi chạy.

Quý thầy nghiệm lại giống đường tu của mình không? Đường tu đến chỗ rốt ráo, giống như trong võ thuật gọi là vô chiêu mà thắng hữu chiêu. Chẳng hạn quý thầy thích nói thiền, nói đạo, thích cãi nữa, nhưng Hòa thượng hoặc Thầy Trụ trì nhìn thấy chỉ

cười. *Trông thấy tựa như gà gổ*, Thánh nhân mà đạt đến trình độ tâm linh lớn rồi thì các ngài như ngu ngơ, như không biết gì, nhưng các ngài có đầy đủ năng lực lớn đi vào cuộc đời này. *Mà đủ các ngón hay, gà khác coi thấy là đủ sợ, phải lùi chạy*, cho nên các ngài giáo hóa chúng sanh đâu cần nói nhiều. Thấy hình tướng các ngài, thấy năng lực, hành động của các ngài thì tự nhiên người ta kính.

Quý thầy học thì phải tiêu, các ngài nói mình xem kinh không khéo thì cam lồ biến thành độc dược. Dem kinh ra cãi thì cam lồ biến thành độc dược rồi.

Cho nên Tổ Lâm Tế dạy, một người xem kinh mà được tiêu dung rồi thì:

“Một tâm đã không thì tùy chỗ giải thoát.”

Có nghĩa là rỗng không vô nhất vật thì chỗ nào cũng là giải thoát hết.

“Sơn tăng nói thế ấy, ý ở chỗ nào? Chỉ vì các ông không dùng được tất cả tâm đuổi tìm mà cứ giẫm lên cảnh sông của người xưa.”

Tổ Lâm Tế nói chúng ta không được tùy chỗ giải thoát là vì hay cãi. Chẳng hạn chữ Bồ-đề, người này nói Bồ-đề là giác, người kia nói không phải. Nếu trong giờ phút thực tại đó, mỗi người tâm rỗng không thì chính là Bồ-đề rồi. Mà mình không chịu, mình phân tích, chia chẻ rồi khái niệm lý luận. Hoặc như trong Kinh A Hàm, Phật nói: *“Cảnh giới Niết-bàn không có đất, nước, gió, lửa”*, hai người tranh cãi nói tại sao Niết-bàn mà không có đất, nước, gió, lửa. Nhưng tu một thời gian quý thầy mới nghiệm ra, bởi vì cảnh giới Niết-bàn không có tứ đại, ngũ uẩn. Vậy mà mình đem ra cãi. Tổ nói sở dĩ mình không được tùy chỗ giải thoát là vì luôn giẫm lên cảnh sông của người xưa rồi đem phân tích, chia chẻ.

Ngày xưa vào thời Đức Phật, ngoại đạo rồi các Thầy Tỳ-kheo hay nhóm họp tranh cãi. Cho nên một hôm Phật họp lại nói câu chuyện người mù sờ voi:

Ngày xưa có một ông vua rất thông minh trí tuệ. Một hôm ông cho quan cận thần mời tất cả người bị mù từ nhỏ, tức là chưa hề nhìn thấy gì hết, về nhóm trước cung điện. Vua cho dắt ra một con voi, yêu cầu mỗi người miêu tả hình dáng con voi. Người sờ chân voi thì tả con voi giống như cái cột nhà, người sờ tai voi thì nói con voi giống cái quạt, người sờ đuôi voi thì nói voi giống sợi dây thừng... Rồi tranh nhau mà cãi, cuối cùng đánh lộn!

Trong kinh Niết Bàn Phật ví dụ, mình tưởng Phật nói chơi, nhưng trong cuộc sống giữa đời thường tôi đã chứng kiến: Hai người đứng trước chánh điện cãi về việc Tổ Bồ-đề Đạt-ma quảy chiếc dép, cãi một hồi rồi ra sau chánh điện cãi tiếp. Một người nói sở dĩ Tổ còn một chiếc dép là vì ngày xưa Tổ từ Ấn Độ sang Trung Hoa, giữa đường gặp cướp, Tổ đá một cái bay mất một chiếc dép còn một chiếc! Người kia nói Tổ vì thương chúng sanh nên lấy một chiếc dép có giá trị bán cho vua, bây giờ chỉ còn một chiếc! Tôi đi ngang qua chính tai tôi nghe nhưng tôi để cho cãi luôn, chớ mình chen vô làm chi. Tìm hiểu ra thì người nói Tổ gặp cướp đá bay mất một chiếc dép là thầy võ sư Thiều Lâm Tự dạy ở Sài Gòn. Quý thầy thấy có những chuyện không không mà người ta cũng cãi, trong chúng mình không khéo cũng có trường hợp đó.

Tổ Lâm Tế dạy tiếp:

“Thời nay người học đều không biết pháp, giống như con dê đung đầu người đó, gặp vật gì cũng để vào miệng, quý tiện chẳng rõ, chủ khách không phân.”

Giống mình không? Tổ Lâm Tế cơ phong ngài rất mạnh, ngộ cũng rất sâu, cho nên ngài nói rất mạnh. Thời nay mình học mình gom góp rất nhiều, học Phật pháp không đủ còn học thêm thế pháp. Có những người cho rằng không biết nhiều về thế pháp thì không phải chơn chánh xuất gia học đạo. Nhưng Tổ nói ngược lại:

“Những bọn như thế tâm tà vào đạo, gặp chỗ huyền não liền vào, không được gọi là người chơn chánh xuất gia mà quả thật là người thế tục.”

Tổ quả mình đó. Cái tâm ban đầu vào đạo để mình học hiểu rồi tu, nhưng bây giờ ngược lại gặp chỗ huyền não mình vào. Bây giờ có những quý thầy học đại học văn chương, rồi kinh tế, học đủ thứ hết, đó gọi là tâm tà vào đạo, không phải là người chơn chánh xuất gia mà quả thật là người thế tục. Nếu chúng ta không gặp được Hòa thượng chỉ dạy phương pháp cương yếu về thiền thì mình cũng giống như những người khác, cũng học kinh tế, học văn chương nhưng công phu, tu tập để chuyển hóa nội tâm thì không biết cách.

“Phàm người xuất gia phải rõ được cái thấy biết chơn chánh, bình thường. Rõ Phật rõ ma, rõ thật rõ giả, rõ phàm rõ Thánh. Nếu rõ được như thế gọi là người chơn chánh xuất gia.”

Chẳng hạn mình học kinh điển, tu tập các việc thiện pháp, thì biết đây là việc tốt. Làm những việc xấu ác mình biết đây là việc không được, tức là rõ về ma. Cái nào thật, cái nào giả phân biệt được hết, có một tri kiến như thật đi vào cuộc đời này, biết rõ hết.

“Nếu ma, Phật mà chẳng rõ thì chính là ra nhà này mà vào nhà nọ.”

Tổ dạy rất là hay! Nếu mình không phân biệt cái nào chánh, cái nào tà, cái nào là ma, cái nào là Phật – tưởng cái nào cũng giống giống nhau – thì mình cũng cạo tóc, cũng xuất gia mà gọi là cái nghiệp thầy chùa, bỏ nhà này vào nhà khác thôi chứ thật ra không giải thoát gì, cũng không biết tu tập, chuyển hóa gì. Cho nên Tổ nói tiếp:

“Gọi là chúng sanh tạo nghiệp.”

Bây giờ mình không tạo nghiệp thế tục nữa mà tạo nghiệp về pháp xuất thế. Chưa biết cách chuyển hóa, thì cũng không vượt thoát ba cõi.

“Chẳng được gọi là chơn xuất gia. Chỉ như hiện nay ma, Phật đồng thể không phân, như nước hòa với sữa, phải là con ngỗng chúa mới uống được.”

Có nghĩa là trong giờ phút thực tại quý thầy tọa thiền thì rõ ràng ma, Phật không phân, như sóng và nước. Một vọng niệm điên đảo khởi lên từ chơn tánh thanh tịnh của mình, nhưng làm thế nào giống như con ngỗng chúa uống sữa chứa lại nước, rất là khó. Tinh thần công phu thiền tập cũng vậy, sống như thế nào phải tốt được chỗ tri kiến như thật, không dung túng vọng tưởng như phàm phu nhưng mà rõ biết hết.

“Như người sáng mắt, ma Phật đều đánh. Ông nếu mền Thánh, chán phàm thì chìm nổi trong biển sanh tử.”

Tinh thần của Tổ Lâm Tế là: *“Phùng Phật sát Phật, phùng ma sát ma.”* Đến chỗ rốt ráo này Tổ dạy mình giống như người sáng mắt, ma, Phật đều dẹp hết. Có những người ngồi thiền yên một thời gian thấy Phật đến xoa đầu. Chấp vào cái đó, vui với cảnh đó thì sanh bệnh.

Rồi có những người sanh niệm kiến giải, nghĩ rằng chư Tăng là phải tu khổ hạnh, hành Bồ-tát đạo, trong chúng ai cũng phải là Thánh hết. Thấy còn phàm thì chán chịu không nổi nên xin về không tu nữa. Đó gọi là mền Thánh mà chán phàm, là chìm nổi trong biển sanh tử.

Thiền thoại có ghi:

Thiền sư Động Sơn cơ phong rất sâu, năng lực rất lớn, Thổ địa kính lắm mà không biết cách gì để đến đánh lễ vì ba mươi năm tìm ngài không thấy.

Có nghĩa là ba mươi năm ngài chưa từng dấy niệm, cho nên thân ngũ uẩn ngài sờ sờ đó mà Thổ địa tìm không được. Quý thầy để ý, ma quỷ mà nhập vào mình có nghĩa là mình hay dấy niệm vọng tưởng điên đảo. Chiều lại mà quý thầy đi lang thang rồi tơ tưởng thì mấy chú dưới sông, dưới biển nhập vào cái một.

Một hôm ngài xuống nhà bếp thấy chư Tăng làm đồ nhiều bún gạo ngài khởi niệm quở, tức khắc Thổ địa đến nói: “Ba mươi năm con tìm ngài không thấy.”

Vừa khởi niệm tư tưởng là Thổ địa thấy liền.

Câu chuyện thứ hai:

Thiền sư Đạo Ứng ở Vân Cư tuy ở trong chúng nhưng ngài cất thảo am. Thiền sư Động Sơn hỏi:

– Sao tới giờ cơm không lên ăn?

– Bạch Hòa thượng! Trưa có chư thiên đến cúng dường con.

Như mình mà được chư thiên cúng dường là mình mừng rồi.

Thiền sư Động Sơn nói:

– Ta bảo người vẫn còn kiến giải. Người rảnh chiều đến.

Chiều Thiền sư Đạo Ứng đến, Thiền sư Động Sơn nhìn thẳng vào mặt nói:

– Ứng ông chủ, không nghĩ thiện, không nghĩ ác là cái gì?

Thiền sư Đạo Ứng về ngồi thiền đến sáng thiên thần không thấy được.

Nghe như thế bữa nào quý thầy khai thị huynh đệ cũng không ngộ, tại sao Thiền sư Động Sơn tác động đến ngài ngộ? Người ngộ đạo có năng lực rất lớn, các ngài phủ làn sóng vào tâm thức của mình tự nhiên mình rung động, lúc này thiện ác bật hết, thiện ác bật hết thì quỷ thần không thấy.

Khi nào đủ duyên quý thầy vào thất tu thanh tịnh, bữa nào thềm bún thì quả tình thầy tri khổ làm món bún. Vài hôm lại thềm cơm tấm, tự nhiên thầy tri khổ làm cơm tấm. Nhiều người kể như vậy. Tôi kể câu chuyện có thật, ngày xưa ở Thường Chiếu có một

thầy lớn tuổi xuất gia, một thời gian thầy nhập thất. Đang nhập thất một hôm thầy thấy một cô chừng hơn hai mươi tuổi đi ngang qua, thầy kể thầy khởi niệm thích cô đó. Chiều lại chính cô đó đến trước cửa thất của thầy ngoắc thầy ra. Hoàng hôn, thầy vô thất khóa cửa lại.

Vừa khởi niệm lên là ma nó thấy liền. Hồi hôm quý thầy nghe Hòa thượng giảng đến phần tham vấn, Hòa thượng nói ma vương quyến rũ mình thiệt ra là nội ma bên trong. Có nghĩa là tư tưởng mình dấy niệm thể nào ma nó thấy. Ma họ cũng có thần thông, có phước lực, thềm cái gì ma lấy cái đó để dụ mình. Có người vào thất thích cái máy nghe, khởi niệm liền tục tự nhiên có người cúng cái máy. Quý thầy mới tu thật ra chỉ là ma vong nó thử mình, người sắp bước vào Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì lúc này ma vương mới xuống thử.

Cho nên Tổ nói gặp Phật giết Phật, gặp ma giết ma, quét sạch hết không còn tư tưởng tạp niệm nào nữa thì được, còn tư tưởng tạp niệm là bị hết.

Có một vị Tăng hỏi Thiền sư Tử Thuần ở Đơn Hà:

– Nguru Đầu khi chưa thấy Tứ Tổ thì thế nào?

Sư đáp:

– Cúc vàng vừa nở ong đưa hút.

Bông hoa cúc vừa nở thì ong đưa nhau hút, có nghĩa là quý thầy mới vào chùa chưa có năng lực, chưa có tiếng tăm gì thì ong không hút. Nhưng quý thầy tu mười năm, hai chục năm, có tiếng tăm, đạo đức, có mô phạm, oai nghi phép tắc đi ra mặt mày hồng hào rồi thì ong nó đến hút. Tư tưởng mình dấy niệm thềm cái gì là nó hút hết.

– Rồi sau khi gặp Tứ Tổ thì thế nào?

Sư đáp:

– Mầm khô hoa rụng rồi không nương.

Đến chỗ này rồi thì khô héo, rơi rụng hết, không chỗ nào nương, không chỗ nào gá được. Đến giai đoạn này rồi thì trong Tăng đường xem kinh phải im lặng mà biết, tâm chẳng tán loạn thì đúng, tức là tự mình khán nghiệm, tự mình tu tập. Tu một thời gian quý thầy sẽ thấy, chẳng hạn tu ba, bốn năm thì mình còn hăng lắm, nhưng đến năm thứ sáu, thứ bảy tự nhiên hết hăng. Tại sao? Bản thân chúng tôi kinh nghiệm, bởi vì cái học, cái hiểu của mình thì ở trên trời mà hành động của mình thì ở dưới đất. Nói khác hơn, cái hiểu của mình rất là tốt nhưng mà những nghịch duyên, nghịch cảnh đến mình giải quyết nó lại khác. Rồi chướng duyên, chướng nạn cũng nhiều hơn, cho nên bây giờ cố gắng làm công đức, phước thiện rồi tu tập chớ không dám nói nữa.

“Nếu đọc tụng ra tiếng thì nghĩa kinh không tự tư duy. Vậy nên phải lắng tâm im lặng mà thể hội.”

Tổ dạy tiếp, xem kinh phải lắng thần tư duy. Giống như vua Trần Thái Tông, xem kinh Kim Cang đến đoạn: *Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm*, ngài ngẫm đi ngẫm lại rồi tư duy, buông quyền kinh xuống ngài ngộ.

Vào đời nhà Tống có một vị Thiền sư xem kinh Hoa Nghiêm, đến đoạn Hoa tạng pháp giới ngài nhập định bảy ngày bảy đêm, thể nhập pháp hội và chứng kiến được Đức

Phật Thế Tôn đang thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm. Thì do tinh thần tư duy lắng tâm để lãnh hội.

“Thứ nhất nghĩa kinh từ đây mà thấu suốt, thứ hai là trí huệ từ đây mà phát sanh, nên chẳng được ra tiếng.”

Tổ dạy tiếp, lắng tâm xem kinh không đọc ra tiếng được hai công đức lớn là thấu suốt nghĩa kinh và phát sanh trí huệ.

“Phàm học kinh, xem giáo lý mỗi câu đều phải uyển chuyển soi về nơi chính mình. Tất cả ngôn giáo chỉ làm sáng tỏ tánh giác hiện nay của chính mình.”

Tổ Bá Trượng dạy mình xem kinh, xem giáo lý Đại thừa mỗi câu, mỗi chữ phải uyển chuyển soi về nơi chính mình chớ không ở đâu khác hết. Như trong kinh Pháp Hoa nói về Bồ-tát Văn-thù xuống Long cung giáo hóa gặp đệ tử là Long Nữ, mình nghe mình tưởng tượng có một vị Bồ-tát thật đi giáo hóa. Như vậy gọi là y kinh giải nghĩa thì Tam thế Phật oan, tức là mình y chỗ này giải ra có Bồ-tát Văn Thù xuống Long cung giáo hóa. Mà lìa kinh một chữ thì đồng với ma, như vậy ở đây mình hiểu thế nào?

Kinh Pháp Hoa tiêu biểu cho tri kiến Phật, Bồ-tát Văn-thù tiêu biểu cho căn bản trí, mà căn bản trí từ đâu có? Chẳng hạn bây giờ quý thầy muốn tìm được tri kiến Phật, là căn bản trí, là thật trí của mình hay nói khác hơn là Phật tâm, Phật tánh, vậy tìm ở đâu? Phải tìm trong biển không? Biển gì?

*Ái hà thiên xích lãng,
Khổ hải vạn trùng ba.*

Tức là:

*Sông ái ngàn thước sóng,
Biển khổ muôn sóng ngàn.*

Biển là biển tham ái, biển vô minh, biển tật đố. Chỉ cần chuyển thì tức khắc Long nữ hiện lên, hiểu được thì đúng kinh Đại thừa. Ở đây nói Bồ-tát Văn-thù xuống Long cung là lặn sâu vào trong từng tâm thức của vọng niệm thì thấy được tri kiến. Mà tìm ở đâu? Ngay vọng tức chơn là theo tinh thần của thiền.

***“Nghe đánh bả hai, mau phải sớm tới nhà giảng đường. Lúc về đơn thăm tưởng bài kệ:
Thẳng mình ngồi vững,
Cầu cho chúng sanh,
Ngôi tòa Bồ-đề,
Tâm không đắm nhiễm.”***

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư ghi:

“Tòa Bồ-đề tức là cái tòa tự giác bốn hữu không vương, tòa này người người đều vốn đủ.”

Có nghĩa là tòa Bồ-đề này mọi người đều có.

Cho nên Đại sư Liên Trì dạy:

*Phật ở Linh Sơn chớ cầu xa,
Linh Sơn vốn tại ở tâm ta,
Người người có tòa Linh Sơn báu,
Hướng vào tâm tu sẽ tiến xa.*

Linh Sơn ở nơi tâm mình, mình ráng tu tập, ráng chuyển hóa thì sẽ thấy.

Thiền sư Lâm Tế dạy:

“Này các ông! Có một bọn trọc liền hướng trong đó gắng công định cầu pháp xuất thế. Làm rồi! Nếu người cầu Phật thì người ấy mất Phật, nếu người cầu đạo thì người ấy mất đạo, nếu người cầu Tổ thì người ấy mất Tổ. Đại đức chớ làm, ta chẳng cần ông thông hiểu kinh luận, ta cũng chẳng cần ông quan quyền chức tước, ta cũng chẳng cần ông biện luận như thác đổ, ta cũng chẳng cần ông thông minh trí huệ.”

Ở đây Tổ dạy thêm, sau khi về đơn thãm tưởng bài kệ *thắng* mình ngồi vững, rồi cầu cho chúng sanh ngồi tòa Bồ-đề, tâm không đắm nhiễm, thì tự nhiên mình hình dung ra một cái gì đó để mong cầu, chẳng hạn cầu làm Phật, cầu làm Tổ, cầu được đạo. Hễ mong cầu là mất. Tổ cũng dạy chẳng cần mình thông hiểu kinh luận, quan quyền chức tước hay biện luận như thác đổ mà chỉ cần thấy biết chơn chánh.

“Này các ông! Dù hiểu được một trăm bốn kinh luận cũng chẳng bằng một ông thầy vô sự. Ông hiểu được liền khinh thường người khác, hơn thua như A-tu-la, vô minh nhân ngã tăng thêm nghiệp địa ngục.”

Mình thông minh, hiểu kinh điển nhiều Tổ cũng không cần. Tổ nói hiểu nhiều thì mình khinh thường người khác rồi hơn thua như A-tu-la, vô minh nhân ngã, tăng thêm nghiệp địa ngục chứ đâu có lợi ích gì. Tự biết, tự tu, Tổ chỉ cần mình thấy biết chơn chánh. Một người hiểu sâu Phật pháp thì tự nhiên họ ứng tác ra hành động phổ vào cuộc sống hàng ngày, nhìn là biết người đó hiểu Phật pháp.

“Chẳng được đi ngang qua nhà thiền. Lên đơn xuống đơn đều phải tế hạnh chớ để người gần đơn động niệm. Chẳng được trên đơn viết chép văn tự trừ khi đại chúng xem kinh luật. Chẳng được trên đơn xúm nhau bày tiệc trà đêm ngồi nói bậy.”

Học oai nghi mình thấy toàn là bệnh của mình. Trong luật có ghi không được đi ngang thiền đường bởi vì có khi mình mang những đồ như uế cho nên phải đi đằng sau. Lên xuống đơn phải tế hạnh, nhiều khi mình không chánh niệm tỉnh giác mình giờ đơn kêu rầm rầm làm người gần đơn mất chánh niệm sanh phiền não.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Trên đơn xúm nhau bày tiệc trà đêm ngồi nói bậy có ba lỗi:

- 1- Động tâm niệm người khác.*
- 2- Tán tâm mình.*
- 3- Phạm phi thời.*

Dẫu có uống thuốc phi thời cũng chẳng đêm ngồi mà nói bậy, huống nữa việc chính mình chưa biện rõ, đâu được nói chuyện rỗng vô ích.”

“Chẳng được trên đơn may vá áo quần. Chẳng được nằm ngủ cùng người gần đơn nói chuyện động chúng.”

Kinh Thập Giới nói:

“Ăn thời không nói, nằm thời không luận, ngồi thời thiền định, dậy thời tụng kinh. Giới hạnh như đây mới thật là đệ tử của Phật.”

Ngoài bốn cái này là đệ tử của ma. Nếu vừa ăn vừa nói, nằm cũng luận bàn, ngồi thì không thiền định, đứng dậy không chịu tụng kinh thì khi chết mình sẽ vào cảnh giới của ma, không phải ma vương mà là ma nữ, hoặc là ma vong.

Thiền sư Trung Phong khai thị chúng:

“Phàm cử chỉ động tịnh phải có oai nghi, mỗi mỗi phải tuân theo. Chớ nói ta là người hành đạo đại ngộ chẳng chấp tiểu tiết, ngặt vì ông chưa có ngộ.”

Ngặt vì ông chưa ngộ nên phải cần học oai nghi.

“Đâu thể nói chẳng tuân theo qui củ. Bởi do cái chánh niệm về đạo chẳng thiết tha, vì thế cử chỉ không đàng hoàng cho đến phá phạm luật nghi, tự mất chánh nhơn, bị người khác khinh mạn.”

Các vị Thiền sư không chỉ đánh, hét để khai thị, mà các ngài còn dạy mình oai nghi phép tắc.

Đâu thể nói chẳng tuân theo qui củ. Phải tuân theo qui củ, không phải quý thầy muốn cười giỡn, ăn uống sao cũng được. Bởi do gì? Bởi do cái chánh niệm về đạo chẳng thiết tha, có nghĩa là đối với đạo mình không thiết tha như thuở ban đầu nữa.

Hôm trước chúng tôi họp cư sĩ lại chúng tôi nói thẳng, Hòa thượng không mời các vị đến đây tu, Thầy Trụ trì cũng không mời, cha mẹ cũng không kêu mình đi tu, một số cha mẹ còn khóc lóc không cho. Nếu trong giờ phút này mà người nào cảm thấy làm không muốn làm, học không muốn học, tu cũng không muốn tu, có nghĩa là bốn thời ăn, mặc, ngủ, nghỉ đều trái qui củ; không có tiền tôi sẵn sàng cho tiền về chớ ở đây không ép, quý vị phải suy nghĩ cho kỹ.

Tất cả mọi người chúng ta ai cũng có những hạt giống xấu ác. Có những người lúc còn cư sĩ rất tốt, vào tu một, hai năm tự nhiên nhân quả, nghiệp báo ngày xưa mình tạo bây giờ sống dậy. Nếu chúng ta biết cách chuyển hóa, thu thúc sáu căn, rồi tu tập oai nghi phép tắc thì chuyển thành con người tốt, không thì bị sa lầy.

Vì thế cử chỉ không đàng hoàng cho đến phá phạm luật nghi, tự mất chánh nhơn, bị người khác khinh mạn. Có nghĩa là cái ban đầu quý thầy phát tâm xuất gia là việc chơn chánh mà mười phương chư Phật đều tán thán. Trong kinh điển tả, người chuẩn bị cạo tóc là tam thiên, đại thiên thế giới chấn động. Bây giờ tự mất chánh nhơn, tức là bỏ cái nguyện ban đầu của mình chạy theo việc phá phạm luật nghi của nhà Phật, bị người khác khinh mạn.

11. Giữ Làm Việc Chúng Tăng

“Phàm có từng lâm ắt là phải có đại chúng, có đại chúng ắt là có rộng việc, có rộng việc ắt cần phải có đại chúng chấp tác.”

“Phải tiếc vật của chúng Tăng. Trong Đại Luật nói: Giữ vật của thường trụ như giữ tròn con mắt của mình.”

Khó nhất là làm tri khố, thủ bốn, thủ kho, tri sự, phải giữ vật của thường trụ giống như giữ tròn con mắt của mình, nhích một chút là hư con mắt. Khó lắm, không phải chuyện đơn giản, phước cũng đó mà họa cũng đó. Nên phải học kỹ để sau này ra làm việc thì biết mà giữ gìn.

Thiên Hành Hộ nói:

“Có hao tổn của thường trụ, Tam bảo, các vật phải đền trả lại.”

Thầy tôi kể, ngày xưa ở Chơn Không, quý Thầy lớn đều làm tri khố, thay phiên ba tháng một lần. Làm xong rồi, Thầy tôi dành dụm tiền bù lại, bởi vì cũng có hao hụt. Chẳng hạn chúng đến xin này kia, có những cái cho vượt quá giới hạn nên phải bù lại.

Trong quyển Sơn Am Tập Lục có ghi:

Có vị Tăng Đề Điểm Huệ Châu ở Kính Sơn là đệ tử của ngài Hồ Nham, rất thông minh, có tài làm việc. Năm giữ mọi việc của thường trụ hơn ba mươi năm, tất cả vàng thóc ông mặc tình phung phí. Có người đem nhân quả nhắc nhở ông, ông nói: “Trọn năm mang sừng, trâu này mang nhiều lắm một cặp thôi chứ có gì đâu.”

Sau này ông bị bệnh tê bại, tay chân co rút giống như con nhím vậy, kéo ra ông đau nhức không chịu nổi. Có một vị lão túc nói: *“Trong quả báo tam đồ, năm tháng lâu dài, một cặp này hết rồi đến một cặp khác, đến vô lượng kiếp mang một cặp sừng này đâu chỉ mang một năm mà thôi. Phàm là người trông coi vàng thóc của thường trụ phải nên lấy gương Huệ Châu mà soi lại chính mình.”*

Chẳng hạn thành con trâu để đền nợ thí chủ thì chết đâu phải được sanh làm người liễn, tiếp tục thành trâu vô lượng kiếp như thế. Về sau vị Tăng này bệnh, hai tay cong lại như cái sừng trâu, tức là hoa báo hiện ra rồi, chưa nói đến quả báo. Cho nên quý thầy làm việc cho chúng phải cẩn thận chỗ này.

Trong Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 74 có ghi là trong kinh Phương Đăng, Bồ-tát nói: *“Năm tội nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu và tạo mười điều ác nghiệp ta còn có thể cứu được, chứ lấy đồ, trộm vật của chúng Tăng ta không thể cứu.”*

Cổ Đức nói phước chúng như hải, phước lực của đại chúng rất lớn. Thứ hai là những người đến đây cúng dường đâu phải ai cũng giàu. Có những người nghèo khổ đến cúng dường để cầu phước báu nhân thiên, hoặc cầu mai kia được gặp Phật pháp, gặp Tam bảo. Tiền cúng dường đó, rút từ mồ hôi nước mắt của người ta mà mình vào kho tự động lấy, ăn cắp. Ăn trộm của chúng Tăng thì Bồ-tát nói chắc chắn không cứu được. Không phải nhân quả chỉ nói cho vui, đừng nghĩ như vậy.

Trong kinh A Hàm có ghi, sau khi Phật thành đạo, Di mẫu dâng cúng xấp vải cho Đức Thế Tôn, ngài không nhận mà nói rằng muốn phước đức thù thắng thì cúng dường đại chúng. Ngài là bậc Chúng Trung Tôn, ba cõi không ai bằng, mà nhận cũng không có phước bằng đại chúng. Như vậy năng lực đại chúng rất là lớn, cho nên phải cẩn thận.

Có người vào kho nói như thế này: *“Tri khó, cho tôi hộp sữa nha, lấy hai hộp cũng được.”* Tự nói, tự đáp, lấy hai hộp đi về. Quý thầy thấy đơn giản cho vui vậy nhưng đều nằm trong nhân quả hết. Một trái chanh, một cục đường, cái gì cũng phải chịu khó xin Tri khó. Tự tiện lấy, tự tiện ăn là bị nhân quả hết, không tránh khỏi.

“Phải theo Thầy Tri sự dạy bảo chẳng được trái cãi.”

Ngày xưa, các vị Tri sự đều là những bậc ngộ đạo, có năng lực rất lớn, bị các ngài quả thì hậu quả khó lường. Như ngài Pháp Nhãn, được pháp hội thỉnh làm Trụ trì, ông thủ tọa không nể, ngài rút bồ đoàn đập lên đầu quả: *“Ông bảy ngày sau học máu chết.”* Đúng bảy ngày ông học máu chết. Đại chúng vẫn tập đến quỳ xuống, lúc này mới phục ngài.

Ra làm Phật sự phải có năng lực, còn không thôi ỉn luôn. Bây giờ, có những vị Thầy có năng lực lớn, nhưng vì thương nên nhiều khi không dám quả.

“Phàm rửa rau phải thay nước ba lần. Phàm múc nước trước rửa tay cho sạch. Phàm dùng nước phải xem có trùng không, như có, lấy lụa dày lược qua mới dùng. Bằng tiết nghiêm đông trời lạnh chớ nên lược nước sớm, phải đợi mặt trời mọc. Phàm nhóm bếp chớ nên chụm củi mục. Phàm làm thức ăn chớ nên để móng tay nhọn.”

Tổ dạy rất kỹ. Nhóm bếp không được chụm củi mục, bởi vì củi mục, thường có sâu, kiến nằm bên trong sợ nó chết. Làm thức ăn, móng tay phải cắt ngắn, sạch sẽ, móng tay dài dính dơ làm tổn phước.

Phật dạy:

“Đất Tam bảo, chỗ nơi làm ra thức ăn uống cúng dường Phật, Pháp, Tăng gọi là Hương Tích Trù.”

Ở đây dẫn tích, ngài Duy-ma-cật dùng năng lực thần thông lên cõi Phật Hương Tích, xin cơm về cúng dường đại chúng. Cơm đó rất thơm, ăn vào các lỗ chân lông đều toát mùi thơm. Nhà bếp, nơi làm ra thức ăn uống cúng dường Phật, Pháp, Tăng gọi là Hương Tích Trù, tức là làm phải cho sạch.

“Cho nên người làm ra thức ăn uống mà ba đức chẳng hiểu, sáu vị chẳng rành, và nơi chính mình thân, khẩu, ý ba nghiệp chẳng thanh tịnh thì chớ làm ra thức ăn uống chẳng gọi là Hương Tích Trù mà gọi là uế tích trù.”

Tức là nhà bếp dơ, thức ăn không thanh tịnh. Ba đức là: thanh tịnh, nhu nhuyễn, như pháp. Sáu vị là: lạt, mặn, cay, chua, ngọt, đắng phải biết hết. Thân phải thanh tịnh, sạch sẽ, miệng không được giỡn cười, ý cũng phải thanh tịnh. Nơi chính mình, thân, khẩu, ý ba nghiệp chẳng thanh tịnh thì làm ra thức ăn uống chúng Tăng ăn không tốt. Chẳng hạn đang xào, đang nấu mà cãi lộn thì năng lực sân hận phóng vào thức ăn, đại chúng ăn là lãnh đủ hết. Làm mà miến cưỡng, nhăn nhó không vui thì cũng không có phước. Phải biết được ba đức thì mới có phước.

Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn chứng đạo rồi, đi đến đâu ngài cũng xin làm Tri khố. Bên Tây Tạng có một vị Lạt-ma ở trong bếp nấu ăn cho chúng mà không ai biết ngài đã ngộ đạo. Sau khi ngài tịch tại nhà bếp, người ta mới biết ngài là bậc chứng ngộ. Có quyển sách nói về những vị Lạt-ma nấu bếp, đều là những bậc ngộ đạo. Năng lực ngài phổ vào, trong đại chúng vị nào bệnh ngặt nghèo ăn lại được hết bệnh.

“Vốn là thức ăn phụng cúng Phật và Tăng, nếu chẳng có tinh khiết, thức ăn như uế chẳng có lựa chọn, liền mất đi cái đức thanh tịnh. Nếu chẳng có tinh tế, vị ngọt có chút thô rít liền mất đi cái đức nhu nhuyễn.”

Ở đây nói rất rõ là nấu thức ăn thức uống, làm tất cả việc đều phải thanh tịnh.

“Chợt buông thả phóng tình, chưa cúng mà đã ôi thiu thì mất đi cái đức như pháp. Lại ba đức nếu không có sáu vị điều hòa thì cũng chẳng thành tựu. Là các ông, ba đức, sáu vị phải quán sát chắc thật kỹ càng, cho nên phải rõ biết cái đức cùng thấu tột cái vị. Lại thêm cái tâm không ta, không người, không chúng sanh, không thọ giả, dốc hết toàn thân siêng năng khéo léo làm các thức ăn uống phụng cúng Phật và Tăng, thì công đức của người này giả sử đem bảy báu đầy khắp hư không bỏ thí vô lượng kiếp chẳng sanh tâm mệt mỏi, chán chường, đem cái tướng này mà so sánh thì công đức kia vạn lần chẳng bằng một.”

Vào nhà bếp thì xả thân, không ta, không người, không chúng sanh, không thọ giả, bốn tướng đều vắng bật, làm vì đại chúng, chúng ăn vui vẻ, tu hành có năng lực lớn, thì được phước đức rất thù thắng.

“Vì ba đức không khuỷt, sáu vị không mất, thức ăn uống này nếu xúc vào mũi Phật hoặc vào miệng chúng Tăng thì như mùi hương của chiên đàn, như uống nước cam lồ, ngũ tạng điều hòa, trăm lỗ chân lông khoái thích. Thân thích thì tâm mới an được.”

Bữa nào quý thầy nấu sao mà chúng bị tiêu chảy là bữa đó coi như bỏ, huề vốn, không có lời, nhiều khi lỗ nữa. Có một số quý thầy nấu chúng ăn bị tiêu chảy phải lên sám hối. Bữa nào, quý thầy ăn đúng khẩu vị thì tối về ngồi thiền tự nhiên thấy an ổn, vì thân nó không có quấy mình. Còn ăn về mà bụng kêu rột rột thì làm sao ngồi thiền. Làm nhà bếp không phải chuyện đơn giản, biết thì có phước, có đức, trợ duyên cho mình tu hành. Thành Phật, tác Tổ cũng từ trong này ra.

“Hiện bày sắc lực nên tâm lực nương nhờ. Sắc lực được nương nhờ thì thân tráng kiện, tâm lực được nương nhờ thì thân không quấy rối. Thân tráng kiện thì tiến đạo có nhờ, thân không có rối thì trí quán dễ thành.”

Nhiều người nói, vào đạo rồi không cần ngủ, nói vậy không được. Ăn uống, ngủ nghỉ điều độ để ít bệnh thì tu đạo dễ hơn người hay bị bệnh. Bệnh hoài khó tu lắm, mặc dù mình cũng ráng nhưng đạt được năm mươi phần trăm thôi. Thân mà tráng kiện, an ổn thì trí quán sâu sắc, dễ thành.

“Phàm ăn uống chẳng như pháp thì thân nhiều bệnh, tâm nhiều quấy rối. Thân tâm đã bệnh lại nhiều quấy rối, người mà tinh tấn hành đạo để được khai ngộ thật là không có chỗ này.”

Tu thiền mà ăn nhiều tiêu, ớt, cà ri, tối về nóng trong người, bứt rứt rất khó tu. Bữa nào ăn rau luộc, nước tương thấy khổ vậy đó nhưng tu rất tốt. Ăn đủ thứ, ăn nhiều

dầu, bánh mì cà ri, tiêu ớt ngon miệng thật đó nhưng tu lại yếu. Còn những lúc ăn khổ khổ mà tu lại có năng lực.

“Ngay đây mà quán sát thì tánh mạng của người tu hành thật là nằm ở trong tay người tri khổ. Nên người ở trong nhà trù mà ba đức chẳng biện, sáu vị chẳng thông gọi là đầu trâu bừa cày không ngoài giết người.”

“Như ba đức mà biện, sáu vị tỏ thông, lại dùng cái tâm không ngã, không người, không chúng sanh, không thọ giả, dốc hết toàn thân như pháp mà làm thức ăn uống phụng cúng Phật và Tăng, gọi là Bồ-tát đại từ bi.”

Quý thầy vào nhà bếp phải có tâm cảm thương chúng, đừng nghĩ tu hành rồi ăn gì cũng được không cần ngon dở, dở cũng không sao nên làm sơ sài, rửa không kỹ thì tổn phước của mình.

“Ba ngàn chư Phật đều phát xuất từ trong nhà bếp. Lại nữa, vì thường trụ mà hà tiện, chẳng tôn hiên kính quý, thì tương lai bị quả báo làm quỷ đói.”

Quý thầy đừng hà tiện của thường trụ rồi cho chúng ăn rau luộc, nước tương hoà. Ngày xưa ở Thường Chiếu có một thầy, pháp hiệu là Phổ... cho chúng ăn mít suốt, sáng mít kho, trưa mít kho, chiều mít xào, sáu tháng ăn mít như vậy, đại chúng đặt tên ông là Phổ mít. Chúng không biết làm sao vì không có ai thay, nên báo lên Hòa thượng, lúc đó ngài ở Trúc Lâm. Hòa thượng gọi xuống liền, cho nghỉ. Rồi có một thầy ngày mồng một cho ăn bầu với chao. Phật tử báo Hòa thượng liền, Hòa thượng cũng cho nghỉ.

Nghe vậy quý thầy cho ăn thoải mái, sáng cà ri, trưa bánh xèo, bánh bao thì cũng không được. Tổ dạy:

“Vì thường trụ mà tiêu xài phung phí thì chẳng xét kỹ chỗ đến gian nan, tương lai bị quả báo bần cùng thiếu thốn.”

“Lại lúc làm ra thức ăn, sáu căn chẳng cẩn trọng, chín khiểu phóng tình, tứ chi chẳng thanh tịnh, tương lai bị quả báo làm con giòi hôi trong hầm phân.”

Lúc làm thức ăn, sáu căn, chín khiểu phóng tình, làm ở đây mà quý thầy nghĩ đâu đâu, không chú tâm, làm cho có làm, tay dơ không thanh tịnh thì tương lai bị quả báo làm con giòi trong hầm phân.

“Chỗ thực như trên đều là chỗ nói của Như Lai, hoặc nghe, hoặc thấy phải sanh tâm hổ thẹn, hướng đạo mà hành thì ngu si ắt phá, Bát-nhã ắt khai, các tội ắt tiêu, muôn phước ắt hội tụ. Hiện tại thân tâm an ổn, tương lai đắc đạo Vô thượng, lên quả vị Bồ-tát, lời Phật không hư dối. Phật tử trong nhà trù phải thể hội tâm Phật, ngay đây liền vượt qua biển khổ sanh tử.”

Đây là lời Phật nói chứ không phải Thiền sư nói. Phật nói mình sanh tâm hổ thẹn, hướng theo đó thực hành thì ngu si ắt phá. Tuy ngu dốt nhưng một thời gian trí tuệ phát sinh, Bát-nhã mở ra, các tội tự nhiên tiêu hết. Trong kinh nói, người phạm tội ba-la-di như bị cắt đầu, nhưng làm việc cho chúng, làm trong nhà bếp, rửa cầu tiêu tội lại hết. Biết nghiệp mình nặng, chướng duyên nhiều thì khi rảnh nên làm phụ, chẳng hạn lật rau, cắt gọt...

Trong Kinh Hộ Tịnh có ghi:

Vào thời Đức Phật có một vị A-la-hán đã chứng thần thông, ngài vào nhà xí nghe tiếng khóc của một Tỳ-kheo nga quý rất thảm thiết, ngài hỏi:

– Cái nhân của ông rất tốt, ông đã được xuất gia làm Tỳ-kheo rồi, nguyên nhân nào bây giờ ông thành nga quý vào trong hầm phân mà khóc như vậy?

Nga quý nói:

– Vào thời Đức Phật Ca-diếp, tay dơ mà vào thức ăn cho chúng Tăng.

– Tại sao ông khóc?

– Đói bụng quá, vào nhà xí tìm phân để ăn thì bị quý thần lấy gậy đập lên đầu cho nên khóc.

Vị A-la-hán vì Tăng chú nguyện tức khắc thoát khỏi kiếp nga quý.

Quý thầy nghe câu chuyện này thấy tu khó quá, sợ quá nên ra đời, như vậy đúng không? Nếu không tu, thành nga quý không ai cứu. Nhờ nhân duyên thù thắng, nga quý được vị A-la-hán chú nguyện thoát kiếp nga quý. Cho nên phải kết duyên với Phật.

Bà Liên Hoa Sắc một hôm gặp các cô thiếu nữ, bà khuyên đi tu. Các cô nói con còn ham ăn, ham ngủ không dám vào chùa tu đâu, sợ dọa địa ngục. Bà nói không sao, dọa địa ngục hết rồi lên tu tiếp. Quý thầy cũng phải phát nguyện như vậy: *“Nếu kiếp này con lỡ làm tội gì phải dọa địa ngục, nguyện hết địa ngục con lên tu tiếp, mở con mắt Bát-nhã là thấy Phật – Pháp – Tăng.”*

Cho nên Thiền sư Vĩnh Minh nói:

“Bốn biển rộng lớn nếu không do tích tụ các dòng thì không có đầy. Bước lên Thập địa tôn quý, nếu không do tích lũy điều lành thì chẳng đủ. Thế nên sâu xa chẳng thể dò là do dung nạp lâu dài, chỗ linh diệu không thể lường là nhờ sự ra công tu tập cần mẫn mà đạt đến. Huống chi bậc Diệu giác chỉ dạy, hàng thân hiền lập giáo bảo rằng dầu cho một việc lành nhỏ cũng có thể giúp ở nơi ba cõi mà vượt qua khỏi trần lao.”

Bốn biển rộng lớn nếu không do tích tụ các dòng thì không có đầy. Cũng vậy, bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không nhờ tích tụ những việc thiện pháp thì không thành tựu được. Phật thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thành tựu những năng lực lớn đều do tích lũy điều lành từ những kiếp trước.

Bước lên Thập địa tôn quý, nếu không do tích lũy điều lành thì chẳng đủ. Cho nên làm hết tất cả, đừng ý lại bây giờ tu rồi không làm gì nữa. Thế nên sâu xa chẳng thể dò là do dung nạp lâu dài. Hằng ngày mình làm mình thấy không là gì, nếu làm việc ngoài đời lãnh lương thì không có phước; nhưng ở đây do tâm niệm, do một cái gì đó thôi thúc mình làm thì có công đức và phước đức.

Chỗ linh diệu không thể lường là nhờ sự ra công tu tập cần mẫn mà đạt đến. Huống chi bậc Diệu giác (tức là Phật) chỉ dạy, hàng thân hiền lập giáo bảo rằng dầu cho một việc lành nhỏ cũng có thể giúp ở nơi ba cõi (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) mà vượt qua khỏi trần lao. Mình bỏ công sức làm với tâm niệm thanh tịnh, tâm niệm làm vì đại chúng thì phước lực rất lớn. Tâm niệm thanh tịnh, đúng pháp thì những công đức tích tập. Công đức được tích tụ thì khi chướng duyên đến, tự nhiên có người giúp mình vượt qua. Có những thầy tu hành rất tốt, nhưng khi chướng duyên đến thì không chịu tu nữa. Chướng duyên, nghịch cảnh không thể nói được. Chỉ khi nào tích tụ thiện pháp nhiều trong lúc quý

thầy ở trong chúng thì mai này làm Phật sự, khi chướng duyên đến, tự nhiên có cái gì đó cản lại. Đó là con đường Phật đạo mình phải cần.

“Phàm đổ nước như chẳng được giữa đường. Chẳng được cao tay hắt đổ, phải cách đất chừng bốn, năm tấc từ từ mà đổ. Phàm quét đất chẳng được quét ngược gió, chẳng được nhóm bụi đất để sau cánh cửa.”

Ở đây chư Phật, chư Tổ chỉ mình phương pháp chánh niệm. Trong cuộc sống tu hành, người không có chánh niệm giống như cánh cửa không có chìa khóa. Phương pháp chánh niệm, tuy chưa phải là chỗ cứu cánh giải thoát cuối cùng của đạo Phật, nhưng chánh niệm giống như một chiếc chìa khóa mở cửa đi vào tri kiến Phật.

Phàm đổ nước như chẳng được cao tay hắt đổ, phải cách đất chừng bốn, năm tấc từ từ mà đổ. Nếu không có chánh niệm, đổ nước ào xuống thì người đứng xung quanh bị ướt rồi sanh tâm phiền não. Nhìn thì biết người này không có phương pháp tu, không có tinh thần chánh niệm.

Những oai nghi phép tắc này thấy rất đơn giản, nhưng mà chư Tổ đánh mạnh cho mình là làm gì cũng phải có chánh niệm, cũng phải có tinh thức. Bởi vì trong phần Oai Nghi toàn là quét đất, rồi ăn cơm, rửa chén, tất cả đều nằm trong tinh thần thiền tập.

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Quét đất mà ngược gió để bụi hắt vào mặt là người không có trí huệ. Nhóm bụi đất để sau cánh cửa, người này có thủy mà không có chung, về sau kết quả có thể thấy.”

Quét rác mà không chịu hốt, Tổ dạy là người này có thủy mà không có chung. Ngày xưa các tông lâm là một thầy một trò, trò làm gì thầy để ý đều biết. Đừng nói thiền hay nói gì cao siêu, trong cuộc sống tu hành, làm việc, người đi trước nhìn là biết tương lai mình đi đến đâu, có thành bậc pháp khí hay không. Các ngài để ý mình trong công việc, chẳng hạn chẻ củi. Hòa thượng Trúc Lâm hay đi xung quanh, chúng tôi chẻ củi hay hành đường, trị nhật, ngài đứng ngoài xa nhìn xem cách thức mình làm việc thế nào, biết người đó sau này có năng lực đi vào cuộc đời hay không. Người xưa hay người nay mà có cặp mắt sáng, thì các ngài hay để ý vào công việc hàng ngày.

Kinh nói:

“Quét đất phải khiến cho sạch, chẳng được có dấu. Có dấu tức thời quét lại.”

Trên nền xi măng hay nền gạch nó sạch thì đúng rồi, còn quét trên mặt đất biết bao giờ cho sạch? Lý thiền ở đây rất sâu. Hồi nãy chúng ta học sự thì phần này chúng ta học lý.

Đức Phật nói *quét đất phải khiến cho sạch*, có nghĩa đây là phương pháp tu thiền tập. Chữ Phật trong chữ Hán, bên trái là bộ nhân, bên phải là chữ phất. Phất có nghĩa là quét, tức là hằng ngày, hằng giờ, hằng đêm, hằng tháng, hằng năm chúng ta phải quét sạch cái tâm thức của mình thì mới thành Phật được.

Phật là bậc giác ngộ, muốn được như vậy thì chúng ta phải quét đất tâm của mình, quét mà không còn dấu vết thì mới đúng. Đây nhằm mục đích đạt đến chỗ nào? Là một

hành giả, tu là phải đến chỗ vô tu, vô chứng; năng sở, chủ khách phải quét sạch hết. Nếu tu không khéo chúng ta chấp thành Phật, chấp thành Thánh. Người mới xuất gia không khéo thì hay mong cầu có một cái gì khác lạ hơn huynh đệ. Chính sự mong cầu, sự chấp trước đó lại trở thành bệnh.

Cho nên Tổ Lâm Tế nói:

“Này các ông! Các nơi nói đạo có tu có chứng. Chớ lầm! Giả sử có pháp tu được cũng đều là tạo nghiệp sanh tử. Ông nói lục độ vạn hạnh đồng tu, ta thấy đều là tạo nghiệp. Cầu Phật, cầu Pháp tức là tạo nghiệp sanh tử.”

Ở đây nhằm mục đích cho chúng ta thấy quét là phải quét cho sạch hết, còn một chút dấu vết cũng đều là bệnh.

Ngày xưa Thầy Phước Hảo có kể: Ở Phú Yên, có một vị Thượng tọa nhập thất cỡ ba năm. Một hôm ngài ngồi yên tự nhiên ngài thấy lỗ chân lông ngài có những luồng ngũ sắc phóng ra. Vị Thượng tọa này vừa khởi niệm mình chứng Thánh liền bị rớt vào đường tà. Rớt vào đường tà thì sanh bệnh, mà sanh bệnh tức là tạo nghiệp sanh tử. Bởi vì sau khi khởi niệm mình chứng Thánh, chuẩn bị xuống núi giáo hóa chúng sanh thì tối đó lại bị phạm giới.

Cho nên nói cầu Phật, cầu Pháp đều tạo nghiệp sanh tử hết, bởi vì thấy có một cái gì đó ngoài mình đều là tạo nghiệp.

Kinh Lăng Nghiêm nói:

“Nhược tác Thánh giải tức thọ quần tà, bất khởi Thánh tâm, tức thiện cảnh giới.”

Trong lúc hạ thủ công phu, có những điều lạ hiện ra thì đó là công phu tốt, trong kinh Lăng Nghiêm Phật nói đó là cảnh giới thiện. Nhưng mình chấp mình chứng Thánh, hoặc có một cái gì đó nữa thì rớt vào cảnh giới của ma. Có một vị trì chú Đại Bi, bây giờ tu lạc đường, nghe bên tai có tiếng nói chuyện, rồi đứng giữa trời múa may. Hoặc có người nghe bên tai có tiếng nói Phật, nói Pháp. Mỗi pháp đều có năng lực riêng, chúng ta không biết mà chấp vào cho đó là mình, là của mình thì sanh bệnh. Cho nên ở đây Phật nói *quét đất phải quét cho sạch, chẳng được có dấu, có dấu thì phải quét lại.*

Sau đây, tôi nêu thêm một câu chuyện để quý thầy thấy, nếu chúng ta chấp vào có sự tu có sự chứng là lạc đường hết:

Ở thành phố có một vị tu thiền cũng lâu, thấy mình biết nhiều, biết hơn những người khác nên sanh tâm hơi ngã mạn. Một hôm đang ngồi thiền, ông thấy trước mặt có hai hàng Bồ-tát thỉnh ông lên tòa sen thuyết một bài pháp, ông bước xuống chuẩn bị lên pháp tòa nhưng lại rớt xuống cầu thang, bây giờ nằm liệt giường một chỗ.

Cho nên thấy mình có tu, thấy mình có chứng, thấy mình có cái gì đó đều là bệnh hết. Những cảnh giới hiện ra, nếu không được những bậc Cao Tăng hay người đi trước chỉ cho mình, thì toàn bộ đều sanh bệnh hết. Quý thầy mới xuất gia, hoặc người mới biết đạo thì công phu hay có sức dồn ép để mong đạt vào một cảnh giới nào đó. Tu lâu

năm rồi mới thấy cái đó là trật. Mình tu bình thường, chẳng hạn sáng và trưa chúng ăn cơm trên quả đường, chiều chúng tụng kinh, ngồi thiền, mình làm y như chúng thì tốt.

Ngày xưa tôi không làm như vậy, tôi ngồi thiền bất kể ngày đêm. Đây tôi xin kể một cảnh giới chính chúng tôi rớt vào. Hồi chúng tôi công quả ở Chơn Không, sau khi công quả buổi sáng, buổi chiều Thầy Phước Hào cho chúng tôi tu. Một hôm, khoảng hai giờ trưa, tôi đang ngồi thiền dưới gốc cây bồ đề nhiên thấy một đàn kiến. Trong tâm thức, trong cái tưởng của mình, mình biết đàn kiến này từ đâu đến và tại sao nó bị thọ khổ vào cảnh giới này, tự nhiên mình khởi niệm từ bi. Vừa khởi niệm thương là nước mắt chảy, giống như gặp trạng thái cha mất hay mẹ mất vậy. Khóc suốt mướt rồi tưởng là mình phải hành đạo Bồ-tát, để cứu đàn kiến thoát khỏi cảnh giới này. Rớt vào cảnh giới đó xong, tuy xả ra rồi nhưng gặp cái gì cũng khóc.

Sau khi nghe tôi trình, Thầy Phước Hào nói, chú bị ma sâu bi nó nhập vào tâm thủ rồi. Ma sâu bi nhập rất là nguy hiểm, nếu không có người chữa trị cho mình, thân mình tự nhiên bị khô rút lại từ từ rồi chết. Có những người tu thiền mà hay cười, gặp cái gì cũng cười, tưởng là tốt nhưng không phải, người đó bị ma hoan hỉ nhập. Đó là bệnh mà không biết.

Thầy Phước Hào bảo tôi ngồi thiền sát bên Thầy, Thầy bắt đầu chỉ phương pháp buông xả. Khi niệm từ bi đến hoặc có bất cứ niệm gì Thầy bắt phải buông xả hết tất cả, trở về trạng thái rỗng không. Trở về trạng thái rỗng không rồi thì mấy phút sau hiện tượng đó mới hết. Đây là kinh nghiệm của người đi trước chỉ cho mình.

Khi có cảnh giới khác lạ đến, nếu chấp đó là chỗ thù thắng đều là sanh bệnh. Trong quyển Ngữ Lục của Thiền sư Hám Sơn, ngài dạy khi cảnh giới khác lạ đến, mình đắp mền ngủ một giấc thật sâu rồi xả ra thì hết.

“Cho nên cầu Phật, cầu Pháp đều là tạo nghiệp sanh tử; cầu Bồ-tát cũng là tạo nghiệp. Xem kinh, xem giáo cũng là tạo nghiệp.”

Chẳng lẽ không cho mình xem kinh? Xem kinh, xem giáo để hiểu rồi hành chứ không phải để đem ra cãi. Xem kinh, xem giáo mà hai huynh đệ cãi nhau thì tạo nghiệp A-tu-la. Cãi nhau thì sân, mà sân chính là tạo nghiệp sanh tử.

“Người học không rõ vì chấp chữ nghĩa, bị những danh từ phạm Thánh làm ngại cho nên ngăn chướng mắt đạo, không được phân minh. Như Lai mười hai phần giáo đều là những lời nói để hiển bày.”

Chẳng hạn, mình phân tích phạm là gì: Phạm là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người. Rồi phân tích Thánh là gì: Thánh là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Phân tích chia chẻ, nhưng lại làm chướng mắt đạo của mình, không hiểu rằng mười hai phần giáo đều là chỗ hiển bày tri kiến Phật. Nếu không nhờ học kinh, xem giáo lý thì không hiểu. Nương giáo lý như ngón tay chỉ mặt trăng, còn chấp ngón tay cho là mặt trăng thì đánh mất tri kiến.

“Người học không thể hội, lại nằm trên những lời hiển bày đó mà sanh hiểu đều là nương tựa, rơi vào trong nhân quả, chưa khỏi sanh tử trong ba cõi. Nếu ông muốn thoát sanh tử, đi đứng, buông nắm tự do thì hiện nay hãy biết lấy người đang nghe pháp.”

Muốn không bị sanh tử câu thúc, trói buộc, thì mình phải nhận lấy người đang nghe pháp. Quý thầy nghe pháp mà lắng thần không suy niệm gì hết thì đó là người đang nghe pháp. Cái gì biết được đang nghe pháp? Nghe pháp, học giáo lý các ngài luôn luôn bắt mình phản quan lại. Học Pháp, học Phật là mình phải tiêu dung. Pháp của Phật là cam lồ, mà nếu mình không tiêu dung, không thực hành được thì các ngài nói cam lồ biến thành độc dược. Học rất nhiều nhưng oai nghi phép tắc không có, thì các ngài nói mình có châu báu đem biếu người khác, mà không sử dụng gì hết.

Qua phần oai nghi phép tắc này, người chịu khó học hỏi, thực hành thu thúc sáu căn là người rất mô phạm trong cuộc sống. Mô phạm ở đây là thấu tột người đang nghe pháp.

“Người này không hình không tướng, không cội không gốc, không chỗ ở mà sống động rõ ràng, cần thì lập bày ra muôn thứ.”

Chẳng hạn, sáng nay quý thầy nhìn trên bảng thấy mình đi trị nhật thì lập bày đi trị nhật, thấy chẻ củi thì đi chẻ củi. Ngày mai nhìn trên bảng thấy mình không đi chẻ củi nữa mà cuốc đất, cuốc cỏ gì đó. Quý thầy nghiệm lại xem, có một mình mà sao phân ra muôn thứ? Đây chính là điểm mà Tổ muốn nhắc chúng ta, cần nhận ra người đang nghe pháp này.

“Chỗ dùng chỉ là không chỗ, tìm thì càng xa, cầu thì càng trái, cho nên gọi đó là bí mật.”

Phần trước, Phật dạy buộc mình phải quét cho sạch hết. Quét sạch hết tường không còn gì, nhưng khi sạch hết rồi thì hiển bày ra con người đang nghe pháp.

Ở Trung Hoa, thời Đường, lúc Thiền tông thịnh hành nhất thì xuất hiện một vị Tổ, đó là Tổ Bá Trượng. Rất nhiều người đến cầu pháp với Tổ trong đó có một vị Thiền sư tên là Thần Tấn. Thiền sư Thần Tấn ở với Thầy mình lâu năm rồi mà không hiểu thiền nên đi hành cước, gặp Tổ Bá Trượng chỉ dạy được khai ngộ.

Sau khi ngộ đạo, ngài nhớ ơn và thương Thầy mình chưa thấy đạo nên trở về để dìu dắt Thầy. Thầy bốn sư không biết ngài ngộ đạo nên sai ngài hầu hạ như trước.

Một hôm nhân bốn sư tắm, Thiền sư Thần Tấn vỗ lưng Thầy nói:

– Điện Phật rất đẹp mà Phật thì không Thánh.

Bốn sư xoay đầu nói lại, Thiền sư nói:

– Tuy không Thánh mà hay phóng quang.

Đó là con người đang nghe pháp, tuy không linh, không thánh nhưng thường biết.

Một hôm Thầy bốn sư ngồi xem kinh, có con ong chui đầu vào tấm giấy dán ở cửa sổ tìm lối ra, Thiền sư Thần Tấn nhìn thấy nói:

– Thế giới thanh thang như thế mà chẳng chịu ra, dúi đầu vào giấy cũ biết năm nào ra được?

Rồi ngài nói bài kệ:

Không môn bất kháng xuất,

Đầu song đã thái si.

Bách niên tán cổ chỉ,

Hà nhật xuất đầu thì.

Dịch:

Cửa không chẳng chịu ra,

Ong ngu chui cửa sổ,

Trăm năm dùi giấy cũ,

Ngày nào mới được ra.

Ý nói, Thầy bốn sư chuyên xem kinh mà không biết được cửa Không để tìm cách thoát ra. Ở đây cho chúng ta thấy, xem kinh, học giáo lý hay nói khác hơn là tu đứng có chấp, chấp tức là bệnh.

“Phật cùng với Tổ sư là người vô sự, cho nên hữu lậu thì hữu vi, vô lậu thì vô vi là nghiệp thanh tịnh.”

Có nghĩa là không chấp trước một điểm nào. Chẳng hạn chẻ củi, nấu cơm, làm việc cho chúng cũng là cái phước, nhưng trong tinh thần mình vô chấp thì trở thành vô lậu, mà vô lậu là vô vi, đó là nghiệp thanh tịnh. Còn thấy trên bảng ba người mà nhìn lại chỉ có hai người đi làm, mình khởi niệm tại sao... rồi không chịu làm, rồi cằn nhằn, trách móc. Đó là nghiệp hữu lậu, hữu lậu tức là hữu vi, mà hữu vi tức là tạo tác. Cho nên, trong tinh thần làm việc mà chúng ta biết cách chuyển hóa, thì cũng trở thành nghiệp thanh tịnh.

“Có bọn trọc mù ăn cơm no rồi bèn ngồi thiền quán hạnh, nắm bắt vọng niệm không cho chạy khởi, chán huyền não, tìm yên tĩnh, đó là pháp ngoại đạo.”

Pháp Tổ sư thiền là pháp hướng thượng, chúng ta phải tìm chỗ yên tĩnh như thế nào chứ Tổ không cho nắm bắt vọng niệm không cho chạy khởi. Như vậy, chúng ta ngồi thiền cho vọng niệm khởi thoải mái, phải không? Quý thầy phải nhớ kỹ, Hòa thượng thường dạy: *“Chủ chỉ biết khách thôi.”* Tức là vọng niệm bao nhiêu, lên, xuống, sanh, diệt... mà không ra ngoài ánh sáng của Bát-nhã. Niệm sanh niệm diệt, niệm còn niệm mất, niệm tật đổ, niệm ích kỷ, niệm xan tham..., một ngàn thứ niệm mà không ra ngoài cái tri kiến của mình thì đúng.

Nắm bắt vọng niệm rồi đè nó xuống, đó là bệnh. Dung túng vọng tưởng là phạm phu, đè nén vọng tưởng là hàng Nhị thừa. Ở đây Tổ dạy mình phải chuyển hóa vọng niệm. Một niệm xấu ác khởi lên, như tật đổ chẳng hạn, quý thầy chuyển niệm đó liền, không cho nó sanh khởi nữa thì từ từ lâu ngày chầy tháng, những hạt giống tật đổ, ích kỷ đó sẽ chết.

“Nếu ông dùng tâm quán tịnh, khởi tâm xoay ra ngoài, nhiếp tâm lặng bên trong, lóng tâm vào định, những hạnh như thế đều là tạo tác. Chỉ như người đang nghe pháp thế ấy của ông hiện nay làm sao để tu chứng y, trang nghiêm y. Và lại y không phải là vật để tu, cũng chẳng phải là vật trang nghiêm được. Nhưng nếu bảo y trang nghiêm thì y trang nghiêm được tất cả.”

Trong công việc, đi đứng, nằm ngồi đều phải tu, rất hợp với tinh thần oai nghi. Sáng quét sân cũng tu, không phải ngồi thiền mới là tu. Bởi vì y không có gì để tu hết, nhưng bảo y trang nghiêm thì y trang nghiêm được tất cả. Quý thầy phải nhớ chỗ đó.

Tổ Bách Trượng nói: *“Tâm địa nhược không, tuệ nhật tự chiếu.”* Vậy chừng nào tâm rỗng không? Không còn vọng niệm thì tự nhiên trí huệ chiếu ra, biết hết tất cả, phải vậy

không? Có người kiến giải như thế, nhưng quý thầy nhớ kỹ, đất tâm nếu không, tức là không còn tạo tác nữa, thì khi cảnh đến, quý thầy không đắm nhiễm. Chớ không phải tự nhiên mình phát trí huệ rồi, mình biết ông A ở đâu, ông B ở đâu. Quý thần họ cũng biết vậy.

Mặt trời trí huệ tự chiếu là biết hết tất cả mà không đắm nhiễm tất cả, cho nên *y trang* *nghiêm được tất cả*. Chẳng hạn thấy trên bàn trái ổi là mình lấy bỏ túi, đó là trí huệ không chiếu. Còn mình thấy mình đứng đứng, không có gì dính dáng hết, đó là trí huệ chiếu vào, thấy các pháp đều là rỗng không, là vô thường, là khổ thì mình đâu còn tham chấp nữa, lúc này trí huệ tự phát huy, càng tu càng tiến.

Tinh thần oai nghi Phật dạy, đừng tưởng tu ở đâu xa, mà trong cuộc sống giữa đời thường này, trong lúc hành đường, trị nhật, chè củi,... làm lao tác với chúng mà luôn luôn có ánh sáng Bát-nhã chiếu ra. Bát-nhã chiếu ra thì lâu ngày chầy tháng, tâm dừng lại. Chẳng hạn, ngày xưa huynh đệ nói trái tai là mình nổi giận liền. Bây giờ ngược lại, lời của huynh đệ nói ra mình vừa khởi niệm thì có cái gì đó tự động ngăn lại, không khởi niệm gì hết. Đó là tuệ nhật tự chiếu, phá những hạt giống vô minh.

Lý thiền nói, phiền não vốn không, phiền não tức Bồ-đề. Rỗng không thì mới *tức* được, còn có một cái gì đó thì *tức* không được. Tuy nhiên, tinh thần của Duy thức học chỉ nói trên lý thôi. Nói về sự thì trong vô lượng kiếp, hạt giống phiền não của mình nó kết tụ thành sạn rồi. Phải uống thuốc gì đó, để cho những hạt giống phiền não cù cặn nó tiêu dung. Chẳng hạn quý thầy tưới nước, có loài hoa lạ từ đất mọc lên. Tức là dưới đất có hạt giống của loài hoa đó, tưới nước nó mới nảy mầm. Nếu những hạt giống chủng tử này chết rồi, thì quý thầy tưới nước gì nó cũng không mọc lên được.

Thiền sư ngộ đạo rồi, tại sao các ngài vào trong quán rượu, tửu điểm mà không khởi niệm. Báo Giác Ngộ có nói về phương pháp giáo hóa độ sanh của các thiền sư Nhật Bản, thuộc các tông như Thiên Thai tông, Hoa Nghiêm tông, Thiền tông. Người trẻ tuổi đến chùa, họ thấy điều gì đó cao siêu quá nên bây giờ họ không đến chùa nữa. Vật chất ngày càng tăng trưởng nhưng đạo đức ngày càng đi xuống, cho nên các ngài hy sinh, vào quán bar để dìu dắt những chúng sanh đó.

Tại sao các Thiền sư ngộ đạo vào được quán rượu, tửu điểm, còn mình vào là chết liền? Bởi vì trong tâm thức mình vẫn còn những hạt giống tham ái, tưới nước tham ái vào là nó tăng trưởng, là phạm giới. Chừng nào những hạt giống đó không còn trong tâm thức nữa, thì mình đi đến đâu cũng được tự tại, giải thoát, được trang nghiêm. Chưa được thì chúng ta phải thu thúc trong Thiền viện, tu năm năm mười năm, hai ba chục năm.

Tại sao người kiến tính ngộ đạo rồi vào núi tu ba bốn chục năm? Để trưởng dưỡng Thánh thai. Nghĩa là huân tập đạo đức ngày càng sâu dày, để những hạt giống tham ái nó chết khô, nó cạn kiệt không còn sống dậy nữa, thì tự nhiên vào cuộc đời không bị ảnh hưởng gì.

Người mới xuất gia, tại sao Hòa thượng, Thầy Trụ trì không dám cho làm hương đăng, không dám cho ra nhà khách tiếp duyên, mà bắt buộc phải ở trong nội viện tu để

trưởng dưỡng. Bởi vì hạt giống xấu còn rất nhiều, tiếp duyên xúc cảnh thì tự nhiên hạt giống này nó sống dậy, mà sống dậy rất mạnh. Còn người tu mười mấy hai chục năm thì dù sao, những hạt giống tham ái này nó đã khô cạn bớt.

Nên nói, tu mà chấp trước là rớt vào đường tà, tưởng mình chứng Thánh chứng đạo rồi nhưng thật ra không phải. Đạo Phật rất đơn giản, không có gì huyền bí hết. Chẳng nào trong tâm mình cảm thấy tham, sân, si, tật đố, ích kỷ, nhỏ mọn ngày càng bớt thì mình biết đang tu tiến. Muốn được vậy thì uống thuốc gì?

Muốn tiêu dung những hạt giống tật đố, ích kỷ, xan tham thì trong cuộc sống tu hành phải tăng trưởng những hạt giống thiện pháp. Hạt giống thiện pháp nhiều, thì đánh bật những hạt giống ác pháp từ vô lượng kiếp. Chẳng hạn, thấy huynh đệ làm một nhọc, mình đến giúp đỡ, san sẻ. Mình khắc kỷ với chính mình mà bao dung tha thứ với người thì đúng. Còn tu mà bao dung với chính mình, khắc kỷ với người khác thì coi chừng, pháp tu đó không phải pháp của Phật mà là pháp ngoại đạo.

Tại sao đầu tròn, áo vuông tu pháp của Phật mà lại sanh ra pháp ngoại đạo? Duy thức học nói, trong vô lượng kiếp mình đã từng tu với một phái ngoại đạo nào đó, những hạt giống này nó còn nên sống lại, thành ra tu pháp Phật cũng thành pháp ma, pháp ngoại đạo. Ngày xưa, người nào có hạnh phúc, an ổn, làm gì cũng hơn mình, mình không thích; bây giờ thì mình vui, mình nâng đỡ, như vậy biết mình đang tu tiến. Chớ không phải ngồi thiền, chiếu hào quang mới là tu theo pháp Phật.

Cho nên Kinh Bách Duyên nói:

Quét đất được năm thứ công đức thù thắng:

1- Trừ tâm nơ cho mình.

Tâm nơ là tâm tham, sân, si, ích kỷ, tật đố, kiêu mạn,... Sáng, thấy tên mình trên bảng đi quét sân thì cứ đi. Tôi thấy quét sân có điểm hay, thứ nhất là mình tập thể dục, thứ hai là trong lúc quét mình chánh niệm, quán tưởng sâu sắc là mình đang quét đất tâm của mình. Bao nhiêu rác rưởi, tật đố, xấu ác quét sạch, ngày nào cũng quét.

Cần tảo già lam địa,

Thời thời phước huệ sanh.

Tức là siêng năng quét đất già lam thì lâu ngày phước huệ tăng trưởng.

2- Trừ tâm nơ cho người khác.

Thường xuyên quét sân, tức là quét đất tâm thì một thời gian, tự nhiên mình có năng lực tiếp vật lợi sanh. Đừng nghĩ mình học hiểu kinh điển nhiều, rồi nói Phật tử nghe. Bởi vì tâm mình còn cù cặn nhiều quá, nói người ta không nghe.

Ngày xưa, một lời của Đức Phật phổ xuống, đại chúng ngộ đạo rất nhiều. Trong kinh điển tả, người nào có duyên với Phật, như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên,... đến với Phật, Phật nói "*Thiện lai Tỳ-kheo*" là râu tóc rụng hết, cà-sa trên mình đầy đủ thành tướng Đại Sa-môn. Như vậy hiểu sao? Có thần thông hay sao? Về lý, có người giải thích râu tóc tự rụng nghĩa là phiền não từ vô lượng kiếp, ngay lúc gặp Phật tự nhiên rơi rụng

hết. Trong kinh thì diễn tả Phật có mười tám pháp bất cộng, có năng lực bất khả tư nghì. Một khi năng lực Đức Phật ứng tác vào điểm nào thì Ta-bà cũng biến thành Tịnh độ, chỗ xấu ác nhất cũng biến thành Niết-bàn.

Sở dĩ, Phật có năng lực thù thắng như thế vì trong vô lượng kiếp, ngài luôn luôn làm các điều thiện pháp. Trong mười tám pháp bất cộng, có pháp *Dục Vô Giảm*, là lòng mong muốn làm những điều thiện pháp không bao giờ nhàm chán.

Siêng quét sân tức là siêng quét tâm như thì mình có năng lực thù thắng, mai kia tiếp vật lợi sanh. Có năng lực lớn người ta mới nghe, mới tu tập, chuyển hóa. Lời pháp mình nói mà không ai tu tập, lại còn phỉ báng thì uống công, không lợi ích gì hết. Sở dĩ không được gì là vì chúng ta không siêng quét sân.

3- Bỏ tánh kiêu mạn.

Quý thầy mới xuất gia lưu ý điểm này. Chẳng hạn, ở ngoài đời mình học thức nhiều, sanh trưởng trong gia đình giàu có, được thông minh trí huệ, thì lại khó tu hơn người sanh trong hoàn cảnh nghèo khó, thông minh vừa đủ. Giàu có, thông minh, cái gì cũng biết lại sanh tâm kiêu mạn. Chính tâm kiêu mạn cản trở con đường Niết-bàn, cản trở, che lấp tri kiến như thật của mình.

Sáng, ai cũng quét sân, quét rác, mình đi vòng vòng chơi, biểu hiện tâm mình có vấn đề, người bình thường nhìn cũng thấy hưởng chi người trí. Có cái gì đó cản mình lại, không thể nào xuống phụ đại chúng, làm lao tác với đại chúng. Chính năng lực, đó làm cho cửa Bát-nhã không bao giờ mở ra được.

Cho nên, Thầy lớn dạy như thế nào, mình phải làm y như thế. Người mới xuất gia, muốn thành tựu sau này thì phải giống như cô dâu mới về nhà chồng. Cô dâu mới về nhà chồng cái gì cũng sợ, sợ cha chồng, sợ mẹ chồng, anh chồng, em chồng.

Phật nói người xuất gia cũng như thế, mới thì nói gì cũng nghe, nhưng chỉ cần một, hai năm thì bất cần. Mấy ông thầy lớn kệ ổng, ổng cũng ăn, cũng uống, cũng ngủ nghỉ như mình vậy! Chẳng hạn sáng nay lên ăn cơm thì Thầy Trụ trì cũng ăn, Thầy phó cũng ăn, sao giống mình quá vậy? Rồi làm việc cũng giống. Thiền sư nói, giống thì giống nhưng phải thì không phải:

*Như nhau dục mũi ngang mày,
Lòng phàm, dạ Thánh cách sai nghìn trùng.*

Các ngài ăn luôn chánh niệm, tỉnh thức, luôn thu thúc sáu căn. Còn mình ăn thì luôn luôn phóng niệm! Cũng lên ngồi thiền mà nghĩ đủ thứ chuyện, các ngài ngồi đầu thì định tĩnh đó. Thấy vậy chứ khác rất là xa. Học oai nghi phép tắc mình phải lưu ý điểm này.

4- Điều phục vọng tâm.

Tâm vọng động thì từ từ nó chuyển hóa. Thiền sư Trung Hoa có ghi:

Một hôm thiền sư Triệu Châu cầm chổi quét đất.

Quý thầy thấy không? Thiền sư rồi mà cũng cầm chổi quét đất.

Có một vị Tăng hỏi:

– Hòa thượng là bậc thiện tri thức, vì sao có bụi?

Ở đây nói qua lý thiền rồi.

Thiền sư bảo:

– Bên ngoài đến.

Vị Tăng hỏi:

– Già lam thanh tịnh vì sao có bụi?

Sư đáp:

– Lại có một điểm.

Chẳng hạn, đang ngồi thiền với tâm lóng định, quý thầy khởi niệm tìm chân như, Phật tánh, tìm cái tri kiến hoặc tìm cái gì đó thì nó *lại có một điểm*. Thanh tịnh là bản nhiên nó tự tịnh, tự định. Khởi niệm, tác ý trên tâm thì tức là bệnh. Nhớ kỹ, ngồi thiền là không tác ý trên niệm. Tu một thời gian quý thầy sẽ thấy rõ, vọng khởi lên, mình không tác ý nhưng vọng nó tự dừng, tự lặn, đó là phương pháp “Thấy biết là chơn tâm” mà Hòa thượng dạy mình. Bao nhiêu đó là đủ.

Có người nói, phương pháp Hòa thượng dạy “Thấy biết là chơn tâm” giống như phương pháp gì đó (tôi không nêu ra), nhưng mà họ lầm. Hòa thượng đã thành tựu chỗ ngài chỉ dạy “Thấy biết là chơn tâm”, biết rõ hết mà không có tác ý trên niệm nữa. Còn mình chưa thành tựu nên thấy khó tu. Đơn giản như thế nhưng mình muốn có một cái gì đó cầu kỳ, chính cái điểm cầu kỳ đó nó sanh bệnh.

Trong phần tham vấn Thiền sư Trung Hoa, có người nói, dùng cái biết, biết vọng cũng là vọng tưởng. Hòa thượng nói, người hỏi tôi câu này không tu pháp của tôi. Đúng là người này ở bên ngoài. Ngày xưa tôi ở Thường Chiếu, tôi biết vấn đề này. Người bên ngoài kích bác phương pháp tri vọng của Hòa thượng rất nhiều, họ nói cái biết đó cũng chính là vọng tưởng. Hòa thượng phân tích “*chủ chỉ biết khách trôi*”. Họ không hiểu là trong lúc biết vọng, đó là *tánh biết vọng*, chứ không phải dùng cái tri hữu nữa. Tánh biết vọng này, không tác ý trên niệm thì chỗ đó là tri kiến Phật rồi. Còn tác ý trên vọng thì già lam thanh tịnh, tự nhiên có một điểm tác ý lên. Chỉ có người tu pháp Hòa thượng lâu ngày mới nắm bắt được điểm đó, người ngoài họ không biết.

Chính vì không biết, nên họ nói ra nói vào làm mình mất niềm tin. Mất niềm tin nên bị xung đột về pháp, mình không tu pháp môn thù thắng này nữa mà tu theo pháp khác. Ân cớ của Hòa thượng, mà mình tu pháp khác, không trung thành với pháp môn này thì sau này quý thầy ra làm việc, bảo đảm chỉ dẫn người ta không được.

Tu phương pháp Hòa thượng chỉ dạy, mới đầu rất khó, vọng niệm rất nhiều. Bởi vì ngày xưa mình lao theo vọng nhiều quá, bây giờ mình không lao theo nữa, mà chận đứng lại nên thấy nó nhiều. Cũng như nước lóng trong thì mới thấy cá bơi lội, tâm quý thầy hơi có chút định thì mới thấy vọng tưởng nhiều.

5- Thêm lớn công đức, được sanh về cõi lành.

Càng quét sân thì ngày càng thêm lớn công đức, được sanh về cõi lành.

Thành Thập Luận nói:

“Quét một cội Diêm Phù Đề đất Tăng, chẳng bằng quét một nắm tay đất Phật.”

Ý nghĩa rất là sâu, có nghĩa là luôn luôn lau chùi tâm vọng động của mình.

“Giặt áo trong phải lượm bỏ rệp, rận mới giặt. Tháng mùa hạ dùng nước, dùng rồi phải úp chậu xuống, nếu để ngửa ắt sanh trùng kiến.”

Phật thương các loài chúng sanh nên dạy mình rất kỹ.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phàm để chậu giặt y chẳng nên lấy rửa chân và giặt quần, vớ. Các vật lúc phơi trên sào cũng đừng cho đụng nhau và đừng ngâm nước mà phun pháp y.”

Ngày xưa, đọc đến chỗ này tôi nghĩ sao Tổ dạy kỹ quá. Nhưng khi làm nhà khách, tôi thấy có những người trong lúc phơi y không có chánh niệm, không thu thúc lục căn, thấy cái y hơi nhăn là phun nước lên rồi ép xuống. Chúng ta đồ thừa thời mật pháp khó tu chánh định nhưng Tổ Tuyên Luật Sư, người đã chứng Thánh quả, nói nguyên nhân không tu được pháp này là vì ác pháp nhiều quá. Ác pháp nhiều, thì không bao giờ bước vào con đường thiền định được. Mà những cái nhỏ nhặt này gọi là ác pháp. Còn tu mà giữ giới luật thanh tịnh, biết oai nghi phép tắc thì gọi là thiện pháp. Thiện pháp tăng trưởng thì ngồi thiền được định tĩnh.

Thau giặt y phải ghi: “Thau giặt y, không giặt đồ khác.” Lúc phơi trên sào cũng đừng cho đụng vào quần áo mặc làm việc, lao tác. Và đừng ngâm nước phun pháp y, bởi vì cái khẩu của mình không có thanh tịnh, mà pháp y các ngài rất quý.

Sách Tăng Kỳ Giới Bản có nói:

“Phải có tư tưởng kính trọng tam y như kính trọng pháp của Phật.”

Không phải tự nhiên mà được ba y, bình bát. Những hạt giống này, quý thầy đã gieo trồng từ vô lượng kiếp rồi. Hòa thượng Tuyên Hóa nói, người xuất gia là đã tám mươi bốn ngàn kiếp từng gieo trồng căn lành này, hôm nay nghe một tiếng chuông tự nhiên thức tỉnh. Nên các ngài nói, mình phải có tư tưởng kính trọng ba y như kính trọng pháp của Phật. Nếu không có tâm kính trọng, chắc gì mai kia được pháp y nữa.

Trong Luật Tỳ-kheo có ghi: Có một thầy Tỳ-kheo vào tu trong núi, tối ngủ trong hang, ngài lấy cái y giăng xung quanh chỗ ngủ. Một con quỷ đi ngang qua, nó định dùng tay bóp cổ ngài, đụng phải cái y nó hoảng hồn bỏ chạy.

Ngày xưa ở Thường Chiếu có một cái thất, quý thầy ở đó buổi tối ngủ hay bị kéo chân. Có một thầy lớn tuổi hạ kể lại, tối nào ngủ mà không giăng cái y lên là bị kéo chân xuống giường luôn. Giăng y lên rồi thì không bị quậy phá nữa. Nghe thấy như huyền bí, nhưng trong luật, Phật có thọ ký, sau này đời mật pháp, người nào mặc ba y của Như Lai, tuy trong tâm không thật tu hành nhưng cũng có cơm ăn áo mặc. Bởi vì người mặc y của Như Lai thì giống như Như Lai còn tại thế. Tăng còn tại thế thì Phật còn tại thế.

Ngày xưa Hòa thượng có kể, một ngôi chùa ở Long An, có người bị quỷ nhập, thầy tri sự được mời ra trì chú Đại Bi để đuổi con quỷ đó. Thầy đang trì chú thì con quỷ đó nói (qua lời của người bị nhập): *“Đáng lẽ tôi đánh ông rồi mà vì tôi thấy ông mặc pháp y nên tôi không đánh, bây giờ ông cởi ra tôi đánh tay đôi với ông.”*

Phật dạy, y hậu lúc nào cũng mang theo bên mình, giống như chim có hai cánh vậy. Những vị thầy đi chỗ này, chỗ kia mà quên y, quên hậu thì biết người này giới luật không được trang nghiêm thanh tịnh.

Sách Ngũ Phần ghi:

“Đi phải biết thời, trái thời chẳng đi. Đi bất cứ nơi đâu, áo bát mang theo như chim mang cánh theo trong lúc bay.”

Kinh nói:

“Tỳ-kheo Liên Hoa Sắc trong thời quá khứ giỡn chơi pháp y ca-sa, ngày nay gặp Phật đắc quả A-la-hán.”

Tích truyện có kể, vào thời quá khứ Tỳ-kheo Liên Hoa Sắc là một dân nữ. Một hôm đi ngang qua Tịnh xá, thấy pháp y của Phật cô lấy khoác lên người rồi nói: “Nếu sau này tôi được mặc cái y này, chứng quả Thánh thì hay biết mấy.” Chỉ là nói chơi thôi mà vào thời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bà được gặp Phật chứng quả A-la-hán.

Kinh Công Đức Của Người Xuất Gia có nói, một người chỉ cần khoác y lên người một lần thôi, người này đã gieo trồng vô lượng kiếp chủng tử sâu dày với Phật pháp. Lúc đắp y quý thầy đọc bài kệ:

*Đại tai giải thoát phục,
Vô tướng phước điền y,
Phi phụng trì giới hạnh,
Quảng độ chư quân sanh.*

Đại tai tức là rất lớn, rất vĩ đại. Có một sự vĩnh cửu mới mặc được pháp phục của Phật chứ không phải chuyện đơn giản. Hôm trước Sư Bác có giảng: Mặc pháp y rồi không phải là xong, mà phải giữ giới, phải tu hành, phải oai nghi phép tắc. Nhất là những người mới xuất gia, chịu khó học luật để mai kia mới tiếp dẫn hậu lai được.

“Chẳng được nước nóng đổ trên đất.”

Vì sao? Vì chết trùng, phước đức mình tổn giảm.

“Tất cả gạo, bột, rau, trái chẳng được khinh khi bỏ bậy bạ, phải sanh lòng yêu tiếc.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Đời nay không tiếc của, đời sau không có mà dùng. Việc đời còn vậy huống chi là của Thường trụ, chúng Tăng mà chẳng thêm lòng thương tiếc hay sao?”

Chùa Thiếu Lâm Tự, thời sung mãn nhất được tín thí cúng dường rất nhiều. Nhưng chúng không biết tiết kiệm, đổ nhiều gạo, bún trôi xuống cống. Vị Hòa thượng một ngôi

chùa dưới chân núi, cho vớt lên rửa sạch đem phơi để dành. Đến năm hạn hán, chùa Thiếu Lâm hết gạo ăn, phải xuống ngôi chùa dưới chân núi mượn gạo. Hòa Hòa thượng, ở đâu gạo bún quý ngài có nhiều vậy. Hòa thượng nói đâu có gì lạ, ngày xưa các ngài có gạo, bún nhiều quá ăn không hết đổ xuống cống, tôi vớt lên phơi, bây giờ mới có cho các ngài mượn. Nghe như thế Thầy Trụ trì chùa Thiếu Lâm xuống đánh lễ vị Hòa thượng đó xin làm đệ tử.

12. Vào Nhà Tắm

Sa Di Học Xứ ghi:

“Phật chế luật nửa tháng tắm rửa, nhân Đồng tử Kỳ Bà bạch nói Tỳ-kheo nhiều bệnh, không tắm rửa chẳng khỏi bệnh nên thời khai bệnh. Sau vì làm việc, đi xa... lại khai.”

Ngày xưa vào thời Đức Phật, Phật chế luật các thầy Tỳ-kheo nửa tháng chỉ tắm một lần. Đại Luật có ghi, sờ dĩ như vậy vì khi Phật an trú ở thành Vương Xá, trong thành có ba suối nước nóng, một cái của vua tắm, một dành cho Tỳ-kheo tắm và một cái để voi tắm. Một hôm lục quần Tỳ-kheo đến suối nước nóng của vua tắm, vua Ba-tư-nặc ra hồ để tắm nhưng phải chờ từ sáng đến trưa mà các thầy tắm cũng chưa xong, rồi từ trưa vua chờ đến xế chiều. Các cư sĩ hiềm nghi bạch Phật, cho nên Phật chế luật từ đó về sau các thầy Tỳ-kheo không được tắm nhiều, nửa tháng chỉ được tắm một lần. Phật chế ra giới luật rồi thì các thầy Tỳ-kheo giữ rất là nghiêm.

Sau đó có duyên sự Phật khai ra. Là khi Phật an trú tại thành Xá Vệ, nhiều Tỳ-kheo bị bệnh ghê, thân thể hôi hám. Phật hỏi nguyên nhân, các thầy thưa vì Thế Tôn đã chế giới nên chúng con không dám tắm. Phật dạy từ đây về sau cho phép bệnh ghê được tắm.

Một hôm Phật đến nước Kiều-tát-la vào lúc trời nóng, các thầy Tỳ-kheo khi gặp hồ nước thì chạy nhanh đến hồ không có chánh niệm. Phật hỏi nguyên nhân, các thầy thưa vì nửa tháng nay chưa tắm nên gặp nước rất mừng. Phật khai ra, gặp trường hợp trời nóng bức thì cứ tắm.

Rồi khi an trú tại thành Xá Vệ, vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm Phật đi tuần tra phòng ốc một lần. Một hôm Phật nhìn thấy một thầy Tỳ-kheo chân đầy bùn sinh, hỏi nguyên nhân thì thầy Tỳ-kheo nói, Thế Tôn chế trời nóng hoặc ghê lở mới được tắm, con không thấy nóng cũng không có ghê lở. Phật hỏi chân ông sao dơ? Thầy Tỳ-kheo nói chân con dơ mà Phật đâu có chế nên con không dám tắm. Phật khai ra, chân dơ cho tắm.

Có những điều luật rất hay, tuy nhiên nhiều người chấp mà không nghiên cứu kỹ thành cứng nhắc. Bây giờ quý thầy lao tác, làm cỏ, chẻ củi mà về không chịu tắm, huynh đệ chắc không ai dám gần. Cho nên giới luật là phải chế, phải khai ra.

“Trước lấy nước nóng rửa mặt, từ trên đến dưới, từ từ rửa đó.”

Sa Di Học Xứ ghi:

“Mặt là một thân tối tôn, phàm lúc vào nhà tắm trước đem cởi y hạ, móc y hạ rồi dùng nước rửa dưới thân mới cởi thoát thượng y. Móc thượng y trên, kẻ mới dùng nước rửa sạch, xong sau mới vào ao im lặng tụng kệ chú. Tụng thượng chí hạ, từ từ rửa vậy.”

Quý thầy thấy Phật rất thương xót các thầy hậu học, tắm rửa mà cũng chỉ dạy thật kỹ. Vào nhà tắm trước mình phải rửa mặt, bởi vì mặt là phần tối tôn. Cởi áo phải cởi từ từ. Xối nước cũng từ từ chớ không phải xối ào ào không có chánh niệm.

“Tại sao phải rửa mặt trước? Kinh dạy: Mặt là phần chung của sáu căn, là cửa của vạn pháp. Nhiệm nên trôi nổi trong sanh tử, tịnh nên mãi ở nơi Niết-bàn. Cho nên mặt của chư Phật như trăng tròn thanh tịnh, người người thấy thì kính mộ, tâm lành do đó mà phát sanh.”

Mặt cũng là cửa ngõ của các hạnh. Có những người nhìn khuôn mặt tự nhiên mình thích. Mình tu làm sao mà nhìn khuôn mặt mình tự nhiên người ta kính mến, phát tâm Bồ-đề. Còn tu sao không biết mà mặt mày nhăn nhó, đời sau mình ra đời thấy khuôn mặt mình người ta không phát tâm. Phật vô lượng kiếp tu hạnh từ bi hỉ xả, thương người, cứu giúp người nên được khuôn mặt mà ai nhìn cũng đều phát tâm kính tín.

“Còn mặt của La-sát thì sao? Kinh Phật dạy: Mặt La-sát giống như mặt rắn, ai nhìn cũng chán ghét, ác tâm nhân đây mà phát khởi. Như vậy, mặt là then chốt của các đức, do mặt tịnh thì pháp môn tịnh, pháp môn tịnh thì kiến tư hoặc trừ. Đây chính là diệu quả của Niết-bàn vậy.”

Chỉ một pháp rửa mặt thôi mà trong kinh phân tích rất sâu, rất rộng. Chúng ta luôn luôn tùy hỉ với mọi người, luôn luôn làm những việc thiện pháp thì nhìn khuôn mặt mình tâm lành người ta phát khởi. Tổ Qui Sơn nói, đường đường Tăng tướng dung mạo là do kiếp trước gieo trồng thiện pháp nhiều nên bây giờ mới được tướng hảo như thế.

Tỳ Ni dạy:

*Lấy nước rửa mặt,
Cầu cho chúng sanh,
Được pháp thanh tịnh,
Hết hẳn cầu nhiễm.*

Lúc rửa mặt chúng ta cầu cho tất cả chúng sanh, trong đó có mình, được pháp thanh tịnh nhu nhuyễn thì thoát hẳn cầu nhiễm. Quý thầy học kinh A Hàm thường thấy từ nhu nhuyễn này. Sở dĩ chúng ta nói chuyện hay hành động không được nhu nhuyễn bởi vì ác pháp nhiều. Ác pháp nhiều thì nói gì cũng cộc lốc. Có những thầy thọ giới Tỳ-kheo rồi mà nói mày, tao với huynh đệ. Ngày xưa ở Thường Chiếu Hòa thượng kỵ nhất việc này. Phải gọi là sư huynh hay sư đệ. Quý thầy nhớ kỹ, lời nói nó không mất, đó chính là quả Niết-bàn của quý thầy sau này.

“Chẳng được lật đật khiến nước nóng văng nhằm người gần. Chẳng được tiểu đi trong nhà tắm.”

Ngày xưa tắm một dọc dài chớ nhà tắm không phải từng phòng như bây giờ, cho nên chẳng được lật đật khiến nước nóng văng nhằm người gần. Tiểu đi là sau khi tắm xong, lau khô chuẩn bị mặc áo thì nước tiểu ra vài giọt, Phật cũng không cho phép. Quý thầy phải đứng ngay bồn vệ sinh lau mình, lỡ bị tiểu đi thì nước tiểu rót xuống bồn luôn.

Sa Di Học Xứ ghi:

“Tiểu di hoặc nói tiểu hành hoặc nói tiểu giải hoặc nói tiểu tịnh. Song đất sạch còn không nên tiểu huống chi trong nhà tắm ư?”

Ngày xưa tôi ở Tăng đường một, có một thầy hay tiểu trong nhà tắm. Thầy đã thọ giới Tỳ-kheo nhiều năm rồi, hỏi ra mới biết thầy vào chùa mà không học Oai Nghi, Tỳ Ni gì hết cho nên nó biến tướng ra. Bây giờ thầy đi lang thang không chỗ nào nhận. Quý thầy thấy tổn phước đến mức độ như vậy. Đó chỉ là hoa báo thôi, quả báo tái sanh vào cảnh giới địa ngục.

“Vốn tắm rửa là nguồn gốc làm trong sạch thân mình. Tiểu di trong nhà tắm thì cầu sạch mà trở làm ô uế.”

Bởi vì thân mình dơ quá, mình vào nhà tắm tắm cho nó sạch, nhưng cuối cùng tiểu di trong nhà tắm thì cầu sạch mà trở lại thành nhơ. Nhơ gì? Nhơ cái tâm của mình. Thân thì sạch mà tâm thì dơ, thôi chi bằng đừng tắm.

“Đã ô uế tự thân, lại ô uế cho đại chúng thì lễ Phật, tụng kinh, tất cả đều thành bất tịnh, tội này rất là nặng.”

Giáo pháp của Phật rất vi diệu, càng học càng thấy hay. Quý thầy cứ tiểu trong nhà tắm thì ngồi thiền, tụng kinh cũng là bất tịnh thôi. Cho nên mình tu mình thắc mắc, tại sao mình hôn trầm suốt vậy? Rồi mình tụng kinh, lễ Phật sao không thấy an ổn? Sao tu không thấy niềm vui mà càng tu càng chán? Mà không biết mình phạm những điều này. Quý thầy ráng thu thúc, ráng giữ đi, một thời gian quý thầy sẽ thấy có kết quả, mà kết quả ngoài sức tưởng tượng của mình.

Kinh Tăng Hộ có ghi:

“Thầy Tỳ-kheo ở chỗ đất sạch (trong đất già lam), đại tiểu tiện không lựa chỗ nơi, do nhân duyên ấy vào trong địa ngục làm con trùng ở trong hầm xí chịu khổ lửa đốt không bao giờ dứt.”

Nghe nói không được tiểu trong nhà tắm, rồi mình tiểu dọc dọc bên ngoài, không được, cũng là đất già lam. Quý thầy phải kỹ điểm đó. Những điều này tôi học hồi ở Thường Chiếu, không bao giờ dám tiểu bậy chỗ nào hết, mà vào nhà cầu đàng hoàng.

Kinh Trang Nghiêm Bảo Vương có nói:

“Hoặc ở chỗ thường trụ hỉ mũi, khạc nhổ, người đó sanh trong cây Ta-la làm con trùng mỏ như cây kim trái qua mười hai năm. Hoặc ở chỗ đất thường trụ đại tiểu tiện, người đó sanh trong chỗ đại tiểu tiện nơi thành lớn Ba-la-nại làm con trùng ở chỗ nhơ nhớp, cầu xí.”

Phải là cặp mắt Phật nhãn mới thấy được.

Kinh Ưu Bát Kỳ Vương có nói:

“Đất trong cảnh già lam đại tiểu tiện bậy bạ năm trăm đời đọa trong địa ngục Bạt-ba, sau hai mươi kiếp thường làm con bọ hung hai cánh tay ôm chỗ nhơ ấy cho đến trọn đời.”

Quý thầy học lý thiền rồi nói cái gì cũng không, nhân quả cũng không. Trong Thiền sư Trung Hoa có ghi:

Một vị cư sĩ đến hỏi Thiền sư Trí Tạng có thiên đường, có địa ngục hay không. Sư đáp có. Rồi hỏi có Phật, có Pháp, có Tăng, có Tam bảo hay không. Đáp cái gì cũng có. Cư sĩ nói:

– Coi chừng Hòa thượng nói lộn đó.

Thiền sư hỏi:

– Ông đã từng gặp vị tôn túc nào chưa?

– Đã gặp Hòa thượng Cảnh Sơn, hỏi gì Hòa thượng cũng nói không.

Thiền sư Trí Tạng hỏi:

– Ông có vợ chưa?

– Có.

– Có nhà không?

– Dạ có.

– Ông có thì đúng rồi còn Hòa thượng cái gì cũng không!

Thiền sư Trung Phong nói mấy vị tu thiền nói cái gì cũng không là chưa có ngộ. Mà chưa ngộ nên cái gì cũng có, pháp giới hiển bày ra hết. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rõ, Bồ-tát Thất Địa phải tu tập mười loại trí tuệ phương tiện thù thắng:

1- Tuy khéo tu tập chánh định, không, vô tướng, vô nguyên mà từ bi chẳng bỏ chúng sanh.

Tuy tu chánh định là không, tức là thấy các pháp đều vô ngã, không có thật, nó do nhiều yếu tố hợp lại, rồi thấy vô tướng, vô nguyên tức là không tạo tác nữa mà từ bi chẳng bỏ một chúng sanh nào. Tức là mình tu phải đạt đến chỗ vô ngã, vô tướng không tạo tác nhưng mình thương hàng hậu học là quý thầy phải oai nghi phép tắc đầy đủ.

2- Tuy đã được pháp bình đẳng của chư Phật mà thường ưa cúng dường chư Phật.

Các ngài đã tu được pháp bình đẳng của chư Phật tức là không còn thiện ác, không còn năng sở, không còn chủ khách nhưng mà hay cúng dường chư Phật. Ưa cúng dường chư Phật là gì? Tuy đã đạt đến chỗ bình đẳng như chư Phật rồi nhưng mình vẫn luôn làm các việc thiện mà không chấp trước, tránh xa điều ác đó là cúng dường chư Phật, cúng dường chư Pháp, cúng dường chư Tăng. Chớ không phải mình tưởng có một vị Phật nào đó để mình cúng dường.

3- Tuy vào môn trí huệ quán không mà vẫn siêng năng tích lũy phước đức.

Chớ không phải nói cái gì cũng không rồi buông hết. Siêng năng tích lũy phước đức tức là làm việc thiện pháp.

4- Tuy rời xa ba cõi mà vẫn trang nghiêm ba cõi.

Tức là rời xa dục giới, sắc giới, vô sắc giới nhưng vẫn trang nghiêm ba cõi, cho các chúng sanh trú ngụ mà tu tập pháp lành này.

5- Tuy đã dập tắt trọn vẹn những ngọn lửa phiền não mà lại vì tắt cả chúng sanh khởi và diệt ba ngọn lửa phiền não tham, sân, si.

Rất là khó. Các ngài hộ, tức là sanh vì đạo, vì quá thương chúng sanh. Chẳng hạn như Hòa thượng, quý Thầy lớn, Thầy Trụ trì thấy quý thầy làm cái gì trái các ngài cũng phải răn, cũng phải dạy. Mà các ngài dạy như thế thì phải có niệm khởi và diệt. Vì thương chúng sanh mà các ngài ứng tác ra phương tiện, nếu để làm bậy sợ chúng sanh dọa địa ngục nên phải răn, phải dạy.

6- Tuy biết rõ các pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảo hóa, như trăng đáy nước, như bóng trong gương, tự tánh không hai, nhưng vẫn tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà tạo tác vô lượng sai biệt.

Tức là ứng tác ra muôn ngàn sai biệt khác. Chẳng hạn quý thầy thích tu thiền thì các ngài ứng tác ra phương pháp tu thiền cho mình tu. Tuy biết rằng các pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang nhưng vì thương xót mà các ngài ứng tác từ tự tánh của các ngài ra muôn ngàn sai biệt khác.

7- Tuy biết các cõi nước giống như hư không mà vẫn có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật.

Chẳng hạn như cõi Phật A Súc, cõi Phật Dược Sư... Những cõi Phật đó tuy biết là rỗng không nhưng các ngài vẫn dùng diệu hạnh phương tiện thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật. Mà diệu hạnh phương tiện thanh tịnh này ứng tác từ tâm hành giả, tâm mình thanh tịnh bao nhiêu thì ứng tác ra cõi đó thanh tịnh bấy nhiêu. Cho nên các ngài tuy biết hết các pháp, hay các cõi nước là giống như hư không mà vẫn có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh mà trang nghiêm cõi Phật.

Một vị Thiền sư người Nhật nói, muốn biết một người mai kia được giải thoát hay không, thì nhìn hành động hằng ngày người đó làm. Trong cuộc sống giữa đời thường, trong sự tu hành mà giải thoát được năm mươi phần trăm thì khi chết được giải thoát năm mươi phần trăm. Vừa chết là cận tử nghiệp ứng tác ra cõi đó liền. Nếu ngày xưa mình giúp ích người này, trang nghiêm cho người khác hay nói khác hơn làm thiện pháp thì nó ứng tác ra các cõi để mình khế hợp, mình tiếp tục tu tập. Còn mình làm ác pháp thì cũng có những cõi khác ứng hiện ra. Địa ngục hay Niết-bàn, cảnh giới lành hay dữ đều do tâm mình biến hiện ra hết.

Có một vị cư sĩ nói: “Đạo Phật nói cái gì cũng vô ngã, mình đã vô ngã rồi thì còn tu làm gì? Ai tu? Ai chứng? Ai thọ khổ?” Mình thấy rất rõ là vạn pháp đều có chỗ nương tựa nhưng có một cái không nương tựa. Không nương tựa, nhưng vạn pháp đều nương tựa vào đó. Chẳng hạn cái bàn này nương tựa cái gì? Nương tựa hư không. Hư không không nương tựa nhưng hư không sản sinh ra các pháp. Vậy cái gì sanh ra hư không? Tri kiến Phật. Từ tri kiến Phật, các ngài có diệu hạnh thanh tịnh ứng tác ra các cõi. Chỉ một Đức Phật mà ứng tác hết muôn hạnh.

Cho nên mình cứ làm thiện pháp đi, cứ tu tập, cứ trang nghiêm thanh tịnh mình đi, đừng sợ mai kia chết lạc bầy. Nghiệp không bao giờ chơi xấu mình, nghiệp đẩy mình đến một cảnh giới nào đó thích ứng với những việc mình làm hằng ngày trong cuộc sống. Vì vậy, trong cuộc sống tu hành mình phải biết tránh điều ác, làm các điều lành là đúng nhất, đừng nói chuyện gì cao siêu hết.

8- Tuy biết pháp thân của chư Phật bản tánh vốn là không, có thân mà dùng tướng hảo để trang nghiêm thân, điều dắt chúng sanh.

9- Tuy biết âm thanh của chư Phật bản tánh là không, vắng lặng chẳng nói năng mà hay thuận theo tất cả chúng sanh, phát ra vô vàn âm thanh vì diệu để nhiếp phục chúng sanh.

Tuy biết âm thanh là rỗng không nhưng không chỉ dạy, làm sao người ta biết được. Cho nên các ngài dùng phương tiện thiện xảo đi vào cuộc đời này. Phật pháp rất vi diệu, có những người tưởng chừng cuộc đời này họ bỏ không, nhưng nhờ nghe một bài pháp tự nhiên họ chuyển hóa.

Ngày xưa, lúc ở Tu viện Huyền Không bên Canada, tôi giảng bộ “Thập Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát”. Một hôm, có một cư sĩ đến chùa Ấn Quang thỉnh bộ chuông mõ. Lúc đó một vị thầy đang nghe đĩa giảng này, tình cờ bài giảng lọt vào tai vị cư sĩ cho nên ông xin về nghe. Ông là đại gia ở thành phố, nhà giàu, ăn thịt, uống rượu, không biết làm việc thiện pháp. Sau khi nghe bài giảng, ông ăn chay trường, cất nhà cho người nghèo, cứu giúp người bệnh. Ông hỏi thăm, biết tôi ở trên này, ông tìm gặp rồi kể tôi mới biết. Hôm trước ông phát tâm cúng dường tượng Phật cho Thiền viện.

Mình chưa phải là Bồ-tát gì hết, chỉ là phàm phu Tăng thôi, nhưng quý thầy cứ giữ giới luật thanh tịnh, giữ oai nghi phép tắc đúng thì sau này quý thầy cũng điều dắt tất cả mọi người. Chỉ cho họ cái nào là tà pháp, cái nào là chánh pháp, cái nào nên làm, cái nào nên bỏ, họ biết được họ làm tăng trưởng phước đức.

10- Tuy theo lời chỉ dạy của chư Phật, biết rõ ba đời chỉ là một niệm mà vẫn thuận theo sự phân biệt của chúng sanh, dùng mọi hình tướng, mọi thời gian, mọi kiếp số mà tu tập các hạnh.

Theo lời chỉ dạy của chư Phật mình hiểu cái lý. Biết rõ ba thời, quá khứ, hiện tại, vị lai chỉ là một niệm tích tắc thôi, nhưng cũng vào cuộc đời này dùng mọi hình tướng, mọi thời gian, mọi kiếp số mà tu tập các pháp lành.

Chúng ta được duyên may xuất gia, được đầu tròn áo vuông, được học giới luật, học oai nghi phép tắc của mười phương chư Phật, thì mình biết chừng duyên mình rất là sâu. Muốn chừng duyên này được kéo dài, quý thầy ráng làm tất cả việc thiện pháp, tu tập thiện pháp, thu thúc sáu căn, nói lời nhu nhuyễn để thành tựu chủng trí Bát-nhã. Nếu không, quý thầy tu một thời gian sẽ chán không muốn tu nữa vì không có được niềm vui, vị ngọt của chánh pháp.

“Chẳng được cùng người nói cười.”

Nhơn Thiên Bửu Giám nói:

“Một ông Sa-di vào nhà tắm giỡn cười liền mắc báo địa ngục nước sôi.”

Chư Phật, chư Tổ dạy mình vào nhà tắm, chẳng được cùng người nói cười. Nói cười thì trong giờ phút thực tại đó, mình không có chánh niệm.

Trong Sa Di Học Xứ, Tổ Tuyên Luật Sư dạy:

“Cười giỡn chính là các căn phóng dật, thật chẳng biết thân dơ chưa sạch mà tâm dơ đã sanh khởi.”

Điều Tổ dạy ở đây nằm trong lý thiền. Thân dơ mình mới vào nhà tắm, thân chưa sạch mà mình giỡn cười không có chánh niệm, không thu thúc sáu căn, cho nên ngài nói *thân dơ chưa sạch mà tâm dơ đã sanh khởi*.

“Đây đều là do chẳng biết hổ thẹn nên cảm cái quả báo này.”

Có nghĩa là chúng ta tu hành mà không học luật, không học oai nghi phép tắc, thì không biết những cái nhỏ nhặt này.

“Người lúc tắm rửa mỗi mỗi phải nghiêm tịnh tâm mình.”

Trong luật có ghi, vào thời Đức Phật có mười Sa-di đã chứng quả vị A-la-hán nhưng còn tập khí dư thừa, nên khi xuống sông tắm các Sa-di này cười giỡn. Vua Ba-tư-nặc và Mạt-lợi phu nhân đứng trên sân thượng nhìn xuống, thấy vậy vua không còn kính tín Tam bảo nữa: *“Đó, thầy của bà như vậy đó, chứng Thánh quả gì mà còn giỡn cười mất hết oai nghi.”* Vị Sa-di trưởng biết được tâm niệm của vua, sợ vua bị đọa vào ba đường ác vì khinh khi các bậc A-la-hán nên mười vị Sa-di dùng thần túc bay lên hư không trở về Tinh xá. Vua Ba-tư-nặc thấy thế mới khởi tín tâm, rồi cùng Mạt-lợi phu nhân đến bạch Phật mà thưa hết các chuyện. Lúc này Phật mới chế giới vào nhà tắm, hay tắm rửa nơi sông suối không được giỡn cười.

Một hôm Hòa thượng đi kinh hành gặp một thầy mới xuất gia, Hòa thượng hỏi đang nghe băng gì, thầy đó thưa với Hòa thượng là đang nghe băng Hai Mươi Bốn Oai Nghi. Hòa thượng nói Sa-môn mà không có oai nghi phép tắc là coi như bỏ. Chứng tỏ Hòa thượng rất chú trọng về oai nghi phép tắc, giới luật. Chư Tăng bây giờ tu hành đông nhưng mà phần này thiếu sót rất nhiều, người giữ được rất ít. Thành ra ở đây nếu chúng ta có đủ túc duyên, có môi trường tốt, mình giữ được oai nghi phép tắc thì cũng là nền tảng sau này chúng ta thành Phật, tác Tổ.

Trong Dục Đường Cảnh Ngữ nói:

“Chẳng được lấy nước tưới dội qua lại, cũng chẳng được dùng nước hao nhiều.”

Tổ dạy mình, mỗi cái đều kiệm phước để tăng phước điền thì chúng ta tu hành mới chứng quả vị được. Không phải dùng hao nước mới tổn phước, những thứ mình xài trong Tăng đường, chẳng hạn giặt đồ mà lấy xà bông nhiều quá cũng là tổn phước.

Trong Hàng Gia Tập có nói:

“Tuổi thọ là căn bản của phước đức, phước đức là nền tảng của trí huệ. Người mỗi niệm thường tự răn nhắc mình là hạt giống, là mầm mống của trí huệ và phước đức, là nguồn gốc của tuổi thọ vậy.”

Cổ Đức dạy, tuổi thọ là căn bản của phước đức. Người ở ngoài đời dù cho nghiệp sát sanh nhiều, đúng ra bị chết yểu, nhưng họ làm phước, bố thí, cúng dường, phóng sanh thì tuổi thọ cũng tăng lên.

Còn tuổi thọ xuất thế gian là tuổi thọ gì? Có những người sanh ra trong nhà Phật pháp được một năm, hai năm rồi chết. Chết đây không phải là từ bỏ cõi đời này, mà mình không còn tiếp tục tu nữa, gọi là hoàn tục. Mình bỏ nhà xuất thế gian, ra ngoài đời chịu những hoàn cảnh khổ rồi tạo tác nhiều ác pháp, tiếp tục sa đọa trong ba đường ác. Nếu chúng ta không kiem phước đức, không biết tích chứa phước đức nhiều, thì tuổi thọ xuất thế gian tổn giảm.

Vừa rồi, đủ duyên về giỗ Tổ, gặp lại mấy huynh đệ ngày xưa, tôi bất ngờ khi thấy hai, ba người để tóc lại, không còn mặc áo tu nữa. Có người đã tu được bảy tám năm, có người mười năm. Trong cuộc sống tu hành mình để ý những người đó xài phước rất là phung phí. Mình không có thần thông, chứ thấy người tu hành ngày hôm nay, tôi tin chắc rằng Ma Ba Tuần tuyên bố là xuống cõi trần này rồi. Bởi vì người cư sĩ hiện nay, họ sẵn sàng cúng dường để tạo phước điền. Quý thầy cần chiếc xe hai tỉ, họ sẵn sàng cúng, cần chiếc xe ba tỉ, họ sẵn sàng cúng cho quý thầy đi.

Trong kinh điển tả, Tôn giả A-nan thấy vào đời mạt pháp, người cư sĩ đi trên cầu, còn Tăng sĩ thì ở dưới cầu. Sau khi nghe diêm chiêm bao của ngài A-nan, Phật thọ ký như thế này: *“Vào đời mạt pháp chư Tăng không kiem phước đức mà xài rất phung phí nên bị đọa xuống địa ngục. Còn hàng cư sĩ tại gia họ có tín tâm lớn, họ bố thí, cúng dường, họ tích chứa phước đức thì họ đi trên cầu, có nghĩa là họ sanh về những cảnh giới an lạc phúc lành, hạnh phúc trong cõi chư thiên.”*

Ở đây nói tuổi thọ là căn bản của phước đức, cho nên vào nhà tắm, mình xài nước đừng phung phí quá. Tôi thấy có những người vào phòng tắm tắm nửa tiếng đồng hồ chưa xong, mà xối hết thùng này đến thùng khác. Cái thân mình đâu có dơ bao nhiêu, xài như vậy rất là phung phí. Tôi cũng chứng kiến có những thầy xà bông đổ không cần muổng, đổ ào xuống rồi vớt trở lại, bọt xà bông tràn ra khỏi thau. Như vậy là không kiem phước.

Cổ Đức nói:

“Làm phước chẳng bằng quý tiếc phước”

Mình đâu cần làm phước cho nhiều, kiem mấy cái này là cũng đủ rồi. Có những người cúng dường, bố thí rất nhiều nhưng những việc hằng ngày trong cuộc sống tu hành, họ không biết kiem phước. Cổ Đức nói:

“Đa sự bất như thiểu sự, hao sự bất như vô sự.”

Có nghĩa là việc nhiều chẳng bằng ít việc, việc tốt chẳng bằng vô sự. Phước đức là nền tảng của trí huệ, chúng ta phải biết cách kiem phước đức. Trong cuộc sống tu hành, nếu chúng ta không có nhiều phước đức làm nền tảng thì trí huệ không phát sanh.

Ngày xưa, có một người đến hỏi Hòa thượng, trong lúc tu hành chắc chắn sẽ có những nghịch duyên, nghịch cảnh đến với mình. Vậy làm cách gì để vượt thoát. Hòa thượng

nói, chỉ có phước mới trang trải được. Nghe qua đoạn đó tôi không tin. Sau này ra làm Phật sự, những nghịch cảnh khốn cùng đến với mình rồi mình mới thấy đúng là nếu không có phước, chúng ta có thể sẽ không còn tu hành nữa. Nếu có tu hành thì giới thể chúng ta cũng không được thanh tịnh trọn vẹn.

Phước đức là nền tảng của trí huệ. Chẳng hạn quý thầy phạm giới hạnh đó, nhưng phước đức của quý thầy thù thắng quá thì tự nhiên trong giờ phút thực tại đó trí của quý thầy sáng lên, thấy rõ đường đi nước bước cái nào nên làm, cái nào nên giữ, cái nào mình nên thối lui. Rồi nếu chúng ta đủ phước đức, đến giai đoạn này chúng ta sẽ gặp những hoàn cảnh, nghịch cảnh khốn khổ thì tự nhiên đủ duyên, Thầy trụ trì cho quý thầy vào nhập thất. Có cảnh mình mới phạm, không có cảnh thì không phạm. Trong giờ phút ở trong thất đó chúng ta hạ thủ công phu, sám hối, tu tập thì chuyển được nghiệp cho mình.

Các vị Hòa thượng lớn nói, thời này thuận cảnh rất nhiều. Có nghĩa là người ta sẵn sàng cung cấp tứ sự cúng dường cho mình, đó là thuận cảnh. Nhưng nếu chúng ta không khéo tích chứa phước đức thiện pháp, thì sẽ bị tổn giảm không ít. Ngược lại, trong cuộc sống tu hành mà gặp nghịch cảnh, nếu vượt qua được thì tăng trưởng trí huệ Bát-nhã, có năng lực thù thắng đi vào cuộc đời này, có điều phải là bậc thượng căn mới làm được.

Cho nên ở đây nói, người mỗi niệm thường tự nhắc mình là hạt giống, là mầm mống của trí huệ và phước đức. Chẳng hạn, vào nhà tắm mình phải tự nhắc: “Đây là của đàn-na tín thí, một giọt nước cũng không có tiêu.” Nhắc suốt như thế thì tự nhiên trí huệ và phước đức tăng trưởng. Quý thầy bố thí kinh sách, bố thí gạo, đường,... mà mấy cái này mình không giữ thì cũng là bỏ không.

Các ngài nói rất hay:

“Làm phước chẳng bằng quý tiếc phước, sám hối tội chẳng bằng ít lỗi lầm.”

Hằng tháng mình cứ lên sám hối Thầy Trụ trì thì thà mình ít lỗi lầm nó hay hơn. Mình có phước, có đức, có trí huệ thì bảo đảm quý thầy tu suốt cuộc đời trong Đại tạng lâm, không bao giờ có tư tưởng chán lìa tạng lâm. Không chán lìa tạng lâm, quý thầy không bao giờ hoàn tục.

Hồi này, tôi có kể đợt vừa rồi tôi về, gặp một số quý thầy hoàn tục rất nhiều. Hỏi ra toàn là những người nhập thất ở cốc riêng. Hoặc có những người tu hành, giới thể không được thanh tịnh là ở chùa tư một mình, không có đại chúng. Chúng ta giữ giới được thanh tịnh, là nhờ xung quanh đại chúng bảo bọc mình, chứ không phải mình hay gì.

Các bậc tôn túc ngồi lại nói chuyện với nhau, các ngài rất là sợ, các ngài nói thời đại này rất khó tu. Vật chất, dục lạc thế gian xâm nhập vào cửa thiền rất nhiều. Chẳng hạn như các chùa có nơi mở phim ảnh lên coi, rồi ăn uống không tiết độ nữa thì chắc chắn là bị phạm. Bởi vì chưa chứng Thánh, chưa vượt qua những cảnh giới thì bị ma nó dẫn.

Chúng ta được phúc duyên tốt ở đây có đại chúng bao bọc. Tuy rằng có thể kiếp này chưa ngộ đạo, nhưng mà mình tu không chỉ một kiếp này. Ngài Xá-lợi-phất, ngài Mục-kiền-liên, tất cả các vị đại đệ tử của Phật, Đức Phật thọ ký mấy đại, tiểu kiếp mới thành Phật, mà các ngài sau khi nghe thọ ký rồi ai cũng vui mừng.

Có người nói là Phật tâm, Phật tánh thanh tịnh rồi cần gì tích chứa phước đức, tích chứa thiện pháp nữa. Tôi đưa ra thí dụ dễ hình dung nhất: buổi sáng, quý thầy thấy mây mù trên hư không rất nhiều, tuy mây mù chẳng làm nhiễm ô hư không nhưng nó che lấp hư không. Những ác pháp tuy không làm ảnh hưởng đến Phật tâm, Phật tánh nhưng nó bít lấp con đường đi đến giác ngộ và giải thoát. Vì thế, phải tích chứa phước đức và kiệm phước.

Phật, Tổ dạy:

“Người nào thường tưởng đến khi bệnh nặng thì tâm đắm nhiễm trần cảnh dần dần diệt.”

Phật, Tổ dạy, lúc nào cũng quán niệm như vậy thì tâm đắm nhiễm trần cảnh từ từ nó mất.

“Thường tưởng đến lúc chết thì niệm ham thích tu đạo tự nhiên sanh khởi. Nói đến khi đang bệnh nặng sắp chết thì có tướng ngã nào đáng để nương tựa.”

Phật, Tổ dạy, mình quán xét thật sâu để thấy rằng, lúc bệnh nặng thì không còn cái tướng ngã nào để nương tựa nữa. Trong sử kể, khi bệnh ngặt nghèo đến, các Thiền sư hạ thủ công phu. Các ngài quán và nhàm chán thân ngũ uẩn này, trong giờ phút thực tại đó tự nhiên phát huy tâm địa.

“Ngũ dục nào đáng khởi, lòng tham mê danh lợi nào đáng luyến tiếc. Dù có đồ cổ quý hiếm cũng nên bỏ đi. Nếu chẳng nương tựa vào tướng ngã thì tình chấp ngã tự tiêu diệt, chẳng tham ngũ dục thì chẳng có cái tâm phiền não.”

Dẫu cho vật quý nhất chúng ta cũng không đem theo được, nghĩ tới đó thì đạo của mình được phát huy, tăng trưởng. Quý thầy thấy rất rõ, lúc bệnh mình chỉ mong một điều duy nhất là làm sao hết bệnh. Chẳng hạn, mình đi khám bệnh, phát hiện bị ung thư thì lúc đó còn ham thích gì nữa không hay là ráng tu? Nghe nói ung thư giai đoạn cuối, sắp từ giã cõi đời này rồi, chắc chắn không còn ham thích hay tranh cãi gì nữa hết, lúc đó tâm phiền não tự nó dứt.

“Chẳng thích hư danh thế diện thì buông xả dễ dàng. Nếu biết chẳng thể buông bỏ được cổ vật quý hiếm thì cũng chẳng nên vượt quá bốn phận của mình để tìm cầu có nó, dù trước kia đã có cũng nên xả bỏ nó để làm việc phước thiện. Nếu có thể xa lìa được tình chấp, phiền não về bản ngã và ngã sở thì nhìn Tăng Ni hay người thế tục cho đến các loài nhỏ như côn trùng đều là vị Phật ở tương lai.”

Sau khi quán xét thật sâu, biết là không đem theo được gì cả, cho dù là cổ vật quý hiếm thì mình khởi tín tâm làm các việc phước thiện, để tăng trưởng phước đức và trí huệ. Phước đức, trí huệ tăng trưởng thì nhìn từ Tăng Ni, người thế tục, cho đến côn trùng mình cũng đều thấy là vị Phật tương lai hết.

“Đã thấy các loài đều là Phật tương lai thì đối với các loài ta có thể dùng tâm cung kính cúng dường Phật tương lai. Không có việc tốt nào mà không làm được, tất cả những hành động làm tổn hại, phiền não, ngang bướng xúc phạm đến Phật vị lai đều được dùng lại.”

Mình thấy đây là vị Phật tương lai thì mình không dám xúc phạm, không ngang bướng, không phiền não, không làm tổn hại đến vị Phật tương lai đó. Thấy được như thế thì tu hành rất an ổn.

“Thì như thế, nếu phước đức chẳng tăng trưởng, tuổi thọ không lâu dài trái với lời nói của tôi thì tôi sẽ bị đọa địa ngục.”

Ngài khẳng định chắc chắn, ngài sẵn sàng chịu đọa địa ngục nếu lời nói ngài hư dối.

“Nếu chẳng có thể trong tất cả thời, nhớ đến vị Phật vị lai thì trong tất cả thời chẳng hay vun trồng phước đức và trí huệ. Người mà không gieo trồng phước huệ, tuy may mắn sống đến trăm năm rồi cũng chết cùng với cây cỏ, đồng mục nát mà thôi.”

Trong lúc hạ thủ công phu tu hành, chúng ta không làm tất cả các việc thiện pháp, (tức là phước huệ song tu), cho dù sống được trăm năm thì sau khi chết chúng ta cũng đồng mục nát như cây cỏ vậy.

Trong các loài, con người có khả năng định vị hơn, có thể tự quyết định thân phận của mình, có thể tu chuyển phàm thành Thánh được. Mà muốn được chuyển phàm thành Thánh, quý thầy phải phước huệ song tu. Không phải bố thí, cúng dường mới gọi là tạo phước, chỉ cần chúng ta kiềm thôi thì chính đó là phước. Chẳng hạn như xuống nhà bếp thấy dơ, quý thầy lau là mình kiềm phước, mình tăng thêm một ít phước điền. Trong giờ phút thực tại đó, trí huệ tăng trưởng.

“Chẳng nên tắm chỗ khuất. Phàm có ghế lác phải tắm ở sau, hoặc có ghế đáng sợ phải nên quanh lách khỏi gai mắt người. Chẳng được lung ý tắm lâu mích lòng người sau.”

Mình vào nhà tắm, tắm có chừng mực thôi, người sau đứng chờ lâu sanh tâm phiền não không vui.

Kinh Thập Giới nói:

“Chẳng được giặt áo ở trong nhà tắm.”

Tại sao? Giặt áo thì lâu, lâu thì đại chúng chờ, đại chúng chờ khởi tâm phiền não. Phật vị lai mà khởi tâm phiền não là mình tổn phước.

“Cởi áo, mặc áo phải thông thả bình tĩnh, có nghĩa là luôn luôn chánh niệm.”

Chúng ta cởi áo chuẩn bị tắm thì cởi từ từ. Sau khi tắm xong, chúng ta mặc áo cũng thông thả bình tĩnh. Pháp tu chỉ thế thôi, mà có những lúc, chúng ta phát minh được tâm địa cũng là chỗ này.

Trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên có ghi câu chuyện:

Thiền sư Mông Khê hỏi một vị Tăng:

– Thượng tọa ở đâu đến?

Tăng thưa:

– Ở Định Châu đến.

– Định Châu có việc gì kỳ đặc?

Vị Tăng nói:

– Con khi sáng đi qua trong nhà kia chỉ nghe nói muối mắc gạo rẻ, trọn không có việc gì kỳ đặc.

Thiền sư Mông Khê nói:

– Ta trong ấy cũng thế thôi, chỉ là cháo thô, cơm lạt cùng Thiền tăng tùy phần qua thời, cũng không có việc gì kỳ đặc.

Thiền sư lại hỏi:

– Ông hội chăng?

Thì Tăng thưa:

– Con chẳng hội.

– May là ông không hội, nếu ông hội liền bị thâm hết nửa đạo lý.

Muối mắc, gạo rẻ. Rồi cháo thô, cơm lạt, tắm rửa, tiểu tiện,... chỉ là những việc hằng ngày thôi chứ không có gì kỳ đặc hết, mà trong nhà thiền hay nhắc đến chỗ đó. Ngay trong giờ phút thực tại đó, chúng ta luôn luôn chánh niệm, luôn luôn biết rõ con người đang nghe pháp thì có lúc chúng ta phát minh được tâm địa.

Tóm kết bài “Vào Nhà Tắm” này, tôi xin kể một câu chuyện nữa.

Một hôm Hòa thượng Nam Tuyên đi ngang qua nhà tắm, thấy vị trưởng phòng tắm đang đốt lửa nấu nước, Thiền sư hỏi:

– Ông đang làm gì?

Trưởng phòng thưa:

– Nấu nước tắm.

Sư bảo:

– Nhớ gọi con trâu đực đi tắm.

Trưởng phòng đáp:

– Dạ.

Hỏi đâu đáp đó thì quý thầy thấy Thiền sư rồi phải không?

Đến chiều trưởng phòng tắm vào phương trượng.

Sư hỏi:

– Làm gì?

Trưởng phòng tắm thưa:

– Mời con trâu đực đi tắm.

Thiền sư liền bảo:

– Ông đem được dây thừng đến chăng?

Trưởng phòng tắm không đáp được.

Ban đầu thì giống như Thiền sư nhưng khi bị các ngài kiểm điểm thì sao? Người ta nói là đầu voi đuôi chuột, ló cái đuôi ra là mình học lóm thôi. Trưởng phòng tắm nói *mời con trâu đực đi tắm* thì rất là hay, nhưng hỏi *đem được dây thừng đến chăng* thì không biết đường trả lời.

Sau đó Triệu Châu đến thăm hỏi, Sư thuật lại việc trên, Triệu Châu thưa:

– Bạch Hòa thượng! Con có lời để đáp.

Nam Tuyền bèn nói:

– *Đem được dây thừng đến chăng?*

Triệu Châu liền đến gần trước mặt chột nhéo lỗ mũi một cái, ngài Nam Tuyền nói:

– *Phải thì phải mà ông thô quá!*

Nhéo một cái hiện tiền là con trâu đực liền, trong giờ phút thực tại đó ai biết? Quý thầy thấy nhà thiền rất là hay, ở đây mình học qua cho biết thủ thuật của các ngài là trong nhà tắm, hay trong lúc nấu cơm, giã gạo, chẻ củi đều thể hiện đức tính của thiền.

“Khi sắp tắm trước phải tẩy tịnh cho kỹ lưỡng, chẳng được lấy nước tẩy tịnh đổ trong vò tắm.”

Không được lấy nước đã tẩy tịnh đổ trong vò để dùng lại. Phải kỹ lưỡng, sạch sẽ.

Nguồn: Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Bản in: Nhà xuất bản Tôn Giáo

Phiên bản PDF: Thư Viện Hoa Sen